CHARLES EISENSTEIN

KINH TẾ HỌC THIÊNG LIÊNG

Tiền bạc, Quà tặng và Xã hội trong Thời đại chuyển giao

Nhóm dịch: Book Hunter & Unschool

Hiệu đính: Lê Duy Nam & Lê Hải Anh

Nhà xuất bản Đà Nẵng

KINH TẾ HỌC THIÊNG LIÊNG

TIỀN BẠC, QUÀ TẶNG VÀ XÃ HỘI TRONG THỜI ĐẠI CHUYỂN GIAO

CHARLES EISENSTEIN

Lời ngỏ của Book Hunter

Năm 2011, khi bắt đầu thành lập Book Hunter, chúng tôi luôn tìm kiếm cho mình một mô hình hoạt động: Kinh doanh ư? Chắc chắn không! Hoạt động hoàn toàn phi lợi nhuận ư? Vậy thì sẽ rất khó để phát triển bền vững. Đến nay, đã tròn 10 năm hoạt động trong sự cân đối giữa phi lợi nhuận và kinh doanh, chúng tôi đã tìm được cho mình một hệ lý thuyết về kinh tế để tiếp tục tin tưởng rằng con đường mình lựa chọn là đúng đắn.

Ngay từ lần đầu đọc tác phẩm ***Sacred Economics: Money, Gift and Society in the Age of Transition*** của tác giả Charles Eisenstein, chúng tôi đã thốt lên rằng: "Wow, Book Hunter và những người bạn của chúng ta – những người thường xuyên ủng hộ, giúp đỡ, trao đổi sản phẩm… với Book Hunter, dường như đang vận hành theo mô hình kinh tế này." Không chỉ có vậy, chúng tôi nhận ra rằng cách thức vận hành mô hình kinh tế ấy vẫn đang tồn tại, thậm chí còn tồn tại hiệu quả tại một số ngôi làng tại miền Trung Việt Nam.

Đa phần các thành viên trong Book Hunter của chúng tôi đều có gốc gác từ Bắc Trung Bộ và vẫn còn giữ đôi chút liên hệ với làng quê. Tại khu vực này, vẫn tồn tại những ngôi làng mà người dân tại đó dần quay lại với hình thức hàng đổi hàng – một hình thức mà các nhà dân tộc học gọi là "kinh tế quà tặng". Họ chọn lựa quay lại với mô hình "nguyên thủy" này vì mấy lý do: Một là người dân các ngôi làng này cảm thấy lo ngại trước tình trạng thực phẩm kém vệ sinh khó kiểm soát ở chợ. Hai là họ muốn được sử dụng sản phẩm tươi nhất, ngon nhất, theo mùa, với chi phí thấp nhất. Ba là thông qua kinh tế quà tặng, mỗi người dân quê đều gắn bó tình cảm và lợi ích với nhau nhiều hơn. Một nhóm các gia đình chia nhau ra trồng loại cây khác nhau, nuôi gia súc khác nhau, và trao đổi với nhau theo một quy ước riêng.

Tại Hà Nội, nơi chúng tôi sống, dần dần, xuất hiện nhiều nhóm hoạt động vận hành theo cách thức tương tự nhưng với một phiên bản khác, bởi vì không dễ dàng gì để thực hiện hàng đổi hàng tại đô thị. Đa phần, họ là những thương hiệu kinh doanh siêu nhỏ, nhưng làm sản phẩm chất lượng cao và có định hướng phát triển bền vững một cách rõ rệt. Tôi có thể kể ra một vài cái tên như trà Mộc Thanh của chị Nguyễn Dương Anh, nhà rang cà phê đặc sản Bloom Coffee Roastery của anh Phạm Tuấn Anh, nông trại Skyline Farm của chị Bùi Phương Linh… Họ hết mình để tạo sản phẩm tốt nhất, hạn chế tối đa những thứ có thể gây hại cho thiên nhiên và con người, không đặt nặng bài toán tối đa hóa lợi nhuận. Những người tìm đến sản phẩm của họ không phải bởi vì bị mê hoặc bởi các hoạt động truyền thông marketing, mà vì nhận thức được giá trị trong sản phẩm và không tiếc các khoản chi để tưởng thưởng cho công sức lao động. Trong một vài trường hợp đặc biệt, họ không ngần ngại để thực hiện hàng đổi hàng, hoặc hàng đổi lấy kỹ năng, hàng đổi lấy tri thức… Hãy hình dung, không phải chỉ người sản xuất yêu sản phẩm của mình mà chính những người sử dụng cũng yêu sản phẩm ấy, trân trọng giá trị của sản phẩm ấy, không để chúng bị lãng phí. Và tinh thần ấy chính là ý nghĩa thiêng liêng trong cách thức nền kinh tế này vận hành.

Chúng tôi tin rằng những người bạn tìm đến với Book Hunter để đặt một cuốn sách, hay tham gia một khóa học, hay gửi một khoản tiền ủng hộ chúng tôi, hoặc đơn giản là trở thành một Book Hunter chính thức… đều là bởi các bạn thực sự trân trọng những điều chúng tôi mang lại cho bạn. Thậm chí, ngay cả khi các bạn không sử dụng tài chính hay kỹ năng của mình như một món quà để tặng chúng tôi, mà bạn vẫn tiếp nhận được đôi điều hữu ích từ các bài viết đăng tải miễn phí trên website của Book Hunter, thì khi bạn vận dụng chúng để tạo tác những điều tuyệt vời cho thế giới, bằng một cách bí ẩn nào đó, chúng tôi vẫn được thụ hưởng món quà của bạn. Vâng, đó chính xác là cách nền kinh tế thiêng liêng này vận hành.

Có lẽ, tới đây, các bạn sẽ tò mò về cuốn sách. Liệu đây có phải là một cuốn sách đầy lý tưởng về một nền kinh tế hàng đổi hàng trước nay đã bị xem là lạc hậu? Chúng tôi xin khẳng định rằng: không phải. "Kinh tế học thiêng liêng" của Charles Eisenstein là một cuộc khảo sát lí thú về lịch sử tiền tệ từ thời cổ đại, đến tư bản hiện đại, và mới đây là các vấn đề về tiền điện

tử. Dựa trên các công cụ lý thuyết của dân tộc học, kinh tế học… và sự khảo sát chính sách phát triển cũng như thực tiễn, Eisenstein đã mổ xẻ một loạt các vấn đề của nền kinh tế đương đại như tiền điện tử, kinh tế địa phương, phát triển bền vững, sự phục hồi của đồng tiền, các nguy cơ của thói quen chạy đua theo tối đa hóa lợi nhuận… Cuốn sách chắc chắn sẽ thay đổi hoặc chí ít là thách thức "đức tin" của bạn về tiền bạc nói riêng và sở tư hữu nói chung.

Charles Eisenstein đăng tải miễn phí bản tiếng Anh của cuốn sách và cho phép bất cứ ai có thể dịch và giới thiệu phi thương mại. Do đó, anh tặng cho Book Hunter quyền được dịch cuốn sách. Tiếp thu tinh thần của nền kinh tế thiêng liêng, đội ngũ tham gia dịch sách đều không đòi hỏi một số tiền cụ thể cho nhuận bút, và bởi thế, Book Hunter chúng tôi sẽ không ghi giá bán trên mỗi cuốn sách. Thay vì đó, nếu bạn thấy cuốn sách xứng đáng với giá trị như thế nào, các bạn có thể tưởng thưởng đội ngũ dịch thuật và hoạt động vận hành của Book Hunter. Chúng tôi sẽ gửi tặng những món quà của bạn đến đội ngũ dịch cho dù đó là tài chính hay sản phẩm.

Thật thích hợp khi cuốn sách này được hoàn thành vào năm hoạt động thứ 10 của Book Hunter, như một món quà Book Hunter gửi tặng chính mình, tặng những người bạn đã và đang gắn bó, tặng những độc giả mà chúng tôi chưa từng gặp mặt, tặng đất nước Việt Nam đang nỗ lực từng ngày trên chặng đường phát triển kinh tế bền vững, tặng một thế giới đã mang đến cho chúng ta rất nhiều giá trị tốt đẹp, tặng vũ trụ bao la luôn xoay vần trong trật tự bí ẩn của mình…

Và giờ thì, mời các bạn hãy lật giở những trang sau và đọc thật kỹ lưỡng cuốn sách. Nếu bạn cảm thấy các quan điểm kinh tế của Charles Eisenstein có đôi chút giá trị với bạn, thì bạn hãy ứng dụng chúng trong đời sống kinh tế của chúng ta, bắt đầu từ hành vi nhỏ nhất. Đó là cách tốt nhất mà chúng ta tưởng thưởng cho tác giả.

Dành tặng bố mẹ tôi và tất cả những người đã mang tới cho tôi thật nhiều điều mà không hề mong chờ báo đáp.

LỜI NÓI ĐẦU

Tôi mang tới bạn cuốn sách này trên tinh thần tặng quà, tương đồng với đề tài của cuốn sách là đưa các nguyên lý quà tặng vào phạm trù của tiền bạc. Để lý thuyết đi đôi với thức hành, Nhà xuất bản North Atlantic Books và tôi đã lựa chọn hình thức bản quyền Creative Commons, một dạng thỏa thuận cho phép bạn chia sẻ cuốn sách này thoải mái với mục đích phi thương mại. Điều này có nghĩa là bạn có thể sao chép nội dung cuốn sách, đăng lên website cá nhân của bạn… chỉ cần bạn không bán nó hoặc sử dụng nó vì mục đích quảng cáo. Chúng tôi cũng yêu cầu bạn cung cấp đầy đủ thông tin cơ bản về cuốn sách để bất kỳ ai mong muốn tìm kiếm thêm thông tin về các công việc của tôi đều có thể làm được. Bạn có thể tìm hiểu kỹ lưỡng về Creative Commons trên website chính thức của nó.

Một đặc điểm của quà tặng đó là món quà đáp lại không cần phải được cụ thể hóa ngay từ ban đầu. Nếu bạn nhận được hoặc cho đi cuốn sách này một cách miễn phí, chúng tôi hoan nghênh mọi quà tặng mang tính đền đáp một cách tự nguyện và đến từ sự biết ơn hoặc trân trọng giá trị của cuốn sách từ phía bạn. Bạn có thể làm điều này thông qua các trang web có liên kết với tác giả hoặc cuốn sách này.

Suy cho cùng, tôi tự thấy bản thân mình giống với một người quản gia và là kênh truyền cho các ý tưởng của ***Kinh tế học Thiêng liêng***. Đứng trên vai những nhà tư tưởng khổng lồ lừng lẫy hơn bản thân rất nhiều, tôi hấp thu, chuyển hóa và truyền tải các ý tưởng từ những giá trị văn hóa chung của chúng ta. Đó là món quà mà tôi nhận được và sau đó tới lượt tôi trao tặng nó cho bạn. Đây là lý do tại sao từ sâu trong lương tâm, tôi không thể xem bản thân mình là một người sở hữu hợp pháp về mặt đạo đức của những ý tưởng này. Ơn trời, nhà xuất bản của tôi đã dũng cảm thử nghiệm một mô hình quản lý tài sản trí tuệ kiểu mới. Tôi mong chờ có một ngày mà các nghệ sĩ không còn cần phải sử dụng các luật lệ về sở hữu trí tuệ để

khiến cho các tác phẩm của họ trở nên khan hiếm một cách giả tạo, mà vẫn nhận được vô vàn sự đền đáp từ lòng biết ơn của những người cảm nhận tác phẩm của họ.

LỜI GIỚI THIỆU

Mục đích của cuốn sách này là làm cho tiền và nền kinh tế trở nên thiêng liêng như mọi thứ khác trong vũ trụ.

Hiện nay chúng ta thường gán tiền với những thứ trần tục, và chúng ta có lý khi làm việc này. Nếu có bất cứ điều gì thiêng liêng trong thế giới này, đó chắc chắn không phải là tiền. Tiền dường như là kẻ thù của những bản năng tốt đẹp của chúng ta, được minh chứng rõ nhất mỗi khi chúng ta muốn làm điều tốt hoặc muốn trở nên hào phóng thì ý nghĩ *"Mình không thể làm được vì không có tiền"* xen vào và gây trở ngại. Tiền dường như là kẻ thù của cái đẹp. Tiền dường như là kẻ thù của mọi cuộc cải cách xã hội và chính trị chính đáng, khi mà các tập đoàn quyền lực sử dụng tiền nhằm gây ảnh hưởng lên luật pháp theo hướng tăng lợi nhuận của chính mình. Tiền dường như đang hủy diệt trái đất, khi chúng ta tàn phá đại dương, rừng, đất, và mọi loài để nuôi dưỡng lòng tham không giới hạn.

Ít nhất là từ khi Chúa Jesus đuổi những người đổi tiền[1] ra khỏi đền thờ, chúng ta đã cảm thấy rằng có một cái gì đó xấu xa ở tiền bạc. Khi các chính trị gia mải kiếm tiền thay vì phục vụ cho lợi ích cộng đồng, chúng ta nói họ tham nhũng. Các tính từ như "bẩn thỉu" và "dơ dáy" miêu tả tiền một cách tự nhiên. Những người đi tu được cho là không liên quan gì đến tiền: "Bạn không thể phục vụ Thượng Đế và Mammon cùng lúc.[2] Đồng thời, không ai có thể phủ nhận rằng tiền cũng có một phẩm chất huyền bí, một sức mạnh có thể khiến thay đổi hành vi và điều phối hoạt động của con người. Từ thời xa xưa, các nhà tư tưởng đã phải ngạc nhiên trước khả năng của một con dấu trên một miếng kim loại hay một tờ giấy để biến chúng trở thành những vật đầy quyền lực. Thật không may, khi nhìn thế giới xung quanh chúng ta, thật khó để không kết luận rằng ma thuật của tiền bạc là một loại ma thuật quỷ dữ.

Rõ ràng, nếu chúng ta muốn biến tiền thành một cái gì đó thiêng liêng thì một cuộc cách mạng ở quy mô lớn là cần thiết – một sự chuyển hóa về bản chất của tiền. Không chỉ đơn thuần là chúng ta phải thay đổi thái độ của mình về tiền như một số các bậc thầy self-help rao giảng; thay vào đó, chúng ta sẽ tạo ra những loại tiền mới nhằm thể hiện và củng cố thái độ đã được thay đổi đó. *Kinh tế học thiêng liêng* mô tả loại tiền mới này và nền kinh tế mới xoay quanh nó. Nó cũng khám phá sự chuyển hóa về vai trò của con người mà chính vai trò này vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của sự chuyển hóa của tiền. Thái độ đã được thay đổi mà tôi nói đến ở đây đi sâu tới cốt lõi của việc làm người thì có ý nghĩa gì: bao gồm sự hiểu biết của chúng ta về mục đích của cuộc sống, vai trò của con người trên hành tinh này, mối quan hệ của cá nhân với cộng đồng con người và tự nhiên; ngay cả nhận thức thế nào là một cá nhân hay một cái tôi. Rốt cuộc, chúng ta coi tiền bạc (và tài sản) như là sự mở rộng của cái tôi; do đó mới có đại từ sở hữu "của tôi" để mô tả nó, cũng chính là đại từ được sử dụng khi ta nói "tay của tôi" hay "chân của tôi" vậy. Tiền của tôi, xe hơi của tôi, tay của tôi, gan của tôi. Hãy nghĩ tới cảm giác bị xâm phạm khi chúng ta bị cướp, cứ như thể là một phần của chính bản thân chúng ta đã bị cướp đi vậy.

Sự chuyển hóa từ trần tục sang thiêng liêng của tiền – một phần sâu sắc của bản thân chúng ta, một thứ đóng vai trò trung tâm trong hoạt động của thế giới – sẽ có những ảnh hưởng sâu sắc, chắc chắn là như vậy. Nhưng tiền bạc, hay bất cứ thứ gì khác, có tính thiêng liêng nghĩa là như thế nào? Khi xem xét nghĩa quan trọng nhất của tiền, chúng ta có thể xuất phát từ nghĩa trái ngược với tính thiêng liêng. Đã vài nghìn năm, các khái niệm về thiêng liêng, thánh thiện và thần thánh dùng để diễn tả đến những thứ tách biệt với thiên nhiên, thế giới và người trần mắt thịt. Từ ba đến bốn ngàn năm trước, các vị thần bắt đầu rời khỏi các sông, hồ, rừng, và núi để lên trời, trở thành những lãnh chúa của thiên nhiên chứ không còn là bản chất của thiên nhiên nữa. Vì sự thiêng liêng bị tách khỏi thiên nhiên, nên việc tham gia quá sâu vào các vấn đề của thế giới cũng trở nên không còn linh thiêng nữa. Con người đã thay đổi từ một thực thể sống có linh hồn trở thành một thân xác phàm tục, một bình chứa đơn thuần của tinh thần, lên đến cực điểm với trường phái Decartes, chỉ quan sát thế giới nhưng không tham gia, cũng như Thiết kế luận[3] của Newton. Thiêng liêng, theo những trường

phái này, phải là siêu nhiên, phi vật chất. Nếu Thượng Đế tham dự vào thế giới, thì đó là qua các phép lạ – sự can thiệp của Thượng Đế vi phạm hoặc thay thế luật của tự nhiên.

Nghịch lý là, cái thứ xa lạ và trừu tượng được gọi là tinh thần này có vẻ như là thứ làm cho thế giới sống động. Hỏi một người mộ đạo cái gì thay đổi khi một người chết, và cô ấy sẽ nói linh hồn đã rời khỏi thể xác. Hỏi cô ấy ai tạo ra mưa rơi và gió thổi, và cô ấy sẽ nói rằng đó là Thượng Đế. Galileo và Newton dường như đã loại bỏ Thượng Đế ra khỏi những hoạt động hàng ngày của thế giới, thay vào đó họ giải thích thế giới như một sự hoạt động đều đặn của một cỗ máy khổng lồ với khối lượng và sức mạnh phi nhân tính, nhưng dù vậy họ vẫn cần một người chế tạo cỗ máy đó vào buổi ban đầu, để tạo ra vũ trụ với năng lượng dự trữ khổng lồ hoạt động từ đó đến giờ. Quan niệm này hiện giờ vẫn tồn tại với Big Bang, một sự kiện nguyên sơ là khởi nguồn của *negative entropy*[4] tạo ra mọi chuyển động và sự sống. Trong bất kỳ trường hợp nào, khái niệm *tinh thần* của chúng ta là về một cái gì đó tách biệt và không thuộc về thế giới trần tục, nhưng nó có khả năng can thiệp một cách kỳ diệu vào các vấn đề vật chất, và thậm chí nó còn làm cho mọi thứ trở nên sống động và chỉ đạo mọi việc theo một cách đầy bí ẩn.

Thật là mỉa mai và đáng lưu ý khi có một thứ trên hành tinh lại gần gũi nhất với ý niệm kiêng kị của thần thánh là tiền. Nó là một sức mạnh vô hình và bất tử bao quanh và điều khiển tất cả mọi thứ, đầy quyền năng và không giới hạn, một "bàn tay vô hình" khiến cho thế giới hoạt động. Thế nhưng, tiền hiện nay chỉ là một thứ trừu tượng, không hơn những kí hiệu trên một tờ giấy nhưng thường chỉ là những mảnh thông tin (bit) trong máy vi tính. Nó tồn tại trong một phạm trù xa rời khỏi vật chất. Trong phạm trù đó, nó được miễn trừ khỏi những luật lệ quan trọng nhất của thiên nhiên, vì nó không phân hủy và trở về với đất như mọi thứ khác, mà được bảo quản, không thay đổi, trong các kho tiền và các tệp tin máy tính, thậm chí phát triển theo thời gian nhờ vào lãi suất. *Nó mang đặc tính của sự trường tồn và tăng trưởng vĩnh cửu, cả hai điều đó đều phản tự nhiên*. Trong thiên nhiên, vàng là thứ có những tính chất gần nhất với đặc tính này, nó không rỉ, không xỉn đi, cũng không phân rã. Bởi vậy trước đây, vàng đã được sử

dụng như là tiền và như một phép ẩn dụ cho linh hồn thiêng liêng – không hư hỏng và không thay đổi.

Đặc điểm trừu tượng mang tính thần thánh, tách rời khỏi thế giới vật chất, của tiền đạt đến cực điểm trong những năm đầu của thế kỉ 21 khi nền kinh tế tài chính không còn dựa vào nền kinh tế thực mà tự tạo nên một lãnh địa của riêng nó. Khối tài sản khổng lồ của Wall Street đã không còn liên quan đến bất kỳ một sự sản xuất hàng hóa vật chất nào mà tồn tại trong một lãnh địa riêng biệt của nó.

Nhìn xuống từ đỉnh Olympia, các nhà tài chính tự gọi mình là "bậc thầy của vũ trụ", truyền sức mạnh của vị thần mà họ phục vụ để mang lại vận may hoặc rủi ro đến số đông, để di chuyển núi, phá rừng, thay đổi dòng chảy của sông, tạo ra sự trỗi dậy hoặc sụp đổ của các quốc gia. Nhưng tiền bạc nhanh chóng chứng tỏ là nó một vị thần đồng bóng, thất thường. Khi tôi viết những lời này, có vẻ như những nghi lễ ngày càng điên rồ hơn mà các linh mục tài chính sử dụng để xoa dịu thần Tiền đều vô ích. Giống như các giáo sĩ của một tôn giáo đang hấp hối, họ khuyên các tín đồ của mình phải cống hiến nhiều hơn trong khi đổ lỗi cho những rủi ro của họ hoặc là vì tội lỗi (các ông chủ ngân hàng tham lam, những người tiêu dùng vô trách nhiệm) hoặc vì sự trục trặc bí ẩn của Thượng Đế (các thị trường tài chính). Nhưng một số người đã và đang đổ lỗi cho chính các linh mục tài chính này rồi.

Cái mà chúng ta gọi là sự suy thoái có thể được một nền văn hóa sớm hơn xem là *"Thượng Đế bỏ rơi thế giới"*. Tiền đang biến mất, và đi theo đó là một đặc tính khác của tinh thần: *sức mạnh khiến lãnh địa loài người trở nên sống động*. Khi tôi đang viết những điều này, máy móc trên toàn thế giới đang im lìm. Các nhà máy ngưng hoạt động; thiết bị xây dựng chỏng chơ trong vườn, công viên và thư viện đóng cửa dần; và hàng triệu người bị đói và trở thành người vô gia cư trong khi nhiều ngôi nhà không có người ở và thức ăn bị thiu thối tại các nhà kho. Tuy nhiên, tất cả các yếu tố con người và vật chất để xây dựng nhà cửa, phân phối thực phẩm, và vận hành các nhà máy vẫn còn đó. Dường như chỉ có cái gì đó phi vật chất, cái động lực thúc đẩy, là biến mất. *Cái biến mất chính là tiền*. Tiền là cái duy nhất bị thiếu ở đây, nó dường như không có thực (dưới dạng các electron

điện tử) đến mức hầu như ta không thể nói là nó đã từng tồn tại, tuy nhiên nó quyền lực đến mức nếu thiếu nó, hoạt động của con người sẽ bị đình trệ. Đối với cấp độ cá nhân cũng vậy, chúng ta dễ thấy sự thiếu tiền có thể lấy hết động lực sống của một người thế nào. Xét thử một trường hợp điển hình là một người không có việc làm, gần như phá sản, có vẻ như anh ta thật khó có thể đứng dậy khỏi chiếc ghế của mình. Dường như tiền làm cho cả người lẫn máy móc trở nên có sức sống. Thiếu tiền, chúng ta trở nên chán nản.

Chúng ta không nhận ra rằng khái niệm của chúng ta về thần thánh đã thu hút vào nó một vị thần phù hợp với khái niệm đó và cho nó quyền lực tối cao trên trái đất. Bằng cách tách rời linh hồn khỏi xác thân, tinh thần khỏi vật chất, và Thượng Đế khỏi thiên nhiên, chúng ta đã dựng lên một thế lực cai trị nhưng vô hồn, xa lạ, không thiêng liêng và phản tự nhiên. Vì vậy, khi tôi nói về việc làm cho tiền trở nên thiêng liêng, tôi không kêu gọi một đấng gì đó siêu nhiên đến truyền bá tính thiêng liêng vào các thực thể tự nhiên trần tục và trơ lì. Thay vào đó, tôi đang quay ngược thời gian, trở lại thời mà trước khi có sự chia rẽ giữa vật chất và tinh thần, khi sự thiêng liêng là thuộc tính cố hữu của tất cả.

Vậy thiêng liêng là gì? Nó có hai khía cạnh: tính độc đáo và tính kết nối. Một điều thiêng liêng là một thứ đặc biệt và duy nhất. Vì vậy nó vô cùng quý giá; nó không thể thay thế được. Nó không có giá trị tương đương, và do đó không có "giá trị" hữu hạn bởi giá trị chỉ có thể được xác định khi đem ra so sánh. Tiền, giống như tất cả các cách đo lường, là một tiêu chuẩn để so sánh.

Mặc dù nó là duy nhất, nhưng cái thiêng liêng vẫn không thể tách rời khỏi tất cả những gì đã tạo ra nó, khỏi lịch sử của nó, và cũng không tách rời khỏi vị trí của nó trong ma trận của tất cả mọi sự hiện hữu. Bây giờ bạn có thể nghĩ rằng thực sự mọi thứ và mọi mối quan hệ là thiêng liêng. Điều đó có thể đúng, nhưng mặc dù về mặt trí tuệ chúng ta có thể tin là như thế, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng cảm thấy thế. Chúng ta cảm thấy có một số điều thiêng liêng, một số điều khác thì không. Những thứ khiến chúng ta cảm thấy thiêng liêng, chúng ta tôn thờ chúng và mục đích tối

thượng của những điều thiêng liêng là nhắc nhở chúng ta về sự thiêng liêng của *vạn vật*.

Hiện tại chúng ta sống trong một thế giới đã bị tách khỏi tính thiêng liêng của nó, bởi vậy nên rất ít điều thực sự cho chúng ta cảm giác được sống trong một thế giới thiêng liêng. Các sản phẩm được sản xuất hàng loạt, các mặt hàng được chuẩn hóa, những ngôi nhà giống hệt nhau, các gói thực phẩm giống hệt nhau và các mối quan hệ ẩn danh với các cơ quan chức năng, tất cả đều phủ nhận tính độc đáo của thế giới. Nguồn gốc xa xôi của các đồ vật mà ta sở hữu, sự ẩn danh trong mối quan hệ, sự thiếu vắng của những hậu quả có thể trông thấy được trong việc sản xuất và tiêu hủy hàng hóa, tất cả đều phủ nhận tính kết nối. Vì vậy, chúng ta sống mà không có trải nghiệm sự thiêng liêng. Tất nhiên, trong tất cả những thứ từ chối tính độc đáo và tính kết nối, tiền luôn đi đầu. Bản thân ý tưởng về đồng xu thì đã bắt nguồn từ mục tiêu chuẩn hóa, sao cho mỗi đồng drachma, mỗi đồng stater, mỗi đồng shekel và mỗi đồng Nhân dân tệ đều có chức năng giống nhau. Hơn nữa, khi nó là một phương tiện phổ quát và trừu tượng cho việc trao đổi, tiền li khai khỏi nguồn gốc của nó, tách biệt khỏi sự liên kết của nó với vật chất. Một đồng đô la luôn là một đồng đô la, không quan trọng là ai đưa nó cho bạn. Chúng ta sẽ nghĩ rằng một người nào đó thật "trẻ con" khi họ gửi một khoản tiền vào ngân hàng và rút ra một tháng sau đó và phàn nàn rằng: "Này này, đây không phải là những đồng tiền tôi đã gửi! Đây là những tờ tiền khác!"

Theo mặc định, cuộc sống được tiền tệ hóa là một cuộc sống trần tục, vì tiền bạc và những thứ nó mua được thiếu tính thiêng liêng. Một quả cà chua mua ở siêu thị và một quả được trồng trong vườn của người hàng xóm và đem sang cho tôi thì khác nhau thế nào? Một ngôi nhà được xây dựng sẵn và một ngôi nhà được xây dựng bởi một người hiểu tôi và hiểu cuộc đời tôi với sự tham gia trực tiếp của tôi thì khác nhau thế nào? Sự khác biệt cơ bản phát sinh từ các mối quan hệ cụ thể kết hợp tính duy nhất của người cho và người nhận. Khi cuộc sống đầy những điều như vậy, được thực hiện với cái tâm, kết nối bởi mạng lưới các câu truyện gắn liền với con người và nơi chốn mà chúng ta biết, thì đó là một cuộc sống phong phú, một cuộc sống mang tính nuôi dưỡng. Hiện nay chúng ta đang sống dưới một chướng ngại vật của sự giống nhau, của sự thiếu cá tính. Ngay cả

các sản phẩm làm theo yêu cầu, nếu được sản xuất hàng loạt, cũng chỉ cung cấp một vài hoán vị của các khối tiêu chuẩn giống nhau. Sự giống nhau này giết chết linh hồn và làm cho cuộc sống trở nên rẻ mạt.

Sự hiện diện của điều thiêng liêng giống như một sự trở về nhà, ngôi nhà mà từ trước tới nay vẫn luôn ở đó, và về với sự thật, một sự thật vẫn luôn tồn tại. Nó diễn ra khi tôi quan sát một con côn trùng hay một cái cây, nghe bản giao hưởng của những chú chim hay tiếng kêu của những con ếch, cảm nhận bùn giữa các kẽ ngón chân, chăm chú ngắm nhìn một đối tượng được tạo tác đẹp đẽ, hiểu được sự hoạt động phức tạp đến mức khó tin của một tế bào hoặc một hệ sinh thái, chứng kiến sự đồng bộ hoặc các biểu tượng trong cuộc sống của bản thân tôi, ngắm những đứa trẻ hạnh phúc chơi đùa, hay cảm động vì một tác phẩm của một thiên tài. Những trải nghiệm đó dù phi thường, nhưng chúng không tách biệt khỏi phần còn lại của cuộc sống. Mà quả thực, sức mạnh của chúng đến từ sự thoáng hiện của một thế giới thực hơn, một thế giới thiêng liêng là nền tảng của thế giới của chúng ta.

Vậy cái "ngôi nhà vẫn luôn ở đó", cái "sự thật vẫn luôn tồn tại" đó là cái gì? Đó là chân lý về sự hợp nhất hoặc sự kết nối của tất cả mọi vật hiện hữu, và cảm giác rằng chúng ta đang tham dự vào một điều gì đó lớn lao hơn cả bản thân chúng ta, nhưng đồng thời cũng chính là chúng ta. Trong sinh thái học, đó là *nguyên tắc phụ thuộc lẫn nhau:* rằng tất cả mọi loài phải phụ thuộc vào những loài khác xung quanh nó thì mới sống sót được, các mối liên hệ giữa các loài vươn xa hơn rồi bao trùm toàn bộ hành tinh. Sự tuyệt chủng của bất kì loài nào cũng đều dẫn đến sự mất đi tính toàn vẹn, sức khỏe và bản thể của chính chúng ta; một điều gì đó thuộc về sự tồn tại của chính chúng ta đã mất.

Nếu cái thiêng liêng là cửa ngõ dẫn tới sự hợp nhất cơ bản của vạn vật, thì nó cũng đồng thời là cửa ngõ dẫn tới tính độc đáo và sự đặc biệt của mỗi cá thể. Một cá thể thiêng liêng là độc nhất vô nhị, nó mang theo bản thân tính duy nhất không thể bị thuyên giảm thành một nhóm có đặc điểm chung nhất nào đó. Đó là lí do vì sao khoa học rút gọn[5] dường như tước đi tính thiêng liêng của thế giới, vì tất cả mọi thứ đều bị biến thành một tổ hợp này hoặc tổ hợp khác của một số những thành phần chung nhất nào đó. Quan niệm này phản chiếu hệ thống kinh tế của chúng ta, bản thân nó bao

gồm các mặt hàng, các mô tả công việc, các quy trình, các dữ liệu, đầu ra và đầu vào được chuẩn hóa, và – cái thứ chung nhất, cao hơn tất cả – tiền, một sự trừu tượng tột đỉnh. Trước đây mọi việc không như thế. Những người sống theo bộ lạc nhìn nhận mỗi sinh vật không phải chỉ là một thành viên của một hạng mục mà là một cá thể duy nhất. Ngay cả hòn đá, đám mây mà những giọt nước tưởng như giống nhau cũng được coi là những sinh vật có tri giác và duy nhất. Các sản phẩm được làm ra bởi bàn tay con người cũng là độc nhất, nó mang theo mình những cái không đồng đều đặc trưng của người làm ra nó. Đây chính là mối liên kết giữa hai đặc điểm của sự thiêng liêng là tính độc đáo và tính kết nối: những đồ vật độc nhất mang theo dấu ấn khởi nguyên của nó, mang theo vị trí duy nhất của nó trong ma trận những sự vật hiện hữu, sự phụ thuộc của nó vào những phần còn lại của quá trình sáng tạo. Những đồ vật và hàng hóa được chuẩn hóa thì đều giống nhau và bởi vậy không gắn liền với các mối liên hệ.

Trong cuốn sách này tôi sẽ mô tả một tầm nhìn cho một hệ thống tiền tệ và một nền kinh tế thiêng liêng, là hiện thân của tính duy nhất và tính liên kết với nhau của tất cả mọi sự vật. Nó sẽ không bị tách rời, trên thực tiễn hay trong nhận thức, khỏi ma trận tự nhiên làm nền tảng cho nó.

Nó hợp nhất con người với thiên nhiên – hai phạm trù bị tách rời đã lâu; nó là sự mở rộng của sinh thái học – tuân theo tất cả mọi quy luật của sinh thái học và mang theo mọi vẻ đẹp của sinh thái học.

Trong mỗi thiết chế của nền văn minh loài người, bất kể xấu xí hay thối nát thế nào, vẫn luôn có phôi thai của một điều đẹp đẽ: cùng một nốt nhạc nhưng ở một quãng cao hơn. Tiền cũng không ngoại lệ. Mục đích ban đầu của nó chỉ đơn giản là kết nối những món quà của con người với nhu cầu của con người, để tất cả chúng ta có thể sống trong sự sung túc hơn. *Làm thế nào mà tiền đã tạo ra sự khan hiếm thay vì sự dồi dào, sự tách biệt thay vì sự kết nối, là một trong những chủ đề của cuốn sách này*. Tuy vậy, dù nó đã biến chất, trong lý tưởng ban đầu của tiền như là một đại diện của món quà, chúng ta có thể thoáng nhìn thấy một cái gì đó mà trong tương lai sẽ khiến nó trở nên thiêng liêng trở lại. Chúng ta công nhận việc trao đổi quà tặng là một cơ hội thiêng liêng, đó là lý do tại sao chúng ta tự nguyện thực hiện một buổi lễ khi trao quà tặng. Do đó, tiền thiêng liêng sẽ là một

phương tiện để cho đi, là phương tiện để mang tinh thần của quà tặng thấm vào nền kinh tế toàn cầu, cái tinh thần đó đã chi phối các nền văn hóa bộ tộc và làng xã và vẫn đang hiện diện ở bất kì nơi nào mà mọi người làm việc gì đó cho nhau bên ngoài nền kinh tế tiền bạc.

Kinh tế học thiêng liêng mô tả tương lai này và đồng thời đưa ra những phương án thực tế để tiến tới tương lai đó. Từ lâu tôi đã trở nên mệt mỏi khi đọc những cuốn sách chỉ phê phán một vài khía cạnh của xã hội mà không đưa ra được một phương thức thay thế tích cực. Rồi tôi cũng trở nên mệt mỏi khi đọc những cuốn sách đưa ra những cách thức lạc quan thái quá đến mức bất khả thi: "Chúng ta phải cắt giảm 90% lượng khí thải CO_2." Tôi cũng trở nên mệt mỏi với những cuốn sách đưa ra những cách thức hợp lí nhưng không miêu tả những điều mà cá nhân tôi có thể thực hiện để tạo ra nó. *Kinh tế học thiêng liêng* làm việc trên cả bốn cấp độ này: nó đưa ra phân tích cơ bản về điều gì đã khiến tiền trở nên lệch lạc; nó mô tả một thế giới tốt đẹp hơn dựa trên một loại tiền tệ và nền kinh tế khác; nó giải thích những hoạt động tập thể cần thiết để tạo ra thế giới đó và các phương thức cụ thể để hiện thực hóa chúng; và nó đi vào khám phá cách mà các cá nhân có thể thay đổi thế giới, sự thay đổi trong căn tính và hiện hữu mà tôi gọi là *"sống trong tinh thần quà tặng."*

Chuyển hóa tiền không phải là thuốc chữa bách bệnh cho các căn bệnh của thế giới, cũng không nên được ưu tiên hơn các hoạt động xã hội khác. Chỉ mỗi việc sắp xếp lại các bit trong các máy tính sẽ không xóa bỏ được những thiệt hại thực tế về vật chất và xã hội trên hành tinh của chúng ta. Tuy nhiên, công việc chữa lành cũng sẽ không đạt được hiệu quả ở bất kì lĩnh vực nào nếu không có sự chuyển hóa tương ứng của tiền tệ, vì tiền đã len lỏi sâu vào các thiết chế xã hội và thói quen sinh hoạt của chúng ta. Những thay đổi về mặt kinh tế mà tôi miêu tả là một phần của một sự thay đổi lớn lao, một sự thay đổi bao trùm lên tất cả các khía cạnh của cuộc sống.

Nhân loại đang chỉ mới bắt đầu thức tỉnh trước sự trầm trọng của cuộc khủng hoảng đang xảy ra. Nếu sự chuyển hóa về kinh tế mà tôi miêu tả có vẻ kỳ diệu, thì đó là bởi vì chỉ có một phép lạ mới có thể chữa lành được thế giới. Ở tất cả mọi lĩnh vực, từ tiền tệ đến chữa lành hệ sinh thái đến

chính trị đến công nghệ đến y tế, chúng ta cần những giải pháp vượt quá những giới hạn khả thi hiện tại. Thật may là, khi thế giới cũ tan vỡ, chúng ta biết rằng giới hạn của những điều khả thi sẽ nới rộng ra, và theo với nó là sự mở rộng của lòng dũng cảm cũng như sự sẵn sàng hành động của chúng. Sự hội tụ của các cuộc khủng hoảng hiện tại – trong lĩnh vực tiền tệ, năng lượng, giáo dục, y tế, nước, đất, khí hậu, chính trị, môi trường, và nhiều nữa – là một cuộc khủng hoảng sẽ đưa chúng ta bước sang một cuộc sống mới, một thế giới mới. Chúng ta không thể ngăn những cuộc khủng hoảng này thâm nhập vào đời sống cá nhân, và thế giới của chúng ta sẽ sụp đổ, chúng ta sẽ bước vào một thế giới mới, với một căn tính mới. Đây là lí do tại sao nhiều người cảm thấy có một ý nghĩa tâm linh nào đó đằng sau cuộc khủng hoảng trên hành tinh của chúng ta, thậm chí ngay cả trong cuộc khủng hoảng kinh tế. Chúng ta cảm thấy rằng "bình thường" sẽ không quay trở lại, rằng chúng ta sẽ được tái sinh vào một cái bình thường mới: một kiểu xã hội mới, một mối quan hệ mới với trái đất, một trải nghiệm làm người mới.

Tôi cống hiến toàn bộ sự lao động của tôi cho một thế giới tốt đẹp hơn mà trái tim của chúng ta biết nó có thể tồn tại. Tôi nói "trái tim" của chúng ta bởi vì lý trí của chúng ta đôi lúc nói rằng thế giới đó không thể tồn tại. Lý trí của chúng ta luôn nghi ngờ và cho rằng mọi việc sẽ khó mà khác với những gì kinh nghiệm đã dạy chúng ta. Có thể bạn cảm thấy ngờ vực, coi thường, hoặc thất vọng khi bạn đọc mô tả của tôi về một nền kinh tế thiêng liêng. Có thể bạn cảm thấy muốn bỏ qua lời của tôi vì cho rằng nó lí tưởng đến mức vô vọng. Bản thân tôi cũng từng muốn giảm nhẹ những lời mô tả của mình, để khiến nó trở nên hợp lí hơn, có trách nhiệm hơn, phù hợp hơn với những kì vọng nhỏ nhoi của chúng ta về cuộc sống và về thế giới. Nhưng nếu giảm nhẹ như thế thì sẽ không nói lên được sự thật.

Tôi sẽ dùng những công cụ của lý trí để nói lên những điều trong trái tim tôi. Trong tim tôi, tôi biết rằng chúng ta có thể kiến tạo nên một nền kinh tế và một xã hội đẹp đẽ như thế, và điều gì kém hơn thế thì đều không xứng đáng phải bận tâm. Không lẽ chúng ta đã tuyệt vọng đến mức không thể mong cầu được một thế giới thiêng liêng?

PHẦN I:
KINH TẾ HỌC CỦA CHIA CẮT

Tất cả các cuộc khủng hoảng hiện tại đều xuất phát từ một cái gốc rễ chung mà chúng ta có thể gọi là Chia cắt. Nó có nhiều hình thái khác nhau – sự chia cắt giữa con người và thiên nhiên, sự tan rã của cộng đồng, sự phân chia thực tại thành vật chất và tinh thần – Chia cắt có mặt ở khắp mọi khía cạnh của nền văn minh của chúng ta. Nó không bền vững bởi nó đang tạo ra các cuộc khủng hoảng ngày càng lớn mà chính những cuộc khủng hoảng đó đang đưa chúng ta vào một kỉ nguyên mới, kỉ nguyên của Hợp nhất.

Chia cắt không phải là một thực tại cuối cùng, mà chỉ là một phóng chiếu con người, một hệ tư tưởng, một câu chuyện. Cũng như trong tất cả các nền văn hóa, câu chuyện về con người của chúng ta có hai phần liên quan mật thiết tới nhau: Câu chuyện về cái Tôi, và Câu chuyện về Thế giới. Câu chuyện đầu tiên là về một cái tôi tách biệt và khôn ngoan: một bong bóng tâm lí, một linh hồn bị đóng kín trong xác thịt, một kiểu hình[1] sinh học được chỉ huy bởi các gen của chính nó để tìm kiếm tư lợi duy trì nòi giống, một tác nhân có lí trí tìm kiếm tư lợi kinh tế, một nhà quan sát vật lý đang ngắm nhìn một vũ trụ tách biệt ở bên ngoài, một ý thức bị giam cầm trong thân xác. Câu chuyện thứ hai là câu chuyện về Thăng tiến (Ascent): rằng nhân loại, xuất thân từ một trạng thái ngu dốt và yếu ớt, đang nắm lấy các sức mạnh của thiên nhiên và khám phá ra những bí mật của vũ trụ, tiến thẳng tới định mệnh của mình là làm chủ hoàn toàn và siêu việt hơn cả thiên nhiên. Đó là một câu chuyện về sự chia cắt của con người khỏi thiên nhiên, trong đó con người ngày càng lớn mạnh còn thiên nhiên thì dần dần bị biến thành các nguồn tài nguyên, hàng hóa, tài sản, và cuối cùng là tiền.

Tiền là một hệ thống các thỏa thuận, ý nghĩa, và biểu tượng mang tính xã hội được phát triển theo thời gian. Nói tóm lại, nó là một câu chuyện, tồn

tại trong xã hội cùng với những thứ khác như luật pháp, quốc gia, tổ chức, lịch và thời gian, tôn giáo và khoa học. Các câu chuyện đều có sức mạnh sáng tạo khủng khiếp. Thông qua chúng, chúng ta điều phối hoạt động của con người, tập trung sự chú ý và mục đích, vạch rõ các vai trò, và nhận biết điều gì là quan trọng, thậm chí điều gì là thật. Các câu chuyện khiến cho cuộc sống có ý nghĩa và có mục đích và vì vậy thúc đẩy hành động. Tiền là một yếu tố quan trọng trong câu chuyện về Chia cắt – câu chuyện làm nên nền văn minh của chúng ta.

Phần I của Kinh tế học Thiêng liêng làm sáng tỏ hệ thống kinh tế phát sinh trên nền tảng là câu chuyện về Sự Chia cắt. Sự vô danh tính, không nhân cách, phân cực giàu nghèo, tăng tưởng vô tận, cưỡng đoạt hệ sinh thái, hỗn loạn xã hội, và những khủng hoảng không thể cứu rỗi được dựng lên trong hệ thống kinh tế của chúng ta sâu sắc tới mức nếu không có một sự chuyển hóa trong câu chuyện của loài người thì không có gì có thể cứu vãn được thế giới hiện tại. Mục đích của tôi là bằng cách nhận diện những điểm đặc trưng cốt lõi của nền kinh tế dựa trên Chia cắt, chúng ta có thể có thêm sức mạnh để hình dung ra một nền kinh tế dựa trên Hợp nhất, một nền kinh tế có khả năng phục hồi sự toàn vẹn những vết rạn nứt của các cộng đồng, các mối quan hệ, các nền văn hóa, các hệ sinh thái và hành tinh.

CHƯƠNG 1:
THẾ GIỚI QUÀ TẶNG

Kể cả sau từng ấy thời gian

Mặt trời không bao giờ nói với trái đất, "Bạn nợ Tôi"

Hãy nhìn xem điều gì xảy ra Với một tình yêu như thế, Nó thắp sáng cả Bầu Trời.

– Hafiz

Ban đầu là Món Quà.

Chúng ta sinh là những đứa trẻ sơ sinh yếu đuối, những sinh vật thuần túy chỉ biết nhận mà có rất ít để cho đi, tuy vậy chúng ta được nuôi dưỡng, được bảo vệ, được ôm ấp và vỗ về dù chưa làm bất kì điều gì để xứng đáng được như vậy, dù chẳng có gì để đổi lấy những điều đó. Sự trải nghiệm này, như nhau đối với tất cả mọi người đã trải qua thời ấu thơ, cho chúng ta biết vài điều về bản năng tâm linh sâu sắc nhất của mình. Cuộc sống của chúng ta được ban cho chúng ta; bởi vậy, trạng thái mặc định của chúng ta là biết ơn. Đó là chân lí của sự tồn tại của chúng ta.

Kể cả nếu bạn đã có một tuổi thơ khủng khiếp, nếu bạn đang đọc những dòng chữ này, ít nhất bạn đã được cho đủ để sống tới lúc trưởng thành. Trong những năm đầu đời, không có điều gì trong trải nghiệm này là do bạn tự kiếm hay tự tạo ra cả. Tất cả đều là một Món Quà. Hãy thử tưởng tượng bây giờ bạn bước ra khỏi nhà và đâm đầu vào một thế giới xa lạ và bạn hoàn toàn yếu ớt, bạn không thể tự kiếm ăn hay kiếm quần áo để mặc, không thể điều khiển được chân tay mình, thậm chí không thể phân biệt nơi đâu cơ thể bạn kết thúc và đâu là khởi đầu của thế giới bên ngoài. Rồi

có một sinh vật khổng lồ đến và ôm bạn, cho bạn ăn, chăm sóc bạn, và yêu thương bạn. Như thế thì bạn có thấy biết ơn hay không?

Trong những thời khắc sáng suốt, có thể là sau một cú suýt chết, hoặc khi tiễn một người về thế giới bên kia, chúng ta biết rằng bản thân sự sống là một món quà. Chúng ta trải nghiệm một sự biết ơn to lớn vì được sống. Chúng ta bước đi trong sự kinh ngạc trước sự màu nhiệm của cuộc sống: niềm vui được thở, sự thích thú trước các màu sắc và âm thanh, niềm hạnh phúc khi được uống nước để làm tan cơn khát, sự ngọt ngào của khuôn mặt một người thân yêu. Cái cảm giác lẫn lộn giữa lòng kính phục và lòng biết ơn này là một dấu hiệu chắc chắn về sự tồn tại của những điều thiêng liêng.

Chúng ta cảm thấy sự tôn kính và lòng biết ơn tương tự khi chúng ta thấy được sự tuyệt diệu của thiên nhiên, tính phức tạp và trật tự kì diệu của một hệ sinh thái, một sinh vật, một tế bào. Chúng hoàn hảo một cách khó tin, vượt xa những gì mà tâm trí ta có thể tưởng tượng, có thể tạo nên, thậm chí có thể hiểu dù chỉ một phần nhỏ xíu của chúng. Tuy vậy chúng đang tồn tại, mà không phải do chúng ta tạo nên: cả một thế giới để bao bọc và nuôi sống chúng ta. Chúng ta không cần phải hiểu chính xác cách mà một hạt giống nảy mầm và lớn lên; chúng ta không cần can thiệp để khiến điều đó xảy ra. Đến tận bây giờ, sự hoạt động của một tế bào, một sinh vật, một hệ sinh thái vẫn còn là một điều bí ẩn. Chúng ta không cần điều khiển nó, cũng không cần hiểu nó hoạt động ra sao, nhưng chúng ta vẫn được nhận hoa trái của thiên nhiên. Bạn có thể tưởng tượng được sự kinh ngạc và lòng biết ơn của tổ tiên của chúng ta khi họ cảm thấy không xứng đáng với những gì mà thế giới ban tặng cho họ một cách hào phóng như vậy không?

Không lạ gì khi những nhà tư tưởng tôn giáo xưa kia nói rằng Thượng Đế đã tạo nên thế giới, và không lạ gì khi họ nói Thượng Đế ban tặng thế giới cho chúng ta. Câu đầu tiên thể hiện lòng khiêm tốn, câu thứ hai thể hiện lòng biết ơn. Thật đáng buồn là, sau này các nhà thần học lại bóp méo điều này thành "Thượng Đế cho chúng ta thế giới để chúng ta khai thác, bóc lột và thống trị." Diễn giải như vậy là trái ngược với tinh thần của nhận thức ban đầu. Lòng khiêm tốn biết rằng Món Quà này vượt xa khỏi khả năng

kiểm soát của chúng ta. Sự tri ân biết rằng chúng ta tôn vinh hoặc làm ô danh người tặng quà thông qua cách chúng ta sử dụng món quà.

Ngành vũ trụ học hiện đại cũng khẳng định sự hình thành của vũ trụ như một món quà. Chẳng phải Big Bang là cái gì đó (thậm chí là tất cả) từ không gì cả còn gì?[2] Cảm giác này được củng cố bởi việc kiểm tra kĩ hơn các hằng số vật lý khác nhau (tốc độ ánh sáng, khối lượng electron, sức mạnh tương đối của bốn lực cơ bản, v.v.), bằng một cách không thể giải thích được, tất cả đều có những giá trị chính xác cần thiết cho một vũ trụ chứa vật chất, các ngôi sao và sự sống. Như thể cả vũ trụ được xây dựng cho chúng ta, để chúng ta có thể tồn tại.

Ban đầu là Món Quà: trong sự khởi đầu nguyên thủy của thế giới, vào thời điểm bắt đầu của sự sống, và trong giai đoạn trứng nước của loài người. Vì vậy, lòng biết ơn là điều tự nhiên đối với chúng ta. Nó rất căn bản, rất mãnh liệt đến mức rất khó để cắt nghĩa. Có lẽ đó là *cảm giác một khi đã nhận được một món quà, thì chúng ta sẽ nảy sinh mong muốn đáp trả*. Do đó chúng ta có thể suy ra rằng những người nguyên thủy, được kết nối với lòng biết ơn ban đầu này, thể hiện nó trong các mối quan hệ xã hội và kinh tế của họ. Thật vậy, họ đã làm như thế. Hầu hết tài liệu về lịch sử tiền tệ bắt đầu với sự đổi chác ban sơ, nhưng sự đổi chác khá hiếm hoi giữa những người săn bắt hái lượm. Phương thức trao đổi kinh tế quan trọng nhất là tặng quà.

Mặc dù rất căn bản, lòng biết ơn và sự hào phóng xuất phát từ đó cùng tồn tại với những khía cạnh khác – kém đẹp đẽ hơn – của bản tính con người. Tôi tin vào tính thần thánh căn bản của loài người, nhưng tôi cũng nhận ra rằng chúng ta đã dấn thân vào một sự chia cắt khỏi tính thần thánh đó đã lâu và đã tạo ra một thế giới mà ở đó những người nhẫn tâm và tàn bạo vươn lên nắm lấy của cải và quyền lực. Cuốn sách này không giả vờ là những người đó không tồn tại, cũng như giả vờ rằng xu hướng đó không tồn tại trong mỗi con người. Thay vào đó, nó mong muốn làm thức dậy tinh thần của Món Quà đang ngủ trong chúng ta, và tạo dựng nên những tổ chức là hiện thân của tinh thần đó và khuyến khích nó phát triển. Hệ thống kinh tế hiện nay trao thưởng cho sự ích kỉ và lòng tham. Một hệ thống kinh

tế mà trao thưởng cho sự hào phóng, giống như trong các nền văn hóa cổ xưa, thì sẽ như thế nào?

Hãy bắt đầu bằng cách hiểu rõ hơn về cơ chế của quà tặng. Tôi đã nhắc đến vấn đề *trao đổi* kinh tế ở trên, nhưng nói chung đó không phải là một cách mô tả chính xác về cộng đồng sống trên nguyên tắc quà tặng. *Sự lưu thông* là một lựa chọn từ tốt hơn. Ngày nay chúng ta thường trao đổi quà cho nhau, nhưng trao đổi quà chính là một bước tiến tới sự đổi chác. Trong các cộng đồng cổ xưa, việc trao tặng quà được chi phối bởi các phong tục phức tạp, những phong tục này vẫn còn tồn tại ngày nay trong các xã hội không hoàn toàn bị mất liên kết với quá khứ. Thông thường các mạng lưới quà tặng gắn liền với mạng lưới họ hàng huyết thống. Các phong tục chỉ định ai cho người nào. Bạn được kì vọng là phải cho đi với một số người; với một số người khác bạn có thể mong đợi được nhận từ họ; và trong những trường hợp khác quà sẽ được trao đổi qua lại cả hai chiều.

Mặc dù quà tặng có thể mang tính qua lại, nhưng nó cũng thường xuyên quay vòng. Tôi cho bạn, bạn cho người khác… và cuối cùng ai đó lại cho tôi. Một ví dụ nổi tiếng là hệ thống *kula* của những người dân đảo Trobriand (quần đảo phía Đông bờ biển New Guinea thuộc quốc gia Papua New Guinea), ở đó vòng cổ được trao tặng theo một hướng từ đảo này sang đảo khác, và vòng tay thì được trao tặng theo hướng ngược lại. Nhà nhân chủng học Bronislaw Malinowski đã miêu tả một cách kỹ lưỡng rằng *kula* – có nghĩa là vòng tròn – là mấu chốt của một hệ thống quà tặng rộng lớn và của những trao đổi kinh tế khác. Marcel Mauss miêu tả nó như sau:

> *"Hệ thống trao đổi quà tặng thấm sâu trong mọi ngóc ngách của cuộc sống kinh tế, bộ lạc và đạo đức của người Trobriand. Cuộc sống của họ "thấm nhuần" nguyên tắc này, như cách Malinowski đã mô tả một cách xúc tích.*
>
> *Luôn luôn là "cho đi và nhận lại." Quá trình này được đánh dấu bởi dòng chảy liên tục theo tất cả các hướng của quà tặng được cho đi, chấp nhận, và đáp trả."*[3]

Mặc dù cực điểm của hệ thống *kula* là sự trao đổi mang tính nghi lễ cao của các loại vòng tay và vòng cổ giữa các tộc trưởng, nhưng mạng lưới quà tặng bao quanh nó mở rộng ra với mọi món đồ hữu dụng khác, kể cả thực phẩm, tàu thuyền, sức lao động, và hơn thế nữa. Sự đổi chác sòng phẳng, theo Mauss, là không bình thường. "Thường thường, kể cả khi một món quà đã được trao tặng thì nó cũng không được giữ mãi bởi người nhận, trừ khi nếu không có nó thì người đó không làm gì được." Nói theo cách khác, các món quà lưu chuyển liên tục, chúng chỉ dừng lại khi có người không thể làm nếu thiếu chúng.[4] Sau đây là sự miêu tả về nguyên tắc quà tặng của Lewis Hyde:

> *"Món quà di chuyển đến nơi không có gì. Khi nó di chuyển trong vòng trao đổi, nó đi đến với người trắng tay lâu nhất và nếu có ai đó ở nơi khác cần đến nó hơn thì nó sẽ tiếp tục hành trình của mình và đến với người đó. Sự hào phóng của chúng ta có thể làm cho chúng ta trắng tay, nhưng chính trắng tay của chúng ta đó lại nhẹ nhàng thu hút cái toàn thể cho tới khi những món quà đang di chuyển đến bù đắp cho chúng ta. Trật tự tự nhiên ghe tởm những chiếc máy hút chân không."*[5]

Mặc dù ngày nay chúng ta phân biệt rất rõ ràng giữa một món quà và một giao dịch thương mại, nhưng trước kia không hề có sự phân biệt rõ ràng như thế. Một số nền văn hóa, như người Toaripi và Namau, chỉ có một từ duy nhất để nói về mua, bán, mượn và cho mượn[6], người Lưỡng Hà thì có từ šám được dùng với cả nghĩa mua và bán.[7] Sự mơ hồ tương tự vẫn tồn tại trong nhiều ngôn ngữ hiện đại. Tiếng Hán, tiếng Đức, tiếng Đan Mạch, tiếng Nauy, tiếng Hà Lan, tiếng Estonia, tiếng Bulgari, tiếng Serbi, tiếng Nhật và nhiều thứ tiếng khác chỉ có duy nhất một từ cho hành động mượn và cho mượn, có lẽ đó là một dấu tích từ thời xưa khi hai hành động đó chưa được phân biệt.[8] Thậm chí điều này vẫn còn tồn tại trong tiếng Anh ở một số tầng lớp ít có học, những người vẫn thi thoảng dùng borrow (mượn) với nghĩa là lend (cho mượn), như trong câu "I borrowed him twenty dollars." (Tôi mượn anh ấy 20 đô la) Làm sao có thể xảy ra tình trạng như vậy được? Bằng cách nào mà một từ lại có thể được dùng để mô tả cho hai nghĩa đối nghịch với nhau?

Lời giải thích sự nhập nhằng này nằm ở cơ chế của quà tặng. Trừ ngoại lệ hiếm, có thể chỉ mang tính lí thuyết mà Derrida gọi là "quà miễn phí", thì hành động tặng quà luôn đi kèm một biểu hiện trao đổi hoặc một nghĩa vụ về mặt đạo đức hoặc xã hội (hoặc cả hai). Không giống như các giao dịch tiền tệ ngày nay – đóng và không kèm theo nghĩa vụ nào – sự trao đổi quà tặng là mở, nó tạo nên một mối liên hệ liên tục giữa các bên tham gia. Một cách nhìn khác là: món quà là một phần của người tặng quà và khi chúng ta trao tặng một món quà, chúng ta cho đi một phần của bản thân mình. Điều này trái ngược với các giao dịch hàng hóa hiện nay, khi các loại hàng hóa được bán đi như một món đồ không liên quan gì đến người bán chúng. Tất cả chúng ta đều cảm nhận được sự khác biệt. Có thể bạn có vài món đồ người khác tặng mà bạn quý như báu vật, có thể khách quan mà nói thì nó không khác gì những món đồ bạn có thể mua, nhưng nó là độc nhất vô nhị và đặc biệt bởi vì người tặng có ý nghĩa với bạn. Bởi vậy đối với những người từ thời xưa, việc tặng quà có tính chất kì diệu, và các món quà luôn có một linh hồn gắn liền với chúng.

Những đồ vật vô dụng như vỏ sò, hạt trang trí, vòng cổ, v.v… là loại tiền cổ xưa nhất. Việc đổi chúng lấy một cái gì đó có giá trị thực tiễn, nói một cách ngờ nghệch, chỉ là một cách để làm cho việc tặng quà – một cái gì đó đổi lấy không cái gì cả – trở nên thuận tiện. Họ biến việc này trở thành *một cái gì đó – đổi lấy – một cái gì đó*, nhưng điều đó không làm cho nó kém ý nghĩa hơn một món quà, bởi vì họ chỉ đang cụ thể hóa lòng biết ơn của họ bằng một đồ vật mà thôi. Từ cách nhìn nhận này, bản chất của việc mua và bán, mượn và cho mượn, thật là dễ hiểu. Đó không phải là những hành động trái ngược nhau. Tất cả các món quà quay vòng trở lại với người cho đi dưới một hình thái khác. Người mua và người bán là ngang bằng nhau.

Ngày nay có một sự bất cân đối trong các giao dịch thương mại, trong đó người mua là người cho tiền và nhận hàng hóa, còn người bán là người nhận tiền và cho đi hàng hóa. Nhưng đồng thời chúng ta cũng có thể nói là "người mua" đang bán tiền để lấy hàng hóa, còn "người bán" đang mua tiền bằng hàng hóa. Bằng chứng về ngôn ngữ và ngành nhân chủng học cho biết sự bất cân đối này xuất hiện sau khi tiền ra đời rất nhiều. Vậy, chuyện gì đã xảy ra với tiền mà đã tạo ra sự bất cân đối này? Tiền khác với tất cả

các loại hàng hóa khác trên thế giới, và, như chúng ta sẽ thấy, chính sự khác biệt này là nguyên nhân chính khiến nó trở nên trần tục.

Mặt khác, quà tặng được chúng ta công nhận là thiêng liêng bằng trực giác, đó là lí do vì sao đến giờ chúng ta vẫn tổ chức các buổi lễ để trao tặng quà. Quà tặng là hiện thân của những tính chất quan trọng của sự thiêng liêng mà tôi nhắc đến trong Lời mở đầu. Thứ nhất, tính độc đáo: không như những loại hàng hóa được chuẩn hóa hiện nay, được mua trong những trao đổi đóng kín và tách rời khỏi nguồn gốc của chúng, quà tặng là độc đáo ở mức độ chúng như là một phần của người tặng. Thứ hai, tính liên kết: quà tặng mở rộng phạm vi cá nhân để bao gồm toàn bộ cộng đồng. Trong khi hiện nay tiền là hiện thân của nguyên tắc "Nhiều hơn cho tôi có nghĩa là ít hơn cho bạn", thì trong một nền kinh tế quà tặng (gift economy), nhiều hơn cho bạn cũng có nghĩa là nhiều hơn cho tôi vì ai có thì cho người cần. Quà tặng làm bền vững nhận thức huyền bí rằng chúng ta đang tham gia vào một điều gì đó lớn hơn bản thân, nhưng đồng thời không tách biệt khỏi bản thân. Các tiên đề của sự tư lợi thay đổi vì cái tôi cá nhân đã mở rộng để bao gồm một một cái gì đó của người khác.

Cách giải thích thông thường về sự xuất hiện của tiền mà chúng ta tìm thấy trong các cuốn sách giáo khoa kinh tế cho rằng sự đổi chác là điểm xuất phát. Ngay từ thuở ban đầu, các cá nhân cạnh tranh với nhau để làm tăng tư lợi của bản thân đến mức cao nhất. Sự miêu tả có phần lý tưởng hóa này không được các chứng cứ về nhân chủng học hỗ trợ. Theo Mauss, sự đổi chác hiếm khi thấy ở Polynesia, hiếm ở Melanesia, và không tồn tại ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương. Nhà nhân chủng học kinh tế George Dalton nhấn mạnh: "Sự đổi chác, theo nghĩa hẹp là đổi hàng hóa không dùng đến tiền, chưa bao giờ có quan trọng về mặt số lượng hay chưa bao giờ là một mô hình giao dịch chiếm ưu thế ở bất kì hệ thống kinh tế nào trong quá khứ hay ở hiện tại mà chúng ta từng biết."[9] Ví dụ duy nhất của sự đổi chác, theo Dalton, là những giao dịch lặt vặt, không thường xuyên, hoặc khẩn cấp – cũng giống như hiện nay. Ngoài những ví dụ đó ra, các giao dịch không dùng tiền gần như hoàn toàn không giống với những giao dịch phi cá nhân, chỉ nhằm tối đa lợi ích cá nhân trong trí tưởng tượng của các nhà kinh tế học, thay vào đó "chúng có xu hướng đòi hỏi những mối quan hệ mật thiết và lâu dài (đôi khi cần phải được nghi lễ hóa) được thừa

nhận bởi phong tục và có tính chất qua lại."[10] Những giao dịch như vậy không nên được gọi là đổi chác, mà là trao đổi quà tặng có tính chất nghi lễ.

Hiện nay chúng ta đặt quà tặng và món đồ mua được vào các hạng mục tách biệt; chắc chắn, những triết lí về kinh tế và tâm lí khác nhau được áp dụng vào mỗi hạng mục đó. Nhưng thời xưa không có sự phân định như thế, và thời nay chúng ta cũng không phân biệt rõ ràng giữa mối quan hệ công việc và mối quan hệ cá nhân. Các nhà kinh tế học khi kể lại lịch sử của tiền, có xu hướng phóng chiếu sự phân biệt ngày nay vào quá khứ, theo đó họ tạo ra nhiều giả thuyết về bản tính con người, về cái tôi, và về mục đích cuộc sống: rằng chúng ta là những bản ngã tách biệt và khôn ngoan luôn cạnh tranh với nhau để giành lấy nguồn tài nguyên khan hiếm và tăng lợi ích cá nhân đến mức tối đa. Tôi sẽ không nói rằng những giả thuyết đó là sai. Chúng là một phần của hệ tư tưởng định nghĩa nền văn minh của chúng ta, một Câu chuyện về Con người mà hiện nay sắp đến hồi kết. Cuốn sách này đóng góp một phần trong việc kể một Câu chuyện mới về Con người. Sự chuyển hóa của tiền là một phần của sự chuyển hóa lớn hơn và nền tảng của nó dựa trên những giả định rất khác về cái tôi, cuộc sống và thế giới.

Nền kinh tế của loài người chưa bao giờ xa cách khỏi vũ trụ học, tôn giáo và tâm lí. Không chỉ có nền kinh tế cổ xưa dựa trên nguyên tắc quà tặng: vũ trụ học và tôn giáo cổ xưa cũng vậy. Ngày nay cũng thế, tiền với đặc tính tiêu chuẩn hóa, trừu tượng và vô danh tính đứng ngang hàng với những khía cạnh khác trong sự trải nghiệm của loài người. Nếu có một loại tiền khác thì những hệ hình mới nào về khoa học, tôn giáo và tâm lí sẽ xuất hiện?

Nếu tiền không phải được xuất phát từ thế giới tưởng tượng của các nhà kinh tế học về sự đổi chác được đong đếm để tăng lợi ích, thì nó xuất phát từ đâu? Tôi xin đề xuất là nó xuất phát như một phương thức để làm cho việc tặng quà, chia sẻ và sự hào phóng trở nên thuận tiện, hay ít nhất là nó có mang tinh thần đó. Để tạo ra một nền kinh tế thiêng liêng, chúng ta cần phục hồi lại tinh thần ban đầu đó của tiền.

Về cơ bản, tiền là một khái niệm đẹp đẽ. Hãy để tôi ngây thơ một lát để hé lộ cái trọng tâm này, cái tinh túy tâm linh của tiền. Tôi có cái bạn cần và tôi mong muốn trao nó cho bạn. Vì vậy tôi cho đi và bạn cảm thấy biết ơn và mong muốn đáp trả tôi bằng một thứ gì đó. Nhưng hiện tại bạn không có thứ gì mà tôi cần. Bởi vậy bạn đưa cho tôi một món đồ tượng trưng cho lòng biết ơn của bạn – một món đồ đẹp nhưng vô dụng như một cái vòng cổ kết bằng vỏ sò hoặc một mẩu bạc. Món đồ tượng trưng đó mang ý nghĩa "Tôi đã cho đi cái mà người khác cần và đã có được lòng biết ơn của họ." Sau đó, khi tôi nhận được một món quà từ một ai đó khác, tôi đưa cho họ món đồ tượng trưng kia. Quà tặng có thể lưu chuyển trong phạm vi xã hội rất rộng và tôi có thể nhận từ những người mà tôi chẳng có gì để cho họ trong khi đó vẫn có thể thỏa mãn mong muốn đáp trả lòng biết ơn những món quà đó.

Ở phạm vi gia đình, thị tộc, hoặc nhóm săn bắt hái lượm, người ta không cần đến tiền để vận hành một nền kinh tế quà tặng. Ngay cả trong những phạm vi xã hội lớn hơn như một ngôi làng hoặc bộ tộc có hàng trăm người, người ta cũng không cần sử dụng đến tiền. Ở đó, nếu tôi không cần cái gì từ bạn vào lúc này, thì hoặc bạn sẽ đem cho tôi cái mà tôi cần vào một lúc khác trong tương lai (vì bạn biết ơn tôi), hoặc bạn sẽ cho một người khác, người đó lại cho một người khác nữa và người khác đó sẽ cho tôi. Đây là "vòng tròn quà tặng" – nền tảng của một cộng đồng. Trong một bộ tộc hoặc một ngôi làng, quy mô xã hội đủ nhỏ để những người cho tôi có thể nhận ra món quà mà tôi cho người khác. Trong một xã hội lớn như của chúng ta thì không xảy ra trường hợp đó. Nếu tôi cho anh một cách hào phóng, người nông dân trồng gừng cho tôi ở Hawaii hay người kĩ sư thiết kế cái điện thoại của tôi ở Nhật sẽ không biết điều đó. Bởi vậy thay vì sử dụng cái gì đó mang tính cá nhân để thể hiện sự biết ơn, chúng ta dùng tiền – vật đại diện cho sự biết ơn. Sự làm chứng của xã hội khi các món quà được trao trở thành vô danh tính.

Tiền trở nên cần thiết khi phạm vi của quà tặng vượt ra khỏi phạm vi những người chúng ta biết ở mức độ cá nhân. Đó là khi quy mô kinh tế và sự phân chia sức lao động vượt quá phạm vi bộ tộc hoặc làng xã. Thật vậy, kiểu tiền đầu tiên xuất hiện trong các nền văn minh nông nghiệp phát triển vượt xa hơn các ngôi làng Neolithic (thời kì từ khoảng 15000 năm trước

Công nguyên đến 2000 năm trước Công nguyên): Lưỡng Hà, Ai Cập, Trung Quốc và Ấn Độ. Các mạng lưới quà tặng truyền thống phân tán nhường chỗ cho các hệ thống phân phối có tính tập trung, với đền thờ và cung điện hoàng gia là trung tâm. Rất có thể, điều này được phát triển từ truyền thống trao đổi quà giữa các tộc trưởng, rồi sau đó các món quà được đi tới họ hàng và bộ tộc của họ. Bắt đầu với vai trò là giao điểm trung tập của sự lưu thông quà tặng trong phạm vi lớn hơn, chúng nhanh chóng xa rời khỏi tinh thần quà tặng khi sự đóng góp trở nên bắt buộc và được đong đếm và sự phân phối từ trung tâm đi ra trở nên mất cân đối. Các tài liệu cổ của Sumer (Iraq cổ đại) đã nhắc đến sự phân cực giàu nghèo, những người có tài sản và không có tài sản và mức lương thấp chỉ đủ để tồn tại.[11] Mặc dù các đạo luật tại trung tâm, chứ không phải giao thương trong thị trường, điều hành sự lưu thông của hàng hóa[12], các đế chế nông nghiệp thuở đầu cũng sử dụng cái mà một số người gọi là tiền: các hàng hóa nông nghiệp và kim loại được tiêu chuẩn hóa thành đơn vị đóng vai trò làm phương tiện trao đổi, đơn vị đo lường giá trị và phương tiện tích lũy. Vì vậy, từ bốn ngàn năm trước, tiền đã không còn đáp ứng được kỳ vọng ngây thơ của tôi rằng nó sẽ tạo ra sự sung túc hơn cho tất cả mọi người bằng cách tạo điều kiện cho các món quà đáp ứng được các nhu cầu tương xứng.

Bằng việc tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, thúc đẩy sản xuất hiệu quả, và cho phép tích lũy vốn để thực hiện những dự án lớn, lẽ ra tiền nên làm cho cuộc sống phong phú hơn: nó nên đem lại cho chúng ta sự thoải mái, nhàn hạ, hết lo lắng và một sự phân chia của cải công bằng. Thật vậy, lí thuyết kinh tế truyền thống dự đoán đủ mọi kết quả như vậy. Nhưng sự thật là tiền lại trở thành một tác nhân cho những điều ngược lại: nỗi lo lắng, sự gian khổ và sự phân cực giàu nghèo. Điều này mang tới cho chúng ta một nghịch lí.

Nếu chúng ta muốn có một thế giới với công nghệ hiện đại, với rạp chiếu phim và các dàn nhạc giao hưởng, với mạng viễn thông và kiến trúc vĩ đại, với các đô thị quốc tế và văn học toàn cầu, chúng ta cần tiền, hoặc thứ gì đó giống thế, như một phương tiện để phối hợp hoạt động của con người trên phạm vi đủ lớn để tạo ra những thứ đó. Bởi vậy, tôi viết cuốn sách này để mô tả một hệ thống mà tiền được phục hồi lại tính chất thiêng liêng của nó như một tặng phẩm. Tôi nói "phục hồi" vì tiền đã từng có ý nghĩa thiêng

liêng và tuyệt diệu. Trước kia, các ngôi đền là nơi các sản phẩm nông nghiệp dư thừa được tích trữ và phân phối lại: trung tâm của tôn giáo cũng đồng thời là trung tâm của kinh tế. Một vài tác giả khẳng định rằng đồng tiền tượng trưng đầu tiên (không phải là tiền hàng hóa như vàng hay bạc) đã được phát hành bởi các đền thờ và có thể dùng để đổi lấy thứ mại dâm linh thiêng của đền thờ;[13] chắc chắn là các ngôi đền có vai trò rất lớn trong việc phát hành tiền xu, rất nhiều loại xu đã từng được in hình các con vật linh thiêng hoặc các vị thần. Việc này hiện nay vẫn tiếp diễn, các tờ tiền giấy và đồng tiền xu đều mang hình các vị tổng thống được minh họa gần giống các vị thần.

Có thể một ngày nào đó chúng ta sẽ không cần đến tiền để có một nền kinh tế quà tặng trên phạm vi hàng tỉ người; có thể loại tiền mà tôi miêu tả trong cuốn sách này chỉ là một bước chuyển tiếp. Tôi không phải kiểu người "tiền sử" muốn cổ vũ cho việc xóa bỏ nền văn minh, công nghệ và văn hóa, hay những món quà khiến chúng ta là người. Thay vào đó tôi chỉ đoán trước sự trở về trạng thái thiêng liêng của nhân loại, chúng ta sẽ có được sự toàn vẹn và sẽ sống hài hòa với thiên nhiên như những người săn bắt hái lượm, nhưng được tổ chức ở một mức cao hơn. Tôi đoán trước sự hoàn thiện, chứ không phải sự từ bỏ, của đôi tay và trí óc – những món quà được ban tặng cho chúng ta để khiến chúng ta là người.

Hãy để ý sự tự nhiên khi chúng ta miêu tả các thuộc tính đặc trưng của con người như những món quà. Theo các nguyên tắc chung của quà tặng, các món quà mà chúng ta được tặng cũng là một phần của Người Tặng. Nói cách khác, chúng là các món quà thiêng, từ món quà Lửa của thần Prometheus cho đến món quà Âm Nhạc của thần Apollo, cho đến món quà Nông Nghiệp của Thần Nông. Theo Kinh Thánh, chúng ta không chỉ được ban tặng thế giới, mà còn được tặng hơi thở của cuộc sống và khả năng sáng tạo – bởi chúng ta được tạo ra "theo như hình hài" của Đấng Tạo Hóa.

Ở mức độ cá nhân cũng vậy, chúng ta cảm nhận được rằng: ta được ban tặng tài năng nào đó là vì có một lí do, một mục đích. Hơn nữa, chúng ta có một ham muốn phát triển những tài năng đó mà không thể kìm nén được để rồi lại mang tặng những tài năng đó ra thế giới để mỗi người chúng ta đều đã từng trải nghiệm niềm vui khi cho đi và sự hào phóng không ích kỷ của

những người xa lạ. Nếu bạn hỏi tìm đường ở một thành phố, hầu hết mọi người đều vui lòng giúp bạn. Chẳng có tư lợi cá nhân nào khi chúng ta chỉ đường cho một người xa lạ, đó đơn giản chỉ là sự biểu hiện của tính hào phóng có sẵn trong chúng ta.

Thật là mỉa mai khi tiền, ban đầu là một phương tiện để kết nối món quà với những người cần đến chúng, ban đầu là kết quả tự nhiên của một nền kinh tế quà tặng thiêng liêng, giờ đây lại chính là cái đang ngăn cản sự đơm hoa kết trái của mong muốn cho đi của chúng ta, nó chính là cái đang giam giữ chúng ta với những công việc nhàm chán chỉ vì cảnh túng thiếu về mặt kinh tế, và nó chính là cái chặn trước những thôi thúc hào phóng nhất của chúng ta với suy nghĩ "Tôi không có đủ tiền để làm được việc đó". Chúng ta sống trong một nỗi lo lắng hiện diện ở khắp mọi lúc mọi nơi, nỗi lo lắng đó sinh ra từ sự khan hiếm tiền, là thứ chúng ta phụ thuộc vào để sống – minh chứng cho cụm từ "chi phí sinh hoạt". Mục đích sống của chúng ta, sự phát triển và biểu lộ tài năng của chúng ta, bị cầm cố bởi vì chúng ta cần tiền, cần kiếm sống, để tồn tại. Nhưng không ai, dù họ giàu có, an toàn, hoặc thoải mái đến mức nào, có thể cảm thấy trọn vẹn trong cuộc sống nếu những tài năng của họ không được biểu hiện ra ngoài. Kể cả những công việc được trả lương cao nhất, nếu nó không liên quan gì đến tài năng mà chúng ta được ban tặng, cũng sớm trở nên nhàm chán, và chúng ta nghĩ: "Tôi không được sinh ra để ở đây làm công việc này".

Kể cả khi một công việc có liên quan đến tài năng của chúng ta, nhưng nếu ta không tin vào mục đích của công việc đó, thì cái cảm giác nhàm chán sẽ lại xuất hiện, cái cảm giác rằng chúng ta đang không thực sự sống cuộc sống của chính mình mà chỉ đang sống cuộc sống mà chúng ta được trả tiền để sống. "Đầy thử thách" và "thú vị" cũng không đủ, vì tài năng của chúng ta là một món quà thiêng liêng, nên nó phải được dùng cho một mục đích thiêng liêng.

Ý tưởng rằng chắc chắn chúng ta ở trên trái đất này để làm điều gì đó về cơ bản là một quan niệm mang tính tôn giáo bởi ngành sinh học truyền thống dạy rằng chúng ta tiến hóa để có thể tồn tại, rằng bất kì cố gắng nào nằm ngoài mục đích tồn tại và sinh sản đều đi ngược lại với hoạch định sẵn của bộ gen. Tuy nhiên, cách nhìn nhận của ngành sinh học theo chủ nghĩa

Tân Lamarckism[14] rằng chúng ta là những sinh vật ích kỉ, tách biệt và luôn cạnh tranh nhau chỉ là một sự phóng chiếu của chính nền văn hóa hiện đại của chúng ta chứ không phải là cách hiểu đúng về tự nhiên.[15] Có những cách hiểu về tự nhiên khác mà không bỏ qua sự cạnh tranh hiển nhiên nhưng ưu tiên cho sự hợp tác, sự cộng sinh, và sự liên kết của các sinh vật thành một tổng thể lớn hơn. Cách hiểu mới này thực ra khá là cổ xưa, nó nhắc lại hiểu biết của những người thổ dân về tự nhiên như là một mạng lưới quà tặng (web of gifts). Mỗi sinh vật và mỗi loài đóng góp một phần quan trọng trong sự toàn vẹn của sự sống trên trái đất, và sự đóng góp này, ngược lại với những kì vọng của ngành sinh học tiến hóa, không cần phải thu về bất kì lợi ích cá nhân trực tiếp nào cho chính sinh vật đó. Vi khuẩn cố định đạm không thu được lợi ích trực tiếp nào từ việc nó tổng hợp ni-tơ từ không khí, ngoại trừ việc nguồn ni-tơ mà nó đưa vào đất giúp cây cối phát triển, và cây phát triển sinh ra rễ và từ rễ thì nấm phát triển, rồi cuối cùng nấm cung cấp chất dinh dưỡng ngược lại cho vi khuẩn cố định đạm. Các loài tiên phong mở đường cho các loài chủ chốt, các loài chủ chốt tạo điều kiện cho các loài khác, các loài khác lại nuôi sống các loài khác nữa trong một mạng lưới quà tặng mà, cuối cùng, quay trở về nuôi dưỡng các loài tiên phong. Các cây lớn mang nước lên để nuôi các cây nhỏ hơn, và loài tảo tạo ra oxy để các loài động vật có thể thở. Loại bỏ bất kì sinh vật nào đi thì sức sống của tất cả đều trở nên mong manh.

Có thể bạn nghĩ rằng tôi ngây thơ với những lí lẽ trên. Có thể bạn nói rằng mọi thứ hoạt động tốt như vậy là do ngẫu nhiên: Các cây lớn không quan tâm đến việc mang nước đến cho các cây nhỏ xung quanh – chúng làm vậy là cho bản thân chúng, để tăng cơ hội sống sót và để sinh sản. Việc chúng nuôi dưỡng các sinh vật khác chỉ là một hệ quả phụ không có chủ ý. Tương tự như vậy với tảo, với vi khuẩn tạo ni-tơ, và với vi khuẩn giúp tiêu hóa xenlulozơ sống trong các loài động vật nhai lại. Có thể bạn nghĩ rằng trong thế giới này mỗi người phải tự lo cho bản thân. Tự nhiên là một cuộc cạnh tranh khốc liệt, và một nên kinh tế như vậy cũng là hợp lẽ tự nhiên.

Tôi không nghĩ rằng điều đó là hợp tự nhiên. Đó là một sự lạc lối, một sự dị thường mặc dù là một giai đoạn cần thiết mà khi đã lên đến đỉnh điểm thì sẽ mở đường cho một giai đoạn mới. Trong tự nhiên, sự phát triển thái quá và sự cạnh tranh hoàn toàn là những đặc điểm của các hệ sinh thái chưa

hoàn thiện, theo sau đó luôn là sự phụ thuộc lẫn nhau rất phức tạp, sự cộng sinh, sự hợp tác, và sự tuần hoàn của các nguồn tài nguyên. Giai đoạn tiếp theo của nền kinh tế sẽ là một sự phát triển song hành với những hiểu biết mới của chúng ta về tự nhiên. Nó sẽ kêu gọi sự phát triển tài năng của mỗi người trong chúng ta; nó sẽ đề cao sự hợp tác thay vì sự cạnh tranh; nó sẽ khuyến khích sự lưu chuyển thay vì gom góp của cải; và nó sẽ quay vòng thay vì phát triển theo hướng tuyến tính. Tiền sẽ không biến mất trong tương lai gần, nhưng vai trò của nó sẽ suy giảm khi nó mang ngày càng nhiều những tính chất của một tặng phẩm. Nền kinh tế sẽ co lại, và cuộc sống của chúng ta sẽ phát triển.

Tiền như chúng ta đang biết sẽ không thân thiện với một nền kinh tế biểu hiện tinh thần của quà tặng, một nền kinh tế mà chúng ta có thể gọi là thiêng liêng. Để biết được tiền như thế nào thì mới là thiêng liêng, chúng ta cần xác định rõ điều gì đã khiến cho tiền trở thành sức mạnh điều khiển sự tham lam, xấu xa, khan hiếm và tàn phá môi trường như hiện nay.

Cũng như khoa học thường phóng chiếu văn hóa vào tự nhiên, kinh tế học cũng coi những điều kiện được quyết định bởi văn hóa là những sự thật hiển nhiên. Sống trong một nền văn hóa của sự khan hiếm (vì sự khan hiếm là điều chúng ta đang trải nghiệm, khi việc "kiếm sống" bức chế sự biểu hiện tài năng của chúng ta), chúng ta cho rằng đó là nền tảng của kinh tế. Trong lĩnh vực sinh học, chúng ta đã và đang nhìn nhận thế giới như một nơi mà các cá nhân riêng biệt cạnh tranh với nhau để giành lấy nguồn tài nguyên giới hạn. Hệ thống tiền tệ, như chúng ta sẽ thấy, là hiện thân của niềm tin này ở mức độ rất sâu sắc. Nhưng niềm tin này có đúng không? Có phải chúng ta sống trong một thế giới, một vũ trụ mà nền tảng là sự khan hiếm? Và nếu không, nếu chân lí của vũ trụ là sự trù phú, thì làm thế nào mà tiền lại trở thành phản tự nhiên như vậy?

CHƯƠNG 2:
ẢO TƯỞNG VỀ SỰ KHAN HIẾM

Với sự đồi dào không suy giảm, mảnh đất nước Anh lớn lên và phát triển rực rỡ; phấp phới những cánh đồng vàng óng; khắp nơi là các xưởng sản xuất và dụng cụ công nghiệp, với mười lăm triệu công nhân, được cho là những người khỏe nhất, lanh lợi nhất và nhiệt huyết nhất mà Trái Đất từng có; họ ở đây, sản phẩm mà họ làm ra ở đây, phong phú, đồi dào: nhưng chú ý! Có một sắc lệnh xấu xa cứ như là Bùa yểm xuất hiện và nói rằng: "Không được chạm vào những thứ này, những người công nhân kia, những người quản lí kia, những người lười biếng kia; không ai được chạm vào những thứ này, không ai trong số các người xứng đáng; đây là trái cấm đã được ếm bùa!"

– Thomas Carlyle, Quá Khứ và Hiện Tại.

Người ta nói rằng tiền, hay ít nhất là sự ham thích tiền, là gốc rễ của mọi điều xấu xa. Nhưng tại sao lại như vậy? Sau cùng, mục đích cơ bản của tiền chỉ đơn giản là tạo điều kiện cho sự trao đổi – nói cách khác, tiền kết nối món quà với nhu cầu. Sức mạnh nào, sự xuyên tạc khủng khiếp nào đã biến tiền thành một thứ ngược lại: một đại diện cho sự khan hiếm?

Sự thực là chúng ta đang sống trong một thế giới rất trù phú, một thế giới mà một lượng lớn thực phẩm, năng lượng và của cải vật chất bị bỏ đi và trở thành lãng phí. Nửa thế giới bị đói trong khi nửa còn lại bỏ đi một lượng thức ăn đủ để nuôi sống nửa kia. Ở Thế Giới Thứ Ba và cả những khu ổ chuột của chúng ta (Hoa Kỳ), nhiều người không có thức ăn, nơi cư trú và nhiều nhu yếu phẩm khác, cũng không có đủ tiền để mua những thứ đó. Cùng lúc đó, chúng ta đổ một đống tiền và tài nguyên vào các cuộc chiến tranh, rác nhựa và vô số những sản phẩm khác không phục vụ cho hạnh phúc của con người. Rõ ràng là, sự nghèo đói không phải là kết quả của sự yếu kém trong lĩnh vực sản xuất. Nó cũng không phải vì người ta

không sẵn sàng giúp đỡ người khác: nhiều người rất muốn cho người nghèo thức ăn, muốn khôi phục lại thiên nhiên và muốn làm những việc có ý nghĩa nhưng họ không thể vì làm như thế không giúp họ có tiền. Tiền hoàn toàn thất bại trong việc kết nối món quà và nhu cầu. Vì sao vậy?

Trong nhiều năm liền, tôi tin vào những ý kiến thông thường của xã hội và cho rằng câu trả lời là "lòng tham". Vì sao các nhà máy bóc lột sức lao động đẩy mức lương của công nhân xuống mức tối thiểu? Lòng tham. Vì sao người ta mua những chiếc xe SUV ngốn xăng? Lòng tham. Vì sao các công ty được lấp liếm các nghiên cứu và bán những loại thuốc mà họ biết là nguy hiểm? Lòng tham. Vì sao các nhà cung cấp cá nhiệt đới phá hủy rặng san hô? Vì sao các nhà máy thải chất thải độc hại ra các dòng sông? Vì sao các tập đoàn cướp cả chi phí lẽ ra là để trả lương hưu cho người lao động? Lòng tham, lòng tham, lòng tham.

Cuối cùng tôi trở nên khó chịu với câu trả lời đó. Vì một lý do, nó cũng dẫn tới chính tư tưởng chia cắt, thứ đã bám rễ vào căn bệnh của nền văn minh chúng ta. Nó là một hệ tư tưởng bắt nguồn từ lúc Nông Nghiệp chia cắt thế giới thành hai phạm trù riêng biệt: hoang dã và thuần hóa, con người và thiên nhiên, lúa mì và cỏ dại. Nó bảo rằng trên thế giới này có hai sức mạnh trái ngược nhau: thiện và ác, và rằng chúng ta có thể tạo nên một thế giới tốt đẹp hơn bằng cách loại bỏ điều ác. Trên thế giới có điều ác và trong bản thân chúng ta cũng có mặt ác, chúng ta phải trừ tiệt cái ác đi để biến thế giới trở nên tốt đẹp.

Cuộc chiến chống lại cái ác nhuốm sâu vào mọi thiết chế của xã hội chúng ta. Trong nông nghiệp, nó là mong muốn tiêu diệt chó sói, tiêu diệt mọi loài cỏ dại với glyphosate[1], tiêu diệt các loài sâu có hại. Trong y tế, nó là cuộc chiến chống lại vi khuẩn, một cuộc chiến liên tục chống lại một thế giới thù địch. Trong tôn giáo, nó là cuộc vật lộn chống lại tội lỗi, hoặc chống lại cái tôi, hoặc chống lại sự vô đạo hoặc ý ngờ vực, hoặc chống lại sự phóng chiếu ra ngoài của những điều này: ác quỷ và những người không theo đạo. Nó là lối suy nghĩ của sự tẩy uế và làm trong sạch, của sự tự cải thiện và chinh phục bản thân, của sự vươn lên trên cả tự nhiên và thoát khỏi dục vọng, của sự hy sinh bản thân để trở nên tốt đẹp. Trên tất thảy, đó là tâm thức muốn kiểm soát.

Người ta vẫn thường nói rằng một khi cuộc chiến cuối cùng chống lại cái ác kết thúc, chúng ta sẽ đến được thiên đàng. Khi chúng ta loại bỏ tất cả các tên khủng bố hoặc tạo ra những hàng rào không thể xuyên thủng, chúng ta sẽ an toàn. Khi chúng ta phát triển những loại kháng sinh cực mạnh và cách điều chỉnh nhân tạo các hoạt động của cơ thể, chúng ta sẽ có một sức khỏe hoàn hảo. Khi chúng ta làm cho tội ác trở nên bất khả thi và có một hệ thống luật pháp để quản lí tất cả mọi thứ, chúng ta sẽ có một xã hội hoàn hảo. Khi bạn vượt lên trên sự lười biếng, sự bức bách, sự nghiện ngập, bạn sẽ có một cuộc sống hoàn hảo. Từ bây giờ đến đến khi đó, bạn cần phải cố gắng hơn nữa.

Cũng như vậy, vấn đề của nền kinh tế được coi là lòng tham, cả ở ngoài chúng ta – những người tham lam – lẫn ở trong chính chúng ta – xu hướng tham lam của bản thân. Chúng ta thích tự coi là mình không tham lam lắm, có thể là chúng ta có xu hướng tham lam, nhưng chúng ta kiểm soát được nó. Không như một số người! Một số người không kiểm soát được lòng tham. Không giống như chúng ta, họ không có lòng tốt cơ bản, họ sống mà không có phép tắc cơ bản. Nói gọn lại là, họ Xấu Xa. Nếu họ không thể học được cách kiểm soát dục vọng hoặc cách xoay sở ít tốn kém hơn, thì chúng ta sẽ phải ép buộc họ làm những điều đó.

Rõ ràng, quan niệm về lòng tham tràn ngập sự phán xét người khác và tràn ngập cả sự tự phán xét bản thân nữa. Sự tức giận và thù hận chính đáng của chúng ta đối với những người tham lam che giấu nỗi sợ hãi bí mật rằng chính chúng ta cũng chẳng tốt đẹp hơn họ. Kẻ đạo đức giả chính là người nhiệt thành nhất trong việc lên án cái ác. Biến kẻ thù thành cái gì đó bên ngoài bản thân là biểu hiện của những cảm xúc tức giận không được giải tỏa. Theo một cách nào đó, đây là điều cần thiết: hậu quả của việc giữ kín những cảm xúc đó hoặc hướng chúng vào bên trong rất khủng khiếp. Nhưng trong đời tôi, đã có lúc tôi trải nghiệm sự ghen ghét, trải nghiệm cuộc chiến tranh chống lại bản thân, trải nghiệm cuộc đấu tranh để làm người tốt, và trải nghiệm sự giả vờ rằng tôi tốt hơn người khác. Tôi tin rằng toàn nhân loại cũng đang tiến gần đến thời điểm đó. Bản thân sự tham lam là một triệu chứng của một vấn đề sâu sắc hơn chứ không phải là nguyên nhân. Đổ lỗi cho lòng tham và chống lại nó bằng cách tăng cường hoạt động kiểm soát bản thân đồng nghĩa với việc làm cuộc chiến chống

lại bản thân trở nên căng thẳng hơn, mà đó chỉ là một biểu hiện khác của cuộc chiến chống lại thiên nhiên và cuộc chiến chống lại một cái khác là nền tảng của cuộc khủng hoảng của nền văn minh hiện tại.

Sự tham lam có lí trong hoàn cảnh của sự khan hiếm. Hệ tư tưởng đang bao trùm cuộc sống của chúng ta nói rằng nó có lí: nó được lồng vào Câu chuyện về cái Tôi. Cái Tôi tách biệt trong một vũ trụ được điều khiển bởi những sức mạnh thù địch và thờ ơ thì luôn luôn ở bờ vực của sự tuyệt chủng, và chỉ cảm thấy an toàn khi kiểm soát được những sức mạnh đó. Bị ném vào một vũ trụ khách quan nằm bên ngoài chúng ta, chúng ta phải cạnh tranh với nhau để giành lấy nguồn tài nguyên giới hạn. Dựa trên câu chuyện về cái tôi tách biệt, cả ngành sinh học lẫn kinh tế học đều cho rằng lòng tham là một điều hiển nhiên cơ bản. Trong sinh học, đó là cái gen luôn tìm kiếm cách để tối đa hóa cơ hội sinh sản; trong kinh tế học, đó là một người khôn ngoan đi tìm cơ hội tối đa hóa tư lợi tài chính. Nhưng nếu giả thuyết về sự khan hiếm là sai thì sao? Nếu nó không phải là thực tại mà chỉ là một sự phóng chiếu của chính hệ tư tưởng của chúng ta thì sao? Nếu vậy, thì lòng tham không phải được khắc trong bộ gen của chúng ta mà nó chỉ là một triệu chứng của nhận thức về sự khan hiếm.

Một sự biểu thị rằng lòng tham chỉ phản chiếu nhận thức khan hiếm chứ không phải là kết quả của một thực tại khan hiếm đó là: những người giàu có xu hướng kém hào phóng hơn những người nghèo. Theo tôi thấy, người nghèo thường hay cho người khác mượn hoặc cho luôn một khoản tiền nhỏ mà nếu nói về mặt tỉ lệ thì sẽ bằng một nửa số tài sản của những người giàu. Nghiên cứu trên diện rộng chứng minh cho điều này. Một cuộc điều tra năm 2002 bởi Independent Sector, một tổ chức nghiên cứu phi lợi nhuận, cho biết những người Mỹ kiếm ít hơn $25.000 mỗi năm chi ra 4,2% thu nhập để làm từ thiện, trong khi đó con số chỉ là 2,7% đối với những người có thu nhập trên $100.000. Gần đây, Paul Piff, một nhà tâm lí học xã hội ở Đại học California-Berkeley, cho biết "những người có thu nhập thấp hào phóng hơn, làm từ thiện nhiều hơn, tin tưởng và giúp đỡ những người khác nhiều hơn những người giàu có hơn."[2] Piff nhận ra rằng khi được đưa tiền để phân phối một cách ẩn danh cho chính bản thân họ và một người khác (một người không hề quen biết họ) thì sự hào phóng tỉ lệ nghịch với địa vị kinh tế xã hội.[3]

Từ kết quả nghiên cứu trên chúng ta sẽ có xu hướng muốn kết luận rằng những người tham lam thì trở nên giàu có, nhưng một khả năng diễn giải ngang bằng khác đó là sự giàu có khiến cho người ta tham lam. Tại sao lại như vậy? Trong hoàn cảnh của sự trù phú, tham lam là một điều ngớ ngẩn; chỉ trong hoàn cảnh của sự khan hiếm thì lòng tham mới là điều có lí. Những người giàu nhận thức về sự khan hiếm trong khi thực tế không hề tồn tại điều đó. Họ cũng lo lắng về tiền hơn bất cứ ai. Có thể nào chính tiền tạo ra nhận thức về sự khan hiếm? Có thể nào tiền, gần như đồng nghĩa với sự an toàn, lại mang lại điều hoàn toàn trái ngược? Câu trả lời cho cả hai câu này là: Đúng vậy. Ở mức độ cá nhân, những người giàu đầu tư cho tiền của họ nhiều hơn rất nhiều và khó có khả năng từ bỏ tiền hơn (từ bỏ dễ dàng là phản ánh thái độ của sự trù phú). Ở mức độ hệ thống, như chúng ta sẽ thấy, sự khan hiếm gắn liền với tiền, nó là kết quả trực tiếp của cách mà tiền được tạo ra và lưu hành.

Thừa nhận sự khan hiếm là một trong hai tiên đề quan trọng nhất của kinh tế học (tiên đề thứ hai là: bản năng của con người là muốn tối đa hóa tư lợi cá nhân). Cả hai đều sai; hay, chính xác hơn, chúng chỉ đúng trong một phạm vi hẹp, một phạm vi mà chúng ta, những con ếch ngồi ở đáy giếng, nhầm lẫn coi là toàn bộ thực tại. Những điều chúng ta cho là chân lí khách quan thì thực ra là một sự phóng chiếu của chính những nhận thức của chúng ta lên thế giới bên ngoài. Chúng ta quá đắm chìm trong sự khan hiếm đến nỗi tin rằng đó là bản chất của thực tại. Nhưng thực tế là, chúng ta sống trong một thế giới của sự trù phú. Sự khan hiếm mà chúng ta trải nghiệm ở mọi lúc mọi nơi là một ảo tưởng do hệ thống tiền tệ, chính trị và nhận thức của chúng ta tạo ra.

Chúng ta sẽ thấy, hệ thống tiền tệ, hệ thống quyền sở hữu và hệ thống kinh tế nói chung phản ánh cảm nhận tương tự của cái tôi mà trong đó chứa nhận thức về sự khan hiếm. Đó là một cái tôi tách biệt và khôn ngoan, một cái tôi theo trường phái của Descartes: một bong bóng tâm lí bị bỏ rơi trong một vũ trụ vô thưởng vô phạt, đi tìm kiếm các cách thức để sở hữu, để kiểm soát, để nhận vơ càng nhiều của cải càng tốt, nhưng bị ấn định chuốc lấy thất bại bởi chính sự cách ly khỏi sự giàu có từ mối liên kết với các hữu thể khác mà đến với cảm giác không bao giờ có đủ.

Sự khẳng định rằng chúng ta sống trong một thế giới của sự trù phú đôi khi gây ra phản ứng về mặt cảm xúc gần như thù địch trong những độc giả tin rằng việc con người chung sống hài hòa với thiên nhiên và các loài khác là không thể, nếu dân số không giảm. Họ đưa ra các ví dụ về sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên, sự nóng lên toàn cầu, sự kiệt quệ của đất nông nghiệp, và dấu ấn của chúng ta trên hệ sinh thái như là bằng chứng nói lên rằng trái đất không thể tiếp tục chịu đựng nền văn minh công nghiệp nếu dân số giữ ở mức hiện tại.

Cuốn sách này gợi ý một sự hồi đáp cho mối quan tâm này như là một phần của tầm nhìn về một nền kinh tế thiêng liêng. Quan trọng hơn, nó cũng giải quyết các câu hỏi "làm thế nào" – ví dụ, làm thế nào để chúng ta sẽ tới đó từ đây. Bây giờ tôi sẽ đưa ra một phần hồi đáp, một lý do để hy vọng.

Đúng là hoạt động của con người ngày nay đã làm trái đất kiệt quệ. Các nhiên liệu hóa thạch, tầng chứa nước, lớp đất mặt, khả năng hấp thụ ô nhiễm và các hệ sinh thái duy trì sự tồn tại của sinh quyển đều đang cạn kiệt với tốc độ đáng báo động. Tất cả các biện pháp được đưa ra là quá ít, quá trễ – giống như một giọt nước trong thùng chứa so với những gì cần thiết.

Mặt khác, một phần rất lớn trong những hoạt động này của con người là không cần thiết hoặc có hại cho hạnh phúc của con người. Trước hết hãy xem xét ngành công nghiệp vũ khí và các nguồn tài nguyên tiêu tốn cho các cuộc chiến tranh: khoảng 2 nghìn tỷ đô la mỗi năm, một lực lượng khoa học cực lớn và năng lượng sống của hàng triệu người trẻ tuổi, tất cả đều không phục phụ một nhu cầu nào trừ nhu cầu chúng ta tự tạo ra.

Hãy xem xét ngành công nghiệp nhà ở tại Hoa Kỳ, với các Mc-Mansion[4] khổng lồ trong hai thập kỷ qua mà không phục vụ nhu cầu thực sự của con người. Ở một số quốc gia, một tòa nhà có diện tích tương tự có thể làm nhà cho năm mươi người ở. Các phòng khách nhiều ngóc ngách không được sử dụng, vì mọi người cảm thấy không thoải mái với diện tích lớn bất thường của nó, họ tìm kiếm sự thoải mái trong những góc nhỏ hơn và phòng bếp ấm cúng. Vật liệu, năng lượng, và việc bảo trì các tòa nhà "quái

vật" như vậy là một sự lãng phí nguồn tài nguyên. Có lẽ lãng phí hơn nữa là bố cục của khu ngoại ô, các bố cục đó làm cho giao thông công cộng không khả thi và đòi hỏi rất nhiều thời gian để lái xe.

Hãy xem xét ngành công nghiệp thực phẩm, nơi có sự lãng phí khủng khiếp ở mọi cấp độ. Theo một nghiên cứu của chính phủ (Mỹ), tổn thất từ trang trại đến điểm bán lẻ là khoảng 4%, tổn thất từ điểm bán lẻ tới người tiêu dùng là 12% và tổn thất ở mức người tiêu dùng là 29%.[5] Hơn nữa, vùng đất nông nghiệp rộng lớn được dành để sản xuất nhiên liệu sinh học (biofuel) và nông nghiệp cơ giới hóa đã loại bỏ các kỹ thuật trồng xen canh và các kĩ thuật trồng trọt khác có thể làm tăng năng suất đáng kể.[6]

Những con số này cho thấy sự đủ đầy là có thể, ngay cả trong một thế giới có 7 tỷ người – nhưng cần cảnh giác là: mọi người sẽ dành thời gian nhiều hơn (bình quân đầu người) vào việc trồng thực phẩm, đi ngược lại xu thế của hai thế kỷ qua. Rất ít người nhận ra rằng nông nghiệp hữu cơ có thể đạt hiệu quả gấp 2-3 lần so với nông nghiệp cơ giới hóa hiện tại – trên hecta, chứ không phải trên mỗi giờ lao động.[7] Làm vườn cường độ cao có thể dẫn tới năng suất cao (và tốn nhiều công sức hơn). Nếu bạn thích làm vườn và nghĩ rằng hầu hết mọi người sẽ được hưởng lợi từ việc gần gũi với đất hơn, đây là một tin vui. Với một vài giờ làm việc một tuần, một khu vườn ngoại ô điển hình rộng 1000 feet vuông (92,9m^2) có thể đáp ứng hầu hết nhu cầu rau của gia đình; tăng diện tích lên gấp đôi và nó có thể cung cấp số lượng đáng kể các loại lương thực chủ yếu như khoai tây, khoai lang và bí. Hệ thống vận tải xuyên lục địa rộng lớn mang xà lách và cà rốt từ California đến các nơi còn lại của nước Mỹ có thực sự cần thiết? Liệu nó có thực sự nâng cao cuộc sống hay không?

Một kiểu phí phạm khác đến từ những công trình kém chất lượng và sự lỗi thời được lên kế hoạch của nhiều sản phẩm sản xuất hàng loạt. Hiện tại, có rất ít ưu đãi về kinh tế, và đôi khi là chướng ngại, để sản xuất các loại hàng hóa có tuổi thọ dài lâu và dễ sửa chữa, với kết quả vô lý là mua một thiết bị mới lại rẻ hơn sửa chữa một cái cũ. Đây chắc chắn là hậu quả của hệ thống tiền tệ của chúng ta và nó sẽ bị đảo ngược trong một nền kinh tế thiêng liêng.

Trong khu phố nơi tôi sống, mỗi gia đình đều sở hữu một máy cắt cỏ được sử dụng có lẽ là mười giờ mỗi mùa hè. Mỗi nhà bếp có một máy xay sinh tố được sử dụng nhiều nhất là mười lăm phút mỗi tuần. Tại bất kỳ thời điểm nào, khoảng một nửa số xe ô tô đỗ trên đường phố, không làm gì cả. Hầu hết các hộ gia đình đều có dụng cụ bảo vệ hàng rào riêng, dụng cụ điện riêng, thiết bị tập thể dục riêng. Bởi vì chúng hầu như không bao giờ được sử dụng, hầu hết những thứ đó là không cần thiết. Chất lượng cuộc sống của chúng ta vẫn sẽ cao với một nửa số xe hơi, một phần mười số máy cắt cỏ và hai hoặc ba cái Stairmaster (dụng cụ thể dục leo lang) cho cả khu phố. Thực tế là, chất lượng cuộc sống của chúng ta thậm chí sẽ cao hơn vì ta sẽ có cơ hội để tương tác và chia sẻ với người khác.[8] Thậm chí ở mức tiêu dùng rất cao hiện tại, khoảng 40% năng lực công nghiệp của thế giới vẫn không được dùng đến. Con số đó có thể tăng lên 80% hoặc hơn mà không làm mất đi hạnh phúc của con người. Tất cả những gì chúng ta sẽ mất sẽ là sự ô nhiễm và sự nhàm chán của quá nhiều sản xuất công xưởng. Tất nhiên, chúng ta sẽ mất rất nhiều "việc làm", nhưng vì những "việc làm" đó cũng không đóng góp nhiều vào phúc lợi của con người, chúng ta có thể thuê những người làm các công việc đó đào hố ở dưới đất lên và lấp đầy chúng lại cũng không sao. Hay, tốt hơn là, chúng ta có thể để họ cống hiến trong các công việc cần nhiều sức lao động như nông nghiệp bán hoang dã, chăm sóc người ốm và người già, phục hồi các hệ sinh thái và tất cả các nhu cầu khác mà hiện tại không được đáp ứng vì những người có nhu cầu lại không có tiền.

Một thế giới không có vũ khí, không có McMansion ở những vùng ngoại ô trải dài bất tận, không có hàng tá các loại bao bì không cần thiết, không có các trang trại độc canh khổng lồ được cơ giới hóa, không có các cửa hàng lớn như những cái thùng tiêu tốn năng lượng, không có bảng quảng cáo điện tử, không có các đống rác thải vô tận, không tiêu thụ quá nhiều loại hàng hóa không ai thực sự cần không phải là một thế giới nghèo nàn. Tôi không đồng ý với những người bảo vệ môi trường khi họ nói rằng chúng ta sẽ phải xoay sở để tiêu tốn ít hơn. Thực tế, chúng ta sẽ có nhiều hơn để xoay sở: nhiều cái đẹp hơn, nhiều tính cộng đồng hơn, nhiều sự hoàn thiện hơn, nhiều nghệ thuật hơn, nhiều âm nhạc hơn và các loại đồ dùng tuy ít hơn về số lượng nhưng tốt hơn về tính tiện ích và tính thẩm mỹ. Những

thứ rẻ tiền đang lấp đầy cuộc sống hiện tại của chúng ta, dù số lượng có nhiều thế nào, cũng chỉ làm giảm giá trị cuộc sống.

Một phần của sự chữa lành mà một nền kinh tế thiêng liêng đại diện là việc chữa lành sự chia cắt mà chúng ta đã tạo ra giữa tinh thần và vật chất. Để bảo vệ sự thiêng liêng của mọi thứ, tôi ủng hộ việc trân trọng chủ nghĩa vật chất chứ không phải là xóa bỏ nó. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ yêu các món đồ của mình nhiều hơn chứ không ít hơn. Chúng ta sẽ nâng niu các tài sản vật chất của chúng ta, tôn trọng nơi mà từ đó chúng đến và nơi mà chúng sẽ tới. Nếu bạn có một cái găng tay bóng chày hoặc một chiếc cần câu mà bạn rất giữ gìn, thì bạn sẽ hiểu những điều tôi đang nói. Hoặc có thể ông bạn có một bộ đồ làm mộc mà ông đã giữ gìn một cách hoàn hảo trong 50 năm. Đó là cách chúng ta tôn vinh những vật dụng của mình. Bạn có thể tưởng tượng được thế giới sẽ như thế nào nếu chúng ta tạo ra tất cả các loại đồ dùng với cùng sự quan tâm và tình cảm như thế không? Nếu mỗi kỹ sư đặt tình yêu đó vào các sáng tạo của mình? Ngày nay, thái độ như vậy là không kinh tế. Bạn có thể mua một cái găng tay bóng chày mới hoặc cần câu mới, tại sao phải quá cẩn thận với các đồ dùng khi những cái mới có giá rẻ như vậy? Sự rẻ tiền của các món đồ là một phần của sự mất giá của chúng, nó ném chúng ta vào một thế giới rẻ mạt, nơi mọi thứ đều giống hệt nhau và đều tiêu hao.

Giữa sự dư thừa, thậm chí chúng ta – những người sống trong các quốc gia giàu có cũng sống trong lo âu, khao khát "an ninh tài chính" khi chúng ta cố gắng kìm hãm sự khan hiếm. Chúng ta lựa chọn (thậm chí những những lựa chọn không liên quan gì đến tiền bạc) theo tiêu chí "có thể mua được" và chúng ta thường liên kết sự tự do với sự giàu sang. Nhưng khi chúng ta theo đuổi nó, chúng ta thấy rằng thiên đường của tự do tài chính là một ảo ảnh, nó rút lui khi chúng ta tiếp cận nó và rằng cuộc đuổi bắt nó biến chúng ta thành nô dịch. Sự lo âu luôn ở đó, sự khan hiếm luôn luôn cách chúng ta chỉ một cuộc khủng hoảng. Chúng ta gọi cuộc đuổi bắt đó là sự tham lam. Thật vậy, nó là một sự đáp lại nhận thức về sự khan hiếm. Hãy để tôi đưa ra thêm một bằng chứng nữa, có tính gợi ý hơn là kết luận, cho tính chất nhân tạo hoặc ảo tưởng của sự khan hiếm mà chúng ta đang trải qua. Kinh tế học, theo trang thứ nhất trong các cuốn sách giáo khoa, là nghiên cứu về hành vi của con người trong điều kiện khan hiếm. Do đó, sự mở rộng của

lĩnh vực kinh tế là sự bành trướng của sự khan hiếm, là sự xâm nhập của tính khan hiếm vào các lĩnh vực của cuộc sống mà một thời từng rất dồi dào. Hành vi kinh tế, đặc biệt là trao đổi tiền để lấy hàng hóa, ngày nay nới rộng cả vào các lĩnh vực mà trước đây không bao giờ là đối tượng trao đổi tiền tệ. Lấy ví dụ, một trong những loại hình bán lẻ có mức tăng trưởng rất lớn trong thập kỷ qua là: nước đóng chai. Nếu có một thứ rất dồi dào trên trái đất đến mức gần như có mặt ở khắp nơi, thì đó là nước, nhưng ngày nay nó đã trở thành khan hiếm, thành một thứ chúng ta phải trả tiền để đổi lấy.

Chăm sóc trẻ em cũng là một lĩnh vực khác có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Khi tôi còn nhỏ, việc bạn bè và hàng xóm trông coi con trẻ của nhau trong vài giờ sau giờ học là "không thành vấn đề" – một vết tích của cuộc sống trong các ngôi làng hoặc các bộ lạc khi trẻ em được tự do chạy nhảy. Vợ cũ của tôi, Patsy, nói một cách cảm động về thời thơ ấu của cô ấy ở vùng nông thôn ở Đài Loan, nơi mà trẻ em có thể tới nhà của hàng xóm vào giờ ăn tối để được cho bát cơm. Cộng đồng chăm sóc cho những đứa trẻ. Nói cách khác, bạn chỉ phí công khi mở nhà trẻ để nhận trông trẻ sau giờ học vì mọi đứa trẻ đều đã được cộng đồng chăm lo hết cả rồi.

Để một cái gì đó trở thành đối tượng của thương mại, đầu tiên nó phải được làm cho khan hiếm. Khi nền kinh tế phát triển, theo định nghĩa, ngày càng có nhiều hoạt động của con người tham gia vào phạm vi của tiền, phạm vi của hàng hóa và dịch vụ. Thông thường chúng ta kết hợp tăng trưởng kinh tế với sự gia tăng của cải, nhưng chúng ta cũng có thể coi đó là một sự nghèo đi, sự khan hiếm gia tăng. Những điều mà trước đây chúng ta không bao giờ từng nghĩ là phải trả tiền, thì hiện tại chúng ta đã phải trả tiền cho nó. Trả tiền để sử dụng cái gì? Tất nhiên là để sử dụng tiền – thứ tiền mà chúng ta phải đấu tranh và hi sinh để có được. Nếu có một thứ khan hiếm, đó chắc chắn là tiền. Hầu hết những người tôi biết đều sống trong sự lo lắng không có đủ tiền, từ lo lắng ít đến lo lắng nhiều. Và như ta thấy, những người giàu có cũng không bớt lo lắng, nên chẳng có số tiền nào là "đủ."

Từ góc nhìn này, chúng ta phải thận trọng khi bản thân phẫn nộ với những thông tin kiểu như "Hơn hai tỷ người sống dưới hai đô la mỗi ngày". Thu

nhập bằng tiền mặt thấp có thể có nghĩa là nhu cầu của một người được đáp ứng bên ngoài nền kinh tế tiền tệ, ví dụ thông qua các mạng lưới truyền thống của sự trao đổi và quà tặng. Trong những trường hợp như vậy, "phát triển" có nghĩa là làm tăng thu nhập bằng cách đưa các hoạt động kinh tế phi tiền tệ vào trong phạm vi của hàng hóa và dịch vụ, kết quả là tạo ra tâm lý khan hiếm, cạnh tranh và lo âu – những điều rất quen thuộc với chúng ta ở phương Tây, nhưng lại xa lạ với những người săn bắt hái lượm không dùng tiền hoặc những người nông dân tự cung tự cấp.

Các chương sau giải thích các cơ chế và ý nghĩa của sự biến đổi cuộc sống và thế giới thành tiền, sự biến tất cả mọi thứ thành hàng hóa đã và đang diễn ra trong vài thế kỉ qua. Khi mọi thứ đều phải trả tiền, thì sự khan hiếm tiền bạc làm cho mọi thứ trở nên khan hiếm, kể cả những điều cơ bản cho cuộc sống và hạnh phúc của con người. Đó là cuộc sống của nô lệ – của một người bị ép buộc phải làm việc gì đó để tồn tại.

Có lẽ dấu hiệu sâu sắc nhất về chế độ nô lệ của chúng ta là sự tiền tệ hóa thời gian. Đó là một hiện tượng có gốc rễ sâu hơn cả hệ thống tiền tệ của chúng ta, vì nó phụ thuộc vào cách đong đo thời gian từ trước khi tiền xuất hiện. Một con vật hoặc một đứa trẻ có "tất cả thời gian trên thế giới này". Điều này cũng đúng đối với những người thuộc thời kỳ đồ đá – những người có những khái niệm rất lỏng lẻo về thời gian và hiếm khi vội vàng. Các ngôn ngữ nguyên thủy thường thiếu thời[9], đôi khi còn không có từ "ngày hôm qua" hay "ngày mai". Sự hờ hững với thời gian của những người nguyên thủy hiện tại vẫn còn rõ ràng ở các vùng nông thôn, những vùng có tính truyền thống hơn trên thế giới. Cuộc sống chuyển động nhanh hơn ở các thành phố lớn, nơi chúng ta luôn vội vã vì thời gian lúc nào cũng khan hiếm. Nhưng trong quá khứ, chúng ta đã từng có đầy ắp thời gian.

Xã hội càng bị tiền tệ hóa thì các công dân của xã hội đó càng lo lắng và vội vã. Tại những nơi trên thế giới mà vẫn còn ở bên ngoài nền kinh tế tiền tệ, nơi nông nghiệp tự cung tự cấp vẫn còn tồn tại và nơi mà hàng xóm giúp đỡ lẫn nhau, thì tốc độ của cuộc sống chậm hơn, ít vội vã hơn. Ở nông thôn Mexico, mọi việc đều được làm mañana (ngày mai). Một phụ nữ nông dân Ladakh được phỏng vấn trong bộ phim "Ancient Futures" của

Helena Norberg-Hodge đã tổng hợp tất cả những điều đó trong việc mô tả người em gái đang sống ở thành phố của cô như sau: "Cô ấy có một cái nồi cơm điện, một chiếc xe hơi, một chiếc điện thoại – tất cả các loại thiết bị giúp tiết kiệm thời gian. Tuy nhiên, khi tôi đến thăm cô ấy, cô ấy luôn bận rộn đến nỗi chúng tôi hầu như không có thời gian để nói chuyện."

Đối với một con thú, một đứa trẻ, hay một người săn bắt hái lượm, thời gian về cơ bản là vô hạn. Ngày nay, sự tiền tệ hóa thời gian đã làm cho nó cũng trở nên khan hiếm, như tất cả mọi thứ khác. Thời gian là cuộc sống. Khi chúng ta coi thời gian là khan hiếm, chúng ta sẽ thấy cuộc sống ngắn lại và trở nghèo nàn.

Nếu bạn được sinh ra trước thời kì kế hoạch của người lớn xâm chiếm cuộc sống của trẻ em và trẻ em bị thúc ép chạy từ hoạt động này sang hoạt động khác, thì có lẽ bạn vẫn còn nhớ cảm giác "thời gian là vĩnh cữu" của thời thơ ấu, những buổi chiều kéo dài mãi mãi, sự tự do vô tận của cuộc sống trước sự chuyên chế của lịch và đồng hồ. John Zerzan viết, "Đồng hồ làm cho thời gian khan hiếm và cuộc sống ngắn ngủi." Một khi đã được định lượng thì thời gian cũng có thể được mua và bán, và sự khan hiếm của tất cả loại hàng hóa liên quan đến tiền cũng ảnh hưởng tới thời gian. "Thời gian là tiền bạc," – một cách nói khác của câu "Tôi không có thời gian."

Nếu thế giới vật chất về cơ bản là một thế giới phong phú, thì thế giới tâm linh còn phong phú hơn nhiều: những sáng tạo của tâm trí con người – những bài hát, câu chuyện, phim, ý tưởng, và mọi thứ khác mà được gọi tên là "tài sản trí tuệ". Bởi vì ở thời đại kỹ thuật số, chúng ta có thể nhân bản và lan truyền chúng với chi phí không đáng kể, nên sự khan hiếm nhân tạo phải được áp đặt lên chúng để giữ chúng trong phạm vi của tiền. Ngành công nghiệp và chính phủ thi hành sự khan hiếm thông qua luật bản quyền, bằng sáng chế và các tiêu chuẩn mã hóa, cho phép chủ sở hữu tài sản đó kiếm lợi nhuận từ việc sở hữu nó.

Sự khan hiếm là một ảo ảnh, một sáng tạo văn hóa. Nhưng bởi vì gần như toàn bộ cuộc sống của chúng ta nằm trong một thế giới được xây dựng bởi văn hóa, nên trải nghiệm của chúng ta về sự khan hiếm này là rất thật –

thật đến nỗi hiện nay gần một tỷ người bị suy dinh dưỡng và khoảng 5.000 trẻ em chết mỗi ngày do các nguyên nhân gây ra do bị đói. Vì vậy, phản ứng của chúng ta đối với sự khan hiếm – lo lắng và tham lam – là hoàn toàn dễ hiểu. Khi cái gì đó dồi dào, không ai ngần ngại chia sẻ nó. Chúng ta sống trong một thế giới dồi dào, nhưng được làm cho khác đi bằng nhận thức của chúng ta, văn hóa của chúng ta, và những câu chuyện vô hình nằm sâu trong nhận thức của chúng ta. Nhận thức của chúng ta về sự khan hiếm là một lời tiên tri tự biến thành sự thật. Tiền là trọng tâm trong việc tạo dựng nên ảo tưởng về sự khan hiếm – một ảo tưởng có khả năng tự vật chất hóa.

Tiền, thứ đã biến sự dồi dào thành khan hiếm, tạo ra lòng tham. Nhưng không phải bản thân tiền mà chỉ là loại tiền hiện tại chúng ta đang sử dụng, loại tiền hiện thân của cảm giác mang tính văn hóa về cái tôi của chúng ta, hiện thân của những câu chuyện tưởng tượng mà chúng ta không có ý thức về sự có mặt của nó, và hiện thân của mối quan hệ thù địch với thiên nhiên đã tồn tại hàng ngàn năm nay. Tất cả những điều này giờ đây đang thay đổi. Vậy, chúng ta hãy xem xét cách mà tiền trở thành thứ có ảnh hưởng đến tâm trí và cách sống của chúng ta, để chúng ta có thể hình dung cách mà hệ thống tiền tệ có thể thay đổi cũng bằng chính tâm trí và cách sống của mình.

CHƯƠNG 3:
TIỀN VÀ LÝ TRÍ

Khi tất cả đều bị cô lập bởi chủ nghĩa vị kỷ, không còn gì ngoài bụi, và khi bão tố xảy ra, không còn gì ngoài bùn.

– Benjamin Constant

Sức mạnh gây ra ảo giác tập thể về sự khan hiếm chỉ là một trong những cách mà tiền gây ảnh hưởng đến nhận thức của chúng ta. Chương này sẽ khám phá một số ảnh hưởng về tâm lý và tâm linh sâu sắc của tiền bạc lên cách mà chúng ta nhìn nhận thế giới, tôn giáo, nền triết học của chúng ta, thậm chí trên cả nền khoa học của chúng ta. Tiền len lỏi vào tâm trí, nhận thức, và bản sắc của chúng ta. Đó là lý do tại sao khi một cuộc khủng hoảng tiền tệ ập tới, thì dường như tấm màn thực tại cũng đang bị tháo rời – dường như thế giới đang tan rã. Tuy nhiên, đây cũng là nguyên nhân để chúng ta lạc quan, bởi vì tiền là một sản phẩm xã hội mà chúng ta có thể thay đổi. Những luồng nhận thức và hành động tập thể mới nào sẽ song hành với một loại tiền mới?

Chúng ta đã đến Chương 3, và thậm chí tôi còn chưa định nghĩa về "tiền"! Hầu hết các nhà kinh tế học định danh tiền bằng các chức năng của nó, chẳng hạn như nó là một phương tiện trao đổi, đơn vị đo lường giá trị, và phương tiện tích lũy. Theo đó, họ cho rằng tiền đã xuất hiện từ rất sớm, có lẽ là năm ngàn năm trước cùng sự xuất hiện của các loại hàng hóa tiêu chuẩn như ngũ cốc, dầu, gia súc, hoặc vàng được sử dụng để phục vụ các chức năng trên. Nhưng khi nói về tiền, tôi muốn đề cập một thứ khác biệt đôi chút, thứ mà đã xuất hiện lần đầu tiên ở Hy Lạp vào thế kỷ thứ bảy TCN. Đó được cho là lần đầu tiên tiền vượt trên hàng hóa đơn thuần để trở thành một hữu thể riêng biệt. Do đó, ngoài nói về những chức năng của tiền, chúng ta còn có thể nói về vấn đề "tiền là cái gì" nữa.

Câu chuyện dân gian giữa các nhà kinh tế học kể rằng tiền xu được phát minh để đảm bảo trọng lượng và độ tinh khiết cho mảnh kim loại có giá trị như một thứ hàng hóa. Chúng có giá trị bởi chúng được làm ra hoàn toàn từ vàng hoặc bạc. Trên thực tế, giống như nguồn gốc đổi chác của tiền hay giả định về sự khan hiếm, câu chuyện về nguồn gốc tiền xu này là giả tượng của một nhà kinh tế học. Một giả tưởng được gắn kèm một nhân vật lừng lẫy để đảm bảo tính xác thực cho nó. Aristotle viết:

> *Vì không dễ mang đi mang lại hàng tá nhu yếu phẩm, nên mọi người đã đồng thuận sử dụng một vật có ích và dễ sử dụng khi trao đổi hàng hóa với nhau, ví dụ như sắt, bạc hay tương tự. Đầu tiên, giá trị của những thứ đó được đo bằng kích cỡ và trọng lượng của chúng, nhưng theo thời gian, người ta đóng một con dấu lên đó, để khỏi mất công cân đo và để đánh dấu giá trị.*[1]

Câu chuyện này có vẻ khá hợp lý, nhưng bằng chứng lịch sử dường như mâu thuẫn với nó. Các đồng tiền xu đầu tiên, mà được đúc ở Lydia, được làm từ electrum (một hợp kim bạc-vàng) có tính đồng nhất về chất lượng là rất thấp.[2] Tiền xu nhanh chóng lan sang Hy Lạp, nơi mà tuy các đồng xu tương đối đồng nhất về trọng lượng và độ tinh khiết, chúng thường có giá trị lớn hơn giá trị hàng hóa của loại bạc mà từ đó chúng được đúc ra.[3] Thật vậy, một số thành bang (bao gồm Sparta) đã đúc tiền xu từ các kim loại cơ bản như sắt, đồng, chì hoặc thiếc: những đồng tiền này có giá trị nội tại không đáng kể nhưng vẫn có chức năng như tiền.[4] Trong cả hai trường hợp, các đồng xu được đóng dấu có giá trị (mà theo nhà sử học Richard Seaford, chúng ta sẽ gọi "giá trị ủy thác") lớn hơn một mảnh kim loại giống hệt vậy nhưng chưa được đóng dấu. Tại sao? Một con dấu đơn thuần ẩn chứa sức mạnh huyền bí gì chăng? Đó không phải là sự đảm bảo về trọng lượng và độ tinh khiết, cũng không phải là sự bành trướng quyền lực cá nhân của kẻ cai trị hay cơ quan tôn giáo. Seaford nhận thấy, "Trong khi dấu niêm phong có vẻ biểu hiện quyền lực của người sở hữu con dấu, thì các con dấu trên đồng xu không tạo được mối liên quan giữa đồng xu và nguồn gốc của chúng như ta tưởng".[5] Thay vào đó, dấu hiệu trên đồng xu xác thực rằng mảnh kim loại sở hữu một giá trị nhất định. Và người ta làm được như vậy không phải bằng cách truyền năng lượng (phép thuật hay cách khác) sang mảnh kim loại, mà bằng cách áp lên nó một hình dạng

mà dễ dàng chỉ đích nó thuộc một phạm trù riêng biệt, phạm trù của tiền xu thật… Con dấu đồng xu… thực chất có tác dụng như một kí hiệu".[6]

Các kí hiệu không có sức mạnh nội tại, nhưng lại đạt được sức mạnh thông qua cách con người nhận thức về chúng. Trong phạm vi một xã hội có chung nhận thức, các kí hiệu hoặc biểu tượng sẽ mang sức mạnh xã hội. Loại tiền mới từng xuất hiện ở Hy Lạp cổ đại trở nên có giá trị từ một thỏa thuận xã hội, trong đó các dấu hiệu trên đồng xu là bằng chứng.[7] Thỏa thuận này là bản chất của tiền. Điều này nên hiển nhiên ngày nay, khi hầu hết tiền là tiền điện tử và tiền giấy thì có giá trị nội tại chỉ xấp xỉ bằng một tờ giấy vệ sinh, nhưng tiền đã và vẫn đang là một sự thỏa thuận kể từ thời Hy Lạp cổ đại. Những nhà cải cách ủng hộ tiền đúc vàng như một cách để trở lại thời hoàng kim của "tiền thật" đang cố gắng quay trở về với một thứ chưa bao giờ tồn tại, ngoại trừ trong những khoảnh khắc lịch sử ngắn ngủi mà tiền vàng gần như là một lý tưởng. Tôi tin rằng bước tiếp theo trong tiến trình phát triển của tiền tệ nhân loại sẽ không phải là trở về một hình thức tiền tệ từ xa xưa, mà là sự chuyển đổi của nó từ một hiện thân của thỏa thuận vô thức sang có ý thức.

Qua hơn 5.000 năm, tiền đã phát triển từ hàng hóa thuần túy, đến một biểu tượng đặt trên một loại vật liệu, đến biểu tượng thuần khiết của ngày hôm nay. *Kinh tế học thiêng liêng* không tìm cách để đảo ngược tiến trình này, mà để hoàn thành nó. Tiền như một sự thỏa thuận không đứng cô lập với các hệ thống kí hiệu và biểu tượng khác mà qua đó nền văn minh của chúng ta vận hành. Chúng ta có thể đặt vào trong tiền các thỏa thuận mới về hành tinh của chúng ta, về các loài sinh vật, và về những gì chúng ta cho là thiêng liêng. Trong một thời gian dài chúng ta đã coi sự "tiến bộ" là thiêng liêng, sự tiến bộ của khoa học và công nghệ, sự chinh phục thiên nhiên. Hệ thống tiền tệ của chúng ta phục vụ những mục tiêu đó. Hiện tại mục tiêu của chúng ta đang thay đổi, những siêu-chuyện-kể của chúng ta cũng thay đổi và tiền sẽ là một phần trong những câu chuyện đó: Câu Chuyện về Cái Tôi, Câu Chuyện về Con Người, và Câu Chuyện về Thế Giới.

Mục đích của cuốn sách này là để kể một câu chuyện mới về tiền; để làm sáng tỏ những thỏa thuận mới mà chúng ta có thể gắn vào trong những

"tấm bùa" ủy thác này, để tiền là đồng minh, chứ không phải kẻ thù, của một thế giới tốt đẹp hơn mà trái tim chúng ta biết là khả thi.

Không phải ngẫu nhiên mà Hy Lạp cổ đại, nơi mà tiền tượng trưng bắt nguồn, cũng là nơi đã sinh ra khái niệm hiện đại về cá nhân, các khái niệm về logic và lý trí, và các nền tảng triết học của lý trí hiện đại. Trong nghiên cứu khoa học *Money and the Ancient Greek Mind*, giáo sư văn học kinh điển Richard Seaford khám phá tác động của tiền bạc lên xã hội và suy nghĩ của Hy Lạp và làm sáng tỏ những đặc điểm khiến tiền trở nên độc đáo. Trong đó, tiền vừa cụ thể vừa trừu tượng; nó là một mục tiêu thuần nhất, không mang tính cá nhân, là một phương tiện phổ quát; và nó không có giới hạn. Sự xuất hiện của quyền lực mới và độc nhất này trên thế giới đã tạo ra những hậu quả sâu sắc, mà rất nhiều trong số đó đã thấm sâu vào niềm tin và văn hóa, tâm lý và xã hội của chúng ta đến mức chúng ta khó có thể nhận ra chúng, chưa nói đến việc nghi vấn chúng.

Tiền là thuần nhất vì kể cả có bất kỳ sự khác biệt vật lí nào giữa các đồng tiền thì chúng vẫn đều có giá trị như nhau (nếu chúng có cùng mệnh giá). Mới hay cũ, nhàu hay phẳng, tất cả các đồng một drachma đều như nhau. Đây là một điều mới mẻ trong thế kỷ thứ sáu TCN. Trong thời đại cổ đại, Seaford nhận xét, quyền lực được truyền lại thông qua các vật thể bùa chú độc nhất (ví dụ, cây quyền trượng được cho là trao từ Zeus), tiền thì ngược lại: quyền lực của nó được cấp thông qua một dấu hiệu tiêu chuẩn mà xóa nhòa sự khác nhau về độ tinh khiết và trọng lượng. Chất lượng không quan trọng, chỉ có số lượng mới quan trọng. Bởi vì tiền có thể chuyển đổi thành tất cả các thứ khác, nó làm lây nhiễm tính chất đó sang các vật khác, biến chúng thành các mặt hàng – các đồ vật mà, miễn là chúng đáp ứng các tiêu chí nhất định, thì đều được xem là giống hệt nhau. Chỉ có số lượng mới quan trọng. Seaford nói, "Tiền thúc đẩy tính đồng nhất giữa mọi thứ nói chung". Tất cả mọi thứ đều bình đẳng, bởi vì chúng có thể được bán đi để lấy tiền, và sau đó tiền có thể được sử dụng để mua bất kỳ thứ gì khác.

Trong thế giới hàng hóa, mọi thứ đều có giá trị bằng với số tiền cần để thay thế chúng. Thuộc tính chính của chúng là "giá trị" – một sự trừu tượng. Tôi cảm thấy buồn và xa lạ trong câu nói "Bạn luôn có thể mua một cái khác". Bạn có thấy câu nói đó thúc đẩy chủ nghĩa phi vật chất, khuyến

khích sự tách rời khỏi thế giới vật chất trong đó mỗi người, mỗi nơi chốn và sự vật là đặc biệt, độc nhất không? Không có gì ngạc nhiên khi các triết gia Hy Lạp thời đại này bắt đầu nâng cao sự trừu tượng lên trên cả thực tế, đạt cực điểm trong sáng kiến của Plato về một thế giới của các dạng thức hoàn hảo thực tế hơn cả thế giới của các giác quan. Không lạ gì mà cho đến ngày nay chúng ta vẫn đối xử với thế giới vật chất với một thái độ kiêu hãnh như thế. Không có gì ngạc nhiên khi sau hai ngàn năm đắm chìm trong trong tâm lý tiền bạc (mentality of money), chúng ta đã trở nên quá quen thuộc với sự thay thế của tất cả mọi thứ đến nỗi chúng ta hành xử như thể chúng ta có thể mua một hành tinh mới một cách đơn giản nếu chúng ta hủy hoại hành tinh này.

Tôi đặt tên cho chương này là "Tiền và Lý trí". Rất giống với giá trị được ủy thác của tiền, lý trí là một thứ trừu tượng cầm lái một phương tiện vật chất (thể xác). Giống như sự ủy thác tiền tệ, ý tưởng về lý trí như là một hữu thể riêng biệt và phi vật chất đã phát triển hàng ngàn năm nay, dẫn đến khái niệm hiện đại về một ý thức phi vật chất, một linh hồn tách biệt khỏi thân xác. Nói một cách rõ ràng, cả trong tư tưởng thế tục lẫn tôn giáo, sự trừu tượng này trở nên quan trọng hơn phương tiện vật lý, tương tự như "giá trị" của một vật quan trọng hơn các thuộc tính vật lý của chính nó.

Trong phần Lời giới thiệu, tôi đã đề cập đến ý tưởng rằng chúng ta đã tạo ra một vị thần dựa trên quan niệm về tiền của mình: một sức mạnh vô hình có khả năng dịch chuyển tất cả mọi thứ, làm cho thế giới trở nên sống động, một "bàn tay vô hình" chỉ huy hoạt động của con người, phi vật chất nhưng có mặt ở khắp nơi. Nhiều trong số các thuộc tính này của Thượng Đế hay linh hồn có nguồn gốc từ thời các triết gia Hy Lạp trước Socrate (trước năm 470 TCN), những người đã phát triển ý tưởng của họ ngay chính thời điểm tiền bạc nắm quyền kiểm soát xã hội. Theo Seaford, họ thậm chí là những người đầu tiên phân biệt giữa bản chất và bề ngoài, giữa cụ thể và trừu tượng – một sự khác biệt hoàn toàn không tồn tại (ngay cả ngầm) vào thời của Homer (tác giả Sử thi Odyssey thời Hy Lạp cổ đại). Từ *apeiron*[8] của Anaximander đến các *logos*[9] của Heraclitus tới học thuyết Pythagore *"Tất cả là con số"*, người Hy Lạp cổ đại đã nhấn mạnh tính ưu việt của sự trừu tượng: một nguyên tắc không nhìn thấy được nhưng điều khiển thế giới. Tư tưởng này đã thâm nhập vào DNA của nền văn minh

chúng ta tới mức mà quy mô của lĩnh vực tài chính lớn hơn hẳn nền kinh tế thực; trong đó tổng giá trị các dẫn xuất tài chính lớn gấp mười lần tổng sản phẩm quốc nội của thế giới; nơi những phần thưởng lớn nhất của xã hội được trao cho những phù thủy phố Wall – những người không làm gì khác hơn là điều khiển các biểu tượng. Đối với thương nhân đang ngồi trước máy tính, thực sự là như Pythagoras nói: "Tất cả là con số".

Một biểu hiện của sự chia cắt giữa tinh thần và vật chất này mà ưu tiên cho tinh thần là ý tưởng: "Chắc chắn, cải cách kinh tế là một điều đáng làm, nhưng điều quan trọng hơn nhiều là sự chuyển hóa ý thức của con người". Tôi nghĩ quan điểm này là sai lầm, vì nó dựa trên sự phân biệt sai giữa ý thức và hành động, và đến cuối là sự phân biệt sai giữa tinh thần và vật chất. Ở một mức độ sâu xa, tiền và ý thức đan xen lẫn nhau. Cái này bị ràng buộc với cái kia.

Tính trừu tượng của tiền được phát triển phù hợp trong một bối cảnh siêu lịch sử rộng lớn. Tiền không thể phát triển mà không có một nền tảng của sự trừu tượng dưới dạng chữ cái và số. Con số và nhãn mác kéo ta xa rời khỏi thế giới thực và dẫn trí óc của chúng ta suy nghĩ theo cách trừu tượng. Sử dụng một danh từ là ngụ ý nhắc tới một đặc tính của nhiều thứ cùng có chung tên gọi; nói rằng năm đặc tính của một thứ biến mỗi cái trở thành một đơn vị. Chúng ta bắt đầu nghĩ đến các vật thể như là đại diện của một hạng mục chứ không phải là những vật độc đáo. Vì vậy, trong khi các hạng mục tiêu chuẩn và tổng quát không khởi đầu với tiền, thì chính tiền đã đẩy mạnh sự thống trị về mặt khái niệm của các hạng mục. Hơn nữa, tính đồng nhất của tiền đi kèm với sự phát triển nhanh chóng của các loại hàng hóa tiêu chuẩn hóa cho thương mại. Sự tiêu chuẩn hóa như vậy là thô thiển trong thời kỳ tiền công nghiệp, nhưng ngày nay những vật dụng được sản xuất hàng loạt giống hệt nhau cũng gần như có nghĩa là sự dối trá của tiền đã biến thành chân lý.

Khi chúng ta xem xét hình thức của tiền trong tương lai, chúng ta hãy nhớ rằng tiền có thể đồng nhất hóa tất cả những gì nó chạm vào. Có lẽ tiền *chỉ* nên được sử dụng cho những gì là hoặc nên là tiêu chuẩn, có thể định lượng, hoặc chung chung; có lẽ một loại tiền khác, hoặc chẳng cần đến tiền nữa, nên tham gia vào việc lưu thông những gì mang tính cá nhân và độc

đáo. Chúng ta chỉ có thể so sánh giá cả dựa trên số lượng tiêu chuẩn; do đó, khi chúng ta nhận được nhiều hơn thế – một cái gì đó không đong đếm được – là chúng ta đã nhận được một khoản thêm (bonus), một thứ mà chúng ta đã không phải trả tiền. Nói cách khác, chúng ta đã nhận được một món quà. Chắc chắn là, chúng ta có thể mua một tác phẩm nghệ thuật, nhưng nếu chúng ta cảm thấy nó chỉ như một loại hàng hóa, thì chúng ta đã phải trả quá nhiều; nhưng nếu đó là nghệ thuật chân chính, thì chúng ta đã phải trả quá ít. Tương tự, chúng ta có thể mua tình dục nhưng không mua được tình yêu; chúng ta có thể mua calo mà không mua được thực phẩm thật. Ngày nay chúng ta phải chịu đựng một sự nghèo túng của những thứ vô giá, không đong đếm được; sự túng thiếu của những thứ mà tiền không thể mua được và sự thừa thãi của những thứ mà nó mua được (mặc dù sự thừa thãi này được phân bổ không đồng đều đến nỗi nhiều người thậm chí không có nổi những thứ đó).[10]

Như việc tiền có thể đồng nhất hóa những thứ nó chạm vào, thì nó cũng có thể đồng nhất hóa và làm mất tính cá nhân của những người dùng nó: "Nó tạo điều kiện cho kiểu trao đổi thương mại mà trao đổi đó không liên quan gì tới các mối quan hệ khác".[11] Nói cách khác, mọi người chỉ đơn giản là các bên tham gia trong một giao dịch. Trái ngược với những động cơ đa dạng là đặc trưng của hoạt động cho và nhận quà tặng, thì trong một giao dịch tài chính thuần túy, tất cả chúng ta đều như nhau: tất cả chúng ta đều muốn có được một thương vụ tốt nhất. Tính đồng nhất này giữa con người như một hệ quả của tiền được giả định các nhà kinh tế học giả định là nguyên nhân. Toàn bộ câu chuyện về sự tiến hóa của tiền từ hoạt động đổi chác giả định rằng bản chất cơ bản của con người là muốn tối đa hóa lợi ích cá nhân. Trong đó, con người được coi là như nhau. Khi không có tiêu chuẩn về giá, những người khác nhau thì muốn những thứ khác nhau. Khi tiền có thể trao đổi để lấy bất kỳ thứ gì, thì tất cả mọi người đều muốn chung một thứ: tiền.

Seaford viết: "Tiền được tách ra khỏi tất cả các liên kết mang tính cá nhân, nó trở nên lộn xộn và có khả năng được trao đổi với bất cứ ai để lấy bất cứ điều gì, nó thờ ơ với tất cả các mối quan hệ phi tiền tệ giữa người với người".[12] Không giống như các đồ vật khác, tiền không lưu giữ lại bất kì dấu vết nào về nguồn gốc của nó hay bất kì dấu vết nào của những người

đã từng sử dụng nó. Trong khi một món quà dường như là một phần của người cho, tiền của ai cũng giống nhau. Nếu tôi có 2.000 đô la trong ngân hàng, một nửa từ bạn bè của tôi và một nửa từ kẻ thù của tôi, tôi không thể chọn tiêu 1.000 đô la từ kẻ thù trước và giữ lại phần tiền từ bạn bè tôi. Mỗi đô la đều có giá trị như nhau.

Một cách thông thái, có lẽ vì hiểu được điều đó nên nhiều người từ chối không lẫn lộn việc kinh doanh với tình bạn, họ đề phòng không để xảy ra xung đột tất yếu giữa tiền và mối quan hệ cá nhân. Tiền làm cho một mối quan hệ trở nên mất tính chất cá nhân, biến hai người thành "các bên trong một cuộc trao đổi", mỗi bên đều có mục đích chung là tối đa hóa lợi ích cá nhân. Nếu tôi muốn tối đa hóa lợi ích cá nhân, mà có thể bạn sẽ phải thua thiệt, thì làm sao chúng ta có thể là bạn? Trong xã hội được tiền tệ hóa ở mức cao như xã hội của chúng ta, gần như tất cả nhu cầu đều có thể được đáp ứng bằng tiền, thì còn đâu những món quà cá nhân mà từ đó chúng ta có thể xây dựng tình bạn? Động cơ lợi nhuận gần như luôn đối nghịch với các động cơ cá nhân tốt đẹp, bởi vậy mới có câu "Đừng để tâm quá; chỉ là công việc thôi". Ngày nay, phong trào kinh doanh có đạo đức và phong trào đầu tư có đạo đức tìm cách hàn gắn sự đối nghịch giữa tình cảm và lợi nhuận, tuy nhiên, dù động cơ có chân thành cỡ nào chăng nữa, những nỗ lực đó thường biến đổi thành quan hệ công chúng PR[13], "green-washing"[14], hay tự công chính[15]. Đây không phải là tình cờ. Ở các chương sau, tôi sẽ mô tả một mâu thuẫn chết người trong nỗ lực đầu tư có đạo đức, nhưng hiện tại bạn chỉ cần lưu ý đến sự nghi ngờ tự nhiên của bạn về vấn đề này, và nói chung về bất kỳ tuyên bố nào để "kiếm tiền bằng cách làm việc tốt".

Bất cứ lúc nào chúng ta bắt gặp một doanh nghiệp có vẻ như có lòng vị tha, chúng ta sẽ có xu hướng nghĩ rằng, "Cái giá phải trả là gì?" Làm thế nào mà họ bí mật kiếm tiền từ đây? Khi nào họ sẽ yêu cầu tôi chi tiền? Ý nghĩ ngờ vực rằng "Anh ta thực ra làm vì tiền" gần như là phổ quát. Chúng ta nhanh chóng phát hiện ra các động cơ tài chính trong mọi thứ mà người ta làm, và chúng ta cảm động sâu sắc khi ai đó làm điều gì đó hoan hỷ hay hào phóng đến nỗi rõ ràng là họ không có động cơ đó. Có vẻ như không hợp lý, thậm chí là kỳ diệu, khi ai đó thực sự cho đi mà không nghĩ cách để được đáp trả. Như Lewis Hyde đã nói, "Trong các đế chế của sự bóc lột,

tính đa cảm của một người có trái tim thương yêu khiến chúng ta cảm động bởi vì nó nói lên những điều đã mất."[16]

Tính phổ biến của sự nghi ngờ động cơ lợi nhuận kín đáo phản ánh tiền như một mục tiêu phổ quát. Hãy hình dung lại bạn hồi còn đi học, nói chuyện với cố vấn nghề nghiệp[17], thảo luận về các khả năng của bạn và cách bạn có thể sử dụng chúng để kiếm sống – nghĩa là chuyển đổi chúng thành tiền. Thói quen suy nghĩ này nằm sâu trong chúng ta: khi cậu con trai tuổi teen của tôi Jimi cho tôi xem các trò chơi máy tính mà nó sáng tạo ra, đôi khi tôi bắt gặp bản thân mình đang nghĩ về việc làm thế nào để con có thể thương mại hóa các trò chơi đó và về những kỹ năng lập trình mà con có thể phát triển tiếp để phù hợp với thị trường. Gần như bất cứ lúc nào ai đó có một ý tưởng sáng tạo thú vị, thì suy nghĩ "làm sao để chúng ta có thể kiếm tiền từ việc này?" hiện lên ngay sau đó. Nhưng khi lợi nhuận trở thành mục đích của sáng tạo nghệ thuật chứ không phải chỉ là một hiệu ứng phụ, thì sản phẩm sáng tạo không còn là nghệ thuật nữa, và chúng ta trở thành những người bán hàng rẻ mạt. Mở rộng nguyên tắc này ra cuộc sống nói chung, Robert Graves cảnh báo, "Bạn chọn công việc đang làm để tạo cho bạn một khoản thu nhập ổn định và thời gian rảnh rỗi để phục vụ part-time "vị nữ thần" mà bạn yêu quý. Tôi là ai, bạn sẽ hỏi, mà dám cảnh báo bạn rằng vị nữ thần ấy đòi hỏi bạn phục vụ toàn thời gian hoặc không thì thôi?"[18]

Tiền như một mục tiêu phổ quát được gắn liền vào ngôn ngữ của chúng ta. Chúng ta nói đến việc "vốn hóa" ý tưởng của chúng ta và sử dụng từ "cho không", thực ra có nghĩa là cái gì đó có thể được nhận với sự biết ơn (chứ không phải trả tiền), như một từ đồng nghĩa với "không cần thiết". Chắc chắn là tiền cũng gắn liền vào ngành kinh tế học, trong giả định rằng con người tìm cách tối đa hóa lợi ích cá nhân mà lợi ích cá nhân ở đây tương đương với tiền. Nó thậm chí còn được gắn vào khoa học, nơi tiền là một mật mã để giải bài toán về gia tăng cơ hội sinh sản. Ở đây, khái niệm về một mục tiêu phổ quát đã được thiết lập.

Ý tưởng rằng có một thứ gì đó là mục tiêu phổ quát của cuộc sống (dù đó là tiền bạc hay cái gì khác) là hoàn toàn không hiển nhiên. Ý tưởng này rõ ràng nảy sinh vào khoảng thời gian mà tiền xuất hiện; có lẽ chính tiền đã

gợi ý điều này cho các triết gia. Socrates đã sử dụng một phép ẩn dụ tiền trong việc gợi ý trí thông minh như là mục tiêu phổ quát: "Chỉ có một loại tiền (currency) đúng đắn nhất mà để có nó chúng ta phải đánh đổi tất cả những thứ khác [niềm vui và nỗi đau] – đó là trí thông minh".[19] Trong tôn giáo, điều này tương ứng với việc theo đuổi một mục đích tối hậu, ví dụ như sự cứu độ hay sự giác ngộ, từ đó mọi điều tốt đẹp khác sẽ tuôn chảy. Thật là quá giống với mục tiêu không giới hạn của tiền! Tôi tự hỏi nếu chúng ta từ bỏ việc theo đuổi một mục tiêu tổng thể, trừu tượng mà chúng ta tin là chìa khóa cho mọi thứ khác, thì hiệu ứng nào sẽ xảy ra với cuộc sống tâm linh của chúng ta? Nếu chúng ta buông bỏ cái chiến dịch bất tận để cải thiện bản thân, để tiến gần tới một mục tiêu nào đó, thì cảm giác sẽ thế nào? Sẽ thế nào nếu chúng ta chỉ rong chơi, chỉ hiện hữu? Giống như sự giàu có, sự giác ngộ là một mục tiêu không có giới hạn, và trong cả hai trường hợp, việc theo đuổi nó có thể khiến chúng ta trở thành nô lệ. Trong cả hai trường hợp, tôi nghĩ rằng đối tượng của sự theo đuổi chỉ là sự một thay thế giả tạo cho rất nhiều điều mà mọi người thực sự muốn.[20]

Trong một xã hội bị tiền tệ hóa hoàn toàn, nơi mà gần như mọi thứ đều là một mặt hàng hoặc một dịch vụ, tiền chuyển đổi sự đa dạng của thế giới thành một thể thống nhất, "một thứ duy nhất có thể làm thước đo và có thể trao đổi với hầu hết mọi thứ".[21] *Apeiron, logos* và các khái niệm tương tự đều là các phiên bản của sự thống nhất cơ bản mà làm nền tảng tạo ra tất cả mọi thứ. Chính từ nền tảng đó mà tất cả mọi thứ xuất hiện và mọi thứ đều trở về. Như vậy, nó gần giống với quan niệm của người Trung Quốc cổ xưa về Đạo – cái sinh ra âm và *dương*, và từ đó sinh ra vạn vật. Thú vị là, bậc thầy nửa hư nửa thực của Đạo giáo – Lão Tử đã sống cùng khoảng thời gian với các triết gia tiền Socrates, cũng xấp xỉ thời gian ở Trung Quốc xuất hiện những đồng xu đầu tiên. Trong bất kỳ trường hợp nào, ngày nay tiền vẫn là thứ sinh ra vạn vật. Khi bạn muốn tạo dựng bất kì cái gì trong thế giới này, bạn bắt đầu với một khoản đầu tư, với tiền. Và sau đó, khi bạn hoàn thành dự án của mình, cũng đến lúc bán nó đi. Mọi thứ khởi sinh từ tiền; mọi thứ quy lại về tiền.

Bởi vậy tiền không chỉ là một mục tiêu phổ quát; nó cũng đồng thời là một phương tiện phổ quát, thực sự tiền là như vậy bởi nó là một phương tiện phổ quát đồng thời cũng là một cái đích phổ quát, thứ mà người ta không

bao giờ có thể có quá nhiều. Hoặc ít nhất, đó là cách mà chúng ta nhận thức về nó. Nhiều lần tôi đã chứng kiến các cuộc thảo luận về việc tạo ra một cộng đồng có mục đích hoặc khởi động một dự án nào đó, chỉ để kết thúc với một sự thừa nhận đáng buồn rằng sẽ không bao giờ có chuyện xảy ra bởi vì, "Chúng ta sẽ lấy tiền ở đâu ra?" Tiền được xem là yếu tố quyết định trong việc xác định những gì chúng ta có thể tạo ra: sau cùng, nó có thể mua hầu như bất cứ loại hàng hóa nào, có thể khiến người ta thực hiện hầu như bất kỳ dịch vụ nào. "Tất cả mọi thứ đều có giá của nó". Dường như tiền thậm chí có thể mua được những thứ vô hình, chẳng hạn như địa vị xã hội, quyền lực chính trị và thiện ý của thần thánh (hoặc nếu không thì ít nhất là sự ủng hộ của các cơ quan tôn giáo). Chúng ta khá quen với việc nhìn nhận tiền là chìa khóa để thực hiện tất cả những điều chúng ta mong muốn. Bạn có bao nhiêu ước mơ mà bạn cho rằng bạn chỉ có thể hoàn thành nếu (và chỉ nếu) bạn có tiền? Vì vậy, chúng ta thế chấp những ước mơ của mình để kiếm tiền, biến nó từ phương tiện thành đích đến.

Tôi sẽ không ủng hộ việc bãi bỏ tiền. Tiền đã vượt quá giới hạn thích đáng của nó, trở thành phương tiện để đạt được những điều mà lẽ ra không bao giờ nên bị lây nhiễm tính đồng nhất và phi nhân cách của nó; trong khi đó, vì chúng ta đã cùng đồng ý coi nó như là phương tiện, những thứ mà tiền thật sự không thể mua đã trở nên không thể đạt được, và cho dù chúng ta có bao nhiêu tiền, chúng ta cũng chỉ có thể có được vẻ bề ngoài của những thứ đó mà thôi. Giải pháp là khôi phục tiền về đúng vai trò của nó. Vì đúng là có những thứ mà con người chỉ có thể tạo ra bằng tiền, hoặc bằng một số phương tiện tương đương để điều phối hoạt động của con người trên quy mô lớn. Trong hình thái thiêng liêng của nó, tiền là sự hiện thực hóa một câu chuyện, là một thỏa thuận phân định các vai trò và tập trung mục đích. Tôi sẽ trở lại chủ đề này sau, khi mà tôi mô tả cái mà tiền có thể trở thành trong một nền kinh tế thiêng liêng.

Bởi vì không có giới hạn rõ ràng cho những gì tiền có thể mua, nên lòng ham muốn tiền của chúng ta cũng có xu hướng không có giới hạn. Lòng ham muốn tiền vô hạn được thể hiện ra rất rõ ràng ở người Hy Lạp cổ đại. Ngay những ngày đầu của thời đại tiền tệ, nhà thơ vĩ đại đồng thời là nhà cải cách Solon đã quan sát thấy: "Về sự giàu có, dường như không có giới hạn nào đối với con người, vì những người giàu có nhất trong số chúng ta

hăng hái muốn gấp đôi sự giàu có." Aristophanes đã viết rằng tiền là độc đáo bởi vì với tất cả mọi thứ khác (như bánh mì, tình dục, v.v…), con người còn cảm thấy thỏa mãn, nhưng với tiền thì không.

"Bao nhiêu là đủ?" – một người bạn đã từng hỏi một tỷ phú mà anh ta biết. Người tỷ phú bị bí câu trả lời. Lý do khiến không một khoản tiền nào có thể là đủ là vì chúng ta sử dụng nó để đáp ứng những nhu cầu mà tiền không thể đáp ứng được. Như vậy nó cũng giống như bất kỳ chất gây nghiện nào khác, tạm thời làm giảm nỗi đau của một nhu cầu chưa được đáp ứng trong khi để mặc nhu cầu đó chưa thực sự được đáp ứng. Cần phải tăng liều để làm giảm đau, nhưng chẳng bao giờ có lượng nào là đủ. Ngày nay, người ta sử dụng tiền như một sự thay thế cho sự kết nối, cho sự háo hức, cho lòng tự tôn, cho tự do, và cho nhiều điều khác. "Khi nào tôi có một triệu đô la, thì tôi sẽ tự do". Có bao nhiêu người tài năng hy sinh tuổi trẻ với mong muốn nghỉ hưu sớm để có một cuộc sống tự do, chỉ để thấy mình khi ở tuổi trung niên trở thành nô lệ của tiền?

Khi chức năng chính của tiền là một phương tiện để trao đổi, nó cũng phải tuân thủ các giới hạn tương tự những loại hàng hóa mà nó được trao đổi, và ham muốn của chúng ta đối với nó bị giới hạn bởi sự thỏa mãn của bản thân. Chỉ khi tiền có thêm chức năng bổ sung như là một kho-giá-trị thì mong muốn của chúng ta đối với nó trở nên không có giới hạn. Bởi vậy tôi sẽ khai thác ý tưởng biến tiền từ kho-giá-trị thành tiền như là phương-tiện-trao-đổi. Ý tưởng này có nguồn gốc cổ xưa từ Aristotle, người phân biệt giữa hai kiểu kiếm tìm sự giàu có: vì mục đích tích lũy, và vì mục đích đáp ứng các nhu cầu khác.[22] Kiểu đầu tiên, ông nói, là "phản tự nhiên" và hơn nữa, không có giới hạn.

Không giống như các loại hàng hóa vật chất, sự trừu tượng của tiền cho phép chúng ta, về nguyên tắc, sở hữu nó với số lượng không giới hạn. Do đó, các nhà kinh tế học dễ tin vào khả năng tăng trưởng vô hạn theo cấp số nhân, trong đó chỉ một con số đại diện cho quy mô của toàn nền kinh tế. Tổng của tất cả các hàng hóa và dịch vụ là một con số, và một con số thì làm gì có giới hạn tăng trưởng? Lạc lối trong sự trừu tượng, chúng ta phớt lờ các giới hạn của tự nhiên và văn hóa để thích ứng với sự tăng trưởng kinh tế đó. Theo gót Plato, chúng ta làm cho sự trừu tượng trở nên thực tế

hơn cả hiện thực, cố định Phố Wall trong khi nền kinh tế thực đang sụp đổ. Bản chất tiền tệ của sự vật được gọi là "giá trị", mà như một bản chất trừu tượng và thống nhất, nó làm giảm tính phong phú của thế giới. Tất cả mọi thứ đều được giảm xuống thành cái giá trị mà nó tương ứng với. Điều này tạo ra ảo tưởng rằng thế giới là vô hạn cũng như các con số. Với một mức giá nào đó, bạn có thể mua bất cứ thứ gì, thậm chí cả bộ da của một loài động vật đang bị đe dọa tuyệt chủng.[23]

Ẩn tàng trong cái vô hạn của tiền là một kiểu vô hạn khác: sự vô hạn trong phạm vi của con người, phần thế giới mà thuộc về con người. Sau cùng, chúng ta có thể mua và bán những gì để đổi lấy tiền? Chúng ta mua và bán tài sản, những thứ mà chúng ta sở hữu, những thứ mà chúng ta nhận thức như là thuộc về chúng ta. Công nghệ đã không ngừng mở rộng phạm vi đó, làm cho nhiều thứ trở nên sẵn có để sở hữu mà trước đây chưa bao giờ con người có thể đạt được hoặc thậm chỉ có thể nhận thức được: khoáng chất sâu trong lòng trái đất, băng thông trên phổ điện từ, các chuỗi gen. Cùng lúc với việc mở rộng phạm vi tiếp cận của công nghệ là sự tiến triển của tâm lý tài sản, khi những thứ như đất đai, quyền sử dụng nước, âm nhạc và các câu chuyện bước vào phạm trù của những thứ có thể sở hữu được. Tính không giới hạn của tiền bao hàm ý tưởng rằng phạm trù của những thứ có thể sở hữu được có thể phát triển không giới hạn, và do đó định mệnh của nhân loại là chinh phục vũ trụ, là biến mọi thứ thành của con người, là làm cho cả thế giới phải thuộc về chúng ta. Định mệnh này là một phần của những gì tôi đã miêu tả như là câu chuyện hoang tưởng về Sự Thăng Tiến, một phần của Câu chuyện về Con Người của chúng ta. Ngày nay, câu chuyện đó đang nhanh chóng trở nên lỗi thời, và chúng ta cần phải tạo ra một hệ thống tiền tệ phù hợp với câu chuyện mới sẽ thay thế nó.[24]

Các chức năng của tiền mà tôi đã thảo luận không nhất thiết là *xấu*. Bằng cách giúp đồng nhất hóa hoặc chuẩn hóa tất cả những gì nó chạm tới, bằng cách phục vụ như một phương tiện phổ quát, tiền đã cho phép con người đạt được nhiều kỳ quan. Tiền đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền văn minh công nghệ, nhưng có lẽ, cũng như với công nghệ, chúng ta gần như mới chỉ bắt đầu học cách sử dụng công cụ sáng tạo mạnh mẽ này cho mục đích thực sự của nó. Tiền đã thúc đẩy sự phát triển của những thứ tiêu chuẩn như các bộ phận máy móc và vi mạch – nhưng liệu chúng ta

có muốn thực phẩm của chúng ta cũng đồng nhất không? Sự phi cá nhân của tiền tạo điều kiện cho sự hợp tác giữa những khoảng cách xã hội rộng lớn, giúp phối hợp sức lao động của hàng triệu người mà hầu hết là những người xa lạ với nhau – nhưng liệu chúng ta có muốn mối quan hệ của mình với những người hàng xóm cũng không có tính cá nhân? Tiền như là phương tiện phổ quát cho phép chúng ta làm được gần như mọi thứ, nhưng liệu chúng ta có muốn nó cũng là một phương tiện độc quyền, đến mức mà nếu không có nó thì chúng ta gần như là không thể làm gì? Đã đến lúc chúng ta phải làm chủ công cụ này, khi mà nhân loại bước vào một vai trò mới có ý thức, có chủ đích trên trái đất này.

CHƯƠNG 4:
RẮC RỐI VỚI TÀI SẢN

Kết quả trên chính thiên đường sẽ là gì nếu những người đến đó đầu tiên đã thiết lập tài sản tư trên bề mặt thiên đường, và phân chia nó dưới sự sở hữu tuyệt đối giữa họ với nhau, giống như chúng ta đang chia chác bề mặt trái đất?

– Henry George

Con người không tạo ra trái đất, và, dù anh ta có quyền cơ bản tự nhiên để chiếm cứ nó, nhưng anh ta không có quyền xem bất kỳ phần nào của nó như tài sản cá nhân vĩnh viễn của mình; Đấng Tạo Hóa của trái đất cũng không mở một văn phòng nhà đất để phát hành những chứng từ sở hữu ban đầu.

– Thomas Paine

HAM MUỐN SỞ HỮU

Chúng ta đã và đang sống trong thời đại của Sự Chia Cắt. Từng mối liên kết của chúng ta với cộng đồng, với thiên nhiên và với nơi chốn đã tan rã, bỏ chúng ta lại trong một thế giới xa lạ. Việc mất đi các mối liên kết này không chỉ là sự giảm sút về sự giàu có của chúng ta, mà nó còn là sự giảm sút của chính bản thể chúng ta. Sự bần cùng mà chúng ta cảm nhận, khi bị cắt đứt khỏi cộng đồng và tự nhiên, là một sự bần cùng trong tâm hồn chúng ta. Đó là vì, trái với các giả thuyết kinh tế, sinh học, triết học chính trị, tâm lý học, và tôn giáo mang tính thể chế, chúng ta về cơ bản không phải là những hữu thể tách biệt có quan hệ với nhau. Chúng ta chính *là* các mối quan hệ.

Tôi đã từng nghe Martín Prechtel nói về ngôi làng của ông ở Guatemala như sau: "Trong làng tôi, nếu bạn đưa đứa con bị bệnh đến chỗ thầy thuốc, bạn sẽ không bao giờ nói: "Tôi khỏe mạnh, nhưng con tôi bị bệnh". Bạn sẽ nói: "Gia đình tôi bị bệnh". Hoặc nếu bạn đưa tới một người hàng xóm, bạn sẽ nói: "Làng tôi bị bệnh". Không nghi ngờ gì nữa, trong một xã hội như vậy, người ta không thể nào nói rằng: "Tôi khỏe mạnh, nhưng rừng cây lại ốm yếu". Việc nghĩ rằng ai đó có thể khỏe mạnh trong khi gia đình của họ, làng của họ, hoặc đất đai, nước hoặc hành tinh này không khỏe, thì cũng vô lí như khi ta nói: "Tôi mắc căn bệnh gan chết người, nhưng đó chỉ là gan của tôi – còn tôi thì khỏe mạnh!" Cũng như ý thức của tôi về bản thân bao gồm gan của tôi, thì ý thức của họ về bản thân bao gồm cộng đồng xã hội và thiên nhiên của họ.

Ngược lại, cái tôi hiện đại là một chủ thể rời rạc và tách biệt trong một vũ trụ Khác. Cái tôi này là con người kinh tế của Adam Smith; nó là linh hồn nằm trong thể xác trong tôn giáo; nó là cái gen ích kỷ trong ngành sinh học. Nó là nền tảng của tất cả các cuộc khủng hoảng trong thời đại của chúng ta, tất cả đều là những biến thể của chủ đề tách biệt – tách biệt khỏi tự nhiên, khỏi cộng đồng, khỏi những phần đã mất của chính chúng ta. Nó đứng đằng sau những thủ phạm thường bị đổ tội cho sự phá hủy tiếp tục diễn ra của các hệ sinh thái và hệ thống chính trị, mà lòng tham của con người hay chủ nghĩa tư bản là ví dụ. Ý thức về bản thân của chúng ta đòi hỏi: "Nhiều hơn cho tôi là ít hơn cho bạn"; do đó chúng ta có một hệ thống tiền tệ dựa trên lãi suất, biểu hiện chính xác cho nguyên tắc trên. Trong các xã hội dựa trên quà tặng ngày xưa, vế ngược lại mới đúng đắn.

Ham muốn sở hữu lớn dần như một phản ứng tự nhiên đối với một ý thức hệ xa lạ khiến cho các mối liên hệ bị cắt đứt và đẩy chúng ta vào tình trạng cô độc trong vũ trụ. Khi chúng ta loại trừ thế giới khỏi bản thân, thì cái danh tính nhỏ bé, cô đơn còn lại có một nhu cầu ngấu nghiến đòi bồi thường càng nhiều càng tốt cho những mất mát của chính mình. Nếu cả thế giới, cả cuộc sống và trái đất này, không còn là tôi nữa, thì ít nhất tôi cũng có thể bù đắp cho bản thân bằng cách làm cho thế giới này trở thành của tôi. Các cá thể tách biệt khác cũng làm như vậy, vì vậy chúng ta sống trong một thế giới của sự cạnh tranh và nỗi lo lắng hiện hữu ở khắp nơi. Điều này ăn sâu vào trong chính cách chúng ta định nghĩa bản thân. Chúng

ta được sinh ra trong sự thiếu hụt – thiếu hụt trong sự hiện hữu, thiếu hụt trong tâm hồn.

Bị mắc kẹt trong logic về tôi và của tôi, chúng ta tìm cách bù đắp một phần nhỏ cho sự giàu có mất mát của bản thân bằng cách bành trướng và bảo vệ cái tôi tách biệt cũng như sự mở rộng của nó – tiền bạc và tài sản. Những người thiếu phương tiện kinh tế để thổi phồng cái tôi thì thay vào đó thường thổi phồng cái tôi thể chất, đó là một trong những lý do tại sao bệnh béo phì đày đọa người nghèo[1] một cách không cân xứng như vậy. Nghiện mua sắm, nghiện tiền, và nghiện tích trữ phát sinh từ cùng một vấn đề cơ bản giống như các chứng nghiện ăn: cả hai đều bắt nguồn từ sự cô đơn, từ nỗi đau chỉ đơn thuần hiện hữu bị cắt đứt khỏi phần lớn những gì là bản chất của chúng ta.

Khi nhìn vào những hầm mỏ lộ thiên và những khu vực nơi cây cối bị chặt sạch, những miền chết chóc, nạn diệt chủng và văn hóa người tiêu dùng xấu xí, chúng ta tự hỏi: gốc gác của cỗ máy tàn ác này là gì mà nó ngốn hết mọi điều đẹp đẽ và nhổ ra tiền như vậy? Cái tôi rời rạc và tách biệt, khi quan sát một vũ trụ mà về cơ bản là Thứ Khác, thì một cách tự nhiên sẽ đối xử với thế giới tự nhiên và con người như một đống công cụ, *đồ đạc* thứ yếu. Phần còn lại của thế giới về cơ bản là không-phải-ta.[2] Tại sao chúng ta phải quan tâm đến điều này, thứ mà vượt ngoài những tiện ích mà chúng ta có thể nhìn thấy trước? Do đó, chính Descartes, người tiên phong trong việc phát triển khái niệm hiện đại về cái tôi, đã phát triển cả khái niệm về tham vọng trở thành "chúa tể và người sở hữu" thiên nhiên. Như từ "người sở hữu" ngụ ý, ý tưởng về "sở hữu tài sản" hình thành khá tự nhiên đối với những cái tôi tách biệt.

Sự phân biệt cứng nhắc và hạn hẹp của chúng ta giữa "ta và những thứ khác" đang sắp đến hồi kết thúc, nó là nạn nhân của giả thuyết của chính nó. Như các nhà huyền học đã dạy, cái tôi tách biệt chỉ có thể được duy trì tạm thời và với chi phí đắt đỏ. Chúng ta đã duy trì nó một thời gian dài, và đã xây dựng cả một nền văn minh dựa trên nền tảng đó, nền văn minh mà luôn tìm cách chinh phục thiên nhiên và bản chất con người. Sự hội tụ của các cuộc khủng hoảng hiện tại đã lột trần sự vô ích của mục tiêu đó. Nó báo trước sự kết thúc của nền văn minh mà chúng ta biết, và báo trước một

trạng thái mới của sự hiện hữu của con người mà được định nghĩa bằng một ý thức về cái tôi linh động hơn, bao quát hơn.

Một lý thuyết về nguồn gốc của tài sản liên hệ nó với khái niệm về sự tự trị, hay quyền tự chủ, khái niệm này xuất hiện chậm rãi từ quá khứ cộng đồng bộ lạc của chúng ta. Charles Avila mô tả logic đó theo cách này: "Nếu tôi tự lập, và sức lao động của tôi thuộc về tôi, thì những gì tôi làm là của tôi."[3] Để rồi từ đây nảy sinh một điều kiện tiên quyết về ý thức hệ cho bất kỳ khái niệm nào về tài sản, là "Tôi tự lập", điều này hoàn toàn không phải là một quy tắc phổ quát trong các xã hội của loài người. Trong các kiểu xã hội khác, gia tộc, bộ lạc, làng xóm, hoặc thậm chí cộng đồng của tất cả mọi sinh linh có thể chiếm ưu tiên hơn so với nhận thức cá nhân về cái tôi, mà ở đó sức lao động của bạn không thuộc về bạn, mà thuộc một cái gì đó lớn lao hơn.[4] Do đó, định chế tài sản không phải là gốc rễ của căn bệnh hiện tại của chúng ta, mà là một triệu chứng của sự ngắt kết nối và cô lập của chúng ta. Vậy nên, cuốn sách này không tìm cách xóa bỏ tài sản (vì làm như vậy sẽ giải quyết các triệu chứng chứ không phải nguyên nhân) mà tìm cách chuyển hóa nó thành một phần trong một sự chuyển hóa lớn hơn của sự hiện hữu của loài người.

Những nhà tư tưởng khác, đặc biệt là Wilhelm Reich và Genevieve Vaughan, liên hệ nguồn gốc tài sản với sự xuất hiện của sự thống trị của nam giới và xã hội phụ hệ.[5] Mặc dù tôi tin rằng những lập luận này có giá trị, tôi lựa chọn không khai thác những khía cạnh về giới của tiền bạc và tài sản – một chủ đề xứng đáng có luận thuyết riêng. Mỗi tổ chức của Thời Đại Chia Cắt của chúng ta đều gắn liền với tất cả những tổ chức khác; sự chia cắt khỏi thiên nhiên, cơ thể, và tính nữ tính thiêng liêng vang vọng với sự xa rời khỏi thế giới mà tài sản làm cho tất cả mọi thứ trở thành các đối tượng tách riêng của thương mại.

Ham muốn sở hữu giảm đi khi cảm giác kết nối và lòng biết ơn của chúng ta tăng lên, và chúng ta nhận ra sức lao động của chúng ta không phải của riêng chúng ta, những gì tôi làm nên không hẳn là của tôi. Chẳng phải khả năng lao động của tôi, và chính sự sống của tôi, là một món quà hay sao? Trong nhận thức đó, chúng ta mong muốn cho đi những sáng tạo của mình

tới tất cả những gì đã đóng góp vào sự hiện hữu của chúng ta và ban cho chúng ta món quà của sự sống.

Một số triết gia theo chủ nghĩa xã hội đã biến mong muốn được thúc đẩy bởi lòng biết ơn này thành một nghĩa vụ và thành một sự biện minh cho việc nhà nước trưng dụng công sức lao động cá nhân. Chúng ta mắc một "món nợ với xã hội", và nhà nước trở thành người thu nợ. Trong hình thức ít cực đoan hơn, nó biện minh cho thuế thu nhập – cũng là sự trưng dụng công sức lao động cá nhân. Trong cả hai trường hợp, chúng ta đều bị ép buộc phải cho đi. Liệu chúng ta có thể tạo ra một hệ thống kinh tế mà sẽ giải phóng, tán dương, và khen ngợi mong muốn cho đi bẩm sinh? Đó là những gì cuốn sách này mô tả: một hệ thống đền đáp cho sự lưu thông chứ không phải sự tích lũy, tạo ra nhưng không sở hữu, cho đi và không giữ làm của riêng.

VỤ CƯỚP ĐẦU TIÊN

Chủ quyền của cá nhân là bước đầu tiên hướng tới khái niệm hiện đại về tài sản, vì hầu hết mọi thứ trên trái đất không phải là sản phẩm lao động của bất kỳ ai. Theo logic "những gì tôi làm ra là của tôi", bất cứ thứ gì tồn tại độc lập với nỗ lực con người đều có thể không thuộc về ai. Việc tuyên bố quyền sở hữu của một thứ như vậy – đất, sông, động vật, cây cối – tương đương với hành động ăn cắp, cũng như việc tôi sẽ là một tên trộm nếu tôi nắm giữ quyền sở hữu một thứ mà bạn làm ra.

Một dòng suy nghĩ kinh tế nổi bật đã phát sinh từ nhận thức này, nhận được các diễn giải nổi bật từ P.J Proudhon, Karl Marx, Henry George và Silvio Gesell. Proudhon tuyên bố: "Tài sản là ăn cắp"; khi truy tìm nguồn gốc của bất kỳ tài sản nào được sở hữu thông qua một loạt các chuyển nhượng "hợp pháp", chúng ta cuối cùng cũng đến được với chủ sở hữu đầu tiên – người mà đơn giản chỉ chiếm nó, người mà tách nó ra khỏi phạm trù "của chúng ta" hay "của Thượng Đế" và đưa vào phạm trù "của tôi". Thường thì điều này xảy ra bằng vũ lực, như trong việc chiếm đoạt các vùng đất mênh mông trên toàn Bắc Mỹ trong ba thế kỷ qua. Câu chuyện này đã tự diễn ra dưới nhiều hình thức suốt hàng thiên niên kỷ trên toàn thế giới. Xét cho cùng, trước thời La Mã, hành động tương tự không hề tồn tại. Đất đai

giống như không khí và nước; nó không thể được sở hữu. Những chủ sở hữu đầu tiên do đó không thể có được nó một cách hợp pháp. Chắc chắn họ đã chiếm nó.

Người ta thường lập luận rằng quyền sở hữu đất đai là kết quả tự nhiên của nông nghiệp. Trong khi người săn bắt hái lượm đã hầu như không làm gì với đất của mình, thì nông dân đã lao động trên mảnh đất để khiến nó năng suất hơn (trong việc tạo thức ăn cho người). Rõ ràng là không công bằng nếu người nông dân phải lao động cả năm chỉ để "người hái lượm" đến vào mùa thu hoạch và "sống khỏe" từ các sản phẩm thu hoạch được. Tư hữu đất đai lẽ ra là để khích lệ người ta cải thiện đất. Nhưng có công bằng hơn không nếu người ta chỉ sở hữu sự cải thiện đó thôi chứ không sở hữu chính mảnh đất?

Ban đầu, quyền sử dụng đất hầu như luôn luôn là quyền chung của cả làng hoặc bộ lạc, chứ không phải của cá nhân nào. Trong các nền văn minh nông nghiệp vĩ đại như Ai Cập, Mesopotamia, và Nhà Chu – Trung Quốc, có rất ít khái niệm về quyền sở hữu tư nhân. Tất cả đất đai là tài sản của nhà vua, và vì vua là đại diện của Thượng Đế trên mặt đất, nên tất cả đất đai đều là tài sản của Thượng Đế.

Có một sự khác nhau lớn về mặt khái niệm giữa việc có quyền hưởng lợi từ lao động của mình trên một mảnh đất và việc sở hữu chính mảnh đất đó. Ở phương Tây, khái niệm tuyệt đối về quyền sở hữu đất dường như bắt nguồn từ Rome, có khả năng phát sinh từ quan niệm của người Hy Lạp về cá nhân. Chính ở Rome, lần đầu tiên đất đai được đặt dưới cái mà họ gọi là *dominium*, "quyền tối thượng, quyền mà không có quyền nào lớn hơn, quyền hợp pháp hóa tất cả những quyền khác, trong khi tự nó không cần phải phải hợp pháp… quyền 'sử dụng, sở hữu, và lạm dụng' – iusutendi, fruendi, abutendi".[6]

Ở phương Đông, việc sở hữu đất đai công khai đã bắt đầu sớm hơn phần nào, ít nhất là trên khái niệm. Ở Trung Quốc, ít nhất là nó xuất hiện từ thời trị vì của Thương Ưởng vào thế kỷ thứ tư TCN và có thể trước đó, mặc dù thậm chí khoảng thời gian trước khi có sự tư hữu đất đai vẫn là vấn đề về ký ức lịch sử, chỉ biết rằng, theo lời Nho giáo, việc bán đất là không được

phép vào "thời xa xưa".[7] Ấn Độ có lẽ cũng biết đến tư hữu đất đai vào thế kỷ thứ sáu TCN, mặc dù các bằng chứng có phần mâu thuẫn.[8] Trong bất kỳ trường hợp nào, đa số đất ở Ấn Độ thuộc sở hữu chung của cộng đồng cho đến thời kỳ cai trị bởi Anh.[9]

Ở Châu Âu thời Trung Cổ, phần lớn đất đai được sở hữu hoặc bởi cộng đồng hoặc bởi các vua chúa phong kiến, những người không "sở hữu" đất đai theo đầy đủ nghĩa hiện đại, tức là coi đất đai như một thứ hàng hóa có thể được mua bán tự do. Họ có một số quyền nhất định đối với đất đai, mà có thể chuyển giao cho các chư hầu để đổi lấy nhiều dịch vụ, chia phần mùa vụ, và cuối cùng là tiền. Tại Anh, việc chuyển nhượng đất đai tự do nói chung tồn tại cho đến thế kỷ mười lăm.[10] Sau đó, các vùng đất chung rộng lớn của Anh Quốc nhanh chóng trở thành tài sản tư nhân nhờ vào Enclosure Acts (quyết định của Quốc hội Anh nhằm quây hàng rào các cánh đồng mở và các vùng đất chung – ND), một quá trình song song trên khắp lục địa, ví dự thông qua "sự giải phóng" nông nô. Lewis Hyde viết,

> *Trong khi trước kia một người có thể đánh bắt cá ở bất cứ dòng suối nào và săn bắt ở bất cứ cánh rừng nào, thì giờ đây có anh ta nhận ra có những cá nhân đã tuyên bố là chủ nhân của những tài nguyên chung này. Về cơ bản sự hưởng dụng đất đã thay đổi. Người nông nô thời trung cổ gần như trái ngược với địa chủ: đất đai sở hữu **họ**. Anh ta không thể di chuyển tự do từ nơi này đến nơi khác, nhưng anh ta có quyền không thể chuyển nhượng đối với mảnh đất mà anh ta gắn bó. Giờ đây có những người tuyên bố là chủ sở hữu đất và đem cho thuê kèm theo một khoản phí. Trong khi một người nông nô không thể bị đuổi khỏi mảnh đất của mình, thì người thuê đất có thể bị đuổi ra khỏi mảnh đất không chỉ vì không trả nổi tiền thuê mà còn đơn thuần theo ý muốn nhất thời của chủ đất.*[11]

Cũng như với nhiều cải cách xã hội, việc giải phóng nông nô là một bước nữa trong tiến trình củng cố quyền lực kinh tế và chính trị trong tay những người đã nắm quyền lực. Bằng cách này hay cách khác, những người mà có nhiều thế hệ đã tự do chăn thả gia súc, gom nhặt củi đốt, và săn bắt trên những vùng đất xung quanh họ thì không thể tiếp tục như vậy nữa.[12]

Những vùng đất này từng là tài nguyên chung, của tất cả và không của riêng ai. Vĩnh viễn về sau, chúng trở thành tài sản tư hữu.

Nếu tài sản là ăn cướp, thì một hệ thống pháp luật dành riêng cho việc bảo vệ quyền sở hữu tư nhân đó là một hệ thống dựng lên để duy trì một tội ác. Bằng việc làm cho quyền tư hữu đất đai trở thành bất khả xâm phạm, chúng ta xác nhận hành động ăn cắp ban đầu là hợp lệ. Không quá ngạc nhiên khi các luật lệ được tạo ra bởi chính những kẻ trộm để hợp thức hóa những lợi ích bất chính của họ. Đó thực sự là tình huống ở Rome và những nơi khác, người giàu và người có quyền lực chính là những người đã chiếm đất và soạn luật.

Để người đọc không nghĩ rằng tôi đang công kích chủ nghĩa Marx, hãy để tôi nhanh chóng thêm rằng tôi không ủng hộ việc bãi bỏ tư hữu đất đai. Vì một điều rằng việc bãi bỏ liên quan đến một sự thay đổi mạnh mẽ, đột ngột, có thể gây xung đột mạnh mẽ, thứ mà bị áp đặt một cách cưỡng chế lên những người không sẵn sàng từ bỏ. Thứ hai, tư hữu đất chỉ là một triệu chứng của căn bệnh sâu xa hơn (sự Chia Cắt), và nếu chúng ta giải quyết triệu chứng đó bằng tâm lí của sự chia cắt, của chinh phục, của vượt qua cái ác, chúng ta vẫn sẽ tạo ra những điều bất công nhưng dưới hình thức khác. Cuối cùng, ngay cả trong cấp độ kinh tế, vấn đề không phải là sự tư hữu đất mà là những lợi ích không công bằng từ việc sở hữu nó. Mặc dù một người được hưởng lợi chỉ vì sở hữu những gì đã từng của chung là sai trái, nhưng tất cả mọi người đều hưởng lợi khi các nguồn tài nguyên hướng đến những người biết cách sử dụng chúng tốt nhất. Những tài nguyên chung này bao gồm đất đai, đất trồng trọt, khoáng chất, tầng chứa nước, và khả năng hấp thụ chất thải của khí quyển. Chúng ta cần một hệ thống kinh tế mà không cho phép lợi nhuận-do-sở-hữu nhưng vẫn tặng thưởng cho doanh nhân có tinh thần "Tôi biết cách để sử dụng nó tốt hơn" và cho phép tinh thần đó tự do tạo tác. Các hệ thống theo chủ nghĩa Marx không những loại trừ lợi nhuận bằng cách *kiểm soát* độc quyền các nguồn tài nguyên khan hiếm; mà họ còn loại bỏ lợi nhuận từ việc *sử dụng* có hiệu quả những nguồn tài nguyên đó. Kết quả là sự không hiệu quả và trì trệ. Liệu chúng ta có thể thưởng cho những người có thể sử dụng các nguồn tài nguyên một cách tốt nhất mà không ghi nhận sự thật đơn thuần về quyền sở hữu? Cuốn sách này miêu tả một hệ thống tiền mà sẽ bảo vệ sự tự do

của việc tư hữu đất nhưng không cho phép chủ sở hữu tích lũy những lợi ích không công bằng.

Bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào nó xảy ra, việc tư nhân hóa đất đai nhanh chóng mang theo với nó một sự tập trung quyền sở hữu. Trong những ngày đầu La Mã cổ đại, đất đai là tài nguyên chung (không phải của cá nhân), ngoại trừ một mảnh đất nhỏ của gia đình: "Đất trồng ngô thuộc quyền sử dụng của cộng đồng".[13] Khi Rome mở rộng thông qua viễn chinh, những vùng đất mới đã không còn là "của cộng đồng" mà sớm rơi vào tay những gia đình giàu có nhất – tầng lớp quý tộc, việc này đặt ra chuẩn mực cho nhiều thế kỷ tiếp theo đó. Điền trang của họ tăng lên gây thiệt thòi cho các thái ấp dưới toàn quyền sử dụng bởi tầng lớp bình dân, chủ các thái ấp thường được triệu hồi phục vụ trong quân đoàn, và trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể cạnh tranh kinh tế với lao động nô lệ rẻ mạt ở các điền trang quý tộc. Họ dồn các khoản nợ không thể trả được, và bởi vì đất đai đã trở thành một thứ hàng hóa có thể chuyển nhượng, nên họ bị buộc phải rời bỏ nhà cửa để bắt đầu ăn xin, cướp bóc, hoặc làm nghề thủ công ở thành thị nếu may mắn.

Khi vận mệnh của Đế chế thay đổi và nguồn cung nô lệ đã cạn kiệt, nhiều địa chủ lớn đã hướng sang nông dân tá điền, được gọi là *coloni*, để yêu cầu họ trồng trọt trên cánh đồng của mình. Bị ràng buộc bởi các khoản nợ, những tá điền này cuối cùng đã trở thành những người nông nô Trung cổ. Hãy suy nghĩ về nó theo cách này: nếu bạn nợ tôi một khoản nợ không thể trả được, thì bạn có nghĩa vụ phải trả mức nhiều nhất mà bạn có thể. Số tiền thu được từ sức lao động của bạn sẽ thuộc về tôi mãi mãi về sau. Điều này rất giống với luật phá sản tại Mỹ được ban hành trong Bộ luật "Cải cách" Phá sản năm 2005, luật này bắt buộc người tuyên bố phá sản phải trích một khoản lương tương lai để trả cho chủ nợ.[14] Nó cũng tương tự như hoàn cảnh khốn cùng của các nước thế giới thứ ba, khi họ bị buộc phải cơ cấu lại nền kinh tế của họ và hiến toàn bộ thặng dư kinh tế để trả nợ vĩnh viễn. Đây là những bản sao hiện đại của tầng lớp nông nô, bị buộc làm việc cho các chủ sở hữu tiền giống như những nông nô làm việc cho địa chủ. Tình trạng của họ được gọi là "lấy công trả nợ".

Sự tương đồng lớn giữa La Mã cổ đại và ngày nay thật đáng chú ý. Bây giờ cũng như hồi đó, của cải đang ngày càng tập trung vào tay của số ít. Bây giờ cũng như hồi đó, người ta phải mắc nợ suốt đời chỉ để tiếp cận những nhu yếu phẩm cho cuộc sống. Trước đây, nó thông qua tiếp cận đất đai; ngày nay nó là thông qua tiếp cận với tiền. Nô lệ, nông nô, và tá điền lao động suốt đời để làm giàu cho chủ đất; ngày nay số tiền thu được từ sức lao động của chúng ta rơi vào tay những người chủ sở hữu tiền.

Trong lịch sử của tư tưởng cấp tiến, việc nhận ra tài sản là một hành động cướp bóc thường đi kèm với cơn thịnh nộ và mong muốn trả thù những kẻ cướp. Tuy nhiên, các vấn đềkhông đơn giản như vậy. Các chủ sở hữu của cải, dù được kế thừa hay không, sinh ra trong vai trò được tạo ra và đòi hỏi bởi những câu chuyện vô hình của nền văn minh chúng ta mà buộc chúng ta biến thế giới này thành tài sản và tiền bạc dù chúng ta có ý thức rằng bản thân đang làm như vậy hay không.

Chúng ta hãy đừng lãng phí năng lượng tâm linh của mình vào việc ghen ghét những người giàu có, hoặc thậm chí cả những kẻ cướp đầu tiên. Nếu ở trong vị trí của họ, chúng ta cũng sẽ thực hiện vai trò tương tự. Thật vậy, hầu hết chúng ta, bằng cách này hay cách khác, vẫn tham gia vào hành vi ăn cắp các tài nguyên chung đang tiếp diễn. Chúng ta đừng ghét, để chúng ta không tiếp tục kéo dài Kỷ nguyên của Sự Chia Cắt nữa và để chúng ta, tránh giống như những người Bolshevik, sẽ không gây ra một cuộc cách mạng không đủ sâu, và do đó không tái tạo lại trật tự cũ theo một hình thức méo mó khác. Tuy nhiên, chúng ta đừng quên nhìn vào thiên nhiên và hậu quả của tội ác vô thức từ tài sản, để chúng ta có thể đưa thế giới trở lại trạng thái trù phú tiềm tàng ban đầu.

Sự chuyển đổi từ quyền được hưởng lợi ích sang quyền sở hữu hoàn toàn đất đai là một bước chuyển dần dần, mà điểm cuối cùng là việc bán đất để lấy tiền. Chúng ta hãy nhớ rằng đây là một sự chuyển đổi vềmặt khái niệm (đất đai không thừa nhận là nó được sở hữu), một sự phóng chiếu của con người lên thực tại. Sở hữu đất (và tất nhiên là tất cả các hình thức sở hữu) nói lên nhận thức của chúng ta vềthế giới nhiều hơn là nói vềbản chất của thứ được sở hữu. Sự chuyển đổi từ những ngày đầu, khi quyền sở hữu đất là không tưởng cũng như quyền sở hữu bầu trời, mặt trời và mặt trăng,

và cho đến ngày nay, khi gần như mọi foot vuông trên trái đất đều tùy thuộc vào quyền sở hữu theo cách này hay cách khác, thực sự chỉ là câu chuyện về sự thay đổi quan điểm của chúng ta về chính chúng ta trong mối quan hệ với vũ trụ.

TRUYỀN THỐNG GEORGE

Sự khác biệt giữa quyền sử dụng và quyền sở hữu hoàn toàn cũng tương tự như sự khác biệt cơ bản giữa cái được sản xuất thông qua nỗ lực của con người và cái đã có sẵn; nó vẫn tồn tại ngày nay trong sự phân biệt giữa tài sản "thực" và tài sản "cá nhân", và nó là nền tảng trong hàng ngàn năm của tư tưởng cải cách.

Kể từ lúc Đế Quốc La Mã phát triển cơ sở pháp lý về quyền sở hữu như chúng ta biết ngày nay, cũng không ngạc nhiên lắm khi nó cũng tạo ra một số chỉ trích sớm nhất về tài sản. Trong thế kỷ thứ ba và thứ tư, các nhà lãnh đạo của nhà thờ Thiên Chúa giáo có quan điểm đặc biệt rõ ràng rằng mọi thứ trên trái đất là dành cho tất cả để chia sẻ với nhau. Ambrose viết, "người giàu cũng như người nghèo đều thích thú với những món trang sức lộng lẫy từ vũ trụ… Nhà của Đức Chúa Trời là dành cho cả người giàu và người nghèo", và "Chúa Trời của chúng ta muốn trái đất này là sở hữu chung của tất cả và quả ngọt của nó để nuôi dưỡng tất cả".[15] Ở đâu đó ông viết rằng tài sản cá nhân là

> *không thuận theo tự nhiên, vì tự nhiên đã sinh ra vạn vật để dành cho mọi người sử dụng chung. Chúa Trời đã tạo ra mọi thứ theo cách mà chúng được sở hữu chung. Bởi vậy thiên nhiên là mẹ của quyền chung, sự soán ngôi của quyền sở hữu cá nhân.*[16]

Những người sáng lập đạo Thiên Chúa khác, điển hình là John Chrysostom, Augustine, Basil Vĩ nhân và Clement, cân nhắc các quan điểm tương tự, họ khuyến khích các con chiên thực hiện lời dạy của Chúa Jesus theo nghĩa đen và đem tất cả tài sản của họ cho người nghèo. Triết lý của họ không phải là một triết lý xa vời khi nhiều nhà lãnh đạo tôn giáo đã làm đúng như thế. Ambrose, Basil, và Augustine từng là những người giàu có trước khi bước vào giới tăng lữ, và họ đã cho đi tất cả.

Tuy những lời dạy của những người sáng lập là thế, nhưng cuối cùng bản thân Giáo hội đã giành lấy một lượng của cải đáng kể và liên minh với quyền lực đế quốc. Lời dạy của Chúa Jesus đã trở thành những lý tưởng cho cảnh giới khác, không thể dùng để khuyên bảo ai một cách nghiêm túc, và Vương Quốc của Thiên Chúa đã được vận chuyển từ trái đất lên Thiên Đàng. Đây là một bước quan trọng trong việc chia cắt tinh thần và vật chất về mặt khái niệm, mà chính sự chia cắt này góp phần làm cho vật chất ngày nay, đặc biệt là tiền, trở nên trần tục. Trớ trêu hơn là, hầu hết con người ngày nay tự xưng là tín đồ Thiên Chúa giáo đã đảo lộn mọi thứ và liên kết chủ nghĩa xã hội với chủ nghĩa vô thần và sự giàu có cá nhân đồng nghĩa với sự sủng ái của Thiên Chúa.

Những người thành lập Giáo Hội thời kỳ đầu thường nhắc đến sự phân biệt giữa những gì con người tạo ra thông qua nỗ lực của họ và những gì được trao cho nhân loại bởi Chúa Trời để mọi người cùng dùng chung. Nhiều nhà phê bình xã hội và kinh tế trong vài thế kỷ qua đã nhắc lại sự phẫn nộ ban đầu về vấn đề chiếm đoạt các tài nguyên chung và đưa ra các đề xuất sáng tạo để sửa chữa nó. Thomas Paine, một nhà phê bình như vậy, đã viết,

> *Và vì không thể tách riêng sự cải tạo được tạo ra bởi hoạt động canh tác khỏi chính mảnh đất mà trên đó sự cải tạo được thực hiện, nên ý tưởng về tài sản đất phát sinh từ sự kết nối không thể tách rời đó; nhưng điều này vẫn đúng, rằng chỉ giá trị của sự cải tạo, chứ không phải mảnh đất, là thuộc về tài sản cá nhân… Do đó, mỗi người chủ sở hữu đất canh tác đều nợ cộng đồng một khoản tiền thuê đất (vì tôi không biết thuật ngữ nào hơn để diễn tả ý tưởng này tốt hơn) đối với mảnh đất mà anh ta nắm giữ.*[17]

Nhà kinh tế học đầu tiên phát triển ý tưởng này một cách đầy đủ là Henry George, trong cuốn sách kinh điển của ông năm 1879 "Tiến bộ và Nghèo đói" (Progress and Poverty). Ông bắt đầu với một tiền đề giống như Paine và những người Thiên Chúa giáo đầu tiên:

> *Nhưng ai đã tạo ra trái đất mà lại có người có thể đòi quyền sở hữu nó, hoặc bất kỳ phần nào của nó, hoặc quyền cho, bán hoặc truyền lại? Bởi vì trái đất không do chúng ta tạo ra, mà chỉ là nơi cư ngụ tạm thời của*

một thế hệ tiếp nối một thế hệ khác; vì chúng ta ở đây, rõ ràng là dưới sự cho phép bình đẳng của Đấng Tạo Hóa, nên hiển nhiên rằng không ai có thể có độc quyền sở hữu đất đai, và quyền của tất cả mọi người đối với đất đai phải bình đẳng và không thể chuyển nhượng được. Phải có độc quyền sở hữu đất đai, vì người sử dụng nó phải có quyền sử hữu đất an toàn để gặt hái thành quả lao động của mình. Nhưng quyền sử dụng đất của anh ta phải bị hạn chế bởi quyền bình đẳng của tất cả mọi người, và do đó phải đi kèm điều kiện rằng người sử dụng sẽ trả cho cộng đồng một khoản tiền tương đương với các đặc quyền có giá trị mà anh ta được hưởng từ việc sử dụng đất.[18]

Tại sao lại có chuyện một người thu lợi từ giá trị sử dụng của đất chỉ bằng việc sở hữu nó, đặc biệt là khi nguồn gốc của quyền sở hữu đó dựa trên một sự bất công từ xa xưa? Theo đó, Henry George đã đề xuất Thuế Duy Nhất (Single Tax) nổi tiếng – tiền thu về từ "tô kinh tế" từ đất sẽ bị đánh thuế 100%. Điều này sẽ được thực hiện thông qua một loại thuế đánh vào giá trị của đất chứ không phải cải tạo trên đó; ví dụ, đất đai bị đánh thuế chứ không phải các tòa nhà xây hoặc cây trồng. Nó được gọi là "duy nhất" bởi George chủ trương bãi bỏ tất cả các loại thuế khác, lập luận rằng việc đánh thuế các tài sản cá nhân hợp pháp thì cũng giống như một hành động cướp bóc, tương tự như việc trục lợi từ một thứ thuộc tài nguyên chung. Các bài viết của George đã châm ngòi cho một phong trào chính trị rộng lớn giúp ông suýt được bầu vào chức thị trưởng New York, nhưng tất nhiên, thế lực đằng sau đồng tiền đã chống lại ông ở mọi hướng.[19] Thỉnh thoảng ở một số nơi trên thế giới, ý tưởng của ông được áp dụng (hai nơi tôi đã dành phần lớn cuộc đời mình là Đài Loan và Pennsylvania đều đánh thuế vào giá trị cơ bản của đất) và đã ảnh hưởng lớn lao đến tư duy kinh tế.

Một trong những người ngưỡng mộ ông, Silvio Gesell, đã đề xuất một ý tưởng gần tương tự như thuế đất của George: quyền sở hữu công tất cả các loại đất, có sẵn để cho tư nhân thuê với mức xấp xỉ với tô kinh tế.[20] Lý luận của Gesell rất thuyết phục và mang tính tiên phong trong cách hiểu về sinh thái học và bản thể kết nối. Hãy đọc đoạn văn đặc biệt được viết năm 1906 này:

Chúng ta thường nghe câu nói: Con người có quyền tự nhiên đối với trái đất. Nhưng điều này là ngớ ngẩn, vì nó chẳng khác gì câu nói: con người có quyền tự nhiên với chân tay của anh ta. Nếu chúng ta nói về các quyền theo sự kết nối này, chúng ta cũng phải nói rằng cây thông có quyền cắm rễ của nó vào trong đất. Liệu con người có thể sống cả đời trong bóng bay được không? Trái đất thuộc về, và là một phần tự nhiên của con người. Chúng ta không thể tưởng tượng một người sống mà không có trái đất hơn là không có đầu hoặc dạ dày. Trái đất là một phần, một cơ quan của con người, cũng giống như cái đầu vậy. Các cơ quan tiêu hóa của một người bắt đầu và kết thúc ở đâu? Chúng không có điểm bắt đầu và không có điểm kết thúc, mà tạo thành một hệ thống khép kín mà không có khởi đầu hay kết thúc. Những chất mà con người cần để duy trì sự sống không thể tiêu hóa nổi khi ở dạng thô và chúng phải trải qua một quá trình chuẩn bị cho tiêu hóa. Và công việc chuẩn bị này không diễn ra ở miệng của con người, mà ở các loài cây cỏ. Cây cỏ thu thập và chuyển đổi các chất để chúng có thể trở thành chất dinh dưỡng để tiếp tục hành trình qua kênh tiêu hóa. Cây cỏ và không gian mà trong đó chúng tồn tại cũng giống như một phần của con người như miệng, răng hoặc dạ dày của anh ta ….

Vậy thì, làm sao chúng ta có thể chịu đựng để cho một cá nhân nào đó tịch thu nhiều phần của trái đất để làm tài sản độc quyền riêng cho mình, để xây dựng hàng rào, và với sự giúp sức của chó canh cổng và những nô lệ được huấn luyện để giữ chúng ta tránh xa khỏi các vùng đất, xa khỏi một phần của chính bản thân chúng ta – để xé nát toàn bộ các chi ra khỏi cơ thể của chúng ta? Hành động như vậy không phải tương đương với tự hủy hoại bản thân hay sao?[21]

Gesell tiếp tục, với lối hung biện tuyệt vời, nói rằng sự cắt xén này thậm chí còn tệ hơn cả việc cắt bỏ một bộ phận cơ thể, vì các thương tích trên cơ thể có thể lành lại, nhưng

Vết thương để lại… bởi sự cắt bỏ một mảnh đất sẽ vĩnh viễn mưng mủ và không bao giờ lành. Mỗi kỳ hạn phải thanh toán tiền thuê, vào mỗi Kỳ hạn Cuối quý (Quarter Day), vết thương lại mở và "máu vàng" chảy ra. Con người chảy khô máu và lảo đảo tiến về phía trước. Việc cắt bỏ một

mảnh đất khỏi cơ thể là cuộc phẫu thuật đẫm máu nhất; nó để lại một vết thương rộng miệng không thể được chữa lành trừ khi phần chi đã bị đánh cắp được ghép lại.

Tôi cho rằng đây là một vết thương mà tất cả chúng ta đều cảm nhận được, không chỉ vì tiền thuê được đưa vào chi phí của mọi thứ chúng ta mua, mà còn như một sự tước đoạt quyền con người về mặt tâm linh. Cách đây không lâu tôi đang lái xe với một phụ nữ đến từ Pháp dọc những con đường nông thôn ở miền trung Pennsylvania. Những ngọn núi thoai thoải và thung lũng mênh mông như vẫy gọi chúng tôi, thế nên chúng tôi quyết định là sẽ đi bộ ở đó. Cứ như thể mặt đất đang chào mời bàn chân của chúng tôi, muốn chúng tôi bước đi trên nó. Chúng tôi quyết định tìm một chỗ để dừng xe và đi bộ. Chúng tôi lái xe suốt một giờ đồng hồ, nhưng không hề tìm thấy một cánh đồng hay mảnh rừng nào mà không được cắm những tấm biển "Cấm xâm phạm". Mỗi lần nhìn thấy một tấm biển như vậy, tôi cảm thấy một sự nhức nhối, một nỗi mất mát. Bất cứ con sóc nào đều tự do hơn tôi, hươu cũng thế. Những biển này chỉ áp dụng với con người. Ở đây có một nguyên tắc chung: phạm trù đất đai, hàng rào bao quanh những mảnh đất chưa được sở hữu, đã và đang làm chúng ta trở nên nghèo túng. Lời hứa hẹn tự do vốn gắn liền với phong cảnh xanh tươi rộng mở đó chỉ là ảo tưởng. Lời của Woody Guthrie quá thấm thía:

Có một cái tường cao và to ở đó cố chặn tôi lại. Tấm biển hiệu được sơn, nó nói rằng đây là tài sản riêng.

Nhưng mặt sau nó thì chẳng có chữ gì cả. Mặt này là dành cho bạn và tôi.[22]

Sau ba trăm năm của bành trướng kinh tế, chúng ta trở nên nghèo nàn tới mức không có nổi sự giàu sang và tự do bằng một con sóc. Những người thổ dân da đỏ sống ở đây trước khi người châu Âu tới đã biết cách vận hành đất đai. Họ có sự tự do đơn giản để nói, "Chúng ta hãy leo lên ngọn núi đó. Chúng ta hãy bơi trong cái hồ đó. Chúng ta hãy câu cá ở dòng sông đó". Ngày nay, ngay cả những người giàu có nhất trong chúng ta cũng không được tự do như thế. Ngay cả một khu đất trị giá hàng tỷ đô la cũng nhỏ hơn vùng lãnh địa của những người săn bắt hái lượm.[23]

Ở hầu hết châu Âu thì khác; ví dụ, ở Thụy Điển, quyền Allemansrätt cho phép các cá nhân đi bộ, hái hoa, cắm trại trong một hoặc hai ngày, bơi lội, hoặc trượt tuyết trên đất tư nhân (nhưng không quá gần nhà ở). Tôi đã gặp một người đam mê ngựa nói miêu tả, ở Ireland, tất cả các cánh cửa dẫn vào các nông trại và các đồng cỏ tư nhân đều không bị khóa như thế nào. Ở đó không có khái niệm "xâm phạm"; đất đai rộng mở cho tất cả mọi người.

Đổi lại, những người cưỡi ngựa tôn trọng nông dân và mảnh đất, chỉ đi lại ở khu vực ngoài rìa để tránh ảnh hưởng tới động vật và đồng cỏ. Khi nghe nói về hệ thống này, tôi không nghĩ rằng có bất kỳ người Mỹ nào có thể nhìn ra những khu vực rộng lớn của đất nước này với những cánh cổng, hàng rào, và các biển "không xâm phạm" mà không có cảm giác bị cầm tù hay mất mát. Bạn có thể cảm thấy "vết thương" của Gesell – rằng đất đã bị cắt rời khỏi chúng ta? Đi xa hơn George, Gesell có đóng góp to lớn trong việc áp dụng tư duy song song nhưng vượt ra ngoài đất đai để chạm tới phạm vi của tiền, tạo ra một hệ thống tiền tệ mới mà tôi sẽ miêu tả, sau khi hoàn thành các chương nền tảng, trong cuốn sách này như là một yếu tố then chốt của nền kinh tế thiêng liêng.

Từng gây tranh cãi giữa những người tiến bộ trong thời đại của ông, sự khăng khăng của Henry George vào việc chỉ đánh thuế đất đã chẳng còn mấy ý nghĩa hiện nay, bởi ngày càng có rất nhiều các tài nguyên chung khác bị đưa vào phạm trù của tài sản tư.[24] Việc "marketing những tài sản trước đây không thể chuyển nhượng" của Hyde đã vượt xa khỏi phạm vi đất đai để bao gồm gần như mọi thứ cần thiết cho sự tồn tại và hạnh phúc của con người. Những kết nối của chúng ta với thiên nhiên, văn hóa, và cộng đồng đã bị xé rời, chia cắt và bán lại cho chúng ta. Đến thời điểm hiện tại tôi đã tập trung vào đất đai, nhưng gần như mọi tài nguyên chung khác đều đã và đang phải chịu số phận tương tự. Tài sản trí tuệ là ví dụ rõ ràng nhất, và tiền bản quyền thu được từ việc sở hữu nó đóng một vai trò tương tự như tiền thuê đất. (Nếu bạn nghĩ rằng tài sản trí tuệ khác với đất đai vì nó là do con người tạo ra, hãy đọc tiếp!) Nhưng có một hình thức sở hữu mà bao gồm và thay thế mọi hình thức sở hữu khác là: quyền sở hữu tiền. Trong lĩnh vực tài chính, lãi suất đóng vai trò như tiền bản quyền và tiền thuê đất, nó đảm bảo rằng của cải tạo ra từ sự sáng tạo và sức lao động của con người chủ yếu chảy vào túi những người sở hữu tiền. Tiền cũng là

một tội ác như các hình thức sở hữu tài sản khác – một sự cướp bóc vẫn đang tiếp diễn mà vừa thúc ép vừa là hiện thân của sự chiếm hữu các tài nguyên chung.

Để khôi phục lại sự thiêng liêng cho nền kinh tế, chúng ta cần sửa chữa những điều sai trái do vụ cướp này gây ra, bởi nó suy cho cùng là ăn trộm và là sự thuyên giảm một món quà thiêng liêng. Điều này là sự biến đổi của những thứ từng là thiêng liêng, độc đáo, và riêng tư thành tình trạng của hàng hóa. Không phải ngay lập tức mà chúng ta thấy rõ ràng rằng lợi ích từ quyền sở hữu tiền cũng không chính đáng giống như lợi ích từ quyền sở hữu đất. Rốt cuộc, tiền bạc, không giống như đất đai, là một sáng tạo của con người. Chúng ta kiếm tiền từ việc sử dụng các món quà (tài năng) mà chúng ta có, năng lượng, thời gian và sức sáng tạo của mình. Chắc chắn thu nhập từ lao động này phải thuộc về người lao động một cách hợp pháp chứ? Do vậy, chắc chắn là không phải tất cả tiền đều bất hợp pháp trong nguồn gốc sau cùng của nó, phải vậy không? Đó là một quan điểm ngây thơ. Trên thực tế, tiền có liên quan sâu sắc và không thể chối cãi đến sự chuyển đổi đất đai của chung thành tài sản cá nhân, giai đoạn cuối cùng và mang tính quyết định của sự chuyển đổi này là sự cắt giảm đất đai trở thành tình trạng của một loại hàng hóa có thể được mua và bán. Nhiều yếu tố khác của di sản tự nhiên và văn hóa của chúng ta cũng bị bóp nghẹt, biến thành tài sản, và cuối cùng thành "hàng hóa và dịch vụ" để đổi lấy tiền. Ở đây không có ý nói rằng làm việc để kiếm tiền là xấu xa; mà là dùng tiền để kiếm thêm tiền là sai trái. Kiếm lãi suất từ tiền cũng giống như thu tiền từ việc cho thuê đất. Tiền là xác chết của những tài nguyên chung, là hiện thân của tất cả mà trước kia đã từng là của chung và miễn phí, bị biến thành một loại tài sản trong dạng thức thuần túy nhất. Vài chương tiếp theo sẽ chứng minh lời tuyên bố này, miêu tả chính xác cách thức và lý do mà tiền kèm lợi tức, về cơ bản, đang chiếm đoạt các tài nguyên chung, hủy hoại hành tinh, và khiến cho phần lớn nhân loại lâm vào hoàn cảnh làm thuê để trả nợ.

CHƯƠNG 5:
XÁC CHẾT CỦA CÁC TÀI NGUYÊN CHUNG

Chúng ta hổ thẹn thay Nam tước phong kiến, người đã ngăn cản nông dân chạm vào một cục đất trừ khi anh ta chịu trích một phần tư sản phẩm thu hoạch được để nộp cho chủ nhân. Chúng ta gọi đó là thời kỳ man rợ. Nhưng nếu các hình thức đã thay đổi, mà các mối liên hệ vẫn giữ nguyên như cũ, thì người lao động buộc phải chấp nhận các nghĩa vụ như thời phong kiến bằng việc kí vào các "hợp đồng tự do". Bởi vì, dù có thể quay mặt đi bất kì hướng nào, anh ta cũng không thể tìm thấy các điều kiện tốt hơn. Mọi thứ đã trở thành tài sản cá nhân, và anh ta phải chấp nhận như vậy, hoặc anh ta sẽ chết vì đói.

– Peter Kropotkin

Nền tảng của mỗi khối tài sản lớn là một tội ác lớn.

– Honoré de Balzac

Mặc dù đất đai rõ ràng tồn tại độc lập với nỗ lực con người, thì đất cũng không khác biệt lắm so với bất kì loại tài sản nào khác. Đầu tiên chúng ta hãy xem xét tài sản vật chất – bất cứ thứ gì làm từ kim loại, gỗ, nhựa, thực vật hoặc động vật, khoáng chất, v.v… Chẳng phải những thứ này là bất cứ thứ gì ngoài các mảnh vụn của trái đất, mà đã bị thay đổi qua nỗ lực của con người hay sao? Sự phân biệt giữa đất đai và những cải tổ diễn ra trên đó – sự phân biệt giữa những gì đã tồn tại sẵn ở đó với những gì con người nỗ lực tạo ra – cũng có giá trị không hơn không kém với đất hay với bất kì loại hàng hóa vật chất nào khác. Tất cả những gì chúng ta sử dụng và tất cả những gì chúng ta sở hữu bao gồm những mẩu đất đã được biến đổi. Cùng với nhau, chúng là "nguồn vốn tự nhiên" – sự giàu có và tốt đẹp mà thiên nhiên ban cho chúng ta. Ban đầu chúng không phải là tài sản của riêng ai; chúng chỉ biến thành phạm trù đó khi công nghệ giúp chúng ta mở rộng

tầm hiểu biết và tâm lý chia cắt làm cho mong muốn sở hữu của chúng ta ngày càng trở nên mãnh liệt. Ngày nay, nhiều hình thức "vốn tự nhiên" mà chúng ta gần như không biết tới sự tồn tại của chúng đã trở thành tài sản, đó là: phổ điện từ, bản đồ gen, và gián tiếp là, sự đa dạng sinh thái và khả năng hấp thụ chất thải công nghiệp của trái đất.[1]

Cho dù nó đã được biến thành một đối tượng trực tiếp của tài sản, như đất đai, dầu mỏ, và cây cối, hay cho dù nó vẫn là một tài nguyên chung mà chúng ta dựa vào đó để tạo ra các loại tài sản khác, chẳng hạn như biển cả rộng mở, thì Tài nguyên chung to lớn ban đầu đều đã được bán hết: đầu tiên bị biến thành tài sản và sau đó thành tiền. Đây là bước cuối cùng xác nhận rằng một cái gì đó thực sự đã hoàn thành quá trình biến hóa của nó để thành tài sản. Để có thể tự do mua và bán một cái gì đó có nghĩa là nó đã được tách ra khỏi ma trận các mối quan hệ gốc; nói cách khác, nó đã trở thành một thứ "có thể chuyển nhượng". Đó là lý do tại sao tiền đã trở thành một đại diện cho đất đai và tất cả các tài sản khác, và là lý do tại sao thu tiền thuê (lãi) cho việc sử dụng nó lại có những ảnh hưởng tương tự và góp phần tạo ra sự bất công tương tự thời cổ xưa như việc tính phí thuê đất.

VỐN VĂN HÓA VÀ TINH THẦN

Vốn tự nhiên là một trong bốn phạm trù rộng lớn của sự thịnh vượng chung, mà còn bao gồm vốn xã hội, vốn văn hóa và vốn tinh thần.

Mỗi phạm trù bao gồm những thứ đã từng là miễn phí, từng là một phần của nền kinh tế tự cung tự cấp hay kinh tế quà tặng, mà bây giờ chúng ta phải trả tiền để có được chúng. Vụ trộm cướp không phải là từ mẹ trái đất, mà từ mẹ văn hóa.

Trong cuộc đàm luận kinh tế, hình thức vốn quen thuộc nhất trong bốn hình thức trên là vốn văn hóa, mà hay được gọi bằng thuật ngữ *tài sản trí tuệ*. Ở các thời đại trước kia, một nguồn khổng lồ các câu chuyện kể, ý tưởng, bài hát, họa tiết nghệ thuật, hình ảnh, và các phát minh kĩ thuật đã hình thành một kho tài nguyên chung mà mọi người có thể bắt đầu sử dụng cho vui và tăng năng suất, hoặc có thể kết hợp vào những sáng kiến khác. Vào thời Trung Cổ, các nhạc sĩ có thể nghe các bài hát của nhau và mượn

những giai điệu mới mà họ thích, sửa đổi chúng và lưu truyền chúng trở lại kho tài sản âm nhạc chung. Ngày nay, các nghệ sĩ và công ty tài trợ của họ tranh giành bản quyền và bảo vệ mỗi sản phẩm sáng tạo mới, và truy tố quyết liệt bất cứ người nào cố gắng kết hợp những bài hát của họ vào các bài hát mới. Điều tương tự xảy ra trong mọi lĩnh vực sáng tạo.[2]

Sự biện minh về mặt đạo đức cho tài sản trí tuệ cũng là: "Nếu tôi tự lập, và sức lao động của tôi thuộc về tôi, thì những gì tôi làm là của tôi". Nhưng ngay cả việc đưa ra tiền đề "Tôi tự lập", thì giả định tuyệt đối rằng các sáng tạo nghệ thuật và trí tuệ nảy sinh chỉ từ tâm trí của người sáng tạo, độc lập với bối cảnh văn hóa, là vô lý. Bất kỳ sáng tạo trí tuệ nào (kể cả cuốn sách này) cũng đều dựa trên những mảnh vụn của biển văn hóa bao quanh chúng ta, và từ quỹ hình ảnh, giai điệu và ý tưởng được in sâu vào tâm hồn con người, hoặc thậm chí là bẩm sinh. Như Lewis Mumford nói: "Bằng sáng chế là một thiết bị cho phép một người nhận được những phần thưởng tài chính đặc biệt vì đã là mắt xích cuối cùng trong một tiến trình xã hội phức tạp mà chính tiến trình phức tạp đó mới sản sinh ra phát minh".[3] Điều này cũng đúng đối với các bài hát, câu chuyện, và tất cả các sáng kiến văn hóa khác. Bằng cách biến chúng thành tài sản cá nhân, chúng ta đang xây bức tường ngăn cách cho những thứ không phải của mình. Chúng ta đang ăn cắp từ các tài sản văn hóa chung.

Và bởi vì, giống như đất đai, các mảnh tài sản văn hóa chung tự thân nó có thể liên tục sản sinh ra sự giàu có, sự ăn trộm này là một tội ác vẫn đang diễn ra và góp phần vào việc phân chia giữa những người có và người không có tài sản, giữa người chủ và người thuê, giữa chủ nợ và người mắc nợ. Người theo chủ nghĩa vô chính phủ nước Nga Peter Kropotkin đã nói lên điểm khái quát này một cách hùng hồn:

> *Mỗi cỗ máy đều có cùng một lịch sử – một chuỗi dài của những đêm không ngủ và sự nghèo khó, của tâm trạng vỡ mộng và niềm vui, của những cải tiến từng phần được phát hiện bởi nhiều thế hệ lao động vô danh, những người đã thêm vào phát minh ban đầu những điều nhỏ bé, mà không có chúng thì ý tưởng có khả năng phát triển nhất cũng không thể đơm hoa kết trái. Hơn thế nữa: mỗi phát minh mới là một sự tổng*

hợp, là kết quả của vô số phát minh đã xuất hiện trước nó trong lĩnh vực rộng lớn của cơ học và công nghiệp.

Khoa học và công nghiệp, kiến thức và ứng dụng, khám phá và sự thực hành thực tế dẫn tới các khám phá mới, sự khôn ngoan của bộ óc, sự khéo léo của bàn tay, sự cực nhọc của tâm trí và cơ bắp – tất cả làm việc cùng nhau. Mỗi khám phá, mỗi tiến bộ, mỗi sự gia tăng trong tổng thể sự giàu có của con người mang nợ trong đó những khó nhọc cả về thể chất lẫn tinh thần của quá khứ và hiện tại.

Bởi vậy dựa vào quyền gì mà ai đó chiếm đoạt dù chỉ là mẩu nhỏ nhất của cả tổng thể vĩ đại này làm của riêng và nói rằng: "Cái này là của tôi, không phải của các anh"?[4]

Những suy xét trên khiến tôi mong muốn chia sẻ những cuốn sách mình viết miễn phí trên mạng và bỏ qua một số quyền tác giả thông thường. Tôi không thể viết cuốn sách này bên ngoài một ma trận khổng lồ các ý tưởng, một tập hợp các nguồn vốn văn hóa mà tôi không thể đính kèm sao cho hợp lý.[5]

Vốn tinh thần thì tinh tế hơn. Nó liên quan đến khả năng của tinh thần và giác quan chúng ta, ví dụ khả năng tập trung, tạo ra các thế giới của trí tưởng tượng, và tạo niềm vui khi trải nghiệm cuộc sống. Khi tôi còn nhỏ, vào những ngày cuối trước khi truyền hình và trò chơi điện tử thống trị tuổi thơ của trẻ em Mỹ, chúng tôi đã tạo ra thế giới riêng của mình với những cốt truyện phức tạp, thực hành các kỹ thuật tâm linh mà người lớn có thể sử dụng để tạo lập cuộc sống và thực tại chung của họ, đó là hình thành một ảo cảnh, kể một câu chuyện xoay quanh ảo cảnh đó mà chỉ định ý nghĩa và vai trò, đóng giả các vai đó, vân vân. Ngày nay, những thế giới của trí tưởng tượng được định hình sẵn và đến từ các xưởng phim truyền hình và công ty phần mềm, và trẻ em lang thang trong các thế giới rẻ tiền, lòe loẹt, thường xuyên mang tính bạo lực tạo nên bởi những kẻ xa lạ. Những thế giới đó cũng đi kèm với những hình ảnh minh họa sẵn, và khả năng tự tạo hình ảnh của trẻ bị teo mòn đi. Vì không thể hình dung ra một thế giới mới, trẻ em lớn lên quen với việc chấp nhận bất kì thực tại nào

được mang tới cho bé.[6] Có thể nào điều này đang góp phần vào sự thụ động chính trị của công chúng Mỹ hay không?

Một lí do khác dẫn đến sự cạn kiệt về vốn tinh thần là sự kích thích các giác quan với cường độ mạnh của phương tiện truyền thông điện tử. Ví dụ, các phim hành động hiện đại đều diễn biến rất nhanh, rất ồn ào, kích thích mạnh đến nỗi những bộ phim cũ trở nên nhàm chán khi đặt lên bàn so sánh với chúng, chưa nói đến sách hay thế giới tự nhiên. Mặc dù tôi rất cố gắng hạn chế con mình tiếp xúc với các sự thái quá hiện đại, chúng vẫn gần như không thể xem nổi các bộ phim sản xuất trước năm 1975. Khi đã quen với sự kích thích cường độ mạnh, thì khi không có chúng, chúng ta mắc triệu chứng cai nghiện mà ta gọi là sự chán chường. Chúng ta trở nên phụ thuộc, và bởi vậy phải trả tiền để có được một cái gì đó trước đây từng có sẵn chỉ đơn giản nhờ vào khả năng sống. Một đứa trẻ hoặc một người săn bắt hái lượm sẽ bị mê hoặc bởi các quy trình chậm rãi của thiên nhiên: một cành cây nhỏ trôi nổi trên mặt nước, một con ong thăm thú bông hoa, và những thứ khác nằm ngoài sự lưu tâm yếu ớt của người trưởng thành hiện đại. Cũng giống như nông dân tá điền *coloni* thời La Mã phải trả tiền để sử dụng mảnh đất họ cần để sinh tồn, ngày nay hầu hết mọi người phải trả tiền cho chủ sở hữu của các quy trình, phương tiện truyền thông và nguồn vốn cần thiết để tạo ra sự kích thích giác quan cực độ mà họ cần để cảm thấy là mình đang sống.

Có thể bạn không thấy rằng vốn tinh thần tạo nên một loại tài nguyên chung. Điều thực sự bị chiếm làm của riêng ở đây là vị trí tập trung (locus of attention). Những khả năng của tâm trí con người mà tôi gọi là vốn tinh thần không tồn tại riêng biệt; chính sự nuôi dưỡng, giáo dục, và các môi trường văn hóa đã dung dưỡng và định hướng những khả năng đó. Khả năng tưởng tượng và đạt đến sự hoàn thiện của các giác quan của chúng ta phần nhiều là một khả năng mang tính tập thể, một khả năng mà hiện tại chúng ta không còn có thể rèn luyện với những nguồn có sẵn trong tâm trí và thiên nhiên, mà phải mua từ những người chủ sở hữu mới của các nguồn đó.

Sự chú ý mang tính tổng thể của loài người là một tài nguyên chung giống như đất đai và không khí. Tương tự như chúng, đây là một nguồn nguyên

liệu thô của sự sáng tạo nhân loại. Để tạo ra một dụng cụ, làm bất kì công việc nào, làm bất cứ điều gì yêu cầu, thì một người phải tập trung chú ý vào công việc đó thay vì vào những thứ khác. Sự hiện hữu khắp nơi của quảng cáo và phương tiện truyền thông trong xã hội của chúng ta làm vô hiệu quả khả năng tập trung của toàn thể loài người và làm suy yếu di sản thiêng liêng (khả năng tập trung) mà chúng ta được ban tặng. Khi đi trên đường, hướng mắt tới đâu, tôi cũng thấy có một cái bảng hiệu. Trên tàu điện ngầm, internet, đường phố, các thông điệp thương mại vươn ra để bắt lấy sự chú ý của chúng ta. Chúng thâm nhập vào suy nghĩ của chúng ta, các câu chuyện của chúng ta, cuộc đối thoại nội tâm của chúng ta, và thông qua những con đường này, chúng thâm nhập vào cảm xúc, mong muốn và lòng tin của chúng ta, khiến tất cả hướng về hoạt động sản xuất và kiếm lời. Sự chú ý của chúng ta gần như không còn là của chúng ta nữa, bởi vậy nó rất dễ bị điều khiển bởi các quyền lực chính trị và thương mại.

Sau một thời gian dài bị điều khiển, chặt nhỏ, quen với các kích thích cường độ mạnh, và giật quanh từ một đối tượng khủng khiếp nhưng trống rỗng sang một đối tượng khác có tính chất tương tự, thì sự chú ý của chúng ta trở nên rời rạc đến nỗi chúng ta không thể tập trung chú ý đủ lâu để có thể tạo ra một cái gì đó độc lập khỏi những lập trình bao quanh chúng ta. Chúng ta mất khả năng duy trì tư duy, hiểu được sắc thái, và đặt mình vào vị trí của người khác. Vì dễ bị ảnh hưởng bởi những câu chuyện ngắn đơn giản với sức lôi cuốn ngay tức thì về mặt cảm xúc, chúng ta trở thành mục tiêu dễ dàng không những của quảng cáo, mà còn của hoạt động tuyên giáo, mị dân, và chủ nghĩa phát xít. Bằng nhiều cách khác nhau, tất cả những điều này đều phục vụ sức mạnh tiền bạc.

SỰ KHAI THÁC TỪNG MẢNG (STRIP MINING) CỘNG ĐỒNG

Loại vốn quan trọng nhất của cuộc thảo luận này là vốn xã hội. Vốn xã hội chủ yếu là các mối quan hệ và kỹ năng, các "dịch vụ" mà mọi người từng tự cung cấp cho bản thân và cho nhau trong một nền kinh tế quà tặng, ví dụ như nấu ăn, chăm sóc trẻ em, chăm sóc sức khỏe, lưu trú, giải trí, tư vấn, và trồng trọt lương thực, may quần áo, và xây nhà. Chỉ một hoặc hai thế hệ trước đây, nhiều trong số những hoạt động này ít bị biến thành hàng hóa

hơn so với hiện nay. Khi tôi còn nhỏ, hầu hết những người mà tôi biết rất ít khi ăn ở nhà hàng, và những người hàng xóm chăm sóc con cái của nhau sau khi tan trường. Công nghệ đã và đang là công cụ biến các mối quan hệ giữa người với người thành các loại "dịch vụ", giống như nó đã và đang biến những phần ẩn sâu trong trái đất thành các loại hàng hóa. Ví dụ, công nghệ sản xuất đĩa hát và đài phát thanh đã giúp biến âm nhạc từ một thứ mà mọi người tạo ra cho bản thân thành một thứ họ phải trả tiền để có. Công nghệ bảo quản và vận chuyển đã làm điều tương tự trong ngành chế biến thực phẩm. Nói chung, sự phân chia lao động một cách tinh vi do công nghệ tạo nên đã làm cho chúng ta trở nên phụ thuộc vào những người xa lạ để có được hầu hết những vật dụng mà chúng ta dùng, và khiến cho người hàng xóm của chúng ta gần như không còn phụ thuộc vào chúng ta vì bất kì thứ gì chúng ta làm ra nữa. Bởi vậy các mối quan hệ kinh tế đã bị tách khỏi các mối quan hệ xã hội, khiến cho chúng ta chẳng còn gì mấy để có thể cho người láng giềng của mình và chúng ta cũng gần như không còn mấy cơ hội để tìm hiểu họ. Việc tiền tệ hóa nguồn vốn xã hội là một hành động khai thác cộng động theo từng mảng. Không có gì ngạc nhiên khi tiền có liên quan sâu sắc đến sự tan rã của cộng đồng, bởi vì tiền là chuẩn mực của tính phi cá nhân. Chuyển đổi hai cánh rừng khác nhau thành tiền, và chúng trở thành như nhau. Áp dụng với các nền văn hóa, nguyên tắc tương tự đang nhanh chóng tạo ra một nền văn hóa toàn cầu, nơi mà mỗi dịch vụ là một dịch vụ phải trả phí. Khi tiền làm trung gian cho tất cả các mối quan hệ của chúng ta, chúng ta sẽ mất đi tính độc đáo của mình để trở thành một người tiêu dùng tiêu chuẩn của các hàng hóa và dịch vụ tiêu chuẩn, và một viên chức tiêu chuẩn thực hiện các dịch vụ khác. Không có mối quan hệ kinh tế cá nhân nào quan trọng vì chúng ta luôn có thể "trả tiền cho người khác để làm một điều gì đó". Không có gì ngạc nhiên, dù cố gắng hết sức, chúng ta thấy thật khó để thiết lập cộng đồng. Không có gì ngạc nhiên khi chúng ta cảm thấy thật bất an và dễ dàng bị thay thế. Rồi chúng ta sẽ thấy rằng, những điều này là kết quả của sự chuyển đổi, với động cơ là lãi suất, của những điều duy nhất và thiêng liêng thành những thứ giống nhau và tiền tệ hóa. Trong cuốn *Ascent of Humanity*, tôi viết:

> *"Chúng ta không thực sự cần nhau nữa"… Còn có cách miêu tả nào tốt hơn về sự mất mát cộng đồng trong thế giới hiện đại của hiện tại nữa hay không? Chúng ta không thực sự cần nhau nữa. Chúng ta không cần*

biết người trồng, vận chuyển, và chế biến thực phẩm của mình, người may quần áo chúng ta đang mặc, người xây ngôi nhà chúng ta ở, người tạo ra âm nhạc của chúng ta, người sản xuất hoặc sửa chữa xe cộ của chúng ta; thậm chí chúng ta cũng không cần biết người đang chăm nom cho những đứa con sơ sinh khi chúng ta đi làm. Chúng ta phụ thuộc vào các vai trò đó, nhưng chỉ tình cờ phụ thuộc vào những người đảm nhiệm chúng. Dù là gì thì chúng ta luôn có thể trả tiền cho ai đó để thực hiện chúng (hoặc trả tiền cho người khác để thực hiện chúng) miễn là chúng ta có tiền. Và chúng ta kiếm tiền bằng cách nào? Bằng cách thực hiện vai trò chuyên biệt khác để những người khác trả tiền để chúng ta làm gì đó cho họ (khả năng có nhiều hơn là không)… Những việc cần thiết cho cuộc sống đã được chuyển qua cho các chuyên gia phụ trách, khiến chúng ta chẳng còn mấy những việc ý nghĩa để làm (bên ngoài lĩnh vực mà chúng ta chuyên trách) ngoại trừ giải trí. Tuy nhiên, bất kỳ trách nhiệm duy trì cuộc sống hàng ngày nào còn lại để chúng ta thực hiện thì hầu hết là những trách nhiệm đơn lẻ: lái xe, mua đồ, trả hóa đơn, nấu các thực phẩm dễ chế biến, làm việc nhà. Không thứ gì trong số này mưu cầu sự giúp đỡ của hàng xóm, họ hàng, hay bạn bè. Chúng ta ước mình sẽ thân thiết hơn với hàng xóm; chúng ta nghĩ rằng mình là những người thân thiện luôn sẵn lòng giúp đỡ họ. Nhưng có rất ít thứ để mà giúp họ một tay. Trong những cái nhà hộp của mình, chúng ta đã tự đây đủ. Hay nói khác đi, chúng ta tự đây đủ trong mối quan hệ với những người mình quen biết nhưng lại chưa bao giờ phụ thuộc đến thế vào những người hoàn toàn xa lạ sống cách chúng ta hàng ngàn dặm.

Sự biến đổi các mối quan hệ xã hội trở thành các dịch vụ khiến cho chúng ta không còn gì để làm cùng nhau ngoài việc tiêu thụ. Cùng nhau tiêu thụ thì không thể xây dựng nên cộng đồng vì các món quà là không cần thiết. Tôi nghĩ rằng sự trống rỗng mà mọi người thường cảm thấy trong hầu hết các cuộc tụ họp xã hội phát sinh từ suy nghĩ "Tôi không cần bạn". Tôi không cần bạn giúp tôi tiêu thụ thức ăn, thức uống, thuốc men hay các trò giải trí. Sự tiêu thụ không đòi hỏi bất kì ai phải cho đi, không kêu gọi sự hiện diện thực sự của bất kì ai. Cộng đồng và sự thân mật không thể đến từ sự tiêu thụ cùng nhau, mà chỉ từ sự cho đi và cùng nhau sáng tạo.

Khi những người theo chủ nghĩa tự do kêu gọi sự bất khả xâm phạm đối với tài sản cá nhân, họ vô tình tạo ra nhu cầu cần phải có một Chính phủ quyền lực mà chính họ khinh miệt. Bởi khi không có các mối liên kết cộng đồng, các cá nhân phải phụ thuộc vào một nhà cầm quyền xa xôi – một chính quyền được xây dựng trên cơ sở luật pháp – để thực hiện những chức năng xã hội mà trước đây cộng đồng từng đảm trách: an ninh, giải quyết tranh chấp, và phân bổ vốn xã hội tập thể. Việc tài sản hóa và tư nhân hóa phạm trù kinh tế khiến chúng ta, nếu đặt một cụm từ cho hiện tượng này thì là, trở nên độc lập một cách vô dụng – độc lập khỏi những người chúng ta biết, và phụ thuộc vào những định chế phi cá nhân có tính cưỡng chế được chỉ huy từ xa.

Khi tôi hỏi mọi người điều gì họ cảm thấy bỏ lỡ nhất trong cuộc sống, thì câu trả lời hay gặp nhất là "cộng đồng". Nhưng làm sao chúng ta có thể xây dựng cộng đồng khi những viên gạch – những điều chúng ta làm cho nhau – đã được biến hết thành tiền? Cộng đồng được dệt nên từ các món quà. Không giống như tiền hay các giao dịch đổi chác mà trong đó không có bất kì ràng buộc nào hậu giao dịch, các món quà luôn luôn ngụ ý các món quà khác trong tương lai. Khi chúng ta nhận, chúng ta nợ; lòng biết ơn là biết rằng ta đã được nhận và ta có mong muốn đáp trả. Nhưng giờ đây chúng ta còn gì để cho đi? Không phải những nhu yếu phẩm, không phải thức ăn, nơi cư trú, hay quần áo, không phải các trò giải trí, không phải các câu chuyện, không phải sự chăm sóc sức khỏe, bởi mọi người đều mua được chúng. Do vậy mới xuất hiện ham muốn tránh xa tất cả để trở về với một cuộc sống tự tung tự cấp, khi mà chúng ta tự xây nhà và tự trồng thực phẩm và tự may quần áo, trong cộng đồng. Tuy rằng phong trào này có giá trị, nhưng tôi nghi ngờ rằng nhiều người sẽ lại bắt đầu đi theo những cách khó nhọc chỉ để có được cộng đồng. Có một giải pháp khác ngoài giải pháp lật ngược sự chuyên biệt hóa lao động và sự năng suất dựa trên máy móc của thời kì hiện đại, và nó xuất phát từ thực tế là tiền hoàn toàn không đáp ứng được rất nhiều nhu cầu của chúng ta. Nhiều nhu cầu tối quan trọng hiện nay không được đáp ứng bằng tiền bởi tiền có tính chất phi cá nhân. Cộng đồng trong tương lai sẽ phát sinh từ các nhu cầu mà tiền không thể đáp ứng.

Giờ bạn có thể thấy tại sao tôi lại gọi tiền là "xác chết của các tài nguyên chung". Sự chuyển đổi vốn tự nhiên, văn hóa, xã hội, và tinh thần thành tiền là sự hoàn thiện quyền lực của tiền, như Richard Seaford mô tả, tiền đồng hóa tất cả những gì nó chạm tới. Ông viết: "Bằng cách biến tính cá nhân thành một thứ phi cá nhân, sức mạnh của tiền cũng tương tự như sức mạnh của cái chết".[7] Thật vậy, khi mỗi cánh rừng đều đã bị biến thành các tấm gỗ ván, khi mỗi hệ sinh thái đều đã bị lát đường, khi mỗi mối quan hệ con người đều đã bị thay thế bằng một dịch vụ, thì những quy trình của đời sống hành tinh và xã hội sẽ chấm dứt. Tất cả những gì còn lại là những đồng tiền chết và lạnh lẽo, như được cảnh báo trước trong thần thoại Vua Midas nhiều thế kỉ trước. Chúng ta sẽ chết – nhưng sẽ rất rất giàu.

SỰ TẠO RA CÁC NHU CẦU

Các nhà kinh tế học nói rằng những thứ như máy quay đĩa và xe ủi đất và công nghệ khác đã làm cho cuộc sống của chúng ta trở nên sung túc hơn, tạo ra những hàng hóa và dịch vụ mới mà trước nay chưa từng có. Tuy nhiên, ở một mức độ sâu xa, những nhu cầu của con người mà những công nghệ đó đáp ứng được không có gì là mới. Chúng chỉ đáp ứng các nhu cầu đó theo một cách khác – một cách mà giờ đây chúng ta phải trả tiền cho nó. Hãy xem xét ngành viễn thông. Con người không hề có nhu cầu với liên lạc đường dài. Chúng ta chỉ có nhu cầu giữ liên lạc với những người có mối liên hệ về mặt cảm xúc và kinh tế với chúng ta mà thôi. Trước đây, những người này thường ở gần với chúng ta. Một người săn bắt hái lượm hoặc một người nông dân Nga sống ở thế kỉ 14 sẽ rất ít khi dùng đến điện thoại. Điện thoại bắt đầu đáp ứng một loại nhu cầu mà chỉ khi sự phát triển về công nghệ và văn hóa khiến con người phải sống càng ngày càng xa rời khỏi nhau và phá vỡ các gia đình lớn và cộng đồng địa phương. Bởi vậy cái nhu cầu cơ bản mà công nghệ có thể đáp ứng không phải là cái gì đó mới mẻ trên đời này cả.

Hãy xem xét một sản phẩm công nghệ khác, một sản phẩm mà các con tôi, dưới dự kinh ngạc tột độ của tôi, dường như bị thu hút không tài nào cưỡng lại được: những trò chơi nhập vai giả tưởng với một số lượng cực lớn người chơi trực tuyến. Cái nhu cầu mà các trò chơi này đáp ứng cũng chẳng phải cái gì mới. Trẻ em và thiếu niên có nhu cầu khám phá rất mạnh

mẽ, chúng muốn phiêu lưu, và muốn thiết lập một cá tính riêng thông qua sự tương tác với bạn bè cùng trang lứa cùng chung sự khám phá và phiêu lưu mạo hiểm này. Trước đây, điều này diễn ra trong thực tế ngoài trời. Khi tôi còn là một đứa trẻ, chúng tôi không có sự tự do như của các thế hệ trước, như bạn có thể đọc trong *Tom Sawyer*, nhưng tôi và các bạn của mình đôi khi đi lang thang hàng dặm, đến một con lạch hay một hầm khai thác đá không sử dụng, tới một đỉnh đồi chưa được khai khẩn, đến các đường ray xe lửa. Ngày nay, thật khó để trông thấy một nhóm trẻ con rong chơi ngoài đường phố, khi mà mỗi tấc đất đều được rào lại và treo biển "cấm xâm phạm", khi mà xã hội bị ám ảnh bởi sự an toàn, khi mà trẻ em bị quá tải lịch trình và bị ép phải thể hiện. Công nghệ và văn hóa đã cướp mất của trẻ em một thứ gì đó mà chúng thực sự cần rồi sau đó bán lại cho chúng dưới dạng các trò chơi điện tử.

Tôi nhớ ngày tôi thức tỉnh trước những điều đang xảy ra. Lúc đó tôi đang xem một tập của chương trình truyền hình Pokémon, nói về ba đứa trẻ rong chơi với nhau và cùng trải qua các cuộc phiêu lưu kỳ thú. Những nhân vật trên màn hình, hư cấu, và được đăng kí thương hiệu này đang có những cuộc phiêu lưu kỳ diệu mà trước kia những đứa trẻ đã từng có nhưng bây giờ phải trả tiền (thông qua quảng cáo) thì mới được xem. Kết quả là GDP tăng lên. Những "hàng hóa và dịch vụ" mới (theo định nghĩa, chúng là một phần của nền kinh tế tiền tệ) đã được tạo ra, thay thế những trải nghiệm mà trước đây từng được đáp ứng miễn phí.

Chỉ ngẫm nghĩ một chút là chúng ta sẽ thấy gần như mọi hàng hóa và dịch vụ hiện nay đáp ứng các nhu cầu mà trước kia từng được đáp ứng miễn phí. Vậy công nghệ y tế thì sao? So sánh sức khỏe tồi tàn của chúng ta với sức khỏe tuyệt diệu của những người săn bắt hái lượm và nông dân thuở sơ khai, chúng ta sẽ thấy rất rõ ràng là ta đang mua khả năng để vận hành thể chất của mình với chi phí đắt đỏ. Ngành chăm sóc trẻ em? Chế biến thực phẩm? Giao thông vận tải? Công nghiệp dệt may? Tôi không có đủ chỗ để phân tích từng ngành để chỉ ra rằng các nhu cầu nào đã bị đánh cắp rồi bán lại cho chúng ta. Tôi sẽ đưa ra thêm một bằng chứng cho quan điểm của mình: nếu sự tăng trưởng của tiền thực sự đã thúc đẩy công nghệ và văn hóa để đáp ứng các nhu cầu mới, vậy thì chúng ta phải cảm thấy thỏa mãn hơn tổ tiên của chúng ta chứ, phải không?

Con người có hạnh phúc và thỏa mãn hơn không khi xem phim thay vì có người kể chuyện, nghe nhạc bằng MP3 thay vì quây quần quanh một chiếc đàn dương cầm? Chúng ta có hạnh phúc hơn không khi ăn những thực phẩm sản xuất công nghiệp thay vì ăn những thứ được trồng trong khu vườn nhà mình hoặc nhà hàng xóm? Con người có hạnh phúc hơn không khi sống trong những McMansion (căn hộ khổng lồ) được xây dựng sẵn thay vì sống trong những căn nhà cổ bằng đá ở New England hoặc trong các căn lều của người da đỏ? Chúng ta có đang hạnh phúc hơn không? Có cái nhu cầu mới nào được đáp ứng hay không?

Ngay cả nếu không có nhu cầu mới nào được đáp ứng, tôi sẽ không loại bỏ toàn bộ công nghệ, dù nó đã gây ra nhiều tàn tích cho thiên nhiên và nhân loại. Trên thực tế, những thành tựu khoa học và công nghệ có đáp ứng nhiều nhu cầu quan trọng, những nhu cầu là động lực chính thúc đẩy nền kinh tế thiêng liêng. Đó là nhu cầu khám phá, vui chơi, tìm tòi, và sáng tạo những gì mà trong phong trào Kinh tế Mới chúng ta gọi là "thứ tuyệt cú mèo". Trong nền kinh tế thiêng liêng, khoa học, công nghệ và sự chuyên môn hóa lao động sẽ tiếp tục nằm trong các tác nhân để đáp ứng các nhu cầu này. Hiện tại chúng ta cũng đã có thể thấy được mục đích cao cả hơn của khoa học và công nghệ, nó giống như một gen lặn phát triển không thể kìm hãm bất chấp sự thương mại hóa vô tận của nó. Chính trong trái tim của mỗi nhà khoa học và những người sáng tạo thực thụ là sự kinh ngạc, rộn ràng và hồi hộp trước những điều mới lạ. Mỗi tổ chức của thế giới cũ có một bản sao của nó trong thế giới mới, cùng một nốt nhạc đó nhưng ở quãng cao hơn. Chúng ta đang không kêu gọi một cuộc cách mạng xóa sổ cái cũ và tạo ra cái mới lại từ đầu. Kiểu cách mạng đó đã được thử rồi, và mỗi lần đều mang về kết quả như nhau, bởi chính lý trí là một phần của thế giới cũ. Kinh tế học thiêng liêng là một phần của một cuộc cách mạng hoàn toàn mới, một sự chuyển hóa chứ không phải thanh trừng. Trong cuộc cách mạng này, phe thua cuộc thậm chí còn không nhận ra là mình đã mất.

Cho đến nay, rất ít sản phẩm của nền kinh tế và công nghệ của chúng ta tham gia phục vụ các nhu cầu nói trên. Không chỉ các nhu cầu chơi, khám phá, và tự học hỏi không được thỏa mãn, mà ngay cả những nhu cầu về thể chất khi được đáp ứng cũng đi kèm với nỗi lo âu và khó khăn tột cùng. Điều này mâu thuẫn với sự khẳng định của các nhà kinh tế rằng ngay cả

khi không đáp ứng được các nhu cầu mới, công nghệ và sự phân công lao động cho phép chúng ta đáp ứng các nhu cầu hiện có hiệu nghiệm hơn. Người ta nói rằng một cái máy có thể làm được lượng công việc của một nghìn người; một máy tính có thể phối hợp công việc của một nghìn máy móc. Theo đó, những người theo thuyết vị lai từ thế kỷ 18 đã tiên đoán rằng kỷ nguyên của sự nhàn rỗi đang tới gần. Kỷ nguyên đó chưa bao giờ đến, và trong ba mươi năm trở lại đây, dường như nó càng rút lui ra xa hơn. Rõ ràng có điều gì đó không ổn.

Một trong hai giả định chính của kinh tế học là con người thường hành động dựa trên tư lợi cá nhân và rằng cái tư lợi đó tương ứng với tiền bạc. Hai người sẽ chỉ trao đổi (ví dụ, mua thứ gì đó vì tiền) nếu trao đổi đó có lợi cho đôi bên. Càng có nhiều trao đổi thì càng có nhiều lợi ích. Do đó các nhà kinh tế gắn kết tiền với "tiện ích" Bentham – nghĩa là hàng hóa. Đó là một trong những lý do tại sao tăng trưởng kinh tế là điểm mấu chốt không bàn cãi của chính sách kinh tế – khi nền kinh tế tăng trưởng, đương nhiên mức độ tốt đẹp của thế giới cũng tăng lên. Chính trị gia nào lại không muốn góp công vào sự tăng trưởng kinh tế?

Logic kinh tế nói rằng khi một loại hàng hóa hay dịch vụ mới nào đó xuất hiện, nếu có người sẵn sàng trả tiền cho nó thì điều đó có nghĩa là nó phải có lợi cho ai đó. Theo một nghĩa hẹp nhất định thì logic này đúng. Nếu tôi đánh cắp chìa khóa xe hơi của bạn, có thể bạn sẽ được lợi nếu bạn chịu bỏ tiền ra để chuộc lại nó từ tôi. Nếu tôi cướp đất của bạn, có thể bạn sẽ được lợi nếu chịu bỏ tiền ra thuê lại mảnh đất đó để mà tồn tại. Nhưng nói rằng các giao dịch tiền tệ là minh chứng cho sự tăng trưởng toàn bộ về mặt tiện ích thì vô lí; hay nói khác hơn là, nó khẳng định rằng những nhu cầu mà các giao dịch tiền tệ đáp ứng từ trước tới nay chưa bao giờ được đáp ứng. Nếu chúng ta chỉ đang trả tiền cho cái gì đó mà trước kia từng được cung cấp thông qua sự tự cung tự cấp hoặc nền kinh tế quà tặng, thì logic của tăng trưởng kinh tế là sai. Ở đây ẩn giấu một động cơ thuộc về hệ tư tưởng cho giả thuyết rằng cuộc sống nguyên thủy, theo Hobbes nói, là "cô độc, nghèo nàn, bẩn thỉu, ngắn ngủi và tàn bạo". Một quá khứ như vậy có thể biện minh cho hiện tại, khi mà các tính chất mà Hobbes nhắc đến đang thực sự hiện hữu trong cuộc sống hiện đại theo nhiều cách khác nhau. Cuộc sống trong nhà ở khu ngoại ô là gì, nếu không phải là cô độc? Cuộc sống ở

vùng xích đạo châu Phi là gì, nếu không phải là ngắn ngủi?[8] Và đã có thời kì nào đo được với thế kỷ vừa qua về sự bẩn thỉu và tàn bạo hay chưa? Có lẽ quan điểm của Hobbes rằng cuộc sống trong quá khứ là một cuộc đấu tranh sinh tồn khắc nghiệt chỉ là một sự phóng chiếu về mặt tư tưởng của chính điều kiện sống hiện tại của chúng ta.

Để nền kinh tế phát triển, phạm vi của những loại hàng hóa và dịch vụ có sử dụng đến tiền cũng phải phát triển. Tiền phải đáp ứng càng ngày càng nhiều các nhu cầu của chúng ta. Tổng sản phẩm quốc nội được định nghĩa như tổng số lượng hàng hóa và dịch vụ mà một đất nước sản xuất. Chỉ có những hàng hóa và dịch vụ được trao đổi bằng tiền mới được tính.

Nếu tôi trông con của bạn và không lấy phí, các nhà kinh tế học sẽ không tính đó là một dịch vụ hay cộng nó vào GDP. Nó không thể được dùng để trả một món nợ tài chính, và tôi cũng không thể đến siêu thị và nói: "Sáng nay tôi đã trông nom con cái của hàng xóm tôi, nên làm ơn cho tôi một ít thực phẩm". Nhưng nếu tôi mở một trung tâm trông trẻ và tính phí, tôi đã tạo ra một "dịch vụ". GDP tăng lên và, theo các nhà kinh tế, xã hội trở nên giàu có hơn. Tôi đã góp phần phát triển kinh tế và nâng cao mức độ tốt đẹp của thế giới lên. "Hàng hóa" là những thứ bạn phải trả bằng tiền để có nó. Tiền = Hàng hóa. Đó là phương trình của thời đại của chúng ta.[9]

Nền kinh tế cũng phát triển nếu tôi đốn một khu rừng và bán gỗ. Nếu rừng vẫn đứng yên ở đó và không thể tiếp cận được, thì nó không phải là một loại hàng hóa. Nó chỉ trở thành hàng hóa nếu tôi làm tuyến đường khai thác gỗ, thuê lao động, chặt cây, và vận chuyển gỗ tới chỗ người mua. Tôi chuyển đổi một cánh rừng thành gỗ – một loại hàng hóa, và GDP tăng lên. Tương tự, nếu tôi sáng tác ra một bài hát và chia sẻ nó miễn phí, GDP không tăng và xã hội không được coi là giàu mạnh lên, nhưng nếu tôi đăng kí bản quyền cho bài hát đó và bán nó, nó sẽ trở thành một loại hàng hóa. Hoặc khi bắt gặp một xã hội truyền thống mà ở đó người ta dùng các loại thảo dược và các kĩ thuật pháp sư để chữa bệnh, tôi có thể phá hủy nền văn hóa của họ và khiến họ phải phụ thuộc vào thuốc thang dược phẩm mà họ phải mất tiền mua, đuổi họ ra khỏi mảnh đất của chính họ để họ không thể là những người nông dân tự cung tự cấp mà bị buộc phải mua thực phẩm, rồi giải phóng mảnh đất đó và thuê họ trong đồn điền chuối – và thế là tôi

làm cho thế giới giàu có hơn. Tôi đã mang rất nhiều hoạt động, mối quan hệ, và tài nguyên thiên nhiên vào trong phạm trù của tiền.

Bất cứ khi nào ai đó trả tiền cho bất kì thứ gì mà cô ấy từng nhận như là một món quà hoặc tự làm ra, thì mức độ "tốt đẹp" của thế giới lại tăng lên. Mỗi cái cây bị chặt xuống và biến thành giấy, mỗi ý tưởng được nắm giữ và biến thành tài sản trí tuệ, mỗi đứa trẻ chơi game thay vì tự tạo những thế giới tưởng tượng riêng, mỗi mối quan hệ giữa người với người bị biến thành một loại dịch vụ trả phí, đều làm suy kiệt một mảnh tài nguyên chung về thiên nhiên, văn hóa, tinh thần và xã hội trở và chuyển đổi nó thành tiền.

Đúng là năng suất hơn (về mặt lao động/giờ) khi những người có chuyên môn chăm sóc cho ba tá đứa trẻ cùng một lúc thay vì để các bậc cha mẹ ở nhà tự chăm con họ. Đúng là cũng năng suất hơn khi canh tác trên những cánh đồng hàng ngàn hec-ta với các máy cày khổng lồ và hóa chất thay vì tự trồng bằng tay một lượng thực phẩm tương tự trên hàng trăm mảnh đất nhỏ. Nhưng những sự năng suất này không làm cho chúng ta thảnh thơi hơn, cũng không đáp ứng bất kì nhu cầu mới căn bản nào. Sự năng suất chỉ khiến cho những nhu cầu cũ được đáp ứng một cách vô tội vạ, cuối cùng lên đến mức thái quá khi trong tủ quần áo của chúng ta chất đầy những bộ quần áo và những đôi giày chẳng mấy khi được mặc trước khi chúng bị thải ra bãi rác.

Khía cạnh hạn chế của các nhu cầu của con người đã đặt ra những vấn đề ngay khi thời kì công nghiệp mới bắt đầu, khởi đầu với ngành công nghiệp dệt may. Cuối cùng thì, một người thực sự cần mấy bộ quần áo? Giải pháp cho cuộc khủng hoảng của sự thừa mứa sản phẩm may mặc là thao túng mọi người để làm cho họ mua quần áo nhiều hơn mức mà họ cần. Bước vào công nghiệp thời trang, ngành mà, theo một cách có ý thức và hoài nghi đến đáng kinh ngạc, khuyến khích những người mộ điệu tương lai bắt kịp xu hướng. Mọi người đồng thuận với ý tưởng này một phần là vì quần áo chiếm một vị trí đặc biệt trong mọi nền văn hóa, làm thỏa mãn các nhu cầu thiêng liêng, vui sướng, u buồn, khôi hài và đóng góp lớn đến nhu cầu sâu thẳm là tạo một tính danh xã hội. Nó trang trí thân thể chúng ta cũng tự nhiên như việc thêm gia vị vào thức ăn chúng ta. Vấn đề ở đây là không có nhu cầu mới nào đang được đáp ứng cả. Sản xuất nhiều và nhiều hơn nữa

cũng chỉ để phục vụ các nhu cầu giống nhau theo hướng phức tạp hơn và không giới hạn mà thôi.

Hơn nữa, sự công nghiệp hóa tương tự mà sản sinh ra một lượng sản phẩm dệt may khổng lồ cũng gây nên sự tan rã xã hội mà chia cắt các cộng đồng truyền thống và khiến mọi người dễ bị ảnh hưởng bởi ngành công nghiệp thời trang. Tôi đã miêu tả điều này trong một bối cảnh lớn hơn trong cuốn *The Ascent of Humanity*:

Để mang chủ nghĩa tiêu dùng vào một nền văn hóa từng bị cô lập trước đây (không bị ảnh hưởng bởi khái niệm "phát triển kinh tế" –ND), thì việc cần làm trước tiên là phá hủy ý thức của nền văn hóa đó về chính bản sắc của nó. Cách làm như sau: phá vỡ mạng lưới tương hỗ của nó bằng cách mang các mặt hàng tiêu dùng từ bên ngoài vào. Bào mòn sự tự tôn của nó bằng những hình ảnh đầy thu hút của phương Tây. Làm suy yếu thần thoại của nó thông qua công cuộc truyền giáo và giáo dục khoa học. Loại bỏ cách truyền thụ kiến thức địa phương truyền thống bằng cách đưa giáo trình bên ngoài vào trường học. Hủy hoại ngôn ngữ của nó bằng cách sử dụng tiếng Anh hoặc một ngôn ngữ quốc gia hoặc quốc tế khác trong trường học. Cắt liên kết của nó với mảnh đất bằng cách nhập khẩu thực phẩm rẻ để làm cho nông nghiệp địa phương trở nên không kinh tế. Rồi bạn sẽ tạo ra một lớp người thèm khát những đôi giày sneaker sành điệu.

Cuộc khủng hoảng của sự thừa mứa diễn ra khi một nhu cầu nào đó đã được đáp ứng đầy đủ thì được giải quyết bằng cách chuyển nó một nhu cầu khác. Một cách tương tự để nhìn nhận điều này là từng loại tài nguyên chung về thiên nhiên, văn hóa, xã hội, và tinh thần đều bị chuyển đổi thành tài sản và tiền. Khi vốn xã hội của sản xuất quần áo (nghĩa là các kỹ năng và truyền thống và phương tiện để truyền lại chúng) bị biến thành một loại hàng hóa, và không ai may quần áo ngoài nền kinh tế tiền bạc nữa[10], thì đó là lúc đem bán thậm chí nhiều quần áo hơn nữa bằng cách phá hủy các cấu trúc xã hội mà duy trì bản sắc khác. Bản sắc trở thành một loại hàng hóa, và quần áo và các mặt hàng tiêu dùng khác trở thành đại diện cho loại hàng hóa đó.

Hệ sinh thái xã hội của quà tặng – các kĩ năng được chia sẻ, các phong tục tập quán, các cấu trúc xã hội đáp ứng được các nhu cầu của mỗi người – cũng là một nguồn của cải phong phú, và mang nhiều mạch kho báu, giống như hệ sinh thái tự nhiên và trái đất phát triển từ nó. Câu hỏi đặt ra là: điều gì sẽ xảy ra khi tất cả các dạng thức vốn chung này bị rút cạn? Điều gì sẽ xảy ra khi không còn cá để biến thành hải sản, khi không còn rừng để sản xuất giấy, khi không còn lớp đất mặt để sản xuất siro ngô, khi chẳng có điều gì mà mọi người làm cho nhau miễn phí?

Ngoài mặt, đây chẳng có vẻ gì là một cuộc khủng hoảng cả. Tại sao chúng ta cứ phải tiếp tục phát triển kinh tế cơ chứ? Nếu tất cả các nhu cầu của chúng ta đều được đáp ứng với năng suất gia tăng rồi thì tại sao chúng ta không thể làm việc ít hơn? Tại sao kỉ nguyên hứa hẹn của sự thảnh thơi không bao giờ tới? Chúng ta sẽ thấy, trong hệ thống tiền tệ hiện tại, nó sẽ không bao giờ tới. Không có kì quan công nghệ mới nào là đủ cả. Cái hệ thống tiền tệ mà chúng ta được thừa hưởng sẽ luôn luôn bắt buộc chúng ta phải chọn tăng trưởng thay vì sự an nhàn.

Người ta có thể nói rằng tiền đã đáp ứng được một nhu cầu thực sự chưa được đáp ứng trước đây – nhu cầu phát triển và hoạt động của con người trên quy mô hàng triệu hay hàng tỷ người. Nhu cầu của chúng ta về thực phẩm, âm nhạc, chuyện kể, thuốc men, v.v… có thể không được thỏa mãn tốt hơn Thời kì Đồ đá, nhưng lần đầu tiên chúng ta có thể tạo ra những thứ đòi hỏi nỗ lực phối hợp của hàng triệu chuyên gia trên toàn cầu. Tiền đã tạo điều kiện cho sự phát triển của một siêu sinh vật có bảy tỷ tế bào, một cơ thể tập thể của nhân loại. Nó giống như một phân tử tín hiệu, điều phối sự đóng góp của các cá nhân và tổ chức hướng tới các mục đích mà không một phân nhóm nhỏ hơn nào đạt được. Tất cả những nhu cầu mà tiền đã tạo ra hoặc chuyển từ cá nhân sang tiêu chuẩn và đồng nhất đều là một phần của sự phát triển sinh vật này. Ngay cả ngành công nghiệp thời trang cũng là một phần của nó, trên phương diện như một phương tiện để tạo bản sắc và cảm giác thuộc về thông qua các mối liên kết xã hội rộng lớn.

Giống như một sinh vật đa bào, nhân loại như một bản thể chung cần các cơ quan, các hệ thống nhỏ hơn, và các phương tiện để phối hợp chúng. Tiền, cùng với văn hóa biểu tượng, công nghệ truyền thông, giáo dục,

v.v… đã trở thành công cụ để phát triển những thứ này. Nó cũng giống như một loại hormone tăng trưởng, vừa kích thích sự tăng trưởng vừa điều khiển cách thức tăng trưởng. Có vẻ như hiện nay chúng ta đang chạm đến các giới hạn của sự tăng trưởng, và do đó thời thơ ấu của loài người đang kết thúc. Tất cả các cơ quan của chúng ta đều đã phát triển hoàn thiện; một số thực sự đã sống lâu hơn cần thiết và có thể trở lại hình thái chỉ như một cơ quan vết tích. Chúng ta đang trưởng thành. Có lẽ chúng ta sắp biến sức mạnh sáng tạo mới nhận ra của hàng tỷ người hướng tới mục đích chín chắn của nó. Do vậy, có lẽ chúng ta cần một loại tiền tệ khác, một loại vẫn tiếp tục điều phối tổ chức nhân loại phức tạp này nhưng không còn bắt buộc nó phải phát triển nữa.

QUYỀN LỰC TIỀN

Tất cả các hình thức tài sản ngày nay đều có một đặc điểm chung: tất cả đều có thể được mua và bán để lấy tiền. Tất cả đều có thể quy đổi ra tiền, vì bất cứ ai sở hữu tiền là có thể sở hữu bất kỳ hình thức nào khác của vốn và sức mạnh sản xuất đi cùng với nó. Và hãy nhớ rằng, mỗi hình thức trong số các hình thức tài sản này đều xuất phát từ các tài nguyên chung – những thứ mà trước đây không được sở hữu bởi bất kì ai, nhưng cuối cùng đã bị tước đoạt khỏi cộng đồng và bị biến thành tài sản riêng. Điều xảy ra với đất đai cũng xảy ra với tất cả những thứ khác, bởi vậy tạo nên sự tập trung của cải và quyền lực vào tay những người sở hữu chúng. Như những người sáng lập đạo Thiên Chúa – Proudhon, Marx, và George – đã biết, việc cướp tài sản của ai đó rồi bắt họ phải trả tiền để sử dụng lại nó là trái đạo đức. Tuy nhiên đó là điều xảy ra bất cứ khi nào bạn thu tiền thuê đất hoặc lấy lãi từ số tiền bạn cho ai đó mượn. Chẳng phải ngẫu nhiên mà gần như tất cả các tôn giáo trên thế giới đều nghiêm cấm việc lãi suất nặng. Không người nào xứng đáng được hưởng lợi chỉ vì họ sở hữu một cái gì đó đã tồn tại trước khi xuất hiện chế độ sở hữu, và hiện tại tiền chính là hiện thân của tất cả những thứ đã tồn tại trước cả chế độ sở hữu, một bản chất được chắt lọc của tài sản.

Tuy nhiên, hệ thống tiền tệ chống lại lãi suất mà tôi sẽ đề xuất và miêu tả trong cuốn sách này không chỉ được thúc đẩy bởi lí do đạo đức đơn thuần. Lãi suất là một vấn đề còn nghiêm trọng hơn cả việc để cho một tội ác tiếp

tục tái diễn, nghiêm trọng hơn cả số tiền vẫn đang thu về từ một tội ác đã phạm phải. Nó cũng là cỗ máy cướp giật liên tục; nó là sức mạnh bắt buộc chúng ta, dù chúng ta có ý định tốt đến đâu, dù chúng ta muốn hay không muốn, trở thành đồng phạm trong hành động khai thác từng phần của trái đất.

Trong các chuyến du hành của tôi, đầu tiên là du hành vào trong chính bản thân và sau đó du hành với tư cách là một người viết sách và diễn giả, tôi thường bắt gặp nỗi thống khổ bất lực sâu sắc do sự phổ biến của cỗ máy đang nuốt chửng cả thế giới và sự gần như bất khả thi của việc tránh tham gia vào nó. Một trong số hàng triệu ví dụ là: những người khó chịu với Wal-Mart vẫn đang mua sắm tại đó hoặc tại các cửa hàng khác mà cũng ngang bằng một phần chuỗi "hút máu người" toàn cầu, bởi vì họ cảm thấy họ không có đủ tiền để trả giá gấp đôi cho những sản phẩm tương tự ở những cửa hàng khác hoặc không thể sống thiếu. Còn điện để vận hành căn nhà của tôi – làm từ than đá bị tách ra khỏi các đỉnh núi? Còn xăng để tôi đi lại và để người ta vận chuyển hàng hóa tới nhà tôi nếu tôi "sống tách biệt ở một nơi ẩn dật"? Tôi có thể giảm thiểu sự tham gia của mình vào cỗ máy đang nuốt chửng thế giới, nhưng tôi không thể tránh nó hoàn toàn. Khi mọi người nhận ra rằng chỉ sống trong xã hội này thôi cũng có nghĩa là họ đang góp phần vào những tội ác của thế giới rồi, họ thường trải qua giai đoạn muốn tìm kiếm một cộng đồng tự cung tự cấp và hoàn toàn tách biệt khỏi thế giới. Nhưng như thế có tốt hay không, trong khi Rome vẫn đang bị thiêu rụi? Nếu bạn không tham gia vào hành động làm ô nhiễm môi trường đang tràn ngập trái đất thì sao? Nó vẫn tiến hành nhanh chóng kể cả bạn sống trong rừng và ăn củ quả ở đó hay bạn ở ngoại ô và ăn thực phẩm được chở tới bằng xe tải từ California.[11] Mong muốn bào chữa cho bản thân khỏi tội lỗi chung của xã hội cũng giống như một hình thức mê tín, tương tự như việc bạn lắp các tấm pin năng lượng mặt trời trên mái một ngôi nhà rộng 4000 thước vuông vậy (khoảng 371,6m^2).

Mặc dù rất đáng được ca ngợi về mặt động lực, nhưng các phong trào tẩy chay Wal-Mart hoặc cải cách ngành chăm sóc sức khỏe hoặc giáo dục, chính trị hoặc bất cứ cái gì khác nhanh chóng trở thành vô ích bởi các phong trào đó đang chống lại sức mạnh tiền bạc. Để có thể tạo ra bất kì ảnh hưởng nào giống như một cuộc bơi ngược dòng lên thượng lưu vậy, và

ngay khi chúng ta tạm nghỉ, một số điều khủng khiếp mới lại quét bay chúng ta đi một lần nữa, một sự khai thác từng mảnh nào đó về thiên nhiên, cộng đồng, sức khỏe, hoặc tinh thần để biến thành tiền.

Vậy, "quyền lực tiền" chính xác là cái gì? Nó không phải là âm mưu xấu xa của các chủ ngân hàng đang điều khiển thế giới thông qua Hội đồng Bilderberg, Ủy ban ba bên và các công cụ khác của "Illuminati". Trong các chuyến đi và thư từ của mình, đôi khi tôi bắt gặp những người đã đọc sách của David Icke và một số người khác đưa ra một trường hợp thuyết phục về một âm mưu toàn cầu cổ xưa dành riêng cho "Trật tự thế giới mới", mà được tượng trưng bởi con mắt trên đỉnh kim tự tháp, kiểm soát mọi chính phủ và thể chế, được điều khiển bởi một nhóm nhỏ bí mật những con quái vật thèm khát quyền lực, những kẻ thậm chí còn đếm cả Rothschilds hay Rockefellers trong số những con rối của chúng mà thôi. Chắc chắn là tôi quá ngây thơ, hoặc quá kém hiểu biết, khi không hiểu được bản chất thực sự của vấn đề.

Tôi thú nhận là mình ngây thơ, nhưng tôi không kém hiểu biết. Tôi đã đọc nhiều tài liệu kiểu trên và không cảm thấy thỏa mãn. Mặc dù các sự kiện như 11/9 [12] và vụ sát hại nhà Kennedy còn nhiều điều chúng ta chưa được biết, và rằng ngành công nghiệp tài chính, các tội ác có tổ chức, và quyền lực chính trị có liên quan mật thiết với nhau, nhưng nói một cách khái quát, các thuyết âm mưu quá đề cao khả năng của con người khi thành công quản lí và điều khiển những hệ thống phức tạp. Rõ ràng là có điều gì bí ẩn đang xảy ra, và "những sự trùng khớp ngẫu nhiên" mà những người như Icke nhắc đến thách thức những lời giải thích thông thường, nhưng nếu bạn cho phép một khoảnh khắc để suy tư về lĩnh vực siêu hình học, thì tôi cuối cùng nhận thấy chuyện gì đang xảy ra là chính hệ thống tư tưởng và niềm tin sâu kín của chúng ta, và cái bóng vô thức của chúng, là nguyên nhân gây ra một ma trận của những sự kiện đồng bộ mà nhìn vào chúng ta cứ ngỡ đó là một âm mưu. Sự thật là, có một âm mưu nhưng không có ai là chủ mưu. Mỗi người đều là một con rối, nhưng không ai là người điều khiển rối.

Hơn nữa, sức hấp dẫn của các thuyết âm mưu, mà thường không thể kiểm chứng được, về mặt tâm lý cũng giống như về mặt thực nghiệm. Các

thuyết âm mưu có một sự quyến rũ bí ẩn bởi vì chúng đánh vào sự phẫn nộ nguyên thủy của chúng ta và xác định một cái gì đó để chúng ta xoáy vào, để đổ lỗi và để ghét. Thật không may, như nhiều nhà cách mạng đã phát hiện ra khi họ lật đổ các đầu sỏ chính trị, rằng hận thù của chúng ta bị đặt ở sai chỗ. Thủ phạm thực sự sâu sắc hơn và lan rộng hơn nhiều. Nó vượt lên trên cả ý thức của con người, và thậm chí cả các chùm ngân hàng và các đầu sỏ chính trị sống dưới trướng của nó. Thủ phạm thực sự là những kẻ lãnh chúa ngoài hành tinh đang cai trị thế giới từ các đĩa bay của họ. Đùa chút thôi.[13] Thủ phạm thực sự, người điều khiển rối thực sự mà đang thao túng những người kiệt xuất nhất của chúng ta từ đằng sau tấm màn, chính là hệ thống tiền tệ: một hệ thống dựa trên tín dụng, được dẫn dắt bởi lãi suất đã xuất hiện từ xa xưa, làm dấy lên cơn sóng chia cắt; hệ thống đó tạo ra sự cạnh tranh, sự phân cực, và lòng tham; nó ép buộc tăng trưởng cấp số nhân; và quan trọng nhất là, nó đang đến hồi kết thúc vào thời đại của chúng ta bởi nhiên liệu cho sự tăng trưởng – vốn tự nhiên, văn hóa, xã hội, và tinh thần – đang cạn kiệt.

Trong vài chương tới, tôi sẽ mô tả tiến trình này và động lực của lãi suất, hệ thống lại cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay như là cực điểm của một xu thế đã hình thành hàng thế kỷ qua. Như vậy, chúng ta sẽ có thể hiểu rõ hơn cách tạo ra không chỉ một hệ thống tiền tệ mới, mà còn một *kiểu* hệ thống tiền tệ hoàn toàn khác biệt – một hệ thống mà có những tác động ngược lại so với hệ thống của chúng ta hiện nay: chia sẻ thay vì tích góp, bình đẳng thay vì phân hóa, làm giàu thêm các tài nguyên chung thay vì khai thác chúng từng mảnh, bền vững thay vì tăng trưởng. Hệ thống tiền tệ mới này cũng sẽ là hiện thân của một sự chuyển dịch sâu sắc hơn mà chúng ta đang thấy hiện hữu ngày hôm nay, một sự chuyển dịch về bản sắc con người hướng tới một bản thể kết nối, kết nối tất cả mọi người trong vòng tròn của món quà. Bất kỳ khoản tiền nào mà là một phần của Sự Tái Hợp này, Sự Chuyển Đổi Lớn này, chắc chắn xứng đáng được gọi là thiêng liêng.

CHƯƠNG 6:
NỀN KINH TẾ LÃI SUẤT NẶNG

Dù cho người ta hứa sẽ chấm dứt chiến tranh hoàn toàn, dù cho hàng triệu người kêu gào "không bao giờ chiến tranh nữa", dù cho nhiều người hy vọng tương lai sẽ tốt đẹp hơn, nhưng tôi phải nói điều này: Nếu hệ thống tiền tệ dựa vào lãi suất và lãi suất kép hiện nay vẫn hoạt động, thì tôi dám dự đoán hôm nay rằng tối đa là 25 năm nữa sẽ có một cuộc chiến tranh mới và cuộc chiến tranh đó thậm chí còn tồi tệ hơn. Tôi có thể thấy trước một cách rõ ràng những bước phát triển tiếp theo. Sự tiến bộ về mặt công nghệ ở mức hiện tại sẽ nhanh chóng dẫn đến một thành tích kỷ lục của ngành công nghiệp. Sự tích tụ vốn sẽ xảy ra nhanh chóng bất chấp những tổn thất to lớn trong suốt chiến tranh, và thông qua nguồn cung quá mức [tiền bạc], lãi suất sẽ hạ thấp xuống [cho đến khi những nhà đầu cơ tiền tệ không chịu giảm nữa]. Sau đó, tiền sẽ được tích trữ (dẫn tới sự giảm phát dự đoán trước được), các hoạt động kinh tế sẽ giảm xuống, và số người thất nghiệp lang thang trên đường phố tăng lên… trong những đám đông bất bình này, các ý tưởng cách mạng sẽ nảy sinh và cùng với nó, "siêu chủ nghĩa quốc gia" – một ý tưởng độc hại – cũng sẽ phát triển mạnh. Không một quốc gia nào sẽ hiểu được quốc gia nào, và cuối cùng chiến tranh lại xảy ra.

– Silvio Gesell (1918)

Chúng ta đang phải đối mặt với một nghịch lí. Một mặt, tiền là một biểu tượng của sự biết ơn và tin tưởng, một thứ kết nối các món quà với các nhu cầu, một thứ hỗ trợ sự trao đổi giữa những người mà nếu không có nó thì không có cách nào để trao đổi được với nhau. Như vậy lẽ ra nó phải khiến tất cả chúng ta giàu có hơn. Thế nhưng nó lại không làm được việc đó.

Thay vào đó, nó đã mang lại sự bất an, nghèo đói, và triệt tiêu các tài nguyên chung về mặt văn hóa và tự nhiên của chúng ta. Tại sao lại như vậy?

Nguyên nhân của những điều này nằm sâu trong trung tâm hệ thống tiền tệ hiện nay. Chúng vốn gắn liền với cách mà tiền ngày nay được tạo ra và lưu hành, và trọng tâm của hệ thống đó là lãi suất nặng, được biết đến là lãi suất. Lãi suất nặng chính là phản đề của quà tặng, bởi thay vì cho người khác khi chúng ta có nhiều hơn nhu cầu của mình, thì lãi suất nặng tìm cách sử dụng sức mạnh của quyền sở hữu để kiếm chác nhiều hơn – lấy đi từ người khác hơn là cho đi. Và như chúng ta sẽ thấy, lãi suất nặng trái ngược với quà tặng về mặt hệ quả, cũng như về mặt động cơ.

Lãi suất nặng đã được tích hợp vào cấu trúc tiền tệ ngày nay, ngay từ thời điểm ra đời của nó. Tiền tệ bắt nguồn từ khi Cục dự trữ Liên bang Fed (hoặc Ngân hàng trung ương châu Âu – ECB hoặc ngân hàng trung ương khác) mua chứng khoán có lãi suất (theo truyền thống là trái phiếu kho bạc, nhưng dạo gần đây, tất cả các loại chứng khoán được thế chấp bằng tài sản và các loại rác tài chính khác) trên thị trường tự do. Fed hoặc ngân hàng trung ương tạo ra số tiền này từ thinh không, từ một nét bút (hay từ bàn phím vi tính). Ví dụ, khi Fed mua 290 tỉ đô la chứng khoán được thế chấp bằng tài sản từ Deutsche Bank năm 2008, Fed đã không sử dụng số tiền mà nó đang nắm giữ để mua mà nó tự tạo ra một khoản tiền mới như một bút toán kế toán vào tài khoản của Deutsche Bank. Đây là bước đầu tiên trong việc tạo ra tiền. Cho dù Fed hoặc ngân hàng trung ương mua gì, thì nó luôn luôn là chứng khoán có lãi suất. Nói theo cách khác, điều này có nghĩa là số tiền được tạo ra đi kèm với một khoản nợ tương ứng, và khoản nợ luôn lớn hơn lượng tiền được tạo ra.

Loại tiền miêu tả ở trên được biết đến như là "tiền cơ sở", hay M0. Nó tồn tại như khoản dự trữ ngân hàng (và tiền mặt). Bước thứ hai sẽ diễn ra khi một ngân hàng cho doanh nghiệp hoặc cá nhân vay. Lại một lần nữa, tiền mới được tạo ra như một bút toán kế toán trong tài khoản của người vay. Khi một ngân hàng cho doanh nghiệp vay một khoản trị giá 1 triệu đô la, ngân hàng sẽ không trừ khoản tiền đó từ một tài khoản khác; mà nó chỉ đơn giản là tạo ra 1 triệu đô la mới. Một triệu đô la tiền mới được tạo ra – và

một khoản nợ hơn 1 triệu đô la cũng đồng thời nảy sinh.[1] Số tiền mới này được gọi là M1 hoặc M2 (tùy thuộc vào loại tài khoản mà nó thuộc về). Đây là số tiền thực sự được tiêu dùng cho hàng hóa và dịch vụ, vốn thiết bị, chi trả nhân công, v.v…

Cách miêu tả về tiền được tạo ra như thế nào ở trên thực ra chưa đầy đủ mặc dù được công nhận rộng rãi. Tôi sẽ bàn thêm về vấn đề này trong phần Phụ lục. Hiện tại sẽ là tạm đủ bởi nó đủ chính xác cho mục đích miêu tả các hệ quả của lãi suất nặng.

CÂU CHUYỆN NGỤ NGÔN KINH TẾ

Lãi suất nặng vừa tạo ra sự khan hiếm tràn lan vừa điều khiển cỗ máy nuốt chửng thế giới thông qua tăng trưởng liên tục. Để giải thích về cách thức, tôi sẽ bắt đầu với một câu chuyện ngụ ngôn sáng tác bởi nhà kinh tế học có tầm nhìn phi thường Bernard Lietaer, mà có tên là "The Eleventh Round" từ cuốn sách *The Future of Money* của ông.

> *Ngày xửa ngày xưa, tại một ngôi làng nhỏ gần rừng núi, người ta trao đổi với nhau để có mọi thứ mà họ cần. Vào mỗi ngày họp chợ, mọi người đi qua đi lại với gà, trứng, thịt hun khói và bánh mì, rồi tham gia các cuộc thương lượng kéo dài với nhau để đổi lấy thứ họ cần. Vào các thời điểm quan trọng trong năm, ví dụ như ngày mùa hoặc bất kì khi nào trang trại của ai đó cần được sửa chữa nhiều sau một cơn bão, người ta lại giúp đỡ lẫn nhau theo như truyền thống mà họ mang theo từ quốc gia cũ. Họ biết rằng nếu một ngày nào đó họ gặp vấn đề gì, thì người khác sẽ hỗ trợ họ để trả ơn cũ.*
>
> *Vào một phiên chợ, một người lạ đi giày đen bóng lộn và đội một chiếc mũ phớt trắng đến và quan sát toàn bộ quá trình trao đổi với một nụ cười khinh khỉnh. Khi ông ta thấy một người nông dân chạy quanh để quây sáu con gà của mình để đổi lấy một tảng thịt hun khói lớn, ông ta không thể nhịn được cười. "Mấy người tội nghiệp!", ông ta nói, "cổ lỗ quá"! Vợ người nông dân nghe thấy vậy liền thách thức người lạ mặt kia và nói: "Ông cho rằng bản thân có cách xử lí gà tốt hơn chăng?" Người lạ mặt đáp lời: "Gà ư, không! Nhưng có một cách để loại bỏ*

những rắc rối này tốt hơn nhiều". "Vậy sao, như thế nào?", người vợ hỏi lại. "Có nhìn thấy cái cây kia không?", người lạ mặt trả lời. "Tôi sẽ đến đó và đợi cho đến khi có một người trong làng đến và đưa cho tôi một tấm da bò lớn. Rồi sau đó hãy gọi tất cả các gia đình tới chỗ tôi. Tôi sẽ giải thích cách làm tốt hơn."

Và mọi chuyện xảy ra đúng như vậy. Người lạ mặt lấy tấm da bò và cắt nó thành nhiều mảnh hình tròn, và đóng một con tem trau chuốt và thanh nhã lên mỗi mảnh tròn đó. Rồi ông ta đưa cho mỗi gia đình 10 mảnh, và giải thích rằng mỗi mảnh đại diện cho giá trị của một con gà. Ông ta nói: "Bây giờ mọi người có thể trao đổi và thỏa thuận mua bán bằng những đồng tiền này thay vì bằng các con gà khó bảo".

Nghe cũng có lí. Tất cả mọi người đều rất ấn tượng với người đàn ông lạ mặt đi giày bóng lộn và đội chiếc mũ phớt đầy cảm hứng.

Sau khi mỗi gia đình đã nhận 10 đồng tiền, người lạ mặt nói thêm: "À, tiện thể, một năm nữa tôi sẽ quay lại và ngồi ở chính cái cây này. Tôi muốn mỗi gia đình mang trả lại cho tôi 11 đồng. Đồng thứ 11 là để biểu trưng cho lòng biết ơn của mọi người đối với cải tiến công nghệ mà tôi đã vừa mang tới cho cuộc sống của mọi người". "Nhưng đồng tiền thứ 11 ở đâu ra?", người nông dân có 6 con gà hỏi. Người lạ mặt trả lời với một nụ cười làm yên lòng người kia: "Rồi anh sẽ biết thôi".

Giả sử dân số và sản phẩm tạo ra hàng năm của ngôi làng giữ nguyên vào năm tiếp đó, theo bạn điều gì sẽ phải xảy ra? Hãy nhớ là, đồng tiền thứ 11 chưa bao giờ được tạo ra. Bởi vậy, kể cả nếu tất cả mọi người đều xoay sở tốt, thì một trong số 11 gia đình sẽ phải mất hết tiền để 10 gia đình còn lại có được đồng thứ 11.

Bởi vậy khi một cơn bão đe dọa hoa màu của một trong số các gia đình, người ta trở nên bớt hào phóng hơn với thời gian của họ cho việc giúp đỡ gia đình khác di chuyển hoa màu trước khi thảm họa ập tới. Dù cho đúng là thuận tiện hơn nhiều khi dùng những đồng tiền thay vì mang gà theo để trao đổi ở các phiên chợ, nhưng cách làm mới này cũng kéo theo một tác dụng phụ ngoài ý muốn là không khuyến khích sự hợp tác tự phát vốn có

trong truyền thống ngôi làng. Thay vào đó, trò chơi tiền bạc mới đang tạo ra một sự cạnh tranh có hệ thống giữa tất cả những người tham gia.

Câu chuyện ngụ ngôn này bắt đầu cho thấy sự cạnh tranh, sự bấp bênh, và lòng tham đã len lỏi vào hệ thống kinh tế của chúng ta chỉ vì lãi suất như thế nào. Chúng không bao giờ có thể loại trừ được khi mà những nhu yếu phẩm trong cuộc sống bị quy thành tiền có lãi. Nhưng chúng ta hãy cùng tiếp tục câu chuyện để thấy cách mà lãi suất cũng đang tạo áp lực không ngừng cho tăng trưởng kinh tế vĩnh viễn như thế nào.

Có ba cách chính mà câu chuyện của Lietaer có thể kết thúc: vỡ nợ, tăng nguồn cung tiền, hoặc phân phối lại của cải. Một trong số 11 gia đình có thể sẽ phá sản và phải giao nộp trang trại của họ cho người lạ mặt đội mũ (chủ ngân hàng), hoặc người lạ mặt có thể kiếm một tấm da bò khác và tạo ra thêm tiền, hoặc những người dân làng có thể đánh lừa chủ ngân hàng và từ chối không trả tiền cho ông ta. Các nền kinh tế dựa trên lãi suất nặng cũng đối mặt với những lựa chọn tương tự.

Vậy bây giờ hãy tưởng tượng rằng những người dân trong làng đến quanh người đàn ông đội mũ và nói: "Thưa ngài, ngài có thể làm ơn cho chúng tôi thêm tiền để không ai trong chúng tôi bị phá sản được không?"

Người đàn ông nói: "Tôi sẽ làm vậy, nhưng chỉ với những ai có thể đảm bảo với tôi rằng họ có khả năng trả lại tiền cho tôi. Bởi vì mỗi miếng tiền da tròn có giá trị bằng một con gà, nên tôi sẽ cho những người có số gà nhiều hơn số mảnh tiền mà họ đang nợ tôi vay tiền. Như thế, nếu họ không trả lại tôi tiền, tôi sẽ có thể lấy gà của họ để thay thế. À, và bởi vì tôi là một người tốt, nên tôi thậm chí sẽ tạo ra những đồng tiền mới cho những người hiện tại chưa có thêm gà, nếu họ có thể thuyết phục tôi rằng họ sẽ gây giống thêm gà trong tương lai. Vậy, hãy cho tôi xem kế hoạch làm ăn của các anh! Hãy cho tôi thấy rằng các anh đáng tin cậy (một người dân làng có thể viết "báo cáo tín dụng" để giúp các anh điều này). Tôi sẽ cho mượn tiền ở mức 10% lãi – nếu các anh là những người nuôi gà thông minh, mỗi năm đàn gà của các anh có thể tăng 20%, các anh trả lại tôi tiền, và bản thân các anh cũng giàu lên."

Những người dân làng nói: "Như thế nghe cũng hợp lí đấy, nhưng vì ông đang tạo ra những đồng tiền mới với lãi suất 10%, thì đến cuối cùng chúng tôi vẫn không có đủ tiền để trả lại cho ông."

Người đàn ông trả lời: "Không vấn đề gì. Các anh sẽ thấy, vào thời điểm đó, tôi sẽ tạo ra thêm nhiều đồng tiền nữa, và khi đến hạn phải trả lại những đồng tiền đó, tôi lại tạo thêm nhiều đồng tiền nữa. Tôi sẽ luôn luôn sẵn lòng cho các anh mượn thêm tiền. Tất nhiên, các anh phải sản xuất thêm nhiều gà nữa, nhưng miễn là các anh liên tục phát triển chăn nuôi gà, thì sẽ chẳng bao giờ có vấn đề gì hết".

Một đứa trẻ đến và nói với người đàn ông: "Thưa ông, gia đình cháu bị bệnh, và chúng cháu không có đủ tiền để mua thức ăn. Ông có thể cho cháu thêm tiền được không?"

Người đàn ông nói: "Ta rất tiếc, nhưng ta không thể làm thế được. Cháu ạ, ta chỉ tạo ra thêm tiền cho những người có khả năng trả lại được cho ta thôi. Nhưng nếu gia đình cháu có vài con gà để mang ra thế chấp, hoặc nếu cháu có thể chứng tỏ là mình có thể lao động chăm chỉ hơn để gây giống thêm nhiều gà hơn, thì ta sẽ rất vui lòng đưa cho cháu tiền".

Ngoại trừ một vài trường hợp không may, hệ thống đó hoạt động tốt trong một thời gian. Những người dân làng chăn nuôi đàn gà của họ đủ nhanh để có thể kiếm thêm những đồng tiền mà họ cần để trả lại người đàn ông đội mũ. Vài người, vì lí do nào đó, có thể là kém may mắn hoặc không đủ tài giỏi, đã phá sản; và những người hàng xóm may mắn (hoặc lao động hiệu quả hơn) của họ tiếp quản trang trại của họ và thuê họ lao động ở chính trang trại đó. Tuy nhiên, nói chung là các trại gà đều tăng trưởng 10% mỗi năm với nguồn cung tiền. Ngôi làng và các trại gà đã phát triển lớn đến mức có nhiều người khác tương tự như người đàn ông đội mũ cùng tham gia với ông, tất cả đều bận rộn tạo cắt thêm những mảnh tiền da mới và đưa chúng cho bất kỳ ai có kế hoạch khả thi để mở rộng trại gà.

Thời gian trôi, vấn đề nổi cộm. Một trong số đó là, rõ ràng rằng không có ai thực sự cần tất cả những con gà kia. Bọn trẻ kêu ca: "Con ngán trứng lắm rồi". Những người vợ nội trợ phàn nàn: "Trong nhà bây giờ phòng nào

cũng có một cái giường lông gà". Để giữ cho việc tiêu thụ các sản phẩm từ gà liên tục tăng trưởng, những người dân trong làng sáng tạo ra đủ thể loại kế sách. Mỗi tháng phải thay một cái nệm lông mới, phải mua những ngôi nhà to hơn để chứa những nệm lông đó, và phải có sân vườn và sân vườn toàn gà là gà, tất cả đã trở thành mốt. Tranh chấp nảy sinh với các ngôi làng khác được giải quyết ổn thỏa bằng những trận chiến ném trứng gà tầm cỡ. Ngài thị trưởng đồng thời là em rể của người đàn ông đội mũ kêu gọi: "Chúng ta phải tạo ra nhu cầu tiêu thụ gà! Như vậy thì chúng ta sẽ càng ngày càng giàu có".

Một hôm, một người già trong làng phát hiện ra một vấn đề khác. Trong khi, cánh đồng bao quanh làng từng xanh ngát và màu mỡ trước đây, thì nay trở nên hôi hám bẩn thỉu. Rau quả đã bị loại bỏ để trồng hạt nuôi gà. Ao và suối, từng đầy tôm cá, giờ đây trở thành những cái hầm chứa phân gà hôi thối. Bà nói: "Chuyện này phải chấm dứt! Nếu chúng ta cứ mở rộng trại gà mãi thế này, thì chúng ta sẽ sớm chết chìm trong phân gà"!

Người đàn ông đội mũ kéo bà sang một bên và nói với bà bằng một giọng ra vẻ trấn an rằng: "Đừng lo, ở dưới con đường kia có một ngôi làng vẫn còn đầy các cánh đồng màu mỡ. Những người trong làng ta đang lên kế hoạch sang đó để mở trang trại gà. Và nếu người trong làng đó không đồng ý thì… chúng ta vẫn đông hơn họ. Mà này, bà không nghiêm túc khi nói về việc ngừng tăng trưởng đấy chứ. Nếu thế thì những người hàng xóm của bà sẽ trả nợ bằng cách nào? Tôi làm sao có thể tạo ra những đồng tiền mới nữa? Ngay cả tôi cũng có thể phá sản ấy chứ". Và thế là, từng ngôi làng một đều trở thành những bể chứa phân gà hôi thối bao quanh những đàn gà khổng lồ mà chẳng ai thực sự cần, và các ngôi làng thì đánh nhau để tranh giành những không gian xanh còn sót lại, mà có thể giúp họ tăng trưởng thêm được vài năm nữa. Tuy nhiên, mặc dù rất nỗ lực để duy trì tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng bắt đầu chậm lại. Khi tăng trưởng chậm lại, các món nợ bắt đầu tăng tỉ lệ so với thu nhập, cho đến mức nhiều người phải dùng tất cả số tiền mà họ có chỉ để trả nợ cho người đàn ông đội mũ. Nhiều người phá sản và phải làm việc với mức lương đủ sống cho những ông chủ mà chính những ông chủ đó cũng gần như chỉ kiếm đủ để trả nợ cho người đàn ông đội mũ. Càng ngày càng ít người có thể mua các sản phẩm từ gà, khiến cho việc duy trì nhu cầu và tăng trưởng trở nên khó

khăn hơn. Trong bối cảnh về dư thừa thái quá gà mang tính hủy hoại môi trường, càng nhiều người gần như không có đủ nhu yếu phẩm để sống, dẫn đến một nghịch lí về sự khan hiếm ngay trong chính sự dư giả.

Và đó là tình trạng của xã hội hiện đại ngày nay.

SỰ BẮT BUỘC TĂNG TRƯỞNG

Tôi hy vọng mọi thứ rõ ràng về cách câu chuyện ngụ ngôn trên kết nối với nền kinh tế thật. Bởi vì có lãi suất nên vào bất kì thời điểm nào, số tiền nợ cũng luôn lớn hơn số tiền thực có. Để kiếm thêm tiền cho duy trì toàn bộ hệ thống, chúng ta phải nuôi thêm nhiều gà hơn – nói cách khác, chúng ta phải tạo ra nhiều "hàng hóa và dịch vụ" hơn. Cách làm chính để thực hiện điều này là bán những thứ mà trước đây từng là miễn phí. Đó là biến rừng thành gỗ, biến âm nhạc thành sản phẩm mua bán, biến các ý tưởng thành tài sản trí tuệ, biến sự giúp đỡ qua lại trong xã hội thành các dịch vụ trả tiền.

Được tiếp tay bởi công nghệ, sự thương mại hóa các hàng hóa và dịch vụ từng phi tiền tệ trước đây đã nhanh chóng diễn ra trong vài thế kỷ qua, đến mức mà hiện nay gần như còn rất ít thứ nằm ngoài phạm vi tiền tệ. Các tài nguyên chung khổng lồ, cho dù là đất đai hay văn hóa, đã được rào lại và bán đi – tất cả để bắt kịp tăng trưởng theo cấp số nhân của tiền. Đây là lý do sâu xa khiến chúng ta biến rừng thành gỗ, biến các bài hát thành tài sản trí tuệ, v.v… Đây là lý do tại sao hai phần ba bữa ăn của người Mỹ được chuẩn bị ở ngoài chứ không phải ở nhà. Đây là lý do tại sao các phương pháp chữa bệnh bằng thảo dược đã phải nhường chỗ cho các loại thuốc hóa dược, việc chăm sóc trẻ đã trở thành một dịch vụ phải trả tiền, nước uống lại thuộc hạng mục tăng trưởng số một về doanh số đồ uống.

Sự bắt buộc phải tăng trưởng liên tục hàm ẩn trong tiền tệ dựa trên lãi suất chính là điều thúc đẩy sự chuyển đổi không ngừng sự sống, thế giới và tinh thần thành tiền. Chúng ta hoàn thành một cái vòng luẩn quẩn khắc nghiệt: càng biến sự sống thành tiền, chúng ta càng cần tiền để sống. Chính lãi suất nặng chứ không phải tiền mới là gốc rễ của mọi điều xấu xa.

Chúng ta hãy cùng xem xét vấn đề này chi tiết hơn một chút. Cũng giống như người đàn ông đội mũ, một ngân hàng hoặc bất kì người cho vay nào thường thường sẽ chỉ cho bạn vay tiền nếu bạn có khả năng trả lại họ. Kỳ vọng này có thể dựa vào thu nhập mong đợi trong tương lai, tài sản thế chấp, hoặc hệ số tín dụng cao. Các hệ quả nghiêm trọng do vỡ nợ khiến cho bạn phải đảm bảo khả năng trả nợ của mình. Việc trả nợ không chỉ phụ thuộc vào khả năng của bạn, nó còn chịu rất nhiều hình thức áp lực xã hội, kinh tế và pháp lý nữa. Tòa án có thể yêu cầu tịch thu tài sản để thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng vay nợ, và mặc dù chúng ta không còn bỏ tù những người bị vỡ nợ nữa,[2] nhưng những con nợ quá hạn vẫn phải chịu đựng sự sách nhiễu không dứt dưới bàn tay của các cơ quan thu nợ, cũng như bị khước từ về chỗ ở, việc làm, và an ninh. Nhiều người cũng cảm thấy trả nợ là một nghĩa vụ về mặt đạo đức. Điều này là tự nhiên: trong các nền kinh tế quà tặng cũng vậy, những người đã nhận đều cảm thấy cho đi là một nghĩa vụ về mặt xã hội cũng như đạo đức.

Tiền để hoàn trả nợ gốc và lãi suất đến từ việc bán hàng hóa và dịch vụ, hoặc nó có thể đến từ việc vay thêm. Bất cứ lúc nào bạn sử dụng tiền, về cơ bản bạn đang đảm bảo: "Tôi đã thực hiện một dịch vụ hoặc cung cấp một mặt hàng có giá trị tương đương với thứ mà tôi đang mua". Bất cứ lúc nào bạn vay tiền, bạn đang nói rằng bạn sẽ cung cấp một mặt hàng hoặc dịch vụ tương đương trong tương lai. Về lý thuyết, điều này nên là có lợi cho mọi người, bởi vì nó cho phép kết nối các món quà và các nhu cầu không chỉ trên phương diện không gian và nghề nghiệp mà còn trên phương diện thời gian nữa. Tiền dựa trên tín dụng cho phép đổi hàng hóa hiện tại lấy hàng hóa trong tương lai. Điều này không phải là không nhất quán với nguyên tắc quà tặng. Bây giờ tôi nhận; sau này tôi cho đi.

Các vấn đề nảy sinh từ lãi suất. Bởi vì nợ phải trả lãi đi kèm với tất cả tiền mới, nên tại bất kỳ thời điểm nào, số tiền nợ luôn lớn hơn số tiền thực có. Việc thiếu tiền khiến chúng ta phải cạnh tranh với nhau và đưa chúng ta vào một tình trạng khan hiếm liên tục vốn được tích hợp sẵn. Nó giống như trò chơi *Chiếc ghế âm nhạc* mà không bao giờ đủ ghế cho tất cả mọi người chơi. Áp lực nợ là đặc tính của hệ thống này. Mặc dù một số người có thể hoàn trả các khoản nợ của họ, nhưng về tổng thể, hệ thống này đòi hỏi tình trạng mắc nợ nói chung và ngày càng tăng.

Áp lực nợ liên miên đồng nghĩa với việc sẽ luôn luôn có những người bất an và tuyệt vọng – những người vì áp lực sinh tồn nên sẵn sàng đốn hạ mảnh rừng cuối cùng, bắt những con cá cuối cùng, bán một đôi sneaker cho ai đó, thanh lý bất cứ nguồn vốn tự nhiên, văn hóa, xã hội hay tinh thần nào còn lại. Sẽ không bao giờ có lúc chúng ta chạm tới thời điểm "đủ đầy" bởi vì trong một hệ thống nợ dựa trên lãi suất, sự trao đổi không chỉ là "hàng hóa hiện tại lấy hàng hóa tương lai" mà là hàng hóa hiện tại lấy nhiều hàng hóa *hơn* trong tương lai. Để trả nợ hoặc đơn giản để sống, hoặc bạn phải chiếm lấy tài sản hiện có của người khác (do đó dẫn tới cạnh tranh) hoặc bạn phải tạo ra tiền "mới" từ các tài nguyên chung.

Đây là một ví dụ cụ thể để làm sáng tỏ nguyên tắc hoạt động của hệ thống. Giả sử bạn tới một ngân hàng và nói: "Quý ngài chủ ngân hàng, tôi muốn vay 1 triệu đô la để tôi có thể mua khu rừng này để bảo vệ các cây ở đó khỏi bị khai thác gỗ. Tôi sẽ không có thu nhập từ khu rừng, nên tôi sẽ không thể trả lãi được. Nhưng nếu ngân hàng cần thu lại tiền, tôi có thể bán lại khu rừng và trả lại 1 triệu đô la". Thật không may thay, chẳng có ngân hàng nào đồng ý với lời đề nghị này dù họ muốn như vậy. Nhưng nếu bạn tới ngân hàng và nói: "Tôi muốn vay 1 triệu đô la để mua khu rừng này, thuê xe ủi đất, chặt sạch cây ở đó, và bán gỗ với tổng giá trị là 2 triệu đô la, trong đó tôi sẽ trả 12% lãi cho ngân hàng và cũng kiếm chút lời cho bản thân", thì sẽ có ngay một ngân hàng đồng ý. Ở ví dụ đầu tiên, không có hàng hóa hay dịch vụ mới nào được tạo ra, bởi vậy tiền không được tạo mới. Tiền bạc hướng đến ai tạo ra hàng hóa và dịch vụ mới. Đây là lí do tại sao hiện nay lại có nhiều công việc trả lương phải làm những việc đồng lõa với chuyển đổi các nguồn vốn tự nhiên và xã hội thành tiền đến vậy, và rất ít công việc phục hồi các tài nguyên chung và bảo vệ các kho tàng văn hóa và tự nhiên.

Nói chung, áp lực không ngừng lên những người vay nợ trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ là một áp lực tự nhiên đối với tăng trưởng kinh tế (được định nghĩa là sự tăng trưởng của tổng số hàng hóa và dịch vụ để đổi lấy tiền). Một cách nhìn khác là: bởi vì tiền nợ luôn luôn lớn hơn nguồn cung tiền, nên việc tạo ra tiền sẽ sản sinh ra một nhu cầu phải có nhiều tiền hơn trong tương lai. Số lượng tiền phải càng ngày càng tăng; tiền mới

chảy vào túi những người sẽ cung cấp hàng hóa và dịch vụ; do đó, khối lượng hàng hóa và dịch vụ cũng phải càng ngày càng tăng.

Vì vậy, không phải chỉ là sự vô hạn thấy rõ của tiền, mà được quan sát từ thời Hy Lạp cổ đại, cho phép chúng ta tin vào khả năng tăng trưởng vĩnh cửu. Trên thực tế, hệ thống tiền tệ của chúng ta đòi hỏi buộc phải có sự tăng trưởng đó. Hầu hết các nhà kinh tế học cho rằng áp lực tăng trưởng đặc hữu này là một điều tốt. Họ nói rằng nó tạo ra động lực để đổi mới, để tiến bộ, để đáp ứng nhiều nhu cầu một cách ngày càng hiệu quả hơn. Một nền kinh tế dựa trên lãi suất về cơ bản và không thay đổi được là một nền kinh tế dựa trên sự tăng trưởng, và ngoại trừ một số nhỏ có tư tưởng cấp tiến, thì phần lớn các nhà kinh tế học và có lẽ tất thảy các nhà hoạch định chính sách đều coi tăng trưởng kinh tế như một minh chứng cho thành công.

Toàn bộ hệ thống tiền tệ dựa trên lãi suất sẽ hoạt động tốt miễn là khối lượng hàng hóa và dịch vụ đổi lấy tiền theo kịp sự phát triển của nó. Nhưng điều gì xảy ra nếu chuyện này không diễn ra như vậy? Nói cách khác, nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế thấp hơn mức lãi suất (tính theo %) thì điều gì xảy ra? Giống như những người trong câu chuyện ngụ ngôn, chúng ta phải xem xét điều này khi mà thế giới dường như đang chạm đến giới hạn tăng trưởng.

SỰ TẬP TRUNG CỦA CẢI

Bởi vì tăng trưởng kinh tế hầu như *luôn* thấp hơn mức lãi suất, nên những gì thường xảy ra trong các trường hợp như vậy không còn là bí ẩn nữa. Nếu về tổng thể người nợ không thể thanh toán lãi từ tài sản mới mà họ tạo ra, thì họ phải chuyển giao ngày càng nhiều tài sản hiện có để trả cho các chủ nợ và/hoặc cầm cố một phần lớn hơn của thu nhập hiện tại và tương lai để phục vụ cho việc trả nợ.

Khi tài sản và thu nhập của họ đã cạn kiệt, chắc chắn họ sẽ rơi vào tình trạng vỡ nợ. Sẽ không thể có đường nào khác, khi lợi tức đầu tư bình quân thấp hơn mức lãi suất bình quân phải trả để có được số vốn đã đầu tư. Vỡ nợ là không thể tránh khỏi đối với một bộ phận người vay nhất định.

Ít nhất về mặt lý thuyết, sự vỡ nợ không nhất thiết là một điều xấu: chúng đem đến những hậu quả tiêu cực cho những quyết định không gia tăng lợi ích tổng thể nữa – nghĩa là không sản xuất hiệu quả thêm hàng hóa mà người ta mong muốn nữa. Những người cho vay sẽ thận trọng không cho vay đối với những ai không có khả năng đóng góp cho nền kinh tế, và người vay sẽ bị áp lực phải hành động theo những cách mà có thể đóng góp vào nền kinh tế. Ngay cả trong một hệ thống lãi suất bằng không (0), người ta vẫn có thể bị vỡ nợ nếu họ đưa ra quyết định sai lầm, nhưng sẽ không có điều tất yếu tự nhiên và tích hợp sẵn cho vỡ nợ.

Ngoại trừ các nhà kinh tế học, không ai thích vỡ nợ – các chủ nợ thì càng không thích, bởi vì như vậy là tiền của họ biến mất. Một cách để ngăn ngừa vỡ nợ, ít nhất là tạm thời, là cho người vay vay nhiều tiền hơn để họ có thể tiếp tục thanh toán khoản vay ban đầu. Điều này có thể là hợp lý nếu người đi vay đang gặp khó khăn tạm thời hoặc nếu có lý do để tin rằng trong tương lai gần năng suất lao động sẽ đủ lớn để người vay có thể thanh toán tất cả các khoản vay. Nhưng thông thường, người cho vay sẽ tiếp tục cho vay dù trước đó có nợ xấu chỉ vì họ không muốn bị tổn thất do người đi vay bị vỡ nợ, điều này thực sự có thể khiến bản thân người cho vay rơi vào tình trạng phá sản. Chừng nào mà người đi vay vẫn thanh toán, người cho vay có thể giả vờ rằng mọi thứ đều bình thường.

Đây chính là tình trạng của nền kinh tế thế giới trong vài năm qua. Sau nhiều năm, thậm chí nhiều thập kỷ, mức lãi suất vượt xa tốc độ tăng trưởng kinh tế, với không có sự gia tăng bù trừ trong trường hợp vỡ nợ, chúng ta phải đối mặt với một khoản nợ quá lớn. Chính phủ, theo yêu cầu của ngành tài chính (chủ nợ, chủ sở hữu tiền), đã cố gắng hết sức để ngăn ngừa tình trạng vỡ nợ và giữ nguyên các khoản nợ trên sổ sách, với hy vọng rằng tốc độ tăng trưởng kinh tế sẽ phục hồi và người đi vay sẽ tiếp tục có khả năng trả nợ.[3] Họ hy vọng sẽ "tăng trưởng kinh tế để thoát nợ".

Ở cấp độ chính trị, áp lực tương tự để tạo ra "tăng trưởng kinh tế" cũng tồn tại như ở cấp độ cá nhân hay doanh nghiệp. Người bị nợ đang chịu áp lực phải bán một cái gì đó, giá như là sức lao động của mình, để có tiền trả nợ. Đó thực sự cũng chính là những gì mà các chính sách thân thiện với tăng trưởng triển khai – chúng khiến cho việc "bán cái gì đó" trở nên dễ

dàng hơn; nghĩa là chúng tạo điều kiện cho việc chuyển đổi nguồn vốn tự nhiên, xã hội, và các nguồn vốn khác thành tiền. Khi chúng ta nới lỏng các kiểm soát ô nhiễm, chúng ta nới lỏng việc chuyển đổi bầu không khí duy trì sự sống thành tiền. Khi chúng ta hỗ trợ xây dựng đường vào các khu rừng già, chúng ta nới lỏng việc chuyển đổi các hệ sinh thái thành tiền. Khi Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) gây áp lực cho các chính phủ để tư nhân hóa các dịch vụ xã hội và cắt giảm chi tiêu, họ thúc đẩy sự chuyển đổi vốn xã hội thành tiền.

Đó là lý do tại sao ở Mỹ, cả đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa đều mong muốn "mở những thị trường mới", "thực thi quyền sở hữu trí tuệ", v.v… Đó cũng là lý do tại sao bất kỳ cái gì thuộc về tài nguyên chung của cộng đồng không thể được khai thác, ví dụ như dầu ở Khu bảo tồn Động vật Hoang dã Alaska, các nền kinh tế thực phẩm địa phương được bảo vệ bằng thuế quan, hoặc các khu bảo tồn thiên nhiên ở châu Phi, phải chịu đựng các cuộc xâm phạm liên tục từ các chính trị gia, các tập đoàn, hay những kẻ săn trộm. Nếu phạm trù tiền bạc ngừng tăng trưởng, thì khoảng cách giữa sự vỡ nợ và sự phân cực giàu nghèo sẽ biến mất, dẫn đến tình trạng bất ổn xã hội, và cuối cùng dẫn tới một cuộc cách mạng.

Nếu không tăng trưởng thì không thể có kết quả nào khác khi mà nợ cứ gia tăng theo cấp số nhân trong một thế giới hữu hạn.

Nếu sự tăng trưởng này, tức là sự chuyển đổi các tài nguyên chung thành tiền, xảy ra với tốc độ nhanh hơn mức lãi suất, thì mọi thứ đều ổn (ít nhất là từ quan điểm tài chính, nếu không phải là quan điểm về mặt con người hay sinh thái). Nếu có đủ nhu cầu về gà và đủ nguồn tài nguyên thiên nhiên để nuôi chúng, thì dân làng có thể vay với mức lãi suất 10% để tăng đàn gà lên 20%. Dùng ngôn ngữ thông thường thì đầu tư vốn mang lại lợi tức cao hơn mức vốn ban đầu; do đó, người vay tiền vẫn thu được của cải vượt quá phần phải trả cho chủ nợ. Đó là tình trạng của những buổi ban đầu, khi có rất nhiều quả chín vô chủ để chiếm hữu. Đó vẫn là tình trạng trong một xã hội mà các mối quan hệ xã hội chưa bị tiền tệ hóa hoàn toàn – theo cách nói về kinh tế, đây được gọi là "thị trường chưa phát triển". Chỉ với tăng trưởng kinh tế thì "tất cả tàu thuyền mới nổi" – các chủ nợ ngày càng giàu, và những người vay nợ cũng giàu lên theo.

Nhưng ngay cả trong những thời kì tốt đẹp, mức tăng trưởng hiếm khi đủ nhanh để bắt kịp mức lãi suất. Thử tưởng tượng rằng dân làng chỉ có thể tăng đàn gà của họ lên mức 5% một năm. Thay vì trả một phần số tiền mới kiếm được từ sự tăng trưởng cho các ngân hàng, bây giờ họ phải trả (trung bình) *tất cả* số tiền đó, cộng với một phần tài sản hiện tại của họ và/hoặc một phần thu nhập tương lai. Sự tập trung của cải – cả thu nhập lẫn tài sản – là một hệ quả không thể tránh khỏi của việc nợ tăng nhanh hơn hàng hóa và dịch vụ.

Các nhà tư tưởng kinh tế từ thời Aristotle đã nhận ra vấn đề cốt lõi này. Aristotle đã quan sát thấy rằng vì tiền là "vô sinh" (tức là, nó không sinh sản như gia súc hay lúa mì), nên việc cho vay tiền với lãi suất là không chính đáng. Sự tập trung của cải – kết quả của việc cho vay tiền kèm lãi suất – đã xảy ra nhiều lần ngay cả trước năm 350 TCN, và nó cũng xảy ra nhiều lần sau đó. Nó xảy ra một lần nữa vào thời La Mã. Miễn là đế chế nhanh chóng mở rộng, thu nạp đất đai mới và cống phẩm mới, thì mọi thứ đều vận hành ổn thỏa, và không có sự tập trung của cải cực độ. Chỉ đến khi sự tăng trưởng của đế quốc bị chậm lại, thì sự tập trung của cải tăng lên và tầng lớp nông dân đông đảo – thành phần chủ chốt của quân đội La Mã – rơi vào hoàn cảnh làm công trả nợ. Chuyện này không lâu trước khi đế chế trở thành một nền kinh tế nô lệ.

Tôi không cần phải nhấn mạnh sự tương đồng giữa Rome và thế giới ngày nay. Khi tăng trưởng đã chậm lại, nhiều người và nhiều quốc gia hiện nay đều đang rơi vào một tình trạng tương tự như làm công trả nợ thời La Mã. Một tỷ lệ càng ngày càng lớn của thu nhập được dùng để trả nợ, và khi như thế vẫn không đủ, các tài sản đã có trước đó được thế chấp và sau đó bị tịch thu cho đến khi người vay không còn lại gì. Bởi vậy giá trị nhà ở tại Mỹ đã giảm không gián đoạn trong nửa thế kỷ qua, từ 85% năm 1950 xuống khoảng 40% hiện tại (bao gồm 1/3 số người sở hữu hoàn toàn nhà của họ mà không phải nợ nần). Nói cách khác, mọi người không còn được sở hữu nhà của họ nữa. Hầu hết những người tôi biết đều không sở hữu xe hơi của họ mà chủ yếu thuê chúng từ các ngân hàng thông qua nợ xe hơi. Ngay cả các tập đoàn cũng vay nợ ở mức chưa từng có, để rồi một tỷ lệ lớn doanh thu của họ phải dành để trả cho các ngân hàng và chủ sở hữu trái phiếu. Điều này cũng đúng với hầu hết các quốc gia, với tỷ lệ nợ trên GDP

ngày càng thối phồng. Ở mỗi mức độ, chúng ta đang ngày càng trở thành nô lệ của các món nợ, mà những thành quả lao động của ta sẽ về túi các chủ nợ.

Ngay cả khi bạn không mắc nợ, chi phí lãi suất sẽ được tính vào giá của gần như mọi thứ bạn mua. Ví dụ, khoảng 10% chi tiêu của chính phủ Mỹ (và tiền thuế) dành cho việc trả lãi các món nợ quốc gia. Nếu bạn thuê nhà, phần lớn chi phí thuê được dành để trả cho khoản phí cao nhất của chủ nhà – khoản thế chấp tài sản. Khi bạn ăn một bữa tại nhà hàng, giá tiền bữa ăn một phần dành cho chi phí vốn của nhà hàng. Ngoài ra, chi phí cho điện, nguồn cung thực phẩm và tiền thuê nhà của nhà hàng cũng bao gồm cả khoản lãi mà *các* nhà cung cấp này phải trả trên vốn đầu tư, v.v… Tất cả số tiền này là một dạng cống nạp, một loại thuế trên tất cả mọi thứ chúng ta mua, mà số tiền đó chảy vào túi các chủ sở hữu tiền.

Lãi suất bao gồm sáu yếu tố: phần bù rủi ro, chi phí thực hiện một khoản vay, phần bù lạm phát, phần bù thanh khoản, phần bù đáo hạn và phần bù lãi suất phi rủi ro.[4] Một cuộc thảo luận tinh vi hơn về mục đích của lãi suất có thể giúp phân biệt các yếu tố này, và đi đến kết luận rằng chỉ có ba yếu tố sau – và đặc biệt là yếu tố cuối cùng – mới mang tính lãi suất nặng. Nếu không có chúng, sự tập trung của cải không còn là một điều đương nhiên nữa vì phần tiền đó không nằm yên vị trong tay những người cho vay. (Mặc dù vậy, áp lực tăng trưởng vẫn còn tồn tại). Tuy nhiên, trong hệ thống hiện tại, tất cả sáu yếu tố đều đóng góp vào lãi suất hiện hành. Điều đó có nghĩa là những người có tiền có thể càng ngày càng giàu thêm chỉ đơn giản vì họ có tiền. Trừ khi người vay tiền có thể kiếm đủ nhanh, mà điều này chỉ khả thi trong một nền kinh tế đang mở rộng, thì của cải sẽ tập trung vào tay những người cho vay.

Nói một cách đơn giản là thế này: một phần của lãi suất nói lên rằng, "Tôi có tiền và anh cần nó, vì vậy tôi sẽ tính phí việc anh dùng tiền của tôi – chỉ vì tôi có thể, chỉ vì tôi có tiền, còn anh thì không". Để tránh sự phân cực giàu nghèo, lãi suất phải thấp hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế; nếu không, quyền sở hữu tiền thuần túy sẽ cho phép một người giàu lên nhanh hơn hiệu suất biên trung bình của sự đầu tư vốn hiệu quả. Nói cách khác, bạn giàu lên nhanh hơn bởi sở hữu hơn là tham gia hoạt động sản xuất. Trên

thực tế, điều này gần như *luôn luôn* xảy ra, bởi vì khi tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng lên, những nhà chức trách cũng đẩy lãi suất lên cao hơn. Lý do đưa ra là để ngăn ngừa lạm phát, nhưng đó cũng là một phương tiện để làm tăng sự giàu có và quyền lực của những chủ sở hữu tiền.[5] Nếu không có các biện pháp tái phân phối của cải, thì sự tập trung của cải vẫn sẽ tăng lên mặc cho thời kỳ thuận lợi hay không.

Theo nguyên tắc chung, bạn càng có nhiều tiền, bạn càng không vội sử dụng đến nó. Kể từ thời Hy Lạp cổ đại, người ta đã có cái mà Keynes gọi là "ưa chuộng thanh khoảng" (liquidity preference): thích tiền hơn hàng hóa, trừ khi hàng hóa là cấp thiết. Sự ưu tiên này là không thể tránh khỏi khi tiền trở thành một phương tiện và mục đích phổ quát. Lãi suất củng cố ưu tiên thanh khoản, khuyến khích những người đã có tiền giữ nó trong tay. Những người cần tiền *ngay bây giờ* phải trả cho những người không cần, để có thể sử dụng tiền của họ. Tiền để thanh toán lãi trên khoản vay sẽ phải đến từ thu nhập tương lai. Đây là một cách khác để hiểu làm thế nào mà lãi suất khiến cho tiền của người nghèo lại chảy vào túi của người giàu.

Người ta có thể biện minh cho việc trả lãi cho các khoản đầu tư dài hạn, kém thanh khoản, rủi ro, vì lãi suất như vậy thực ra là một khoản tiền bồi thường để loại bỏ thanh khoản. Nó phù hợp với các nguyên tắc về quà tặng: khi bạn tặng một món quà, bạn thường nhận được một món quà lớn hơn (nhưng điều đó không phải là đảm bảo tuyệt đối, nên mới có rủi ro). Nhưng trong hệ thống hiện tại, ngay cả tiền gửi không kì hạn đảm bảo bởi chính phủ và các trái phiếu chính phủ ngắn hạn phi rủi ro cũng chịu lãi suất, điều này cho phép "các nhà đầu tư" kiếm lời trong khi vẫn giữ được tiền của mình. Yếu tố phi rủi ro này được thêm vào như là một khoản bù ẩn cho tất cả các khoản vay khác, đảm bảo rằng những người sở hữu sẽ ngày càng sở hữu nhiều hơn.[6]

Áp lực kép hướng tới sự tăng trưởng của lĩnh vực tiền tệ và sự phân cực giàu nghèo mà tôi đã mô tả – là hai khía cạnh của cùng một vấn đề. Hoặc là tiền tăng trưởng bằng cách nuốt chửng những thứ không thuộc phạm vi tiền tệ, hoặc nó tự "ăn thịt" nó. Vì phạm vi của những thứ phi tiền tệ đang cạn kiệt, nên áp lực tự bòn rút chính nó của tiền tăng lên, và sự tập trung của cải leo thang. Khi điều đó xảy ra, một áp lực khác xuất hiện để giải cứu

hệ thống: sự tái phân phối của cải. Suy cho cùng, sự phân cực giàu nghèo ngày càng tăng và sự khổ cực không thể kéo dài mãi.

SỰ TÁI PHÂN PHỐI CỦA CẢI VÀ CHIẾN TRANH GIAI CẤP

Thiếu vắng tái phân phối của cải, thì bất ổn xã hội là không thể tránh khỏi trong một hệ thống tiền tệ dựa trên sự vay nợ và lãi suất, đặc biệt là khi tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên, những người giàu có luôn luôn phản kháng lại tái phân phối của cải, vì như thế có nghĩa là tài sản của họ bị đem ra phân phối lại. Do đó, chính sách kinh tế phải cân bằng giữa tái phân phối và bảo đảm tài sản, tiến tới chỉ phân phối lại một lượng của cải tối thiểu đủ để duy trì trật tự xã hội.

Theo truyền thống, các chính quyền Tự do tìm cách cải thiện vấn đề tập trung của cải bằng các chính sách tái phân phối như thuế thu nhập tăng tỉ lệ thuận với thu nhập, thuế bất động sản, các chương trình phúc lợi xã hội, mức lương tối thiểu cao, chăm sóc sức khỏe phổ cập, giáo dục đại học miễn phí và các chương trình xã hội khác. Các chính sách này mang tính tái phân phối bởi mặc dù thuế má đổ lên người giàu một cách không cân xứng, nhưng các khoản chi và chương trình có lợi cho mọi người như nhau, thậm chí còn chiếu cố người nghèo. Chúng chống lại xu hướng tự nhiên hướng tới sự tập trung của cải trong một hệ thống tiền tệ dựa trên lãi suất. Ít nhất là trước mắt, các chính sách đó cũng đi ngược lại lợi ích của những người giàu, đó là lý do vì sao trong môi trường chính trị bảo thủ hiện nay, các chính sách như vậy được coi là chiến tranh giai cấp.

Khi phản đối các chính sách tái phân phối, các chính quyền thủ cựu dường như coi sự tập trung của cải là một điều tốt. Có thể bạn cũng thấy vậy nếu bạn giàu, bởi vì sự tập trung của cải nghĩa là nhiều hơn cho bạn và ít hơn cho người khác. Thuê người làm thì rẻ hơn. Sự giàu có, quyền lực và đặc quyền của bạn sẽ lớn hơn.[7] Do đó, các chính quyền phục vụ các lợi ích (ngắn hạn) của người giàu ủng hộ những điều ngược lại với các chính sách tái phân phối nói trên: thuế thu nhập theo tỷ lệ cố định, giảm thuế bất động sản, cắt bớt các chương trình xã hội, tư nhân hóa dịch vụ chăm sóc sức khỏe, v.v…

Trong những năm 1930, Mỹ và nhiều nước khác phải đối mặt với một sự lựa chọn: hoặc phân phối lại tài sản một cách nhẹ nhàng thông qua chi tiêu xã hội và đánh thuế người giàu, hoặc để cho sự tập trung của cải tiến tới cách mạng và sự tái phân phối bằng bạo lực. Đến những năm 1950, hầu hết các quốc gia đã thông qua thỏa hiệp xã hội được đưa ra trong Thỏa thuận mới (New Deal): người giàu vẫn đứng trên đỉnh chóp, nhưng họ phải từ bỏ một khoản tương ứng với lợi nhuận từ sở hữu vốn thông qua nộp thuế. Sự thỏa hiệp này đã có hiệu lực trong một thời gian miễn là tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức cao như trên thực tế cho đến những năm 1970.

Tuy nhiên, ngay cả giải pháp nhẹ nhàng này cũng kéo theo nhiều hệ lụy không mong muốn. Các chính sách thuế thu nhập cao đánh thuế những người *kiếm* được rất nhiều hơn là những người thuần túy sở hữu rất nhiều. Chúng cũng tạo ra một cuộc chiến bất tận giữa các cơ quan thuế và công dân – những người thường tìm cách tránh trả ít nhất một vài loại thuế, và thuê hàng vạn luật sư và kế toán trong cuộc chiến này. Đây có phải là một cách sử dụng tốt nguồn nhân lực hay không? Hơn nữa, đây là một hệ thống mà trong đó ta chìa tay cho những người sở hữu tiền và gạt phắt đi với người khác.

Trong một hệ thống dựa trên lãi suất, chiến tranh giai cấp là không thể tránh khỏi, dù ở dạng ẩn hay rõ ràng. Lợi ích ngắn hạn của những người nắm giữ của cải chống lại lợi ích của những người mắc nợ. Vào thời điểm chương sách này được viết, cán cân nghiêng về phía những người giàu có, vì các đại diện chính trị của họ đã hủy bỏ các chương trình xã hội tái phân phối được áp dụng từ những năm 1930 ở hầu hết các nước phương Tây. Trong một đợt, ở thời kỳ hậu Thế chiến II, sự tăng trưởng cao khiến cho chiến tranh giai cấp có vẻ mờ nhạt, nhưng thời đại đó đã chấm dứt. Đợi đến khi hệ thống tiền tệ phải trải qua một sự thay đổi cơ bản, thì chúng ta có thể giả định rằng chiến tranh giai cấp sẽ ngày càng căng thẳng trong những năm tới. Mục đích của cuốn sách này là thay đổi các quy tắc nền tảng căn bản và loại bỏ hoàn toàn cơ sở của chiến tranh giai cấp.

Khi các chương trình tái phân phối từ những năm 1930 không được thực hiện nữa và mức nợ đạt đến tỷ lệ khủng hoảng, thì các biện pháp mang tính cấp tiến hơn trở nên cần thiết. Trong các xã hội cổ xưa, một số xã hội giải

quyết sự phân cực giàu nghèo bằng việc hủy nợ định kỳ. Các ví dụ bao gồm Seisachtheia của Solon (Athen, thế kỉ thứ 6 TCN) – "sự trút bỏ các gánh nặng", trong đó nợ và tình trạng lấy công trả nợ được xóa bỏ, hoặc luật đại xá Jubilee của người Do Thái cổ. "Vào cuối mỗi bảy năm, ngươi sẽ phải thực hiện một sự giải thoát. Và đây là cách để giải thoát: Mỗi chủ nợ sẽ xóa nợ cho người hàng xóm mắc nợ mình; anh ta sẽ không đòi nợ người hàng xóm hay anh em của mình nữa; bởi vì đây là sự giải thoát của Chúa" (Deuteronomy 15:1-2). Cả hai cách thực hành cổ xưa này triệt để hơn luật phá sản vì người nợ được giữ tài sản và tài sản thế chấp của mình. Dưới thời Solon, đất đai thậm chí còn được trả về cho chủ sở hữu ban đầu.

Một ví dụ về hủy nợ gần đây hơn là việc hủy bỏ một phần các khoản nợ của các quốc gia nghèo, bị thiên tai tàn phá. Ví dụ, IMF, Ngân hàng Thế giới và Ngân hàng Phát triển Liên Mỹ đã hủy bỏ nợ của Haiti năm 2008. Có một phong trào yêu cầu xóa nợ cho các nước Thế giới Thứ ba đã tồn tại mấy thập kỉ nhưng cho đến nay mới đạt được rất ít tiến triển.

Một hình thức tái phân phối khác là luật phá sản, trong đó người nợ được giải phóng khỏi nghĩa vụ, thường là sau khi bị tịch thu hầu hết tài sản để trả cho chủ nợ. Tuy nhiên, đây thực ra chỉ là một sự chuyển đổi tài sản trên danh nghĩa từ chủ nợ sang người nợ, vì giá trị của tài sản thấp hơn giá trị của khoản nợ. Thời gian gần đây, việc tuyên bố phá sản cá nhân tại Mỹ thực sự trở nên khó khăn hơn, vì luật pháp (viết lại theo lệnh của các tổ chức phát hành thẻ tín dụng) bó buộc người nợ vào một kế hoạch thanh toán trong đó một phần thu nhập trong tương lai của họ sẽ dành để trả cho chủ nợ.[8] Càng ngày, các khoản nợ trở nên không thể thanh toán được, một công cuộc đòi nợ suốt đời trên sức lao động của con nợ – những người phải làm công để trả nợ. Không giống như Seisachtheia và Jubilee, phá sản chuyển tài sản của người nợ sang chủ nợ – những người mà sau đó nắm kiểm soát cả vốn về vật chất lẫn tài chính. Người mắc nợ cũ không có lựa chọn nào khác ngoài việc lại lâm vào cảnh nợ nần. Các tuyên bố phá sản chỉ là cái nấc cụt thuần túy cho sự tập trung của cải mà thôi.

Cực đoan hơn là việc hoàn toàn từ chối nợ – từ chối trả nợ hoặc chuyển tài sản thế chấp cho chủ nợ. Tất nhiên là thường thường, chủ nợ có thể khởi kiện và yêu cầu cảnh sát đến tịch thu tài sản của con nợ. Chỉ khi nào hệ

thống pháp luật và tính hợp pháp của nhà nước bắt đầu tan rã thì sự từ chối nợ của cá nhân mới khả thi.[9] Như vậy chúng ta thấy rằng tiền bạc và tài sản chỉ là các quy ước xã hội mà thôi. Nếu loại bỏ mọi thứ được dựa trên sự diễn giải thông thường các biểu tượng, thì Warren Buffett cũng chẳng giàu hơn tôi là bao, có lẽ trừ việc căn nhà của ông ta to hơn. Kể cả nếu ông ta giàu vì một hành động gì đó, thì đấy cũng là một vấn đề về mặt quy ước.

Tại thời điểm tôi đang viết những dòng này, việc từ chối nợ không phải là một lựa chọn dành cho các công dân cá nhân. Đối với các quốc gia có chủ quyền, nó dường như là một vấn đề khác hoàn toàn. Về lý thuyết, các nước có nền kinh tế trong nước có khả năng phục hồi và nguồn tài nguyên để trao đổi với các nước láng giềng có thể vỡ nợ một cách đơn giản đối với các khoản nợ chủ quyền của họ. Nhưng trên thực tế, họ hiếm khi làm vậy. Những nhà cầm quyền, dân chủ hay không dân chủ, thường là đồng minh với các cơ quan tài chính toàn cầu và nhận được phần thưởng đáng kể khi họ làm như vậy. Nếu họ không chịu, họ phải đối mặt với đủ các loại thù địch. Báo chí phản đối họ; các thị trường trái phiếu quay lưng lại với họ; họ bị dán nhãn là "vô trách nhiệm", "cánh tả"[10], hoặc "không dân chủ"; phe đối lập chính trị của họ sẽ nhận được ủng hộ từ các cường quốc trên toàn cầu; họ thậm chí có thể trở thành mục tiêu cho một cuộc đảo chính hoặc một cuộc xâm lăng. Bất kỳ chính phủ nào chống lại việc chuyển đổi vốn xã hội và tự nhiên thành tiền đều bị gây áp lực và bị trừng phạt. Đó là những gì xảy ra ở Haiti khi Aristide chống lại các chính sách tân tự do và bị lật đổ năm 1991 và một lần nữa năm 2004; nó đã xảy ra ở Honduras năm 2009; nó đã xảy ra trên khắp thế giới, hàng trăm lần. (Nhưng nó đã thất bại ở Cuba và gần đây là ở Venezuela, khi nước này vừa thoát khỏi giai đoạn bị xâm lược). Gần đây nhất, vào tháng 10 năm 2010, một cuộc đảo chính cũng xảy ra tại Ecuador, quốc gia này đã bác bỏ khoản nợ 3,9 tỷ đô la trong năm 2008 và sau đó đã tái cơ cấu lại nó ở mức 35 cent đối với đồng USD. Đó là số phận của bất kỳ quốc gia nào chống lại thể chế nợ (debt regime).

Nhà cựu kinh tế học John Perkins mô tả chiến lược cơ bản trong cuốn *Confessions of an Economic Hit Man* như sau: đầu tiên là hối lộ những nhà cai trị, sau đó là đe dọa họ, sau đó là một cuộc đảo chính, nếu tất cả thất bại, thì sẽ có một cuộc xâm lược. Mục tiêu là để đất nước kia chấp nhận và

thanh toán các khoản cho vay – để mặc nợ và cứ ở yên trong nợ nần mãi. Dù ở mức độ cá nhân hay quốc gia, khoản nợ thường bắt đầu với một dự án tầm cỡ – một sân bay hoặc một hệ thống đường hoặc một tòa nhà chọc trời, cải tạo nhà ở hoặc giáo dục đại học – mà hứa hẹn với những phần thưởng tuyệt vời trong tương lai nhưng thực ra là đang làm giàu thêm cho các thế lực bên ngoài và tạo ra bẫy nợ. Trước kia, sức mạnh quân sự và sự cống nạp bắt buộc là các công cụ của một đế chế; ngày nay đó là nợ nần. Nợ buộc các quốc gia và cá nhân phải cống hiến năng suất lao động của mình vào việc kiếm tiền. Các cá nhân thỏa hiệp ước mơ của họ và chấp nhận làm các công việc cho phép họ kiếm đủ để theo kịp các món nợ của mình. Các quốc gia chuyển đổi từ nền nông nghiệp và kinh tế tự cung tự cấp địa phương (thứ không tạo ra ngoại hối) thành các cây trồng xuất khẩu và sản xuất bóc lột nhân công (thứ tạo ra ngoại hối).[11] Haiti đã mắc nợ từ năm 1825, khi nó bị ép phải bồi thường Pháp cho các tài sản (tức là các nô lệ) mà Pháp đã mất trong cuộc nổi dậy nô lệ vào năm 1804. Khi nào Haiti sẽ trả hết nợ? Không bao giờ.[12] Khi nào một quốc gia thuộc Thế giới Thứ ba sẽ trả hết nợ và cống hiến năng suất của nó cho người dân trong nước? Không bao giờ. Khi nào thì phần lớn mọi người trả hết tiền vay học đại học, thẻ tín dụng và các khoản vay thế chấp? Không bao giờ.

Tuy nhiên, dù ở mức quốc gia hay cá nhân, thời gian bác bỏ nợ có thể gần hơn chúng ta tưởng. Tính hợp pháp của tình trạng hiện tại đang trở nên mong manh, và khi chỉ một vài con nợ bác bỏ khoản nợ của họ, thì số còn lại cũng sẽ làm theo như vậy. Thậm chí việc bác bỏ nợ còn có một cơ sở pháp lý có căn cứ đàng hoàng: nguyên tắc nợ bẩn (odious debt) nói rằng các khoản nợ phát sinh từ việc gian lận là không hợp lệ. Các quốc gia có thể phủ nhận các khoản nợ phát sinh do các nhà cầm quyền độc tài đã thông đồng với các tổ chức cho vay để làm giàu cho bản thân và thân thích của họ và đã xây dựng các dự án có quy mô lớn nhưng không ích lợi gì cho quốc gia. Các cá nhân có thể phủ nhận các khoản cho vay tiêu dùng và cho vay mua nhà được thực hiện thông qua các hình thức cho vay dối trá. Có lẽ thời điểm chúng ra rũ bỏ gánh nặng nợ nần đang sắp tới gần.

LẠM PHÁT

Một cách cuối cùng để phân phối lại tài sản là thông qua lạm phát. Trên bề mặt, lạm phát là một hình thức xóa nợ bí mật, theo từng phần vì nó cho phép các khoản nợ được trả bằng loại tiền có giá trị thấp hơn loại tiền lưu hành vào thời điểm vay ban đầu. Đó là một cách vừa làm giảm giá trị của tiền và vừa giảm giá trị của khoản nợ theo thời gian. Tuy nhiên, vấn đề không đơn giản như vậy. Vì một điều, lạm phát thường đi kèm với lãi suất tăng, bởi vì một mặt các nhà chức trách tiền tệ nâng lãi suất để "chống lạm phát", mặc khác các bên cho vay tiềm năng sẽ thích đầu tư vào những loại hàng hóa không bị ảnh hưởng bởi lạm phát hơn là cho vay tiền với lãi suất thấp hơn mức lạm phát.[13]

Kinh tế học tiêu chuẩn nói rằng lạm phát là kết quả của sự gia tăng nguồn cung tiền mà không có sự gia tăng tương ứng trong nguồn cung hàng hóa. Vậy làm thế nào để tăng nguồn cung tiền? Trong năm 2008-2009, Cục Dự trữ Liên bang đã cắt giảm lãi suất xuống cận không và tăng nguồn cung tiền lên rất lớn mà không gây ra bất kỳ lạm phát đáng kể nào. Đó là bởi vì các ngân hàng đã không tăng cường cho vay, tức là không đặt tiền vào tay người dân và doanh nghiệp mà sẽ chi tiêu nó. Thay vào đó, tất cả số tiền mới nằm trong kho của ngân hàng như khoản tiền dư thừa hoặc lọt vào thị trường chứng khoán; do đó mới xảy ra sự gia tăng giá cổ phiếu từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2009.[14]

Không có gì là lạ khi: thiếu các khách vay đáng tin tưởng và tăng trưởng kinh tế, lãi suất thấp cũng chẳng thể thúc đẩy được việc cho vay nợ. Ngay cả khi Cục dự trữ liên bang mua mọi trái phiếu kho bạc trên thị trường, tăng cơ sở tiền tệ lên gấp 10 lần, thì lạm phát vẫn không xảy ra. Để có lạm phát, tiền phải nằm trong tay của những người sẽ tiêu nó. Tiền mà không ai tiêu thì có còn là tiền hay không? Tiền mà một kẻ bủn xỉn chôn dưới đất và quên luôn về nó thì có còn là tiền hay không?[15] Trực giác Newton-Descartes của chúng ta xem tiền như một vật thể; nhưng thực ra, nó là một mối liên hệ. Khi nó tập trung trong tay một số ít, chúng ta trở nên bớt liên quan, bớt kết nối với những thứ duy trì và làm phong phú cuộc sống.

Các chương trình cứu trợ của Cục dự trữ liên bang chủ yếu là đặt tiền vào tay các ngân hàng, nơi mà đến giờ nó vẫn nằm ở đó. Trong thời kỳ suy thoái kinh tế, để tiền có thể vào tay những người sẽ tiêu nó, quy trình tạo

tín dụng (credit-creation) tư nhân rằng "Ngươi chỉ được tiếp cận với tiền nếu ngươi có thể kiếm thêm nhiều tiền hơn" cần được bỏ qua. Phương pháp chính để thực hiện là thông qua kích cầu tài chính – nghĩa là chi tiêu của chính phủ. Chi tiêu như vậy thực sự có khả năng tạo ra lạm phát. Tại sao lạm phát lại xấu? Không ai thích vật giá leo thang, nhưng nếu thu nhập cũng tăng nhanh tương tự, thì làm sao có hại được? Nó chỉ có hại đối với những người có khoản tiết kiệm; những người đang mắc nợ thì thực ra đang hưởng lợi. Điều mà mọi người thường lo sợ là lạm phát giá cả nhưng không có lạm phát lương. Nếu giá cả và tiền lương cùng tăng lên, thì lạm phát về cơ bản là một loại thuế đánh vào tiền nhàn rỗi, tái phân phối của cải để khỏi người giàu và chống lại tác dụng của lãi suất.[16] Chúng ta sẽ quay trở lại với khía cạnh có lợi của lạm phát khi chúng ta xem xét hệ thống tiền tệ lãi âm.

Lý thuyết tiêu chuẩn nói rằng chính phủ có thể tài trợ chi tiêu mang tính lạm phát thông qua việc đánh thuế hoặc sự bội chi (deficit spending – chính sách vay tiền nước ngoài để khuyến khích kinh tế và chống thất nghiệp mặc dù nguồn thu nhập thiếu). Tại sao các khoản chi tiêu tài trợ bởi thuế lại có tính lạm phát? Rốt cuộc, đó chỉ là việc lấy tiền của một số người và trao nó cho người khác thôi mà. Nó chỉ có tính lạm phát khi nó lấy của người giàu mang cho người nghèo – những người sẽ chi tiêu nó một cách nhanh chóng. Bởi lẽ ấy, sự bội chi chỉ có tính lạm phát nếu tiền vào tay những người sẽ chi tiêu nó chứ không phải vào kho của các ngân hàng lớn chẳng hạn. Trong cả hai trường hợp, lạm phát là một hậu quả hoặc là triệu chứng của sự tái phân phối của cải chứ không phải là một phương tiện để thực hiện sự tái phân phối.[17]

Như vậy, lạm phát không thể được xem là tách biệt khỏi các hình thức cơ bản hơn của tái phân phối của cải. Không phải ngẫu nhiên mà các nhà chính khách bảo thủ, theo truyền thống là những người bảo hộ của giới nhà giàu, là những "con diều hâu" sắc bén nhất. Họ phản đối bội chi, một việc có xu hướng mang tiền đến tay những người mắc nợ, chứ không phải những người có tài sản. Nếu thất bại, một khi sự bội chi đã xảy ra, họ sẽ lập luận cắt giảm chi tiêu, tăng lãi suất và trả các khoản nợ công, chủ yếu là đảo ngược lại sự tái phân phối. Dẫn chứng cho bóng ma lạm phát, họ sẽ tranh cãi ngay cả khi không có dấu hiệu lạm phát thực sự.

Về nguyên tắc, bất kỳ chính phủ nào có tiền tệ riêng đều có thể tạo ra số tiền không giới hạn mà không cần phải tính thuế, chỉ đơn giản bằng cách cứ in tiền hoặc bắt buộc ngân hàng trung ương phải mua trái phiếu không kèm lãi. Đúng, nó sẽ tạo ra lạm phát – tiền lương và giá cả sẽ tăng lên, và giá trị tương đối của tài sản tiết kiệm sẽ giảm xuống. Việc chính phủ các nước sử dụng cơ chế trái phiếu có lãi suất để tạo ra tiền là một điểm quan trọng nói lên bản chất của hệ thống tiền tệ của chúng ta. Tại đây, ở trung tâm của các quyền lực thể chế của chính phủ, cống nạp cho các chủ sở hữu tiền cũng phải được trả.

Tại sao chính phủ lại phải trả lãi cho người giàu để có đặc quyền thể chế trong việc phát hành tiền? Từ thời cổ đại, quyền phát hành tiền xu được coi là một chức năng thiêng liêng hoặc chính trị mà qua đó thiết lập nên một sự tập trung quyền lực xã hội. Ngày nay quyền lực đó đang nằm ở đâu đã quá rõ ràng. Meyer Rothschild nói: "Hãy cho phép tôi có quyền phát hành và kiểm soát tiền của một quốc gia, tôi sẽ không quan tâm ai tạo ra luật pháp ở quốc gia đó". Ngày nay, tiền bạc đang phục vụ sự giàu sang cá nhân. Đó thực sự là nguyên tắc cơ bản của lãi suất nặng. Tuy nhiên, thời kì của lãi suất đang sắp kết thúc; chẳng bao lâu nữa, tiền sẽ phục vụ một chủ nhân khác.

NHIỀU HƠN CHO BẠN LÀ ÍT HƠN CHO TÔI

Các nguyên nhân có tính hệ thống của sự tham lam, cạnh tranh, và lo âu hiện hữu khắp mọi nơi ngày nay mâu thuẫn với một số giáo lý Kỷ Nguyên mới (New Age) mà tôi thường xuyên gặp – rằng "Tiền chỉ là một hình thức năng lượng", rằng "tất cả mọi người sẽ trở nên giàu có nếu họ tin là mình có thể giàu có". Khi các nhà truyền giáo Kỷ Nguyên mới bảo chúng ta "giải phóng niềm tin hạn hẹp của chúng ta về tiền", "vứt bỏ tâm lí khan hiếm", "sẵn sàng đón nhận dòng chảy của sự trù phú" hoặc trở nên giàu có thông qua sức mạnh của tư duy tích cực, thì họ đang bỏ qua một vấn đề quan trọng. Các ý tưởng của họ bắt nguồn từ một nguồn hợp lệ: một nhận thức rằng sự khan hiếm của thế giới chúng ta là sản phẩm của các niềm tin tập thể, chứ nó không phải là chân lí; tuy nhiên, chúng vốn không phù hợp với hệ thống tiền tệ mà chúng ta có hiện nay.

Đây là một ví dụ điển hình về kiểu tư duy này, trích từ *The Soul of Money* bởi Lynn Twist:

> *Tiền tự nó không tốt cũng không xấu, tiền tự nó không có quyền năng cũng không vô dụng. Chính cách hiểu của chúng ta về tiền bạc, sự tương tác của chúng ta với nó, mới là khởi nguồn của vấn đề và cũng là nơi mà chúng ta tìm thấy cơ hội thực sự để tự khám phá và chuyển hóa bản thân.*[18]

Lynn Twist là một nhà bác ái có tầm nhìn mà đã truyền cảm hứng cho nhiều người để họ sử dụng tiền với mục đích cao đẹp. Nhưng bạn có thể tưởng tượng nổi những ngôn từ này sẽ nghe như thế nào đối với một người túng thiếu vì ham tiền không? Khi tôi bị phá sản vài năm trước đây, tôi nhớ đã cảm thấy khó chịu với những người bạn tâm giao có ý tốt của mình, khi họ nói với tôi rằng vấn đề của tôi là "tâm lí khan hiếm". Khi nền kinh tế của cả một quốc gia như Latvia hay Hy Lạp sụp đổ và hàng triệu người phá sản, chúng ta có nên đổ lỗi cho tất cả mọi chuyện lên thái độ của họ hay không? Thế còn những đứa trẻ nghèo đói thì sao? Chúng cũng có tâm lí khan hiếm hay sao?

Ở phần sau cuốn sách, Twist mô tả các thái độ khan hiếm độc hại như sau: *"Nó giống như trò chơi Chiếc ghế âm nhạc của bọn trẻ, với số ghế luôn ít hơn số người một đơn vị. Sự tập trung của bạn đổ dồn vào việc không thua cuộc và không phải là người kết thúc cuộc tranh giành mà có chỗ ngồi"*.[19]

Nhưng như tôi đã mô tả, hệ thống tiền tệ đúng là một trò chơi chiếc ghế âm nhạc, một cuộc tranh giành điên rồ trong đó chắc chắn một số người phải chịu thua. Tuy nhiên, ở mức độ sâu sắc hơn, Twist đã đúng. Bà đã đúng khi nói rằng hệ thống tiền tệ hiện nay là một sản phẩm của tâm lí khan hiếm của chúng ta – một tâm lí dựa trên một nền tảng sâu xa hơn: các huyền thoại và ý thức hệ cơ bản của nền văn minh của chúng ta mà tôi gọi là Câu chuyện về cái Tôi và Câu chuyện về Thế giới. Nhưng chúng ta không thể chỉ thay đổi thái độ của mình về tiền; chúng ta phải thay đổi cả tiền nữa, vì nó chính là hiện thân của thái độ chúng ta. Cuối cùng thì, việc thay đổi bản thân không thể bị tách rời khỏi việc thay đổi thế giới. Cái này phản chiếu cái kia; cái này là phương tiện cho cái kia. Khi chúng ta thay

đổi bản thân, giá trị và hành động của chúng ta cũng thay đổi. Khi chúng ta cố gắng thay đổi thế giới, các vấn đề nội tại nảy sinh và chúng ta phải đối diện với chúng hay trở nên bất lực. Bởi vậy nên chúng ta cảm nhận một chiều kích tâm linh trong cuộc khủng khoảng trên toàn cầu hiện nay, nó kêu gọi một "cuộc vận động thiêng liêng" (Sacred Activism) như Andrew Harvey đã nhắc tới.

Hệ thống tiền bạc của chúng ta ngày nay là sự biểu hiện của tâm lí khan hiếm mà đã thống trị nền văn minh của chúng ta hàng thế kỷ. Khi tâm lý đó thay đổi, hệ thống tiền tệ sẽ thay đổi để biểu hiện một ý thức hệ mới. Trong hệ thống tiền tệ hiện nay, chỉ có một số ít người có thể sống trong sự giàu sang, không thể khác hơn, bởi quá trình tạo ra tiền duy trì sự khan hiếm mang tính hệ thống. Sự thịnh vượng của một người là sự nghèo đói của một người khác. Một trong những nguyên tắc của "lập trình thịnh vượng" là buông bỏ cảm giác tội lỗi bắt nguồn từ niềm tin rằng bạn chỉ có thể giàu có nếu người khác nghèo khổ, rằng nhiều hơn cho tôi là ít hơn cho bạn. Vấn đề là trong hệ thống tiền tệ ngày nay đó lại là sự thật! Nhiều hơn cho tôi là ít hơn cho bạn. Phạm trù tiền tệ hóa tăng trưởng nhưng cái giá phải trả là vốn tự nhiên, văn hóa, sức khỏe và tinh thần. Cảm giác tội lỗi chúng ta cảm thấy về tiền là khá xác đáng. Chắc chắn, bằng tiền chúng ta có thể tạo ra những điều đẹp đẽ, những tổ chức đáng trọng, và những mục đích cao cả với tiền bạc, nhưng nếu chúng ta cố gắng kiếm tiền với những mục tiêu như vậy, ở mức độ nào đó chúng ta đang cướp của Peter để trả cho Paul.

Mong bạn hiểu ở đây rằng tôi không hề có ý ngăn cản các bạn cởi mở với dòng chảy của sự dư dả. Trái lại là khác – bởi khi số người làm điều này đủ lớn, hệ thống tiền tệ sẽ thay đổi để phù hợp với niềm tin mới. Hệ thống tiền tệ ngày nay dựa trên nền tảng của Sự chia cắt. Nó vừa là nguyên nhân vừa là kết quả của nhận thức rằng chúng ta là những chủ thể rời rạc và tách biệt trong một thế giới Khác. Đón nhận sự dư dả chỉ có thể tồn tại khi chúng ta buông bỏ danh tính này và trở nên cởi mở với sự giàu có của bản thể đúng và kết nối của chúng ta. Danh tính mới này không muốn bất cứ phần nào của lãi suất nặng.

Sau đây là một ví dụ hơi cực đoan để làm sáng tỏ sự sai lầm trong "lập trình thịnh vượng" và cũng gián tiếp là sai lầm của hệ thống tiền tệ hiện nay. Vài năm trước, một phụ nữ giới thiệu tôi với một tổ chức đặc biệt mà cô ấy đã tham gia tên là "Tặng quà" (Gifting). Về cơ bản, nó hoạt động như sau: đầu tiên, bạn "tặng" 10.000 đô la cho người mời bạn vào tổ chức. Sau đó bạn đi tìm bốn người khác để mời họ vào, mỗi người đó sẽ "tặng" bạn 10.000 đô la. Vậy là mỗi người sẽ có 30.000 đô la. Họ giải thích đó là một biểu hiện của sự trù phú của vũ trụ. Tất cả những gì bạn chỉ cần có thái độ cởi mở đúng đắn. Chẳng cần phải nói, tôi nắm ngay lấy cơ hội. Đùa chút thôi. Thay vào đó, tôi hỏi người phụ nữ kia: "Chẳng phải cô đang lấy tiền từ bạn mình hay sao?"

Cô ấy trả lời: "Không, bởi vì họ cũng sẽ có được 30.000 đô la, miễn là họ tin vào nguyên tắc tặng quà."

"Nhưng họ sẽ kiếm được số tiền đó từ bạn *của họ*. Rồi cuối cùng, chúng ta sẽ cạn kiệt người tham gia, và những người tham gia cuối cùng sẽ mất 10.000 đô la. Thực ra cô đang lấy cắp tiền của họ nhưng lại dùng ngôn ngữ tặng quà để làm vậy".

Bạn có thể ngạc nhiên khi biết rằng tôi không bao giờ nghe thêm gì từ người phụ nữ ấy nữa. Sự phẫn nộ và phủ nhận của cô ấy phản chiếu sự phẫn nộ và phủ nhận của những người hưởng lợi từ nền kinh tế tiền tệ hiện nay – một hệ thống cũng có cấu trúc tương tự như mô hình kinh doanh kim tự tháp. Để nhìn thấu nó, hãy tưởng tượng rằng mỗi khoản phí tham gia 10.000 đô la được tạo ra như một món nợ kèm lãi (sự thực là vậy). Bạn *cần phải* đem nhiều người đến tham gia ở tầng dưới của bạn, hoặc bạn sẽ bị mất tiền. Với những người ở "dưới đáy", cách duy nhất để tránh cảnh mất tiền là đi kiếm thêm nhiều người hơn nữa và kéo họ vào cùng tham gia nền kinh tế tiền tệ, ví dụ thông qua sự quá trình thuộc địa – e hèm, ý tôi là "mở ra các thị trường thương mại tự do mới" – và thông qua tăng trưởng kinh tế: chuyển đổi các mối quan hệ, văn hóa, tự nhiên v.v… thành tiền. Điều này trì hoãn thứ không thể tránh khỏi – tức sự gia tăng phân cực giàu nghèo – sẽ lồng lộn lên bất cứ khi nào tăng trưởng chậm lại. Những người mắc nợ cuối cùng sẽ không có cách nào để trả nợ: không có ai để lấy tiền, chẳng còn gì để biến thành tiền. Chúng ta sẽ thấy, đó chính là gốc rễ của

cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội, và sinh thái mà nền văn minh của chúng ta đang phải đối mặt hiện nay.

CHƯƠNG 7:
KHỦNG HOẢNG NỀN VĂN MINH

Chúng ta có nhà to hơn nhưng gia đình nhỏ lại; nhiều tiện ích hơn, nhưng ít thời gian hơn.

Chúng ta có nhiều bằng cấp hơn nhưng ít khôn ngoan hơn; nhiều kiến thức hơn nhưng ít sự phán đoán hơn; nhiều chuyên gia hơn, nhưng nhiều vấn đề hơn; nhiều thuốc men hơn nhưng kém khỏe mạnh hơn. Chúng ta lên tận Mặt trăng, nhưng gặp khó khăn khi sang đường để gặp người hàng xóm mới.

Chúng ta tạo nên nhiều máy tính để lưu trữ nhiều hơn bao giờ hết,

Nhưng không còn thực sự giao tiếp với nhau;

Chúng ta có rất nhiều về số lượng, nhưng lại rất ít về chất lượng. Giờ là thời đại của đồ ăn nhanh nhưng tiêu hóa chậm;

Những người cao lớn nhưng tính cách thì tủn mủn; Lợi ích rất nhiều nhưng các mối quan hệ thì hời hợt. Giờ là lúc ngoài cửa sổ kia có rất nhiều

Nhưng trong phòng lại chẳng có gì.

– Vô danh

Cuộc khủng hoảng tài chính mà chúng ta đang phải đối mặt ngày nay phát sinh từ thực tế là hầu như chẳng còn bất kì vốn xã hội, văn hóa, tự nhiên và tinh thần nào để biến thành tiền nữa. Hàng thế kỷ tạo ra tiền gần như liên tục đã khiến cho chúng ta trở nên quá nghèo nàn đến nỗi không còn gì để bán. Rừng của chúng ta bị tàn phá không thể cứu chữa, đất của chúng ta

cạn kiệt và bị cuốn trôi ra biển, tôm cá đã bị khai thác hết, và khả năng hấp thụ để tái chế chất thải của trái đất bị bão hòa. Kho tàng văn hóa các bài hát và câu chuyện, các hình ảnh và biểu tượng, đã bị cướp đi và sở hữu dưới dạng bản quyền. Bất kỳ cụm từ thông minh nào bạn có thể nghĩ đến đã là một khẩu hiệu được đăng ký nhãn hiệu. Các mối quan hệ và khả năng của con người đã bị cướp đi khỏi chúng ra rồi được bán lại cho chính chúng ta, bởi vậy nên giờ đây chúng ta phải phụ thuộc vào người lạ, phụ thuộc vào tiền, để có những thứ mà trước đây gần như là miễn phí: thực phẩm, nơi trú ẩn, quần áo, các trò giải trí, chăm sóc trẻ em, nấu nướng. Bản thân cuộc sống đã trở thành một loại mặt hàng để đem ra mua bán.

Ngày nay chúng ta bán đi những dấu tích cuối cùng của vốn ban tặng thiêng liêng của chúng ta: sức khỏe, sinh quyển và bản đồ gen của chúng ta, thậm chí cả tâm trí của chúng ta nữa. Lời tuyên bố của Pythagoras rằng "Tất cả mọi thứ đều là con số" đã gần như trở thành sự thật: thế giới đã được chuyển đổi thành tiền. Đây chính là quá trình đang đạt đến cực điểm trong thời đại của chúng ta. Nó gần như đã hoàn thiện, đặc biệt là ở Mỹ và các nước "phát triển". Ở các nước "đang phát triển" (hãy để ý cách những từ ngữ này giả định rằng hệ thống kinh tế của chúng ta là mục tiêu mà các xã hội khác phải hướng tới), vẫn còn những người sống chủ yếu trong các nền văn hóa quà tặng, nơi tài sản tự nhiên và xã hội chưa bị biến thành đối tượng để sở hữu. Toàn cầu hóa là quá trình tước đoạt những tài sản này để phục vụ nhu cầu tồn tại và vô độ để tăng trưởng của cỗ máy tiền. Tuy nhiên, việc khai thác từng phần trên những vùng đất khác cũng đang chạm tới các giới hạn của nó, bởi vì gần như chẳng còn gì để mà khai thác nữa và bởi vì ở đó sự phản kháng ngày càng mang lại nhiều hiệu quả.

Kết quả là nguồn cung tiền – và khoản nợ tương ứng – trong vài thập kỉ trở lại đây đã vượt xa sản xuất hàng hóa và dịch vụ mà nó hứa hẹn. Điều này liên quan sâu sắc đến vấn đề khai thác quá mức trong kinh tế học cổ điển. Để trì hoãn khủng hoảng vốn Marx – một cái vòng luẩn quẩn của lợi nhuận giảm, lương giảm, tiêu dùng giảm, và sự thừa mứa hàng hóa trong các ngành công nghiệp trưởng thành – trong tương lai, chúng ta phải liên tục phát triển các ngành công nghiệp và thị trường mới có lợi nhuận cao. Sự tiếp tục của chủ nghĩa tư bản phụ thuộc vào nguồn cung vô tận của những ngành công nghiệp mới này, mà về cơ bản nó là sự chuyển đổi vô

hạn các phạm trù mới của vốn tự nhiên, văn hóa, xã hội và tinh thần thành tiền. Vấn đề là các nguồn tài nguyên này là hữu hạn, và khi chúng càng gần đến mức cạn kiệt thì sự khai thác càng sát thương. Do đó, cùng lúc với cuộc khủng hoảng tài chính, chúng ta có cuộc khủng hoảng sinh thái và cuộc khủng hoảng sức khỏe. Các cuộc khủng khoảng này liên quan mật thiết tới nhau. Chúng ta không thể chuyển đổi hơn nữa trái đất thành tiền, hay hơn nữa sức khỏe bản thân thành tiền, trước khi chính nền tảng của cuộc sống bị đe dọa.

Một truyền thuyết cổ của Trung Quốc sẽ giúp làm sáng tỏ những gì đang diễn ra. Chuyện kể rằng có một con quái vật tên là *thao thiết* có chứng phàm ăn vô độ. Nó ăn mọi sinh vật xung quanh nó, ăn hết cả trái đất nhưng vẫn đói. Vì vậy, nó bắt đầu quay sang ăn cơ thể của chính mình, ăn tay, chân và thân của mình, không để lại gì ngoài cái đầu.

Một cái đầu không thể sống mà không có cơ thể. Đối mặt với sự cạn kiệt các tài nguyên chung chưa bị tiền tệ hóa mà nó đang tiêu thụ, ngành tài chính bắt đầu chuyển sang ăn thịt chính nó: nền kinh tế công nghiệp mà lẽ ra nó phải phục vụ. Nếu thu nhập từ sản xuất hàng hóa và dịch vụ không đủ để trả nợ, thì các chủ nợ sẽ tịch thu tài sản để thay thế. Đây là những gì đã và đang xảy ra trong nền kinh tế Mỹ và toàn cầu. Ví dụ, thế chấp ban đầu là một con đường để sở hữu ngôi nhà của riêng mình một cách tự do và rõ ràng, bắt đầu với số vốn là 20% giá trị ngôi nhà. Nhưng hiện nay rất ít ai dám mơ ước một ngày nào đó thực sự sẽ trả được hết nợ (chỉ còn cách liên tục tái cấp tài chính (refinance)), thực tế là họ chỉ đang thuê ngôi nhà từ ngân hàng mà thôi. Trên thế giới, các quốc gia thuộc Thế giới Thứ ba cũng rơi vào tình trạng tương tự, khi họ buộc phải đem bán các tài sản quốc gia và tư hữu hóa các dịch vụ xã hội để trả nợ cho các chương trình thắt lưng buộc bụng của IMF. Cũng như bạn cảm thấy toàn bộ sức lao động của bạn là để phục vụ cho việc trả nợ, thì toàn bộ nền kinh tế của họ cũng hướng tới việc sản xuất hàng hóa để trả nợ nước ngoài.

Các phương pháp thắt chặt chi tiêu của IMF cũng tương tự như kế hoạch trả nợ bắt buộc do tòa án đưa ra. Họ nói: "Bạn sẽ phải sống tằn tiện hơn, làm việc chăm chỉ hơn, và dành ra một phần lớn hơn trong khoản thu nhập để trả nợ. Bạn sẽ giao nộp cho tôi tất cả mọi thứ bạn sở hữu và chuyển tất

cả các khoản thu nhập trong tương lai của bạn cho tôi!" Lương hưu cho người lao động, lương giáo viên, khoáng chất, dầu mỏ – tất cả đều dành cho việc trả nợ. Các hình thức nô lệ đã thay đổi, nhưng định hướng cốt lõi của nó thì chưa. Trớ trêu là về lâu dài, các phương pháp trả nợ này thậm chí không mang lại lợi ích cho chủ nợ. Chúng làm giảm tăng trưởng kinh tế bằng cách giảm nhu cầu tiêu thụ và các cơ hội đầu tư kinh doanh. Việc làm bốc hơi, giá cả hàng hóa sụt giảm, người nợ và các quốc gia nợ ít có khả năng thanh toán hơn bao giờ hết.

Không thể nghĩ xa hơn các lợi ích ngắn hạn, những kẻ ham tiền thích thắt lưng buộc bụng bởi theo đó người vay nợ nói rằng: "Chúng tôi sẽ cống hiến nhiều sức lao động và tài nguyên hơn cho việc thanh toán nợ". Nó cho phép các khoản nợ không thể tất toán được thanh toán thêm một thời gian nữa. Đây là những gì đang xảy ra ở châu Âu vào thời điểm những dòng này được viết ra (năm 2010), khi các chính phủ cắt giảm lương hưu và đồng ý tư nhân hóa các dịch vụ xã hội để họ có thể đảm bảo với các chủ trái phiếu rằng họ sẽ được trả [lãi]. Các tín hiệu của chính sách thắt lưng buộc bụng cũng nghe thấy được trên nước Mỹ, dưới hình thức các hồi chuông báo động về thâm hụt ngân sách liên bang. Từ trong logic của thị trường trái phiếu và thâm hụt ngân sách, trường hợp trách nhiệm tài chính lớn hơn là không thể bàn cãi. Đừng ngoài logic đó, thì điều này là vô lý: liệu chúng ta có bị ép buộc bởi những con số đơn thuần và sự diễn giải các bit [trên máy vi tính] để phải hạ thấp chất lượng cuộc sống của nhiều người để bảo vệ sự giàu có của số ít hay không?

Cũng đến lúc người mắc nợ dần hết nguồn thu nhập khả dụng và tài sản có thể tịch thu. Sự sụp đổ của nền kinh tế đang diễn ra vào thời điểm hiện tại lẽ ra đã phải xảy ra nhiều năm trước, ngoại trừ những tài sản giả mạo và gian lận được tạo ra để giữ nó tồn tại lâu hơn một chút bởi quái vật thao thiết tài chính tự ăn thịt nó, và các khoản nợ mới chồng chất các khoản nợ cũ. Những nỗ lực cứu vãn nền kinh tế hiện nay không thể mang lại hiệu quả, bởi vì kinh tế phải tiếp tục tăng trưởng – tất cả những khoản nợ đều kèm lãi suất. Tuy nhiên chính quyền vẫn nỗ lực. Khi bạn nghe cụm từ "giải cứu hệ thống tài chính", hãy hiểu trong đầu điều đó có nghĩa là "giữ các khoản nợ trên sổ sách". Họ đang tìm cách để bạn (và các quốc gia mắc nợ) tiếp tục trả nợ và để khoản nợ tiếp tục tăng. Kim tự tháp nợ không thể đi

lên mãi mãi, bởi vì cuối cùng, khi tất cả tài sản của người chịu nợ không còn, các chủ nợ không còn cách nào khác ngoài việc cho con nợ vay tiền để thanh toán nợ. Chẳng mấy chốc số dư nợ cao đến mức họ thậm chí phải vay tiền để trả lãi, điều này có nghĩa là tiền không còn chảy, và không thể chảy, từ con nợ sang chủ nợ được nữa. Đây là giai đoạn cuối cùng, giai đoạn này thường là ngắn, nhưng nó được kéo dài trong thời đại của chúng ta bằng "ma thuật" tài chính của phố Wall. Các khoản nợ và bất cứ khoản nợ phát sinh từ chúng bắt đầu bị mất giá trị, dẫn đến sự giảm phát nợ.

Về cơ bản, cuộc khủng hoảng tài chính gần đây và cuộc khủng hoảng tăng trưởng sâu sắc của nền văn minh có liên quan tới nhau theo hai cách. Tiền nợ kèm lãi suất buộc kinh tế phải tăng trưởng, và khủng hoảng nợ là một triệu chứng xảy ra bất cứ khi nào sự tăng trưởng chậm lại.

Cuộc khủng hoảng hiện nay là giai đoạn cuối cùng của những gì đã bắt đầu vào những năm 1930. Các giải pháp liên tiếp cho vấn đề cơ bản về bắt kịp dòng tiền tăng theo lãi suất đã được áp dụng, và đã kiệt quệ. Giải pháp hiệu quả đầu tiên là chiến tranh, một tình trạng tồn tại cố định từ năm 1940. Thật không may, hay đúng hơn là may thay, vũ khí hạt nhân và sự chuyển dịch ý thức con người đã giới hạn giải pháp leo thang vô tận về mặt quân sự. Chiến tranh giữa các cường quốc không còn khả thi nữa. Các giải pháp khác – toàn cầu hóa, phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới bằng công nghệ để thay thế sức lao động con người mà chưa từng được hàng hóa hóa, sử dụng công nghệ để cướp đoạt đến cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và cuối cùng là sự tự gặm nhấm của ngành tài chính – cũng có tiến trình tương tự như giải pháp chiến tranh. Trừ phi có những lĩnh vực khác có thể đem ra chuyển đổi thành tiền mà tôi chưa biết đến, và trừ phi chúng ta có thể chịu đựng được sự đói nghèo hơn, đau khổ hơn và xa cách hơn, thì điều không thể tránh khỏi không thể được trì hoãn lâu hơn nữa.

Bong bóng tín dụng bị đổ lỗi là nguồn gốc của tai họa kinh tế hiện tại của chúng ta không phải là nguyên nhân thực chất, mà chỉ là một triệu chứng. Khi thu nhập từ đầu tư vốn bắt đầu giảm vào đầu những năm 1970, vốn bắt đầu tìm kiếm trong tuyệt vọng những cách khác để duy trì sự tăng trưởng của nó. Khi mỗi bong bóng vỡ – hàng hóa vào cuối những năm 1970, đầu tư bất động sản S&L vào những năm 1980, các cổ phiếu ".com" trong

những năm 1990, và bất động sản và các dẫn xuất tài chính trong những năm 2000 – vốn chuyển sang các khoản đầu tư kế tiếp ngay lập tức, vẫn duy trì ảo tưởng về mở rộng kinh tế. Nhưng nền kinh tế thực sự thì đang trì trệ. Không có đủ nhu cầu để bắt kịp sự sản xuất thừa mứa, không có đủ vốn xã hội và tự nhiên để chuyển đổi thành tiền được nữa.

Để duy trì sự tăng trưởng theo cấp số nhân của tiền, hoặc khối lượng hàng hóa và dịch vụ phải có khả năng theo kịp nó, hoặc chủ nghĩa đế quốc và chiến tranh phải có đủ năng lực leo thang vô tận. Tất cả đã chạm đến giới hạn của chúng. Không còn giải pháp nào khác để hướng đến nữa.

Hiện nay, sự bế tắc trong khả năng chuyển đổi thiên nhiên thành hàng hóa và các mối quan hệ thành dịch vụ của chúng ta không phải là tạm thời. Tiến bộ công nghệ và các tinh luyện trong phương pháp công nghiệp sẽ không giúp chúng ta bắt được thêm nhiều cá hơn – nguồn cá ở biển đã gần cạn kiệt. Chúng sẽ không giúp chúng ta tăng sản lượng thu hoạch gỗ – các cánh rừng đã gần biến mất hết. Chúng sẽ không giúp chúng ta trong việc khai thác dầu được nhiều hơn – nguồn dự trữ dầu đang khô cạn. Chúng ta không thể mở rộng lĩnh vực dịch vụ – hầu như không còn bất cứ điều gì chúng ta làm cho nhau mà không cần phải trả phí nữa. Không còn nhiều chỗ cho tăng trưởng kinh tế như chúng ta từng biết nữa; đó là, không còn chỗ cho chuyển đổi sự sống và thế giới thành tiền được nữa. Bởi vậy, ngay cả nếu chúng ta tuân theo các quy định chính sách cấp tiến hơn từ phe cánh tả – với hy vọng tiếp tục kích thích tăng trưởng kinh tế mới bằng cách hủy bỏ các khoản nợ và tái phân phối thu nhập – thì chúng ta chỉ có thể thành công trong việc làm cạn kiệt những gì còn sót lại của thiên nhiên, văn hóa, và cộng đồng. Cùng lắm, kích thích kinh tế sẽ cho phép nền kinh tế tăng trưởng thêm chút ít trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, vì các lĩnh vực không bị tiền tệ hóa trong thời kì suy thoái sẽ được tiền tệ hóa lại lần nữa. Ví dụ, khi kinh tế suy thoái, tôi và một số bạn bè thay nhau trông nom con cái của nhau, nhưng nếu trong các thời kỳ kinh tế thịnh vượng, chúng tôi sẽ tự gửi con đến trường mầm non[1]. Sự giúp đỡ qua lại của chúng tôi trở thành một cơ hội cho tăng trưởng kinh tế: những gì chúng tôi làm cho nhau miễn phí có thể được chuyển đổi thành các dịch vụ kiếm tiền. Suy rộng ra toàn xã hội, chúng ta chỉ đang quay trở về như trước kia, tại thời điểm mà một cuộc khủng hoảng mới tương tự sẽ lại phát sinh. “Co lại để phát triển”,

tức bản chất của chiến tranh và sự giảm phát, chỉ có hiệu quả, và cũng sẽ bớt hiệu quả, như một hành động cầm chừng trong lúc các phạm trù mới của các vốn tự nhiên và xã hội mới chưa bị tiền tệ hóa đang được nhắm tới.

Do đó, vấn đề hiện lúc này sâu sắc hơn nhiều so với những hiểu biết thông thường ngày nay. Hãy xem xét ví dụ điển hình này từ một tạp chí tài chính:

> *[Paul] Volcker nói đúng. Các nghĩa vụ nợ có thế chấp, chứng khoán bảo đảm thế chấp được thế chấp, những sự phức tạp và các trò tiêu khiển phát sinh từ máy vi tính không phải là giải pháp cho các nhu cầu cơ bản trong nền kinh tế, mà là giải pháp cho sự tham lam không giới hạn của phố Wall. Nếu không có chúng, các ngân hàng sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài tiếp tục dùng vốn của họ để đáp ứng các nhu cầu thực sự của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, và như vậy sẽ không có khủng hoảng, không có sụp đổ, và không có suy thoái.*[2]

Điều này chỉ mô tả được lớp bề mặt nhất của một vấn đề sâu sắc hơn, mà trong đó các nghĩa vụ nợ được thế chấp (CDO) hoặc tương tự chỉ đơn thuần là những triệu chứng. Vấn đề sâu sắc hơn là không có đủ các "nhu cầu thực sự" để các ngân hàng có thể chi vốn của họ, bởi vì chỉ có những nhu cầu mà tạo ra lợi nhuận cao hơn mức lãi suất mới tạo thành các cơ hội cho vay hợp lệ. Trong một nền kinh tế chịu ảnh hưởng của sự sản xuất dư thừa, những cơ hội như vậy là rất hiếm. Vì vậy, ngành công nghiệp tài chính đã chơi các trò chơi số (chứng khoán) để thay thế. Các khoản CDO và khác là triệu chứng, chứ không phải là nguyên nhân, của cuộc khủng hoảng tài chính bắt nguồn từ sự bất khả thi của việc tăng trưởng kinh tế theo kịp lãi suất.

Nhiều chuyên gia đã quan sát thấy mô hình Ponzi[3] của Bernard Madoff không khác nhiều so với mô hình kim tự tháp công cụ phái sinh [4]dựa trên thế chấp và các công cụ khác của ngành tài chính. Bản thân chúng đã tạo ra một bong bóng, mà giống như mô hình Ponzi của Madoff, chỉ có thể duy trì được chính nó thông qua sự phát triển không ngừng theo cấp số nhân (thực chất là phát triển thật) của dòng tiền mới. Như vậy, nó chính là biểu tượng của thời đại chúng ta – và thậm chí còn hơn cả mọi người nghĩ. Không phải

chỉ có nền kinh tế casino của phố Wall mới là mô hình kim tự tháp không bền vững duy nhất. Mà cả hệ thống kinh tế mà dựa trên sự chuyển đổi không ngừng các tài nguyên chung *hữu hạn* thành tiền cũng không bền vững. Nó giống như một ngọn lửa phải bùng cháy ngày càng to hơn cho đến khi các nhiên liệu có sẵn trở nên cạn kiệt. Chỉ có kẻ ngốc mới tin rằng một ngọn lửa có thể cháy ngày càng to hơn khi nguồn cung nhiên liệu là hữu hạn. Để mở rộng ẩn dụ này, sự phi công nghiệp hóa và tài chính hóa nền kinh tế gần đây cũng giống như việc dùng nhiệt để tạo ra thêm nhiên liệu. Theo định luật thứ hai của nhiệt động học, cái được tạo ra luôn luôn ít hơn nguồn nhiên liệu cần để tạo ra nó. Rõ ràng là việc vay tiền mới để trả nợ gốc và lãi cho khoản nợ cũ không thể kéo dài được lâu, nhưng đó là điều mà nền kinh tế nói chung đã và đang làm trong mười năm qua.

Tuy nhiên, ngay cả nếu chúng ta từ bỏ sự điên rồ này, chúng ta vẫn phải đối mặt với sự cạn kiệt của nguồn nhiên liệu (hãy nhớ, tôi không chỉ có ý nói đến nguồn nhiên liệu với nghĩa là năng lượng, mà tôi muốn nói đến bất kỳ nguồn vốn tự nhiên hoặc văn hóa nào có thể biến được thành hàng hóa). Hầu hết các đề xuất để giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay là tìm thêm nhiên liệu. Cho dù đó là khoan thêm giếng dầu, bê tông hóa các khoảng không gian xanh, hoặc thúc đẩy người tiêu dùng chi tiêu, thì mục tiêu đều là để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế – nghĩa là mở rộng phạm trù của hàng hóa và dịch vụ. Điều đó có nghĩa là tìm ra những thứ mới để chúng ta phải trả tiền để có chúng. Ngày nay, đến cả tổ tiên chúng ta nằm mơ cũng không thể tưởng tượng nổi, thậm chí chúng ta phải trả tiền để có nước sinh hoạt và bài hát. Còn cái gì mà chưa bị biến thành tiền nữa?

Theo tôi biết, nhà kinh tế học đầu tiên nhận ra vấn đề cơ bản và mối quan hệ của nó với hệ thống tiền tệ là Frederick Soddy, một người từng được trao giải Nobel và là người tiên phong trong lĩnh vực hóa học hạt nhân, đã chuyển mối quan tâm sang ngành kinh tế học vào những năm 1920. Soddy là một trong những người đầu tiên vạch trần hệ tư tưởng về sự tăng trưởng kinh tế vô hạn theo cấp số nhân, mở rộng lý luận của Thomas Malthus vượt ngoài lĩnh vực dân số sang lĩnh vực kinh tế. Herman Daly mô tả ngắn gọn cái nhìn của Soddy như sau:

Ý tưởng rằng mọi người có thể sống nhờ vào việc trả lãi cho số nợ lẫn nhau của họ… chỉ là một kế hoạch tăng trưởng kinh tế vĩnh viễn khác – một ảo tưởng thô tục trên quy mô lớn. Soddy dường như có ý nói rằng việc gì mà rõ ràng là bất khả thi ở mức độ cộng đồng – tất cả mọi người phải trả lãi để sống sót – thì cũng nên bị cấm ở mức độ cá nhân như một nguyên tắc công bằng. Nếu nó không bị cấm, hoặc ít nhất là bị hạn chế theo cách nào đó, thì đến một thời điểm nào đó, quyền giữ tài sản gia tăng của chủ chủ nợ trên doanh thu hạn chế sẽ lớn hơn so với mức các nhà sản xuất tương lai của doanh thu đó sẵn lòng hoặc có thể hỗ trợ, và xung đột sẽ xảy ra. Cuộc xung đột sẽ diễn ra dưới hình thức thoái thác nợ. Nợ phát triển với lãi suất kép và như một con số toán học thì hoàn toàn không có giới hạn để chậm lại. Lượng của cải lớn dần trong một thời gian với lãi suất kép, nhưng vì nó là vật chất, nên sự tăng trưởng của nó sớm hay muộn sẽ đạt tới giới hạn.[5]

Mối liên hệ giữa tăng trưởng kinh tế và sự tiêu thụ tài nguyên đặc biệt phổ biến ngày nay đối với các nhà lý thuyết Đỉnh Dầu[6], những người đã dự báo suy thoái kinh tế khi sản lượng dầu bắt đầu "rớt đà triền miên". Những người chỉ trích lí thuyết Đỉnh Dầu thì cho rằng kinh tế có thể và vẫn tăng trưởng mà không phụ thuộc vào việc sử dụng năng lượng, tất cả nhờ có công nghệ, thu nhỏ, các cải tiến hiệu suất, v.v… Kể từ năm 1960, tăng trưởng kinh tế Mỹ đã vượt xa mức tiêu thụ năng lượng, một xu hướng gia tăng nhanh chóng trong những năm 1980 (xem Hình 1). Nước Đức thậm chí đã làm được tốt hơn thế, mức tiêu thụ năng lượng của họ giữ nguyên không đổi từ năm 1991 mặc dù nền kinh tế Đức tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, sự phản đối này chỉ minh họa cho một luận điểm lớn hơn. Đúng là chúng ta có thể duy trì tăng trưởng kinh tế bằng cách thay vì tiêu thụ loại tài nguyên chung này thì chuyển sang tiêu thụ một loại khác – bằng cách đốt khí đốt thay vì dầu hoặc bằng cách tạo ra các dịch vụ trả tiền hoặc sở hữu tài sản trí tuệ thay vì đi đánh bắt cá tuyết – nhưng khi xét về tổng thể (bao gồm tất cả các tài nguyên chung về tự nhiên, văn hóa, xã hội và tinh thần), lập luận cơ bản của Đỉnh Dầu vẫn còn hiệu lực. Thay vì Đỉnh Dầu, chúng ta đang đối mặt với Đỉnh Vạn Vật.[7]

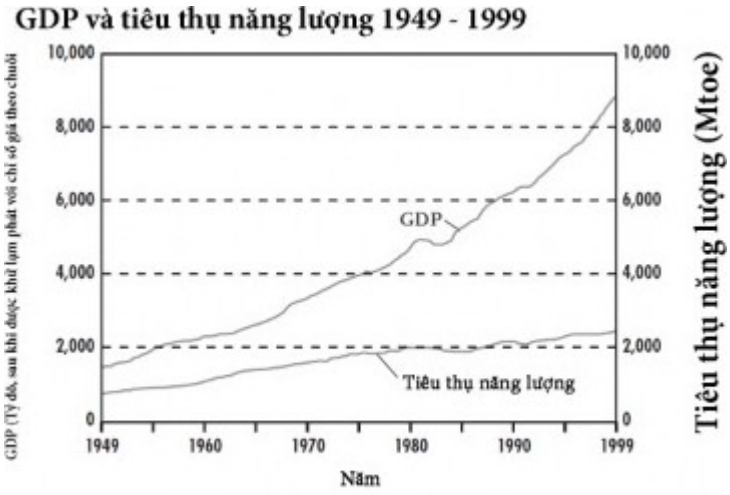

Hình 1. Nguồn: Bộ Năng lượng Hoa Kỳ, 2000

Khi cuộc khủng hoảng tài chính xảy ra năm 2008, phản ứng đầu tiên của chính phủ – gói cứu trợ và kích thích tiền tệ – là một nỗ lực nhằm duy trì một tháp nợ vượt xa nền tảng kinh tế thực của nó. Như vậy, thành công thấy rõ của nó chỉ là tạm thời, sự trì hoãn của một điều không thể tránh khỏi: "giả và kéo dài", như mấy người ở Phố Wall gọi tên. Cách làm thay thế – kích thích kinh tế – bị chết yểu vì một lí do sâu sắc hơn. Nó thất bại vì chúng ta đã "khai thác tối đa": khai thác tối đa khả năng của thiên nhiên để tiếp nhận chất thải mà không phá hủy nền tảng sinh thái nền văn minh; khai thác tối đa khả năng của xã hội để chịu đựng thêm sự biến mất của các cộng đồng và sự kết nối; khai thác tối đa khả năng của rừng để chịu đựng thêm cảnh đốn cây, khác thác tối đa khả năng cơ thể con người để duy trì sự sống trong một thế giới bị ô nhiễm với đầy các chất độc hại. Việc chúng ta cũng dùng tối đa chỉ số tín dụng của mình chỉ phán ánh một điều rằng chúng ta chẳng còn gì để biến thành tiền được nữa. Chúng ta có thực sự cần thêm cầu đường để phát triển kinh tế nữa hay không?[8] Chúng ta có thể duy trì thêm chúng, và thêm nền kinh tế công nghiệp song hành không? Các chương trình kích thích của chính phủ cùng lắm sẽ kéo dài hệ thống kinh tế hiện nay trong hai hoặc ba năm, có thể sẽ có tăng trưởng trong một khoảng thời gian ngắn khi chúng ta hoàn thành công cuộc bóc lột thiên nhiên, tinh thần, cơ thể, và văn hóa. Khi những di tích này của các tài nguyên chung đã biến mất, thì không gì có thể ngăn được sự sụp đổ (the Great Unraveling) của nền kinh tế tiền tệ.

Mặc dù chi tiết và thời gian của sự sụp đổ này là không thể tiên đoán được, nhưng tôi cho rằng đầu tiên chúng ta sẽ phải trải qua tình trạng giảm phát, trì trệ và phân hóa giàu nghèo, tiếp theo là bất ổn xã hội, siêu lạm phát hoặc sụp đổ tiền tệ. Vào thời điểm đó, những lựa chọn thay thế mà chúng ta đang khám phá ngày nay sẽ có chỗ đứng riêng, tạo cơ hội để chúng ta xây dựng một nền kinh tế mới và thiêng liêng. Càng gần tới lúc nền kinh tế tiền tệ sụp đổ, càng có nhiều đề xuất trong cuốn sách này trở nên thuyết phục hơn.

Đối mặt với cuộc khủng hoảng mà sớm muộn sẽ xảy ra, mọi người thường hỏi họ có thể làm gì để tự bảo vệ bản thân. "Mua vàng? Dự trữ thực phẩm đóng hộp? Xây nhà tại một nơi hẻo lánh? Tóm lại là tôi nên làm gì?" Tôi muốn đưa ra một câu hỏi khác, đó là: "Điều tốt đẹp nhất mà tôi có thể làm là gì?" Bạn thấy đấy, cuộc khủng hoảng dồn dập thực chất đang mở ra một cơ hội rất lớn. Sự giảm phát, sự mất giá trị của tiền, chỉ là một điều xấu nếu việc tạo ra tiền là một điều tốt. Tuy nhiên, từ những ví dụ tôi đưa ra bạn có thể thấy rằng việc tạo ra tiền đã làm tất cả chúng ta trở nên nghèo nàn bằng nhiều cách. Ngược lại, việc tiền bị mất giá trị có tiềm năng làm cho cuộc sống của chúng ta tốt lên. Nó cho chúng ta cơ hội giành lại các tài nguyên chung đã mất từ phạm trù tiền và tài sản tư hữu.

Chúng ta chứng kiến điều này mỗi khi kinh tế suy thoái. Nhiều người không còn khả năng chi trả cho nhiều loại hàng hóa và dịch vụ nữa, vì vậy họ phải dựa vào bạn bè và hàng xóm. Ở đâu mà không có tiền để tạo thuận lợi cho các giao dịch, thì ở đó nền kinh tế quà tặng sẽ tái hiện và các loại tiền mới sẽ được tạo ra. Tuy nhiên, thường là mọi người và các tổ chức sẽ bám víu vào các cách thức cũ lâu nhất có thể. Phản ứng đầu tiên theo thường lệ đối với khủng hoảng kinh tế là phải kiếm nhiều tiền hơn và giữ nhiều tiền hơn – để đẩy nhanh việc chuyển đổi bất kì cái gì bạn có thể chuyển đổi thành tiền. Ở mức độ hệ thống, sự gia tăng nợ nần tạo áp lực rất lớn lên việc biến các tài nguyên chung thành hàng hóa. Chúng ta có thể thấy điều này khi người ta đang kêu gọi khoan dầu tại Alaska, khoan dầu sâu dưới đại dương, v.v… Tuy nhiên, đây là lúc quá trình đảo ngược thực sự bắt đầu: mọi thứ từ phạm trù của hàng hóa và dịch vụ sẽ được trả về phạm trù của quà tặng, của sự tương hỗ, của sự tự cung tự cấp và sự chia sẻ trong cộng đồng. Hãy ghi nhớ: khi nền kinh tế tiền tệ bắt đầu sụp đổ, quá

trình đảo ngược chắc chắn sẽ xảy ra, bởi mọi người bị mất việc làm hoặc trở nên quá nghèo túng đến nỗi không thể mua gì được. Mọi người sẽ giúp đỡ lẫn nhau, và các cộng đồng thực sự sẽ tái xuất hiện.

Ngay cả khi bạn chỉ lo lắng cho sự an toàn của tương lai chính mình, thì cộng đồng có lẽ là khoản "đầu tư" thông minh nhất mà bạn có thể thực hiện. Khi hệ thống tài chính bắt đầu sụp đổ, hầu hết các khoản đầu tư trở thành các mẩu giấy hoặc các tệp dữ liệu điện tử vô giá trị. Chúng chỉ có giá trị trong phạm vi các thỏa thuận xã hội có chứa và diễn giải chúng. Ngay cả vàng cũng sẽ không làm cho bạn an toàn hơn khi sự việc trở nên thực sự tồi tệ. Trong các thời kì khủng hoảng cực độ, các chính phủ thường tịch thu các kho vàng tư nhân – Hitler, Lenin, và Roosevelt đều đã làm như vậy. Nếu ngay cả chính phủ cũng tan rã, thì những người có súng trong tay sẽ đến và cướp vàng hoặc bất kì tài sản nào có giá trị của bạn.

Thỉnh thoảng tôi đọc trang web tài chính Zero Hedge vì những cái nhìn sâu sắc về những thủ đoạn và mưu đồ của giới tinh hoa nắm quyền lực tài chính. Theo quan điểm không rõ ràng của trang web đó thì hiện nay không có loại tài sản nào trừ vàng thỏi và các hàng hóa vật chất là an toàn. Tôi đồng ý với logic này, có điều nó vẫn chưa đi đến tận cùng của vấn đề. Nếu hệ thống ngừng hoạt động dẫn đến sự siêu lạm phát, thì tài sản – cũng là một quy ước xã hội giống như tiền – cũng sẽ mất giá trị. Trong thời kì khủng hoảng xã hội, tôi không thể tưởng tượng được có điều gì nguy hiểm hơn là sở hữu vài trăm ounce vàng. Sự an toàn duy nhất thực sự chỉ có thể tìm thấy trong cộng đồng: lòng biết ơn, sự kết nối, và sự hỗ trợ của những người xung quanh bạn. Nếu bạn đang giàu thì tôi, với tư cách là nhà tư vấn đầu tư của bạn, khuyên bạn hãy sử dụng của cải của bạn để làm cho cuộc sống của những người xung quanh bạn tốt đẹp lên một cách lâu dài và bền vững.

Trong lúc ấy, trước khi hệ thống hiện tại sụp đổ, bất cứ điều gì chúng ta làm để bảo vệ nguồn tài nguyên tự nhiên cũng như xã hội khỏi bị biến thành tiền sẽ đẩy nhanh sự sụp đổ *và* giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của nó. Bất kì khu rừng nào bạn bảo vệ khỏi bị khai thác, bất kì con đường nào bạn ngăn chặn xây dựng, bất kì nhóm chơi chung nào bạn thành lập; bất kì ai được bạn dạy cho cách tự chữa lành bản thân hoặc cách tự xây nhà, tự

nấu ăn, hoặc tự may quần áo; bất kì loại của cải nào bạn tạo ra hoặc thêm vào cho cộng đồng; bất kì cái gì được bạn bảo vệ để không bị Cỗ máy nuốt-chửng-thế-giới chạm tới sẽ giúp thu ngắn thời gian tồn tại của Cỗ máy. Và khi hệ thống tiền tệ sụp đổ, nếu bạn đã không bị phụ thuộc vào tiền để có thể đáp ứng được phần nào nhu cầu thiết yếu và niềm vui của mình, thì cuộc sống của bạn sẽ không thể bị đảo lộn nghiêm trọng. Tương tự như vậy ở mức độ xã hội. Bất kì sự trù phú nào về mặt tự nhiên, cho dù là đa dạng sinh học, đất đai màu mỡ, hoặc nước sạch, và bất kì cộng đồng hoặc tổ chức xã hội nào mà không phải là phương tiện để chuyển đổi cuộc sống thành tiền, sẽ duy trì và làm phong phú cuộc sống *sau khi* tiền trở nên vô giá trị.

Tôi đang đề cập đến tiền như chúng ta biết. Tôi sẽ sớm miêu tả một hệ thống tiền tệ khác mà không phải là nguyên nhân dẫn đến sự chuyển đổi tất cả những gì tốt đẹp, đúng đắn thành tiền. Nó sẽ tạo ra một bản sắc con người về cơ bản là khác, một ý thức về bản thân cơ bản là khác, so với những gì đang thống trị ngày nay. "Nhiều hơn cho bạn tức là ít hơn cho tôi" sẽ không còn đúng nữa. Ở mức độ cá nhân, cuộc cách mạng sâu sắc nhất mà chúng ta có thể thực hiện là một cuộc cách mạng trong ý thức về bản thân, trong bản sắc của chúng ta. Cái tôi rời rạc và tách biệt của Descartes và Adam Smith đã chạy theo hướng của nó và đang trở nên lỗi thời. Chúng ta đang nhận ra sự không thể chia cắt với nhau và với toàn thể sự sống. Lãi suất nặng đi ngược lại với sự hợp nhất này, vì nó tìm kiếm sự tăng trưởng của cái tôi tách biệt với cái giá là những cái bên ngoài hay những cái khác. Có lẽ những ai đang đọc cuốn sách này đều đồng ý với nguyên tắc của tính chất liên kết, dù là từ quan điểm tâm linh hay sinh thái. Đã đến lúc chúng ta sống theo nguyên tắc đó. Đã đến lúc chúng ta sống với tinh thần quà tặng, bởi đó là biểu hiện của sự thấu hiểu nguyên tắc bất phân ly. Giờ đây rõ ràng là ít hơn cho bạn (trên mọi phương diện) cũng có nghĩa là ít hơn cho tôi. Hệ tư tưởng về sự tăng trưởng vĩnh cửu đã đưa chúng ta đến một trạng thái nghèo nàn đến nỗi việc hít thở cũng trở nên khó khăn. Hệ tư tưởng đó và nền văn minh được xây dựng dựa trên nó ngày nay đang sụp đổ.

Cưỡng lại hoặc trì hoãn sự sụp đổ sẽ chỉ làm cho nó tồi tệ hơn. Tìm kiếm những cách mới để phát triển nền kinh tế sẽ chỉ khiến cho các tài nguyên

chung còn lại của chúng ta biến mất hết. Chúng ta hãy ngừng kháng cự lại cuộc cách mạng về cách sống, về sự hiện hữu và vai trò của con người (human beingness). Nếu chúng ta muốn sống qua những cuộc khủng hoảng đang diễn ra ngày hôm nay, hãy tìm cách đừng chỉ *sống sót*. Đó là tư duy của sự chia cắt; đó là chịu đựng, là bám víu vào một quá khứ đang chết dần. Thay vào đó, chúng ta hãy thay đổi nhận thức của bản thân hướng về sự hợp nhất và suy nghĩ về những gì chúng ta có thể cho đi. Mỗi chúng ta có thể đóng góp gì cho một thế giới tươi đẹp hơn? Đó là trách nhiệm duy nhất và cũng là sự an toàn duy nhất của chúng ta.

Tôi sẽ phát triển chủ đề "sinh kế đúng" và "đầu tư đúng" ở phần sau của cuốn sách này. Chúng ta có thể tham gia vào việc tiêu hủy tiền có ý thức và có mục đích thay vì cứ để nó xảy ra trong vô thức khi nền kinh tế đang sụp đổ. Nếu bạn vẫn có tiền để đầu tư, hãy đầu tư vào các doanh nghiệp rõ ràng là đang tìm cách xây dựng cộng đồng, bảo vệ thiên nhiên, và lưu giữ tài sản văn hóa chung. Hãy chuẩn bị sẵn tinh thần khi lợi ích tài chính từ khoản đầu tư của bạn bằng 0 hoặc âm – đó là một dấu hiệu tốt cho thấy bạn đang không vô ý biến phần còn lại của thế giới thành tiền. Cho dù bạn có tiền để đầu tư hay không, bạn vẫn có thể giành lại những gì đã bị biến thành tiền bằng cách đi theo hướng dẫn thoát khỏi nền kinh tế tiền tệ. Bất kì điều gì bạn học để tự làm cho bản thân hoặc cho người khác, mà không phải trả phí; bất kì sự tái chế hoặc tái sử dụng các vật liệu phế thải nào; bất kì cái gì bạn làm thay vì mua, cho đi thay vì bán; bất kì kỹ năng mới hoặc bài hát mới hoặc tác phẩm nghệ thuật mới nào mà bạn tự dạy bản thân hoặc dạy người khác sẽ làm giảm sự thống trị của tiền bạc và phát triển một nền kinh tế quà tặng để giúp chúng ta vượt qua giai đoạn chuyển tiếp sắp tới. Thế giới Quà tặng – sự tiếp nối của các xã hội quà tặng sơ khai, mạng lưới sinh thái, và những lời dạy thiêng liêng của các thời đại, đang tới gần với chúng ta. Nó chạm vào trái tim của chúng ta và đánh thức sự hào phóng trong chúng ta. Chúng ta có nên nghe theo lời kêu gọi của nó trước khi những điều tốt đẹp còn lại của trái đất bị tiêu thụ nốt hay không?

CHƯƠNG 8:
BƯỚC NGOẶT CỦA THỜI ĐẠI

Trong ít nhất một trăm năm nữa, chúng ta phải tự dối mình dối người rằng gian lận là ngay thẳng và ngay thẳng là gian lận; bởi sự gian lận có lợi còn ngay thẳng thì không. Tính hám lợi, việc cho vay nặng lãi và sự đề phòng hẳn sẽ là thần thánh của chúng ta trong một thời gian dài nữa.

– John Maynard Keynes (1931)

TIỀN: CÂU CHUYỆN VÀ MA THUẬT

Khi cuộc khủng hoảng kinh tế tiến triển sang giai đoạn tiếp theo, chúng ta bắt đầu thấy sự phi lí của nhiều điều mà chúng ta từng nghĩ là chân lí. Nhiều điều tưởng như chắc chắn với thế hệ trước trở nên bấp bênh với thế hệ sau, và bất chấp hy vọng mong manh rằng sự trở lại trạng thái bình thường" sắp đến – "vào giữa năm 2012" hoặc "chậm hơn dự kiến" – thì chúng ta bắt đầu nhận ra rằng mọi việc sẽ không quay trở về bình thường được nữa.

Khi phải đối mặt với một sự thay đổi đột ngột trong thực tại cá nhân, chẳng hạn như cái chết của một người thân yêu, hay mật vụ của Đức quốc xã Gestapo tràn tới thị trấn, thì đầu tiên con người thường phản ứng bằng cách phủ nhận thực tế đó. Câu đầu tiên mà tôi hay thốt lên khi bi kịch ập tới là "Không thể tin được chuyện này lại xảy ra!" Do đó, tôi không ngạc nhiên khi suốt một thời gian dài các nhà lãnh đạo chính trị và tập đoàn đã phủ nhận việc một cuộc khủng hoảng đang tới gần. Hãy xem xét một số trích dẫn từ 2007, tổng thống George W. Bush nói: "Về cơ bản nền kinh tế của đất nước là tốt". Bộ trưởng tài chính Henry Paulson nói: "Tôi không cho là các rắc rối của thị trường cho vay thế chấp đang gây ra một vấn đề nghiêm trọng. Tôi nghĩ rằng nó sẽ được ngăn chặn đáng kể", "kinh tế sẽ

không suy thoái", "chúng ta đang trải qua một sự điều chỉnh trong lĩnh vực nhà ở", "nước Mỹ không bị suy thoái", "có thể giá nhà đất sẽ ổn định lại vào đầu năm 2009". Hiện nay, các cơ quan chức trách đang "dự báo" (nhưng thực sự là họ chỉ đang cố gắng nói với hy vọng lời nói của họ trở thành sự thật) rằng tăng trưởng kinh tế trên 5% trong giai đoạn 2010-2015.[1]

Tất nhiên, nhiều trong số các tuyên bố này là những nỗ lực không thành thật trong việc quản lý nhận thức. Các nhà chức trách hy vọng rằng bằng cách kiểm soát nhận thức của công chúng về thực tế, họ có thể kiểm soát được chính thực tế – rằng bằng cách thao túng các biểu tượng, họ có thể thao túng cái thực tại mà chúng đại diện. Về bản chất, đây là những gì mà các nhà nhân chủng học gọi là "tư tưởng tôn giáo thần thánh". Không phải vô cớ mà giới tinh hoa tài chính của chúng ta được gọi là các thầy tế. Mặc trang phục nghi lễ, nói thứ ngôn ngữ phức tạp, sử dụng những câu huyền bí, họ chỉ với một từ hoặc một nét chữ có thể khiến cho các khối tài sản và các quốc gia tăng hoặc giảm.

Bạn thấy đấy, tư tưởng tôn giáo-thần thánh thường có hiệu quả. Cho dù đó là nghi lễ cúng tế, hoặc ký kết một khoản dự luật, hoặc thông báo số dư tài khoản, thì khi một nghi thức được đặt trong một câu chuyện mà mọi người đều tin, họ sẽ hành động theo như câu chuyện, họ sẽ đóng vai mà họ được giao trong câu chuyện đó, và họ sẽ phản ứng lại với thực tại mà câu chuyện đó thiết lập nên. Trước đây, khi một nghi lễ cúng tế được cho là đã thất bại, mọi người đều biết đây là một sự kiện quan trọng báo hiệu Tận Thế, sự thay đổi trong cái gì là thực và cái gì là không thực, sự kết thúc của Câu chuyện Con người cũ và có lẽ là sự khởi đầu của một Câu chuyện mới. Theo cách nhìn nhận này, sự thất bại nhanh chóng của các nghi lễ tài chính hiện nay mang ý nghĩa gì?

Một số người chế giễu những người nguyên thủy sống trong hang động mà tưởng tượng rằng những hình minh họa động vật của họ khắc trên những bức tường trong hang động có thể tác động một cách kỳ diệu đến các cuộc săn bắn. Thế mà, ngày nay chúng ta lại tự tạo ra những chiếc bùa chú cho riêng mình, những hệ thống biểu tượng thần kì của riêng mình, và chúng ta thực sự đang tác động đến thực tại vật chất thông qua chúng. Một vài con số thay đổi ở đây và ở kia, thế là hàng ngàn công nhân sẽ dựng nên một tòa

nhà chọc trời. Một vài số khác thay đổi, thế là một doanh nghiệp đáng kính trọng phải đóng cửa. Nợ nước ngoài của một nước Thế giới thứ ba, một lần nữa cũng chỉ là các con số trong máy vi tính, khiến cho người dân của nước đó rơi vào cảnh nô lệ vĩnh viễn để sản xuất hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài. Các sinh viên đại học vì phải lo trả nợ cho các khoản vay sinh viên nên phải khước từ ước mơ của mình và vội vàng lao vào kiếm tiền, ý chí của họ phụ thuộc vào mảnh giấy với các ký hiệu ma thuật ("Báo cáo số dư tài khoản") gửi cho họ mỗi tháng một lần, giống như một lời nhắn ngắn ngủi trong một giáo phái tà thuật.[2] Thật vậy, những tờ giấy mà chúng ta gọi là tiền này, các đốm sáng điện tử này, chứa đựng một ma lực khủng khiếp!

Ma thuật hoạt động thế nào? Các nghi thức và bùa chú khẳng định và duy trì những câu chuyện đồng thuận mà tất cả chúng ta đều tham gia vào, những câu chuyện hình thành nên thực tại của chúng ta, phối hợp sức lao động của chúng ta, và tổ chức cuộc sống của chúng ta. Chỉ trong những thời điểm ngoại lệ thì chúng mới ngừng hoạt động: thời điểm suy sụp trong câu chuyện của con người. Hiện tại chúng ta đang bước vào thời điểm đó. Các biện pháp kinh tế được ban hành để ngăn chặn cuộc khủng hoảng nhen nhóm trong năm 2008 đã chỉ đạt hiệu quả tạm thời. Chúng không đủ để giải quyết được gốc rễ. Cải cách hiệu quả duy nhất sẽ là một cải cách mà biểu hiện, khẳng định và duy trì một câu chuyện mới về con người. Để biết được câu chuyện mới sẽ là gì, chúng ta hãy cùng đào sâu qua các lớp thực tại đang sụp đổ và mối quan hệ của chúng với tiền.

Phản ứng đầu tiên của chính phủ đối với cuộc khủng hoảng năm 2008 – sự phủ nhận – tỏ ra không có hiệu quả, thì Cục Dự trữ Liên bang và Bộ Tài chính đã thử một cách quản lý nhận thức khác. Bằng việc triển khai kho câu thần chú bí ẩn của mình, họ ra hiệu cho chính phủ rằng đừng để những tổ chức tài chính như Fannie Mae phá sản. Họ hy vọng rằng những sự đảm bảo của họ sẽ đủ để duy trì giá trị của các tài sản mà phụ thuộc vào khả năng thanh toán và sự thịnh vượng liên tục của các tổ chức này. Lẽ ra hành động này sẽ có hiệu quả nếu câu chuyện mà các biện pháp mang tính biểu tượng này kêu gọi chưa bị phá vỡ. Nhưng nó đã vỡ rồi. Cụ thể là, thứ bị phá vỡ là câu chuyện chỉ định giá trị cho chứng khoán bảo đảm bằng thế chấp và các chứng khoán phái sinh khác dựa trên các khoản vay không trả được. Không giống như lạc đà hay ngũ cốc, nhưng giống như tất cả các

loại tiền tệ hiện đại, các chứng khoán này có giá trị chỉ bởi người ta tin rằng chúng có giá trị. Hơn nữa, đây không phải chỉ là một niềm tin biệt lập, mà nó gắn liền với hàng triệu niềm tin, quy ước, thói quen, thỏa thuận và nghi thức khác.

Bước tiếp theo là bắt đầu bơm thêm một lượng lớn tiền mặt vào các tổ chức tài chính đang sắp sập, hoặc để đổi lấy một khoản tương ứng (quốc hữu hóa một cách hiệu quả các tổ chức tài chính đó, như trong trường hợp của Fannie Mae, Freddie Mac, và AIG) hoặc chẳng đổi lấy cái gì, như trong chương trình TARP. Trong trường hợp thứ hai, Bộ Tài chính bảo đảm hoặc mua tài sản độc hại[3] của ngân hàng với hy vọng cải thiện bảng cân đối kế toán của ngân hàng để họ có thể bắt đầu cho vay lại, do đó giữ cho bong bóng tín dụng tiếp tục mở rộng. Việc này không có hề hiệu quả. Các ngân hàng chỉ giữ khoản tiền (ngoại trừ số tiền họ lấy ra để thưởng cho các giám đốc điều hành) như là một cách để chống lại việc tiếp tục có thêm các tài sản xấu, hoặc họ sử dụng khoản tiền đó để mua lại các ngân hàng nhỏ hơn và lành tính hơn. Họ đã không tiếp tục cho người tiêu dùng (những người đã hết khả năng trả nợ) vay, cũng không bỏ tiền ra nâng đỡ các doanh nghiệp trước bờ vực của một cuộc suy thoái. Giá trị tài sản tiếp tục giảm, tỷ lệ vỡ nợ tín dụng tiếp tục tăng, và toàn bộ tài sản phái sinh được xây dựng trên chúng tiếp tục sụp đổ. Tiêu dùng và hoạt động kinh doanh sụt giảm, thất nghiệp tăng vọt, và người dân châu Âu bắt đầu nổi loạn trên đường phố. Và tại sao lại như vậy? Chỉ vì một vài con số đã thay đổi trong mấy cái máy vi tính nào đó. Thật là kì diệu làm sao. Điều này chỉ hợp lí khi bạn coi những con số này là những cái bùa chú hiện thân cho các thỏa thuận. Một nhà cung cấp đào các khoáng vật ra khỏi mặt đất và gửi chúng đến một nhà máy, để đổi lấy cái gì? Đổi lấy một vài tờ giấy, hoặc nhiều khả năng hơn là, đổi lấy một số bit trong một cái máy vi tính, mà điều này chỉ có thể xảy ra với sự cho phép của một ngân hàng (tổ chức "cung cấp tín dụng").

Trước khi chúng ta trở nên quá lo lắng về việc trao hàng tỷ tỷ đô la cho giới giàu, chúng ta hãy cùng xem xét lại thực tại của tiền bạc. Điều gì thực sự xảy ra khi số tiền này được trao đi? Hầu như chẳng có gì xảy ra. Chỉ có các bit trong các máy vi tính là thay đổi, và một vài người hiểu được cách diễn dịch của các bit đó tuyên bố rằng tiền đã được chuyển. Những bit đó

là đại diện mang tính biểu tượng của một thỏa thuận về một câu chuyện. Trong câu chuyện này có người giàu và người nghèo, có chủ nợ và con nợ. Người ta nói rằng con cháu chúng ta sẽ phải trả những khoản nợ cứu trợ và khoản nợ kích thích phát triển kinh tế này, nhưng những khoản nợ đó cũng có thể được tuyên bố là không tồn tại. Chúng chỉ có thực khi tất cả chúng ta cùng tán thành câu chuyện mà trong đó chúng tồn tại. Con cháu của chúng ta sẽ chỉ phải trả nợ chỉ khi câu chuyện – hệ thống ý nghĩa – về các khoản nợ kia vẫn tồn tại. Nhưng tôi cho rằng ngày càng có nhiều người cảm thấy các khoản nợ liên bang, nợ nước ngoài của Mỹ, và rất nhiều khoản nợ thế chấp và nợ tín dụng cá nhân của chúng ta sẽ không bao giờ được trả.

Chúng ta nghĩ rằng những ông trùm phố Wall đã tẩu thoát với hàng tỷ đô la, nhưng hàng tỷ đó là gì? Chúng cũng là các con số trong máy vi tính, và về mặt lý thuyết có thể bị xóa bỏ. Tương tự với số tiền mà Mỹ nợ Trung Quốc hay các nước Thế giới Thứ ba nợ các ngân hàng. Chúng có thể biến mất với một lời tuyên bố đơn giản. Vì vậy, chúng ta có thể thấy rằng những khoản tiền khổng lồ trao đi trong nhiều chương trình cứu trợ tài chính cũng chỉ như là một hành động khác trong việc quản lý nhận thức, mặc dù lần này đây này là một hành động vô thức. Sự cứu trợ này là hành động mang tính nghi thức nhằm cố gắng duy trì một câu chuyện, một ma trận các thỏa thuận và các hoạt động của con người xoay quanh nó. Chúng là nỗ lực để duy trì sức mạnh của các tà thuật mà đang giữ chân các sinh viên tốt nghiệp trên con đường sự nghiệp và những người trung niên làm nô lệ cho tài sản vay thế chấp của chính họ – mà cho một số người sức mạnh để thực sự dịch chuyển những ngọn núi theo nghĩa đen trong khi đó vẫn trói buộc nhiều người trong xiềng xích.

Nhắc tới Trung Quốc, chúng ta cần phải nhìn vào thực tế vật chất dưới sự mất cân bằng thương mại. Về cơ bản, Trung Quốc đang vận chuyển cho chúng ta số lượng lớn đồ – quần áo, đồ chơi, đồ điện tử, gần như mọi thứ trong Wal-Mart – và đổi lại chúng ta sắp xếp lại một số bit trong một số máy vi tính. Trong khi đó, người lao động Trung Quốc cũng làm việc vất vả y như chúng ta, nhưng mức lương của họ thì ít hơn của chúng ta nhiều. Nếu giống như thời xưa của các đế quốc hiện hữu, Trung Quốc sẽ được gọi là "một quốc gia chư hầu" và những thứ mà họ gửi cho chúng ta sẽ

được gọi là "cống vật".[4] Tuy nhiên, Trung Quốc cũng sẽ làm mọi điều có thể để duy trì Câu chuyện Tiền tệ hiện tại, với cùng một lý do như chúng ta: giới thượng lưu của họ được hưởng lợi từ đó. Giống y như thời Roma cổ đại. Giới thượng lưu của đế quốc ngày càng thịnh vượng trên cái giá là sự khổ cực ngày càng tăng của người dân. Để xoa dịu và giữ cho họ dễ bảo và ngu ngốc, quần chúng được cung cấp bánh mì và thú tiêu khiển ồn ào: thực phẩm rẻ tiền, những chuyện giật gân rẻ tiền, tin tức về người nổi tiếng, và Super Bowl[5]

Dù chúng ta tuyên bố nó sẽ kết thúc, hay nó tự kết thúc theo cách riêng của nó, thì câu chuyện tiền tệ cũng sẽ hạ bệ rất nhiều thứ cùng nó. Đó là lý do tại sao Mỹ sẽ không tuyên bố vỡ nợ một cách đơn giản. Nếu Mỹ làm như vậy, thì câu chuyện mà dựa vào đó dầu mỏ Trung Đông, điện tử Nhật Bản, vải vóc Ấn Độ và nhựa Trung Quốc được vận chuyển tới Mỹ cũng sẽ chấm dứt. Thật không may, hay đúng hơn là may thay, câu chuyện đó không thể được lưu lại mãi mãi. Lý do cơ bản là nó phụ thuộc vào sự duy trì khoản nợ gia tăng theo cấp số nhân trong một thế giới hữu hạn.

Khi tiền bốc hơi như trong chu kỳ giảm phát nợ hiện tại, thế giới vật chất gần như vẫn chưa có nhiều thay đổi ngay tức thì. Các tệp tiền không biến thành tro bụi; các nhà máy không nổ tung; các máy móc không bị treo; các giếng dầu không cạn khô; các kỹ năng kinh tế của người dân không biến mất. Tất cả các vật chất và kỹ năng được trao đổi trong nền kinh tế, mà dựa vào đó chúng ta có thực phẩm, chỗ ở, phương tiện đi lại, giải trí, v.v… vẫn tồn tại như trước. Cái biến mất là khả năng phối hợp các hoạt động của chúng ta và khả năng tập hợp các nỗ lực chung. Chúng ta vẫn có thể hình dung ra được một sân bay mới, nhưng chúng ta không thể xây dựng nó. Ma thuật kỳ diệu mà có thể biến lời tuyên bố "Một sân bay sẽ được xây dựng ở đây" thành một thực tại vật chất đã mất đi sức mạnh của nó. Bàn tay, trí óc con người, và máy móc vẫn giữ nguyên khả năng của chúng, tuy nhiên chúng ta không thể làm được những gì chúng ta đã từng có thể làm. Cái duy nhất thay đổi ở đây là nhận thức của chúng ta.

Do đó, chúng ta có thể thấy các khoản cứu trợ, nới lỏng định lượng[6], và các biện pháp tài chính khác để cứu nền kinh tế là những biện pháp quản lý nhận thức, nhưng ở mức độ sâu sắc và ít có ý thức hơn. Bởi vì cuối cùng

thì tiền là gì? Tiền chỉ là một thỏa thuận xã hội, một câu chuyện ấn định ý nghĩa và các vai trò. Định nghĩa kinh điển về tiền – phương tiện trao đổi, đơn vị đo lường giá trị và phương tiện tích lũy – mô tả những chức năng của tiền, nhưng không nhắc tới tiền *là* gì. Về mặt vật chất, hiện tại nó gần như chẳng là cái gì. Về mặt xã hội, nó gần như là tất cả mọi thứ: là tác nhân chính cho sự phối hợp hoạt động của con người và cho sự tập hợp ý định tập thể của con người.

Việc chính phủ triển khai hàng nghìn tỉ đô la cũng không khác mấy so với những câu nói trống rỗng của họ trước kia. Thực chất, cả hai đều chỉ là hành động thao túng nhiều loại biểu tượng khác nhau và cả hai đều thất bại vì một lý do giống nhau: câu chuyện mà nó cố gắng kéo dài đã đến hồi kết. Cái mà chúng ta từng cho là trạng thài bình thường đã không bền vững.

Nó không bền vững ở hai cấp độ. Cấp độ "bình thường" thứ nhất là kim tự tháp nợ, tức sự gia tăng theo cấp số nhân của tiền mà chắc chắn sẽ vượt xa nền kinh tế thực. Giải pháp ở mức độ này là cái mà các nhà kinh tế học tự do (thường tự nhận là người theo chủ nghĩa Keynes) đề xuất: tái phân phối tài sản, kích thích tài chính, xóa nợ, và vân vân. Thông qua những điều này, họ hy vọng tái kích thích tăng trưởng kinh tế – trạng thái "bình thường" thứ hai cũng đang kết thúc.

THỬ THÁCH BƯỚC NGOẶT CỦA NHÂN LOẠI

Câu chuyện mà đang kết thúc trong thời đại của chúng ta có nguồn gốc sâu xa hơn câu chuyện về tiền tệ nhiều. Tôi gọi câu chuyện này là Sự thăng tiến của Nhân loại. Đây là câu chuyện về sự phát triển bất tận, và hệ thống tiền tệ của chúng ta ngày nay là một hiện thân của câu chuyện đó, nó cho phép và thúc đẩy sự chuyển đổi những gì thuộc phạm vi tự nhiên thành những thứ thuộc phạm vi con người. Nó bắt đầu từ nhiều thiên niên kỉ trước, khi con người lần đầu tiên biết chế ngự lửa và tạo ra các công cụ; nó tăng nhanh hơn khi chúng ta áp dụng những công cụ này để thuần hóa động vật và thực vật và bắt đầu chinh phục tự nhiên, để biến thế giới thuộc về riêng chúng ta. Nó đạt đến đỉnh cao vinh quang trong thời đại của Máy móc, khi chúng ta tạo ra một thế giới hoàn toàn nhân tạo, khai thác tất cả các sức mạnh của thiên nhiên và tưởng tượng rằng mình là chúa tể và chủ

sở hữu của nó. Và bây giờ, câu chuyện đó đang dần đi đến hồi kết như sự chứng ngộ không thể tránh khỏi bắt đầu ló rạng: câu chuyện này không hề đúng. Dù cho chúng ta giả vờ như nào, nhưng thế giới không thực sự là của chúng ta; dù chúng ta ảo tưởng như nào, nhưng chúng ta thực sự không kiểm soát được nó. Khi những hậu quả không mong đợi của công nghệ tăng lên, khi cộng đồng và sức khỏe của chúng ta cũng như nền tảng sinh thái của nền văn minh xuống cấp, khi chúng ta khám phá những chiều sâu mới của khổ đau, bạo lực và lãnh cảm, chúng ta bước vào các giai đoạn cuối cùng của câu chuyện: khủng hoảng, cao trào, và kết thúc. Các nghi lễ của người kể chuyện của ta hết hiệu quả. Không có câu chuyện nào có thể tồn tại vượt quá hồi kết của nó.

Cũng như cuộc sống không kết thúc ở tuổi thiếu niên, sự tiến hóa của nền văn minh cũng không dừng lại với sự kết thúc tăng trưởng. Chúng ta đang ở giữa sự chuyển tiếp tương tự như sự chuyển tiếp từ thời niên thiếu sang thời kì trưởng thành. Sự tăng trưởng về thể chất chấm dứt, và các nguồn lực quan trọng quay trở vào trong để thúc đẩy tăng trưởng ở các phạm vi khác.

Dù ở mức độ cá nhân hay mức độ nhân loại, quá trình chuyển đổi từ tuổi thơ ấu sang tuổi trưởng thành được đánh dấu bởi hai bước phát triển quan trọng. Thứ nhất là khi chúng ta biết yêu, và mối quan hệ yêu thương này khác với mối quan hệ giữa đứa trẻ với người mẹ. Thời thơ ấu, khía cạnh chính của mối quan hệ yêu thương là khía cạnh tiếp nhận. Tôi sẵn sàng cho con mình tất cả những gì có thể, và tôi muốn chúng nhận những điều đó một cách vô tư thoải mái. Lẽ đương nhiên là một đứa trẻ sẽ làm những điều cần làm để phát triển, cả về thể chất và tinh thần. Một người cha/mẹ tốt sẽ cung cấp các nguồn lực cần thiết cho sự tăng trưởng này, như Mẹ Trái Đất đã làm cho chúng ta.

Cho đến nay, con người chúng ta vẫn đang là con cái trong mối quan hệ với trái đất. Chúng ta bắt đầu từ trong giai đoạn tồn tại săn bắt hái lượm, lúc đó chúng ta không hề phân biệt giữa con người và thiên nhiên, nhưng lại được bao bọc trong thiên nhiên. Một đứa trẻ sơ sinh không có sự phân biệt rõ ràng giữa bản thân và người khác, nhưng cần thời gian để hình thành nên danh tính, cái tôi và học được rằng thế giới không phải là sự

phình to của bản ngã. Toàn thể loài người đã và đang là như vậy. Trong khi những người săn bắt hái lượm không hề có khái niệm "thiên nhiên" tách biệt với "con người", thì những người làm nông nghiệp – người kiếm sống dựa vào sự khách quan hóa và thao túng thiên nhiên – đã nghĩ đến thiên nhiên như một hạng mục tách biệt với con người. Trong thời khai sinh của nền văn minh nông nghiệp, nhân loại đã phát triển bản sắc riêng và khiến nó lớn lên nhiều. Chúng ta đã có sự phát triển vượt bậc ở thời thiếu niên với nền công nghiệp, và về mặt tâm lí được tiến vào thông qua khoa học Descartes, thì sự chia cắt lên đến đỉnh điểm, sự phát triển bản ngã và tính siêu lý lẽ của thiếu niên (giống như nhân loại trong Thời kỳ Khoa học) hoàn thành giai đoạn phát triển nhận thức, được biết đến như "các hoạt động chính thức, bao gồm việc thao túng những khái niệm trừu tượng. Tuy nhiên, tương tự với dương cực thì sinh âm, thì sự chia cắt lên đến đỉnh điểm cũng chứa đựng hạt mầm của thứ sẽ tới ngay sau đó: sự tái hợp nhất.

Ở tuổi vị thành niên, chúng ta bắt đầu yêu, và thế giới lý trí và sự ích kỷ hoàn hảo của chúng ta tan vỡ khi cái tôi mở rộng để ôm lấy người mà chúng ta yêu trong vòng tay của nó. Một mối quan hệ yêu thương mới mẻ xuất hiện, trong đó chúng ta không chỉ biết nhận mà còn biết cho đi và cùng nhau sáng tạo nữa. Là một cá nhân đã tách biệt hoàn toàn khỏi Người khác, chúng ta có thể bắt đầu yêu thương trở lại và trải nghiệm một sự tái hợp lớn hơn cả sự hợp nhất ban đầu, vì trong đó chứa toàn bộ hành trình của sự chia cắt.

Sự thức tỉnh đại chúng đầu tiên của nhận thức tình yêu mới diễn ra trong những năm 1960 với sự ra đời của phong trào bảo vệ môi trường. Ở đỉnh điểm của sự chia cắt của chúng ta, nhìn lại công cuộc chinh phục thiên nhiên một cách đắc thắng của chúng ta, thì ta bắt đầu để ý mẹ thiên nhiên đã cho đi nhiều thế nào; chúng ta bắt đầu nhận thức được những nỗi đau, những vết thương của mẹ, và chúng ta bắt đầu mong muốn không chỉ lấy đi từ trái đất, mà còn cống hiến cho trái đất, bảo vệ và nâng niu trái đất nữa. Mong muốn này không dựa trên nỗi sợ tuyệt chủng – điều đó đến sau – mà dựa trên tình yêu. Chúng ta đang phải lòng với trái đất. Trong thập kỷ đó, những bức ảnh đầu tiên của trái đất được chụp từ ngoài không gian bởi các vệ tinh, và chúng ta bị chuyển hóa bởi vẻ đẹp của hành tinh này. Nhìn trái đất từ bên ngoài là bước cuối cùng của sự tách biệt khỏi thiên nhiên,

khi các phi hành gia rời trái đất và bay ra ngoài vũ trụ. Và họ cũng phải lòng với trái đất. Đây là lời của phi hành gia Rusty Schweickart:

> *Nhìn từ mặt trăng, Trái Đất thật nhỏ bé và mong manh, nó như một cái đốm bé xíu kì diệu trong Vũ trụ mà có thể bị che khuất bởi ngón tay cái của bạn. Rồi bạn nhận ra rằng cái đốm đó, cái thứ nhỏ bé màu xanh xanh trắng trắng đó, chứa đựng tất cả mọi thứ có ý nghĩa đối với bạn – tất cả lịch sử, âm nhạc, thơ ca, nghệ thuật, cái chết, sự sống, tình yêu, nước mắt, niềm vui, trò chơi, tất thảy đều ở trên cái đốm nhỏ mà bạn có thể dùng ngón tay để che đi đó. Và bạn nhận ra rằng từ góc nhìn đó bạn đã thay đổi mãi mãi, rằng có một điều gì đó mới mẻ ở đây, rằng mối quan hệ của bạn với trái đất đã không còn như xưa nữa.*

Dấu mốc thứ hai của quá trình chuyển đổi sang tuổi trưởng thành là một cuộc thử thách. Các nền văn hóa bộ lạc thời xưa tổ chức nhiều buổi lễ và nhiều cuộc thử thách sắp trưởng thành, với mục đích phá vỡ danh tính cá nhân của các thiếu niên thông qua sự cô lập, đau đớn, nhịn ăn, các loại cây tạo ảo giác, hoặc các công cụ khác, và sau đó xây dựng lại và gộp cái danh tính nhỏ bé đó vào với một cái danh tính chung lớn hơn và siêu việt hơn. Mặc dù chúng ta tìm đến các thử thách này một cách trực giác thông qua rượu, ma túy, tham gia bè nhóm và quân đội v.v…, thì nam thanh nữ tú hiện đại thường chỉ có những trải nghiệm mang tính cục bộ của quá trình này, điều này khiến chúng ta mãi mãi ở trong thời thiếu niên mà chỉ kết thúc khi số phận can thiệp để xé toạc thế giới cũ của chúng ta thành nhiều mảnh. Rồi sau đó chúng ta sẽ gia nhập vào một bản ngã lớn hơn, trong đó cho đi cũng tự nhiên như nhận lại. Hoàn thành sự chuyển tiếp đến trưởng thành, một người đàn ông hay phụ nữ có toàn quyền nắm giữ các tài năng của mình và dùng chúng để cống hiến cho lợi ích toàn thể như một thành viên trưởng thành của bộ lạc.

Hiện nay nhân loại đang trải qua một thử thách tương tự. Nhiều cuộc khủng hoảng tới với chúng ta là một thử thách mà thách thức cách chúng ta nhìn nhận bản thân, một thử thách mà không có gì đảm bảo là chúng ta sẽ sống sót qua được nó. Nó kêu gọi những năng lực chưa bao giờ được khám phá và buộc chúng ta phải thay đổi mối liên hệ của mình với thế giới. Sự tuyệt vọng mà những người nhạy cảm cảm thấy khi đối mặt với

cuộc khủng hoảng là một phần của cuộc thử thách.[7] Như một khởi xướng trong bộ lạc, khi chúng ta (với tư cách một giống loài) nổi lên từ đó, chúng ta cũng sẽ tham gia cộng đồng của toàn thể như một thành viên trưởng thành của "bộ lạc" cuộc sống. Với năng lực độc nhất về công nghệ và văn hóa của chúng ta, chúng ta sẽ dùng để góp phần đem lại lợi ích cho tất cả.

Trong thời thơ ấu của nhân loại, một hệ thống tiền bạc mà là hiện thân và mưu cầu sự tăng trưởng (ngày càng lấy đi nhiều hơn từ trái đất) có lẽ cũng hợp lí. Đó là một phần không thể tách rời của câu chuyện về sự Thăng tiến. Ngày nay nó lại nhanh chóng trở nên lỗi thời. Nó không phù hợp với tình yêu trưởng thành, với mối quan hệ hợp tác đồng sáng tạo, và với việc tốt nghiệp trở thành gia sản cả "Người cho đi" khi trưởng thành. Đó là lý do tại sao không cải cách tài chính hoặc kinh tế nào có thể hoạt động hiệu quả nếu nó không đưa ra một kiểu tiền mới. Kiểu tiền mới này phải chứa đựng một câu chuyện mới, một câu chuyện mà trong đó chúng ta coi thiên nhiên không chỉ là mẹ mà còn là người yêu nữa. Chúng ta vẫn cần có tiền trong một thời gian dài bởi vì chúng ta cần những biểu tượng kỳ diệu để cụ thể hóa Câu chuyện về Con người, để áp dụng nó vào thế giới vật chất như một khuôn mẫu sáng tạo. Tính chất cơ bản của tiền sẽ không thay đổi: dù là tiền mặt hay tiền điện tử, nó vẫn chứa những bùa chú ma thuật mà thông qua nó chúng ta sẽ phân công vai trò, tập hợp mục đích, và điều phối hoạt động của con người.

Phần tiếp theo của cuốn sách sẽ bàn về một hệ thống tiền tệ, cũng như nền kinh tế và tâm lý học mà đồng hành cùng nó. Sẽ có một chiều kích cá nhân (một số người có thể gọi là tâm linh) với sự biến hóa của những câu chuyện mà chúng ta đang bước vào. Tiền kèm theo lãi suất nặng ngày nay là một phần của câu chuyện chia cắt, trong đó "nhiều hơn cho tôi là ít hơn cho bạn". Bản chất của lãi suất là: Tôi sẽ chỉ "chia sẻ" tiền với bạn nếu đến cuối tôi có thể nhận lại được nhiều hơn. Ở cấp độ mang tính hệ thống cũng như vậy, lãi suất trên tiền tạo ra sự cạnh tranh, lo lắng, và phân cực giàu nghèo. Trong khi đó, câu nói "nhiều hơn cho tôi là ít hơn cho bạn" vừa là khẩu hiệu của bản ngã, vừa là một điều hiển nhiên đối với cái tôi rời rạc và tách biệt của kinh tế học, sinh học, và triết học hiện đại.

Chỉ khi ý thức bản thân của chúng ta mở rộng để bao gồm những người khác, thông qua tình yêu, thì sự hiển nhiên đó mới được thay thế bởi điều trái ngược: "Nhiều hơn cho bạn cũng là nhiều hơn cho tôi". Đây là chân lý cơ bản trong các lời dạy tâm linh đích thực trên toàn thế giới, từ Quy tắc vàng của Chúa Jesus (mà đã bị hiểu sai và nên được hiểu là "Khi bạn làm cho người khác, bạn cũng đang làm cho chính mình") đến học thuyết Phật giáo về nghiệp quả. Tuy nhiên, chỉ đơn thuần hiểu và đồng thuận với những lời dạy này là không đủ; nhiều người trong chúng ta thước có một sự chia cắt giữa những điều chúng ta tin và cách chúng ta sống. Một sự chuyển hóa thực sự về cách chúng ta trải nghiệm *sống* là cần thiết, và sự chuyển hóa đó thường xảy ra theo cách gần tương tự như quá trình chuyển hóa tập thể đang diễn ra: thông qua sự sụp đổ của Câu chuyện cũ về Cái Tôi và Thế giới, và sự ra đời của một Câu chuyện mới. Bởi cái tôi suy cho cùng cũng là một câu chuyện có khởi đầu và kết thúc. Đã bao giờ bạn có một trải nghiệm mà sau trải nghiệm đó, bạn hầu như không biết mình là ai nữa chưa?

Khi cái tôi đã trưởng thành và cảm nhận được sự liên kết của mình với vạn vật, sẽ có một sự cân bằng giữa cho và nhận. Tại trạng thái đó, dù bạn là một con người hay là một giống loài, bạn sẽ cho đi dựa trên khả năng của bạn và (được kết nối với những chủ thể khác với tâm hồn đồng điệu) nhận dựa trên nhu cầu của mình.

Không phải trùng hợp mà tôi vừa mới diễn giải một giáo lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội, "Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu". Đây là một sự lột tả tốt về bản chất của bất kỳ mạng lưới quà tặng nào, dù mạng lưới đó là một cơ thể con người, một hệ sinh thái, hay văn hóa quà tặng trong các bộ lạc. Đây cũng là một cách mô tả tốt về nền kinh tế thiêng liêng mà tôi sẽ miêu tả sau. Trong nền kinh tế thiêng liêng, tiền sẽ phục vụ Câu chuyện mới về Con người, về Cái tôi và về Thế Giới rất khác với hệ thống tiền kèm theo lãi suất nặng. Tiền sẽ mang tính tuần hoàn theo chu kỳ chứ không phát triển theo cấp số nhân, nó luôn quay trở lại nguồn gốc ban đầu của nó; nó khuyến khích bảo vệ và làm phong phú thiên nhiên, chứ không vắt kiệt tài nguyên thiên nhiên; nó định nghĩa lại sự giàu có dựa trên sự hào phóng của một người chứ không phải trên số tài sản mà người đó tích lũy được; nó biểu thị sự trù phú chứ không phải sự khan hiếm. Nó có khả năng

tái tạo hoạt động cho và nhận quà của các xã hội nguyên thủy trên quy mô toàn cầu, sản sinh ra các khả năng mới của nhân loại và hướng các khả năng đó vào mục đích phục vụ các nhu cầu của hành tinh.

Tôi nhớ hồi còn là thiếu niên đã từng đọc cuốn *Atlas Shrugged* của Ayn Rand, trong đó các nhân vật đen và trắng, siêu lý lẽ, và theo chủ nghĩa tuyệt đối về luân lí đã cuốn hút mạnh mẽ bộ óc trưởng thành của tôi. Cuốn sách là một bản tuyên ngôn của cái tôi rời rạc và tách biệt, bản ngã vụ lợi ích kỉ, và cho đến nay nó vẫn cuốn hút nhiều người trẻ tuổi. Cuốn sách tập trung vào việc châm chọc một cách chua xót câu nói "làm theo khả năng và hưởng theo nhu cầu", vẽ lên một bức tranh về những người ganh đua nhau trong việc tỏ ra là mình khó khăn thiếu thốn để được nhận phần hơn, trong khi đó các nhà sản xuất lại chẳng có chút động lực nào để sản xuất. Kịch bản này, chắc chắn là ở mức độ nào đó đã diễn ra trong khối Cộng sản, phản ánh một nỗi sợ hãi căn bản về sự khan hiếm của cái tôi hiện đại – cái tôi hiện đại bị điều kiện hóa – sẽ ra sao nếu tôi cho đi mà không nhận lại được gì? Mong muốn có sự đảm bảo được đền đáp này, hay một khoản đền bù khi đánh liều sự hào phóng, là tâm lí nền tảng của lợi ích – một kiểu tâm lí vị thành niên mà sẽ thay đổi bằng một cái tôi trưởng thành mở rộng hơn mà đã chín muồi để thực sự đóng góp vào cộng đồng sự sống. Chúng ta ở đây để biểu lộ các món quà (tài năng) của mình; đó là một trong số những mong ước sâu xa nhất của chúng ta, và chúng ta không thể sống trọn vẹn nếu không làm vậy.

Hầu hết nhu cầu đã bị tiền tệ hóa, trong khi lượng lao động cần thiết để đáp ứng những nhu cầu đó đang giảm xuống. Do đó, để tài năng con người được biểu lộ một cách trọn vẹn, sự dư thừa trong khả năng sáng tạo của con người nên đổi hướng sang các hoạt động khác, hướng đến các nhu cầu hoặc mục đích mà không thân thiện với tiền của sự Chia cắt. Bởi không nghi ngờ gì nữa, cỗ máy Tiền đã và vẫn đang tiếp tục phá hủy rất nhiều điều tốt đẹp – cả hàng hóa công cộng mà không thể bị biến thành tư hữu. Ví dụ như: một bầu trời đêm đầy sao không bị ô nhiễm ánh sáng; một vùng nông thôn yên ả không có tiếng ồn xe cộ; nền kinh tế đô thị đa văn hóa sôi động; các sông, hồ và biển không bị ô nhiễm; nền tảng sinh thái cho nền văn minh loài người. Nhiều người trong chúng ta có tài năng cho tất cả những thứ này, nhưng sẽ chẳng ai trả công để chúng ta cống hiến tài năng.

Đó là bởi vì hệ thống tiền tệ như chúng ta biết dựa trên việc chuyển đổi các tài sản công cộng thành tài sản tư nhân. Loại tiền mới sẽ khuyến khích điều ngược lại, và mâu thuẫn giữa lý tưởng của chúng ta với thực tế tài chính thực tế sẽ kết thúc.

Tiền kèm theo lãi suất nặng là tiền của tăng trưởng, và nó phù hợp cho giai đoạn phát triển của nhân loại trên trái đất và cho câu chuyện về sự thăng tiến, thống trị và làm chủ của con người. Giai đoạn tiếp theo sẽ dành cho mối quan hệ hợp tác cùng sáng tạo với trái đất. Câu chuyện Con người dành cho giai đoạn mới này đang hình thành ngay lúc này. Những người đan dệt nên câu chuyện là những người có tầm nhìn trong các lĩnh vực như nông nghiệp bền vững, y học toàn diện, năng lượng tái tạo, cải tạo sinh học bằng nấm, tiền tệ địa phương, công lý phục hồi, nuôi dạy con cái gắn bó, và hàng triệu lĩnh vực khác. Để xóa bỏ những thiệt hại mà Kỉ nguyên Lãi suất nặng đã gây ra cho thiên nhiên, văn hóa, sức khỏe, và tinh thần, sẽ đòi hỏi mọi tài năng tạo nên con người chúng ta, và yêu cầu không thể thiếu những món quà đó phát triển lên một cấp độ mới.

Điều này có vẻ ngây thơ, mơ hồ, và lý tưởng một cách vô vọng. Tôi đã rút ra một số logic trong cuốn *The Ascent of Humanity* và sẽ nói chi tiết hơn trong nửa sau của sách này. Bây giờ, hãy cân nhắc những tiếng nói của lý tưởng và sự hoài nghi đang đấu tranh trong bạn, và hãy tự hỏi bản thân: "Tôi có thể chịu đựng để ổn định với những điều kém hơn thế này hay không?" Bạn có thể chịu đựng để chấp nhận một thế giới càng ngày càng xấu xí hay không? Bạn có chịu tin rằng sự xấu xí đó là không thể tránh khỏi hay không? Bạn không thể! Một niềm tin như vậy sẽ chậm rãi nhưng chắc chắn sẽ giết chết linh hồn bạn. Cái đầu thích chủ nghĩa hoài nghi, thích sự thoải mái và an toàn của nó, và không dám tin vào bất kì điều gì phi thường, nhưng con tim thì khác; nó kêu gọi chúng ta đến với cái đẹp, và chỉ khi lắng nghe theo lời kêu gọi của nó thì chúng ta mới dám sáng tạo nên một Câu chuyện Con người mới.

Chúng ta đang ở đây để tạo ra một cái gì đó đẹp đẽ; tôi gọi đó là "thế giới đẹp hơn mà trái tim chúng ta mách bảo là có thể". Khi chân lí này ngấm càng ngày càng sâu trong chúng ta, và khi sự hội tụ của các cuộc khủng hoảng đẩy chúng ta ra khỏi thế giới cũ, chắc chắn ngày càng nhiều người

sẽ sống bằng chân lí đó: chân lý nhiều hơn cho bạn không có nghĩa là ít hơn cho tôi; chân lý rằng điều tôi làm cho bạn cũng là cho tôi; chân lý rằng sống để cho đi những gì bạn có thể và lấy những gì bạn cần. Chúng ta có thể bắt đầu ngay từ bây giờ. Chúng ta sợ, nhưng khi chúng ta thực sự sống như vậy, thế giới sẽ đáp ứng nhu cầu của chúng ta và còn hơn thế nữa. Rồi chúng ta sẽ thấy câu chuyện về Sự chia cắt, mà được biểu hiện trong hệ thống tiền tệ mà chúng ta vẫn biết, không đúng và chưa bao giờ đúng. Tuy nhiên, mười thiên niên kỷ vừa qua không phải là vô ích. Đôi khi chúng ta cần phải sống trên sự sai lầm đến cùng cực trước khi sẵn sang bước tiếp tới sự thật. Lời nói dối về sự chia cắt trong kỷ nguyên lãi suất nặng đã kết thúc. Chúng ta đã khám phá mọi ngóc ngách của nó, đã chạm tới các thái cực của nó, đã thấy rõ tất cả những thứ nó mang lại: các sa mạc và các nhà tù, các trại tập trung và các cuộc chiến tranh, sự lãng phí những cái tốt, cái thật, và cái đẹp. Giờ đây, những năng lực mà chúng ta đã phát triển trong suốt hành trình thăng tiến đó sẽ rất có ích cho Kỉ nguyên Tái Hợp sắp tới.

PHẦN II:
KINH TẾ HỌC TÁI HỢP

Khi khoảng thời gian của sự chia cắt đi đến hồi kết và chúng ta tái hòa hợp với tự nhiên, thì thái độ của chúng ta đối với chủ nghĩa con người ngoại lệ với luật tự nhiên cũng dần kết thúc. Trong hàng thập kỷ, phong trào môi trường đã nói với chúng ta: "Chúng ta không là ngoại lệ với luật tự nhiên". Càng ngày, chúng ta càng trải nghiệm sự thật này một cách nhanh chóng và đau đớn. Đứa trẻ nhận từ người mẹ một cách hạnh phúc mà không màng tới sự hi sinh lẫn cơn đau của bà và chúng ta cũng lấy từ trái đất trong suốt thời sơ khai đằng đẵng của loài người. Hệ thống tiền tệ của chúng ta, hay tư tưởng kinh tế của chúng ta, dù tốt hơn hay tệ hơn đã trở thành tác nhân của việc chiếm đoạt đó. Bây giờ, khi mối quan hệ của chúng ta với trái đất chuyển sang mối quan hệ yêu thương, chúng ta nhận thức sâu sắc tác hại mà chúng ta đang gây ra. Trong một mối quan hệ hợp tác lãng mạn, những gì bạn làm cho đối phương của bạn sẽ trả lại cho bạn; nỗi đau của cô ấy chính là nỗi đau của bạn.

Và, do đó, khi nhân loại đối mặt với thử thách sắp tới của các cuộc khủng hoảng hiện tại và sự chuyển tiếp lên thời trưởng thành, thì một hệ thống kinh tế mới đang hiện diện, hệ thống này sẽ biểu hiện danh tính con người mới của cái tôi kết nối, sống trong mối quan hệ hợp tác đồng sáng tạo với Trái Đất. Hệ thống kinh tế và hệ thống tiền tệ của chúng ta sẽ không còn là những tác nhân của sự chiếm đoạt, sự bóc lột, sự bành trướng của cái tôi tách biệt. Thay vào đó, chúng sẽ trở thành các tác nhân của sự cho đi, sáng tạo, phục vụ, và trù phú. Những chương tiếp theo miêu tả những yếu tố của nền kinh tế thiêng liêng này. Tất cả các yếu tố đều đã hiển hiện, ẩn mình ở trong các định chế cũ, và thậm chí còn sinh ra từ chúng. Vì đây không phải là một cuộc cách mạng theo nhận thức cũ, tức một cuộc thanh trừng, một cơn càn quét cái cũ; đúng hơn nó là một sự chuyển dịch. Thời kỳ Tái hợp

đã manh nha từ lâu bên trong các định chế của Sự chia cắt. Ngày nay, nó đang bắt đầu xuất hiện.

CHƯƠNG 9:
CÂU CHUYỆN VỀ GIÁ TRỊ

Đó là một câu chuyện cũ mà không còn đúng nữa… Bạn biết đấy, sự thật có thể vượt ra khỏi những câu chuyện. Điều gì từng là thật nay đã trở nên vô nghĩa, thậm chí cả một lời nói dối, vì sự thật đã đi vào một câu chuyện khác. Dòng nước của mùa xuân đã dâng lên ở một chốn khác.

– Ursula K. Le Guin

Tiền đã gắn bó chặt chẽ với những câu chuyện định nghĩa nền văn minh của chúng ta: về cái tôi và về nhân loại nói chung. Nó là một phần và là mảnh đất của hệ tư tưởng và cơ chế của sự phát triển, "sự thăng tiến của nhân loại" đối với sự thống trị của hành tinh; nó cũng đã đóng một vai trò trung tâm trong việc làm tan biến sự kết nối của chúng ta với thiên nhiên và cộng đồng. Khi những câu chuyện này sụp đổ, và khi chiều kích tiền tệ của chúng sụp đổ một cách nhanh chóng, chúng ta đã có cơ hội thấm nhuần tiền với các thuộc tính của những câu chuyện mới, những câu chuyện sẽ thay thế chúng: cái tôi kết nối, tồn tại trong mối quan hệ hợp tác đồng sáng tạo với Trái đất. Nhưng làm thế nào để đưa tiền vào một câu chuyện?

Trong lịch sử vài nghìn năm của nó, tiền đã trải qua một cuộc tiến hóa ngày càng nhanh về hình thức. Giai đoạn đầu tiên là tiền hàng hóa – ngũ cốc, dầu, gia súc, kim loại, và nhiều thứ khác – có chức năng như một phương tiện trao đổi mà không sở hữu bất kỳ giá trị ủy thác nào. Giai đoạn này kéo dài vài thiên niên kỷ. Giai đoạn tiếp theo là tiền đúc, cái đã bổ sung giá trị ủy thác vào giá trị kim loại nội tại của bạc và vàng. Tiền bao gồm hai thành phần: một là vật liệu và hai là tính biểu tượng.

Một điều khá tự nhiên là cuối cùng tính biểu tượng cũng sẽ tách rời khỏi kim loại, đó là chuyện đã xảy ra với sự ra đời của tiền tín dụng vào thời Trung cổ hay thậm chí trước đó. Ở Trung Quốc, tờ tiền giấy đầu tiên (thực

ra là một loại hối phiếu ngân hàng) đã được sử dụng vào thế kỷ 9 và được lưu hành tới tận Ba Tư.[1] Trong thế giới Ả Rập, một hình thức séc cũng được sử dụng rộng rãi vào thời điểm đó. Các thương nhân người Ý đã sử dụng các hóa đơn trao đổi sớm nhất là vào thế kỷ 12, một hình thức lan truyền nhanh chóng và được tiếp nối vào thế kỷ 16 và 17 bởi ngân hàng dự trữ một phần.[2] Đây là một sự đổi mới lớn, vì nó đã giải phóng nguồn cung tiền từ nguồn cung kim loại và cho phép nó phát triển một cách tự nhiên để đáp ứng với hoạt động kinh tế. Việc tách tiền từ kim loại đã diễn ra dần dần. Trong kỷ nguyên ngân hàng dự trữ một phần – một giai đoạn kéo dài vài thế kỷ, tiền giấy ngân hàng vẫn còn được hỗ trợ bởi kim loại ít nhất là trên lý thuyết.

Ngày nay, khi thời đại của ngân hàng dự trữ một phần đã kết thúc, và tiền đã trở thành dạng tín dụng thuần túy. Điều này đã không được công nhận rộng rãi. Nhiều nhà chức trách, bao gồm hầu hết các sách giáo khoa kinh tế và chính bản thân Cục Dự trữ Liên bang,[3] vẫn duy trì sự giả vờ rằng dự trữ là một yếu tố hạn chế trong việc tạo ra tiền, nhưng trên thực tế, chúng hầu như không bao giờ là như vậy.[4]

Các hạn chế thực sự của ngân hàng đối với việc tạo ra tiền là tổng số vốn của họ và khả năng của họ trong việc tìm kiếm những người vay sẵn sàng, đáng tin cậy – đó là những người có tiềm năng thu nhập không cam kết hoặc các tài sản để sử dụng làm tài sản thế chấp. Nói cách khác, các thỏa thuận xã hội chi phối việc tạo ra tiền, trong đó chủ yếu là phát ngôn, được mã hóa thành lãi suất, rằng số tiền đó sẽ dành cho những người sẽ kiếm được nhiều tiền hơn trong tương lai. Tiền tệ ngày nay, như tôi sẽ giải thích, được chống lưng bởi tăng trưởng; khi tăng trưởng chậm lại giống như điều đang xảy ra, toàn bộ tòa tháp tài chính bắt đầu sụp đổ.

Tiền, thứ được phát triển song song với công nghệ, phải chịu những lỗ hổng tương tự. Mỗi thứ đều chịu một sự ép buộc không ngừng phải phát triển: công nghệ là vì ý thức hệ của sửa chữa công nghệ, sử dụng nhiều công nghệ hơn để khắc phục các vấn đề gây ra bởi công nghệ hiện có; tiền thì vì động lực học lãi suất mà như tôi đã mô tả, phát hành thêm nợ để trả lãi cho khoản nợ hiện có. Sự song song là khá chính xác. Một điểm tương đồng khác là mỗi thứ đã chiếm đoạt đúng các miền thuộc về các phương

thức quan hệ khác. Nhưng trong cả hai trường hợp, tôi không ủng hộ việc quay lại lịch sử. Cả công nghệ và tiền bạc đã phát triển đến các hình thức hiện tại của chúng, tôi tin rằng, là có mục đích; tiền tín dụng là mục đích cuối cùng tự nhiên của quá trình tiến hóa tiền tệ hướng tới ủy thác thuần túy, thỏa thuận thuần túy. Khi đã đến được đích đó, chúng ta có thể tự do thực hiện thỏa thuận đó một cách có mục đích. Chúng ta giống như một người trưởng thành (đã phát triển năng lực thể chất và tinh thần của mình thông qua những trò chơi thời thơ ấu) giờ đã sẵn sàng để hướng những năng lực đó đi theo mục đích thực sự của chúng.

Một số nhà quan sát, nhìn thấy hậu quả tai hại của các loại tiền tệ dựa trên tín dụng ngày nay, ủng hộ việc quay trở lại những ngày xưa cũ tốt đẹp của các loại tiền tệ được hỗ trợ bởi một thứ gì đó hữu hình, như vàng chẳng hạn. Họ cho rằng tiền tệ được hỗ trợ bởi hàng hóa sẽ là phi lạm phát hoặc sẽ loại bỏ sự ép buộc cho tăng trưởng vô tận. Tôi nghĩ rằng một số trong số những người ủng hộ "tiền tệ cứng" hay "tiền thật" này đang tập trung vào một mong muốn chính thống để trở về những ngày đơn giản hơn, khi mọi thứ là chính nó. Khi chia thế giới thành hai hạng mục: thực tế khách quan và thông thường, họ tin rằng tiền tín dụng là một ảo ảnh, một lời nói dối, mà chắc chắn sẽ phải sụp đổ theo mỗi chu kỳ phá sản. Trên thực tế, sự phân đôi này tự nó là một ảo ảnh, một cấu trúc phản ánh những thần thoại sâu sắc hơn – giống như học thuyết về tính khách quan trong vật lý học – cũng đang bị phá vỡ trong thời đại chúng ta.

Sự khác biệt giữa một loại tiền tệ không được hỗ trợ và loại tiền tệ được hỗ trợ là không lớn như người ta nghĩ. Về bề ngoài, chúng có vẻ rất khác nhau: loại tiền tệ được hỗ trợ lấy giá trị của nó từ một thứ gì đó có thật, trong khi loại tiền tệ không được hỗ trợ có giá trị chỉ bởi mọi người đồng ý là như vậy. Đây là một sự phân biệt sai lầm: trong cả hai trường hợp, cuối cùng, cái mang lại giá trị tiền bạc là câu chuyện xung quanh nó, một tập hợp các quy ước xã hội, văn hóa, và pháp lý.

Tại thời điểm này, những người ủng hộ "tiền thật" hay tiền tệ được ủng hộ có thể phản đối: "Không, vấn đề là: loại tiền được hỗ trợ lấy giá trị từ hàng hóa cơ bản, không phải từ các thỏa thuận".

Thật sai lầm!

Trước tiên chúng ta hãy xem xét ví dụ tiêu chuẩn về những gì những người ủng hộ gọi là "tiền thật": đồng xu vàng và bạc nguyên chất. Theo họ, chúng có giá trị, bởi vì hàng hóa mà chúng được làm ra từ có giá trị. Chính nguồn gốc về giá trị của chúng, và các dấu hiệu trên chúng là một sự đảm bảo, mang lại sự tự tin về trọng lượng và độ tinh khiết của chúng. Nhưng bất chấp hoài niệm về tiền thật thời xưa, về mặt lịch sử, nhiều đồng tiền vàng và bạc không khớp mô tả này, nhưng nó vẫn chứa một giá trị mà vượt quá giá trị hàng hóa của nó (xem Chương 3). Nó khác với tiền giấy theo mức độ, chứ không theo bản chất. Tiền giấy và tiền điện tử không phải là một sự tác ra từ tiền kim loại, mà thuộc phần mở rộng của nó.

Để phân tích mức độ phức tạp hơn của vấn đề, "giá trị hàng hóa" là gì? Giống như tiền, tài sản là một công trình xã hội. Sở hữu một thứ gì đó có nghĩa là gì? Sở hữu vật chất chỉ là quyền sở hữu nếu sự chiếm hữu đó là hợp pháp về mặt xã hội; với tính hợp pháp, sở hữu về mặt vật chất thậm chí là không cần thiết. Rốt cuộc, trong thị trường hàng hóa ngày nay, hầu hết các nhà đầu tư không bao giờ phải chạm tay vào những thứ họ mua. Các giao dịch của họ là một tập hợp các nghi thức, thao tác tượng trưng được đầu tư bằng quyền lực thông qua các niềm tin chung. Bản chất tự nhiên của quyền sở hữu không phải là một hiện tượng xuất hiện mới gần đây. Loại tiền nổi tiếng của người dân đảo Yap, những chiếc nhẫn đá khổng lồ quá nặng để có thể mang theo, dù sao cũng có thể thay đổi chủ sở hữu khá dễ dàng khi mọi người đồng ý rằng chủ sở hữu mới cũng vậy. Vàng không bao giờ cần phải rời khỏi kho để trở thành một sự hỗ trợ tiền tệ. *Trong thực tế, nó không bao giờ cần phải rời khỏi vị trí của nó*. Ngay cả khi chúng ta đã áp dụng tiêu chuẩn vàng, hầu hết các giao dịch vẫn sẽ sử dụng giấy hoặc các biểu tượng kỹ thuật số. Chỉ có câu chuyện về việc trao giá trị cho những biểu tượng đó sẽ khác nhau.

Hơn nữa, giá trị của hàng hóa cũng phụ thuộc vào các thỏa thuận xã hội. Điều này đặc biệt đúng với vàng, không giống như các hình thức tiền hàng hóa thuần túy khác như gia súc hoặc lạc đà, vàng có rất ít giá trị thực dụng. Bạn có thể làm đồ trang trí đẹp từ nó, nhưng nó có rất ít tiện ích công nghiệp so với các kim loại quý khác như bạc hoặc bạch kim. Điều đó có

nghĩa là giá trị của vàng phụ thuộc vào quy ước. Điều đó thực sự là một lựa chọn kỳ quặc cho những ai muốn tiền có giá trị độc lập với quy ước, thứ tiền có giá trị "thực tế."

Điều đúng với vàng cũng đúng với các mặt hàng khác. Trong một xã hội có mức độ phân công lao động cao như của chúng ta, tiện ích của hầu hết các mặt hàng phụ thuộc trên một mạng lưới các thỏa thuận xã hội, cũng giống như tiền. Một thỏi sắt thì có ích đến mức nào đối với bạn? Một thùng dầu thô? Một tấn natri hydroxit công nghiệp? Một giạ đậu nành? Ở các mức độ khác nhau, chúng chỉ có giá trị trong bối cảnh một số lượng lớn người thực hiện các vai trò cụ thể và liên quan đến nhau để đưa những thứ đó vào sử dụng. Nói cách khác, hàng hóa, như tiền, cũng có giá trị ủy thác bên cạnh giá trị nội tại của chúng thực sự, khi xem xét kỹ lưỡng, thì sự khác biệt bị phá vỡ gần như hoàn toàn.

Chúng ta hãy cùng suy nghĩ sâu hơn về ý nghĩa của việc tiền được hỗ trợ là gì. Về bề ngoài, nó rất đơn giản. Lấy ví dụ về đồng đô la Mỹ trước năm 1972, nó có nghĩa là, "Bạn có thể mang một đô la tới Cục Dự trữ Liên bang và đổi lấy một phần ba mươi (hoặc bất cứ bao nhiêu phần) của một ounce vàng". Nhưng bức tranh đơn giản này chứa đầy sự phức tạp. Đối với hầu hết người dùng đô la, ngay cả khi nó được cấp phép, việc đi đến kho tiền của Cục Dự trữ Liên bang gần nhất là không khả thi. Theo như tôi biết, vàng hầu như không bao giờ được vận chuyển một cách tự nhiên ngay cả đối với số dư thanh toán giữa các ngân hàng. Vàng của các ngân hàng được giữ trong các ngân hàng Dự trữ Liên bang; quyền sở hữu của họ đối với nó là vấn đề được ghi vào sổ sách, chứ không phải sở hữu vật chất. Hệ thống sẽ hoạt động ngay cả khi không có vàng. Không ai ngoại trừ các ngân hàng ngoại quốc thực sự đổi đô la lấy vàng. Tại sao bất cứ ai lại làm điều đó khi đô la, mà không phải vàng, lại được sử dụng như tiền? Chúng tôi nghĩ rằng đô la (trong thời đại tiêu chuẩn vàng) là có giá trị vì chúng có thể đổi lấy vàng, nhưng ngược lại có lẽ không được đúng lắm, rằng vàng có giá trị vì nó có thể được chuyển đổi thành đô la?

Chúng tôi có xu hướng giả định rằng trong một hệ thống tiền giấy hoặc tiền điện tử được hỗ trợ, tiền hỗ trợ là tiền thật và giấy chỉ là đại diện của nó. Trong thực tế, chính những tờ giấy đó mới là là tiền thật. Sự kết hợp

với vàng của nó là một dự đoán về ý nghĩa, gần như là một công thức ma thuật, cho phép chúng ta tin vào câu chuyện về giá trị. Câu chuyện tạo ra giá trị. Trên thực tế, mọi người không bao giờ có thể đổi tiền giấy của họ để lấy vàng. Nếu có quá nhiều người thử đổi, ngân hàng trung ương có thể (và thường xuyên như vậy) chỉ đơn giản tuyên bố rằng họ sẽ không còn chuộc vàng được nữa.[5] Sự thật giả định về sự chuyển đổi của giấy sang một số lượng X vàng là một công trình, một sự hư cấu thuận tiện, mà phụ thuộc vào một mạng lưới các thỏa thuận xã hội và nhận thức chung.

Tương tự như vậy, trước khi Hoa Kỳ bãi bỏ thỏa thuận Bretton-Woods vào đầu những năm 1970, tiền tệ thế giới đã được chốt bằng đồng đô la Mỹ, và sau đó được chốt bằng vàng. Nếu một quốc gia tích lũy được dự trữ bằng đô la Mỹ, quốc gia đó có thể chuộc lại chúng bằng cách để Cục Dự trữ Liên bang gửi cho nó một vài tấn vàng. Đây không phải là một vấn đề lớn ngay sau Thế chiến II, nhưng vào cuối những năm 1960, gần như toàn bộ dự trữ vàng của Hoa Kỳ đã được chuyển ra nước ngoài, gây nguy cơ phá sản cho Cục. Vì vậy, Hoa Kỳ chỉ đơn giản tuyên bố sẽ không còn mua lại vàng trong hệ thống ngân hàng quốc tế, giống như nó từng ngừng mua lại vàng trong nước khoảng bốn thập kỷ trước đó, điều này tiết lộ tiêu chuẩn vàng như một sự hư cấu thuận tiện.

Tuyên bố rằng tiền được hỗ trợ chẳng khác biệt mấy so với bất kỳ câu thần chú nào khác, ở chỗ nó có được sức mạnh từ niềm tin tập thể của con người. Dù cho nó đúng với vàng như thế nào, nhưng nó còn đúng hơn với các đề xuất phức tạp hơn và gần đây hơn về tiền tệ được hỗ trợ, chẳng hạn như đồng blockchain terra của Bernard Lietaer và các đề xuất gần đây về Quyền rút vốn đặc biệt của IMF, được hỗ trợ bởi một loạt hàng hóa phản ánh hoạt động kinh tế tổng thể. Có một cái lợi trong cách tiếp cận như vậy; thực sự đó là một bước theo hướng tôi hình dung trong cuốn sách này. Nhưng sự hỗ trợ này rõ ràng là một sự hư cấu: sẽ không ai đổi terra của họ lấy giao hàng thực tế – ngay trước cửa nhà họ – của sự kết hợp theo quy định của dầu mỏ, ngũ cốc, tín dụng carbon, thịt bụng lợn, thỏi sắt, và bất cứ điều gì khác nằm trong danh sách. Chưa từng ai cần bất kỳ thứ gì trong những thứ này làm tài sản sở hữu cá nhân của mình. Giá trị của chúng là tập thể, chỉ tồn tại trong một mạng lưới rộng lớn các mối quan hệ kinh tế. Nhưng cũng không sao! Khả năng mua lại trên thực tế thì không cần thiết

đủ điều kiện để được coi là một loại tiền tệ được hỗ trợ. Đúng vậy, sự đồi chác là một sự hư cấu, một câu chuyện, nhưng là những câu chuyện có sức mạnh. Tất cả tiền bạc là một câu chuyện. Chúng ta không có cách nào khác để tạo ra tiền trong một ma trận các câu chuyện. Không có gì mà tôi đã viết lại có thể loại bỏ các loại tiền tệ được hỗ trợ. Nhưng nếu chúng ta chọn một loại tiền được hỗ trợ, chúng ta hãy phải rõ ràng về lý do. Vấn đề không phải là để khiến tiền trở nên "thật" theo kiểu của các loại tiền tệ không được hỗ trợ. Vấn đề là để thấm nhuần tiền với câu chuyện về giá trị mà chúng ta muốn tạo ra.

Câu chuyện về sự hỗ trợ có thể được sử dụng để hạn chế và điều hướng việc tạo ra tiền bạc. Ngày nay, chúng ta giới hạn quyền đó cho các ngân hàng và điều hướng nó bằng động lực lợi nhuận – tiền đi tới những ai mà sẽ kiếm được nhiều tiền hơn từ đó. Dù vậy, nói một cách đúng đắn và theo phương diện lịch sử thì vấn đề của tiền bạc là một chức năng đặc biệt, thiêng liêng, không thể bị từ bỏ một cách nhẹ nhàng. Tiền mang sức mạnh kỳ diệu của dấu hiệu và thể hiện sự thỏa thuận của cả một xã hội. Một phần linh hồn của một xã hội sống trong đó, và sức mạnh để tạo ra nó nên được bảo vệ một cách ganh tị như một pháp sư bảo vệ túi thuốc của mình. Trong tay nhầm người, sức mạnh của nó có thể được sử dụng để biến người khác thành nô lệ. Chúng ta có thể phủ nhận rằng điều đó đã xảy ra ngày nay không? Chúng ta có thể phủ nhận rằng mọi người và toàn bộ các quốc gia đã trở thành nô lệ của những kẻ cho vay tiền hay không?

Chúng ta không chỉ tự nhiên liên kết tiền với sự thiêng liêng, mà bất cứ thứ gì chúng ta sử dụng để kiếm tiền đều có xu hướng *trở nên* thiêng liêng: "Kho báu của bạn ở bất cứ đâu, thì nơi đó cũng sẽ có trái tim của bạn" (Matthew 6:21). Cũng vì thế, người ta đã tôn thờ vàng. Tất nhiên, họ không ủng hộ việc tôn thờ nó, nhưng hành động thì luôn mạnh hơn lời nói. Chính vàng là thứ mà họ thèm muốn, là thứ mà họ hy sinh, là thứ mà họ tôn kính, là thứ mà họ trao cho nó một sức mạnh siêu nhiên và một địa vị thần thánh đặc biệt. Điều tương tự cũng xảy ra với gia súc trong các nền văn hóa buôn bán gia súc và với lúa mì hoặc dầu ô liu trong các nền văn hóa nơi chúng được sử dụng làm tiền hàng hóa. Chúng mang một địa vị thiêng liêng, tách biệt với các loại hàng hóa khác.

Một trăm năm qua đã ngày càng trở thành một kỷ nguyên của tiền tệ không được hỗ trợ, và cũng là thời đại mà không có gì là thiêng liêng. Như tôi đã nói trong phần giới thiệu, nếu ngày nay có gì là thiêng liêng thì đó chính là tiền. Bởi chính tiền có các tính chất mà chúng ta liên kết với tính thần thánh bị thất sủng của thuyết nhị nguyên: tính phổ biến, trừu tượng, phi vật chất, và khả năng can thiệp vào các vấn đề vật chất để tạo ra hoặc phá hủy. Để loại bỏ hoàn toàn thiên tính khỏi vật chất, một lần nữa, chính là việc giữ cho không có gì thiêng liêng – không có gì là thật, không có gì là hữu hình. Tuy nhiên, sự thiếu vắng của thiêng liêng là một ảo ảnh: như nhiều người đã chỉ ra, khoa học đã trở thành một tôn giáo mới, hoàn chỉnh với câu chuyện về vũ trụ học, những giải thích bí ẩn về hoạt động của thế giới nằm trong ngôn ngữ phức tạp, các linh mục và thông dịch viên của họ, hệ thống phân cấp của nó, các nghi thức khởi đầu của nó (ví dụ như bảo vệ luận án tiến sĩ), hệ thống các giá trị của nó, và nhiều hơn nữa. Tương tự, sự vắng mặt hiển hiện của sự hỗ trợ cũng là một ảo ảnh. Tiền tín dụng là (thông qua một loại thỏa thuận xã hội khác với các loại tiền được hỗ trợ rõ ràng, nhưng dù sao cũng là một thỏa thuận) được hỗ trợ bởi toàn bộ hàng hóa và dịch vụ của nền kinh tế và sâu xa hơn là bởi sự tăng trưởng.[6] Được tạo ra như một khoản nợ chịu lãi, giá trị được duy trì của nó phụ thuộc vào sự mở rộng vô tận của phạm vi hàng hóa và dịch vụ. Bất cứ điều gì hỗ trợ tiền sẽ trở nên thiêng liêng: theo đó, tăng trưởng đã chiếm một vị thế thiêng liêng trong nhiều thế kỷ. Trong nhiều vỏ bọc khác nhau của câu chuyện về sự thăng tiến, khai thác các lực lượng tự nhiên, chinh phục những biên giới tận cùng, làm chủ tự nhiên – chúng ta đã thực hiện được một cuộc thập tự chinh để có kết quả và nhân nó lên nhiều lần. Nhưng sự tăng trưởng không còn là thiêng liêng với chúng ta nữa.

Cuốn sách này sẽ mô tả một cách cụ thể cách để hỗ trợ tiền với những thứ mà đang trở nên thiêng liêng đối với chúng ta ngày nay. Và đó là những thứ gì? Chúng ta có thể thấy chúng là những gì thông qua nỗ lực vị tha của con người để tạo ra và bảo tồn chúng. Tiền của tương lai sẽ được hỗ trợ bởi những thứ mà chúng ta muốn nuôi dưỡng, tạo ra, và bảo tồn: bởi đất chưa được phát triển, nước sạch và không khí, các công trình nghệ thuật và kiến trúc tuyệt vời, đa dạng sinh học và tài nguyên chung về gen, quyền phát triển không được sử dụng, tín dụng carbon không được sử dụng, tiền bản quyền sáng chế không phải thu, các mối quan hệ không được chuyển

đổi thành dịch vụ, và tài nguyên thiên nhiên không bị chuyển đổi thành hàng hóa. Thậm chí, thực sự, bởi vàng vẫn còn ở trong lòng đất.

Không chỉ sự liên kết với tiền (và do đó với "giá trị" trừu tượng) nâng một thứ lên một trạng thái thiêng liêng, mà nó còn thúc đẩy chúng ta tạo ra chúng ngày càng nhiều hơn nữa. Sự liên kết của vàng với tiền khuyến khích sự nỗ lực không ngừng (và hủy hoại rất lớn tới môi trường) trong việc khai thác thêm vàng. Việc đào hố trên mặt đất và lấp đầy lại chúng là một ví dụ của sự lãng phí công sức, nhưng đó thực chất là những gì ngành khai thác vàng làm. Với nỗ lực to lớn, chúng ta đào quặng vàng ra khỏi mặt đất, vận chuyển nó, tái tạo nó và cuối cùng đưa chúng vào những cái lỗ khác trên mặt đất gọi là hầm chứa. Nỗ lực này, và sự khan hiếm của vàng, là một cách (rất phức tạp) để điều tiết lượng cung tiền, nhưng tại sao không điều tiết nó thông qua các thỏa thuận chính trị xã hội có mục đích, hoặc thông qua một số quy trình tự nhiên hơn, và cứu vãn tất cả công việc đi đào hố nữa? Vấn đề được đề cập ở trên với vàng đã mở rộng sang những loại hàng hóa khác. Ở những nơi gia súc được sử dụng làm tiền, chúng mang một giá trị vượt lên cả tiện ích về sữa và thịt của chúng, với kết quả là con người duy trì những đàn gia súc lớn hơn những gì họ thực sự cần. Cũng như khai thác vàng, điều này gây lãng phí sức lao động của con người và gây gánh nặng cho môi trường. Tôi sợ rằng bất kỳ loại tiền nào dựa trên hàng hóa sẽ có tác dụng tương tự. Nếu đó là dầu, thì một chính sách khuyến khích sẽ được tạo ra để người ta bơm thêm dầu – số lượng cần thiết cho nhiên liệu, cộng với một khoản tiền bổ sung. Nói chung, nguyên tắc ở đây là: "Việc sử dụng bất kỳ thứ gì để kiếm tiền sẽ làm tăng nguồn cung của thứ đó".

Chương 11 dựa trên nguyên tắc này để tạo ra một hệ thống tiền tệ để tăng nguồn cung những thứ chúng ta đồng ý là hàng hóa tích cực cho nhân loại và hành tinh này. Điều gì sẽ xảy ra nếu tiền được "hỗ trợ" bởi nước sạch, không khí không bị ô nhiễm, hệ sinh thái lành mạnh, và tài nguyên chung văn hóa? Có cách nào để khuyến khích việc tạo ra chúng ngày càng nhiều theo cùng một cách mà thỏa thuận xã hội về giá trị của vàng đã thúc đẩy chúng ta khai thác ngày càng nhiều hơn không? Giống như việc kiếm tiền từ vàng khiến chúng ta thèm muốn nó và tìm cách sản xuất thêm nó, và cuối cùng từ bỏ nó chỉ để đáp ứng nhu cầu thực sự và cấp bách, thì việc sử

dụng những thứ này để kiếm tiền cũng khiến chúng ta tạo ra chúng nhiều hơn, để tạo ra một hành tinh đẹp hơn, và hy sinh chúng chỉ với một lý do đã được xem xét kỹ lưỡng, chỉ để đáp ứng nhu cầu thực sự, chỉ để tạo ra thứ gì đó có giá trị như những gì đã bị phá hủy. Chúng ta phá hủy nhiều thứ ngày nay chỉ vì tiền, nhưng chúng ta không sẵn sàng hủy hoại tiền. Và nó sẽ là như vậy.

Câu hỏi về vấn đề hỗ trợ tiền tệ dẫn chúng ta đến những câu hỏi rộng lớn và thiết yếu hơn: Ai sẽ tạo ra tiền, và bằng quy trình nào? Những giới hạn nào sẽ chi phối số lượng cần được tạo ra? Các thỏa thuận mà tiền là hiện thân là gì? Tổng quát hơn, câu chuyện về giá trị mà chúng ta truyền tải tới tiền tệ là gì?

Kể từ thời Hy Lạp cổ đại, tiền luôn thể hiện một sự thỏa thuận. Tuy nhiên, thông thường, thỏa thuận này là một thỏa thuận không có chủ đích. Mọi người tin rằng vàng là có giá trị, hiếm khi dừng lại để nghĩ rằng giá trị này là rất thông thường. Sau đó, tiền giấy trở nên thông thường một cách rõ ràng, dù vậy thì theo tôi biết chưa có ai từng định sẵn trong đầu thiết kế tiền với mục đích xã hội cụ thể nào mà vượt ngoài việc cung cấp một phương tiện trao đổi. Chưa bao giờ câu hỏi này được đặt ra: "Câu chuyện về thế giới chúng ta đang tạo ra là gì, và loại tiền nào sẽ thể hiện và củng cố câu chuyện đó?" Không ai quyết định tạo ra một hệ thống ngân hàng dự trữ một phần với mục đích có ý thức là thúc đẩy sự mở rộng của phạm vi con người. Ngày nay, lần đầu tiên, chúng ta có cơ hội truyền đạt một số ý thức vào lựa chọn tiền bạc của mình. Đã đến lúc tự hỏi mình rằng câu chuyện nào chúng ta muốn ban hành trên trái đất này, và chọn một hệ thống tiền phù hợp với câu chuyện đó.

Trong phần còn lại của cuốn sách này, tôi sẽ đưa ra bản phác thảo rộng lớn về một hệ thống tiền bạc thể hiện mối quan hệ mới của nhân loại với chính bản thân chúng ta và với trái đất, một hệ thống tiền bạc tái hiện và nuôi dưỡng những thứ đang trở nên thiêng liêng đối với chúng ta. Tôi cũng sẽ đưa ra ý tưởng về để thực hiện được điều đó từ đây, bằng cả cấp độ tập thể lẫn cá nhân. Nền kinh tế thiêng liêng này sẽ mang những đặc điểm sau:

Nó sẽ khôi phục lại tinh thần của món quà dành cho thiên hướng và đời sống kinh tế của chúng ta.

Nó sẽ đảo ngược lại sự đồng hóa và phi cá nhân hóa của xã hội do tiền gây ra.

Nó sẽ là một phần mở rộng, chứ không phải thành phần là gây ảnh hưởng xấu tới hệ sinh thái. Nó sẽ thúc đẩy nền kinh tế địa phương và hồi sinh cộng đồng.

Nó sẽ khuyến khích sáng kiến và khen thưởng tinh thần khởi nghiệp.

Nó sẽ nhất quán với sự tăng trưởng bằng không, nhưng lại thúc đẩy sự phát triển liên tục của những món quà độc đáo của con người chúng ta.

Nó sẽ thúc đẩy sự phân phối của cải một cách công bằng.

Nó sẽ thúc đẩy một chủ nghĩa duy vật mới mà coi thế giới là thiêng liêng. Nó sẽ được liên kết với chủ nghĩa bình đẳng chính trị và sức mạnh nhân dân và sẽ không gây ra thêm sự kiểm soát tập trung.

Nó sẽ khôi phục các lĩnh vực đã mất của vốn tự nhiên, xã hội, văn hóa và tâm linh.

Và, quan trọng nhất, đó là thứ gì đó mà chúng ta có thể bắt đầu tạo ra ngay bây giờ!

Một vài chương tiếp theo sẽ trình bày và tổng hợp các chủ đề khác nhau của Câu chuyện về giá trị mới mà sẽ tạo ra một hệ thống tiền tệ trong tương lai. Kết hợp chúng lại với nhau, một bức tranh về nền kinh tế sẽ xuất hiện rất khác so với những gì chúng ta biết ngày nay.

CHƯƠNG 10:
QUY LUẬT HOÀN TRẢ

Chủ nghĩa xã hội thất bại vì nó không thể nói lên được sự thật về kinh tế; chủ nghĩa tư bản có thể thất bại bởi vì nó không thể nói lên sự thật về sinh thái.

– Lester Brown

Một điều chắc chắn rằng: việc chuyển đổi tuyến tính tài nguyên thành chất thải là không bền vững trên một hành tinh có giới hạn. Điều không bền vững hơn nữa vẫn là sự tăng trưởng theo cấp số nhân, cho dù đó là việc sử dụng tài nguyên, tiền hay dân số.

Không chỉ là không bền vững mà nó còn là một điều trái với tự nhiên. Trong một hệ sinh thái, không có một loài nào mà lại tạo ra chất thải mà các loài khác không thể sử dụng được, bởi thế mới có câu châm ngôn, "Chất thải là thức ăn". Không có loài nào khác tạo ra lượng chất ngày càng độc hại, chẳng hạn như dioxin, PCB và chất thải phóng xạ, cho các thành phần còn lại của cuộc sống. Nền kinh tế tăng trưởng tuyến tính/cấp số nhân của chúng ta rõ ràng đã vi phạm luật hoàn trả của tự nhiên, sự tuần hoàn của các nguồn lực. Một nền kinh tế thiêng liêng là một phần mở rộng của hệ sinh thái và tuân theo tất cả các quy tắc của nó, trong số đó có luật hoàn trả. Đặc biệt, điều đó có nghĩa là mọi chất được tạo ra từ các quy trình công nghiệp hoặc các hoạt động khác của con người đều được sử dụng trong một số hoạt động khác của họ hoặc, cuối cùng, trở lại hệ sinh thái dưới dạng và với tốc độ mà những sinh vật khác có thể xử lý.[1] Nó có nghĩa rằng sẽ không có thứ gọi là chất thải công nghiệp. Mọi thứ quay trở lại nguồn của nó. Giống như phần còn lại của tự nhiên, chất thải của chúng ta trở thành thực phẩm của những loài khác.

Tại sao tôi gọi một nền kinh tế như vậy là "thiêng liêng" chứ không phải tự nhiên hay sinh thái? Bởi đó là vì sự linh thiêng của món quà. Tuân theo luật hoàn trả là tôn vinh tinh thần của Món quà bởi vì chúng ta nhận được những gì đã được trao, và từ món quà đó, chúng ta lần lượt trao tặng lại. Quà tặng sinh ra là để được truyền lại. Hoặc là chúng ta giữ chúng trong một thời gian và sau đó truyền tặng lại, hoặc chúng ta sử dụng chúng, tiêu hóa chúng, tích hợp chúng và truyền chúng đi ở dạng đã thay đổi. Sự thật rằng đây là một trách nhiệm thiêng liêng đã được thể hiện rõ ràng từ cả quan điểm hữu thần và vô thần.

Từ quan điểm thần học, hãy xem xét cái nguồn của thế giới này mà chúng ta đã nhận được. Sẽ là một lỗi nghiêm trọng nếu nói giống như một số nhà truyền giáo đã nói với tôi rằng, việc sử dụng tự nhiên một cách phá hoại là bình thường, bởi vì sau tất cả, Thiên Chúa đã trao nó cho chúng ta. Phung phí một món quà, sử dụng nó một cách nghèo nàn, chính là đang hạ thấp món quà đó và xúc phạm người tặng. Nếu bạn tặng quà cho ai đó và anh ta vứt bỏ nó ngay trước mặt bạn, bạn có thể cảm thấy bị xúc phạm hoặc thất vọng; chắc chắn bạn sẽ ngừng tặng quà cho người đó. Tôi nghĩ rằng bất cứ ai thực sự tin vào Chúa sẽ không dám đối xử với Đấng Tạo Hóa theo cách đó, mà thay vào đó, sẽ tận dụng tối đa mọi khả năng của cuộc sống, trái đất và mọi thứ trên đó. Điều đó có nghĩa là chúng ta coi nó như một món quà thiêng liêng. Với lòng biết ơn, chúng ta sử dụng nó thật tốt và lần lượt tặng lại. Đó là lý do tại sao tôi gọi một nền kinh tế không chất thải là thiêng liêng theo góc độ hữu thần.

Từ góc độ vô thần, một nền kinh tế không chất thải là sự hiện thực hóa kinh tế về sự kết nối của tất cả chúng sinh. Nó thể hiện sự thật rằng khi tôi làm cho người khác, tôi cũng đang làm cho chính mình. Trong phạm vi mà chúng ta nhận ra sự đồng nhất, chúng ta mong muốn truyền những món quà của chúng ta đi, không làm hại, và yêu thương người khác như chúng ta yêu chính bản thân mình.

Ở một mức độ rất thực tế, tầm nhìn về nền kinh tế thiêng liêng này đòi hỏi phải loại bỏ những gì các nhà kinh tế gọi là "ngoại ứng". Chi phí ngoại ứng là chi phí sản xuất mà người khác phải trả. Ví dụ, một lý do tại sao rau từ Thung lũng Trung tâm California rẻ hơn khi mua ở Pennsylvania so với khi

mua sản phẩm địa phương là vì giá rau không phản ánh toàn bộ chi phí. Do các nhà sản xuất không có trách nhiệm phải trả các chi phí hiện tại và tương lai của việc cạn kiệt tầng nước ngầm, nhiễm độc thuốc trừ sâu, nhiễm mặn đất và các tác động khác của phương pháp canh tác của họ, nên các chi phí này không đắp góp vào giá của một đơn vị rau diếp. Hơn nữa, chi phí vận tải trên khắp lục địa cũng được trợ cấp rất cao. Giá của một thùng nhiên liệu không bao gồm chi phí ô nhiễm mà nó gây ra, cũng như chi phí cho những cuộc chiến để bảo đảm an toàn cho nó, cũng như chi phí cho sự cố tràn dầu. Chi phí vận chuyển không bao gồm phí xây dựng và bảo trì đường cao tốc. Nếu tất cả các chi phí này được thể hiện trong một đơn vị rau diếp, thì rau diếp California sẽ bán với giá rất đắt đỏ ở Pennsylvania. Chúng ta sẽ chỉ mua những thứ rất đặc biệt từ những nơi xa.

Nhiều ngành công nghiệp ngày nay chỉ có thể hoạt động vì chi phí của họ đã được ngoại ứng. Ví dụ, các giới hạn theo quy định về trách nhiệm pháp lý đối với sự cố tràn dầu và các vụ nổ hạt nhân khiến cho hoạt động khoan ngoài khơi và năng lượng hạt nhân trở nên có lời đối với các nhà khai thác của chúng, ngay cả khi tác động ròng đối với xã hội là tiêu cực. Ngay cả khi BP cố gắng phá sản, thì không có cách nào công ty đó sẽ, hoặc có thể, trả toàn bộ chi phí cho sự cố tràn dầu ở Vịnh Mexico. Xã hội sẽ trả các chi phí, thực tế là chuyển tài sản công sang các nhà đầu tư của các công ty.[2] Bất kỳ ngành công nghiệp nào có khả năng thua lỗ thảm khốc về cơ bản là đang thực hiện chuyển giao của cải từ công sang tư nhân, từ tài sản của đa số sang thiểu số. Những ngành này hoạt động với bảo hiểm miễn phí. Họ nhận lợi ích, chúng ta nhận rủi ro. Cũng như trong ngành tài chính, nơi các nhà khai thác lớn nhất có thể chấp nhận rủi ro lớn khi biết rằng họ sẽ được cứu trợ nếu những rủi ro đó thất bại.

Chi phí ngoại ứng trả cho những thứ kinh tế mà thực sự không hề kinh tế, chẳng hạn như khoan dầu và năng lượng hạt nhân.

Việc loại bỏ phí ngoại ứng đã cản trở kế hoạch kinh doanh của mọi thời đại: "Tôi giữ phần thu nhập còn người khác thì trả chi phí". Tôi bón phân cho cánh đồng của mình bằng phân bón nitrogen, và những người nuôi tôm phải trả chi phí cho quá trình phú dưỡng ở hạ lưu. Tôi đốt than để sản xuất điện, và xã hội trả chi phí y tế cho khí thải thủy ngân và chi phí môi trường

của mưa axit. Tất cả các chiến lược này là các biến thể về một chủ đề mà tôi đã mô tả: tiền tệ hóa tài nguyên chung. Khả năng của trái đất để hấp thụ các loại chất thải là một dạng tài nguyên chung, cũng như sự giàu có của đất, biển và tầng ngậm nước. Thời gian giải trí tập thể của xã hội cũng có thể được coi là một tài nguyên chung, nó sẽ bị cạn kiệt khi những người gây ô nhiễm làm cho mọi người khác phải dọn dẹp.

"Tôi giữ phần thu nhập còn người khác thì trả chi phí" thể hiện suy nghĩ của cái tôi tách biệt, trong đó phúc lợi của bạn không liên quan tới tôi. Liệu có ảnh hưởng gì đến tôi nếu có gì đó xảy ra với bạn? Nếu bạn nghèo khổ, hay ốm đau, hay ở tù tội, thì có ảnh hưởng gì đến tôi, miễn là tôi tự bảo vệ được mình khỏi độc tính xã hội và môi trường ngoài kia? Có ảnh hưởng gì đến tôi nếu Vịnh Mexico đang chết dần chết mòn chỉ bởi một vệt dầu? Tôi chỉ việc sống ở một nơi khác. Có ảnh hưởng gì đến tôi không nếu có một con quay bằng nhựa rộng hàng ngàn dặm trong Thái Bình Dương? Từ quan điểm của sự chia cắt, về nguyên tắc, chúng ta có thể tự bảo vệ mình khỏi những tác động từ các hoạt động khác cả chúng ta. Ăn lợi nhuận bằng cách chi phí ngoại ứng là một phần thiết yếu của quan điểm đó. Nhưng từ quan điểm của cái tôi kết nối, kết nối với người khác và với trái đất, phúc lợi của bạn không thể tách rời với phúc lợi của tôi bởi vì bạn và tôi về cơ bản không tách rời. Sự nội bộ hóa tất cả các chi phí chỉ đơn giản là hiện thân kinh tế của nguyên tắc tương hỗ đó: "Khi tôi làm cho người khác, tôi cũng đang tự làm cho mình."

Nội bộ hóa chi phí cũng phản ánh các nhận thức về văn hóa của quà tặng. Trong vòng tròn của quà tặng, vận may của bạn là vận may của tôi, và mất mát của bạn cũng sẽ là mất mát của tôi, bởi vì bạn sẽ có ít nhiều tương ứng để có thể cho đi. Từ thế giới quan đó, việc bao gồm cả thiệt hại cho xã hội hoặc tự nhiên vào bảng cân đối là một điều đương nhiên. Nếu tôi phụ thuộc vào bạn bởi những món quà bạn tặng cho tôi, thì việc làm giàu cho bản thân bằng cách làm cho bạn nghèo đi trở nên vô lý. Trong một thế giới như vậy, quyết định kinh doanh tốt nhất là quyết định làm giàu cho tất cả mọi người: xã hội và hành tinh. Một nền kinh tế thiêng liêng phải thể hiện được nguyên tắc này, phù hợp với lợi ích chung.

Hiểu được nguyên tắc này, một số doanh nhân có tầm nhìn đã cố gắng thực hành nó một cách tự nguyện thông qua các khái niệm như "tam giác bền vững" và "kế toán đầy đủ chi phí." Ý tưởng là công ty của họ sẽ hành động để tối đa hóa không chỉ lợi ích của riêng mình, mà là của con người, hành tinh và lợi nhuận: tam giác bền vững. Vấn đề là các công ty này phải cạnh tranh với những người đang làm ngược lại: chuyển chi phí của họ lên con người và hành tinh. Tam giác bền vững và kế toán đầy đủ chi phí hữu ích trên tư cách là một phương pháp để đánh giá chính sách công (vì chúng bao gồm nhiều hơn không chỉ là lợi ích sinh thái) nhưng khi nói đến doanh nghiệp tư nhân, hai chân đầu tiên của tam giác thường chạy ngược lại với chân thứ ba. Nếu tôi là một ngư dân cố gắng đánh bắt một cách bền vững, cạnh tranh với các tàu đánh cá công nghiệp với lưới dài hàng trăm dặm, thì chi phí cao hơn của tôi sẽ khiến tôi không thể cạnh tranh nổi. Đó là lý do tại sao một số phương tiện là cần thiết phải có để bắt buộc nội bộ hóa chi phí và đưa ba chân của tam giác bền vững đi cùng một hướng. Chúng ta không thể chỉ hy vọng rằng mọi người sẽ "hiểu". Chúng ta phải tạo ra một hệ thống gắn kết lợi ích cá nhân với lợi ích của tất cả mọi người.

Một cách để đưa chi phí ngoại ứng (và lợi nhuận ngoại ứng) lên bảng cân đối kế toán là thông qua các hệ thống mua bán phát thải và các phụ cấp cho phát thải có thể thương mại được.[3] Mặc dù các hệ thống này đã mang lại kết quả hỗn hợp trong thực tế (việc đặt mức trần cho sulfur dioxide đã tương đối thành công, trong khi các khoản tín dụng carbon của EU đã trở thành một thảm họa), về nguyên tắc, chúng cho phép chúng ta thực hiện một thỏa thuận tập thể về mức độ thế nào là đủ. "Đủ" thế nào thì phụ thuộc vào khả năng của hành tinh hoặc vùng sinh học để có thể đồng hóa các chất.

Đối với sulphur dioxide, Châu Âu và Châu Mỹ có thể có mức trần riêng để kiểm soát mưa axit; Los Angeles cũng có thể có mức trần ozone hoặc nitrous oxide riêng; hành tinh này nói chung có thể có một mức trần CO_2 và CFC duy nhất. Việc tăng mức trần tổng hợp đã phá vỡ nghịch lý của Jevons, trong đó các cải thiện hiệu quả không nhất thiết dẫn đến việc tiêu thụ ít hơn mà thậm chí có thể dẫn đến tiêu thụ lớn hơn bằng cách giảm chi phí và giải phóng vốn để sản xuất nhiều hơn.[4]

Tranh cãi đáng chú ý đã xảy ra xung quanh các đề xuất mua bán phát thải ngày nay, và nói chung, tôi đồng ý với những lời phê bình. Một chương trình trợ cấp khí thải thực sự hiệu quả sẽ là một hệ thống đấu giá không bù đắp, không tín dụng miễn phí, không có điều khoản miễn trừ và có các lệnh trừng phạt nghiêm ngặt đối với các quốc gia không tuân thủ. Mặc dù vậy, các vấn đề vẫn còn hiện hữu: biến động giá, giao dịch phái sinh đầu cơ, và tham nhũng. Việc thực thi là một vấn đề đặc biệt quan trọng bởi vì mua bán phát thải mang lại lợi thế lớn cho các nhà sản xuất ở những nơi có sự thực thi lỏng lẻo, điều này có thể dẫn đến ô nhiễm toàn bộ hơn chế độ điều tiết hiện nay.[5] Một vấn đề khác là trong một hệ thống mua bán phát thải, sự hạn chế cá nhân giải phóng các nguồn lực hoặc phụ cấp được sử dụng bởi người khác, dẫn đến cảm giác bất lực của cá nhân họ.

Các vấn đề về mua bán phát thải gợi ý một cách tiếp cận khác: thuế trực tiếp lên ô nhiễm, ví dụ như thuế carbon của Paul Hawken. Nhiên liệu hóa thạch có thể bị đánh thuế khi nhập khẩu, và số tiền thu được sẽ được hoàn lại cho công chúng. Đây là một cách khác để bắt buộc nội bộ hóa chi phí, và sẽ đặc biệt thích hợp trong các tình huống mà chi phí xã hội và môi trường dễ dàng được định lượng và khắc phục. Cũng như với mua bán phát thải, thực thi quốc tế là một vấn đề lớn, vì việc sản xuất sẽ càng trở nên lợi nhuận hơn ở các quốc gia từ chối đánh thuế hoặc thu thuế không hiệu quả. Nó cũng có thể yêu cầu điều chỉnh tỷ giá thường xuyên để đạt được mức trần mong muốn.

Đối với những độc giả chùn lại trước đề xuất về một loại thuế khác, hãy xem xét rằng hai cơ chế mà tôi đã mô tả, hệ thống mua bán phát thải và thuế xanh, thực ra không phải là những loại thuế mới đối với xã hội. Suy cho cùng ai đó cũng sẽ phải trả chi phí cho hủy hoại môi trường. Trong hệ thống hiện tại, "ai đó" có thể là những người ngoài cuộc vô tội hoặc chính thế hệ tương lai. Những đề xuất này chỉ đơn thuần chuyển những chi phí này cho những người tạo ra chúng và ăn lợi nhuận từ chúng. Dù nó đã được thực hiện, khi các chi phí ô nhiễm được nội bộ hóa, quyết định kinh doanh tốt nhất sẽ đi kèm với quyết định tốt nhất về môi trường. Giả sử bạn là một nhà phát minh và bạn nghĩ ra một ý tưởng tuyệt vời cho một nhà máy để có thể giảm 90% ô nhiễm mà không làm giảm năng suất. Ngày nay, nhà máy đó không có động cơ để thực hiện ý tưởng của bạn bởi vì nó

không phải trả chi phí cho sự ô nhiễm đó. Tuy nhiên, nếu chi phí ô nhiễm được nội bộ hóa, phát minh của bạn sẽ là một mặt hàng được ưa chuộng. Một loạt các ưu đãi kinh tế hoàn toàn mới sẽ xuất hiện từ việc nội bộ hóa chi phí. Lòng tốt của chúng ta, những người muốn cắt giảm ô nhiễm ngay cả khi đó không phải là kinh tế, sẽ không còn phải chiến đấu với áp lực của tiền bạc.

Mặc dù cả chương trình mua bán phát thải và thuế ô nhiễm đều có vai trò trong việc nội bộ hóa chi phí xã hội và sinh thái, chúng ta cũng có thể tích hợp chúng vào cấu trúc của chính tiền, một loại tiền có chủ ý thể hiện sự tôn kính của chúng ta đối với hành tinh và ý thức mới có của chúng ta về vai trò và mục đích của nhân loại trên trái đất. Nó hợp nhất việc nội bộ hóa các chi phí với sự cải chính của sự bất công về tài sản được mô tả trong Chương 4, trong đó bao gồm cả việc trả lại tài nguyên chung cho mọi người trong khi mặc dù nó cũng cho phép sự tự do phục hồi tinh thần khởi nghiệp. Nó thực hiện nguyên tắc của Chương 9: khiến tiền trở nên thiêng liêng bằng cách hỗ trợ nó với những thứ mà đã trở thành thiêng liêng đối với chúng ta. Trong số đó chính xác là những thứ mà thuế xanh và những thứ tương tự đang nhằm bảo tồn. Trong khi các chi tiết về mua bán phát thải, vấn đề tiền tệ, v.v… có thể mang lại cảm giác kỹ trị cho họ, thì sự thúc đẩy cơ bản mà chương tiếp theo sẽ đưa ra, là đặt tiền bên cạnh những thứ mà đang được chúng ta giữ cho thiêng liêng.

Cho dù nó được thực hiện thông qua thuế truyền thống hay mua bán phát thải, hoặc bằng cách tích hợp nó vào tiền, chúng ta đang bắt đầu một mối quan hệ khác biệt sâu sắc với Trái đất. Trong thời kỳ thăng tiến (câu chuyện về sự phát triển của vương quốc con người và cuộc chinh phục thế giới hoang dã), vào thời thơ ấu của nhân loại (khi thế giới dường như đã tự tạo điều kiện để thích nghi với sự phát triển của chúng ta), không cần phải có sự thỏa thuận tập thể về việc được bắt bao nhiêu con cá, chặt bao nhiêu cây, đào bao nhiêu quặng hoặc khả năng của khí quyển để có thể hấp thụ bao nhiêu lượng chất thải ta sử dụng. Ngày nay, mối quan hệ của chúng ta với phần còn lại của tự nhiên đang thay đổi ở mức độ rõ rệt, bởi ta không thể phớt lờ những giới hạn của môi trường. Những vùng nước khai thác cá, rừng, nước sạch và không khí sạch rõ ràng là đang gần cạn kiệt. Chúng ta có sức mạnh để có thể hủy diệt trái đất, hoặc ít nhất là gây ra tác

hại khủng khiếp cho cô ấy. Cô ấy dễ bị tổn thương bởi chúng ta, với tư cách là người yêu với nhau. Theo lẽ đó, không còn là phù hợp nữa khi chỉ nghĩ cô ấy là Mẹ Trái đất. Một đứa trẻ, theo ý muốn của nó, không bao giờ mảy may suy tính đến giới hạn chịu đựng của mẹ mình. Giữa những người yêu nhau thì khác. Đó là lý do tại sao tôi thấy trước một tương lai mà trong đó chúng ta cần duy trì hạn mức cho phép theo cấp địa phương, khu vực và toàn cầu về việc sử dụng các nguồn lực khác nhau. Đánh bắt thủy sản, sử dụng nước ngầm, khí thải carbon, khai thác gỗ, cạn kiệt lớp đất mặt, và những tài nguyên khác nữa sẽ được theo dõi cẩn thận và giữ ở mức độ bền vững. Những tài nguyên này – nước sạch, không khí sạch, khoáng chất, quần xã sinh vật, và nhiều hơn nữa – sẽ rất thiêng liêng đối với chúng ta, thật thiêng liêng đến nỗi tôi nghi ngờ chúng ta sẽ gọi chúng là "tài nguyên", theo kiểu rằng chúng ta coi các cơ quan quan trọng của mình là tài nguyên, hoặc có mơ mới làm cạn kiệt chúng.

Trên thực tế, chúng ta cũng đang làm cạn kiệt các cơ quan quan trọng của chúng ta, với mục đích tương tự như chúng ta làm cạn kiệt các cơ quan quan trọng của trái đất. Như những gì người ta sẽ hiểu về cái tôi kết nối, những gì chúng ta làm với trái đất, chúng ta cũng đang làm cho chính mình. Sự tương đồng này rất sâu sắc, để ngắn gọn tôi sẽ giới hạn bản thân mình với một ví dụ: sự song song giữa việc chúng ta làm cạn kiệt nhiên liệu hóa thạch dự trữ của trái đất và sự suy giảm chức năng của tuyến thượng thận thông qua các chất kích thích tâm lý và hóa học. Theo tư duy y học cổ truyền Trung Quốc, tuyến thượng thận là một phần quan trọng của hệ thống thận, được hiểu là nguồn dự trữ của khí ban đầu, nguồn sống, cũng như cửa ngõ cho việc cung cấp khí liên tục. Khi chúng ta hòa hợp với mục đích sống của chúng ta, những cánh cổng cho nguồn sống mở rộng và cung cấp cho chúng ta một nguồn năng lượng liên tục. Nhưng khi chúng ta mất đi sự liên kết này, chúng ta phải sử dụng các phương pháp ngày càng bạo lực (cà phê, kỹ thuật tạo động lực, các mối đe dọa) để giành giật sinh lực thông qua tuyến thượng thận. Tương tự như vậy, các công nghệ mà chúng ta sử dụng để tiếp cận nhiên liệu hóa thạch ngày càng trở nên tàn bạo hơn – phá (hoặc bơm) thủy lực, phá đỉnh núi, khai thác cát hắc ín v.v. – và chúng ta đang sử dụng những nhiên liệu này với những mục đích phù phiếm hoặc mang tính phá hoại mà rõ ràng là không phù hợp với mục đích của loài người trên trái đất. Con người và hành tinh soi rọi lẫn nhau. Sự kết nối

không chỉ đơn thuần là sự giống nhau: loại công việc mà chúng ta sử dụng cà phê và động lực bên ngoài (ví dụ: tiền) để buộc bản thân phải làm việc một cách chính xác là loại công việc góp phần vào việc bóc lột hành tinh này. Chúng ta không thực sự muốn làm điều đó với cơ thể của chúng ta; chúng ta cũng không thực sự muốn làm điều đó với thế giới.

Chúng ta muốn trở thành người cho đi chứ không chỉ là người nhận trong mối quan hệ của chúng ta với Trái đất. Với ý nghĩ đó, tôi sẽ chạm đến một khía cạnh nữa của luật hoàn trả và sự thống nhất vũ trụ của việc cho và nhận. Dường như có một ngoại lệ trắng trợn đối với quy luật hoàn trả trong tự nhiên, một thứ mà hệ sinh thái không tái chế, thứ gì đó liên tục xuất hiện trở lại và luôn luôn tồn tại như một sự lãng phí. Thứ đó chính là năng lượng. Phát ra từ mặt trời, nó được hấp thụ bởi thực vật và chuyển đổi dọc theo chuỗi thức ăn từ dạng này sang dạng khác, di chuyển một chiều về đích cuối cùng của nó: nhiệt thải. Sớm hay muộn, tất cả các bức xạ điện từ với nhiệt động lực từ mặt trời đều bị bức xạ từ trái đất phát ra dưới dạng nhiệt động lực cao.[6]

Tôi không ngạc nhiên khi người xưa tôn thờ mặt trời, thứ duy nhất chúng ta biết là cho đi mà không mong đợi hay thậm chí là có khả năng được nhận lại. Mặt trời là biểu tượng của sự hào phóng. Nó cung cấp năng lượng cho toàn bộ vương quốc của sự sống, và dưới dạng nhiên liệu hóa thạch, năng lượng mặt trời, gió và thủy điện, cũng có thể cung cấp năng lượng cho tầng kỹ thuật. Choáng ngợp trước nguồn năng lượng tự do gần như vô hạn này, tôi có thể hiểu được sự biết ơn, giống như của một đứa trẻ, lòng biết ơn mà những người tôn thờ mặt trời ngày xưa chắc hẳn đã cảm nhận được.

Nhưng câu chuyện không chỉ dừng lại ở đó. Một con đường đi xuyên suốt qua truyền thống tâm linh nói rằng chúng ta cũng sẽ trả ơn lại cho mặt trời; thật vậy, mặt trời sẽ chỉ tiếp tục chiếu sáng thông qua lòng biết ơn của chúng ta.[7] Các nghi thức mặt trời cổ xưa không chỉ là để cảm tạ mặt trời, mà còn để cầu cho nó tiếp tục tỏa sáng. Năng lượng mặt trời là ánh sáng của tình yêu trần thế được tái hiện lại cho chúng ta. Ở đây, vòng tuần hoàn của món quà tặng cũng như vậy. Chúng ta không tách rời thậm chí khỏi mặt trời, đó là lý do tại sao, có lẽ đôi khi chúng ta có thể cảm thấy một mặt trời

tỏa sáng từ bên trong chúng ta, chiếu sáng tất cả những người khác bằng sự ấm áp và ánh sáng của sự hào phóng.

1.

CHƯƠNG 11:
TIỀN TỆ CỦA TÀI NGUYÊN CHUNG

Tiền nào cũng chỉ là ở vấn đề niềm tin.

– Adam Smiths

Chúng ta sống trên một hành tinh trù phú một cách tự nhiên, nguồn quà tặng duy trì sự sống cho tất cả chúng ta. Theo như Chương 4, sự giàu có của hành tinh này – đất, nước, không khí, khoáng chất, bộ gen – được tạo ra không bởi bất kỳ ai và do đó không nên thuộc tài sản của ai, mà cần được giữ trong sự quản lý chung của tất cả vạn vật. Điều tương tự cũng xảy ra đối với sự tích lũy của công nghệ và văn hóa con người, đó là sự chinh phục của tổ tiên của chúng ta, một nguồn của cải mà không ai xứng đáng ít hơn ai.

Nhưng ta phải làm gì với nhận thức này? Những sự thật này được liên kết chặt chẽ với các phê bình của chủ nghĩa Marx và chủ nghĩa vô chính phủ về tài sản, nhưng giải pháp của chủ nghĩa Marx – quyền sở hữu tập thể các phương tiện sản xuất, do nhà nước quản lý – chưa đủ sâu sắc; nó cũng chưa giải quyết được vấn đề thực sự.[1] Vấn đề thực sự là trong cả hai hệ thống cộng sản và tư bản doanh nghiệp, một tầng lớp quyền lực tạo ra và hưởng lợi từ quyết định về cách triển khai tài sản của xã hội như thế nào.

Quy ước về tài sản – chung hay riêng – được sử dụng trong cả hai trường hợp để biện minh và tạo điều kiện cho sự phân bổ của cải và quyền lực.

Sự biến chuyển của nền kinh tế loài người đang diễn ra trong thời đại chúng ta sẽ đi sâu hơn cuộc cách mạng Marx bởi Câu chuyện Con người mà nó dệt thành không chỉ là một viễn tưởng về quyền sở hữu mới, mà là một sự thừa nhận về bản chất hư cấu, thông thường của nó. Tài sản là gì ngoài một thỏa thuận xã hội mà một người nào đó có các quyền nhất định

để sử dụng một cái gì đó theo những cách nhất định? Tài sản không phải là một tính năng khách quan của thực tế, và để thống nhất nó và biến nó thành một yếu tố nào đó, như cả lý thuyết tư bản và cộng sản, là vô thức làm nô lệ cho câu chuyện chứa đựng nó. Tôi không nghĩ rằng một nền kinh tế thiêng liêng có thể bắt đầu với việc quyền sở hữu được coi như một tài sản nguyên tố bởi vì quan niệm đó tin tưởng vào một thế giới quan, một câu chuyện về cái tôi và thế giới, điều đó không đúng, hoặc đó không còn là sự thật: một cái tôi rời rạc và tách rời trong một vũ trụ khách quan. Vì vậy, thay vì nói giống như một người theo chủ nghĩa Marx, rằng sự chinh phục của tự nhiên và văn hóa nên được sở hữu chung, thì chúng ta hãy ngừng áp dụng khái niệm tài sản cho những thứ này và suy nghĩ về cách thể hiện giá trị của chúng một cách công bằng, sáng tạo và đẹp đẽ trong một hệ thống kinh tế.

Ngày nay, việc tiếp cận với tiền, thông qua tín dụng, đến với những người có khả năng mở rộng lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ. Trong một nền kinh tế thiêng liêng, nó sẽ đến với những người đóng góp cho một thế giới tươi đẹp hơn. Mặc dù tất cả chúng ta có thể không đồng ý về thế giới đó trông như thế nào, nhưng nhiều giá trị chung quan trọng đang xuất hiện trong thời đại của chúng ta. Tôi đã rất vui khi khám phá, trong tương tác của tôi với mọi người từ tất cả các phần của phổ chính trị, một sự tôn kính gần như phổ quát cho cộng đồng, cho tự nhiên và cho các sản phẩm đẹp đẽ của văn hóa nhân loại. Xung quanh những giá trị chung này, thứ có xu hướng bị ngôn ngữ chính trị làm xáo trộn bằng cách áp đặt sự chia rẽ trên đỉnh nhân loại chung của chúng ta, thì hệ thống tiền tệ của nền kinh tế thiêng liêng sẽ xuất hiện.

Trong chương này tôi sẽ đề cập đến "chính phủ" trong bối cảnh vấn đề về tiền tệ, nhưng hãy nhớ rằng giống như tất cả các thể chế của chúng ta, chính phủ sẽ có sự thay đổi đáng kể trong những năm tới. Cuối cùng, tôi đã hình dung được các biểu hiện phi tập trung, tự tổ chức, nổi trội, ngang hàng, tích hợp sinh thái của mục đích chính trị. Song song với điều này, tôi cũng hình dung ra một hệ sinh thái tiền, một hệ thống kinh tế với nhiều phương thức lưu thông và trao đổi bổ sung. Trong số đó sẽ có những phần mở rộng mới của quà tặng, giải phóng công việc khỏi sự ép buộc và đảm bảo những nhu cầu cần thiết của cuộc sống cho tất cả mọi người.

Dù là ở hình thức nào đi chăng nữa, mục đích cốt lõi của chính phủ – có lẽ là mục đích cốt lõi của chính phủ – là phục vụ với tư cách người được ủy thác của tài nguyên chung. Các tài nguyên chung bao gồm bề mặt trái đất, khoáng chất trong lòng đất, nước trên và dưới mặt đất, sự trù phú của đất, phổ điện từ, bộ gen hành tinh, quần xã của hệ sinh thái địa phương và toàn cầu, bầu khí quyển, sự tích lũy hàng thế kỷ kiến thức và công nghệ của con người, và kho tàng nghệ thuật, âm nhạc và văn học của tổ tiên chúng ta. Như các nhà cải cách xã hội đã quan sát trong hơn hai nghìn năm, không một người nào có thể tự nhận về mình một cách chính đáng đối với bất kỳ thứ gì trong số này.

Trước đây, tôi có thể đã nói rằng mục đích của chính phủ là để quản lý những kho báu này vì lợi ích của tất cả mọi người. Đó là một khởi đầu tốt, nhưng hôm nay, khi chúng ta bước vào mối quan hệ với Người yêu Trái đất, thì thay vào đó tôi cho rằng chính phủ là hiện thân của sự quản lý tập thể của chúng ta với những kho báu này thay mặt cho chính trái đất, bao gồm cả nhân loại như thành phần mới nhất của nó. Chúng ta không còn có thể nhìn loài người như một dạng sống khác trên hành tinh này bởi chúng ta có sức mạnh để thay đổi hoặc thậm chí hủy diệt hành tinh như chưa từng loài nào từng làm trước đây.

Cái gì có thể là một cơ sở tốt hơn cho một hệ thống tiền tệ – câu chuyện về giá trị – hơn những thứ rất quý giá, thiêng liêng, và rất *có giá trị*?

Theo đó, một phần của nguồn cung tiền thiêng liêng sẽ được "hỗ trợ" bởi những thứ mà chúng ta quản lý tập thể. Đây là một cách mà nó có thể làm được: đầu tiên, chúng ta đạt được một thỏa thuận tập thể, qua trung gian chính trị về lượng tài nguyên thiên nhiên phù hợp để có thể biến theo mục đích của con người: bao nhiêu sản phẩm từ biển, bao nhiêu đất, nước; bao nhiêu khả năng của khí quyển để hấp thụ và biến đổi chất thải; bao nhiêu khả năng của đất liền có thể phục hồi sau những vết sẹo từ khai thác khoáng sản; bao nhiêu quà tặng nhiên liệu hóa thạch, quặng kim loại và những của cải khác; bao nhiêu sự tĩnh lặng của thiên nhiên để nhường cho tiếng ồn máy móc; bao nhiêu bầu trời đêm để nhường cho ánh đèn thành phố. Những quyết định này thường đòi hỏi phải có sự hiểu biết khoa học, nhưng như bình thường thì chúng cũng có thể được biểu hiện qua các phán

đoán về giá trị. Cả hai đều đóng góp vào thỏa thuận tập thể của chúng ta về việc tiêu thụ bao nhiêu trong nguồn vốn tự nhiên. Một quyết định kiểu như vậy là một cái gì đó mới mẻ trên bề mặt trái đất này. Để chắc chắn, ngày nay các chính phủ đã sử dụng các quy định và thuế để ngăn chặn hoặc làm chậm việc tiêu thụ một số loại tài nguyên chung, nhưng chúng ta chưa bao giờ tập hợp lại với nhau để hỏi, "Thế nào mới là đủ?" Các ngôi làng cổ bảo vệ tài nguyên chung của họ thông qua truyền thống, tập quán, và áp lực xã hội ("bi kịch của tài nguyên chung" phần lớn vẫn là một bí ẩn[2]), nhưng trên quy mô xã hội ngày nay, chúng ta cần tham gia vào một quá trình chính trị để đạt được và triển khai sự đồng thuận. Quá trình này sẽ cân nhắc sự đồng thuận khoa học về việc sử dụng tài nguyên chung như thế nào là bền vững, cũng như sự đồng thuận xã hội về tầm quan trọng tương đối của sự tiện lợi tiết kiệm lao động của động cơ đốt trong so với cái thú của một ngày thu yên bình.

Một khi chúng ta đã quyết định cần bao nhiêu mỗi loại tài nguyên chung mà nên có sẵn để sử dụng, thì chúng ta có thể phát hành tiền được "hỗ trợ" bởi chúng. Ví dụ, chúng ta có thể quyết định rằng bầu khí quyển có thể duy trì tổng lượng phát thải sulfur dioxide hai triệu tấn mỗi năm. Sau đó chúng ta có thể sử dụng quyền phát thải như một sự hỗ trợ tiền tệ. Điều tương tự cũng xảy ra với các tài nguyên chung khác. Kết quả sẽ là một danh sách dài bao gồm tất cả các yếu tố của tài nguyên chung mà chúng ta đồng ý sử dụng cho mục đích kinh tế. Về mặt khái niệm, nó có thể sẽ trông giống như thế này:

> *Tiền của chúng ta lấy giá trị của nó từ quyền khai thác 300.000 tấn cá tuyết từ ngành đánh bắt cá tuyết ở Newfoundland, quyền để có thể rút 30 triệu gallon nước hàng tháng từ tầng ngậm nước Ogallala Aquifer, quyền thải ra 10 tỷ tấn CO_2, quyền rút 2 tỷ tấn hàng tỷ thùng dầu khỏi đất, việc sử dụng dải X-microhertz của phổ điện từ…*

Làm thế nào để thực hiện điều này trong thực tế? Một cách sẽ là đơn giản để chính phủ tạo ra tiền và chi tiêu vào nền kinh tế theo cách chính phủ chi tiêu các khoản thu thuế ngày nay. Tiền sẽ lưu thông trong nền kinh tế và cuối cùng trở lại với chính phủ khi các nhà sản xuất chuộc lại nó để mua các mặt hàng hỗ trợ. Điều này có thể xảy ra thông qua đấu giá, hoặc giá cả

tương đối cho các mặt hàng hỗ trợ có thể được đặt trước và sau đó điều chỉnh mỗi năm theo giá thực tế trên thị trường thứ cấp. Dù bằng cách nào, việc chuộc lại tiền để mua các mặt hàng hỗ trợ sẽ hoạt động giống như thuế đánh vào tài nguyên và ô nhiễm.

Hãy nhìn vào một ví dụ cụ thể về cách nó có thể hoạt động. Một chính quyền địa phương trả lương cho cảnh sát, lính cứu hỏa và đội dọn dẹp sinh thái địa phương. Một người trong số họ dành tiền lương của mình cho thực phẩm, điện, và hộp số mới cho chiếc xe của cô. Thực phẩm đến từ một trang trại địa phương, nơi dành một phần tiền để có quyền bơm 300.000 gallon nước mỗi năm từ tầng chứa nước địa phương. Khoản thanh toán này thuộc về chính quyền địa phương, chính là bộ phận quản lý của tài nguyên chung đó.

Trong khi đó, một phần tiền cho hộp số được chuyển đến một nhà máy ở đâu đó, nơi trả một phần trong số tiền đó cho các khoản tín dụng ô nhiễm cần thiết để hoạt động. Chi phí đó được thể hiện trong giá cả của hộp số, điều này cũng phản ánh các khoản tín dụng ô nhiễm đối với xăng được sử dụng để di chuyển nó, quyền khoáng sản đối với quặng sắt được sử dụng để sản xuất thép, v.v… Các khoản thanh toán này được chuyển đến các bên quản lý khác nhau của các tài nguyên chung, một số là của địa phương, một số là của khu vực, một số thì là của quốc gia hoặc toàn cầu. Bất kỳ nhà máy nào tìm ra cách sử dụng ít tài nguyên chung nhất – ví dụ như để ít gây ô nhiễm hơn, hoặc sử dụng kim loại tái chế từ các bãi rác cũ – sẽ có thể giảm chi phí và kiếm được lợi nhuận cao hơn. Do đó, động cơ lợi nhuận trở thành đồng minh, chứ không phải kẻ thù đối với mong muốn chữa lành trái đất của chúng ta.

Hãy nhớ nguyên tắc rằng bất kỳ hàng hóa nào chúng ta sử dụng làm tiền đều trở nên có giá trị, để mà chúng ta tìm kiếm nó thêm. Khi vàng là tiền, chúng ta sẽ khai thác thêm vàng, vượt quá mọi nhu cầu thiết thực về nó. Trong xã hội nơi gia súc là tiền, người ta giữ bầy đàn vượt quá số lượng họ cần. Nếu chúng ta sử dụng dầu hoặc năng lượng như sự hỗ trợ tiền tệ, như một số đề xuất, thì chúng ta sẽ cố gắng sản xuất và tích trữ thêm dầu. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu chúng ta sử dụng dầu vẫn còn trong lòng đất, vàng vẫn ở trong lòng núi và rừng vẫn ở trạng thái nguyên sơ làm sự hỗ trợ

tiền tệ? Liệu sau đó chúng ta cũng nâng cao giá trị của chúng, và tìm cách tạo ra chúng ngày càng nhiều? Cơ chế hoàn toàn không hề bí ẩn một chút nào. Nếu bạn phải trả toàn bộ chi phí môi trường của khai thác dầu, bạn sẽ siêng năng tìm cách giữ nó trong lòng đất. Nếu bạn phải trả tiền cho mỗi đơn vị ô nhiễm, bạn sẽ cố gắng gây ô nhiễm ít hơn.

Một biện pháp thay thế cho cùng một mục đích sẽ là để chính quyền tạo ra tiền tín dụng bằng cách vay từ ngân hàng trung ương với lãi suất bằng 0 và trả các khoản vay bằng tiền từ việc bán các mặt hàng của tài nguyên chung mà họ nắm giữ. Chính phủ cũng có thể phát hành trái phiếu cho các nhà đầu tư và ngân hàng trung ương thực hiện chính sách tiền tệ như hiện nay bằng cách mua hoặc bán các trái phiếu này với số lượng khác nhau trên thị trường mở. Điều quan trọng là các trái phiếu này không có lãi suất (hoặc lãi suất âm), một khả năng mà tôi sẽ giải thích trong hai chương tiếp theo. Nếu không thì, nhu cầu tăng trưởng vĩnh viễn trong việc sử dụng tài nguyên chung cũng sẽ được tạo ra.

Dù bằng cách nào, các nhà sản xuất sẽ có động cơ tài chính để tối thiểu việc sử dụng các tài nguyên chung. Chưa từng có sự khuyến khích nào như vậy tồn tại ngày nay, hoặc nếu có, nó chỉ tồn tại một cách ngớ ngẩn. Hệ thống này sẽ hoàn toàn nội bộ hóa chi phí xã hội và sinh thái. Ngày nay, khi một công ty khai thác cạn kiệt một tầng chứa nước hoặc một đội đánh cá làm cạn kiệt tôm cá, thì các chi phí cho xã hội và hành tinh nằm ngoài bảng cân đối riêng của nhà sản xuất. Với hệ thống này, điều đó không còn đúng nữa. Vì các chi phí này sẽ được chuyển cho các ngành công nghiệp hạ nguồn và cuối cùng đến người tiêu dùng, người tiêu dùng sẽ không còn phải đối mặt với vấn đề nan giải ngày nay rằng các sản phẩm rẻ nhất là những sản phẩm gây ra thiệt hại xã hội và môi trường nhất, trong khi các sản phẩm công bằng thương mại và thân thiện với môi trường thì đắt hơn. Thay vào đó, các sản phẩm tránh gây ô nhiễm trong quá trình sản xuất của chúng sẽ rẻ hơn vì hạn ngạch ô nhiễm sẽ tốn rất nhiều tiền. Sản phẩm sẽ đắt hơn tương ứng với lượng tài nguyên chung tự nhiên được tiêu thụ trong khi sản xuất chúng.

Một số người có thể sẽ phản đối rằng hệ thống này sẽ đòi hỏi rất nhiều quan liêu và giấy tờ, vì nó đòi hỏi việc phải theo dõi mọi chất gây ô nhiễm

và chi phí xã hội được tạo ra trong quá trình sản xuất. Câu trả lời của tôi cho điều đó là gấp đôi. Đầu tiên, hệ thống này sẽ thể hiện thái độ mới về trách nhiệm môi trường là *muốn* biết và chịu trách nhiệm về tác động của các hành động của chúng ta đối với các sinh vật khác.

Hãy nhìn những gì xảy ra với trái đất, khi mà chúng ta không hề hay biết về nguy cơ tràn dầu và thảm họa hạt nhân. Càng ngày, chúng ta càng muốn biết về những gì chúng ta đang làm, chúng ta muốn biết tất cả những ảnh hưởng của hành động của chúng ta gây ra và chúng ta muốn chịu trách nhiệm về chúng. Thái độ này là khá tự nhiên đối với những cái tôi kết nối mà biết rằng, "Khi tôi làm điều này với người khác, tôi cũng đang làm với chính mình".

Thứ hai, những gì tôi đã mô tả thực sự ít phức tạp hơn nhiều so với hệ thống quy định rối rắm và không kinh tế ngày nay, thứ mà đã đặt trách nhiệm môi trường và lợi ích tài chính đối ngược với nhau. Từ quan điểm của người dùng, đó không có gì khác hơn là sự chuyển đổi thuế từ doanh thu và thu nhập sang nguyên liệu thô và sự ô nhiễm. Các nhà sản xuất tư nhân sẽ phải trả tiền cho những thứ mà bây giờ đang "miễn phí" – ít nhất là miễn phí đối với họ. Bạn có thể xem đây như một hình thức đánh thuế gián tiếp, nhưng một cách khác nhìn nhận thì đó là các nhà sản xuất chỉ đơn giản trả tiền cho những thứ họ lấy đi từ các tài nguyên chung, những thứ họ lấy đi từ tất cả chúng ta. Nó chỉ là sự công bằng. Chúng ta có thể nói rằng việc đánh thuế như vậy chỉ đơn giản là sự ban hành nguyên tắc mà "những người sinh lợi từ cộng đồng lớn hơn trong cuộc sống cũng phải đóng góp cho cộng đồng lớn hơn trong cuộc sống". Những người lấy từ tài sản cộng đồng phải đóng góp cho lợi ích chung theo lẽ công bằng.

Những loại thuế, phương tiện để đóng góp cho lợi ích chung mà chúng ta có ngày nay gần như trái ngược với những gì chúng ta muốn tạo ra trong thế giới của chúng ta. Chúng ta có thể lấy từ những tài nguyên chung – mà không ai được quyền sở hữu riêng – mà không cần phải trả tiền cho nó, nhưng có một điều chúng ta có thể sở hữu – sức lao động sản xuất của chính mình – thì lại phải chịu thuế dưới dạng thuế thu nhập. Trong khi đó, chúng ta buộc phải trả một khoản thuế cho việc lưu thông hàng hóa – thuế doanh thu – trong khi không có thuế đánh vào sự tích lũy của cải mà không

được sử dụng để trao đổi. Chúng ta đang đi lùi. Hệ thống tiền tệ mà tôi đang mô tả trong chương này đảo ngược lại thuế thu nhập, chuyển đổi đánh thuế từ những gì bạn kiếm được sang đánh vào những gì bạn lấy đi. Chương tiếp theo thì lại mô tả một sự đảo ngược tương tự của thuế bán hàng, chuyển đổi chi phí từ chi tiêu sang tích trữ. Mặc dù tôi được nuôi dưỡng trong một gia đình có truyền thống tự do chính trị rằng thuế thu nhập sinh ra chỉ với lý do chúng đặt thêm gánh nặng thuế lên những người có khả năng chi trả nhất, tôi luôn cảm thấy có một sự phẫn nộ đối với thuế thu nhập. Có vẻ nó không công bằng. Tại sao những người làm việc hiệu quả nhất hoặc chăm chỉ nhất lại phải trả nhiều tiền hơn? Nó sẽ có ý nghĩa hơn nhiều khi khiến người ta phải trả tiền cho những gì họ đang thực sự lấy đi. Đối với những độc giả không quen thuộc với tư tưởng kinh tế không chính thống, tôi muốn nhấn mạnh rằng đề xuất này là phù hợp với bối cảnh lịch sử đáng kính. Nó là một sự tổng hợp của một vài yếu tố. Ý tưởng về việc chuyển thuế sang người gây ô nhiễm và sự tiêu thụ tài nguyên đã được A. C. Pigou phát triển vào đầu thế kỷ 20 và được nối tiếp bởi những người như Herman Daly, Paul Hawken, và rất nhiều nhà môi trường học. Ý tưởng loại bỏ quyền sở hữu tài nguyên chung trở lại với truyền thống của Henry George mà tôi đã thảo luận trong Chương 4.[3] Nhiều nhà tư tưởng gần đây đã đề xuất hỗ trợ tiền tệ bằng những thứ như năng lượng và các tài nguyên khác (mặc dù theo như tôi biết họ đã xem xét việc hỗ trợ nó bởi năng lượng và tài nguyên vẫn còn trong lòng đất). Những gì tôi đang mô tả trong chương này là sự mở rộng một cách tự nhiên các ý tưởng của Henry George và Silvio Gesell ở thời đại sinh thái, có cơ sở vững chắc dựa trên hai hoặc ba truyền thống tư tưởng hội tụ.

Khoản mục quan trọng nhất của khối tài nguyên chung chắc chắn chính là đất, chủ thể của những lời chỉ trích ban đầu về định chế tài sản. Các đề xuất của George và Gesell phát sinh từ sự chỉ trích này khớp một cách trơn tru với hệ thống tiền tệ mà tôi đã mô tả. "Thuế duy nhất" của George là để làm gì ngoài việc đây là một khoản phí phải trả cho quyền sử dụng chung (đất)? Thuế này, áp dụng cho giá trị cơ bản của đất độc lập khỏi bất kỳ sự cải tổ nào thực hiện trên nó,[4] cũng có thể ở dạng cho thuê hoặc phí cho quyền sử dụng. Rõ ràng, vì những cải tiến đối với đất là bất động và thường cần nhiều năm hoặc nhiều thập kỷ để xây dựng lên, nên những người thuê sẽ phải được hưởng quyền gia hạn đầu tiên. Nhiều cách thức

nhẹ nhàng và lâu dài đã được đề xuất để hiện thực hóa việc cải tạo đất chung cho cộng đồng; không cần phải xác định nắm giữ bất động sản hiện có, mà chỉ cần ban hành nguyên tắc rằng trái đất thuộc về mọi người.[5] Điều đó có nghĩa là không ai được phép lấy lợi từ việc sở hữu đất.

Điều tương tự cũng xảy ra đối với phổ điện từ, các khoáng chất dưới trái đất, bộ gen và quỹ kiến thức được tích lũy của con người. Chúng nên để cho thuê, chứ không phải để sở hữu, và giá thuê nên được công khai. Giả định rằng, những người có thể sử dụng những tài sản này tốt nhất sẽ là người háo hức nhất để thuê chúng. Vẫn còn chỗ cho sự khởi nghiệp – thậm chí còn nhiều hơn ngày nay vì quyền tiếp cận tài nguyên sẽ không dựa trên quyền sở hữu trước đó mà dựa vào việc sử dụng hiệu quả nhất. Sẽ không còn sự kiếm lời từ "tôi sở hữu còn bạn thì không".

Sự giải thích nói trên về vấn đề tiền tệ có thể đã để lại ấn tượng rằng chính phủ liên bang sẽ tạo ra phần lớn lượng tiền. Đây không phải là những gì tôi hình dung ra. Nhiều tài nguyên chung mà dựa trên tiền sẽ được quản lý tốt nhất về mặt sinh học. Chẳng hạn, nhiều chất gây ô nhiễm đã gây ra những tác động tàn phá đối với hệ sinh

Thứ tài nguyên chung quan trọng nhất, đất đai, vốn dĩ cũng là một tài nguyên địa phương chung, trên thực tế, đất đai chính là thứ tạo nên định nghĩa về "địa phương". Nhìn chung, căn cứ tiền dựa trên tài nguyên chung đòi hỏi một sự phân rã chung về tài chính và cuối cùng là thẩm quyền chính trị cho cấp địa phương. Tất nhiên, có một số loại tài nguyên chung, và một số nỗ lực của con người mà có liên quan đến toàn bộ hành tinh; sau đó, một điều không thể thiếu là phải có quyền lực chính trị ở cấp độ toàn cầu với khả năng điều phối hoạt động của con người, để có thể sử dụng tiền. Nhưng chính phủ toàn cầu hoặc quốc gia không nên quản lý bất kỳ dạng tài nguyên chung nào vốn là khu vực hoặc địa phương. Vì rất nhiều loại tài nguyên – đất đai, rừng đầu nguồn, khoáng sản, khu vực đánh bắt hải sản và khả năng xử lý nhiều loại ô nhiễm của hệ sinh thái – là thuộc về địa phương, hệ thống tiền mà tôi mô tả tương ứng với sự thay đổi quyền lực chính trị ra khỏi các chính phủ tập trung. Chính quyền địa phương sẽ có quyền phát hành tiền được hỗ trợ bởi tài sản thực sự.

Cho đến giờ tôi đã mô tả cách cách làm thế nào chính quyền quốc gia và địa phương có thể phát hành tiền dựa trên sự giàu có của tự nhiên mà họ quản lý bởi niềm tin vào cộng đồng, nhân loại và trái đất. Tuy nhiên, không phải mọi nguồn của cải là đến từ tài nguyên chung. Các nhà phê bình tài sản từ thời những người cha Kito giáo thuở sơ khai đã nhận ra rằng một người ít nhất cũng sở hữu thời gian, sức lao động và cuộc sống của chính mình. Rốt cuộc, chúng ta được sinh ra không có gì khác trong tay, và sẽ xuống mồ như vậy. Dù gì, cuộc sống của chúng ta là của riêng chúng ta. Nếu vậy, các cá nhân có nên phát hành tiền hay nhận được tín dụng được hỗ trợ bởi chính nguồn lực sản xuất của họ hay không?

Thực ra thì chúng ta đã làm điều này ngày nay, khi các doanh nghiệp tư nhân và các cá nhân tạo ra tiền thông qua tín dụng ngân hàng. Cho dù chúng ta có thể nói rằng chúng ta "sở hữu" cuộc sống của riêng mình hay không, chắc chắn chúng ta là người quản lý thời gian, năng lượng và sức mạnh sáng tạo của riêng chúng ta. Nếu một chính phủ có thể phát hành tiền tệ dựa trên tài sản sản xuất mà nó nắm giữ, thì tại sao một thực thể cá nhân không thể làm điều tương tự?

Tôi đặt ra câu hỏi này bởi vì một số nhà cải cách tiền tệ nghĩ rằng đây là một ý tưởng tồi và đã xây dựng toàn bộ triết lý kinh tế xung quanh vàng hoặc các hệ thống tiền tệ trong đó ngân hàng dự trữ một phần và việc tạo ra tiền tín dụng tư nhân sẽ bị cấm. Tôi sẽ tiếp cận vấn đề này ở chiều sâu bởi vì nó đại diện cho một dòng quan điểm quan trọng trong Kinh tế học mới. Những đề xuất gần đây của nhà sử học tiền tệ Stephen Zarlenga thậm chí đã nhận được sự đồng cảm ở giới của chính trị Mỹ, đặc biệt là với Nghị sĩ Ron Paul. Việc bãi bỏ ngân hàng dự trữ một phần cũng là một phần trong triết lý của một số tín đồ thuộc phong trào tín dụng xã hội, trường phái kinh tế Áo, và nhiều bên khác. Logic của họ dường như hấp dẫn tôi ngay từ lúc đầu, và họ cung cấp một sự diễn giải rất kỹ lưỡng về những tác động tai hại của tăng trưởng nợ vào giữa và cuối thế kỷ 20, khi tiền được tách rời khỏi vàng. Một hệ thống dự trữ 100%, được tuyên bố sẽ ngăn chặn việc nợ vượt xa so với tiền, nhưng làm thế nào để ngăn chặn sự tập trung của cải khi có lãi?

Ngoại trừ trường phái kinh tế Áo, hầu hết những người đề xuất về dự trữ 100% cũng hỗ trợ một số loại tái phân phối kinh tế hoặc mở rộng tiền tệ, chẳng hạn như chi tiêu trực tiếp của chính phủ vào nền kinh tế để những con nợ có thể có đủ tiền để trả nợ và lãi suất cho vay. Frederick Soddy, một trong số các nhà kinh tế học hiện đại đầu tiên nhận ra sự bất khả thi của sự tăng trưởng theo cấp số nhân không giới hạn và là người phân biệt được giữa tiền và của cải, đã đề xuất yêu cầu dự trữ 100% đối với các ngân hàng, loại trừ ngân hàng khỏi hoạt động tạo ra tiền, nhưng đồng thời ông cũng cho rằng chính phủ sẽ tiêu tiền tồn tại ở các cấp độ để ngăn chặn sự giảm phát. Irving Fisher, người sáng lập kinh tế học toán học và là nhà kinh tế học gây tranh cãi vĩ đại nhất nước Mỹ, đã đưa ra một đề xuất gần giống vậy, mà ông gọi là "tiền 100%". Thiếu tá Douglas thậm chí còn đi xa hơn bằng cách ủng hộ vấn đề cổ tức xã hội được chi trả cho tất cả công dân.

Tôi đã dành khá nhiều thời gian để cố gắng giải quyết câu hỏi liệu ngân hàng dự trữ một phần hay ngân hàng dự trữ đầy đủ có phù hợp với kinh tế học thiêng liêng hay không. Sau khi vật lộn với những vấn đề phức tạp ghê gớm của câu hỏi này và đọc các bài báo từ những năm 1930, một ngày nọ, tôi bỏ cuộc và nằm xuống chiếc ghế dài, tưởng như đã là một sự thất vọng, thì tôi lại chợt nhận ra rằng hai hệ thống về cơ bản không khác nhau như hầu hết mọi người nghĩ. Sự nhầm lẫn có đầy rẫy trên internet xuất phát từ một cấp độ quan điểm đơn giản và không chính xác về cách thức hoạt động của ngân hàng dự trữ một phần, và ở mức độ sâu sắc hơn nằm ở sự phân biệt rõ ràng và không liên quan giữa những gì là truyền thống và những gì là có thật. Tôi sẽ trình bày một góc nhìn thay thế trong phần phụ lục.

Ở đây, có thể nói rằng các đề xuất của cuốn sách này không thể khớp vào cả hai hệ thống. Nhìn chung, tôi thông cảm hơn với một hệ thống bao gồm tín dụng tư nhân, đầu tiên bởi vì nó cho phép tạo ra tiền hữu cơ, nội sinh độc lập với cơ quan trung ương; thứ hai bởi vì nó dễ dàng kết hợp các phương thức hợp tác kinh tế mới thú vị như vòng trao đổi thương mại và hệ thống tín dụng chung; thứ ba bởi vì nó cho phép nhiều khả năng linh hoạt hơn trong việc hòa giải tài chính và hình thành vốn; và thứ tư bởi vì nó đơn giản hóa thanh toán bù trừ tín dụng liên ngân hàng. Hơn nữa, khi một số đồng nghiệp của Irving Fisher bắt đầu nhận ra điều này vào giữa những năm 1930, gần như đã là bất khả thi để có thể ngăn chặn tiền gửi dự

trữ một phần xuất hiện dưới dạng bí mật.[6] Tôi rút ra điểm này trong phần phụ lục, nhưng hãy xem xét: ngay cả khi bạn phát hành IOU cho một người bạn và bạn của bạn đưa nó cho một người bạn khác thay cho tiền mặt, thì bạn đang tăng lượng cung tiền.

Bất kể những lợi thế và thiếu sót của việc tạo ra tiền tư nhân thông qua tín dụng và cho dù chính phủ phát hành tiền hay tạo ra tiền tín dụng hợp tác với một ngân hàng trung ương, một tỷ lệ tiền lớn hơn sẽ xuất hiện bên ngoài hệ thống ngân hàng tư nhân so với hiện nay. Lý do khá đơn giản: phần lớn tài nguyên chung tự nhiên được sử dụng làm cơ sở cho việc tạo ra tín dụng tư nhân ngày nay sẽ trở nên công khai. Chẳng hạn, một công ty sẽ không còn có thể thực hiện một khoản vay kinh doanh dựa trên doanh thu dự đoán tương lai từ việc làm cạn kiệt một tầng chứa nước. Các chi phí trong tương lai của sự cạn kiệt đó sẽ được nội bộ hóa và trả lại cho công chúng thông qua các khoản thanh toán quyền sử dụng. Tuy nhiên, vẫn có thể có cơ hội để sinh lợi nhuận, ví dụ như, nếu ai đó có thể sử dụng hiệu quả hơn trong cùng một lượng nước. Những điều đó là một cơ sở hợp pháp để tạo tín dụng tư nhân; những gì bất hợp pháp là việc tạo ra tiền bằng cách lấy một cái gì đó mà thuộc về tất cả mọi người.

Bởi sự tập trung của quyền sở hữu tư nhân đối với tài nguyên chung ngày nay, lợi ích thông qua quyền sở hữu đơn thuần cũng được tập trung cao độ. Khi các nhà sản xuất (và cuối cùng là người tiêu dùng) trả toàn bộ chi phí năng lượng cố định và nguyên liệu thô và giá cho thuê hợp lý đối với đất đai và các tài sản khác, thì phần lớn tài sản tập trung trong tay vài bên ngày nay sẽ tích lũy thay cho sự quản lý của chung. Tình huống này sẽ tương tự như những gì xảy ra khi một quốc gia như Venezuela hay Bolivia quốc gia hóa các loại dầu mỏ của mình. Các nhà sản xuất nước ngoài vẫn có thể vận hành những lĩnh vực này, nhưng họ chỉ có lời từ dịch vụ khai thác dầu chứ không phải từ quyền sở hữu dầu. Một phần lợi nhuận sẽ đến tay nhà nước. Điều gì xảy ra với số tiền đó phụ thuộc vào chính trị. Nó có thể đi đến một nhóm tội phạm tham nhũng, hoặc nó có thể đi đến các dự án công trình công cộng, hoặc nó có thể được trả trực tiếp cho người dân như một loại royalty (giống như ở Alaska, nơi mỗi cư dân được thanh toán hàng năm vài nghìn đô la). Không chỉ đối với dầu mà đối với tất cả các loại tài nguyên chung, điều này giúp cung cấp một lượng tiền khổng lồ cho các

cấp chính quyền khác nhau, đặc biệt là ở cấp địa phương và vùng sinh thái, thay thế các hình thức thuế hiện tại.

Một hậu quả khác của tiền tệ dựa trên tài nguyên chung là chúng ta sẽ phải trả nhiều tiền hơn cho nhiều thứ hiện nay đang rất rẻ vì giá của chúng sẽ bao gồm thêm các chi phí mà chúng ta hiện đang đùn đẩy cho những người khác hoặc thế hệ tương lai. Hàng hóa sẽ trở nên đắt hơn so với các dịch vụ, cung cấp một động lực kinh tế cho việc sửa chữa, tái sử dụng và tái chế. Xa rời sẽ là nền kinh tế sai lệch khiến cho việc mua một chiếc tivi mới rẻ hơn so với sửa chữa một cái cũ. Động lực tài chính hiện tại sẽ biến mất vì sự lỗi thời trong tương lai. Một mô hình kinh doanh mới (đã xuất hiện trong một số ngành công nghiệp) sẽ nở rộ: chúng là những cỗ máy cực kỳ bền, dễ sửa chữa được cho thuê thay vì bán cho người tiêu dùng.

Mới chỉ hai thế hệ trước thôi khi mà những thiết bị khiêm tốn như máy nướng bánh mì sẽ vẫn được đưa đến các cửa hàng sửa chữa. Ngay cả giày và quần áo cũng được sửa chữa. Các dịch vụ như vậy không chỉ mang tính địa phương, từ đó giúp tiếp thêm sinh lực cho các nền kinh tế địa phương, mà chúng còn góp phần vào thái độ quan tâm đến những thứ vật chất của chúng ta, và bằng cách mở rộng vật chất nói chung. Một cuộc sống đầy những thứ vứt đi không phải là một cuộc sống giàu có. Làm thế nào chúng ta có thể có một nền kinh tế thiêng liêng nếu chúng ta không đối xử với những thứ mà chính con người tạo ra và trao đổi với sự tôn trọng? Tôi rất hài lòng rằng một hệ thống tiền dựa trên sự tôn kính bảo vệ đối với tự nhiên, ở cấp độ cá nhân, cũng thúc đẩy thái độ tôn kính tương tự đối với những thứ chúng ta làm ra từ nguyên liệu tự nhiên.

Ở cấp độ tập thể, sự tôn kính này sẽ tồn tại ở hình thức khác nhấn mạnh nhiều vào chi tiêu của chính phủ. Nguồn tài nguyên khổng lồ được dành ra thông qua việc đòi lại các tài nguyên chung vì lợi ích công có thể hướng tới việc chữa lành thiệt hại từ nhiều thế kỷ mà những thứ tài nguyên đó đã bị khai thác. Thảm họa sinh thái sẽ không ngừng hướng sự chú ý của chúng ta tới nhu cầu cấp thiết trong việc chữa lành những khu rừng, những vùng đất ngập nước, những đại dương, bầu khí quyển và mọi hệ sinh thái khác khỏi sự tàn phá trong thời đại công nghiệp. Tính cấp bách của nhu cầu này sẽ đưa sức mạnh của chúng ta ra khỏi sự tiêu thụ tài nguyên và cả chiến tranh.

Chiến tranh là một phần đệm không thể tránh khỏi đối với một hệ thống kinh tế đòi hỏi sự tăng trưởng. Cho dù thông qua việc xâm chiếm đất đai hay sự khuất phục các dân tộc, chúng ta luôn có nhu cầu tiếp cận các nguồn vốn xã hội và tự nhiên mới để nuôi sống cỗ máy kiếm tiền. Các cuộc chiến tranh cũng làm tăng mức tiêu thụ, giảm bớt khủng hoảng dư thừa được mô tả trước đó. Do đó, sự cạnh tranh về tài nguyên và thị trường là động lực chính cho các cuộc chiến của thế kỷ XX, cả giữa các cường quốc, và cả chống lại bất cứ ai đi ngược lại chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Hạn chế tiêu thụ tài nguyên là một trong những trụ cột của nền kinh tế ổn định hoặc suy thoái, làm ngắn mạch động lực chính dẫn tới chiến tranh và giải phóng các nguồn lực lớn để hướng tới mục tiêu chữa lành hành tinh.

Hệ thống tiền mà tôi đã mô tả đã đi một chặng đường dài để đảo ngược sự bất công đối với tài sản đã từ lâu, cũng như cả sự tiên đoán của số ít đối với nhiều người và chống lại tương lai vốn đã định trong việc khai thác tài nguyên chung. Tuy nhiên, vẫn có một phần lớn bị thiếu: sự bất công tương tự về tài sản thừa hưởng bằng tiền, như được thiết lập trong Chương 5. Tôi đã mô tả một câu chuyện mới về giá trị và cách thể hiện nó bằng tiền nhưng cho đến nay vẫn chưa hề thấy có sự bắt buộc đối với nó, điều mà độc lập với câu chuyện về giá trị, để thúc đẩy sự tăng trưởng hoặc sự tập trung của cải (hoặc cả hai). Liệu có thể coi tiền như một tài nguyên chung giống như đất hoặc không khí? Liệu có thể đảo ngược cơ chế lợi ích, giống như việc chiếm đoạt tài nguyên chung, cho phép những người sở hữu nó có quyền kiếm lời từ việc sở hữu đơn thuần không? Chúng ta sẽ cùng tiếp tục tiếp cận vấn đề quan trọng này.

CHƯƠNG 12:
NỀN KINH TẾ LÃI SUẤT ÂM

Nợ có thể tồn tại mãi mãi; sự giàu có thì không, bởi chiều kích vật lý của nó phải chịu sức phá hoại của sự hỗn độn.

– Frederick Soddy

Giả sử tôi có mười hai ổ bánh mì, và bạn đang đói. Tôi không thể ăn quá nhiều bánh mì trước khi nó bị ôi thiu, vì vậy tôi rất vui lòng cho bạn vay một ít. "Đây, lấy sáu chiếc bánh này đi," tôi nói, "và khi bạn có bánh mì trong tương lai, bạn có thể trả lại cho tôi sáu cái bánh sau cũng được". Tôi cung cấp cho bạn sáu ổ bánh mì mới ra lò bây giờ và bạn sẽ trả lại cho tôi sáu ổ bánh mì tươi khác trong tương lai.

Trong một thế giới nơi những thứ chúng ta cần và sử dụng sắp hỏng, việc chia sẻ diễn ra một cách tự nhiên. Người tích trữ cuối cùng ngồi một mình trên đỉnh một đống bánh mì cũ, dụng cụ rỉ sét và trái cây hư hỏng, và không ai muốn giúp anh ta, bởi vì anh ta đã không giúp ai. Tiền ngày nay, tuy nhiên, không giống như bánh mì, trái cây, hoặc bất kỳ đối tượng tự nhiên nào. Đó là sự miễn trừ đơn độc đối với luật hoàn trả tự nhiên, luật của cuộc sống, chết và tái sinh, thứ cho rằng tất cả mọi thứ cuối cùng đều trở về nguồn của chúng. Tiền không phân rã theo thời gian, nhưng trong sự trừu tượng của nó từ vật chất, nó vẫn không thay đổi hoặc thậm chí tăng theo thời gian, theo cấp số nhân, nhờ vào sức mạnh của lãi suất.

Chúng ta liên kết tiền với bản thân một cách rất chặt chẽ. Như ý nghĩa của từ "của tôi" ngụ ý, chúng ta coi tiền của mình gần như là một phần mở rộng của bản thân chúng ta, đó là lý do tại sao chúng ta cảm thấy "bị lột hết" khi nó bị lấy đi. Vì vậy, tiền bạc không chỉ vi phạm quy luật hoàn trả tự nhiên, mà còn vi phạm quy luật tinh thần về sự vô thường. Việc liên kết một thứ gì đó tồn tại và phát triển theo thời gian với một kiếp người già đi,

chết đi và trở về với đất sẽ duy trì một sự ảo tưởng. Mặc dù tất cả chúng ta đều biết rõ hơn điều đó, nhưng bằng cách nào đó chúng ta tưởng tượng rằng bằng cách tăng thêm sự giàu có, chúng ta tự tăng thêm cho bản thân và có thể dành được từ sự bất diệt của đồng tiền. Chúng ta tích trữ nó cho tuổi già, như thể chúng ta có thể ngăn chặn sự suy tàn của chính mình. Ảnh hưởng của tiền, giống như tất cả những thứ khác, phân hủy và quay trở lại nguồn gốc của nó sẽ như thế nào?

Chúng ta đã gắn số tiền đang tăng theo cấp số nhân với bản thân và với thế giới, thứ không tăng theo cấp số nhân hoặc thậm chí tuyến tính, mà thậm chí còn là tuần hoàn. Kết quả, như tôi đã mô tả, là sự cạnh tranh, sự khan hiếm và sự tập trung của cải. Câu trả lời cho câu hỏi tôi đã đặt ra trước đây, "Điều gì đã xảy ra với ý tưởng đẹp đẽ được gọi là tiền bạc, thứ có thể kết nối giữa món quà và nhu cầu của con người?" mà cuối cùng đã biến thành lãi suất, hành động lãi suất nặng. Nhưng bản thân việc lãi suất nặng không phải là một hiện tượng cá biệt nào đó mà nó đã có thể khác đi nếu chúng ta thực hiện một lựa chọn khôn ngoan hơn ở một điểm nào đó. Nó ràng buộc một cách không thể chối cãi với ý thức của chúng ta về cái tôi, cái tôi riêng biệt trong một vũ trụ khách quan, mà sự tiến hóa của nó song song với sự tiến hóa của đồng tiền. Không phải ngẫu nhiên mà xã hội tiền tệ hóa đầu tiên, Hy Lạp cổ đại, cũng là nơi sinh ra khái niệm hiện đại về cá nhân.

Mối liên hệ sâu sắc giữa tiền và con người là một tin tốt bởi vì nhân dạng con người ngày nay đang trải qua một sự biến chuyển sâu sắc. Loại tiền nào sẽ phù hợp với cái tôi mới, cái tôi ràng buộc, và một thế giới mà chúng ta ngày càng nhận ra chân lý của sự kết nối với nhau: rằng nhiều hơn cho bạn cũng là nhiều hơn cho tôi? Với vai trò quyết định của lãi suất, hệ thống tiền tệ thay thế đầu tiên cần xem xét là hệ thống loại bỏ nó về mặt cấu trúc, hoặc thậm chí là hệ thống mang đến sự ngược lại của lợi ích. Rốt cuộc, nếu lãi suất gây ra sự cạnh tranh, khan hiếm và phân cực, thì điều ngược lại của nó có thể tạo ra sự hợp tác, sự phong phú và tính cộng đồng hay không? Và nếu lãi suất đại diện cho số tiền thu được từ những phi vụ cướp bóc tài nguyên chung từ xa xưa hay là đang diễn ra, thì điều ngược lại của nó sẽ không bổ sung thêm cho điều này?

Sự đối ngược lại đó sẽ như thế nào? Nó sẽ là một loại tiền, mà giống như bánh mì, sẽ trở nên ít giá trị hơn theo thời gian. Nói cách khác, đó sẽ là loại tiền bạc, mà sẽ tự phân rã, loại tiền có lãi suất âm, hay còn được gọi là phí lưu trữ.[1] Tiền tệ tự phân rã là một trong những ý tưởng chính của cuốn sách này, nhưng trước khi tôi trình bày về lịch sử, ứng dụng, lý thuyết kinh tế và các hệ quả, tôi muốn nói một chút về thuật ngữ "phân rã", điều mà tôi đã được khuyên là nên tránh dùng do nội hàm tiêu cực của nó.

Tại sao "sự suy tàn" nghe có vẻ tiêu cực, và "sự bảo toàn" lại là chuẩn mực? Tư tưởng này lại nảy sinh từ câu chuyện của *Sự thăng tiến*, trong đó định mệnh của loài người là vượt lên trên cả thiên nhiên; chiến thắng sự hỗn độn, hỗn loạn và phân rã; và để thiết lập một lãnh địa có trật tự: mang tính khoa học, hợp lý, trong sạch và được kiểm soát. Bổ sung cho nó là tính tâm linh của sự tách biệt, trong đó một linh hồn thiêng liêng phi vật chất, tồn tại vĩnh viễn, không chết, sống trong một cơ thể nhất thời và phàm tục. Vì vậy, chúng ta đã tìm cách chinh phục cơ thể, chinh phục thế giới, và nắm giữ quá trình phân rã. Thật không may, khi làm như vậy, chúng ta cũng đã nắm giữ một quá trình lớn hơn mà trong đó quá trình phân rã là một phần: đổi mới, tái sinh, tái chế và quá trình tiến hóa theo hướng phức tạp tích hợp rộng lớn hơn. May thay, những câu chuyện về Sự tách biệt và Sự tiến tới đang kết thúc. Đã đến lúc lấy lại vẻ đẹp và sự cần thiết của sự phân rã, cả trong suy nghĩ và trong nền kinh tế của chúng ta.

LỊCH SỬ VÀ NỀN TẢNG

Những dạng tiền hàng hóa ngày đầu, chẳng hạn như ngũ cốc, gia súc, và những thứ tương tự chắc chắn có thể bị phân hủy: ngũ cốc sẽ hỏng, gia súc thì già đi và chết, và thậm chí đất nông nghiệp sẽ trở thành vùng đất hoang dã nếu như không được chăm sóc. Cũng đã có những hệ thống tiền kim loại mà đã được ước tính gần đúng với hình thức phân rã bằng cách kết hợp một loại lãi suất âm tích hợp sẵn. Một ví dụ thô sơ về hệ thống như vậy đã được sử dụng rộng rãi vào thời Trung cổ trong hệ thống *Brakteaten* của Châu Âu, trong đó các đồng xu được thu hồi định kỳ và sau đó được trả lại với mức giá trị bị chiết khấu.[2] Ở Anh, các vị vua Saxon thu hồi đồng xu bạc sáu năm một lần, cứ thu bốn chiếc thì phát hành lại ra ba chiếc, với tỷ lệ khấu hao khoảng 4% mỗi năm.[3] Điều này đã áp dụng một

cách hiệu quả hình phạt đối với việc tích trữ tiền, thay vào đó khuyến khích lưu thông và đầu tư vào vốn sản xuất. Nếu bạn có nhiều tiền hơn mức có thể sử dụng, bạn sẽ vui lòng cho vay, ngay cả khi không có lãi suất, bởi vì tiền của bạn sẽ giảm giá trị nếu bạn giữ chúng quá lâu. Lưu ý rằng cung tiền không nhất thiết phải thu hẹp do hệ thống này, vì lãnh chúa có lẽ sẽ bơm khoản chênh lệch trở lại nền kinh tế để trang trải chi phí của chính mình. Do đó, khoản lãi âm này là một loại thuế.

Nhà lý thuyết tiên phong về tiền lãi âm là doanh nhân người Đức gốc Argentina Silvio Gesell, người đã gọi nó là "tiền tự do" (Freigeld), một cái tên mà tôi sẽ dùng để vinh danh ông ấy. Hệ thống mà ông đề xuất trong tác phẩm tổng thể năm 1906 của mình, *Trật tự kinh tế tự nhiên (The Natural Economic Order)*, là sử dụng tiền giấy mà trong đó một con tem có giá trị bằng một phần nhỏ giá trị của tờ tiền, phải được gắn vào định kỳ. Điều này thực sự gắn chi phí bảo trì với tiền tệ. Giống như bất kỳ loại hàng hóa vật lý nào, số tiền đó "xuống cấp" (với tỷ lệ được xác định bởi giá trị của các con tem cần thiết để giữ cho đồng tiền hợp lệ). Ví dụ: nếu một tờ đô la yêu cầu con tem một cent mỗi tháng để duy trì giá trị, nó sẽ mất giá với tỷ lệ hàng năm là 12%.[4]

Gesell nảy ra ý tưởng về loại tiền tệ có tính phí lưu trữ từ một hướng khác tôi. Ông ấy viết nên trong một thời đại mà hầu như không ai ngờ vực mong muốn tăng trưởng kinh tế, và dù có tầm nhìn xa trông rộng, Gesell không bao giờ nghi ngờ (theo như tôi biết) về khả năng của trái đất hoặc công nghệ có thể đáp ứng nó mãi mãi.[5] Mối quan tâm chính của ông là để khắc phục tình trạng phân phối của cải không công bằng và trái lẽ trong thời đại của ông, tình trạng nghèo đói chưa từng có nằm giữa sự dư dả cũng chưa từng có. Ông cho rằng điều này là do một sự lợi thế không công bằng rất lớn mà những người sở hữu tiền nắm giữ: họ sở hữu một "hàng hóa có thể tích trữ được đồng thời là phương tiện kiếm tiền". Các hàng hóa khác (ngoại trừ có thể là đất đai) không có khả năng tích trữ giống như vàng hoặc các loại tiền tệ khác: chúng bị thối rữa, rỉ sét hoặc phân hủy; có thể bị trộm cắp hoặc lỗi thời; phát sinh chi phí lưu kho và vận chuyển; và hơn thế nữa. Ông đã viết,

Vàng không hài hòa với đặc tính của hàng hóa của chúng ta. Vàng và rơm, vàng và xăng, vàng và phân chim, vàng và gạch, vàng và sắt, vàng và da động vật sống! Chỉ có một ảo giác hoang đường, một ảo giác quái dị, chỉ có học thuyết về "giá trị" mới có thể bắc cầu khoảng trống này. Hàng hóa nói chung, rơm rạ, xăng dầu, phân chim và những thứ còn lại chỉ có thể được trao đổi một cách an toàn khi tất cả mọi người không quan tâm đến việc mình sở hữu tiền hay hàng hóa, và điều đó chỉ có thể xảy ra nếu tiền có thể bị ảnh hưởng bởi tất cả các khuyết điểm vốn có trong những sản phẩm của chúng ta. Đó là điều hiển nhiên. Hàng hóa của chúng ta thối rữa, mục nát, vỡ nát, rỉ sét, vì vậy chỉ khi tiền cũng có tính chất bất đồng, được bao gồm cả ảnh hưởng tổn thất như vậy thì nó mới có thể trao đổi nhanh chóng, an toàn và rẻ. Đối với những khoản tiền như vậy, trên bất kỳ tình huống nào, không bao giờ có thể được ưa thích bởi bất kỳ ai so với hàng hóa.

Chỉ những đồng tiền mà có thể bị lỗi thời như một tờ báo, thối rữa như khoai tây, gỉ như sắt, bay hơi như ether, mới có khả năng đứng vững như một công cụ để trao đổi với khoai tây, sách báo, sắt và ether. Vì tiền như vậy không được ưa chuộng bằng hàng hóa đối với cả người mua và người bán. Sau đó, chúng ta chỉ đánh đổi hàng hóa của mình với tiền khi chúng ta cần tiền như một phương tiện trao đổi, không phải vì chúng ta mong đợi một lợi thế từ việc sở hữu tiền.[6]

Nhưng ngày nay, như thời của Gesell, tiền được ưu ái hơn hàng hóa. Khả năng giữ lại phương tiện trao đổi cho phép người giữ tiền tính lãi suất; họ chiếm một vị trí đặc quyền so với những người nắm giữ vốn thực (và thậm chí còn hơn cả thế nữa đối với những người bán thời gian của họ, 100% trong số đó biến mất mỗi ngày nếu không bán được).

Kết quả là sự phân cực ngày càng tăng của sự giàu có vì về cơ bản mọi người đều cống nạp cho những người sở hữu tiền.

Hệ quả của quan điểm của Gesell là thật không công bằng cho chúng ta khi ta đang chỉ trả tiền cho các phương tiện để thực hiện trao đổi. Gesell tin rằng chỉ cần đơn giản là có sự mong muốn để thực hiện một cuộc trao đổi là đủ. Nếu tôi có một cái gì đó để cung cấp mà bạn cần, tại sao chúng ta

phải trả tiền cho những phương tiện để cho và nhận nó? Tại sao bạn phải trả tiền cho đặc quyền nhận quà? Đây là một trong những lý do tại sao mà tiền của Gesell xứng đáng với biệt danh "tự do". Như chúng ta thấy, một hệ thống tín dụng dựa trên đồng tiền có thể giảm giá trị cho phép các khoản vay không lãi suất. Trong khi chúng ta vẫn phải trả các khoản vay, giờ đây chúng ta sẽ không còn phải trả chúng nữa. Theo nghĩa đó, tiền trở nên tự do.

Gesell ủng hộ việc phân rã tiền tệ trở thành một công cụ để tách tiền từ một vật lưu trữ giá trị ra thành một phương tiện trao đổi. Tiền sẽ không còn được ưu tiên hơn vốn vật chất. Ông dự đoán kết quả là, tình trạng khan hiếm nhân tạo và suy thoái kinh tế xảy ra khi có nhiều hàng hóa để trao đổi nhưng lại thiếu tiền để trao đổi, sẽ kết thúc. Đề xuất của ông sẽ buộc tiền phải luân chuyển. Những người sở hữu tiền sẽ không còn có động cơ để giữ nó khỏi nền kinh tế, chờ đợi sự khan hiếm tăng lên đến mức lợi tức mà khi vốn thực tế vượt quá lãi suất. Đây là lý do thứ hai để gọi nó là "tiền tự do": *tự do khỏi* sự kiểm soát của những người giàu có, tiền sẽ luân chuyển tự do thay vì đông cứng lại trong những vũng nước đọng và rộng lớn như hiện nay.

Gesell coi đặc tính sinh lãi của tiền là một lực cản cho sự thịnh vượng. Ngay khi hàng hóa trở nên dồi dào đến mức lợi tức đầu tư vốn thấp hơn lãi suất tối thiểu, thì chủ sở hữu tiền sẽ giữ lại khoản đầu tư đó. Tiền để thực hiện các giao dịch biến mất khỏi sự lưu thông, và cuộc khủng hoảng quen thuộc về tình trạng thừa khả năng lưu trữ sẽ lại xuất hiện, với nghịch lý cùng với đó sẽ là sự khan hiếm hàng hóa đối với đại đa số người dân.

Hệ thống tiền năm 1906 khá khác so với ngày nay. Hầu hết các loại tiền tệ, ít nhất là trên lý thuyết, vẫn được hỗ trợ bởi các kim loại quý, và không hề có gì giống như việc mở rộng tín dụng trên cơ sở tiền tệ mà chúng ta có ngày nay. Thật vậy, Gesell đã xem tín dụng như một sự thay thế cho tiền, một cách để các doanh nghiệp thực hiện các giao dịch khi không có tiền tệ. Nhưng ngày nay tín dụng và tiền gần như giống hệt nhau. Lý thuyết kinh tế hiện nay coi việc sử dụng tín dụng như tiền là một sự phát triển tích cực, một phần vì nó cho phép nguồn cung tiền mở rộng hoặc co lại một cách tự nhiên để đáp ứng nhu cầu về một phương tiện trao đổi. Tuy nhiên, như

chúng ta đã thấy, tín dụng có lãi suất không chỉ đáp ứng mà còn thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế tiền tệ. Hơn nữa, ở hình thức hiện tại, nó không kém phần khan hiếm so với thời của Gesell.

Mặc dù hầu như không được biết đến trong vòng nửa sau của thế kỷ 20, nhưng những ý tưởng của Gesell đã nhận được sự ủng hộ rộng rãi trong những năm 1920 và 1930 và có tầm ảnh hưởng đến các nhà kinh tế học nổi tiếng như Irving Fisher và John Maynard Keynes. Fisher đã thúc đẩy ý tưởng của Gesell một cách mạnh mẽ ở Hoa Kỳ, và Keynes đã đưa ra những lời khen ngợi, gọi ông là một "nhà tiên tri bị lãng quên một cách quá mức" và công việc của ông là "nguyên bản một cách sâu sắc".[7] Trong tình hình hỗn loạn sau Thế chiến thứ nhất, Gesell thậm chí còn được bổ nhiệm làm Bộ trưởng Bộ Tài chính của Cộng hòa Bavaria xấu số, nhiệm kỳ đó đã kéo dài chưa đầy một năm. Vào những năm 1920, một loại tiền tệ dạng tem – đồng wara – do một người bạn của Gesell phát hành, được lưu hành ở Đức, nhưng ở đó cũng như những nơi khác, chỉ một cuộc suy thoái kinh tế mới có thể giúp phát hành nó ra một cách nghiêm túc. Cho dù trong cuộc sống tập thể hay cuộc sống chung, những sự thay đổi thực sự hiếm khi xảy ra khi không có một cuộc khủng hoảng.

Năm 1931, một nhà khai thác mỏ than ở Đức quyết định mở lại mỏ đã đóng cửa của mình bằng cách trả lương cho công nhân của mình bằng đồng wara. Bởi vì ông cũng đồng ý mua lại phiếu lấy than, thứ mà mọi người đều có thể sử dụng, các nhà thương gia và bán buôn tại địa phương đã được thuyết phục chấp nhận nó. Thị trấn khai thác đã phát triển và trong năm đó, ít nhất một nghìn cửa hàng trên khắp nước Đức chấp nhận tiền wara, và các ngân hàng bắt đầu chấp nhận tiền gửi bằng wara.[8] Điều này đưa đồng tiền này lên màn hình radar. Cảm thấy bị đe dọa, chính phủ Đức đã cố gắng để wara bị tòa án tuyên bố là bất hợp pháp; khi điều đó không thành công, họ chỉ đơn giản có thể cấm nó bằng sắc lệnh khẩn cấp.[9]

Năm sau, thị trấn trầm mặc Wörgl của nước Áo đã phát hành bản tem phiếu của riêng mình lấy cảm hứng từ Gesell và sự thành công của wara. Tiền tệ Wörgl là một thành công lớn trong tất cả mọi mặt.[10] Con đường đã được trải nhựa, những cây cầu đã được xây dựng và các khoản thuế đã được trả. Tỷ lệ thất nghiệp giảm nhanh và nền kinh tế phát triển mạnh, thu

hút sự chú ý của các thị trấn lân cận. Thị trưởng và các quan chức từ khắp nơi trên thế giới bắt đầu đến thăm Wörgl cho đến khi, cũng như ở Đức, chính quyền trung ương bãi bỏ đồng tiền Wörgl và thị trấn rơi vào tình trạng suy thoái.

Cả đồng tiền wara và hệ thống tiền tệ Wörgl đều có tỷ lệ giảm giá là 1% mỗi tháng. Các bản tường thuật đương thời cho rằng đây là tốc độ lưu thông tiền tệ rất nhanh. Thay vì tạo ra lãi suất và gia tăng, tích lũy của cải trở thành gánh nặng, giống như những đồ dùng cá nhân là gánh nặng đối với những người du mục săn bắn hái lượm. Theo lý thuyết của Gesell, tiền có đặc tính gây thua lỗ không còn được ưa chuộng hơn bất kỳ loại hàng hóa nào khác với tư cách một vật lưu trữ giá trị. Tuy nhiên, không thể chứng minh rằng tác động trẻ hóa của các loại tiền tệ này đến từ sự suy giảm chứ không phải từ sự gia tăng cung tiền hay là từ hiệu ứng bản địa hóa kinh tế của một đồng nội tệ như đồng Wörgl.

Một loại tiền tệ khác xuất hiện vào khoảng thời gian này và vẫn được sử dụng cho đến ngày nay, đó là WIR ở Thụy Sĩ. Đồng tiền do một ngân hàng hợp tác phát hành và chỉ được hỗ trợ bởi sự đồng ý của các thành viên của nó trong việc chấp nhận thanh toán. Được thành lập bởi những người theo đuổi lý thuyết của Gesell, đồng tiền này ban đầu đã phải chịu phí giảm giá, thứ mà đã được loại bỏ trong thời kỳ tăng trưởng cao sau Thế chiến II.[11] Như tôi sẽ giải thích, lãi suất âm là không cần thiết trong một môi trường tăng trưởng nhanh; ngày nay, khi chúng ta tiếp cận một nền kinh tế với trạng thái ổn định và bước vào một giai đoạn phát triển mới, nó có thể trở nên hấp dẫn một lần nữa.

Tại Hoa Kỳ, nhiều "loại tiền khẩn cấp", như cách chúng được gọi, đã được phát hành vào đầu những năm 1930. Với việc đồng tiền quốc gia bốc hơi do cuộc khủng hoảng khiến ngân hàng thất bại, người dân và chính quyền địa phương đã tạo ra tiền của riêng họ. Kết quả tạo ra rất khác nhau và rất ít trong số đó giống với ý tưởng của Gesell, mà thay vào đó áp dụng mức phí cho mỗi giao dịch thay vì mỗi tuần hoặc mỗi tháng.[12] Điều này có tác dụng ngược lại với sự giảm giá trị bởi vì nó ngăn chặn sự lưu thông hơn là tích trữ. Tuy nhiên, vào năm 1933, ít nhất một trăm thành phố đã chuẩn bị tung ra các loại tiền tệ có đóng dấu của riêng họ, nhiều loại trong đó giống

với tiền tệ của Gesell.[13] Hơn nữa, với sự ủng hộ của Irving Fisher, một dự luật đã được đưa ra ở cả Hạ viện và Thượng viện mà trong đó sẽ phát hành một tỷ đô la tem phiếu trên toàn quốc. Nó và nhiều đồng tiền địa phương và tiểu bang khác được đề xuất đáng ra sẽ có tỷ lệ giảm giá trị cao hơn nhiều – 2% mỗi tuần – mà về cơ bản sẽ khiến đồng tiền tự thanh lý trong vòng một năm. Đây là một loại tiền tệ hoàn toàn khác với tiền Wörgl và hầu hết các đề xuất hiện đại khác, nhưng nó cho thấy rằng khái niệm cơ bản đang được xem xét nghiêm túc. Đây là một đoạn trích từ bản sửa đổi Bankhead-Pettengill sang dự luật cứu trợ thất nghiệp Costigan-LaFollette (S. 5125) năm 1933:

> *Bộ trưởng Tài chính Hoa Kỳ phải khắc và in tiền tệ của Hoa Kỳ dưới dạng các giấy chứng nhận tiền có đóng dấu. Các chứng nhận này sẽ có mệnh giá $1 mỗi tờ và số tiền phát hành sẽ được giới hạn ở mức $1.000.000.000. Các nhận tiền đã nêu phải có kích thước phù hợp để tạo khoảng trống ở mặt sau cho tem bưu chính… Bề mặt của chúng sẽ thể hiện cơ bản như sau: "Giấy chứng nhận này là sự thể hiện hợp pháp với giá $1 để thanh toán tất cả các khoản nợ và lệ phí, nhà nước và tư nhân, hải quan, thuế vụ: Miễn là, vào ngày chuyển khoản, sẽ có tem bưu chính 2 cent cho tất cả các ngày trước ngày chuyển đó, như được nêu trong lịch trình ở mặt sau của tờ này".*

Dự luật 5125 của Thượng viện không bao giờ được đưa ra bỏ phiếu, và một tháng sau Roosevelt đã cấm tất cả các loại "tiền tệ khẩn cấp" bằng sắc lệnh hành pháp khi ông đưa ra Thỏa thuận mới. Theo Bernard Lietaer, lý do ông làm điều này không phải vì tiền tệ địa phương và nhà nước sẽ không có hiệu quả trong việc chấm dứt cuộc Suy thoái, mà vì nó sẽ thể hiện sự mất đi quyền lực của chính quyền trung ương[14].

Ngày nay, chúng ta đang đứng trước bờ vực của một cuộc khủng hoảng tương tự và phải đối mặt với sự lựa chọn tương tự giữa việc tạm thời bảo toàn thế giới cũ thông qua tăng cường kiểm soát tập trung hoặc buông bỏ kiểm soát và bước sang thế giới mới. Đừng nhầm lẫn: hậu quả của hệ thống tiền tự do sẽ rất sâu sắc, nó sẽ bao gồm các khía cạnh kinh tế, xã hội, tâm lý và tinh thần. Tiền là thứ cơ bản và mang tính quyết định nền văn minh của chúng ta, đến nỗi sẽ thật là ngây thơ nếu hy vọng vào bất kỳ

sự thay đổi văn minh đích thực nào mà không liên quan đến sự thay đổi cơ bản về tiền.

ỨNG DỤNG HIỆN ĐẠI VÀ LÝ THUYẾT

Ý tưởng đằng sau tiền tự do, rất phổ biến vào đầu thế kỷ 20, đã nằm im trong sáu mươi năm. Giờ đây nó đang trỗi dậy, khi cuộc khủng hoảng kinh tế phá hủy những gì đã chắc chắn trong nửa thế kỷ qua và làm nảy sinh cái tư duy mà được rút ra từ cuộc Đại suy thoái. Một phần của điều này là sự phục hưng của Keynes, vì chỉ định hạ lãi suất và mua các quan hệ chứng khoán của chính phủ để kích thích nền kinh tế đã đạt đến một giới hạn – "giới hạn bằng 0" mà các ngân hàng trung ương không thể hạ lãi suất. Phản ứng theo trường phái Keynes (tuy nhiên là dựa trên cách đọc một phần của Keynes) là kích thích tài chính – sự thay thế chi tiêu của người tiêu dùng đang tăng lên cùng với chi tiêu của chính phủ. Sự kích thích kinh tế đầu tiên của Tổng thống Barack Obama cũng là sử dụng biện pháp của Keynes, mặc dù có thể không mạnh mẽ ngay cả trong mô hình đó.

Vấn đề về không giới hạn đã khiến một số người theo bên chính thống nghĩ về lãi suất âm: nghiên cứu của tôi dành cho chương này đã khám phá ra một bài báo của một nhà kinh tế của Cục Dự trữ Liên bang,[15] bài báo trên *New York Times* của một giáo sư kinh tế Harvard,[16] và một bài báo trên tạp chí *The Economist*.[17] Khi phương pháp kích thích của Keynes không thành công (sau cùng là vì lý do cạn kiệt tài nguyên chung, như tôi đã bàn luận), giải pháp triệt để hơn nhiều cho việc phân rã tiền tệ có thể xuất hiện trên màn hình radar. Hiện tại, nền kinh tế đang phục hồi nhẹ và hy vọng ảo tưởng về sự trở lại bình thường vẫn có thể được duy trì. Nhưng vì sự gần như cạn kiệt của các hình thức vốn chung khác nhau, sự phục hồi có thể sẽ thiếu động lực, và "sự bình thường" sẽ lùi xa.

Sự thất bại rõ ràng đầu tiên của biện pháp kích thích của Keynes là ở Nhật Bản, nơi chi tiêu lớn cho cơ sở hạ tầng bắt đầu từ những năm 1990 đã không thể phục hồi tăng trưởng kinh tế ở đó. Có rất ít chỗ để cho bất kỳ nền kinh tế phát triển cao nào để tăng trưởng trong nước hơn nữa. Trong ít nhất hai mươi năm, trên thực tế, việc nhập khẩu tăng trưởng từ các nước đang phát triển bằng cách sử dụng việc kiếm tiền từ các tài nguyên xã hội

và tự nhiên chung của họ để hỗ trợ kim tự tháp nợ của chúng ta. Điều này có thể diễn ra dưới một số hình thức: nô dịch nợ, trong đó một quốc gia buộc phải chuyển đổi từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất theo phương thức tổng hợp để thanh toán các khoản vay nước ngoài; hoặc quyền bá chủ của đồng đô la, trong đó các nước có năng suất sản xuất cao như Trung Quốc không có lựa chọn nào khác ngoài trả nợ tư nhân và nợ công của Hoa Kỳ (bởi vì họ có thể làm gì khác với số đô la thặng dư thương mại đó?). Tuy nhiên, cuối cùng, giải pháp tăng trưởng nhập khẩu cũng phải thất bại, khi các nước đang phát triển và toàn cầu nói chung đạt đến cùng giới hạn mà các nước phát triển đạt được.

Các số liệu thống kê kinh tế quan trọng đã ẩn đi xác suất rằng các nền kinh tế phương Tây đã ở trong giai đoạn tăng trưởng bằng không trong vòng ít nhất hai mươi năm. Bất kể sự tăng trưởng nào phần lớn đều đến từ những thứ như bong bóng bất động sản, ngành công nghiệp nhà tù, chi phí chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm và dịch vụ tài chính, chi phí giáo dục, ngành công nghiệp vũ khí, v.v… Những thứ này càng đắt, thì nền kinh tế càng được cho là đã phát triển. Trong những lĩnh vực đã có sự tăng trưởng, chẳng hạn như Internet, phần lớn điều này thực ra là một hình thức tăng trưởng nhập khẩu bí mật. Doanh thu dựa trên Internet chủ yếu đến từ bán hàng và quảng cáo, không phải từ sản xuất mới. Chúng ta đang bôi trơn hiệu quả hơn các bánh xe của băng chuyền vận chuyển hàng hóa từ Trung Quốc sang phương Tây. Trong mọi trường hợp, các nước đang phát triển không thể giữ cho cỗ máy tăng trưởng hoạt động mãi mãi. Nó càng chậm, càng cần thiết để vượt qua giới hạn bằng 0.

Mặc dù ý tưởng về việc dán tem vào tiền tệ có vẻ khá xa lạ, nhưng gần đây một số nhà kinh tế học nổi tiếng đã đề xuất các giải pháp thay thế hiện đại. Vì hầu hết tiền đều là tiền điện tử, điều chắc chắn chính là một loại thuế thanh khoản nào đó (như Irving Fisher đề xuất sớm nhất là vào năm 1935) hoặc tương đương với đó là lãi suất âm đối với tiền gửi trong Cục Dự trữ Liên bang. Biện pháp thứ hai được Willem Buiter, người lúc đó là giáo sư kinh tế và hiện là nhà kinh tế trưởng tại Citibank, đề xuất trong một bài báo năm 2003 trên *Tạp chí Kinh tế* và sau đó là *Thời báo Tài chính* năm 2009 (xem thư mục). Nó cũng đã được giáo sư kinh tế học Harvard, Greg Mankiw và chủ tịch Hiệp hội Kinh tế Mỹ Robert Hall,[18] và thậm chí được

thảo luận bởi các nhà kinh tế của Cục Dự trữ Liên bang.[19] Tôi hy vọng những cái tên này làm rõ rằng đây không phải là một đề xuất điên rồ.

Tất nhiên, tiền tệ vật chất sẽ cần phải chịu tỷ lệ khấu hao tương tự như dự trữ, điều mà có thể được thực hiện thông qua phương pháp của Gesell, bằng cách đặt ngày hết hạn trên tiền tệ, bằng cách thay thế nó bằng (hoặc xác định nó lại thành) trái phiếu với tỷ lệ lãi suất âm, bằng cách sử dụng đơn vị tiền mặt khác với đơn vị tài khoản chính thức, hoặc bằng cách để cho tỷ giá hối đoái giữa dự trữ ngân hàng và tiền tệ giao động.[20] Một lựa chọn khác sẽ là cấm hoàn toàn tiền mặt hiện có, điều này có thể làm tăng đáng kể sức mạnh của chính phủ vì mọi giao dịch điện tử có thể được ghi lại. Đáng sợ là đối với những người (bao gồm cả tôi) đang cảnh giác với tình trạng giám sát, phản ứng của tôi đối với mối quan tâm đó là, "Đã quá muộn rồi". Ngày nay, gần như tất cả các giao dịch quan trọng đều được thực hiện bằng phương thức điện tử, ngoại trừ những giao dịch liên quan đến ma túy bất hợp pháp. Tiền mặt cũng được sử dụng rộng rãi trong nền kinh tế phi chính thức để giúp mọi người tránh thuế, một động cơ sẽ biến mất nếu việc đánh thuế được chuyển từ nguồn thu nhập sang tài nguyên như tôi đề xuất.

Hơn nữa, không có lý do gì tại sao các đồng tiền phi chính thức lại không nên phát triển mạnh cùng với tiền điện tử chính thức, với lãi suất âm. Cho dù đây tiền điện tử hay tiền giấy thì còn tùy thuộc vào ứng dụng của chúng: có thể các vòng trao đổi thương mại và hợp tác thanh toán bù trừ tín dụng sẽ sử dụng tiền điện tử trong khi các loại tiền tệ địa phương, dựa trên cộng đồng có thể sẽ ưa sử dụng tiền giấy hơn. Dù bằng cách nào, các giao dịch sử dụng các loại tiền này sẽ nằm ngoài tầm ngắm của chính phủ trung ương. Cộng đồng sử dụng của họ sẽ quyết định mức độ lưu trữ thông tin cần thực hiện đối với những loại tiền tệ này. Những người hoạt động hoàn toàn trong nền kinh tế địa phương, chẳng hạn như dân hippies, những người quay lại đất liền, và những người khác mà tôi yêu quý, sẽ dẫn dắt đời sống kinh tế một cách vô hình đối với chính quyền trung ương. Có những lý do khác để làm cho tất cả các giao dịch và hồ sơ tài chính được công khai, không chỉ cho chính phủ, mà cho tất cả mọi người. Điều này thực ra đã được đề xuất một cách tổng quát hơn như một liều thuốc giải độc cho tình trạng giám sát – làm cho công nghệ giám sát trở nên công khai

và phổ biến – và nó đã thành công với sự gia tăng của máy quay video trong điện thoại di động, máy chơi game cầm tay và các thiết bị khác. Khi hoạt động của chính quyền minh bạch với người dân cũng như hoạt động của người dân đối với chính phủ, chúng ta sẽ có một xã hội thực sự cởi mở.

Tôi muốn nhấn mạnh tính khả thi của các đề xuất lãi suất âm hiện đại. Trong khi đồng tiền gắn tem của Gesel có vẻ giống như một giấc mơ viển vông có thể liên quan đến một sự gián đoạn kinh tế lớn, việc tính phí dự trữ sẽ hầu như không yêu cầu cơ sở hạ tầng tài chính mới. Thật vậy, nó là một phần mở rộng của nơi mà chính sách tiền tệ đã được hướng tới. Cục Dự trữ Liên bang, ngân hàng trung ương, hệ thống ngân hàng cơ bản có thể vẫn còn nguyên vẹn như vậy. Tất nhiên, những thay đổi sâu sắc sẽ theo sau, nhưng chúng sẽ là những thay đổi mang tính tiến hóa giúp xã hội không bị gián đoạn bởi việc phải loại bỏ hệ thống tài chính hay phải bắt đầu lại. Như tôi đã viết trong Chương 5, "Kinh tế học thiêng liêng là một phần của một loại hình cách mạng hoàn toàn khác, một sự chuyển đổi chứ không phải một cuộc thanh trừng".

Một số ngân hàng trung ương đã bắt đầu quan tâm tới lãi suất âm. Vào tháng 7 năm 2009, ngân hàng Riksbank (ngân hàng trung ương của Thụy Điển) bị âm, đã phải thu 0,25% phí tiền gửi dự trữ, một mức mà nó vẫn giữ nguyên vào tháng 2 năm 2010.[21] Điều này không đáng kể so với lãi suất bằng 0, nhưng lý do chính đáng để giảm tỷ lệ cho đến nay cũng được áp dụng để hạ thấp nó vẫn còn xa hơn nhiều. Riksbank, Buiter, Mankiw và những người ủng hộ lãi suất âm khác coi đó là một biện pháp tạm thời để buộc các ngân hàng bắt đầu cho vay lại và cung cấp tín dụng giá rẻ cho đến khi nền kinh tế bắt đầu tăng trưởng trở lại, lúc đó, có lẽ lãi suất sẽ tăng trở lại mức dương. Tuy nhiên, nếu chúng ta đang bước vào một nền kinh tế không tăng trưởng hoặc suy thoái vĩnh viễn, thì lãi suất âm cũng có thể trở thành vĩnh viễn.

Tỷ lệ lãi suất thích hợp, âm hay dương, phụ thuộc vào việc nền kinh tế đang tăng trưởng hay thu hẹp. Theo lối suy nghĩ cũ, chính sách tiền tệ nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hoặc kiềm chế nó ở mức bền vững. Theo tư duy mới, chính sách tiền tệ cố gắng khớp lãi suất cơ bản với tốc

độ tăng trưởng kinh tế (hoặc giảm tốc độ tăng trưởng). Keynes ước tính rằng nó phải "gần bằng với mức vượt quá của lãi suất tiền tệ so với hiệu suất biên của vốn tương ứng với tỷ lệ đầu tư mới tương thích với toàn dụng lao động". Công thức này sẽ cần được sửa đổi nếu, như tôi đề nghị trong Chương 14, chúng ta không còn phải và cũng không còn có thể tìm kiếm việc làm được trả lương đầy đủ như một lợi ích xã hội tích cực (đây là hệ quả cần thiết của kinh tế học với trạng thái ổn định và không quá đáng sợ trong sự hiện diện của một cổ tức xã hội). Về cơ bản, điều Keynes đề xuất là thuế thanh khoản phải được đặt ở mức để bù đắp cho phần lãi vượt quá so với lợi tức đầu tư trung bình vào vốn sản xuất. Nói cách khác, nó phải được đặt ở một mức độ để không có lợi cho việc nắm giữ của cải so với việc sử dụng của cải.

Buiter và Mankiw không phải là những người theo chủ nghĩa tự do, điều này là rất quan trọng vì đề xuất của họ đi ngược lại lợi ích của tầng lớp chủ nợ thường được những người theo phe bảo thủ đại diện. Các nhà kinh tế học theo chủ nghĩa tự do đôi khi ủng hộ một thứ gần tương đương với sự suy thoái kinh tế: sự lạm phát. Về mặt toán học, khái niệm này rất giống với tác dụng của nó đối với đồng tiền giảm giá trị ở chỗ nó khuyến khích sự lưu thông tiền, phản đối sự tích trữ tiền, và giúp việc trả nợ trở nên dễ dàng hơn. Tuy nhiên, đồng tiền tự do có một số lợi thế quan trọng. Ngoài việc loại bỏ các chi phí kinh điển của lạm phát (chi phí thực đơn, chi phí da giày, v.v.), nó không làm những người có thu nhập ổn định nghèo đi. Đây là lập luận ủng hộ điển hình của Dean Baker thuộc Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách:

> *Nếu xét về mặt chính trị thì việc tăng thêm sự thậm hụt là không thể, thì chính sách tiền tệ cung cấp một công cụ tiềm năng thứ hai để thúc đẩy nhu cầu. Hội đồng Dự trữ Liên bang có thể vượt ra khỏi chương trình nới lỏng định lượng của mình sang một chính sách nhắm mục tiêu rõ ràng đến một tỷ lệ trung bình (ví dụ 3%–4%), do đó làm cho lãi suất thực âm. Điều này cũng sẽ mang lại lợi cho việc giảm gánh nặng nợ thế chấp khổng lồ mà hàng chục triệu chủ nhà phải đối mặt do sự sụp đổ của bong bóng nhà đất.*[22]

Vấn đề là, trong môi trường giảm phát khi các ngân hàng không cho vay, làm thế nào Cục dữ trữ Liên bang có thể tạo ra sự lạm phát? Đây là vấn đề lớn nhất đối với giải pháp cho sự lạm phát trong tình hình bị quá mức và quá tải. Việc nới lỏng định lượng trao đổi tài sản có tính thanh khoản cao (tiền cơ sở, tiền dự trữ) với các tài sản có tính thanh khoản thấp hơn (ví dụ, các dẫn xuất tài chính khác nhau), nhưng điều đó sẽ không gây ra sự lạm phát giá cả hoặc mức lương nếu tiền mới không đến tới tay những người sẽ chi tiêu nó.[23] Ngay cả khi Cục dự trữ Liên bang kiếm tiền từ tất cả các khoản nợ, công hay tư, vấn đề cốt yếu vẫn sẽ còn đó. Do giới hạn dưới bằng 0, Cục dự trữ Liên bang đã bất lực trong việc thoát khỏi bẫy nợ từ năm 2008 và 2009. Ở đây, chúng ta quay trở lại động cơ ban đầu của tiền tự do: đưa tiền đi lưu thông.

Trong một hệ thống dự trữ lãi suất âm, các ngân hàng sẽ lo lắng nếu không giữ được dự trữ. Nếu lãi suất âm theo thứ tự từ 5 đến 8 phần trăm (điều mà Gesell, Fisher và các nhà kinh tế khác nghĩ nên là như vậy), thì các khoản vay không lãi suất thậm chí sẽ có lợi cho các ngân hàng, thậm chí có thể là các khoản vay lãi âm. Bạn hỏi họ sẽ kiếm tiền bằng cách nào? Họ sẽ làm điều đó về cơ bản giống như cách họ làm ngày nay.[24] Tiền gửi cũng sẽ phải chịu lãi suất âm, chỉ là nhỏ hơn lãi suất dự trữ. Các ngân hàng sẽ nhận tiền gửi không kỳ hạn ở mức, chẳng hạn, 7% giữa các kỳ hạn, hoặc tiền gửi có kỳ hạn với mức có thể là 5% hoặc 3%, và cho vay ở mức 1% hoặc 0%. (Bây giờ thì bạn có thể thấy tại sao tiền mặt cũng cần giảm giá trị; nếu không thì ai sẽ gửi nó với lãi suất âm?)

Lãi suất âm đối với dự trữ tương thích với cơ sở hạ tầng tài chính hiện có: cùng một thị trường thương phiếu, thị trường tiền tệ liên ngân hàng, thậm chí, nếu chúng ta mong muốn, có cả cùng một bộ máy chứng khoán hóa và phái sinh. Tất cả những gì thay đổi là lãi suất. Mỗi tổ chức này đều có một mục đích cao hơn ẩn chứa bên trong nó giống như một gen lặn, đang chờ thời điểm để biểu hiện. Điều này cũng đúng với những thể chế sai lệch nhất, "trái tim" của hệ thống tài chính: Cục Dự trữ Liên bang (và các ngân hàng trung ương khác).

Trái với quan niệm chính thống, trái tim không bơm máu qua hệ thống, mà là tiếp nhận máu, lắng nghe và đẩy lại máu ra.[25] Nó là một cơ quan nhận

thức. Theo những gì nó cảm nhận được về máu, tim tạo ra một loạt các hoocmon, nhiều trong số chúng chỉ mới được phát hiện gần đây, giao tiếp với các bộ phận khác của cơ thể, giống như các tế bào của chính nó bị ảnh hưởng bởi các hormone ngoại sinh. Vai trò lắng nghe, điều tiết của trái tim mang đến một góc nhìn rất khác về vai trò của cơ quan quản lý tiền tệ trung ương: một cơ quan lắng nghe và đáp ứng nhu cầu của hệ thống, thay vì bơm tiền qua nó. FED phải lắng nghe nhịp đập của nền kinh tế để điều tiết cung tiền nhằm duy trì lãi suất ở mức thích hợp.[26] Việc bơm tiền mới vào nền kinh tế có thể được thực hiện giống như ngày nay – hoạt động thị trường mở-hoặc thông qua chi tiêu bằng tiền của chính phủ, tùy thuộc vào phiên bản thuê chung được sử dụng. Nói chung, tiền bị mất do sự giảm giá trị phải được bơm trở lại nền kinh tế; nếu không thì mức dự trữ sẽ giảm đi hàng năm, bất kể nhu cầu về tiền để tạo điều kiện cho hoạt động kinh tế. Kết quả sẽ là cùng một kiểu vỡ nợ, khan hiếm và tập trung của cải đang đe dọa chúng ta ngày nay. Do đó, chúng ta vẫn cần một trái tim tài chính biết lắng nghe và báo hiệu để tạo ra nhiều (hoặc ít) tiền hơn.

Người đọc có sự cảnh giác cao có thể phản đối rằng nếu tiền tệ và tiền gửi ngân hàng phải chịu lãi suất âm, mọi người sẽ chuyển sang một số phương tiện trao đổi khác đóng vai trò là nơi lưu trữ giá trị tốt hơn: chẳng hạn như vàng hoặc thương phiếu. Nếu bạn đã nêu ra phản đối này, bạn đang ở trong một nhóm tốt. Viết để ca ngợi những ý tưởng của Gesell, John Maynard Keynes đã đưa ra lời cảnh báo sau: "Vì vậy, nếu các tờ tiền theo quy định của pháp luật bị hệ thống lấy đi tính thanh khoản cao cấp, thì một loạt các sản phẩm thay thế sẽ thay thế vào vị trí của chúng – tiền ngân hàng, các khoản nợ, ngoại tệ, đồ trang sức và các kim loại quý nói chung, v.v".[27] Sự phản đối này có thể được đáp ứng trên nhiều mặt (Keynes cũng không coi đó là một trở ngại không thể giải quyết, mà chỉ đơn thuần là một"khó khăn" mà Gesell "đã không đối diện"). Tiền ngân hàng, như được mô tả ở trên, sẽ chịu sự giảm giá trị tương tự như tiền tệ vật chất. Các khoản nợ khi gọi đòi hỏi một khoản bù rủi ro bù đắp cho khoản phí bảo hiểm lỏng lẻo.[28] Hàng hóa, đồ trang sức, v.v… chịu chi phí mang theo cao. Tuy nhiên, điều quan trọng nhất là tiền cuối cùng là một thỏa thuận xã hội mà thông qua luật đấu thầu hợp pháp, phong tục tập quán và các hình thức đồng thuận khác, có thể được lựa chọn và áp dụng một cách có ý thức. Cuối cùng, Keynes đánh giá: "Ý tưởng đằng sau tiền được đóng dấu là an toàn".

Trên thực tế, mọi thứ trong thế giới vật chất và xã hội đều có cái giá của nó, như Gesell đã chỉ ra với các ví dụ về báo chí, khoai tây, v.v… Máy móc thiết bị rồi sẽ hỏng hóc, cần bảo trì, lỗi thời. Ngay cả một số rất ít vật chất không bị oxy hóa, chẳng hạn như vàng và bạch kim, cũng phải được vận chuyển, canh gác và bảo vệ khỏi trộm cắp; tiền đúc bằng kim loại quý cũng có thể bị tháo rời hoặc cắt ra. Số tiền đó là một ngoại lệ đối với quy luật phổ quát này, quy luật hoàn vốn, là một phần của hệ tư tưởng rộng lớn hơn về chủ nghĩa ngoại lệ của con người so với tự nhiên. Do đó, tiền tệ giảm giá trị không phải là mánh lới quảng cáo đơn thuần: nó là sự thừa nhận thực tế. Người Hy Lạp cổ đại, vô thức dựa trên những phẩm chất của một thứ mới được gọi là tiền này, đã tạo ra một quan niệm về tinh thần tương tự như quy luật tự nhiên – vĩnh cửu, trừu tượng, phi vật chất. Sự phân chia thế giới thành tinh thần và vật chất, và hậu quả là việc đối xử với thế giới như thể nó không thiêng liêng, sắp kết thúc. Kết thúc cùng với nó là loại tiền đã gợi ý sự phân chia này từ hồi đầu. Tiền bạc sẽ không còn là một ngoại lệ đối với quy luật vô thường của vũ trụ.

‘’Sự khó khăn” của Keynes nhấn mạnh tầm quan trọng của việc không nên tạo ra các kho lưu trữ tài sản vi phạm quy luật tự nhiên, chẳng hạn như tiền ngày nay. Một ví dụ là quyền tài sản đối với đất, trong lịch sử là phương tiện để tập trung tài sản giống như tiền đã mang lại cho chúng ta ngày nay. Lãi suất âm đối với tiền tệ cũng đồng hành với sự đánh thuế của George hoặc Gesell lên đất đai, và thực tế là đối với bất kỳ nguồn “tiền thuê kinh tế” nào khác. Các đặc điểm chung vật lý của đất đai, hệ gen, hệ sinh thái và phổ điện từ, cũng như các đặc điểm chung về văn hóa của các ý tưởng, phát minh, âm nhạc, và các nền văn hóa, phải chịu cùng chi phí kèm theo như tiền bạc, không thì mối quan tâm của Keynes sẽ trở thành sự thật. Rất may rằng chúng ta có sự hội tụ ngẫu nhiên về tính đúng đắn và logic, rằng nghĩa vụ xã hội kéo theo việc tăng gấp đôi mức sử dụng các tài nguyên chung dưới dạng thuế thanh khoản đối với bất kỳ kho lưu trữ giá trị thay thế nào. Về cơ bản, cho dù được áp dụng cho tiền hay cho tài nguyên chung, một nguyên tắc chung đang bị đe dọa: chúng ta chỉ có thể giữ nó nếu chúng ta sử dụng nó theo cách có ích cho xã hội. Nếu chúng ta chỉ nắm giữ nó, chúng ta sẽ mất nó. Không phải ai cũng sẽ được hưởng lợi từ tiền tự do, ít nhất là trong thời gian ngắn hạn. Giống như lạm phát, đồng tiền giảm giá

có lợi cho con nợ và gây hại cho chủ nợ. Viết về sự lạm phát nhà bình luận này tóm tắt nó một cách gọn gàng:

> *Nguyên nhân sâu xa của mong muốn có tỷ lệ lạm phát rất thấp này là mong muốn từ phía các tầng lớp nắm giữ trái phiếu để thấy được lợi tức thực sự từ các khoản đầu tư và tiền gửi không có rủi ro… Thật tai tiếng khi mọi người phải được trả lợi tức thực sự cho việc cho ngân hàng trung ương vay lại tiền mặt, nơi đã in nó… Nhu cầu cần những người giàu, bị đánh thuế nhẹ, là họ có thể chấp nhận rủi ro, và từ đó thúc đẩy đầu tư và tăng trưởng trong nền kinh tế thực. Nếu họ muốn một phần danh mục đầu tư của mình bằng tiền gửi không có rủi ro, họ không nên mong đợi nó duy trì sự giàu có tương đối của mình.*[29]

Lập luận này xoáy vào truyền thống lâu đời của George và Gesell mà tôi đã đúc kết, theo đó thừa nhận rằng mọi người không nên có lợi từ thực tế với quyền sở hữu. Người nắm giữ của cải là những người chăm sóc, quản lý nó, và nếu họ không sử dụng nó cho mục đích xã hội, thì cuối cùng của cải đó sẽ thuộc về những người khác.

Các nhà cách mạng trong quá khứ, nhận ra rằng sự bất hợp pháp của hầu hết các khoản tích lũy của cải, đã tìm cách vượt qua nó thông qua việc kiểm tra và tái phân phối. Tôi ủng hộ một cách tiếp cận nhẹ nhàng, từ từ hơn. Một cách để giải quyết là thuế đánh vào việc nắm giữ tiền, đảm bảo rằng cách duy nhất để duy trì sự giàu có là đầu tư vào rủi ro hoặc chúng ta có thể nói là đưa ra những quyết định khôn ngoan về cách định hướng sự sáng tạo kỳ diệu của con người. Chắc chắn, đây là một khả năng xứng đáng được khen thưởng, và ở đây là một phần thiếu sót thiết yếu của các lý thuyết về giá trị của chủ nghĩa Mác mà bỏ qua khía cạnh kinh doanh đối với việc phân bổ vốn.

Trong khi các nhà kinh tế học chính thống nhưng vẫn táo bạo mà tôi đã đề cập coi lãi suất âm là một biện pháp tạm thời để thúc đẩy cho vay và thoát khỏi bẫy thanh khoản giảm phát, thì mức độ đáng kể thực sự của nó còn sâu hơn nhiều. Bẫy thanh khoản không phải là hiện tượng quang sai tạm thời do bong bóng sụp đổ; nó là một trạng thái mặc định luôn tồn tại bắt nguồn

từ hiệu quả kinh tế cận biên của vốn ngày càng giảm,[30] bản thân nó là kết quả của cải tiến công nghệ và sự cạnh tranh. Như Keynes đã chỉ ra:

> *Khi lượng tài sản dự trữ, bắt đầu bằng cách có hiệu suất biên cao ít nhất bằng lãi suất, tăng lên, thì hiệu suất biên của chúng (vì những lý do rõ ràng đã được đưa ra) có xu hướng giảm. Do đó, sẽ đến lúc mà chúng ta sẽ không còn trả tiền để sản xuất chúng nữa, trừ khi lãi suất giảm cùng một lúc. Khi không có tài sản nào mà hiệu suất cận biên của nó đạt đến lãi suất, thì việc sản xuất thêm tài sản vốn sẽ bị đình trệ.*[31]

Như tôi đã tranh luận, khả năng xảy ra này đã bị trì hoãn trong một thời gian dài khi công nghệ và chủ nghĩa đế quốc đã chuyển hàng hóa và dịch vụ từ các tài sản chung sang nền kinh tế tiền tệ. Tuy nhiên, khi tài sản chung cạn kiệt, sự cần thiết phải loại bỏ rào cản lãi suất tăng cường. Hiện tại, Keynes cho rằng, "Vì vậy, những người cải cách, những người tìm kiếm một giải pháp khắc phục bằng cách tạo ra các chi phí nhân tạo cho tiền thông qua thiết bị yêu cầu đồng tiền đấu thầu hợp pháp phải được đóng dấu định kỳ với chi phí quy định để giữ được chất lượng của nó như tiền, hoặc theo những cách tương tự, đã đi đúng hướng; và giá trị thực tế của các đề xuất của họ đáng được xem xét".[32] Biện pháp như vậy (và phương pháp tương đương hiện đại mà tôi đã thảo luận) sẽ cho phép đầu tư vốn với hiệu suất cận biên âm – nói cách khác, các ngân hàng sẽ sẵn sàng cho các doanh nghiệp vay tiền lợi tức đầu tư bằng không hoặc nhỏ hơn một chút.

Cho dù nguyên nhân sâu xa của cuộc khủng hoảng kinh tế của chúng ta là sự chậm tăng trưởng không tránh khỏi, và cho dù chúng ta đang chuyển đổi sang một nền kinh tế sinh thái với trạng thái ổn định, các đề xuất tiền tệ phân rã mang lại nhiều hơn là một sự sửa chữa tạm thời cho một nền kinh tế trì trệ; chúng hứa hẹn một nền tảng lâu dài, bền vững cho một nền kinh tế vĩnh viễn không tăng trưởng. Về mặt lịch sử, kinh tế bị thu hẹp hoặc tăng trưởng trì trệ đồng nghĩa với sự khốn khổ của con người: phân cực kinh tế, sự phân hóa rõ rệt giữa người giàu người nghèo. Tiền tự do ngăn điều này xảy ra bằng cách mang tới một cách để tiền có thể tuần hoàn mà không cần bị thúc đẩy bởi hoạt động cho vay phụ thuộc vào tăng trưởng. Kết hợp với những thay đổi khác trong cuốn sách này, tiền tự do sẽ có

những ảnh hưởng sâu sắc đến kinh tế và tâm lý con người. Chúng ta đã quá quen với thế giới của tiền lãi suất nặng đến nỗi chúng ta nhầm lẫn nhiều tác động của nó với các quy luật cơ bản của kinh tế học hoặc bản chất con người.

Như tôi sẽ mô tả, một hệ thống tiền tệ thể hiện một ý thức mới về bản thân và một câu chuyện mới về con người – bản thân được kết nối sống trong mối quan hệ đồng sáng tạo chặt chẽ với Trái đất – sẽ có những tác động rất khác nhau. Những trực giác được phát triển qua nhiều thế kỷ sẽ không còn đúng nữa. Sẽ không còn lòng tham, sự khan hiếm, định lượng và hàng hóa mọi thứ, "chọn thời điểm" để tiêu dùng ngay lập tức, giảm giá trong tương lai vì lợi ích hiện tại, sự đối lập cơ bản giữa lợi ích tài chính và lợi ích chung, hoặc phương trình an toàn với tích lũy là tiên đề.

KHỦNG HOẢNG NỢ: CƠ HỘI CHO CHUYỂN DỊCH

Một cơ hội vàng để chuyển đổi sang tiền lãi suất âm có thể sẽ đến gần dưới dạng "quả bom nợ" đã gần như làm sụp đổ nền kinh tế toàn cầu vào năm 2008. Bao gồm mức nợ công cao, nợ thế chấp, nợ thẻ tín dụng, các khoản vay sinh viên, và các khoản nợ khác không bao giờ có thể trả được, quả bom nợ không bao giờ được giải tỏa mà chỉ bị trì hoãn. Các khoản vay mới được phát hành để cho phép người đi vay trả nợ cũ, nhưng tất nhiên trừ khi người đi vay có thể tăng thu nhập, điều này sẽ chỉ xảy ra với sự tăng trưởng kinh tế, điều này chỉ đẩy vấn đề sang tương lai và làm cho nó tồi tệ hơn. Ở một góc độ nào đó, việc vỡ nợ là điều không thể tránh khỏi. Vậy có đường thoát hay không?

Có. Câu trả lời nằm trong phiên bản hiện đại của sự cải cách kinh tế của Solon cách đây 2,600 năm: xóa nợ và cải cách các quy ước về tiền và tài sản. Đến một lúc nào đó, sẽ cần phải đối mặt với thực tế: các khoản nợ sẽ không bao giờ trả được. Dù sao thì chúng cũng có thể được giữ nguyên tại chỗ, và các cá nhân và quốc gia nợ bị giữ trong tình trạng nô lệ vĩnh viễn, hoặc chúng có thể được trả tự do và mọi thứ được xóa sạch. Vấn đề với lựa chọn thứ hai là vì tiết kiệm và nợ là hai khía cạnh của tổng thể, những người tiết kiệm và đầu tư vô tội sẽ bị xóa sổ ngay lập tức, và toàn bộ hệ

thống tài chính sẽ sụp đổ. Một sự sụp đổ đột ngột sẽ dẫn đến tình trạng bất ổn xã hội lan rộng, chiến tranh, cách mạng, nạn đói, v.v…

Để ngăn chặn điều này, một giải pháp thay thế trung gian là giảm dần khoản nợ.

Cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 đã đưa ra manh mối về việc điều này có thể xảy ra như thế nào trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế có lãi suất âm. Khi khủng hoảng đe dọa các tổ chức tài chính lớn với sự mất khả năng thanh toán, phản ứng của Cục Dự trữ Liên bang là kiếm tiền từ các khoản nợ khó đòi, có nghĩa là Cục mua chúng – trao đổi các công cụ tài chính độc hại lấy tiền mặt. Cục tiếp tục kiếm tiền từ nợ chính phủ (cũng không có khả năng được hoàn trả) thông qua chương trình nới lỏng định lượng. Tại một số thời điểm, để tránh sụp đổ hoàn toàn, các biện pháp tương tự sẽ được yêu cầu trong tương lai trên quy mô rộng hơn.

Vấn đề là tất cả số tiền này đều thuộc về chủ nợ chứ không phải con nợ. Con nợ không có khả năng thanh toán nữa; các chủ nợ cũng không sẵn sàng cho vay nữa. Hành động của Cục dự trữ Liên bang đã bị chỉ trích dữ dội bởi vì nó thực sự mang lại cho các tổ chức tài chính săn mồi tiền mặt cứng để đổi lấy các khoản đầu tư rác mà họ đã tạo ra và giao dịch một cách vô trách nhiệm, thứ mà giá trị thị trường có lẽ chỉ bằng vài đồng đô la. Họ nhận được mệnh giá đối với chúng, và sau đó, đổ thêm dầu vào lửa, đầu tư tiền mặt vào trái phiếu phi rủi ro, trả nó dưới dạng tiền thưởng điều hành, hoặc mua lại các tổ chức nhỏ hơn. Trong khi đó, không có khoản nợ cơ bản nào được bỏ qua cho các con nợ. Do đó, chương trình đã không thể để cải thiện sự phân cực giàu nghèo một chút nào.

Điều gì sẽ xảy ra nếu nợ được chuyển thành tiền tự do? Sau đó, mặc dù các chủ nợ sẽ không mất tiền chỉ qua một đêm như khi họ vỡ nợ hoặc sụp đổ tài chính một cách có hệ thống, gói cứu trợ cũng sẽ không làm giàu thêm cho họ, vì họ sẽ nhận được một thứ tài sản đã giảm phát. Đối với các con nợ, cơ quan quản lý tiền tệ có thể giảm hoặc hủy các khoản nợ của họ bằng bất kỳ số tiền nào mà cơ quan cho là phù hợp (có thể sẽ được xác định thông qua một quy trình chính trị). Điều này có thể liên quan đến việc giảm lãi suất xuống bằng 0 hoặc thậm chí giảm phần chính. Vì vậy, ví dụ

lãi suất cho các khoản vay sinh viên có thể được giảm xuống bằng 0, nợ gốc thế chấp cắt giảm xuống mức có thể trả trước và khoản nợ công của các nước Thế giới Thứ ba được xóa hoàn toàn.

Mặc dù đúng là việc kiếm tiền từ nợ này có thể làm tăng đáng kể cơ sở tiền tệ, bởi vì tiền sẽ bị sụt giảm, nó sẽ thu hẹp một cách tự nhiên trở lại theo thời gian. Cơ quan quản lý tiền tệ cũng có thể thu hẹp nó nhanh chóng hơn bằng cách bán các khoản nợ được cơ cấu lại trên thị trường mở.

Không có lãi suất âm hoặc xóa nợ được mô tả ở đây, các gói cứu trợ của Cục dự trữ đạt lên tới ngưỡng "tiền tự do" (và không phải tiền miễn phí) cho những người đã có hầu hết các khoản đó. Nếu các ngân hàng lớn và các nhà làm tài chính được phép duy trì lợi nhuận của họ, ít nhất đổi lại họ nên chấp nhận một hệ thống nghiêng về sự tích lũy thêm. Đúng, lợi ích tài chính có thể mất dần, mặc là dù dần dần, từ đề xuất này, nhưng giải pháp thay thế là gì? Sự phân cực ngày càng tăng của sự giàu có là không bền vững.

Cơ hội mà chúng ta có trong năm 2008 sẽ lặp lại, bởi vì cuộc khủng hoảng nợ sẽ không biến mất (nếu không có tăng trưởng kinh tế cao một cách thần kỳ). Mỗi lần, giải pháp lại là nợ nhiều hơn, nó được chuyển từ các cá nhân và tập đoàn sang các quốc gia và ngược lại, luôn tăng lên. Ví dụ: khi các ngân hàng của Ireland trên bờ vực phá sản vào năm 2010, chính phủ đã cứu trợ họ, chuyển vấn đề vào bảng cân đối kế toán của chính phủ và gây ra một cuộc khủng hoảng nợ chính phủ. Để ngăn chặn thảm họa, IMF và ECB đã cho Ireland các khoản vay mới với lãi suất 6% để trả khoản vay cũ. Trừ khi nền kinh tế Ireland tăng trưởng hơn 6% mỗi năm (không thể bắt buộc với các biện pháp thắt lưng buộc bụng khắc nghiệt mà các khoản vay được điều chỉnh), vấn đề sẽ xuất hiện trở lại trong một vài năm và thậm chí còn tồi tệ hơn. Chúng ta chỉ đơn thuần chuyển vấn đề sang tới tương lai.

Các trái chủ không muốn nhận thua lỗ. Họ muốn ngày càng nhiều hơn cho bản thân họ.[33] Về lâu dài, cứu vãn ước muốn đó là bất khả thi về mặt toán học. Nó chỉ có thể được duy trì miễn là phần còn lại của xã hội sẵn sàng chấp nhận các điều kiện tồi tệ hơn: thắt lưng buộc bụng nhiều hơn, nghèo đói hơn và dành nhiều phần thu nhập hơn cho việc trả nợ. Tại một thời

điểm nào đó, chúng ta với tư cách là một xã hội sẽ nói, "Đủ rồi!" Một gói cứu trợ vẫn sẽ là cần thiết, vì hậu quả của việc vỡ nợ đột ngột trên toàn hệ thống sẽ rất thảm khốc. Nhưng khi nó xảy ra – và nó có thể xảy ra đồng thời trong nhiều loại nợ – chúng ta hãy đối mặt với sự thật. Sự tập trung của cải, và việc lãi suất nặng đằng sau nó, phải chấm dứt. Chúng ta có thể không có lựa chọn nào khác ngoài việc giải cứu những người giàu có, vì mỗi bộ phận của nền kinh tế toàn cầu được kết nối với tất cả những bộ phận khác, nhưng hãy để cuộc giải cứu đó đi cùng với một cái giá: giải phóng dần xã hội khỏi nợ nần.

NGHĨ VỀ TƯƠNG LAI

Giữa tất cả các khía cạnh chi tiết kỹ thuật của tiền bạc và tài chính, chúng ta đừng quên trọng tâm của nỗ lực này: là để khôi phục tiền về mục đích thực sự của nó như một vật kết nối các món quà với nhu cầu và như một bùa hộ mệnh kỳ diệu điều phối sự sáng tạo của con người về chung một đích cuối cùng. Thật kỳ lạ khi nói rằng tiền là một phần quan trọng của một thế giới tươi đẹp hơn mà trái tim tôi nói với tôi là điều đó có thể diễn ra, bởi vì tiền từ lâu đã bị mất điểm đối với tôi như một nguyên nhân rõ ràng của quá nhiều sự tàn phá và xấu xa.

Tuy nhiên, sự ăn năn của chúng ta đối với tiền dựa trên những gì là tiền đã từng, chứ không phải dựa trên những gì nó có thể trở thành. Tiền lãi âm, được hỗ trợ bởi những thứ thiêng liêng, trong một nền kinh tế sinh thái, biến trực giác của Kỷ nguyên lãi suất nặng đi ngược lại với bản chất của nó. Nó hoàn toàn mang tính cách mạng, làm thay đổi cơ bản trải nghiệm của con người. Sự biến đổi này vang dội trên mọi cấp độ, từ ngoài vào trong, từ kinh tế đến tinh thần.

Trong Chương 9, "Câu chuyện về giá trị", tôi đã giải thích cách thức thỏa thuận xã hội về việc tạo tiền, "Bạn chỉ nên phát hành tiền cho những người sẽ kiếm được thậm chí nhiều tiền hơn", điều mà cuối cùng sẽ là tham gia trong việc mở rộng lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ. Năng lượng của xã hội hướng tới điều đó sẽ mở rộng phạm vi tiền bạc và tài sản, lĩnh vực con người, lĩnh vực sở hữu. Nó là một phần của Sự tiến tới của Nhân loại để thống trị thiên nhiên.

Việc hạ lãi suất xuống dưới mức giới hạn thấp hơn 0 làm cho các khoản đầu tư có thể có lợi tức vốn bằng 0 hoặc âm. Ý tưởng này nghe có vẻ trái ngược với trực giác của bạn? Liệu nó dường như mô phỏng toàn bộ khái niệm "đầu tư"? Điều đó là phản trực giác, nhưng chỉ vì trực giác của chúng ta đã bị điều kiện hóa bởi một nền văn hóa tăng trưởng lâu đời đến mức chúng ta khó có thể hình dung được khả năng tồn tại của một chức năng khác của tiền, hoặc của một mô hình kinh doanh không phụ thuộc vào lợi nhuận. (Tất nhiên chúng ta có các tổ chức phi lợi nhuận, nhưng về cơ bản thì các tổ chức này khác biệt với các doanh nghiệp vì lợi nhuận. Đây là sự khác biệt sẽ mất dần.)

Đây là một ví dụ để thấy được điều này phản trực giác như thế nào. Hãy tưởng tượng bạn đến một ngân hàng và nói, "Tôi muốn vay tiền để kinh doanh. Đây là kế hoạch kinh doanh của tôi. Hãy xem, nếu bạn cho tôi vay $1.000.000, tôi sẽ kiếm được $900.000 trong thời gian 4 năm. Vì vậy, tôi muốn bạn cho tôi vay $1.000.000 với lãi suất âm và tôi sẽ trả lại cho bạn $900.000 trả góp trong vòng 4 năm".

Ngân hàng nói rằng: "Chúng tôi thích kế hoạch kinh doanh của bạn. Đây là tiền của bạn". Tại sao họ đồng ý? Bởi vì $1.000.000 đó, nếu được để dưới dạng tiền mặt, sẽ mất giá với tỷ lệ cao hơn, cứ cho là 7%, do đó sau bốn năm sẽ chỉ còn lại khoảng $740.000. Chính ngân hàng là bên được hưởng lợi thực hiện khoản cho vay được mô tả ở trên.

Một cách khác để hiểu động lực của tiền tệ phân rã là giống như lạm phát, nó đảo ngược việc chiết khấu của các khoản nợ tiền mặt trong tương lai. Trong cuốn *The Ascent of Humanity*, tôi đưa ra một ví dụ sau:

> *Trong khi lãi suất khuyến khích việc chiết khấu các khoản nợ tiền mặt trong tương lai, thì việc giảm lãi suất lại khuyến khích suy nghĩ dài hạn. Trong kế toán ngày nay, một khu rừng tạo ra 1 triệu đô la mỗi năm và bền vững mãi mãi sẽ có giá trị hơn nếu rõ ràng thu được lợi nhuận tức thì là 50 triệu đô la. ("Giá trị hiện tại ròng" của khu rừng có thể duy trì được tính theo tỷ lệ chiết khấu 5% chỉ là 20 triệu đô la.) Việc chiết khấu này trong tương lai dẫn đến hành vi thiển cận khét tiếng của các tập đoàn khi hy sinh hạnh phúc dài hạn (thậm chí là của riêng họ) đối với*

kết quả ngắn hạn của quý tài chính. Hành vi như vậy là hoàn toàn hợp lý trong một nền kinh tế dựa trên lợi ích, nhưng trong một hệ thống đánh phí lưu kho, tư lợi thuần túy sẽ quyết định rằng rừng sẽ được bảo tồn. Lòng tham sẽ không còn thúc đẩy việc cướp đi tương lai vì lợi ích của hiện tại. Vì chiết khấu theo cấp số nhân của dòng tiền trong tương lai ngụ ý việc "đổi lấy tiền" của toàn bộ trái đất, đặc điểm này của đánh phí lưu kho rất hấp dẫn.

Hãy tưởng tượng bạn là Tổng thống của Thế giới và nhận được lời đề nghị sau từ người ngoài hành tinh: "Thưa Lãnh tụ tối cao, tổng sản phẩm thế giới bền vững (GWP) là 10 nghìn tỷ đô la một năm. Chúng tôi muốn cung cấp cho bạn một lời đềnghị: 600 nghìn tỷ đô la cho toàn bộ trái đất. Đúng vậy, chúng tôi dự định khai thác tất cả tài nguyên của nó, phá hủy lớp đất mặt, đầu độc các đại dương, biến rừng thành sa mạc và sử dụng nó như một bãi thải phóng xạ. Nhưng hãy nghĩ vềđiều này – 600 nghìn tỷ đô la! Tất cả các bạn sẽ giàu có!" Tất nhiên bạn sẽ nói không, nhưng nhìn chung ngày nay chúng ta đang nói có với đềnghị này. Chúng ta đang thực hiện kế hoạch của người ngoài hành tinh một cách hoàn hảo, trong 10 năm tới chúng ta có lẽ sẽ kiếm được 600 nghìn tỷ đô la (GWP hiện tại là 60 nghìn tỷ đô la một năm). Thông qua một triệu lựa chọn nhỏ mỗi ngày, chúng ta đang đánh đổi ngôi nhà trái đất của chúng ta lấy tiền.

Và điều này khá mang tính kinh tế. Theo tỷ lệ hiện hành, 600 nghìn tỷ đô la tạo ra thu nhập hàng năm ít nhất 20 nghìn tỷ đô la. Trong cuốn *Ascent*, tôi đã trích dẫn một số nhà kinh tế nổi tiếng lập luận rằng vì nông nghiệp chỉ chiếm 3% GDP, nên sự nóng lên toàn cầu hay sản lượng nông nghiệp giảm 50% sẽ không quan trọng lắm. Hãy nhớ rằng tối đa (tổng mức "tốt") của GDP sẽ chỉ giảm 1,5%. Nghe có vẻ vô lý, nhưng trong cấu trúc logic của việc cho vay lãi, nó lại khá hợp lý. Trong một bài báo năm 1997 trên tạp chí Nature, nhà kinh tế học sinh thái Robert Costanza đã định giá hệ sinh thái toàn cầu là 33 nghìn tỷ USD, chỉ cao hơn 20% so với GWP vào năm đó. Ông ấy có ý tốt, hy vọng cung cấp một lý do kinh tế (và không chỉ là một lý do đạo đức) để bảo tồn hành tinh, nhưng theo cùng một logic, logic về "giá trị", chúng ta sẽ không bảo tồn nó nếu chúng ta nhận được một đề nghị tốt hơn.

Hơn nữa, chẳng phải bạn không phản đối việc viện đến lập luận rằng chúng ta nên bảo tồn hệ sinh thái vì tất cả số tiền mà chúng ta sẽ tiết kiệm được sao? Lập luận này đưa ra giả định cơ bản gây ra rất nhiều rắc rối: rằng tiền là một tiêu chuẩn giá trị thích hợp; rằng tất cả mọi thứ có thể và nên được đo lường và định lượng; rằng chúng ta có thể đưa ra lựa chọn tốt nhất bằng cách cộng các con số vào với nhau.

"Tính bền vững" đã là một từ thông dụng được sử dụng quá lâu và giờ đây nó gần như đã trở thành một từ sáo rỗng. Tuy nhiên, dù thực tế là tất cả mọi người đều tán thành nó, tính bền vững vẫn đang phải đối mặt với một trận chiến thua cuộc đối với lợi nhuận. Rừng đang chết dần, hồ trở nên khô cạn, sa mạc đang lan rộng và rừng nhiệt đới tiếp tục bị chặt phá – tốc độ của chúng hầu như không chậm lại mặc dù đã trải 4 thập kỷ nỗ lực hết mình của các nhà môi trường. Ở mọi ngã rẽ, họ phải kiểm soát sức mạnh của tiền bạc, thứ mà đã đang bất lực tìm kiếm lợi ích ngắn hạn ngay cả khi phải bị trả giá bằng sự tồn tại lâu dài của chính nó. Như Lenin đã viết trong một bối cảnh hơi khác, "Các nhà tư bản sẽ bán cho chúng ta sợi dây mà chúng ta sẽ treo cổ họ bằng nó". Sự thiển cận của vốn, ở mức độ sâu xa, bắt nguồn từ lãi suất, thứ đòi hỏi phải chiết khấu các dòng tiền mặt trong tương lai.

Với lãi suất dưới 0, tư tưởng ngược lại sẽ chiếm ưu thế. Hãy tưởng tượng một lần nữa rằng bạn là Tổng thống của Thế giới. Bây giờ đề nghị của người ngoài hành tinh có vẻ không hấp dẫn cho lắm. Trên thực tế, với lãi suất âm, sẽ không có số tiền nào đủ để đổi trái đất lấy tiền, bởi vì tiền trong tương lai thực sự có giá trị hơn cùng một lượng tiền ở hiện tại, và giá trị trong tương lai của nó sẽ tăng theo cấp số nhân cùng với thời gian. Bạn sẽ nói với người ngoài hành tinh, "Chúng tôi không sẽ bán trái đất với bất kỳ giá nào".

Đó chẳng phải là những gì chúng ta nên nói vào ngày nay, khi nền kinh tế khăng khăng định giá cho cơ sở sinh thái của nền văn minh và bản thân cuộc sống? Đó chẳng phải là những gì chúng ta nên nói ngày nay cũng như bất kỳ sự trao đổi nào cực kỳ quý giá để lấy một khoản tiền có hạn? Tôi nghĩ, đã đến lúc ngừng đổi cái đẹp, cuộc sống, sức khỏe và tương lai của con cái chúng ta "lấy tiền".

Tôi nhận ra ví dụ của tôi về việc đổi trái đất lấy tiền là quá xa vời và người ta có thể xây dựng một lập luận kinh tế để thách thức nó. Quan điểm của tôi là lãi suất âm về cơ bản đã thay đổi loại thứ hành vi gọi là "kinh tế". Các hoạt động mang lại lợi ích sau ba mươi, lâu dài hoặc một trăm năm – thứ mà thực chất đã mang lại lợi ích cho thế hệ thứ bảy – có được động lực kinh tế trái ngược với ngày nay, khi chỉ một người mơ tưởng hão huyền mới làm được điều đó. Với lãi suất âm và đồng tiền giảm phát, lý tưởng của chúng ta sẽ không còn đối đầu với lợi ích kinh tế của chúng ta nữa.

Hãy xem xét một ví dụ thực tế. Giả sử bạn đang cân nhắc có nên lắp đặt các tấm pin mặt trời để cung cấp năng lượng cho doanh nghiệp của mình hay không. Chi phí ban đầu là $100.000, và nó sẽ mang lại cho bạn khoản tiết kiệm $1.000 một năm. Hiện tại, sẽ là không kinh tế nếu cài đặt chúng, vì giá trị đặt trước ròng $1.000 một năm thấp hơn nhiều so với $100.000 (thậm chí với lãi suất rất thấp). Nhưng nếu lãi suất bằng 0 hoặc âm, thì quyết định sẽ trở nên kinh tế. Ngày nay mọi người đã đưa ra những quyết định như vậy mặc dù chúng không kinh tế, bởi vì sự thật trong lòng chúng ta trái ngược với logic kinh tế. Trong thâm tâm, chúng ta biết rằng ý thức hệ đánh đồng tiền bạc với lợi ích là sai lầm. Chúng ta cần đưa tiền bạc và lòng tốt trở lại đúng như những gì chúng hứa hẹn ban đầu.

Thêm một ví dụ khác: giả sử bạn sở hữu một khu rừng. Hoặc là bạn có thể xóa sổ nó bằng cách bán nó để nó bị chặt sạch và bị khai thác đá, với lợi tức tức thời là 1 triệu đô la, hoặc bạn có thể khai thác nó một cách bền vững với giá $10.000 mỗi năm từ giờ đến mãi mãi về sau. Chà, khoản lãi trên 1 triệu đô la ít nhất gấp đôi thu nhập từ khai thác gỗ bền vững – bạn cũng có thể đổi nó lấy tiền. Nhưng nếu lãi suất âm, logic đó không còn đúng nữa.

Sự nội bộ hóa các chi phí bên ngoài hoạt động đồng thời với tiền tệ đang suy thoái để biến tiền trở thành một lực lượng với mục tiêu tốt. Trước đây, lợi ích cá nhân gắn với lợi ích cộng đồng; cái thứ hai thúc đẩy tư duy dài hạn thay vì tư duy ngắn hạn. Mặc dù cả hai đều là những cải tiến trên hệ thống hiện tại, nhưng bản thân nó cũng không tạo ra một thế giới bền vững. Cùng với nhau, họ gắn kết các quyết định kinh tế với lợi ích lâu dài của xã hội và hành tinh.

Tất nhiên, có những lúc suy nghĩ dài hạn lại không phù hợp. Chúng ta có nhiều nhu cầu mà chúng ta muốn đáp ứng ngay bây giờ hơn là trong tương lai. Nếu chúng ta đang chết đói, chúng ta thà ăn một bữa hôm nay còn hơn trăm năm kể từ lúc này. Đặc biệt là Trường phái kinh tế học của Áo, nhưng nói chung hơn là kinh tế học tân cổ điển, ngoại suy từ những ví dụ như vậy để khẳng định rằng bản chất của con người là muốn tiêu thụ càng nhiều càng tốt ngay hiện tại. Theo quan điểm của họ, lãi suất là một loại đền bù cho việc tiêu dùng chậm lại, một phần thưởng cho sự hài lòng bị hoãn dài. Nói cách khác, bạn, độc giả thân mến, rất muốn tối đa hóa tiện ích của mình bằng cách chi tiêu tất cả tiền của bạn ngay bây giờ, nhưng không được khuyến khích bởi vì bạn biết rằng bạn sẽ có thể có nhiều hơn sau này, nhờ vào lãi suất. Trong kinh tế học, điều này được gọi là định đề ưu tiên thời gian. Sự ưu tiên về thời gian – sở thích được cho là của chúng ta đối với tiêu dùng ngay tức thời – là yếu tố quan trọng đối với mô hình tiện ích chiết khấu do Paul Samuelson phát triển vào những năm 1930, nằm ở nền tảng của hầu hết các lý thuyết kinh tế chính thống ngày nay. Nó cũng rất quan trọng đối với nhiều "sự bác bỏ" đối với lý thuyết Keynes hiện đại. Hơn nữa, chỉ trong bài báo kinh tế toán học duy nhất tôi đã phát hiện ra tiếp cận việc giải quyết các loại tiền tệ dựa trên chi phí tồn kho, định đề của sự ưu tiên về thời gian là biến số quan trọng trong việc xây dựng một minh chứng (có thể suy đoán) rằng loại tiền tệ đó gây hại cho phúc lợi công.[34]

Logic của Keynes mà được tôi đã triển khai giảm thiểu sự ưu tiên về thời gian hơn. Keynes không bác bỏ hoàn toàn nhưng nói rằng con người tự nhiên có xu hướng chi tiêu một phần thu nhập nhỏ hơn khi thu nhập của họ tăng lên. Có vẻ như khá rõ ràng rằng nếu bạn đang chết đói, bạn sẽ dành toàn bộ thu nhập của mình ngay lập tức cho thực phẩm; nếu bạn có đủ tiền để đáp ứng mọi nhu cầu cấp thiết của mình, bạn có thể dành một phần thặng dư có lẽ là cho sách vở, hoặc giải trí; khi những mong muốn đó đã được thực hiện, có thể bạn sẽ mua một chiếc Rolls-Royce. Nhưng thu nhập của bạn càng lớn thì càng không cần phải chi tiêu gấp. Vì vậy, Keynes tin rằng mọi người có xu hướng tiết kiệm mà không cần động cơ (lãi suất) để trì hoãn tiêu dùng. Thật vậy, ông nghĩ rằng xu hướng tiết kiệm này có thể bị hủy hoại khi nó dẫn đến sự tập trung của cải. Đó là lý do tại sao ông thông cảm với lãi suất thấp hoặc thậm chí là âm.

Khi đọc một số tài liệu từ cuối những năm 1930 và 1940, tôi bị ấn tượng bởi cường độ và cảm xúc được ngụy trang một cách mỏng manh của những lời chỉ trích nhắm vào Keynes của các nhà kinh tế thành lập.[35] Sự hỗn láo này thường là điển hình của bất kỳ cuộc tranh luận nào khi cơ sở chính thống trực giác rằng lý thuyết mới đang thách thức các giới luật cốt lõi trong lĩnh vực đó. Lý thuyết của Keynes đưa ra ít nhất hai thách thức rất sâu sắc. Đầu tiên, ý tưởng của ông về xu hướng tiết kiệm tự nhiên, về cơ bản tuyên bố rằng bản thân tiền có khả năng sử dụng biên giảm dần – tôi càng có nhiều tiền, thì mỗi đô la bổ sung càng ít hữu ích hơn đối với tôi.[36] Điều này có vẻ hiển nhiên với tôi, nhưng nó dường như không quá rõ ràng đối với các nhà kinh tế học cổ điển, những người lập một phương trình tuyến tính giữa tiền và mức độ thỏa dụng của cá nhân và xã hội. Trên thực tế, họ xác định như vậy và nêu ra giả định cơ bản rằng con người tìm cách tối đa hóa tư lợi bằng cách tối đa hóa tiền.

Nếu chúng ta bác bỏ phương trình tuyến tính của tiền và tiện ích (ví dụ như "hàng hóa"), chúng ta cũng bác bỏ ý thức hệ cho rằng chúng ta có thể tối đa hóa lợi ích chung bằng cách tối đa hóa tăng trưởng kinh tế. Chúng ta cũng phủ nhận lập luận thực dụng về chủ nghĩa tư bản tối đa hóa của cải, thay vào đó, chúng ta đang mở ra cánh cửa cho những ý tưởng nhấn mạnh việc phân phối công bằng của cải. Về mặt toán học, nếu tiền chịu mức độ thỏa dụng cận biên giảm dần, thì sự phân phối tiền tối ưu là: càng công bằng càng tốt. Đưa ra lời biện minh cho việc tái phân phối của cải cho người giàu, tư tưởng của Keynes, khá tự nhiên, là lời nguyền cho các hệ tư tưởng của tầng lớp giàu có.

Nhưng quan điểm của Keynes về ưu tiên thanh khoản ngụ ý một thách thức còn sâu sắc hơn thế. Hãy xem xét lại quan điểm đối nghịch, ví dụ như các nhà kinh tế học cổ điển và những người ủng hộ Trường phái Áo, rằng con người về bản chất là luôn luôn lãng phí. Như nhà kinh tế học thế kỷ 19 N. W. Senior đã nói, "kiêng khem trong việc hưởng thụ là nằm trong khả năng của chúng ta, hoặc tìm kiếm những kết quả xa vời thay vì ngay lập tức, là một trong những nỗ lực đau đớn nhất của ý chí con người".[37] Đây là một ví dụ gần hơn, từ một người ủng hộ von Mises:

Không có nguồn cung cấp vốn cho vay nào có thể tồn tại nếu không có sự tiết kiệm trước đó, tức là không hạn chế một số khả năng tiêu thụ hàng hóa hiện tại (sản lượng hiện tại dư thừa so với tiêu dùng hiện tại)… Sẽ không có lãi suất hoặc tỷ lệ ưu tiên thời gian. Hay nói đúng hơn, lãi suất sẽ cực kỳ cao, mà ở bất kỳ nơi nào bên ngoài Vườn Địa Đàng, sẽ tương đương với việc dẫn đến một sự tồn tại đơn thuần của động vật, nghĩa là tạo ra một cuộc sống nguyên thủy bằng cách đối mặt với thực tế không có gì ngoài đôi bàn tay trắng của con người và chỉ mong muốn có được sự hài lòng tức thì.[38]

Do đó, tiền lãi là phần thưởng cho sự tiết kiệm, cho sự tự kiềm chế. Theo quan điểm này, chúng ta tìm thấy tiếng vọng của một số hệ tư tưởng ẩn sâu, ẩn chứa trong nền văn minh của chúng ta; chẳng hạn, sự tiến bộ của con người cả về tinh thần và vật chất đều có được nhờ chiến thắng trong cuộc chiến chống lại tự nhiên: các lực lượng tự nhiên bên ngoài, và ham muốn, khoái lạc, và bản năng động vật thúc đẩy bên trong. Tính hiếu thuận trở thành đức tính cao đẹp; nếu không có hệ tư tưởng này, chúng ta sẽ chẳng tốt đẹp gì hơn động vật. Chúng ta sẽ không được đi vào một cõi riêng biệt và tốt đẹp hơn của con người, và bị loại bỏ khỏi tự nhiên. Karl Marx đã nói như vậy:

Sự sùng bái tiền bạc có tính khổ hạnh, sự từ bỏ, hy sinh bản thân – tính kinh tế và tiết kiệm, sự khinh thường đối với những thú vui trần tục, tạm bợ và phù du; nó là một cuộc đuổi theo kho báu vĩnh cửu. Do đó mới có mối liên hệ giữa Chủ nghĩa Thanh giáo của Anh, hay Chủ nghĩa Bảo hộ của Hà Lan và việc kiếm tiền.[39]

Tâm lý này lan tràn văn hóa của chúng ta. Bạn phải trì hoãn sự hài lòng. Bạn phải kiềm chế ham muốn của mình với suy nghĩ về phần thưởng trong tương lai. Đau đớn bây giờ là thành quả về sau. Làm bài tập về nhà để lấy điểm số. Đi làm công để ăn lương. Tập thể dục để tốt cho sức khỏe. Ăn kiêng để gầy đi. Hãy cống hiến cuộc đời của bạn cho một thứ gì đó có giá trị xứng đáng, ngay cả khi đó không phải là niềm đam mê của bạn, để bạn có thể có một kỳ nghỉ hưu thoải mái. Trong tất cả những điều này, chúng ta áp dụng một chế độ bao gồm cả đe dọa và khuyến khích được thiết kế để vượt qua sự lười biếng và ích kỷ của bản thân. Sở thích trở thành động lực

trong cuộc chiến chống lại cái tôi, vượt qua sự ngẫu hứng bừa bãi của chúng ta.

Nhưng đây có thực sự là bản chất của con người? Bản chất của chúng ta có thực sự là tự phụ và suy nghĩ quá mức mà không nghĩ đến người khác, sinh vật khác hay tương lai của chính mình không? Không. Người Hy Lạp cổ đại không ủng hộ quan điểm bác ái thái quá về bản chất con người, và họ đã đúng. Như Aristophanes đã nói, trong tất cả mọi thứ – bánh mì, rượu vang, tình dục, v.v. – chúng đều có mang lại cảm giác no đủ. Nhu cầu của chúng ta có giới hạn, và khi chúng ta đã thu hút được chúng, chúng ta chuyển sang những thứ khác và trở nên rộng lượng. "Nhưng với tiền, không bao giờ là đủ". Không phải xu hướng tiêu dùng là không có giới hạn; mà là ngược lại, ham muốn vô hạn nảy sinh với tiền bạc. Sau khi đạt được một lượng lớn vật phẩm tiêu dùng, người ta lại thèm muốn bản thân đồng tiền, chứ không phải thứ mà nó có thể mua được, và mong muốn này không có giới hạn. Trường phái kinh tế tân cổ điển (và Trường phái Áo) thì lại đi ngược lại, và Gesell và Keynes đã đúng khi tìm cách tước đoạt ít nhất một số đặc điểm độc đáo của tiền mà khiến ham muốn có được nó là vô hạn. Keynes nhận thức được – thực ra là ông đã tuyên bố một cách rõ ràng – rằng sự thống trị của ưu tiên thanh khoản so với ưu tiên về thời gian là một giả định cơ bản của lý thuyết của ông: một "quy luật tâm lý" như ông đã gọi.

Tất nhiên, đối với một số người – nghiện thực phẩm, nghiện sex, nghiện rượu – thực ra không mang lại cảm giác no đủ trong những điều mà Aristophanes đã liệt kê. Điều này chứng tỏ con người rốt cuộc là tham lam sao? Trên thực tế, ví dụ về nghiện ngập làm sáng tỏ những gì là sai trái đối với tiền bạc. Nghiện xảy ra khi chúng ta sử dụng thứ gì đó thay thế cho thứ chúng ta thực sự muốn hoặc cần – chẳng hạn như thức ăn, để thay thế cho sự kết nối; tình dục như một sự thay thế cho sự thân mật về tình cảm, v.v… Tiền được sử dụng như mục đích chung trở thành vật thay thế cho nhiều thứ khác, bao gồm cả những thứ mà nền kinh tế tiền tệ đã phá hủy: cộng đồng, kết nối với địa điểm, kết nối với thiên nhiên, giải trí, và nhiều hơn nữa.

Khi chúng ta nói về "tính thanh khoản" của tiền, chúng ta có ý đơn giản là chúng ta có thể dễ dàng trao đổi nó lấy bất kỳ thứ gì khác mà chúng ta muốn. Giờ đây trong nền kinh tế tiền tệ, chúng ta thực sự có thể trao đổi bất kỳ hàng hóa nào lấy bất kỳ hàng hóa nào khác, chỉ là không dễ dàng, nếu không thông qua phương tiện trao đổi (tiền). Vậy tại sao chúng ta lại thích tiền hơn các mối quan hệ hàng hóa khác? Trừ những trường hợp chúng ta có nhu cầu cần phải được đáp ứng nhanh chóng, điều này thực sự biện minh cho việc giữ trong tay một lượng khiêm tốn phương tiện trao đổi, lý do duy nhất để thích tiền là nó không bị thất thoát trong kho. Tính trường tồn của tiền bạc khiến nó không chỉ là một phương tiện phổ biến mà còn là một mục đích chung. Bằng việc khiến tiền trở nên không vĩnh cửu, chúng ta bảo tồn nó như một phương tiện nhưng không phải là phương tiện cuối cùng để truyền cảm hứng cho một quan niệm về sự giàu có hoàn toàn khác với bất cứ điều gì chúng ta đã biết.

NHIỀU HƠN CHO TÔI LÀ NHIỀU HƠN CHO BẠN

> *Nhờ sự chào sân của tiền tự do, mà tiền bạc đã xuống ngang hàng với những chiếc dù; bạn bè và người quen giúp đỡ lẫn nhau như một lẽ tất nhiên bằng các khoản tiền cho vay. Không ai giữ, hoặc có thể giữ, hay dự trữ tiền, bởi tiền buộc phải lưu thông. Nhưng chỉ vì không ai có thể nghĩ đến các khoản lưu trữ tiền, nên không ai cần lưu trữ. Bởi sự lưu thông của tiền diễn ra đều đặn và không bị gián đoạn.*
>
> – Silvio Gesell

Thứ tương đương trong kinh tế học hiện đại với "phương tiện phổ quát" và "mục đích chung" là "phương tiện trao đổi" và "sự lưu trữ giá trị". Một cách để hiểu tác động của lãi suất âm là nó tách hai chức năng này riêng biệt. Đây là một sự thay đổi sâu sắc. Hầu hết những người theo chủ nghĩa kinh tế coi phương tiện trao đổi và sự lưu trữ giá trị là những chức năng đơn giản của tiền. Nhưng việc kết hợp hai chức năng này thành một sẽ gây ra rắc rối vì phương tiện trao đổi cần phải lưu thông để có thể trở nên hữu ích, trong khi để lưu trữ giá trị thì tiền cần được giữ (lưu trữ) khỏi sự lưu thông. Sự mâu thuẫn này, trong nhiều thế kỷ hoặc hơn, đã tạo ra sự căng thẳng giữa sự giàu có của cá nhân và sự giàu có của xã hội.

Sự căng thẳng giữa sự giàu có của cá nhân và sự giàu có của xã hội tái hiện quan niệm duy vật về cái tôi đã vươn lên thống trị trong thời đại chúng ta. Do đó, một hệ thống tiền bạc giải quyết vấn đề căng thẳng này hứa hẹn những hậu quả sâu sắc đối với ý thức con người. Trong Chương 1, tôi đã viết, "Trong khi tiền ngày nay là hiện thân của nguyên tắc,'Nhiều hơn cho tôi thì là ít hơn cho bạn', trong nền kinh tế quà tặng, nhiều hơn cho bạn cũng nhiều hơn cho tôi, bởi vì những người có thì cho những người cần. Quà tặng củng cố nhận thức thần bí về việc tham gia vào một điều gì đó vĩ đại hơn cả bản thân, điều đó vẫn chưa tách rời khỏi chính mình. Tiên đề về tư lợi một cách hợp lý đã thay đổi bởi vì cái tôi đã mở rộng để bao gồm thứ gì đó của người khác." Liệu chúng ta có thể gắn liền tiền với những đặc điểm giống như một món quà không?

Trong một nền kinh tế dựa trên tiền tự do, sự giàu có có ý nghĩa hoàn toàn khác so với những gì nó có nghĩa ngày nay và trên thực tế, nó mang nhiều đặc điểm giống như trong các xã hội nguyên thủy, dựa vào việc cho và tặng. Trong các xã hội săn bắn hái lượm, phần lớn là du mục, sự sở hữu đồng nghĩa là một gánh nặng theo nghĩa đen. "Chi phí mang theo" mà mọi thứ ngoại trừ tiền mang lại ngày nay đều khá thực tế. Trong các xã hội nông nghiệp cũng vậy, những tài sản như gia súc và kho chứa ngũ cốc, mặc dù được săn đón, nhưng không mang lại mức độ an toàn như khi được nhúng vào một mạng lưới quan hệ xã hội phong phú về cho và nhận. Ngũ cốc có thể thối rữa và gia súc có thể chết, nhưng nếu bạn đã hào phóng với của cải của mình cho cộng đồng, bạn sẽ không phải lo sợ.

Tiền tự do giới thiệu lại tư duy kinh tế của một người săn bắn hái lượm. Trong hệ thống ngày nay, việc có một nghìn đô la tốt hơn nhiều so với việc mười người nợ bạn một trăm đô la. Trong một hệ thống lãi suất âm, trừ khi bạn cần phải tiêu tiền ngay bây giờ, điều ngược lại mới là đúng. Vì tiền mất giá trị dần theo thời gian, nếu tôi có tiền mà tôi không sử dụng, tôi rất vui lòng cho bạn mượn, giống như thể tôi có nhiều bánh mì hơn mức tôi có thể ăn. Nếu tôi cần một ít trong tương lai, tôi có thể tìm đến những người đang nợ mình hoặc tạo ra các khoản cho vay mới với bất kỳ ai trong mạng lưới của tôi mà có nhiều tiền hơn họ cần ngay lúc đó. Tương tự, khi một thợ săn nguyên thủy giết một con vật lớn, họ sẽ cho đi hầu hết số thịt tùy theo tình trạng quan hệ họ hàng, tình cảm cá nhân và nhu cầu. Cũng giống

như tiền bị giảm giá trị, tốt hơn hết là có nhiều người "nợ bạn gì đó" hơn là có một đống lớn thịt thối rữa, hoặc thậm chí là thịt khô, thứ vẫn cần phải được vận chuyển hoặc bảo đảm. Tại sao bạn lại muốn làm vậy, khi cộng đồng của bạn cũng hào phóng với bạn như bạn đối với họ? Sự an toàn đến từ sự chia sẻ. Sự may mắn của người hàng xóm của bạn cũng là sự may mắn của chính bạn. Nếu bạn bắt gặp một nguồn tài sản lớn bất ngờ, bạn nên tổ chức một bữa tiệc lớn. Như một thành viên của bộ tộc Pirahã đã giải thích điều này khi được hỏi về việc tích trữ lương thực, "Tôi dự trữ thịt trong bụng của anh trai tôi".[40] Hoặc xem xét khái niệm của người !Kung về sự giàu có được khám phá trong cuộc trao đổi này giữa nhà nhân chủng học

Richard Lee và một người đàn ông người !Kung, !Xoma:

> *Tôi hỏi !Xoma, "Điều gì khiến một người đàn ông trở thành một //kaiha [người giàu] – nếu anh ta có nhiều túi //kai [hạt và các vật có giá trị khác] trong túp lều của mình?" "Nắm giữ nhiều //kai không khiến bạn trở thành //kaiha," Xoma trả lời. "Chỉ khi ai đó làm cho nhiều hàng hóa xoay vòng thì chúng ta có thể gọi anh ấy là //kaiha."*

Điều !Xoma dường như đang muốn nói là không phải số lượng hàng hóa của bạn tạo nên sự giàu có của bạn; mà là số lượng bạn bè của bạn. Người giàu được đo lường bằng tần suất giao dịch của anh ta hoặc cô ta chứ không phải bằng đống hàng hóa trên tay.[41]

Sự giàu có trong một hệ thống tiền tự do phát triển thành một thứ gì đó giống với mô hình của Tây Bắc Thái Bình Dương hoặc Melanesia, trong đó một nhà lãnh đạo "hoạt động như một trạm trung chuyển hàng hóa – có đi có lại giữa chính anh ta và những nhóm tương tự khác trong xã hội"[42] Địa vị không phải là gắn liền với việc tích lũy tiền bạc hoặc của cải, mà đúng hơn là với một trách nhiệm rất lớn về lòng hào hiệp. Bạn có thể tưởng tượng một xã hội nơi uy tín, quyền lực và quyền lãnh đạo lớn nhất dành cho những người có thiên hướng và khả năng cống hiến lớn nhất không?

Đó là những câu chuyện trong các xã hội cổ xưa. Địa vị đến nhờ sự hào phóng, và sự hào phóng tạo ra lòng biết ơn và nghĩa vụ. Để trở thành lãnh

chúa hoặc vua, bạn phải tổ chức những bữa tiệc thịnh soạn và tặng những món quà xa hoa cho những người đồng cấp và thuộc hạ. Chúng tôi có một ví dụ đặc biệt rõ ràng về điều này trong Nibelungen, câu chuyện lớn của Đức về thời trung cổ, dựa trên tài liệu nguồn từ trước đó. Khi Kriemhild, góa phụ của người anh hùng vĩ đại Siegfried, bắt đầu cho đi một cách xa hoa của tích trữ mà cô được thừa kế từ anh ta, nhà vua cảm thấy bị đe dọa đến mức đã giết cô và kho báu bị vứt xuống sông Rhine (nơi nó vẫn còn đó cho đến ngày nay!). Quyền lực của nhà vua được duy trì bằng các món quà và quyền lực đó bị suy giảm khi người khác bắt đầu tặng những món quà lớn hơn ông.

Các khoản cho vay không lãi suất trong nền kinh tế tự do tiền tệ tương tự như những món quà của thời xưa. Mặc dù các khoản vay như vậy có thể vi phạm nguyên tắc quà tặng mà quà tặng đối ứng không được xác định trước, nhưng chúng là những món quà tặng: không phải là tiền mà là ứng dụng của tiền. Trong thời cổ đại, các nghĩa vụ và kỳ vọng được tạo ra bởi quà tặng được xác định về mặt xã hội. Điều này cũng đúng ở đây: quyết định xã hội tồn tại dưới dạng hợp đồng, thỏa thuận, luật, v.v… Bên dưới các hình thức cụ thể này, động lực là tương đương: những người có nhiều hơn họ cần thì đưa nó cho người khác. Chỉ đơn giản vậy thôi, một biểu hiện của lòng hào hiệp bẩm sinh của con người mà tôi đã mô tả trong Chương 1. Tất cả những gì cần thiết là một hệ thống tiền để khuyến khích, thay vì ngăn cản sự hào phóng đó. Không có sự thay đổi kỳ diệu nào trong bản chất con người là cần thiết. Như tôi mô tả trong *The Ascent of Humanity*:

> *Trong khi bảo mật hệ thống dựa trên lãi suất đến từ việc tích lũy tiền, trong một hệ thống dự trữ, nó đến từ việc có các kênh sản xuất để điều hành nó – nghĩa là, trở thành mối liên kết với sự giàu có chứ không phải là điểm để tích lũy của nó. Nói cách khác, nó tập trung vào các mối quan hệ, không phải là "của sở hữu". Nó phù hợp với một ý thức khác về bản thân, được khẳng định không phải bằng cách bao bọc ngày càng nhiều thế giới trong tầm mắt của tôi, mà bằng cách phát triển và làm sâu sắc hơn các mối quan hệ với những người khác. Nó khuyến khích sự tương hỗ, chia sẻ và sự luân chuyển nhanh chóng của của cải.*

Đôi khi, mọi người hỏi liệu tiền tệ có lãi suất âm, như lạm phát, sẽ ngừng kích thích tiêu dùng nhiều hơn nữa hay không. Theo quan điểm kinh tế, điều này sẽ chỉ xảy ra nếu tỷ lệ chênh lệch quá cao, dẫn đến việc ưa chuộng hàng hóa hơn tiền như một vật lưu trữ giá trị.[43] Hai yếu tố này phải ngang nhau. Nhưng hãy cùng tìm hiểu vấn đề này sâu hơn một chút. Khi tôi mô tả một loại tiền tệ dồi dào, mọi người phản đối, "Nhưng chúng ta đang sống trong một thế giới khan hiếm. Tài nguyên thiên nhiên là rất nhỏ, và chúng ta đã sử dụng gần hết. Vấn đề là chúng tôi đã đối xử với chúng như thể chúng không có giới hạn". Theo đó, người ta có thể nghĩ rằng một thái độ và tiền tệ dồi dào là điều cuối cùng chúng ta cần.

Để trả lời cho mối quan tâm này, trước tiên hãy xem xét liệu đồng tiền khan hiếm của chúng ta có thực sự hạn chế việc tiêu thụ các nguồn tài nguyên khan hiếm của chúng ta hay không. Nó không hề. Sự khan hiếm tiền đã làm cho việc chuyển đổi thành tiền của chúng trở nên trầm trọng hơn. Đó là một biểu hiện của sự khan hiếm, chứ không phải là sự dồi dào, điều mà đã dẫn đến sự cạn kiệt tài nguyên chung tự nhiên của chúng ta. Cạnh tranh và tích lũy *nhiều hơn nhu cầu* là phản ứng tự nhiên đối với sự khan hiếm nguồn lực. Việc tiêu dùng quá mức và lãng phí một cách tục tĩu trong xã hội của chúng ta phát sinh từ sự nghèo đói: nó tạo ra cái tôi rời rạc và riêng biệt, sự khan hiếm tiền trong một hệ thống dựa trên lợi ích, sự nghèo nàn về mối quan hệ xuất phát từ việc chúng ta cắt đứt quan hệ với cộng đồng và đối với tự nhiên, sự áp lực không ngừng về việc làm bất cứ điều gì, để kiếm sống. Ngược lại, phản ứng tự nhiên đối với tình trạng dồi dào là sự hào phóng và chia sẻ. Điều này bao gồm chia sẻ trong lĩnh vực con người và xa hơn nữa. Lý do nào khác khiến cuộc chạy đua điên cuồng của chúng ta nhằm biến thiên nhiên thành những mặt hàng thậm chí sẽ không đáp ứng được nhu cầu thực sự, nếu không phải vì sự bất an?

Hãy suy nghĩ về điều đó. Có phải từ tình trạng khan hiếm hay thừa thãi mà ai đó sẽ mua 50 đôi giày đắt tiền? Liệu người cẩn thận hay bất cẩn sẽ mua một chiếc xe thể thao thứ ba và một ngôi nhà rộng 10.000 mét vuông? Sự thôi thúc muốn sở hữu, thống trị, kiểm soát này tới từ đâu? Nó đến từ một bản thân cô đơn, thiếu thốn trong một thế giới thù địch, không có tình yêu thương.

Tiền tự do là hiện thân của những giáo lý tâm linh về sự phong phú, tính liên kết và vô thường. Tuy nhiên, những lời dạy này thể hiện một sự thật gắn liền với thế giới mà chúng ta đã tạo ra thông qua niềm tin của mình, đặc biệt là hệ thống niềm tin tạo nên câu chuyện về tiền bạc. Đã đến lúc chúng ta phải làm quen với một thế giới mới, trong đó chúng ta không còn cố gắng làm giàu bằng cách giữ, bằng cách tích trữ, bằng cách sở hữu. Đó là một thế giới mà chúng ta giàu có bằng cách cho đi. Những giảng viên về "lập trình thịnh vượng" của Thời đại Mới mà tôi đã phê bình trong Chương 6 đang thực sự công bố một sự thật quan trọng. Chúng ta thực sự cần phải có một thái độ phong phú và tạo ra một thế giới hiện thân của nó.

Bạn đọc thân mến của tôi, hãy nghĩ xem: bạn có thực sự là người mà sẽ nói, "Tôi sẽ cho bạn vay tiền – nhưng chỉ khi bạn trả lại cho tôi nhiều hơn nữa"? Khi chúng ta cần tiền để sống, liệu đó chẳng phải là phương thức của chế độ nô lệ sao? Đáng chú ý hơn, việc xóa các khoản nợ mà Solon đã nổi tiếng từ đó được thúc đẩy một phần bởi sự phục vụ trả nợ của một tỷ lệ dân số ngày càng tăng. Ngày nay, những người trẻ tuổi cảm thấy mình đang làm nô lệ cho các khoản vay học đại học của họ, các chủ hộ là nô lệ của các khoản thế chấp của họ và toàn bộ các quốc gia Thế giới Thứ ba làm nô lệ của khoản nợ nước ngoài của họ. Lãi suất là chế độ nô lệ. Và vì điều kiện nô lệ gây tai tiếng cho chủ nô chẳng kém gì nô lệ, nên trong lòng chúng ta chẳng ai muốn điều đó.

Nếu bạn cho ai đó vay tiền, liệu bạn có thực sự là người mà họ sẽ phải giữ nghĩa vụ với bạn, mãi mãi về sau không? Lãi suất của một khoản vay tương đương với điều đó: đó là một áp lực phải trả lại. Đó là lời đe dọa, "Nếu bạn không trả lại tiền cho tôi, khoản nợ sẽ tăng mãi và tăng mãi". Khoản vay không lãi suất hoặc lãi suất âm mang lại cho nó một sự tự do nhất định. Nó không mang lại mối đe dọa về sự nô lệ suốt đời.[44] Tôi cảm thấy hoàn toàn tự nhiên về lãi suất âm. Nếu tôi cho một người bạn vay tiền và cô ấy không trả lại tiền cho tôi, thì cuối cùng tôi muốn nói, "Hãy quên chuyện đó đi – tôi không muốn chuyện này làm gánh nặng của bạn mãi mãi". Tôi không muốn níu kéo những điều cũ, những món nợ cũ. Hệ thống tiền lãi suất âm củng cố xu hướng hữu ích, vốn có của tất cả chúng ta, nó buông bỏ, giải phóng quá khứ và tiếp tục bước về phía trước.

CHƯƠNG 13:
KINH TẾ HỌC CỦA TRẠNG THÁI ỔN ĐỊNH VÀ GIẢM PHÁT TRIỂN

Tăng trưởng tiêu dùng vô hạn trong một thế giới hữu hạn là điều bất khả thi.

– E.F. Schumacher

CÂN NHẮC LẠI TÍNH BỀN VỮNG

Hai chương trước đã phác thảo một nền kinh tế bền vững: nó bao gồm những giới hạn sinh thái của hành tinh này, và nó phát triển rực rỡ mà không cần đến một nhu cầu tiêu dùng bất tận có tính cấu trúc. Nhưng có phải sự bền vững là khát vọng cao nhất của chúng ta?

Từ lâu tôi đã không còn kiên nhẫn với "tính bền vững", như thể bản thân nó chính là một cái kết. Chẳng phải nghĩ về những gì chúng ta muốn duy trì và do đó muốn tạo ra là quan trọng hơn hay sao? Nhiều thứ đẹp đẽ, cần thiết thì không có tính bền vững: ví dụ như việc mang thai. Tôi phấn khởi bởi sự dịch chuyển từ suy nghĩ về sự bền vững tiến tới sự chuyển giao gần đây. Những gì chúng ta đang chuyển giao tới sẽ bền vững hơn hẳn cuộc sống hiện tại của chúng ta, nhưng đây không phải là mục tiêu cuối cùng, cũng như mục đích cuối cùng của cuộc đời không chỉ đơn thuần là sống.

Một khái niệm cốt lõi của kinh tế học thiêng liêng chính là nó là một phần mở rộng của hệ sinh thái hơn là một ngoại lệ của hệ sinh thái. Do đó chúng ta phải hỏi rằng, tự nhiên, về bản chất, ổn định, bền vững, hay hài hòa? Nó có những đặc tính mà chúng ta muốn trong một xã hội không? Vài người chối bỏ quan niệm rằng tự nhiên thì hài hòa hay cân bằng, thay vào lại nhấn mạnh những khía cạnh tàn nhẫn, cạnh tranh, và hoang phí của nó. Quan điểm này có một hệ lụy mang tính ý thức hệ, vì nó biện hộ cho chương trình Thăng tiến: để thống trị và làm chủ tự nhiên bằng khoa học

và kỹ thuật. Thường thì, những người đồng tình với góc nhìn này cũng mang theo góc nhìn của Hobbes về một xã hội nguyên thủy và bản chất con người và xem nền văn minh cùng những phương pháp khống chế xã hội là một tiến bộ vĩ đại so với thời kỳ thô sơ hung bạo. Đây là một phần của câu chuyện về Sự Thăng tiến – vượt lên khỏi thú tính của ta để vươn đến vương quốc hoàn toàn thuộc về loài người.

Cách nhìn thiên nhiên là một đấu trường cạnh tranh rộng lớn, một cuộc đấu tranh sống còn theo thuyết Darwin giữa những sinh vật cạnh tranh riêng rẽ, phản chiếu xuyên suốt thuyết kinh tế học. Trong sinh vật học mô hình này ngày càng bị thách thức, nhưng phiên bản kinh tế của nó vẫn nắm quyền thống trị trong những nhà chuyên môn kinh tế và những nhà hoạch định chính sách. Cũng như những "gen vị kỷ" theo lý thuyết của Darwin được cho là tối đa hóa lợi ích sinh sản của chính mình, "con người kinh tế" của Adam Smith theo đuổi việc tối đa hóa tư lợi kinh tế. Đây là giả định trọng tâm của kinh tế học, chủ đạo trong việc tạo ra các luật về cung và cầu.

Trong hai thập kỷ qua, một sự chuyển dịch mô hình trọng yếu đã nổi lên trong ngành sinh học, nhấn mạnh sự hợp tác, sự cộng sinh, và sự duy trình tính cân bằng của cái toàn thể lớn hơn cá thể sinh vật. Ngoài ra, người ta đã đặt dấu hỏi cho khái niệm tính vẹn nguyên của gen vì những phát hiện mới cho thấy sự quan trọng của việc chia sẻ gen xuyên qua những giới hạn sinh vật và giống loài. Khuyết điểm của mô hình những cá thể riêng rẽ cạnh tranh nhau trong sinh học tương ứng với những thuyết tương tự trong tâm lý học, xã hội học, và – vâng – kinh tế học. Sự cạnh tranh và "sự sống sót của cá thể thích nghi nhất" có thể không còn mang tính tiên đề trong bất kỳ ngành nào.

Ở đây không nói rằng cạnh tranh là không quan trọng, hay tự nhiên là bất biến. Những quá trình không bền vững đúng là có diễn ra trong tự nhiên, và chúng không phải là những sai số. Chúng cũng mang một mục đích: thúc đẩy những hệ thống từ một giai đoạn này nhảy sang một giai đoạn khác.

Trong một hội thảo gần đây, một người đã phản đối góc nhìn của tôi về quy luật hoàn trả bằng việc quan sát thấy rằng những hệ thống tự nhiên đôi khi

có sản xuất một lượng lớn những sản phẩm dư thừa mà không sinh vật nào khác có thể sử dụng và làm độc môi trường chung. Người này có lẽ đang nghĩ đến thảm họa thời kỳ tiền Cambri, khi mà những sinh vật quang hợp xuất hiện và "đầu độc" bầu khí quyển bằng chất thải của chúng, khí oxy. Trong góc nhìn cổ điển này, sự hỏng hóc của tự nhiên cũng có nghĩa là sự kết thúc của sự sống trên trái đất nếu không có sự xuất hiện đầy may mắn của những sinh vật háo khí có thể loại bỏ oxy khỏi bầu khí quyển. Đây không phải là sự hài hòa của tự nhiên – đây là những đột biến cực kỳ hy hữu. Kết luận lại chúng ta không thể dựa dẫm vào sự hài hoài của tự nhiên, rằng chúng ta luôn bên bờ vực của thảm họa và vì thế phải áp dụng đến việc kiểm soát tự nhiên, cơ thể, và bản chất con người bằng kỹ thuật. Đây chính là hệ tư tưởng của sự Thăng tiến, tương ứng với hệ tư tưởng tăng trưởng kinh tế và nó không hề thân thiện với một nền kinh tế trạng thái ổn định. Người chất vấn tôi đã không đi xa đến thế; điều anh ta muốn nói đơn giản chỉ là, "Đừng có viện cớ luật tự nhiên để biện hộ cho một nền kinh tế tăng trưởng bằng 0[1]"

Tôi muốn gắn hiện tượng thảm họa trong một bối cảnh rộng lớn hơn. Đúng là những vòng lặp hồi tiếp tích cực như thảm họa oxy thời tiền kỷ Cambri tồn tại trong tự nhiên. Mặc dù vậy, chúng đến trong những thời khắc đặc biệt – thời khắc chuyển đổi. Ví dụ như, vòng lặp phản hồi tích cực của những hormone tự củng cố, tự gia tăng để kích hoạt quá trình sinh đẻ. Việc sinh con vốn không bền vững – người mẹ có thể chết nếu nó diễn ra quá lâu – nhưng một khi mục tiêu hoàn thành, người mẹ sẽ trở về trạng thái cân bằng nội môi[2].

Những giai đoạn phản hồi tích cực đưa một sinh vật hay một hệ sinh thái từ một giai đoạn ổn định cũ đến một giai đoạn ổn định mới.

Chúng ta có thể nhìn vào tiền bằng chính cách này. Tiền, bên cạnh công nghệ, là một trong những "hormone" chủ chốt của siêu sinh vật con người, đang thúc đẩy chúng ta trên quá trình không bền vững đi đến một trạng thái mới. Công nghệ xây dựng trên nền công nghệ cũ và tạo ra những vấn đề đòi hỏi nhất thiết cần tạo ra thêm công nghệ khác nữa. Tài sản tạo dựng trên tài sản trước đó và được tạo ra từ những món nợ sinh lãi, những món nợ này đòi hỏi tài sản phải được tạo ra gấp bội trong tương lai. Không bền

vững, đúng vậy, nhưng chỉ trái tự nhiên nếu chúng ta cố duy trì điều này quá thời hạn của nó. Những quá trình phản hồi tích cực luôn chạm đến những giới hạn. Những cơn co thắt của Trái Đất chỉ tăng cường đến một điểm – rồi thì một đứa trẻ được sinh ra. Những gì chúng ta thấy đi kèm cảnh báo về một đường cong tăng trưởng theo hàm mũ, thực chất chính là một phần đường cong của giai đoạn chuyển tiếp.

SỰ CHUYỂN TIẾP ĐẾN TRẠNG THÁI ỔN ĐỊNH: CÚ VA NHẸ HAY SỰ SỤP ĐỔ?

Các biểu đồ từ 2 đến 5 minh họa cho điều này. Đường liền nét đại diện cho sự phát triển của tiền, dân số, sự tiêu thụ năng lượng, việc sử dụng tài nguyên, lượng khí thải CO_2, và nhiều thứ khác cho đến thời điểm hiện tại. Đó là một đường cong theo hàm số mũ. Những đường nét đứt đại diện cho bốn tương lai khả thi. Biểu đồ 2 tượng trưng cho câu chuyện về Sự Thăng tiến theo chủ nghĩa không tưởng công nghệ, viễn cảnh này nói rằng tăng trưởng theo hàm số mũ có thể và sẽ tiếp tục mãi mãi khi chúng ta chinh phục được thiên hà và vũ trụ. Nó nói rằng khi chúng ta tăng trưởng vượt qua khỏi những giới hạn của trái đất, chúng ta sẽ định cư trên những vì sao và biến đổi những hành tinh mới thành như Trái Đất; rằng sự vô tận của vũ trụ sẽ bao hàm luôn cả sự tăng trưởng theo hàm số mũ vô hạn của chúng ta.

Chính sách kinh tế hiện tại vẫn hiện diện trong đường cong trong Biểu đồ 2. Mặc dù ngày nay nhiều người nhận ra rằng tăng trưởng liên tục theo hàm số mũ đe dọa nền tảng của sự sống trên trái đất, cách nhìn này vẫn chưa thâm nhập vào cuộc thảo luận kinh tế trong xu thế chủ đạo, thứ vẫn còn tập trung vào sự tăng trưởng.

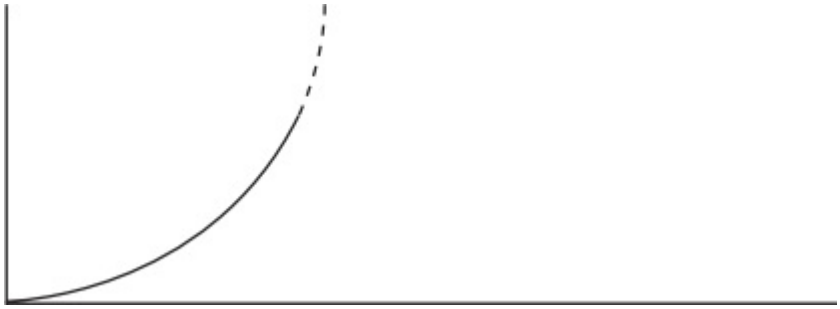

Biểu đồ 2: Tăng trưởng hàm số mũ liên tục

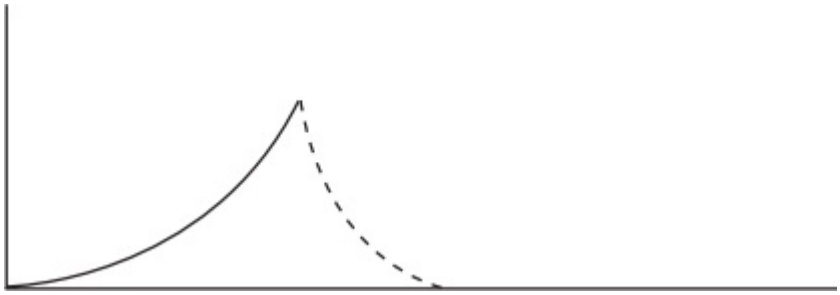

Biểu đồ 3: Đỉnh và sụp đổ

Nỗi sợ của những người bi quan chính là sự liên tục của đường hàm mũ từ trước đến giờ có thể không gì khác ngoài là Biểu đồ 3 – một sự sụp đổ kinh khủng và quay trở về vạch xuất phát. Đây thực chất là dự đoán của những nhà tư tưởng "theo chủ nghĩa sụp đổ" thuộc các phong trào phản văn minh và Đỉnh Dầu (Peak Oil), những người so sánh tình trạng hiện tại của chúng ta với thống kê dân số của những loài động vật như châu chấu, những loài có số lượng bùng nổ khổng lồ đẩy số lượng của chúng vượt xa khả năng chịu đựng của mặt đất, dẫn đến sự sụp đổ về số lượng. Chúng ta cũng vậy, họ nói rằng, đang sống vượt quá khả năng chịu đựng của trái đất, và do đó một sự sụt giảm dân số là không thể tránh khỏi.

Ngày tận thế, những viễn cảnh sụp đổ như thảm họa Armageddon[3], sự truyền bá lời tiên tri năm 2012, hay những sự kiện thế giới tận thế thảm khốc khác có một sức hấp dẫn cảm xúc nhất định, một sức hút mà tôi phải thú nhận rằng đôi khi tôi cũng cảm nhận được. Một phần của tôi muốn thoát ly. Không phải chỉ một mình tôi thấy thế. Nhiều người trong chúng ta đã mệt mỏi với thế giới hiện đại bởi bạo lực, sự tha hóa, nghèo đói, và chết chóc, và chúng ta tuyệt vọng không biết bao giờ có thể thay đổi được nó. Một sự kiện thay đổi thế giới làm điều đó giúp chúng ta thì thật hấp dẫn, dù nó có là một công nghệ kỳ diệu nào đó đến giải cứu ta, hay chúa Jesus đến cứu vớt ta, hay UFO, hay thậm chí là một biến cố địa chất, xã hội, hay kinh tế nào đó. Nhiều nhà tư tưởng trường phái sụp đổ cũng bị thu hút bởi những gì diễn ra tiếp theo một cuộc sụp đổ: một xã hội công xã công nghệ thấp, kết nối với thiên nhiên, tâm linh, và những trường phái xưa cũ. Ngoài ra, viễn cảnh sụp đổ kinh tế hay môi trường làm thỏa mãn khía cạnh thù hằn của chúng ta, thứ như muốn nói, "Đã bảo rồi mà!" – cái phần muốn thấy những thứ xấu xa bị trừng phạt.

Tiếc thay, những viễn cảnh sụp đổ lại bao gồm sự đau khổ to lớn: hàng trăm triệu hay hàng tỷ cái chết. Ngoài ra, chúng có liên quan đến sự xóa sổ của toàn bộ công trình của nền văn minh, cái tốt cũng như cái xấu. Điều đó cũng sẽ ổn thôi nếu công nghệ và văn hóa là một sai lầm, nhưng tôi nghĩ rằng như tất cả những sự tồn tại, những món quà của chúng ta đều có một mục đích, một mục đích mà ta vẫn chưa khám phá ra. Giờ đây chúng ta đang xuất hiện từ tuổi thơ, và những khủng hoảng chúng ta tạo ra dâng tặng cơ hội đầu tiên để có thể áp dụng những món quà của ta vào mục đích thực sự của chúng. Nói một cách tinh tế, chối bỏ hàng loạt những món quà của ta thì cũng mang đầy quan điểm của Sự Chia Cắt hệt như việc ta đề cao chúng lên trên hẳn toàn bộ những gì còn lại của tự nhiên. Hai quan điểm đều là một loại chủ nghĩa xuất chúng lấy con người làm trung tâm. Chúng ta không thể hòa hợp trở lại với tự nhiên như là một loài trưởng thành hay sao? Với suy nghĩ đó trong đầu, tôi đưa ra thêm hai đường cong đều phù hợp với những điểm dữ liệu mà chúng ta có được tính đến hiện nay. Biểu đồ 4 cho thấy một đường cong khá phổ biến trong tự nhiên: một thời gian tăng trưởng nhanh cuối cùng chậm lại và tiến gần đến trạng thái ổn định. Đường cong này có thể vạch ra sự tăng trưởng của một người trong độ tuổi thanh niên, tổng sinh khối của thảm thực vật tái phát triển trở lại trên đất trọc, hay số lượng vi khuẩn vừa được đưa vào một đĩa petri được cung cấp thức ăn liên tục. Biểu đồ 5 đại diện một kiểu mẫu phổ biến khác: đỉnh điểm cao hơn mức độ bền vững lâu dài được tiếp nối bởi sự giảm dần đến trạng thái ổn định.

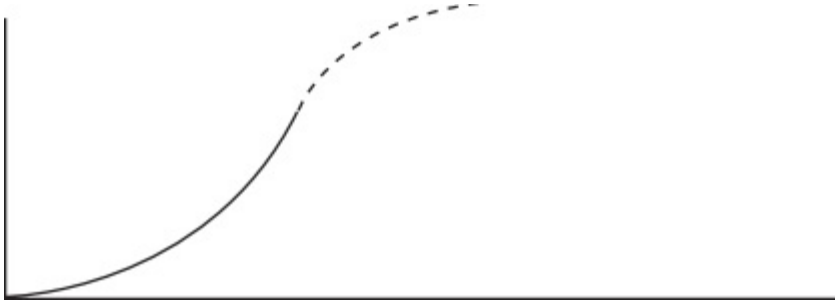

Biểu đồ 4: Giữ vững ở trạng thái ổn định

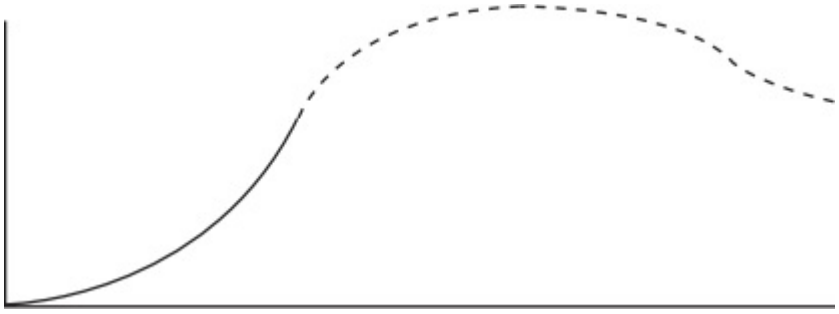

Biểu đồ 5: Đạt đỉnh, sau đó là trạng thái ổn định

Những giai đoạn tăng trưởng nhanh được thúc đẩy bởi sự cạnh tranh, đi theo sau đó là một giai đoạn chuyển tiếp vào trạng thái ổn định, khá phổ biến trong tự nhiên. Hãy nghĩ đến một hệ sinh thái chưa trưởng thành có cỏ dại và các cây nhỏ đua nhau giành lấy ánh nắng mặt trời. Đây chính là một giai đoạn của một quá trình lớn hơn dẫn đến đỉnh điểm là một khu rừng cộng sinh, phức tạp, không tuyến tính, và ổn định. Thấm nhuần trong một nền kinh tế và hệ tư tưởng tương ứng với hệ sinh thái chưa trưởng thành, chúng ta đã thấy sự cạnh tranh liều lĩnh của nó giống như cách thức của tự nhiên. Có lẽ nhân loại cũng đang trưởng thành, tự tổ chức thành một thể tương hỗ mà trong đó cạnh tranh và tăng trưởng không còn quan trọng nữa. Sự thật là, những thống kê nhân khẩu học gần đây dường như không cho thấy sự sụp đổ dân số, mà cho thấy một sự giảm tốc tăng trưởng nhanh chóng. Chúng ta có thể thấy hoặc là dân số giảm dần khi nó tiến gần đến đường tiệm cận ở khoảng 8 hay 9 tỷ người (Biểu đồ 4), hoặc là đạt đến đỉnh điểm cũng ở mức độ như vậy và sau đó là giảm đến một trạng thái cân bằng ở con số vài tỷ (Biểu đồ 5). Để diễn giải những đường cong này bằng các thuật ngữ kinh tế, chúng ta có thể hiểu hoặc là việc tiền tệ hóa cuộc sống sẽ chậm lại và ngừng hẳn (tăng trưởng kinh tế sẽ chậm dần dần cho đến khi chúng ta đạt đến trạng thái ổn định, một nền kinh tế tăng trưởng bằng 0), hai là nó sẽ co lại một chút trước khi ổn định ở một mức độ thấp hơn (thu nhập bình quân đầu người thấp hơn) ngày nay. Biểu đồ 4 cho thấy kịch bản thứ nhất, Biểu đồ 5 cho thấy kịch bản thứ hai. Trong cả hai trường hợp, dân số và nền kinh tế, tôi dự đoán kịch bản số 2.

Thống kê nhân khẩu học ủng hộ dự đoán này. Khi một quốc gia tiến gần đến công nghiệp hóa toàn diện, tỷ lệ sinh đẻ của nó sẽ chậm lại – đa phần sẽ thấp hơn tỷ lệ thay thế. Điều này ngụ ý một sự giảm dân số tự nhiên,

nhẹ nhàng, không phải một cái chết hàng loạt đột ngột do thảm họa. Tôi nghĩ rằng trên một hành tinh đang chữa lành, cả tổng sản phẩm quốc nội và dân số đều sẽ chạm đỉnh trong vòng ba thập niên tới, giảm dần, và co lại vài phần trăm mỗi thập niên cho đến khi chúng đạt đến mức độ ổn định.[4] Xu hướng nay đã bắt đầu rồi: theo những dự đoán của U.N. năm 2006, tỷ suất sinh (fertility rate) của thế giới đã giảm trong thập niên qua từ 2.65 xuống còn 2.55 đối với mỗi phụ nữ. Trong nửa thế kỷ qua, tỷ suất sinh tại những quốc gia công nghiệp hóa cao nhất đã giảm đáng kể, phần lớn giảm xuống dưới tỷ lệ thay thế (replacement rate) 2.1. Thú vị là, sự tương quan nghịch biến giữa chỉ số phát triển con người của một quốc gia (HDI, một chỉ số hạnh phúc tránh được những khuyết điểm của GDP) và tỷ suất sinh của quốc gia đó, trong vài năm qua, đảo ngược tại cực trị trên của chỉ số HDI. Nói cách khác, tỷ suất sinh đang có những dấu hiện phục hồi đến gần tỷ lệ thay thế khi sự phát triển kinh tế gần hoàn thành.[5]

Tôi không cho rằng những con số thống kê này có thể là gì đó hơn là mang tính gợi ý về một khả năng. Tôi cũng không cố dự đoán tương lai, nhưng tôi nghĩ rằng những sự tàn phá của Sự Chia cắt giống như sự chuyển đổi tài sản sức khỏe thành tiền, sẽ dẫn đến việc sinh sản giảm mạnh và tăng tỷ lệ tử vong trong nửa thế kỷ tiếp theo. Dân số thế giới vào khoảng năm 2100 sẽ tương đối thấp hơn so với hiện nay. Trong nền kinh tế, chúng ta sẽ cải tạo phần lớn địa hạt bị tiền tệ hóa và tư hữu hóa nguồn tài nguyên chung và sự trao tặng. Phần nhiều những thứ là hàng hóa ngày nay sẽ không còn là hàng hóa bởi những hình thái kinh tế hợp tác mới sẽ xuất hiện để đáp ứng nhu cầu địa phương.

Mức độ nghiêm trọng của "cái bướu" trong Biểu đồ5 phụ thuộc vào việc chúng ta vượt mức sàn bền vững xa tới đâu. Tôi tin rằng chúng ta đã bỏ lỡ cơ hội cho một cuộc chuyển tiếp không tốn công sức nào (Biểu đồ4) vào thập niên 1960, thời kỳ thực sự đại diện cho đỉnh điểm của Thời đại Chia cắt. Và chúng ta cũng đã loáng thoáng nhìn thấy nó! Chúng ta thoáng thấy một thế giới đẹp đẽ hơn, rất gần. Dân hippie đã thấy nó và đã sống nó trong một vài khoảnh khắc sáng chói, nhưng những câu chuyện cũ thì quá mạnh mẽ. Thay vì những người hippie kéo tất cả chúng ta vào một thế giới mới, chúng ta đã lôi họ quay trở về thế giới của mình.

Thời đại Chia cắt kéo dài càng lâu, sự chuyển tiếp càng mang tới nhiều tổn thương hơn, và cú rơi xuống vạch mốc ổn định sẽ xa hơn và đột ngột hơn. Trong trường hợp tiệm cận, nó sẽ đến gần thảm họa trong Biểu đồ 3. Đó là lý do quan trọng tại sao chúng ta phải bảo vệ bất kỳ thứ gì còn lại của tài nguyên chung mà chúng ta có thể để hạn chế tăng trưởng và bảo tồn của cải thực sự để duy trì cuộc sống sau cú va chạm – "để đẩy nhanh cú va chạm và giảm nhẹ mức độ nghiêm trọng của nó." Thậm chí ngày nay, bốn mươi năm hoang phí sau cuộc Đại Tỉnh Thức (Great Awakening) thập niên 1960, một cú hạ cánh nhẹ nhàng vẫn là chưa quá muộn.

ĐỒNG TIỀN CO LẠI, CỦA CẢI TĂNG LÊN

Ngày nay, khủng hoảng kinh tế là ông kẹ của những nhà hoạch định chính sách, những người, cũng dễ hiểu thôi, gắn liền nó với nạn thất nghiệp, nghèo đói, và bất ổn xã hội. Tôi đã giải thích làm thế nào mà một hệ thống lợi nhuận âm lại cho phép tín dụng lưu thông thậm chí trong một nền kinh tế đang co rút lại, nhờ vậy tránh đi sự phân cực giàu nghèo và vòng xoáy giảm phát. Thậm chí như thế, nhiều người vẫn sẽ kinh hoàng trước lời kêu gọi tăng trưởng tinh tế âm: chẳng phải điều đó, theo định nghĩa, thì xã hội sẽ trở nên nghèo khó hơn sao? Chẳng phải như thế, theo định nghĩa, là một sự suy giảm hàng hóa và dịch vụ tồn tại vì phúc lợi của người dân sao?

Không, không hề chút nào. Tăng trưởng kinh tế âm chẳng hề dẫn đến suy giảm của cải, hay suy giảm giá trị của thứ mà chúng ta gọi "hàng hóa và dịch vụ." Hãy nhớ rằng, hàng hóa và dịch vụ ngày nay được định nghĩa là *những thứ được trao đổi lấy tiền*. Nếu chúng được cung cấp thông qua một cơ chế khác, phi tiền tệ, thì "nền kinh tế" dựa trên thống kê có thể co lại trong khi nền kinh tế thực sự – những gì con người tạo ra và làm cho người khác – phát triển mạnh mẽ hơn.

Tôi sẽ nói thẳng ra: trong quyển sách này tôi kêu gọi một sự giảm phát triển kinh tế, một sự co rút lại của nền kinh tế, một cuộc suy thoái sẽ kéo dài hàng thập kỷ hay hàng thế kỷ. Rõ ràng, từ "suy thoái" ngày nay có một ý nghĩa tiêu cực, mặc dù nó chỉ thực sự có nghĩa là thời kỳ giảm sút. Phải nhấn mạnh rằng tôi không có đang nói chúng ta phải hy sinh chất lượng cuộc sống cho sự tươi đẹp của hành tinh này. Đúng hơn, chúng ta cần làm

thế nhưng giảm đi vai trò của đồng tiền. Nếu tương lai của chúng ta bao gồm sự đa dạng hóa trong cách thức con người chia sẻ thì tăng trưởng kinh tế sẽ không còn có ý nghĩa như ngày nay nữa. Chúng ta không cần phải trở nên vị tha hơn và hy sinh hơn, bỏ qua lợi ích của chính chúng ta vì lợi ích của người khác. Chúng ta bám vào phương trình giữa tiền tệ và tư lợi sít sao quá! Nhưng sẽ không còn như thế nữa. Hãy để tôi minh họa bằng những ví dụ làm thế nào tất cả chúng ta có thể trở nên giàu có hơn nhờ vào sự co rút của địa hạt tiền tệ.

Ngày nay đã có một nền công nghiệp phần mềm khổng lồ hoạt động mà sử dụng rất ít tiền. Tôi viết quyển sách này trên OpenOffice, một gói phần mềm có thể mua bằng một khoản đóng góp tự nguyện được viết chủ yếu bởi một cộng đồng các lập trình viên không công. Ai đó có thể nói rằng những lập trình viên này "được trả công" không phải bằng tiền mà bằng sự quý trọng của những đồng nghiệp, một dạng tiền tệ xã hội. Tôi thích nhìn nhận năng suất lao động của họ dưới hình thức một nền kinh tế quà tặng hơn, một nền kinh tế tạo ra sự tôn trọng và lòng biết ơn một cách tự nhiên giữa những thành viên trong cộng đồng. Dù gì đi nữa, hình thức sản xuất này không xuất hiện trong thống kê GDP. Chúng ta có thể dễ dàng có một "nền kinh tế" đang co rút cung cấp ngày càng nhiều và càng tốt hơn những sản phẩm như thế này. Và càng có nhiều những sản phẩm đó, chúng ta càng ít cần đến tiền; chúng ta càng ít cần tiền chừng nào thì chúng ta lại có nhiều thời gian nhàn rỗi chừng đó; chúng ta càng có nhiều thời gian nhàn rỗi thì chúng ta càng đủ khả năng để dâng tặng cho nền kinh tế quà tặng hơn.

Đối với nhiều chủng loại hàng hóa, chi phí sản xuất cận biên giờ đây hầu như là bằng 0. Điều này đúng với hầu như tất cả sản phẩm kỹ thuật số, như phần mềm, âm nhạc, phim ảnh, và nhiều hơn nữa. Chi phí đáng kể có thể bao gồm việc sản xuất ra đơn vị đầu tiên, nhưng sau đó, chi phí mỗi đơn vị căn bản là 0. Nền công nghiệp này vì thế đã cố tạo ra sự khan hiếm nhân tạo thông qua việc bảo vệ bản quyền, những phương thức quản lý quyền kỹ thuật số, và nhiều nữa. Thật vô lý rằng cách duy nhất chúng ta có để trao thưởng những người sáng tạo ra nội dung số chính là trao nó cho số ít hơn những người có thể có lợi từ nó. Mỗi người lẽ ra có thể truy cập vào mỗi bộ phim, bản nhạc, và chương trình phần mềm sẵn có và nhà sản xuất

chẳng tốn nhiều tiền hơn là bao. Những hàng hóa không khan hiếm thì không nên lệ thuộc vào việc chi trả bằng tiền tệ khan hiếm. Quả vậy, những nhà sản xuất các hàng hóa không khan hiếm đã thôi không còn cố giữ được sự khan hiếm nhân tạo và thay vào đó cố kiếm tiền bằng cách thỉnh cầu việc chi trả tự nguyện, bán quảng cáo, hay thu tiền hỗ trợ kỹ thuật, huấn luyện, hay trong trường hợp của âm nhạc, là các buổi hòa nhạc sống. Thời gian, sự chú ý, không gian tại địa điểm buổi hòa nhạc, và nhiều thứ khác tất cả đều là những nguồn tài nguyên khan hiếm, và chúng phù hợp dễ dàng hơn với thế giới tiền tệ. Dẫu vậy, kết quả cuối cùng chính là giảm phát triển kinh tế, như một tác giả đã viết như sau,

> *Ý tưởng căn bản của họ, một ý tưởng càng nghe càng càng tuyệt vời, chính là sử dụng các chương trình miễn phí để kèm theo các dịch vụ phụ trợ: các bản phân phối của Linux tặng kèm hỗ trợ kỹ thuật và tùy chỉnh, các công ty âm nhạc bán các bản thu âm gốc có chứng nhận tại một địa điểm thuận tiện, Phish bán vé hòa nhạc… Mặc dù vậy, một điều họ chưa chú tâm đủ, chính là tổng số tiền mặt có được từ những dịch vụ phụ trợ như thế ít hơn những gì nội dung có quyền sở hữu mang lại… Lượng tiêu thụ của Encarta không mang về số tiền tương đương với giá trị trao đổi mà nó đã hủy đi vì Britanica và những thứ khác. Và Wikipedia cũng đã hủy đi hàng tỷ giá trị tiền tệ cho cả bản in cứng bách khoa toàn thư và Encarta.*[6]

Nếu xu hướng này tiếp tục (và có vẻ như nó đang lan rộng vì càng nhiều phương tiện truyền thông truyền thống chuyển sang hình thức trực tuyến), chúng ta quả thực sẽ thấy một ví dụ hoàn hảo cho tài sản lớn hơn được đi kèm bởi một nền kinh tế (bằng tiền) nhỏ hơn.

Hàng hóa kỹ thuật số là một ví dụ cực đoan cho một hiện tượng phổ quát hơn. Nhiều sản phẩm khác đang có khuynh hướng tiến gần đến chi phí cận biên gần bằng 0. Phí sản xuất cận biên thực sự của những loại thuốc dược phẩm hầu như chỉ là vài xu mỗi viên. Thậm chí các sản phẩm công nghiệp số lượng lớn như đinh ốc cũng ít tốn kém hơn ngày xưa, không chỉ về mặt tiền bạc và nhân công mà thậm chí, đôi khi, về mặt năng lượng đầu vào. Đây là nhờ vào sự cải tiến được tích lũy qua hàng thập kỷ hay thế kỷ. Đó là một khía cạnh khác của tài sản thừa kế thần thánh của chúng ta – trong

trường hợp này là tới từ văn hóa hơn là tới từ thiên nhiên – từ những gì mà toàn bộ nhân loại đáng được hưởng như nhau.

Cuộc tiến hóa đến nền kinh tế thiêng liêng thuộc về một tổng thể lớn hơn với một sự chuyển hóa mang tính văn minh toàn thể hơn. Những thay đổi song song đang diễn ra trong y học, giáo dục, nông nghiệp, chính phủ, khoa học, và những thể chế khác của nền văn hóa của chúng ta. Những thay đổi trong mỗi địa hạt củng cố những thay đổi trong các địa hạt còn lại. Những ảnh hưởng kinh tế của sự chuyển hướng đến y học tự nhiên cũng như thế. Chỉ một hay hai thế kỷ trước thôi, chỉ có vài người trả tiền cho chăm sóc y tế, lúc ấy được cung cấp thông qua một mạng lưới không chính thức bao gồm các thầy lang, thầy thảo dược, và đối với hầu hết các bệnh thông thường, người chữa trị là những người bà và những người hàng xóm. Kiến thức thảo dược được truyền bá rộng khắp và thường được sử dụng mà không cần trả tiền. Thậm chí nếu nó được chuyên nghiệp hóa toàn diện, tiềm năng lợi nhuận của thảo dược (và phần lớn các loại thuốc tự nhiên khác) vẫn thấp hơn nhiều thuốc men công nghệ cao. So với những quá trình phức tạp, công nghệ cao dùng trong y dược, sản xuất thảo dược rẻ hơn. Nhiều trong số những cây thuốc tốt nhất là những cây cỏ dại có mặt hầu khắp mọi nơi. Cuộc dịch chuyển hướng về y học thảo dược, y khoa vi lượng đồng căn (homeopathy), và hàng loạt những phương thức tâm trí-cơ thể nở rộ ngày nay hứa hẹn một sự giảm phát triển kinh tế, nhưng nó không khiến cho chất lượng cuộc sống suy giảm.[7]

Một lĩnh vực khác dành cho giảm phát triển kinh tế chính là kiến trúc và thiết kế đô thị. Bên cạnh việc làm chúng ta mất kết nối với cộng đồng, thiên nhiên, và nơi chốn, những vùng nông thôn không thân thiện đang bành trướng trong hai thế hệ gần đây đòi hỏi một sự tiêu thụ tài nguyên khổng lồ. Giờ đây, mặc dù các nhà hoạch định kế hoạch và những nhà xây dựng đang tái khám phá những đặc tính của các thiết kế đô thị mật độ cao, những khu nhà ở nhỏ hơn, những cách bố trí phân luồng giao thông thân thiện, và những công trình đa chức năng không cần đi lại quá nhiều. Tất cả những thay đổi này dẫn đến sự co rút kinh tế: những "hàng hóa" như đường xá, xăng dầu, ống nước, và nhiều hơn nữa trở nên ít cần thiết hơn. Với những không gian công cộng tràn đầy năng lượng, người ta ít có nhu cầu sống trong những không gian riêng tư rộng lớn hơn. Những người

sống trong các cộng đồng ít phụ thuộc vào những trò tiêu khiển được tạo ra từ bên ngoài hơn và có thêm nhiều dịp để chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau. Tất cả điều đó có nghĩa là có một sự giảm sút các hoạt động dùng tiền làm trung gian.

PHI TRUNG GIAN HÓA VÀ CUỘC CÁCH MẠNG P2P

Một nguồn cội khác của sự co rút kinh tế chính là việc mạng Internet đã làm cho sự phi trung gian hóa trở nên khả thi. *Phi trung gian hóa* ý chỉ việc loại bỏ những đơn vị trung gian: đại lý, người môi giới, người trung gian, và nhiều nữa. Hãy thử xem xét ví dụ về Craiglist mà theo một ước tính đã phá hủy 10 tỷ đô la lợi nhuận hàng năm từ các quảng cáo được phân loại, thay vào đó chỉ bằng 100 triệu đô la từ chính lợi nhuận của nó.[8] Google cũng khiến quảng cáo trở nên hiệu quả hơn (rẻ hơn), không chỉ chiếm lấy lợi nhuận từ quảng cáo của các phương tiện truyền thông sẵn có mà còn giảm xuống tổng chi phí quảng cáo của toàn ngành công nghiệp. (Tổng "chi phí quảng cáo" xuyên suốt trên tất cả phương tiện truyền thông giảm 9% trong năm 2009.) Dĩ nhiên, khi quảng cáo trở nên rẻ hơn, nó cũng trở nên đại trà hơn; thậm chí như thế, tổng quy mô của ngành công nghiệp quảng cáo đã lên đến đỉnh. Đúng vậy, chúng ta đang trải qua thời kỳ "đỉnh cao quảng cáo" khi tài nguyên sức tập trung chung của đám đông đã trở nên bão hòa. Tôi hy vọng rằng bạn không quá buồn vì tăng trưởng quảng cáo sẽ chấm dứt, một ngành đóng góp lớn cho tăng trưởng GDP. Trong khi đó, nhiều chức năng truyền thống của quảng cáo và marketing từng là các dịch vụ trả phí giờ đây được đáp ứng miễn phí thông qua mạng xã hội. Tương tự, thế giới blog đã tiếp quản nhiều nhiệm vụ phân bố tin tức truyền thống, nhưng bằng chi phí thấp hơn nhiều. Điều này cũng đúng đối với đại lý du lịch, môi giới chứng khoán, và nhiều ngành nghề kinh doanh khác mà các nhà môi giới và người trung gian không còn quan trọng nữa. Tất cả những yếu tố đóng góp vào giảm phát kinh tế.

Phi trung gian hóa và những phần mềm nguồn mở đều là một phần của một hiện tượng chung hơn: cuộc cách mạng ngang hàng (peer-to-peer/P2P). Những cấu trúc phân phối, lưu thông, và sản xuất phân cấp và tập trung hóa cũ hơn cần rất nhiều tiền và sức người để vận hành. Ngoài

ra, chính bản chất của chúng đã tách biệt người với người trong những chuyên ngành hạn hẹp, khiến cho việc trao đổi quà là bất khả thi.

Phi trung gian hóa thậm chí còn ảnh hưởng đến hệ thống tín dụng và phá vỡ vai trò truyền thống của các ngân hàng như là những đơn vị tài chính trung gian kết nối các nhà đầu tư và người vay. Các tập đoàn bỏ qua những ngân hàng bằng cách thu gom vốn trực tiếp từ thị trường tiền tệ, tại những trang web cho vay P2P như LendingClub và Prosper.com giờ đây cho phép các cá nhân vay trực tiếp lẫn nhau. Những đường dây tín dụng bù trừ, các hệ thống bao thanh toán tương hỗ, và các mạng lưới trao đổi thương mại mà tôi sẽ thảo luận sau, chính là những phương thức mà công nghệ tin sử dụng nhằm giảm đi vài trò của các cơ quan tập trung hóa trung gian.

Tất cả những phát minh này sẽ giảm GDP bằng cách giảm tiêu dùng cho "những dịch vụ tài chính".

Bởi vì những dịch vụ "kinh tế thông tin" luôn rẻ hơn này là một yếu tố sản xuất trong hầu hết mỗi ngành nghề khác, giảm phát triển ở đây sẽ dễ lây lan. Điều này thậm chí cũng đúng trong những ngành mà chúng ta nghĩ là những nền công nghiệp tăng trưởng. Ví dụ như, vào năm 2000, 371 tỷ đô la đã được tiêu vào phần cứng máy tính, bao gồm máy in, bảo trì, và lưu trữ dữ liệu. Đến năm 2009, con số này đã giảm còn 326 tỷ đô la. Rõ ràng, cú rớt này không phải vì chúng ta mua máy tính ít đi; đó là vì chi phí đã giảm xuống đáng kể.

Mô hình lợi nhuận phổ biến nhất trên mạng Internet chính là chạy quảng cáo, chủ yếu là giới hạn độ lớn của toàn bộ nền kinh tế kỹ thuật số đến mức độ quảng cáo mà nền kinh tế vật lý có thể chống đỡ. Nhưng mạng Internet tự giảm doanh thu luôn cả chính nó: những trang web đưa ra review sản phẩm và tìm kiếm so sánh giá miễn phí đã khiến cho chính những quảng cáo hỗ trợ chúng trở nên lỗi thời.

Những gì đang diễn ra chính là mô hình kinh doanh hiệu quả trong suốt lịch sử loài người (hãy tìm thứ gì đó mà người ta làm cho chính bản thân mình hay cho nhau trong một nền kinh tế quà tặng, tước nó khỏi họ, và sau đó bán lại nó) đang bị đảo ngược. Mạng Internet cho phép người ta một lần

nữa làm ra những thứ cho chính bản thân mình và cho nhau mà không cần phải trả tiền. Eric Reasons đã bình luận,

> *Có lẽ lý do mà chúng ta khổ sở tìm ra những cách tiền tệ hóa nhiều dịch vụ Internet như Twitter, Facebook, và YouTube, chính là vì chúng không thể bị tiền tệ hóa… hoặc ít ra không thể làm được bằng tỷ lệ thay thế những ngành và dịch vụ mà các trang này đang hất cẳng. Đây chính xác là những gì các phương tiện truyền thông giấy đang nhận ra một cách đau đớn khi nó cố chuyển mình thành một mô hình trực tuyến.*[9]

Mạng Internet là một nền kinh tế quà tặng mà ai cũng tham gia, một mạng lưới ngang hàng mà trong đó không có sự phân biệt nhất quán giữa một nhà sản xuất và một người tiêu dùng. Khi chúng ta chia sẻ tin tức, lời giới thiệu sản phẩm, bài hát, và nhiều nữa với mạng lưới trực tuyến của chúng ta, chúng ta không thu phí một ai cho "dịch vụ thông tin" của chúng ta. Đó là một nền kinh tế quà tặng. Nội dung của phần lớn trang web cũng đều miễn phí. Reasons kết luận,

> *Chúng ta được bảo phải tin vào tương lai của chúng ta trong một nền kinh tế dựa vào kiến thức, nhưng không ai thực sự nhận ra làm thế nào để kiếm tiền thực sự từ nó. Những người đang kiếm tiền từ đó (Craiglist, Google), họ đang kiếm từng xu trên mỗi đô la trong những thị trường cũ mà họ đã đảo lộn hay căn bản là loại bỏ đi bằng phát kiến của họ. Đây không phải do chúng ta chưa tìm ra mô hình kiếm tiền đúng đắn. Đó là do sáng kiến đang dẫn đến hiệu suất tăng chứ không phải là tăng trưởng, và điều đó gây sức ép giảm phát lên trên những ngành nghề đã quá căng phồng. Ngoài ra, phần lớn điều này được tạo ra bởi chúng ta, người tiêu dùng cuối cùng, trong thời gian rảnh rỗi của chúng ta, bởi vì chúng ta muốn sáng tạo và chia sẻ chứ không chỉ tiêu thụ.*

Trong khi sự chuyển hướng đến một nền kinh tế quà tặng tập thể còn mới mẻ, mối đe dọa quá tải và thiếu việc làm đã làm điêu đứng chủ nghĩa tư bản hàng thế kỷ, chỉ ra rằng chúng ta không cần phải làm việc chăm chỉ như thế này mới có thể chu cấp cho đời sống con người. Thực chất, việc một kỷ nguyên nhàn rỗi sắp xảy ra đã có trước mắt chúng ta kể từ khi những máy móc công nghiệp đầu tiên được sử dụng, những cỗ máy có thể

“làm công việc của hàng nghìn người.” Nhưng lời hứa hẹn được ngụ ý đó, rằng sớm thôi tất cả chúng ta chỉ cần làm việc chăm chỉ bằng một phần nghìn thôi, lại chẳng có dấu hiệu là sắp biểu hiện ra. Và giờ thì tôi lại hứa hẹn lần nữa. Liệu viễn cảnh này sẽ lại là một ảo tưởng? Không. Sự khác biệt cốt yếu chính là chúng ta sẽ không chỉ dựa dẫm vào những phát triển khoa học kỹ thuật nhằm tăng hiệu suất để được nhàn rỗi hơn. Từ khóa chính là giảm phát triển, không phải hiệu suất. Điều này có vẻ rất phản trực quan: giảm phát triển – suy thoái kinh tế – sẽ là thứ mở cửa đến sự sung túc thực sự cho nhiều người.

Trong một nền kinh tế tăng trưởng, sức lao động có thể được giải phóng nhờ vào tiến bộ kỹ thuật thay vào đó được dành hết cho việc sản xuất nhiều và nhiều thứ hơn nữa. Nếu trong năm 1870, sản xuất nhu yếu phẩm cho một hộ gia đình cần mười giờ lao động, và ngày nay chỉ mất một giờ lao động để sản xuất cùng số lượng sản phẩm, vậy thì hệ thống của chúng ta đang âm mưu khiến chúng ta tiêu thụ nhiều bằng mười hộ gia đình đã tiêu thụ trong năm 1870. Chúng ta nghe những cuộc thảo luận về người tiêu dùng Mỹ, động cơ của tăng trưởng kinh tế học của toàn cầu. Ẩn trong đó là viễn cảnh tài sản được gắn liền với sự tiêu dùng tăng tốc không ngừng nghỉ. Một chiếc máy tính mới hằng tháng, một chiếc xe mới hằng năm, một ngôi nhà mới mỗi năm năm – mới, nhiều hơn, to hơn, tốt hơn. Có vẻ điên rồ, nhưng điều đó về mặt kinh tế là cần thiết trong hệ thống hiện tại của chúng ta vì động lực giảm phát đang ngấm ngầm gần kề, chờ đợi cái ngày mà khi ấy tiêu dùng bị tụt lại phía sau tăng trưởng năng suất.

Tôi không dự báo trước một sự chuyển tiếp đột ngột sang một nền kinh tế mà tôi miêu tả. Chúng ta hãy cùng nhau nương theo tính khí tốt đẹp của chúng ta và cho phép rằng những tập quán nô lệ là có từ lâu đời và cần một ít thời gian để tháo gỡ. Tôi dự đoán tỷ lệ giảm tăng trưởng khoảng 2%, và vì thế để cho việc chúng ta sử dụng vật liệu thô, việc chúng ta làm ô nhiễm không khí, và thời gian chúng ta dành ra làm việc vì tiền không phải vì yêu thích giảm khoảng một nửa trong mỗi thế hệ, cho đến khi cuối cùng tốc độc giảm phát triển chậm dần khi nền kinh tế tiến gần đến tình trạng cân bằng với hành tinh trong vòng vài trăm năm nữa.

Hệ thống mà tôi miêu tả đưa ra một lựa chọn khác cho tương lai về sự lớn hơn, tốt hơn, nhiều hơn, đi liền sau đó là sự sụp đổ đầy thảm họa. Lợi nhuận âm cho phép đầu tư sản xuất có thể tiếp diễn, và tiền tệ lưu thông, thậm chí khi lợi suất cận biên trên vốn bằng không hay ít hơn, trong khi đồng tiền được chống lưng bởi tài sản chun giải phóng việc làm hướng tới những mục đích phi tiêu dùng. Tiếp theo tôi sẽ miêu tả sợi dây thứ ba của tấm thảm này: lợi tức xã hội, thứ giải phóng sức mạnh tiêu dùng của những người lao động khỏi nhu cầu làm việc toàn thời gian trong một nền kinh tế tiền tệ .

CHƯƠNG 14:
LỢI TỨC XÃ HỘI

Phần lớn người ta sẽ cảm thấy bị xúc phạm nếu ai đó đề nghị thuê họ làm công việc ném đá qua một bức tường và sau đó ném chúng ngược trở lại, đơn giản chỉ để được trả công. Nhưng nhiều người giờ đây đã không còn được thuê để làm việc một cách xứng đáng nữa.

– Henry David Thoreau

Rõ ràng những người bất hạnh nhất là những người phải làm một việc lặp đi lặp lại, mỗi phút, hoặc có lẽ hai mươi lần mỗi phút. Họ xứng đáng có được giờ làm việc ngắn nhất và đồng lương cao nhất.

– John Kenneth Galbraith

NGHỊCH LÝ CỦA SỰ NHÀN RỖI

Phần lớn, lịch sử của công nghệ chính là lịch sử của những thiết bị tiết kiệm sức lao động. Một chiếc máy húc chạy bằng dầu có thể làm công việc của năm trăm người làm việc bằng xẻng. Một chiếc xe ủi đất có thể làm công việc của năm trăm tiều phu làm việc bằng rìu. Một chiếc máy tính có thể làm công việc của năm trăm người kế toán thời xưa làm việc với bút và giấy. Sau hàng thế kỷ phát kiến khoa học kỹ thuật, tại sao chúng ta lại vẫn thấy chính mình làm việc nhiều như vậy. Tại sao số đông con người trên trái đất vẫn sống mỗi ngày trải qua sự khan hiếm? Suốt hàng thế kỷ, những người theo chủ nghĩa vị lai đã tiên đoán một kỷ nguyên của sự nhàn rỗi đang gần kề. Tại sao nó chưa bao giờ diễn ra?

Nguyên do chính là, mỗi khi thời cơ đến, chúng ta đã chọn sản xuất nhiều hơn thay vì làm việc ít hơn. Chúng ta đã bất lực chọn điều còn lại.

Dưới hệ thống hiện tại, tăng trưởng trong sự nhàn rỗi là bất khả thi nếu không có một loại hình tái phân phối của cải nào đó. Hãy tưởng tượng xem điều gì sẽ xảy ra nếu, bất thình lình, chúng ta tìm thấy một công nghệ kỳ diệu có thể nhân đôi năng suất của mỗi công nhân. Giờ đây cùng một sản lượng hàng hóa có thể sản xuất mà chỉ cần một nửa nhân công. Nếu (như trong một nền kinh tế bền vững hay giảm phát triển) nhu cầu không tăng, vậy thì một nửa công nhân giờ đây sẽ trở nên thừa thãi. Để duy trì sức cạnh tranh, những xí nghiệp phải sa thải một nửa công nhân của mình, cho họ làm bán thời gian, hoặc trả họ ít hơn. Tổng tiền lương sẽ giảm đi một nửa vì không xí nghiệp nào trả cho công nhân nhiều hơn lợi nhuận mà công nhân đang tạo ra cho người chủ. Những công nhân bị sa thải không còn tiền để mua các sản phẩm, mặc dù chúng rẻ hơn khoảng 50 phần trăm. Cuối cùng, mặc dù có thể sản xuất nhiều hàng hóa hơn mà tốn ít sức lực hơn, số tiền dùng để mua những hàng hóa đó không đến tay những người có thể sử dụng chúng. Sự nhàn rỗi đã tăng lên, đúng như vậy; nó được gọi là "thất nghiệp" – và kết quả thì thật thảm họa: của cải tích lũy nhanh chóng, giảm phát, và phá sản, và nhiều hơn nữa như đã được miêu tả trong Chương 6.

Thảm họa kinh tế xã hội diễn ra theo sau đó có thể được đẩy lùi bằng hai cách: tái phân bổ của cải hoặc tăng trưởng. Để đạt được điều đầu tiên, chúng ta đơn giản là có thể lấy tiền khỏi người có việc làm và đưa nó cho người thất nghiệp, trợ cấp những xí nghiệp trong việc giữ lại những nhân viên dư thừa, hoặc trả cho tất cả mọi người một đồng lương xã hội dù họ có làm việc hay không. Những bộ luật tái phân bổ này xóa bỏ tài sản và quyền lực mang tính tương đối của những người nắm giữ tiền trong tay. Một giải pháp khác, trong kịch bản ở bên trên, chính là tăng nhu cầu lên gấp đôi để ai cũng có thể có việc làm.

Vì, nói chung, những người giàu đang kiểm soát mọi thứ và không muốn của cải của họ bị tái phân bổ, giải pháp truyền thống cho vấn đề sản xuất dư thừa và thiếu việc làm chính là bằng cách nào đó phải tạo ra tăng trưởng kinh tế, nghĩa là tăng nhu cầu cho những hàng hóa và dịch vụ mới. Một cách để thực hiện việc này chính là thông qua xuất khẩu; rõ ràng rằng, giải pháp này không khả thi cho toàn bộ hành tinh này. Một cách khác để tăng nhu cầu, như tôi đã trình bày khá nhiều, đó là chiếm cứ địa hạt phi tiền tệ – khiến người ta mua những gì từng là miễn phí. Cách cuối cùng, chúng ta có

thể đơn giản phá hủy sản xuất dư thừa thông qua chiến tranh và sự hoang phí. Tất cả những biện pháp này khiến cho mọi người làm việc chăm chỉ khi nhu cầu tự nhiên được thỏa mãn.

Hệ tư tưởng tăng trưởng, câu chuyện của sự Thăng tiến, nói rằng nhu cầu tự nhiên không thể nào được thỏa mãn, rằng nó sẽ đàn hồi (theo hướng đi lên) tới vô cùng. Điều này giả định một nguồn cung cấp vô tận những thị trường mới, những nhu cầu mới, và những ham muốn mới. Nhưng theo như tôi quan sát, đối tượng duy nhất của ham muốn không biết thỏa mãn chính là tiền. Giả định về những nhu cầu không có giới hạn và vì vậy những đòi hỏi không giới hạn đang dẫn đến sự điên rồ mà chúng ta thấy ngày nay – và logic kinh tế đang bào chữa cho nó.[1]

Trong quá khứ chúng ta luôn có một lựa chọn làm gì với những lợi nhuận về hiệu năng: làm việc ít hơn hay tiêu thụ nhiều hơn. Thúc đẩy bởi một hệ thống tiền tệ phụ thuộc vào tăng trưởng, chúng ta liên tục chọn cái thứ hai. Thay vì làm việc ít hơn để đáp ứng những nhu cầu hiện tại dễ dàng hơn, chúng ta lại luôn tạo ra những nhu cầu mới, hoặc là, thường xuyên hơn, chuyển nhu cầu từ địa hạt quà tặng sang địa hạt tiền tệ hay tìm cách thỏa mãn những nhu cầu vô hạn bằng những thứ hữu hạn. Những thứ như thế đã tạo động lực cho con đường thăng tiến của chúng ta, sự mở mang những món quà bằng bàn tay và tâm trí của ta. Mặc dù cái giá phải trả cho tự nhiên, văn hóa, tâm linh, và nhân loại luôn đắt, sự mở mang này không phải là không có mục đích đúng đắn. Ngày nay, khi nguồn tài sản tự nhiên và văn hóa chung đang bị cạn kiệt, bối cảnh cho lựa chọn của chúng ta – làm việc ít hơn hay tiêu dùng nhiều hơn – đang thay đổi. Thời đại Thăng tiến đang dần khép lại, và chúng ta tìm kiếm cách áp dụng những món quà mà chúng ta tạo dựng vào mục đích thực sự của chúng trong một mối quan hệ mới với Trái Đất. Kỷ nguyên tăng trưởng đang chấm dứt. John Maynard Keynes bày tỏ một dự cảm về sự chuyển đổi mang tính lịch sử này trong cuốn *Economic Consequences of the Peace* (tạm dịch: Hệ quả Kinh tế của Hòa bình):

> *Một mặt, các tầng lớp lao động chấp nhận… một hoàn cảnh mà họ có thể đòi hỏi miếng bánh cực kỳ nhỏ của chiếc bánh mà họ và Tự nhiên và các nhà tư bản từng hợp tác sản xuất. Và mặt khác tầng lớp tư bản*

được cho phép xem phần tốt nhất của chiếc bánh là của họ và về lý thuyết họ được tự do tiêu thụ nó, với một điều kiện ngầm là trên thực tế họ phải tiêu thụ nó cực kỳ ít. Nghĩa vụ "để dành" không chín thì mười đã trở thành một phẩm hạnh và sự phát triển của chiếc bánh là mục tiêu của tôn giáo chân chính. Phát triển xung quanh việc không tiêu thụ chiếc bánh là tất cả bản năng của chủ nghĩa Thanh giáo (puritanism), cái chủ nghĩa mà trong các thời kỳ khác đã tự rút lui khỏi thế giới và đã lãng quên nghệ thuật sản xuất cũng như nghệ thuật hưởng thụ. ***Và thế là chiếc bánh to thêm; nhưng về phía nào thì chưa được xem xét kỹ càng.*** *Các cá nhân được khuyến khích rằng không được tiết chế cũng như trì hoãn, và tu dưỡng niềm vui thú của trong an toàn và sự mong đợi. Để dành cho tuổi già hay cho con cháu của bạn; nhưng điều này chỉ có trên lý thuyết – phẩm hạnh của chiếc bánh chính là nó (đã) không bao giờ bị tiêu thụ, không phải bởi bạn cũng không phải bởi con cháu đời sau của bạn.*[2]

Ở mức độ tập thể, không tiêu thụ chiếc bánh có nghĩa là chọn tăng trưởng thay vì nhàn rỗi. Những công nghệ sản xuất có hiệu năng hơn cho phép chúng ta hoặc là làm việc ít hơn hay làm việc cũng cứ nặng nhọc như thế và sản xuất nhiều thứ hơn. Hệ thống kinh tế của chúng ta yêu cầu và đại diện cho lựa chọn thứ hai. Những mặc cho sự liên tưởng kinh tế học "Keynes" đến kích thích tài chính ngày nay, bản thân Keynes chưa bao giờ xem kích thích là một giải pháp lâu dài. Là một xã hội, chúng ta đã kích thích nhu cầu một cách nhân tạo tới bây giờ đã được bảy mươi năm, thông qua chi phí quân sự, xây dựng đường cao tốc, và trợ cấp việc khai thác, xây dựng, và tiêu thụ, và chủ nghĩa đế quốc. Cố gắng duy trì tăng trưởng kinh tế và giữ cho hiệu suất cận biên của vốn đầu tư nằm trên lợi nhuận, chúng ta đã bẫy chính mình trong một mô hình sản xuất nhiều hơn và nhiều hơn nữa, dù chúng ta có cần nó hay không. Để thích nghi với cái bẫy này, lý thuyết kinh tế, cùng với giả định về những ham muốn vô hạn, nói rằng chúng ta sẽ luôn luôn "cần đến nó", luôn luôn cần phải sản xuất nhiều và nhiều hơn, nếu không phải trong ngành ngày thì cũng là trong một ngành khác. Tôi đã miêu tả quá trình này bằng một cách khác: sự cạn kiệt của một địa hạt đầu tiên và sau đó là một địa hạt khác của tư bản tự nhiên, văn hóa, và tinh thần. Keynes không khẳng định điều này rõ ràng, ông đã sống trong bối cảnh đầy tư tưởng về Sự Thăng tiến, nhưng rõ ràng ông đã

trực cảm thấy nó. Việc ông sử dụng thì quá khứ trong đoạn trích ở trên gợi ý rằng, ít ra đối với tôi, sẽ đến một ngày nào đó phải ăn chiếc bánh: lựa chọn làm việc ít hơn thay vì có nhiều đồ đạc hơn.

Một lãi suất dương phi rủi ro rõ ràng chính là một khía cạnh kinh tế của "sự cạn kiệt" mà Keynes miêu tả nhằm "nuôi dưỡng niềm vui thú với sự an toàn và sự mong đợi" hoặc là, trong ngôn ngữ của tôi, chính là cầm cố giây phút hiện tại cho tương lai, là chọn sự an toàn hay một từ đại loại thế, thay vì sự tự do. Bạn thấy đấy, logic kinh tế mà tôi vừa trình bày cũng có một khía cạnh mang tính cá nhân nữa. Từ suốt thời đại trước, chúng ta có động cơ chọn công việc hơn là sự nhàn rỗi, thậm chí khi chúng ta không cần đến tiền, vì lợi tức hứa hẹn rằng tiền của chúng ta có thể mua nhiều sự nhàn rỗi hơn nữa trong tương lai. Bằng cách tiết chế sự hưởng thụ và sự nhàn rỗi – và quả thật, rất thường xuyên, khỏi những cơn bốc đồng lớn nhất của chúng ta – chúng ta thậm chí có thể đạt được phiên bản kinh tế của thiên đường: về hưu sớm. Nhưng thường thì với tôn giáo, lời hứa hẹn về thiên đường chỉ có mục đích xiềng xích chúng ta. Mặc dù vậy, thời gian phụng sự của chúng ta đã chấm dứt. Tình trạng của địa cầu hiện nay gấp rút đòi hỏi rằng chúng ta phải chuyển sự tập trung ra khỏi việc "nuôi lớn chiếc bánh."

SỰ LỖI THỜI CỦA "VIỆC LÀM"

Kể từ buổi bình minh của thời đại công nghiệp, chúng ta đã chịu đựng một mối lo âu luôn hiện hữu rằng chúng ta sẽ bị thay thế bởi máy móc. Và thực chất điều này đã diễn ra với nhiều người, vì máy móc đã tiếp quản những nhiệm vụ từng được thực hiện bởi con người. Con đường duy nhất để duy trì việc làm toàn thời gian chính là thông qua tăng trưởng, và nhưng ở đây tôi kêu gọi sự kết thúc tăng trưởng và cũng như sự chấm dứt làm việc toàn thời gian (vì tiền). Vậy thì, với nỗi lo âu lâu đời đang chống lại chúng ta, hãy cùng nhau xem xét xem, chính xác thì việc sức lao động của chúng ta bị thay thế bởi máy móc có nghĩa là gì.

Để được thay thế bởi máy móc thì đầu tiên công việc của người đang làm cũng phải mang tính cơ học. Khi toàn thể xã hội trở nên cơ giới hóa hơn, nhiều và nhiều công việc đảm đương những đặc tính đồng bộ, thủ tục, và

tiêu chuẩn hóa. Điều này là không thể tránh khỏi khi những công việc này là để vận hành máy móc nếu không thì là kết nối với những công đoạn được điều khiển bởi máy móc. Tại đây tồn tại một nguồn cơn cho sự lo âu của chúng ta: không phải là chúng ta sẽ bị thay thế bởi máy móc, mà là chúng ta sẽ *trở thành* máy móc, rằng chúng ta sẽ sống và làm việc như máy móc.

Phong trào chống cơ giới nổi tiếng nhất, phong trào Luddites vào đầu thế kỷ thứ mười chín đã nhận thức rõ được điều này. Theo như nhà nghiên cứu Kirkpatrick Sale, phong trào của họ không phải là một nỗi căm ghét máy móc mù quáng, mê tín; họ nghĩ rằng máy móc có chỗ đứng thích hợp của nó. Họ giận dữ không chỉ do mất đi sinh kế mà còn là bởi những sản phẩm kém chất lượng, sự buồn chán mụ mị, nguy hiểm không ngừng, và điều kiện làm việc vô nhân đạo tại các nhà máy. Họ đã cưỡng lại sự cơ giới hóa sức lao động. Việc thay thế quá trình sản xuất tự quản có độ khéo léo cao bằng công việc nhà máy nguy hiểm, suy đồi là một sự lăng nhục tinh thần nhân loại.

Vì vậy, mục tiêu của một nền kinh tế có lòng trắc ẩn chính là không cung cấp "việc làm" như nhiều nhà chính trị theo chủ nghĩa tự do (liberal) dường như nghĩ đến. Một khi công việc trở nên máy móc, theo một nghĩa nào đó, là quá muộn màng – những công việc vô nhân đạo cũng có thể sẽ được làm bởi máy móc. Tôi không thể không bình luận về sự ngớ ngẩn của những kế hoạch kinh tế cố gắng tạo ra thêm "việc làm," như thể chúng ta cần nhiều hàng hóa và nhiều dịch vụ hơn vậy. Tại sao chúng ta muốn tạo ra nhiều việc làm hơn? Cho người ta có tiền để sống. Vì mục đích đó, họ cũng có thể đào lỗ dưới đất và lấp chúng lại thôi mà, như cách nói châm biếm của Keynes. Những chính sách kinh tế hiện tại cũng cố làm như thế: hãy chứng kiến những nỗ lực tái kích cầu công trình xây dựng nhà ở tại một thời điểm có 19 triệu đơn vị nhà ở bỏ không tại nước Mỹ![3] Không phải trả tiền cho họ mà không làm gì cả thì tốt hơn sao, và giải phóng năng lượng sáng tạo của họ để đáp ứng những nhu cầu cấp bách của thế giới?

Rõ ràng, chúng ta có phương tiện và đối mặt với nhu cầu tăng trưởng ít hơn, làm việc ít hơn, và hướng năng lượng của chúng ta về những thứ khác. Đã đến lúc chúng ta thực hiện lời hứa lâu đời của công nghiệp: rằng

công nghệ sẽ cho phép tuần làm việc giảm đáng kể và mở ra một "thời kỳ nhàn rỗi". Đáng tiếc thay, từ *nhàn rỗi* lại mang theo ý nghĩa về sự phù phiếm và sự chơi bời phóng túng mâu thuẫn với nhu cầu cấp bách của hành tinh và con người ở đây khi thời đại thay đổi. Có một khối lượng công việc quan trọng khổng lồ phải làm, công việc phù hợp với sự giảm phát triển vì nó không nhất thiết sản xuất ra sản phẩm bán được. Những khu rừng cần phải được tái trồng trọt, những người bệnh phải chăm sóc, cả một hành tinh cần phải được chữa lành. Tôi nghĩ rằng chúng ta sẽ rất bận rộn đây. Chúng ta sẽ phải làm việc cật lực cho những điều mang ý nghĩa sâu sắc, những việc không còn phải chống chọi ngược lại dòng chảy của tiền, nhu cầu của tăng trưởng. Nhưng tôi cũng tin rằng chúng ta sẽ có những sự nhàn rỗi đúng nghĩa hơn – trải nghiệm về sự dư dả thời gian – hơn là chúng ta cảm thấy hiện nay. Sự khan hiếm thời gian là một lý do chúng ta tiêu dùng quá mức, để bù lại sự mất mát của một thứ tài sản nền tảng nhất của mọi của cải. Thời gian là sự sống. Giàu có thực sự chính là có quyền lực tối cao đối với thời gian của chúng ta.

Từ đầu cuốn sách tới giờ tôi đã miêu tả một hệ thống đang chuyển dịch từ động cơ tài chính đến sự bảo tồn và sự mở rộng của hệ sinh thái và toàn bộ khối tài sản chung, cho phép tiền chảy đến những người cần nó khi không có mặt của tăng trưởng. Nhưng có một phương pháp gốc rễ hơn để chấm dứt nguyên tắc "tiền đến với những ai tạo ra nó nhiều hơn", nguyên tắc làm cơ sở cho hệ thống ngân hàng hiện đại. Tại sao không cứ cho người ta tiền thôi? Tất cả mọi người?[4] Đây là ý tưởng "lợi tức xã hội" hay "lương xã hội", được chủ trương vào những năm 1920 bởi thiếu tá Douglas, cha đẻ của phong trào tín dụng xã hội.

Ý tưởng này có cả cơ sở kinh tế và đạo đức. Douglas, một kỹ sư người Anh, đã quan sát thấy điều tương tự mà Marx thấy – rằng công nhân nhận được một phần lợi nhuận ngày càng nhỏ khi ngành công nghiệp trở nên ít dựa vào sức lao động và dựa nhiều vào vốn hơn – cuối cùng dẫn đến nghèo đói, phân cực giàu nghèo, và khủng hoảng kinh tế do nhu cầu tụt giảm. Biện pháp ông đề xuất chính là phân phát tiền pháp định với một số lượng vừa đủ cho mọi công dân để mua hàng hóa từ chính sức lao động của họ, dưới dạng thanh toán trực tiếp trên đầu người lẫn dưới dạng giảm giá mua – thuế bán hàng âm. Đề xuất này không quá xa rời xu thế kinh tế chủ

đạo như bạn nghĩ – chi phiếu kích thích được gửi đến các hộ gia đình Mỹ vào năm 2008 là một dạng loãng hơn của lợi tức xã hội và dự định tạo ra một cách chính xác cái hiệu ứng mà Douglas hình dung: mang tiền đến cho những ai sẽ tiêu nó và chống lại khủng hoảng kinh tế.[5] Đây không phải là những chi phiếu phúc lợi chỉ dành cho người nghèo. Đây là những chi phiếu kích cầu được trao cho tất cả mọi người.

Lựa chọn nhàn rỗi-và-tái phân bổ thay vì tăng trưởng đang nhận được uy tín khi suy giảm kinh tế tiếp tục. Tại Đức, chương trình Kurzarbeit, hay là "làm việc ngắn giờ" trợ cấp những tuần làm việc ngắn hơn để chặn trước nạn thất nghiệp, rõ ràng phủ nhận cái gọi là ngụy biện lượng việc làm cố định (xem lại chú thích 1 trang 266) Thay vì sa thải 20 phần trăm lực lượng lao động, một xí nghiệp giảm tuần làm việc của mọi người 20 phần trăm. Phần lớn tiền lương cắt giảm của mỗi nhân viên được nhà nước đền bù cho nhân viên đó. Nhân viên có thể giữ được công việc của mình: làm việc ít hơn 20 phần trăm mà đồng lương chỉ bị cắt giảm 4 hoặc 8 phần trăm.[6] Kết quả ấn tượng là: nạn thất nghiệp ở Đức nằm ở mức thấp hơn dự tính trong suốt cuộc suy thoái, và ngành công nghiệp ô-tô, ngành có chính sách này được thi hành mạnh mẽ nhất, đã không mất đi một công việc sản xuất nào trong nửa đầu năm 2009.[7] Chương trình Kurzarbeit cũng giống như một lợi tức xã hội ở quy mô giới hạn, và có những động lực kinh tế và nhân đạo tương đồng.

Lợi tức xã hội cũng có một cơ sở triết học và đạo đức mà tôi ý thức được khi còn là một thiếu niên trong lúc đọc một câu chuyện của Philip Jose Farmer có tựa đề *Riders of the Purple Wage* (tạm dịch: Những kẻ cưỡi trên lương tối thiểu). Giống như Douglas, Farmer lý luận rằng kỹ thuật công nghiệp đã cho con người tiếp cận một khối tài sản khổng lồ gần như là không tốn chút công sức nào đến nỗi bất kỳ ai cũng không nên làm việc quá cật lực chỉ để nhận lấy những những thứ cần thiết trong cuộc sống. Sự sung túc dễ dàng trở nên khả thi nhờ vào công nghệ và nhờ vào của cải tự nhiên của trái đất, chính là kho báu chung của toàn bộ loài người; đơn thuần là nhờ được sinh ra, mỗi người đã có quyền lấy một phần trong đó. Chắc chắn là không ai có quyền hưởng lợi từ những phát minh, ví dụ như của Robert Boyle hay Thomas Edison nhiều hơn người khác, và chắc chắn là không từ bối cảnh xã hội rộng lớn khiến cho công trình của họ trở nên

khả thi. Bạn hay tôi không có nhiều quyền lợi đối với sự ban tặng văn hóa này hơn là đối với đất đai hay bộ gen. Điều đó đến với chúng ta dưới dạng một món quà của toàn thể nhân loại; đó là món quà của tổ tiên chúng ta, cũng như đất đai là món quà của Trái đất, Thiên nhiên, và Đấng Tạo Hóa.

Chúng ta hãy đừng quá vội mà chấp nhận cụm từ nghe suông tai mà tôi để lại ở trên: "sự sung túc dễ dàng trở nên khả thi nhờ vào công nghệ." Cụm từ này thừa nhận hệ tư tưởng Thăng tiến, thứ mà tôi cho rằng gắn liền với hệ tư tưởng tăng trưởng kinh tế không ngừng nghỉ. Vì lẽ nào đó, mặc cho hàng thế kỷ công nghệ tiết kiệm sức lao động, chúng ta cũng không có sự nhàn rỗi nhiều hơn những người săn bắn hái lượm, những dân làng thời kỳ đồ đá mới, hay những nông dân thời Trung cổ. Lý do chính là sản xuất thừa mứa và tiêu dùng quá độ những thứ mà công nghệ có thể sản xuất và sản xuất kém nhưng lại tiêu dùng quá ít những thứ mà nó không thể làm ra. Thường thì, những thứ sau chính xác là những gì thách thức luật đồng hóa và phi nhân cách hóa của đồng tiền: tất cả những gì độc nhất, thân thuộc và riêng tư. Tôi sẽ trở lại với chủ đề này sau; bây giờ, chỉ đơn giản quan sát rằng trong địa hạt của những nhu cầu được định lượng hóa, nhu cầu của chúng ta dễ dàng được thỏa mãn. Chúng ta không nên làm việc quá nhiều để mua lấy những nhu cầu vật chất cho cuộc sống: thức ăn, quần áo, và nơi ở. Rõ ràng chúng ta không nên phải làm việc trung bình hơn hai mươi giờ mà những thổ dân Kalahari dành ra để tự cung tự cấp trên sa mạc khắc nghiệt với những công cụ thời Đồ đá, vào năm 1970. Dĩ nhiên chúng ta không nên cảm thấy ít an tâm hơn, và lo lắng hơn về việc "kiếm sống," hơn những nông dân thời Trung cổ chỉ có 150 ngày nghỉ thánh.

Ý CHÍ LÀM VIỆC

Sự điên loạn nào đã khiến chúng ta thà xây dựng những ngôi nhà không cần thiết hơn là, ví dụ như, cứu trứng rùa biển khỏi nạn tràn dầu chẳng hạn? Điều này về cơ bản là do sự cạn kiệt tài sản chung sinh lợi nhuận, và khôi phục nó là vấn đề về lòng vị tha. Những đề xuất trong quyển sách này đảo ngược mối quan hệ này. Chủ quan hóa chi phí tái định hướng dòng chảy của tiền, và dòng chảy của các hoạt động của con người ra khỏi việc tiêu thụ và tiến đến sự thiêng liêng. Đồng tiền lãi suất âm cho phép đầu tư đến với những sự sử dụng mà không tạo ra nhiều hơn số tiền đã đi vào và

chấm dứt việc ban rẻ tương lai. Tuy nhiên, chỉ những biện pháp này thôi thì không đủ vì một số công việc cần thiết để chữa lành thế giới căn bản là không mang về lợi nhuận.[8]

Vậy thì, câu hỏi chính là, làm thế nào để tạo điều kiện cho phép người ta có thể làm công việc quan trọng vốn không tạo ra lợi nhuận kinh tế. Giống như sự tái phân bổ tài sản, cơ bản có hai cách. Một cách là lợi tức xã hội mà tôi đã miêu tả, ngày nay hiện hữu dưới một dạng kém hơn bằng hình thức chi phiếu kích cầu, tín dụng thuế, chi trả phúc lợi, và tương tự. Điều này mang cho người dân tự do kinh tế để đeo đuổi những hoạt động mà không ai thuê họ làm (vì họ không tạo ra thu nhập cho một người chủ nào đó) và không sản xuất ra bất kỳ thứ gì có thể bán được.

Cách thứ hai để khuyến khích việc làm không mang tính kinh tế chính là để cho nhà nước (hay một đơn vị khác) trả tiền cho người làm ra những thứ tốt đẹp và cần thiết mà chúng ta đã coi trọng. Chúng ta đã thấy dấu hiện của điều này trong chương trình New Deal (Chính sách Mới), khi chúng ta thuê hàng triệu người thất nghiệp không chỉ để xây dựng cơ sở hạ tầng một ngày sẽ tạo ra lợi nhuận kinh tế dương nhưng cũng để làm những việc như sưu tập và bảo tồn nhạc dân gian và tạo ra những khu vực giải trí. Mở rộng ra thêm, đây cơ bản là tầm nhìn của một đất nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, hoạch định trung ương thường bỏ lỡ những nhu cầu quan trọng, tạo điều kiện cho lạm dụng quyền lực chuyên chế, và không thể kết nối sự sáng tạo của cá nhân và các tổ chức cộng đồng. Với lợi tức xã hội, chúng tôi tin tưởng rằng, khi không bị kiềm kẹp bởi nhu cầu kinh tế, con người sẽ tự nhiên chọn những công việc tốt và cần thiết. Những lựa chọn tự do không gò bó này – kết quả tự nhiên từ ham muốn được giải phóng – sẽ giúp nhận dạng công việc nào là thiêng liêng.

Vấn đề phải đối mặt đó là hai viễn về bản chất con người đang cạnh tranh nhau, và vì vậy hai tầm nhìn về cách làm thế nào vận hành xã hội. Một tầm nhìn nói rằng,"Giải phóng con người khỏi nhu cầu kinh tế cấp bách và họ sẽ làm những điều tốt đẹp." Cái kia nói rằng, "Hãy cho họ những công việc đẹp đẽ, và sử dụng nhu cầu kinh tế cấp bách để kích thích họ làm điều đó." Tầm nhìn đầu tiên tin tưởng vào ham muốn sáng tạo tự nhiên của con người và khả năng tự tổ chức của họ; tầm nhìn thứ hai đặt quyết định làm

sao để phân bổ sức lao động của con người vào tay của những nhà hoạch định chính sách. Tôi nghĩ rằng cả hai sẽ có một chỗ đứng trong một thời gian dài sắp đến, và cuối cùng, khi những diễn tiến chính trị trở nên bao quát hơn, diễn ra ở cấp cơ sở, và mang tính tự tổ chức nhiều hơn, cả hai góc nhìn sẽ hợp lại thành một.

Một phản đối chống lại lợi tức xã hội hay những quyền tương đương chính là con người sẽ không có động lực làm việc. Chúng ta nghĩ rằng, "Nếu con người không chịu áp lực phải làm việc nào đó, họ sẽ chẳng làm gì cả. Họ cần một loại khích lệ nào đó." Tại sao lại làm việc nếu nhu cầu cơ bản của bạn được đáp ứng mà không cần làm việc? Trong cách nhìn này, sự khan hiếm, thậm chí là sự khan hiếm nhân tạo, là một thứ tích cực vì nó chống lại sự lười biếng bẩm sinh của con người. Lập luận này một lần nữa đánh vào lập luận về sự kiểm soát, thống trị, và về cuộc chiến chống lại bản ngã. Nhưng có thật là bản chất của con người chính là không làm gì hữu ích hay không? Chúng ta thực sự có cần những phần thưởng để thuyết phục mình làm việc và những hình phạt để trừng phạt sự biếng nhác?

Hay là, nói cách khác, phải chăng bản chất của con người chính là ham muốn không bao giờ cho đi mà chỉ nhận lại?

Tôi không nghĩ vậy. Có lẽ bạn sẽ đồng cảm với trải nghiệm của chính tôi rằng những lúc đau đớn nhất cuộc đời tôi chính là khi tôi không toại nguyện với công việc của mình, khi tôi không áp dụng những tài năng của mình vào mục đích mà tôi tin là đúng. Tôi nhớ khá rõ một buổi họp cùng với một công ty phần mềm ở Đài Loan mà tôi làm việc với tư cách là một phiên dịch và cố vấn kinh doanh trong những năm tuổi hai mươi. Chúng tôi đang thảo luận một công nghệ mới, âm thanh 3D hay thứ gì tương tự thế, và mọi người trong phòng đều có vẻ như háo hức quan tâm về ứng dụng của nó cho sản phẩm của họ. Tôi đã có một khoảnh khắc hoài nghi: "Đợi đã, ý các người là các người thật sự quan tâm về cái này ư? Vì tôi chẳng hề quan tâm nếu sản phẩm này hay sản phẩm kia có âm thanh 3D." Cảm giác tiếp theo chính là một sự tuyệt vọng ảm đạm vì tôi nhận ra rằng mình chỉ quan tâm vì mình được trả lương để quan tâm thôi, và tôi không thể tưởng tượng ra được một chọn lựa thiết thực nào khác. "Tôi có bao giờ được làm thứ mà tôi thực sự quan tâm không?" Tôi nghĩ. "Khi nào tôi được

sống cuộc đời *của mình*, không phải cuộc đời mà tôi được trả lương để sống?"

Một tiền đề cơ bản của quyển sách này chính là con người vốn ham muốn cho đi. Chúng ta được sinh ra trong sự biết ơn: kiến thức chúng ta nhận được và khao khát cho đi. Không hề thúc giục những người miễn cưỡng cho người khác ngược lại với sự thôi thúc biếng nhác của họ, nền kinh tế ngày này gây áp lực khiến chúng ta chối bỏ sự hào phóng bẩm sinh của chúng ta và thay vào đó chuyển tài năng của ta đến với sự tồn tại vĩnh viễn của một hệ thống chẳng phụng sự một ai cả. Một nền kinh tế thiêng liêng là một nền kinh tế giải phóng ham muốn làm việc, ham muốn cho đi của chúng ta. Tất cả những người tôi biết có quá nhiều để cho đi và đa số họ cảm thấy không thể vì trong những thứ ấy không có tiền. Nhưng điều đó không có nghĩa là những món quà của họ không được mong muốn. Còn nhiều việc đẹp đẽ cần phải làm. Đồng tiền mà chúng ta biết không thể kết nối những món quà và nhu cầu. Tạo sao mọi người phải làm việc quá vất vả chỉ để tồn tại trong khi (dù có nhờ vào công nghệ hay không) những nhu cầu đó có thể dễ dàng được đáp ứng với một phần bé tí sức lao động của con người? Đó là vì bản chất tạo ra sự khan hiếm của đồng tiền.

Giả định rằng con người không muốn làm việc đã ăn sâu trong kinh tế học và liên quan đến một nguồn cơn sâu thẳm hơn: câu chuyện của cái tôi bị chia cắt. Nếu bạn có nhiều hơn nghĩa là tôi có ít hơn, nếu hạnh phúc của bạn không liên can hay độc hại cho hạnh phúc của chính tôi, tại sao tôi lại có khao khát cho đi bất kỳ thứ gì cho bất kỳ ai? "Gen vị kỷ" trong sinh học, cố gắng tối đa hóa tư lợi sinh sản, tương ứng với "chủ thể duy lý" của kinh tế học, cố gắng tối đa hóa tư lợi tài chính của mình. Chúng ta dường như không muốn làm bất kỳ công việc nào góp phần vào lợi ích của người khác trừ khi có gì đó bên trong công việc ấy dành cho ta. Chúng ta không thực sự khao khát cho đi; chúng ta phải bị ép buộc, phải được trả tiền để làm điều đó.

Sách giáo khoa kinh tế nói về "tính bất thỏa dụng (disutility)" của việc làm, cho rằng nếu không được "đền bù xứng đáng" bằng tiền lương, người ta tự nhiên sẽ ưa thích làm… ưa thích làm gì? Thích tiêu thụ hơn chăng? Thích không làm gì cả hơn ư? Thích được tiêu khiển? Sự biện hộ cho một hệ

thống kinh tế dựa trên sự khan hiếm được dựng vào trong những tiền đề của nó, bao gồm những định kiến nặng nề về bản chất con người. Quyển sách này giả định một bản chất con người khác: rằng chúng ta về gốc rễ là những sinh vật thần thánh, sáng tạo, và rộng lượng; rằng cho đi và sáng tạo là một trong những khao khát thầm kín nhất của chúng ta.

Để biểu hiện cách hiểu này trong hệ thống tiền tệ, chúng ta phải tìm những cách tặng thưởng dồi dào những món quà cho xã hội, không có những cách đó những phần thưởng trở thành một dạng sức ép hay sự nô lệ.

Không chỉ có trải nghiệm về sự khan hiếm là một chế tác của hệ thống tiền tệ của chúng ta mà sự biếng nhác chúng ta xem như là bản chất của loài người là một phản ứng chính đáng cho loại hình công việc mà hệ thống đó sản sinh ra. Nếu bạn cảm thấy chính bản thân mình lười biếng, trì hoãn, làm việc cẩu thả, đi làm muộn, không tập trung, và nhiều hơn thế nữa, thì có lẽ vấn đề chẳng phải là do tính cách của bạn đâu: có lẽ đó là sự nổi loạn của linh hồn chống lại công việc mà bạn không thực sự muốn làm. Đó là một lời nhắn nói rằng, "Đã đến lúc tìm kiếm công việc đích thực của bạn rồi: thông qua công việc đó bạn có thể áp dụng những tài năng của mình cho điều gì đó có ý nghĩa." Phớt lờ lời nhắn ấy, và ý chí tiềm thức của bạn sẽ thúc ép điều đó thông qua chứng trầm cảm, tự hoại, bệnh tật, hay tai nạn, làm bạn bất lực để khỏi phải sống một cuộc đời không phù hợp với tính hào phóng của bạn nữa.

Trong một nền kinh tế thiêng liêng, con người vẫn sẽ làm việc chăm chỉ – không phải vì họ phải làm thế, mà là vì họ *muốn* thế. Bạn có bao giờ muốn dành thời gian hay sức lao động của mình cho một điều thiện lành nhưng đã kiềm chế làm điều đó vì bạn không có "khả năng chi trả"? Lợi tức xã hội giải phóng dòng chảy của những món quà đến những nhu cầu và căn chỉnh sức lao động của ta với đam mê của ta, sự hào phóng của ta, và nghệ thuật của ta.

Nhiều người dù sao đi nữa vẫn sẽ làm những công việc được trả lương, hoặc là để bổ trợ cho lợi tức xã hội (có lẽ là sẽ ở mức phí sinh hoạt tối thiểu) hoặc là do họ thích những công việc đó vì chính những giá trị của chúng. Nhưng nó sẽ là một lựa chọn, không phải là điều bắt buộc. Vắng

mặt cơ chế ép buộc của việc "kiếm sống", sẽ có ít thị trường có những công việc thấp kém hay bu ồn tẻ. Để thu hút công nhân, chủ thuê phải cung cấp những việc làm có ý nghĩa và đi ều kiện làm việc tôn trọng phẩm giá con người. Nhi ều công việc như thế sẽ t ồn tại vì quá nhi ều việc làm được tài trợ bởi một hệ thống ti ền tệ dựa trên tài nguyên chung v ề bản chất là có ý nghĩa (do những động cơ tài chính bảo t ồn và phục h ồi).

Đáng chú ý là, thậm chí dù không có lợi tức xã hội, con người cũng vẫn làm khối lượng khổng l ồ công việc không được trả công. Toàn bộ Internet ph ần lớn được xây dựng trên lao động tự nguyện, từ hệ thống ph ần m ềm máy chủ ngu ồn mở cho đến nội dung miễn phí. Nhân viên của toàn bộ các tổ chức là những tình nguyện viên chăm chỉ. Chúng ta không c ần những khuyến khích v ề tài chính để làm việc, và thực chất chúng ta làm việc tốt nhất khi ti ền không phải là vấn đ ề.[9] Thế giới sẽ như thế nào nếu con người được hỗ trợ làm những việc đẹp đẽ mà ngày nay họ phải đấu tranh chống lại sự c ần thiết v ề kinh tế để mới có thể làm được?

Kinh tế học thiêng liêng mường tượng ra một thế giới mà người ta làm việc vì tình yêu, không phải vì ti ền. Bạn sẽ làm gì trong một n ền kinh tế như thế? Bạn sẽ cải tạo một bãi rác thải độc hại? Là một "chị lớn" giúp đỡ các trẻ vị thành niên gặp vấn đ ề? Tạo ra một nơi ở an toàn cho nạn nhân của nạn buôn bán người? Đưa những loài bị đe dọa trở v ề hoang dã? Sắp đặt những khu vườn trong các khu phố bên trong thành phố? Trình diễn trước công chúng? Giúp những cựu chiến binh hòa nhập với cuộc sống bình thường? Bạn sẽ làm gì, khi được giải phóng khỏi sự nô lệ cho đ ồng ti ền? Cuộc sống của chính bạn, cuộc sống thực sự của bạn sẽ như thế nào? Bên dưới những cuộc đời thay thế mà chúng ta được trả lương để sống là một cuộc đời thật, cuộc đời *của bạn*.

Sống trọn vẹn chính là chấp nhận lời chỉ dẫn của câu hỏi, "Tôi ở đây vì đi ều gì?" Ph ần lớn công việc hiện nay chối bỏ cảm giác đó, vì rõ ràng chúng ta không ở đây để làm việc trong một dây chuy ền lắp ráp hay để đẩy sản phẩm hay làm bất kỳ thứ gì đ ồng lõa trong việc suy kiệt con người hay hủy hoại hệ sinh thái. Không ai thực sự muốn làm những công việc như thế, và một ngày nào đó, chẳng ai sẽ làm những việc ấy.

AI SẼ DỌN DẸP ĐỐNG RÁC ĐÂY?

Đó có phải là một tuyên bố đầy thực tế không? Hãy cho tôi chia sẻ với bạn một chút nghiền ngẫm mà tôi viết vào mùa xuân năm ngoái.

Một thế giới nô lệ

Tại giây phút này đây tôi đang viết ở một sân bay lớn. Hàng ngàn người làm những công việc liên quan với sân bay này, và chỉ vài công việc thực sự phù hợp cho một con người.

Tôi đi đến sân bằng xe đưa đón của khách sạn. Trên đường đi tôi bảo với tài xế, một người nhập cư Peru, về buổi nói chuyện tôi vừa thuyết trình xong vào cuối tuần này và về viễn cảnh một thế giới tươi đẹp, và tại một thời điểm nào đó, để minh họa, tôi nói rằng, "Ở đây anh chạy tới chạy lui đến sân bay cả ngày – chắc chắn có những giây phút nào đó anh nghĩ, 'Tôi không phải được đặt ở đây trên trái đất này để làm điều này.'"

"Vâng, chắc là thế rồi," anh ấy nói.

Tôi không thể không có cùng nghĩ như vậy khi tôi đang xem người thu ngân ở quầy ki-ốt sân bay nhập vào những món hàng bán ra và đưa tiền thừa và nói, "Cảm ơn ngài, chúc một ngày tốt lành," và người đàn ông đi từ thùng rác này đến thùng rác khác, dọn sạch chúng vào chiếc xe đẩy của mình và đổi chiếc túi nylon, làm thinh và ủ rũ, gương mặt vô hồn. Chúng ta đã tạo ra một thế giới gì đây, nơi mà một người dành cả ngày làm những công việc như thế? Chúng ta đã trở thành thứ gì khi chúng ta không cảm thấy bị xúc phạm vì điều đó?

Những người đàn ông và phụ nữ ở quầy bán vé và các quầy tại cổng có nhiều công việc thú vị hơn một tí, những công việc có thể cần vài ngày hay vài tuần để thành thạo, thay vì vào giờ đồng hồ, nhưng dù gì đi nữa, công việc của họ cũng thiếu sự kết nối với khả năng và sức sáng tạo của một người (mặc dù nó có thể thỏa mãn vì những lý do khác, như giúp đỡ người khác, khiến người khác hạnh phúc, gặp gỡ mọi người,…). Các tiếp viên hàng không cũng thế. Chỉ có phi công, nhân viên điều khiển

không lưu, và thợ cơ khí là làm những việc có thể chiếm cứ một cách hợp lý năng lực học hỏi của tâm trí con người nhiều hơn vài tháng.

Đối với tôi, thật kỳ lạ là công việc tệ nhất, tàn bạo nhất trong tất cả những công việc này cũng nhận được lương thấp nhất. Tôi hiểu được kinh tế học của điều đó, nhưng có thứ gì đó bên trong tôi nổi loạn chống lại logic đó và muốn những người kiểm soát hành lý, tài xế, và thu ngân được trả lương cao hơn, chứ không phải thấp hơn những phi công.

Không có những công nhân làm việc hèn mọn đó, sân bay này và xã hội này sẽ không vận hành như trạng thái hiện tại của nó. Chuyến đi của tôi phụ thuộc vào sức lao động của họ, sức lao động mà họ được trả tiền chỉ vừa đủ để sống qua ngày.

Và tại sao họ lại đồng ý làm những công việc như thế? Chắc chắn không phải vì bất kỳ khát vọng nào muốn dành cả cuộc đời họ để làm điều đó. Nếu bạn có thể hỏi một trong số họ tại sao họ lại làm việc đó, họ sẽ nói cho bạn nghe, nếu họ không cảm thấy bị xúc phạm đến độ không nói được, "Tôi phải làm thôi. Tôi phải kiếm sống, và đây là công việc tốt nhất mà tôi có thể tìm được."

Do đó chuyến đi hôm nay của tôi chỉ diễn ra được vì người ta đang làm những việc mà họ không muốn làm, chỉ vì để tồn tại. "Kiếm sống" có nghĩa như thế đó. Một mối đe đọa cho sự tồn tại, căn bản chính là, một khẩu súng chĩa vào đầu. Nếu tôi ép buộc bạn lao động cho tôi bằng lời đe dọa chết chóc, vậy thì bạn chính là nô lệ của tôi. Càng sống trong một thế giới vận hành trên sức lao động của nhiều người làm những việc không xứng đáng với phẩm giá của con người, dĩ nhiên không chỉ ở sân bay mà còn trong các nhà máy, xí nghiệp bóc lột công nhân, đồn điền, và hầu như ở mọi nơi khác, thì chúng ta càng sống trong một thế giới nô lệ. Bất kỳ thứ gì chúng ta thu được từ sức lao động của nô lệ sẽ phải trả bằng một cái giá tâm linh không thể nào chịu được: một sự trống rỗng đau đớn hay một sự thiếu hoàn thiện sâu bên trong khiến chúng ta hổ thẹn mà không thể nhìn vào mắt người khác.

Chúng ta có thể chịu đựng giũ bỏ điều này sang một bên và cam chịu sống trong một thế giới nô lệ không? Tôi muốn mình có thể nhìn vào mắt của mỗi người đàn ông và phụ nữ, biết rằng tôi không hề hưởng lợi ích gì từ sự nhục nhã của họ.

Tôi cũng có một động cơ ích kỷ nữa, vì không muốn sống trong một thế giới nô lệ: những sản phẩm của nhân công nô lệ chứa đựng linh hồn đi sâu vào chúng. Liệu có ai khác ngoài một người lao động bị ép buộc sẽ sản xuất ra những vật và những tòa nhà rẻ tiền, xấu xí, độc hại, thiếu linh hồn, và tệ hại đang bao quanh chúng ta ngày nay? Còn ai ngoài một người nô lệ sẽ phẫn uất và khó chịu khi cung cấp dịch vụ?[10] Phần lớn "hàng hóa và dịch vụ" của chúng ta được làm ra bởi những người chỉ làm thế vì tiền, những người chỉ làm công việc của mình vì họ "phải làm". Tôi muốn sống trong một thế giới của những điều đẹp đẽ được tạo ra bởi những người yêu thích những gì họ làm.

Bất kỳ ai bị nhồi sọ với định kiến rằng công việc là thứ gì đó không ai ưa thích sẽ nghĩ rằng tôi thật ngây thơ khi đề xuất một hệ thống mà không ai bị ép buộc phải làm việc. Ai sẽ trồng trọt thực phẩm đây? Dọn dẹp rác? Quét đường? Làm việc trong nhà máy? Tôi không cho rằng những công việc không dễ chịu sẽ sớm được loại bỏ; chỉ là chúng sẽ càng ít đi và ít đi hơn. Mặc cho những nhà chính trị đã nỗ lực tạo ra nhiều công việc hơn dưới dạng việc làm, và mặc cho chúng ta nỗ lực giữ cho tiêu dùng luôn tăng nhưng "việc làm" thì ngày càng ít hơn.

Nhưng ai sẽ dọn rác đây? Chúng ta phải phó mặc cho một xã hội nơi mà những việc làm tồi tệ nhất được dành cho những người ít may mắn nhất ư? Chúng ta phải phó mặc cho một xã hội mà người ta phải làm việc thấp kém hơn mình, bị ép buộc làm việc đó bởi một áp lực sống còn dựa trên đồng tiền ư? Khi chúng ta đồng ý rằng vài công việc tồi tệ là cần thiết và khi chúng ta đồng ý rằng chúng ta phải có một nền kinh tế cưỡng ép vài người làm những công việc đó (còn không là trở thành vô gia cư và đói ăn), thì cơ bản là chúng ta đang đồng tình với chế độ nô lệ: "Không làm thì chết." Vậy, một nền kinh tế hiện đại với sự phân chia lao động chính xác mà không cần phải có những ngành nghề như cọ rửa toilet và thu gom rác

liệu có khả thi? Chúng ta hãy cùng nhau xem xét vấn đề này chi tiết hơn, áp dụng vào một công việc thấp kém tiêu biểu, thu lượm rác.[11]

Trước hết, tại sao chúng ta lại cần những người thu lượm rác? Tại sao có quá nhiều rác phải thu gom? Vì chúng ta tiêu thụ những thứ rác rưởi dùng một lần rồi vứt đi quá nhiều, vì chúng ta không ủ phân vụn thức ăn, và vì chúng ta có nhiều bao bì không được tái sử dụng hay tái chế. Những sản phẩm dùng một lần rồi vứt đi và bao bì có thể như thế vì chúng rẻ một cách nhân tạo. Phần lớn chi phí khai thác tài nguyên và xử lý công nghiệp để làm bao bì được đưa ra bên ngoài (khu vực xa khỏi nơi chúng ta sống), cũng như chi phí đổ thải ra bãi rác thải và lò đốt rác. Như đã đề xuất trong Chương 12, khi những chi phí này được nội bộ hóa, việc sản xuất các thứ dùng một lần sẽ trở nên ít kinh tế hơn, và những thứ như hộp đựng tái sử dụng sẽ có một logic kinh tế nhằm củng cố logic môi trường của chúng. Những lưu ý tương tự cũng được áp dụng vào việc ủ vụn thức ăn thừa, vì chúng chúng ta sẽ có động lực kinh tế để làm vườn tại nhà khi những trợ cấp tiềm ẩn (di chuyển, nước, hóa chất…) cho một nền siêu nông nghiệp từ xa bị loại bỏ. Thực sự là chẳng có nguyên nhân tại sao chúng ta nên sản xuất nhiều rác đến thế.[12]

Sự tiến hóa của việc thu gom rác về chi tiết khác với sự tiến hóa của công việc nhà máy, dịch vụ quét dọn, việc thu ngân siêu thị, hay bất kỳ nghề nghiệp thấp kém khó chịu cực kỳ quan trọng cho thế giới này. Mỗi việc sẽ bị giảm bớt hay loại bỏ bằng một cách khác nhau. Những nông trại nhỏ, đa canh loại bỏ phần lớn sự lao dịch của công việc nặng nhọc. Những nhà nghỉ nhỏ, bed-and-breakfast, và couch-surfing [13] giảm đi nhu cầu cần đến những người giúp việc khách sạn chuyên nghiệp. Công nghệ, cơ khí hóa, và khoa học robot sẽ tiếp tục xóa bỏ lao động lắp ráp dây chuyền. Khuyến khích sản xuất hàng hóa ít hơn nhưng bền bỉ hơn giảm thiểu được công việc sản xuất và tăng công việc bảo trì và sữa chữa, những việc ít rập khuôn hơn và mang tới sự thỏa mãn hơn. Thiết kế công nghiệp sẽ có thêm động cơ để giảm thiểu tính nhạt nhẽo hơn là giảm chi phí vì người ta sẽ làm việc bằng lòng khát khao thay vì do nhu cầu cần thiết.

Ít người sẽ sẵn sàng làm việc trong một dây chuyền lắp ráp suốt tám giờ, hái những luống cà chua dài vô tận hay rửa toilet cả ngày trừ khi họ cảm

thấy họ không có lựa chọn nào khác. Chúng ta sẽ cho mọi người một lựa chọn khác; vì vậy, nền kinh tế sẽ tiến hóa để loại bỏ những vai trò đó. Chúng ta không cần phải loại bỏ chúng hoàn toàn. Rửa chén, chùi rửa toilet, và lao động nặng nhọc thì chỉ buồn tẻ và thấp kém khi nào chúng ta làm những việc đó quá lâu. Tôi đã làm việc tại nông trại hữu cơ nhỏ của anh trai tôi và với một bộ đồ nghề công trường nho nhỏ. Công việc đó chẳng có tí nặng nhọc nào vì chúng tôi đã làm đủ thể loại công việc trên quy mô nhỏ. Dĩ nhiên là, có những công việc khó khăn, như đào ba luống khoai tây hay chia những cái khe thành hai trăm trụ chống, nhưng những việc này không phải là những thử thách dài ngày, và thường đi kèm với những lời đùa giỡn hay tạo ra cơ hội để nghỉ ngẫm. Một hay hai mùa thu gom rác vài giờ mỗi ngày, hay rửa chén, hay lật thịt rán, hay dọn phòng khách sạn, thì cũng không quá nặng nề. Thực ra, có những thời điểm trong cuộc đời chúng ta muốn nghỉ ngơi bằng những công việc lao động rập khuôn. Bản thân tôi đã có những thời điểm như thế, khi lao động chân tay lặp đi lặp lại là một niềm an ủi cho tâm hồn.

Sự suy giảm cực kỳ lớn những gì được gọi tên "công việc" ngày nay sẽ không để mặc chúng ta ngồi không, mặc chúng ta phung phí thời gian trong sự hưởng thụ nhạt nhẽo. Tôi đã khẳng định ở trên rằng nhu cầu của con người là hữu hạn, nhưng chúng ta có những nhu cầu mà về khía cạnh nào đó thì vô hạn. Nhu cầu kết nối với thiên nhiên, nhu cầu yêu, chơi, và sáng tạo, nhu cầu hiểu biết và được biết đến – không gì có thể được thỏa mãn bằng cách mua nhiều thứ hơn nữa. Chúng ta đang cố gắng thỏa mãn nhu cầu của cái vô hạn thông qua việc tích lũy nhiều càng nhiều những gì hữu hạn. Điều đó giống như là đang cố gắng xây một tòa tháp dẫn đến thiên đàng.

Địa hạt phi tiền tệ chính xác bao gồm tất cả những gì không được định lượng. Ngày nay chúng ta sống trong sự thừa mứa những thứ có thể định lượng và trong sự khan hiếm những thứ không thể định lượng: những tòa nhà to nhưng xấu xí, lượng calo dồi dào nhưng trống rỗng, sự giải trí ở đâu cũng có nhưng vô giá trị. Bạn không đồng ý rằng sự co rút của địa hạt tiền tệ sẽ là một thay đổi đầy khoan khoái sao?

Một nhu cầu hữu hạn – lượng calo, nơi ở, quần áo, và nhiều nữa – là một nhu cầu có thể định lượng và do đó, dĩ nhiên sẽ phù hợp với địa hạt hàng hóa và vì thế cũng phù hợp với địa hạt tiền tệ. Chúng ta đáp ứng chúng dễ dàng, và quả thực, nhờ vào công nghệ, lại càng dễ dàng hơn.[14] Rõ ràng rằng chúng ta nên làm việc ít và ít vất vả hơn để đáp ứng nhu cầu hữu hạn của chúng ta và rằng con người có thể dành một phần lớn thời gian và năng lượng hơn cho các nhu cầu vô hạn: nghệ thuật, tình yêu, kiến thức, khoa học, cái đẹp. Theo đó, cũng hợp lý khi hoạt động của con người trong địa hạt tiền tệ, địa hạt việc làm ngày càng nhỏ đi.

Cho đến thời điểm nay, thay vì vậy, chúng ta lại tìm cách biến thứ vô hạn thành hữu hạn, và vì thế chúng ta đã làm giảm giá trị của nghệ thuật, tình yêu, kiến thức, khoa học, và cái đẹp. Chúng ta đã bán tháo những thứ đó. Khi ứng dụng thương mại dẫn dắt cho khoa học, rốt cuộc thứ chúng ta có không phải là khoa học mà là phiên bản giả mạo của nó: giả khoa học cho mục đích lợi nhuận. Khi nghệ thuật cúi đầu trước đồng tiền, chúng ta có "nghệ thuật" thay vì *nghệ thuật,* một tác phẩm tự biếm họa ngượng ngập. Những thứ bóp méo tương tự diễn ra khi kiến thức lệ thuộc vào quyền lực, khi cái đẹp được dùng để bán hàng hóa, và khi sự giàu có tìm cách mua lấy tình yêu hay tình yêu bị bẻ hướng để tăng thêm của cải. Nhưng thời đại bán tống bán tháo sắp kết thúc rồi.

Quá trình thăng tiến kéo dài của địa hạt bị tiền tệ hóa sắp đi đến hồi kết, và vai trò của nó trong công việc của chúng ta và cuộc sống của chúng ta đang thay đổi để lật đổ những thể chế cố cựu lâu đời, những nỗi sợ hãi, và những giới hạn. Kể từ thời Hy Lạp cổ đại, tiền đã ngày càng trở thành một phương kế vạn năng và là một mục đích chung, là đối tượng của sự khát khao vô hạn. Sẽ không còn nữa. Nó đã bắt đầu thoái lui, và chúng ta sẽ hiến dâng càng nhiều năng lượng của ta hơn vào những phạm vi mà tiền không thể với tới. Sự phát triển của sự nhàn rỗi, hoặc là, nói một cách chính xác hơn, sự phát triển của lao động vì tình yêu, sẽ đi đôi với sự giảm phát triển của nền kinh tế tiền tệ. Nhân loại đang tiến vào giai đoạn trưởng thành, một thời kỳ khi tăng trưởng vật chất kết thúc và chúng ta chuyển sự tập trung của chúng ta đến thứ mà chúng ta muốn.

CHƯƠNG 15:
ĐỒNG TIỀN ĐỊA PHƯƠNG VÀ BỔ TRỢ

Một cộng đồng đúng đắn, chúng ta nên nhớ, cũng là một khối thịnh vượng chung: một nơi chốn, một nguồn tài nguyên, một nền kinh tế. Nó trả lời những nhu cầu, mang tính thực tế cũng như xã hội và tâm linh của những thành viên bên trong nó – trong số đó là nhu cầu cần đến nhau. Câu trả lời cho sự sắp xếp quyền lực chính trị với tài sản hiện tại chính là sự phục hồi đặc tính của cộng đồng và của nền kinh tế.

– Wendel Berry

Một lối sống thiêng liêng kết nối chúng ta với những người và những nơi chốn chung quanh ta. Điều đó có nghĩa là một nền kinh tế thiêng liêng phần lớn phải là một nền kinh tế địa phương mà trong đó chúng ta có những mối quan hệ riêng tư và đa chiều với đất và những người đáp ứng nhu cầu của chúng ta, và chúng ta đáp ứng nhu cầu của họ. Nếu không, chúng ta chịu một sự phân cách giữa xã hội và vật chất, trong đó những mối quan hệ xã hội của chúng ta thiếu đi bản chất, và những mối quan hệ kinh tế của chúng ta thì trở nên không có tính cá nhân. Khi chúng ta mua những dịch vụ chung từ những người lạ xa xôi và những món hàng được tiêu chuẩn hóa từ những miền đất xa xôi, không tránh khỏi là chúng ta cảm thấy một sự mất kết nối, một sự xa lạ, và cảm giác rằng chúng ta, cũng giống như những thứ mà chúng ta mua, có thể thay thế được. Những thứ chúng ta đưa ra càng mang tiêu chuẩn và thiếu tính cá nhân thì chúng ta càng có thể *bị* thay thế.

Một trong những tác động của hệ thống tiền đồng nhất trong nước hay toàn cầu chính là sự đồng hóa văn hóa. Khi địa hạt tiền tệ bành trướng bao trùm rộng và nhiều hơn đời sống xã hội và vật chất, vật chất và những mối quan hệ của chúng ta trở hành hàng hóa được tiêu chuẩn hóa, cũng như tất cả mọi nơi mà tiền chạm tới. Không nơi đâu mà điều này hiển nhiên như ở

Hoa Kỳ, "quang cảnh những đoạn lối thoát cao tốc và dừng chân," nơi mà những cửa hàng giống nhau, những nhà hàng giống nhau, và kiến trúc giống nhau thống trị tại mọi địa phương. Và ở khắp nơi chúng ta là những người làm công và người tiêu dùng giống nhau, sống nô lệ cho các thế lực kinh tế từ xa. Tính đặc trưng, sự tự chủ, và cơ hội kinh tế của địa phương biến mất. Lợi nhuận kinh doanh bị những trụ sở chính của các tập đoàn xa xôi và cuối cùng là Phố Wall hút đi mất. Thay vì có những cộng đồng đầy sức sống, đa dạng kinh tế, chúng ta lại có một sự độc canh mà nơi nào cũng giống nhau.

Hệ thống tiền tệ miêu tả cho đến đây trong quyển sách này loại bỏ nhiều rào cản đối với sự chủ quyền kinh tế địa phương và làm yếu đi sức ép phải toàn cầu hóa. Ở đây có ba cách:

1. Phần lớn thương mại toàn cầu chỉ có lợi nhuận nhờ vào những trợ cấp sinh thái và xã hội, những khoản này sẽ được loại bỏ bằng sự nội bộ hóa chi phí.
2. Đồng tiền được chống lưng bởi tài sản chung đang tái địa phương hóa quyền lực kinh tế vì nhiều tài sản chung mang bản chất địa phương hay vùng sinh học.
3. Đồng tiền lãi suất âm loại bỏ áp lực duy trì tăng trưởng thông qua sự chuyển đổi các mối quan hệ độc nhất mang tính địa phương, và tài sản tự nhiên của vùng miền thành hàng hóa. Cuối cùng, khác biệt mang tính địa phương cản đường quá trình thương mại hóa và vì vậy cản trở tăng trưởng.

Tuy nhiên, vì thói quen và cơ sở vật chất của nền kinh tế địa phương phần lớn đều biến mất, những biện pháp bổ sung là cần thiết để tái xây dựng những nền kinh tế dựa trên cộng đồng và vùng miền. Chương này sẽ thảo luận một trong những biện pháp đó: quá trình địa phương hóa tiền tệ.

Tôi không chủ trương từ bỏ thương mại toàn cầu. Trong khi nhiều thứ nên thuộc về địa phương, như thức ăn, đã trở nên toàn cầu, có nhiều địa hạt của sức sáng tạo tập thể của loài người mà về bản chất cần một sự phối hợp lao động toàn cầu. Ngoài ra, các học thuyết của các nhà kinh tế học về hiệu năng theo quy mô và lợi thế tương đối (rằng vài nơi và vài nền văn hóa thì

thích hợp hơn với một vài loại mô hình sản xuất nhất định) không phải hoàn toàn không có cơ sở.[1] Dù vậy, nhìn chung, kinh tế học thiêng liêng sẽ kích thích việc lấy nguồn cung ứng địa phương cho nhiều hàng hóa đang được vận chuyển vượt đại dương và châu lục ngày nay.

Trong khi những thay đổi vạch ra cho đến nay khiến cho việc toàn cầu hóa mang về ít lợi nhuận hơn, cảm tình của tôi đối với kinh tế địa phương không chỉ đơn giản là được thúc đẩy bởi logic kinh tế: sự tối đa hóa vài lượng tử hạnh phúc có thể đong đếm được. Nó vốn xuất phát từ một khát khao cộng đồng. Những sợi chỉ của cộng đồng thuộc về hai dạng: món quà và câu chuyện, ngang và dọc. Tóm lại, một cộng đồng khỏe mạnh đan dệt những mối dây liên kết xã hội và kinh tế. Những người chúng ta dựa vào, và những người lệ thuộc vào chúng ta, cũng là những người mà chúng ta biết và biết chúng ta. Đơn giản thế đó. Một cộng đồng bao gồm tất cả sinh vật rộng lớn hơn cũng như thế: mối qua hệ giữa đất và hệ sinh thái của nó. Thiếu đi cộng đồng, chúng ta phải chịu đựng sự thiếu thốn đau thương của việc tồn tại, vì chính những mối dây liên kết đa chiều này xác định chúng ta là ai và mở mang chúng ta vượt ra khỏi cái tôi riêng rẽ, cô đơn, và khổ đau, cái "bong bóng tâm lý bên trong nhà tù thể xác." Chúng ta khao khát hồi phục lại những mối liên kết đã bị mất đi, sự sống đã bị mất đi của chúng ta.

Nền kinh tế địa phương đảo ngược xu hướng đồng hóa văn hóa hàng thiên niên kỷ nay và kết nối chúng ta với những con người và những nơi chúng ta thấy mỗi ngày. Hơn cả việc thỏa lấp khao khát cộng đồng, nó cũng mang về lợi ích cho xã hội và môi trường. Không chỉ dẫn đến việc tiêu thụ ít năng lượng hơn, nó cũng khiến ta khó mà phớt lờ những hệ lụy xã hội và sinh thái của những quyết định kinh tế. Ngày nay, quả thực, khá dễ dàng để giả vờ rằng những quyết định kinh tế của ta không có hệ quả nào. Những thứ mà chúng ta sử dụng mà không suy nghĩ nhiều mấy lại là nguyên nhân chính đằng sau những ca dị dạng bẩm sinh tại những thành phố ở Trung Quốc, khai thác dải những quả núi ở Tây Virginia, và quá trình sa mạc quá những khu vực trước đó còn tươi tốt. Nhưng những ảnh hưởng này thì lại xa xăm, chạm đến chúng ta chỉ bằng những điểm ảnh trên màn hình tivi. Khá hiển nhiên thôi, chúng ta sẽ sống như thể chúng vẫn chưa diễn ra. Nếu những người nuôi trồng thức ăn của bạn và làm ra đồ đạc của bạn sống ở

Haiti hay Trung Quốc hay Pakistan thì phúc lợi hay sự khổ đau của họ sẽ như vô hình. Nếu họ sống gần, có lẽ bạn có thể vẫn bóc lột họ, nhưng không dễ dàng để bạn tránh khỏi việc biết đến điều đó. Kinh tế địa phương khiến chúng ta đối mặt với những hệ quả của hành động của chính mình, thắt chặt vòng tròn nghiệp quả và nuôi dưỡng ý thức của một cái tôi tính luôn cả người khác. Kinh tế địa phương vì thế phù hợp với sự dịch chuyển tâm linh sâu sắc của thời đại chúng ta.

TÌNH TRẠNG CATCH-22[2] CỦA ĐỒNG TIỀN ĐỊA PHƯƠNG

Đồng tiền địa phương thường được đề xuất như là cách để vực dậy những nền kinh tế địa phương, cô lập chúng khỏi những tác động của thị trường toàn cầu, và tái tạo lại cộng đồng. Hiện nay có hàng nghìn đồng tiền như thế trên toàn thế giới, những tiền tệ không chính quy được phát hành bởi những nhóm công dân bình thường. Về lý thuyết, đồng tiền địa phương đưa ra vài lợi ích kinh tế sau:

1. Nó khuyến khích mọi người mua hàng tại các cơ sở kinh doanh địa phương vì chỉ có những nơi ấy mới sẵn sàng chấp nhận và sử dụng đồng tiền địa phương.
2. Nó tăng cung ứng tiền địa phương, dẫn tới nhu cầu tăng và kích thích sản xuất và việc làm tại địa phương.
3. Nó giữ tiền trong cộng đồng vì nó không thể bị rút ra cho những tập đoàn ở xa.
4. Nó cho phép cá nhân và cơ sở kinh doanh bỏ qua những kênh tín dụng thông thường và do đó đưa ra một nguồn vốn thay thế mà trong đó lợi nhuận (nếu có) sẽ luân chuyển trở về tập thể.
5. Nó tạo điều kiện cho sự lưu thông hàng hóa và dịch vụ trong những người có thể không được tiếp cận đủ tiền tệ trong nước nhưng có thể cống hiến thời gian và kỹ năng.

Ví dụ như bạn muốn mua một chiếc bánh hamburger và có tiền địa phương. Bạn sẽ mua nó ở một nhà hàng địa phương thay vì ở McDonald's, thậm chí nếu giá có cao hơn, vì McDonald's không chấp nhận đồng tiền địa phương đó. Vậy sau đó cửa hàng hamburger nọ sẽ làm gì với tiền địa phương? Ư thì, họ không thể dùng nó mua thịt bò từ chuỗi phân phối toàn

quốc, nhưng họ có thể mua thịt bò từ một người nông dân địa phương, hay dùng nó trả một phần lương cho nhân viên. Và người nông dân hay những nhân viên sẽ làm gì với số tiền đó đây? Mua vật dụng từ những nhà cung cấp địa phương khác, bao gồm những người ăn tại cửa hàng hamburger đó. Đây là cách làm thế nào đồng tiền địa phương củng cố những nền kinh tế địa phương.

Tiếc thay, kết quả thực tiễn của những khởi xướng về đồng tiền địa phương thì thật thất vọng. Một kiểu mẫu thường thấy chính là đồng tiền được đưa ra đầy hứng khởi và tiếp tục lưu hành khi nào mà những người sáng lập còn thúc đẩy nó. Nhưng cuối cùng họ kiệt quệ và yếu tố mới mẻ mất dần, và người ta thôi không sử dụng nó nữa. Theo một nghiên cứu, cho đến năm 2005 khoảng 80 phần trăm trong tổng số đồng tiền địa phương được phát hành năm 1991 đã không còn tồn tại.[3] Một dạng phổ biến khác chính là đồng tiền địa phương được tích lũy trong tay của một vài nhà bán lẻ địa phương sẵn sàng chấp nhận nó và không thể tìm cách sử dụng nó. Cuối cùng, thậm chí ở nơi mà đồng tiền địa phương đã trở nên tương đối thành công, chúng chiếm một phần không đáng kể trong toàn bộ hoạt động kinh tế.[4] Nếu chúng ta nhận ra lợi thế về mặt lý thuyết của đồng tiền địa phương, chúng ta bắt buộc phải thừa nhận rằng ngày nay chúng không còn hiệu quả và phải đi tìm hiểu vì sao. Dù gì đi nữa, chúng *đã* khá hiệu quả vào thế kỷ mười chín và đầu thế kỷ hai mươi. Vào thế kỷ mười chín, tiền giấy bao gồm "giấy bạc ngân hàng" được phân phát bởi các ngân hàng địa phương và chỉ được chấp nhận tại những vùng kinh tế có mặt những ngân hàng đó. Gần đây nhất là những năm 1930, đồng tiền địa phương thành công đến nỗi nhà nước trung ương tích cực kìm hãm chúng. Điều gì đã xảy ra kể từ khi ấy khiến chúng trở thành (với vài ngoại lệ nổi bật) trò chơi của những kẻ lý tưởng hóa xã hội?[5]

Nhiều yếu tố có liên quan ở đây. Đầu tiên chính là nền kinh tế đã trở nên phi địa phương hóa đến mức việc cho tiền địa phương lưu hành thật khó khăn. Theo lời của một người bán hàng ở Đức khi nói về một trong những đồng tiền địa phương thành công, đồng tiền Chiemgauer, "Chúng tôi chấp nhận nó, nhưng chúng tôi không biết làm gì với nó cả." Sự chấp nhận của ông ấy thật khiên cưỡng – dễ hiểu khi mà chỉ có một ít nhà cung ứng của ông ta là ở địa phương. Đồng tiền địa phương sống được chỉ khi nào mà

những nhà sản xuất tạo ra hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ tại địa phương bởi chính những người sản xuất những hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ tại địa phương. Vào những năm 1930, các nền kinh tế vẫn còn mang tính địa phương cao. Nhiều người có hàng hóa và dịch vụ để trao đổi nhưng không có tiền để sử dụng như một vật trung gian do ngân hàng phá sản và đầu cơ tích trữ. Ngày nay, tình thế có chút khác biệt. Người ta phần lớn cung cấp các dịch vụ chỉ có nghĩa trong sự phối hợp lao động rộng lớn, thường là toàn cầu. Đồng tiền địa phương không thể hỗ trợ chuỗi cung ứng và sản xuất liên hệ đến hàng triệu người ở hàng nghìn nơi.

Tuy nhiên, trong khi một số sản phẩm như đồ điện tử, tự bên trong bản chất sản xuất chúng đã mang tính toàn cầu, nhiều sản phẩm có thể được sản xuất tại địa phương nhưng dù gì đi nữa vẫn là một phần của hệ thống sản xuất toàn cầu. Điều này ngụ ý một tiềm năng đáng kể chưa được khai thác dành cho đồng tiền địa phương. Tiếc thay, phần lớn cơ sở vật chất của việc sản xuất và phân phối địa phương đã biến mất. Đồng tiền địa phương có thể là một phần của việc tái xây dựng cơ sở vật chất đó, nhưng tự bản thân chúng thì chưa đủ. Nếu không có gì khác thay đổi, chúng sẽ đóng một vài trò rất ngoài lề và thường là thứ yếu. Ở tình trạng hiện tại, đồng tiền địa phương không quá hữu ích đối với chúng ta vì chúng ta nhập khẩu hầu hết mọi thứ chúng ta sử dụng từ bên ngoài địa phương của mình.

Vậy thì ban đầu ai lại sẵn sàng chấp nhận đồng tiền địa phương? Một nguyên do chính là chủ nghĩa lý tưởng, nhưng nếu chúng ta dựa dẫm vào chủ nghĩa lý tưởng, thì tại sao không cứ áp dụng chủ nghĩa lý tưởng đó vào tiền tệ hiện tại và sử dụng nó để "mua sắm tại địa phương"? Tại sao lại bận tâm đến một đồng tiền bổ sung? Những gì chúng ta muốn chính là căn chỉnh những lý tưởng của ta với những gì thực tế, không phải đặt chúng ở vị trí đối lập. Bên cạnh đó, lịch sử gần đây của các đồng tiền bổ sung gợi ý rằng chủ nghĩa lý tưởng là không đủ, rằng chúng trì trệ và biến mất khi sự hăng say lý tưởng ban đầu đó dần phai nhạt. Vậy thì, câu hỏi là, làm thế nào các đồng tiền địa phương có thể trở nên phù hợp với tư lợi kinh tế.

Chúng ta phải xem xét đồng tiền địa phương trong một bối cảnh kinh tế rộng lớn hơn. Nếu một vùng có tiền tệ riêng của nó, nhưng nó lại tích hợp quá sâu vào nền kinh tế hàng hóa toàn cầu đến nỗi gần như toàn bộ sản

xuất của vùng đó được bán ở nước ngoài và phần lớn tiêu dùng của nó được mua từ nước ngoài, vậy thì nó cũng chẳng cần bận tâm đến đồng tiền của chính nó làm gì. Dưới những điều kiện như thế, đồng tiền đó phải được tự do chuyển đổi (vì lưu hành kinh tế đi đến và đi ra từ thị trường toàn cầu), khiến nó chẳng khác gì một loại tiền tệ đại diện cho đơn vị thanh toán chi phối toàn cầu (hiện tại là đồng đô la Mỹ). Một nơi như thế chẳng khác nào là một thuộc địa và thực chất đó chính là cái mà phần lớn các nơi đã trở thành, đặc biệt là tại Hoa Kỳ, nơi những thị trấn đã mất đi tính địa phương của mình và chỉ vận hành như những trung tâm sản xuất tiêu dùng cho nền kinh tế toàn cầu. Để một khu vực, thành phố, hay quốc gia có một đồng tiền mạnh mẽ của chính mình, nơi đó phải có một nền kinh tế mạnh mẽ của chính mình nữa. Chìa khóa của việc xây dựng một nền kinh tế như thế là thứ mà nhà kinh tế học Jane Jacobs gọi là "sự thay thế nhập khẩu" – lấy nguồn cung ứng các thành phần và dịch vụ từ địa phương, và phát triển những kỹ năng và cơ sở vật chất có liên quan. Nếu không, một nơi sẽ phải chịu những cơn tùy hứng của tài chính toàn cầu và lệ thuộc vào giá cả hàng hóa mà nó không có quyền kiểm soát.

Tại những quốc gia "đang phát triển" vẫn còn cơ sở vật chất kinh tế địa phương mạnh mẽ, đồng tiền địa phương giúp bảo tồn cơ sở vật chất đó và cách ly nó khỏi sự săn đuổi của tài chính toàn cầu. Nhưng tại những nền kinh tế phát triển ở mức độ cao được thống trị bởi một tiền tệ quốc gia hay siêu quốc gia, bất cứ ai mong muốn thiết lập một đồng tiền địa phương sẽ đối mặt với thứ gì đó kiểu Catch-22. Những đồng tiền địa phương chỉ có hiệu quả nếu có một hệ thống cục bộ sản xuất lưu hành địa phương có thể làm trung gian trao đổi. Nhưng để một hệ thống như thế phát triển và chịu đựng áp lực của nền kinh tế hàng hóa toàn cầu, nó cần phải có một đồng tiền được bảo hộ. Thay thế nhập khẩu không thể diễn ra nếu những nhà sản xuất địa phương phải cạnh tranh với hàng nhập khẩu giá rẻ không được hạn chế. Đó là vì sao một nền kinh tế như thế chỉ biểu hiện như một lựa chọn có chủ đích được thúc đẩy bởi một *Câu chuyện mới về Con người*, một câu chuyện tạo ra tầm nhìn, giá trị, và mục tiêu chung. Nói cách khác, nó chỉ diễn ra thông qua một loại hình dân chủ nào đó, hoạt động đại chúng, và một nhà nước đáp lại nguyện vọng của dân chúng thay vì nguyện vọng của các ngân hàng quốc tế, các nhà đầu tư, và thị trường trái phiếu. Những

lực lượng này luôn sẵn sàng chìa ra câu chuyện cũ về con người: cạnh tranh, tăng trưởng, chia rẽ, xâm chiếm, và tiến lên.

Nhiều ví dụ lịch sử đã chỉ ra điểm này. Hãy so sánh kết quả thảm khốc ở những quốc gia đã "mở cửa thị trường" cho "thương mại tự do" trong những năm gần đây với thành công trước đó của Đài Loan, Hàn Quốc, và Nhật Bản, những nước chủ đích khuyến khích các ngành công nghiệp địa phương bằng thay thế nhập khẩu, thuế quan, và hoạch định công nghiệp trong khi hạn chế khả năng chuyển đổi tiền tệ của họ. Tôi quen thuộc nhất với trường hợp của Đài Loan, sau khi đã dịch một tuyển tập lịch sử về sự phát triển của những doanh nghiệp vừa và nhỏ của nước này.[6] Vào những năm 1950 và 1960, Đài Loan áp đặt những điều kiện nghiêm ngặt lên đầu tư nước ngoài. Những nhà máy do nước ngoài đầu tư được yêu cầu phải mua một phần lớn linh kiện tại địa phương, điều này khuyến khích sự phát triển của công nghiệp nội địa. Tại Nhật Bản,

Hàn Quốc, và cũng như Singapore, những cơ chế chính thống và phi chính thống trao đặc quyền cho những doanh nghiệp trong nước.[7] Cùng lúc đó, họ áp đặt kiểm soát tiền tệ và những hạn chế lên việc chuyển lợi nhuận ra nước ngoài. Những nhà đầu tư ngoài nước có thể tự do chuyển đổi tiền tệ của họ sang đồng won, Đài tệ, và nhiều nữa, nhưng họ không thể chuyển đổi nó lại tự do như thế. Ngày nay, những nước này có một tầng lớp trung lưu đông đảo, những nhà máy công nghiệp đẳng cấp thế giới, và tổng tài sản khổng lồ, dù rằng đã khởi đầu trong nghèo khó sau Thế Chiến thứ hai.

So sánh chính sách của họ với Mexico, nước cho phép các nhà sản xuất nước ngoài thiết lập nhà máy ở khu vực Maquiladora mà không đánh thuế, không hạn chế việc mang lợi nhuận ra ngoài nước, và không yêu cầu lấy nguồn cung ứng linh kiện từ Mexico. Mexico và nhiều đất nước khác đưa ra những "vùng thương mại tự do" như thế chỉ đơn thuần cung cấp lao động giá rẻ và thoát khỏi những ràng buộc về môi trường, căn bản là đang bán tháo tài nguyên thiên nhiên và xã hội mà bù lại không thu được nhiều bí quyết hay cơ sở vật chất. Thay vì làm giàu thêm cho nền kinh tế của mình, họ đã bòn rút nó. Rồi thì những nhà máy chuyển đi để tận dụng lao động thậm chí là rẻ hơn ở nơi khác. Đầu tiên là GATT, tiếp theo là NAFTA và WTO và EMU đã phá hoại sự bảo vệ đã giữ cho những nền kinh tế địa

phương khỏi trở thành những thuộc địa xuất khẩu hàng hóa và tiêu dùng không có khả năng tự lực tại hết quốc gia nay đến quốc gia khác. Đối tượng hưởng lợi duy nhất là tầng lớp thượng lưu, những người tương đối độc lập với nền kinh tế địa phương. Khác với đám đông, họ có thể nhập khẩu những gì họ cần và rời đi nếu tình hình trở nên quá tồi tệ.

Tự lực tài chính là một phần quan trọng của chủ quyền chính trị. Cuối cùng, chủ quyền chính trị chẳng có ý nghĩa gì nếu những tập đoàn bên ngoài có thể khai thác lộ liễu nguồn lực thiên nhiên và xã hội của xã hội đó – tài nguyên, kỹ năng, và lao động – và xuất khẩu những thứ đó ra thị trường toàn cầu. Tại thời điểm đang viết, Brazil, Thái Lan, và nhiều nước khác đang có những biện pháp bảo vệ nền kinh tế của họ khỏi đồng đô la Mỹ đang hạ giá tràn lan, hậu quả của chương trình nới lỏng định lượng của FED. Nếu bỏ mặc, những đô la này sẽ cho phép người nước ngoài mua vét cổ phần, hầm mỏ, nhà máy, cơ sở hạ tầng, và nhiều thứ khác trong nước. Những quốc gia này nhận ra rằng chủ quyền có ý nghĩa chính là chủ quyền kinh tế.

Những gì đúng với một quốc gia thì cũng đúng với những vùng miền nhỏ hơn. Tuy nhiên, so với việc điều chỉnh lãi suất xuống mức âm, đề xuất những chính phủ địa phương và tại vùng miền tự phát hành tiền tệ cho chính mình cũng có vẻ không thực tế đến mức ngây thơ. Thực ra, đó là một giải pháp có thể tiếp cận được mà liên tục bị kiềm hãm. Mặc dù việc các bang phát hành tiền tệ tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác là bất hợp pháp, người ta luôn tìm cách tránh né luật pháp khi tình huống bắt buộc xảy ra.

Trường hợp khủng hoảng tài chính năm 2001-2002 của Argentina là rõ ràng nhất. Khi các chính quyền địa phương hết tiền trả cho công nhân và các chủ thầu, thay vào đó họ trả những người này bằng trái phiếu mệnh giá thấp (trái phiếu một-peso, trái phiếu năm-peso…). Các doanh nghiệp và dân chúng địa phương sẵn sàng chấp nhận những trái phiếu này, mặc dù không ai thực sự mong đợi rằng chúng sẽ không bao giờ đổi thành tiền tệ cứng[8] được, vì chúng có thể được sử dụng để trả thuế quan tại địa phương. Việc nó được chấp nhận để đóng thuế đã tăng nhận thức xã hội về giá trị, và cũng như với tất cả tiền tệ, giá trị và nhận thức về giá trị là giống nhau. Những tiền tệ hiện nay, tất cả đều được mệnh giá bằng một đơn vị tính

toán chúng, lưu hành vượt xa vùng chúng được phát hành. Cuối cùng, chúng đã làm sống lại hoạt động kinh tế, vốn buộc phải ngừng lại trước đó, nhiều người vẫn có khả năng sản xuất hàng hóa và dịch vụ mà những người khác cần, chỉ thiếu đi phương tiện để trao đổi. Điều này chỉ khả thi vì Argentina căn bản là một nước giàu vốn chưa hoàn toàn bị biến thành nơi sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Cùng lúc đó, nhà nước Argentina bác bỏ những món nợ nước ngoài của mình, tạm thời cắt nước này khỏi hàng nhập khẩu và tăng thêm nhu cầu tự lực địa phương. Tại thời điểm đó, IMF (Quỹ tiền tệ quốc tế) đã nhảy vào với những khoản vay khẩn cấp để khiến cho nước này giữ lại những món nợ của mình trong sổ sách.

Đến năm 2011, chúng ta vẫn sống, nếu không còn trong thời đại bình thường, thì cũng ít ra là trong quán tính của những thói quen của những thời đại đó. Theo đó, đồng tiền địa phương vẫn đối mặt với một cuộc chiến khó khăn, suy yếu mà không có hỗ trợ của chính phủ. Thậm chí tệ hơn là, nhà nước khiến chúng què quặt thông qua luật thuế. Những tiền tệ được nhân dân tạo ra không được chấp nhận khi đóng thuế, nhưng những giao dịch thực hiện bằng những tiền tệ này phải chịu thuế thu nhập và thuế tiêu thụ. Điều đó có nghĩa là thậm chí nếu bạn chỉ hoàn toàn sử dụng tiền địa phương, bạn vẫn phải đóng thuế bằng đồng đô la Mỹ – mặc dù bạn chẳng kiếm được đồng nào![9] Đánh thuế mọi người bằng một tiền tệ mà họ không sử dụng chính là chuyên chế – đó là lý tưởng của cuộc *Cách mạng Mỹ* và là một công cụ chủ chốt của chủ nghĩa thực dân (xem phần thảo luận về "thuế lều" ở Chương 20).

Ở những nơi mà đồng tiền địa phương đã có hiệu quả, hoặc là chúng nhận được hỗ trợ của nhà nước, hoặc là chúng xuất hiện tại những vùng chiến tranh và những trường hợp khắc nghiệt khác. Tại Argentina vào năm 2001-2002 và Hoa Kỳ và Châu Âu trong thời kỳ Khủng hoảng, các chính quyền địa phương thực ra đã tự phát hành tiền tệ. Ngoài ra, tại những nơi đó vào những thời kỳ đó, sản xuất địa phương, nông nghiệp tự cung tự cấp, mạng lưới phân phối và cung ứng địa phương và vốn xã hội địa phương nhìn chung vẫn còn nhiều. Khi đó đồng tiền địa phương có cơ hội thực sự và, không ngạc nhiên lắm, đã kích thích sự thù hằn trong chính quyền trung ương. Trường hợp của Argentina, IMF yêu cầu họ bãi bỏ đồng tiền địa phương như là một điều kiện tiên quyết cho viện trợ.

Dù vậy đi chăng nữa, những nỗ lực của các nhà vận động cho đồng tiền địa phương trong hai mươi năm qua đã không là vô ích. Họ đã tạo ra một mô hình – thực chất là nhiều mô hình có thể áp dụng khi cơn khủng hoảng tiếp theo nổ ra và những gì không tưởng đã trở thành lẽ thường. Họ đang tạo ra một logic mới, một khuôn mẫu mới, tìm ra những nút thắt, góp nhặt thêm kinh nghiệm mà sớm thôi sẽ trở nên cần thiết. Do đó chúng ta hãy cùng xem xét vài loại tiền tệ bổ sung hiện đang được nghiên cứu hiện nay mà có thể đóng một vai trò trong nền kinh tế thiêng liêng đang đến gần.

NHỮNG THÍ NGHIỆM VỀ ĐỒNG TIỀN ĐỊA PHƯƠNG

Tiền tệ đại diện

Loại đồng tiền địa phương đầu tiên tôi sẽ xem xét chính là tiền tệ đại diện đô la (hay euro) như Chiemgauer hay BerkShare. Bạn có thể mua một trăm Berkshare với giá 95 đô và mua hàng hóa với giá đô la bình thường; người bán hàng sau đó đổi 100 đồng BerkShare lấy 95 đô la ở những ngân hàng có tham gia. Bởi vì tính dễ dàng chuyển đổi này, những thương gia sẵn sàng chấp nhận chúng, vì giảm giá 5 phần trăm là đáng với lượng bán buôn có thêm. Tuy nhiên, cũng tính dễ dàng chuyển đổi đó giới hạn sự ảnh hưởng của tiền tệ lên kinh tế địa phương. Về nguyên tắc, những thương gia nhận tiền Berkshare có 5-phần trăm động cơ lấy hàng cung ứng địa phương, nhưng khi không có cơ sở vật chất kinh tế tại địa phương, họ thường sẽ chẳng bận tâm.

Tiền tệ đại diện hầu như chẳng làm gì để hồi sinh những nền kinh tế địa phương hay mở rộng cung tiền địa phương. Chúng đưa ra một dấu hiệu cho mong muốn mua hàng địa phương nhưng lại đưa một khích lệ kinh tế cực kỳ nhỏ để làm điều đó. Vì BerkShares có nguồn gốc là đồng đô la và có thể được chuyển đổi sang đô la, bất kỳ ai tiếp cận được với đồng tiền thứ nhất thì cũng có thể tiếp cận được đồng tiền thứ hai. Đồng tiền tương đương quốc tế có tại những nước áp dụng ủy ban tiền tệ. Chúng ta gọi những nước này là *những nền kinh tế đô-la hóa* vì họ đã đầu hàng trước bất kỳ sự tự lực về tiền tệ nào. Những tiền tệ đại diện như BerkShare hữu ích như một công cụ nâng cao nhận thức để giới thiệu mọi người ý tưởng

về những tiền tệ bổ sung, nhưng bản thân chúng thì lại bất lực trong việc kích thích những nền kinh tế địa phương đầy sức sống.

Tiền tệ định danh bổ sung

Đầy hứa hẹn hơn cả chính là tiền tệ định danh như Ithaca Hours, loại tiền thực sự tăng cung tiền địa phương. Nhiều đồng chứng khoán tạm thời trong thời kỳ Khủng hoảng cũng thuộc vào nhóm này. Về căn bản, ai đó chỉ đơn giản là in tiền và tuyên bố rằng nó có giá trị (ví dụ: một Ithaca Hour được tuyên bố là bằng mười đồng đô la Mỹ). Để nó có thể trở thành tiền, phải có một giao ước xã hội rằng nó có giá trị. Trong trường hợp của Hours, một nhóm doanh nghiệp, được truyền cảm hứng bởi người sáng lập tiền tệ này, Paul Glover, đơn giản đã tuyên bố rằng họ sẽ chấp nhận đồng tiền này, trong thực tế bằng việc hỗ trợ nó bằng hàng hóa và dịch vụ của họ. Trong thời kỳ Khủng hoảng, chứng khoán tạm thời thường được phát hành bởi một doanh nghiệp địa phương trụ cột có thể đổi nó lấy hàng, than đá, hay một mặt hàng khác. Trong các trường hợp khác, chính quyền thành phố phát hành tiền tệ của chính mình, được hỗ trợ bằng khả năng nó có thể được chấp nhận cho thanh toán thuế phí địa phương.

Sự ảnh hưởng của tiền tệ định danh mạnh mẽ hơn nhiều so với tiền đại diện vì tiền định danh có tiềm năng đặt tiền vào tay của những người lẽ ra không có tiền. Nó chỉ sẽ mang tính lạm phát nếu những ai tiếp cận đồng tiền không đưa ra những hàng hóa hay dịch vụ để đổi lại.[10] Trong những thời kỳ cực đoan của nền kinh tế, trường hợp thường thấy chính là có quá nhiều người sẵn sàng làm việc và có nhiều nhu cầu cần được đáp ứng; chỉ có thiếu đồng tiền làm trung gian giữa hai thứ này. Thời kỳ Đại Khủng hoảng đã như thế, và ngày nay cũng đang trở nên như thế. Các đô thị tự trị tên toàn thế giới đang đối mặt với cắt giảm ngân sách nghiêm trọng do thiếu khoản thu thuế, buộc phải trì trệ những công việc bảo trì và sữa chữa quan trọng và thậm chí là sa thải cảnh sát và lính cứu hỏa; trong khi ấy, nhiều người dân có thể làm những việc ấy lại ngồi không và thất nghiệp. Mặc dù hiện tại, những trở ngại về mặt luật pháp đang cản trở, các thành phố có thể và có khả năng sẽ phát hành tem phiếu, có thể được chấp nhận trong việc thanh toán thuế thành phố thay vì đồng đô la Mỹ để có thể thuê người làm những công việc cần thiết. Tại sao không chứ? Nhiều loại thế

dù sao vẫn còn khất lại. Khi chính quyền địa phương là người phát hành, chứng khoán tạm thời dễ dàng mang ý nghĩa của "câu chuyện về giá trị", câu chuyện khiến nó trở thành tiền.

Những tiền tệ như thế thường được gọi là bổ sung vì chúng tách biệt khỏi, và bổ sung cho phương tiện trao đổi tiêu chuẩn. Trong khi chúng thường được định giá bằng đơn vị đô la (hay euro, bảng Anh,…), không có một hội đồng tiền tệ giữ đô la dự trữ để duy trì tỷ giá hối đoái. Vì vậy chúng giống với một tiền tệ pháp định tiêu chuẩn có tỷ giá hối đoái thả nổi.

Vắng mặt sự hỗ trợ của một nhà nước địa phương, vì tiền tệ định danh bổ sung không dễ dàng được chuyển đổi thành đồng đô la, các doanh nghiệp nhìn chung ít sẵn sàng chấp nhận chúng hơn là tiền tệ đại diện. Đó là do trong hệ thống kinh tế hiện tại, có rất ít cơ sở hạ tầng để có thể lấy nguồn hàng cung ứng địa phương. Những doanh nghiệp địa phương được gắn vào cùng những chuỗi cung ứng toàn cầu như mọi người khác. Tái phát triển cơ sở hạ tầng cho sản xuất và phân phối địa phương cần thời gian, cũng như cần một sự thay đổi trong các điều kiện kinh tế vi mô được thúc đẩy bởi quá trình nội bộ hóa chi phí, sự kết thúc của áp lực tăng trưởng, và một quyết định tái địa phương hóa mang tính chính trị và xã hội. Những yếu tố phi kinh tế có thể ảnh hưởng đến đồng thuận xã hội về tiền tệ. Chủ nghĩa lý tưởng của vài người duy trì đồng tiền địa phương ngày này sẽ trở thành sự đồng thuận của nhiều người.

Ngân hàng thời gian

Có một nguồn tài nguyên luôn có sẵn ở địa phương và luôn luôn cần thiết để duy trì và làm giàu sự sống. Tài nguyên ấy chính là con người: sức lao động, năng lượng, và thời gian của họ. Trước đó tôi có nói rằng đồng tiền địa phương chỉ khả thi cho đến khi nào những nhà sản xuất làm ra hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ tại địa phương bởi những người mà chính họ cũng sản xuất những hàng hóa và dịch vụ được tiêu thụ tại địa phương. Ư thì, chúng ta luôn là "những nhà sản xuất" thời gian của chúng ta (chỉ đơn giản là bằng hành động sống), và có nhiều cách dành thời gian này vì lợi ích của người khác. Đó là vì sao tôi tin rằng tiền tệ lấy thời gian làm cơ sở

(thường được gọi là "ngân hàng thời gian") đưa ra một lời hứa hẹn tuyệt vời mà không cần đến những thay đổi to lớn trong cơ sở hạ tầng kinh tế.

Khi ai đó thực hiện một dịch vụ thông qua một ngân hàng thời gian, nó ghi nhận trong tài khoản của anh ấy hay cô ấy một đô thời gian cho mỗi giờ làm và ghi nợ tài khoản người nhận con số tương tự. Thông thường, có một bảng tin điện tử gồm những tin nhắn đề nghị và nhu cầu. Những người không thể chi trả cho dịch vụ của người sửa chữa, chuyên viên massage, bảo mẫu… có thể nhận được sự giúp đỡ từ một người thất nghiệp. Ngân hàng thời gian có xu hướng phát triển mạnh mẽ ở những nơi mà người ta có nhiều thời gian và không có nhiều tiền. Nó đặc biệt gây thu hút trong những địa hạt cần ít chuyên môn mà trong đó thời gian của bất kỳ ai thực chất đều có giá trị như nhau. Một ví dụ điển hình là tiền tệ fureai kippu nổi tiếng ở Nhật Bản, loại tiền tệ ghi nhận cho những người dành thời gian chăm sóc người lớn tuổi. Việc gửi thời gian vào ngân hàng cũng được sử dụng rộng rãi bởi những tổ chức dịch vụ ở châu Mỹ và Anh. Nó cũng có thể được áp dụng cho hàng hóa vật lý, điển hình là bằng cách tính giá một đồng đô la cho hàng hóa và một đồng đô la thời gian cho thời gian.

Trong xã hội hạt nhân hóa (atomized society) của chúng ta, những phương pháp truyền thống để biết những ai có những gì để trao tặng đã bị hỏng rồi, và các phương tiện thương mại để lan tỏa thông tin này (như quảng cáo) chỉ có thể được tiếp cận bằng tiền. Ngân hàng thời gian kết nối những cá nhân vốn dĩ sẽ thờ ơ trước nhu cầu và những món quà mà mỗi người có thể trao đi. Như cách một người sử dụng ngân hàng thời gian đã nói,

> *Mọi người đều có một kỹ năng – đôi khi nó sẽ khiến bạn ngạc nhiên. Một người già không ra ngoài được, không lái xe có thể làm ra những chiếc bánh cưới đẹp đẽ. Một người phụ nữ ngồi trên xe lăn cần ai đó sơn nhà cho mình đã từng huấn luyện chó cảnh sát và giờ đây cung cấp dịch vụ huấn luyện chó con. Một cô giáo về hưu cần ai đó quét lá cho mình thì có một lò nung và đang dạy làm gốm. Một câu hỏi phổ biến khi chúng ta gặp nhau chính là, "Bạn làm gì?" "Bạn cần gì?" hay "Tôi có thể làm gì cho bạn?"*[11]

Ngoài việc đáp ứng nhu cầu tức thì, bạn có thể thấy sức mạnh tái tạo cộng đồng của ngân hàng thời gian thông qua lời kể này. Nó tạo ra một sức bật xã hội và kinh tế có thể duy trì sự sống trong những giai đoạn biến động. Khi tiền sụp đổ, quan trọng là phải có những cơ chế khác để đáp ứng nhu cầu của con người.

Ý tưởng cơ bản đằng sau ngân hàng thời gian mang tính bình đẳng sâu sắc vì thời gian của mọi người được định giá bằng nhau và cũng vì mọi người khởi đầu bằng một lượng thời gian giống nhau.

Nếu có một thứ mà chúng ta được nói rằng chúng ta thực sự sở hữu, đó chính là thời gian của chúng ta. Khác với bất kỳ vật sở hữu nào khác, miễn là chúng ta còn sống, thì thời gian của ta không thể nào tách rời khỏi ta. Lựa chọn sử dụng thời gian của chúng ta như thế nào chính là lựa chọn chúng ta sống cuộc đời như thế nào. Và dù ai đó giàu có tiền bạc ra sao, mua thêm thời gian là điều không thể. Tiền có thể mua cho bạn một cuộc phẫu thuật cứu lấy mạng sống của bạn, kéo dài tuổi thọ của bạn, nhưng nó không đảm bảo một cuộc sống dài lâu; cũng như vậy, nó không thể mua thêm hai mươi tư giờ trải nghiệm mỗi ngày. Về mặt này chúng ta là bình đẳng, một hệ thống tiền tệ nhận ra sự bình đẳng này thì hấp dẫn một cách đầy trực giác.

Khi tiền tệ dựa trên thời gian thay thế những giao dịch bằng tiền, nó trở thành một lực cân bằng mạnh mẽ trong xã hội. Nguy cơ chính là tiền tệ thời gian kết cục cũng có thể chuyển một hoạt động vốn có nền tảng là quà tặng vào địa hạt được định lượng hóa. Tương lai, có lẽ, thuộc về những phương thức kết nối những món quà với nhu cầu một cách phi tiền tệ, phi định lượng hóa. Dù gì đi chăng nữa, ít ra là một thời gian dài nữa, ngân hàng thời gian vẫn có một vai trò quan trọng việc chữa lành những cộng đồng địa phương bị phân mảnh của chúng ta.

ĐÒI LẠI TÀI SẢN TÍN DỤNG CHUNG

Một cách khác để thúc đẩy tính tự chủ kinh tế và đồng tiền địa phương chính là thông qua hệ thống tín dụng. Khi một cộng đồng kinh tế áp dụng những cơ chế chính thức hoặc phi chính thức để hạn chế việc thâu tóm tín

dụng, và, hệ quả là, hạn chế việc phân phối tiền tệ, nền kinh tế địa phương có thể giữ được sự độc lập của nó cũng như nếu nó tiến hành kiểm soát tiền tệ. Để minh họa điểm này, hãy thử xem xét một phát kiến thường được đề cập đến trong những cuộc thảo luận về tiền tệ bổ sung: những hệ thống tín dụng tương hỗ, bao gồm những nghiệp đoàn trao đổi hàng hóa, các hợp tác xã tín dụng bù trừ (credit-clearing), và các hệ thống giao dịch thương mại địa phương (Local exchange trading systems – LETS). Khi một giao dịch được thực hiện trong một hệ thống tín dụng tương hỗ, tài khoản của người mua được ghi nợ và tài khoản của người bán được ghi nhận số tiền bằng giá bán được thỏa thuận – dù người mua có số dư tài khoản dương hay không. Ví dụ, tôi cắt cỏ cho bạn với giá thỏa thuận là hai mươi tín dụng. Nếu cả hai chúng ta đều khởi đầu bằng 0, giờ đây tôi có số dư +20 và bạn có số dư -20. Sau đó, tôi mua bánh mì ở Thelma mất mười tín dụng. Giờ đây tài khoản của tôi giảm còn +10 và tài khoản của cô ấy cũng có +10.

Kiểu hệ thống này có nhiều ứng dụng. Kịch bản ở trên là một ví dụ cho một hệ thống tín dụng quy mô nhỏ tại địa phương thường được gọi là LETS. Kể từ khi nó thành lập vào năm 1983 bởi Michael Linton, hàng trăm hệ thống LETS đã được đặt nền tảng trên toàn thế giới. Tín dụng tương hỗ cũng có lợi ích tương đương ở cấp độ thương mại. Bất kỳ mạng lưới kinh doanh nào đáp ứng điều kiện cơ bản rằng mỗi doanh nghiệp sản xuất thứ gì đó mà một trong những doanh nghiệp khác cần có thể thiết lập trao đổi hàng hóa thương mại hoặc hợp tác xã tín dụng bù trừ. Thay vì phát hành thương phiếu hay vay mượn ngắn hạn từ ngân hàng, những doanh nghiệp tham gia tạo ra tín dụng của chính họ.

Trong giao dịch trao đổi thương mại, các hãng bán đi hàng tồn kho thừa và công suất chưa được dùng đến, những thứ mà không có thị trường tiền mặt tức thời, cho những hãng khác, để đổi lấy tín dụng thương mại. Người mua tiết kiệm được tiền mặt và người bán tích lũy được tín dụng để sử dụng trong những giao dịch trong tương lai. Không cần một cam kết mang tính lý tưởng nào đối với tiền tệ bổ sung để thúc đẩy các doanh nghiệp tham gia; thực chất, phần lớn giao dịch đánh thuế nặng nề phí quyền thành viên. Ngày nay có chừng sáu trăm thị trường đổi chác thương mại hoạt động trên toàn thế giới, bao gồm khoảng nửa triệu xí nghiệp.[12]

Một phát kiến gần đây hơn chính là nhân tố tương hỗ (mutual factoring), được thai nghén bởi Martin "Hasan" Bramwell. Về cơ bản, doanh nghiệp nhận đơn đặt hàng rất sớm trước khi nhận được thanh toán của những đơn hàng đó. Để thu đủ tiền mặt cần thiết nhằm có thể hoàn thành đơn hàng cho khách, thông thường họ bán giảm giá khoản nợ phải thu (account receivable) cho một đơn vị thứ ba (gọi là nhân tố), như ngân hàng chẳng hạn. Nhân tố tương hỗ bỏ qua hệ thống ngân hàng và cho phép khoản nợ phải thu có thể được dùng như một phương tiện trao đổi lưu động giữa những doanh nghiệp tham gia.

Hệ thống tín dụng tương hỗ thương mại nổi tiếng nhất không nghi ngờ gì nữa chính là hệ thống WIR của Thụy Sĩ, hoạt động từ năm 1934, tự hào có hàng chục nghìn thành viên và lượng giao dịch hơn một tỷ đồng franc Thụy Sĩ. Cho đến năm 2005, lượng giao dịch của nó đã áp đảo khối lượng giao dịch tất cả hệ thống trao đổi thương mại còn lại trên toàn thế giới gộp lại.[13] Theo nhà kinh tế học James Stodder, cả WIR và những thị trường trao đổi thương mại khác áp dụng hiệu ứng trái chu kỳ, cho thấy hoạt động trao đổi nhiều hơn trong những thời kỳ suy giảm kinh tế, một điều ông cho rằng là nhờ vào khả năng tạo ra tín dụng của những hệ thống đó.[14] Điều này chứng minh các hệ thống tiền tệ và tín dụng bổ sung có khả năng che chắn những thành viên khỏi biến động kinh tế vi mô và duy trì nền kinh tế địa phương.

Trong bất kỳ hệ thống tín dụng tương hỗ nào, các thành viên đều có thể tiếp cận đến tín dụng mà không cần đến sự can thiệp của ngân hàng. Thay vì trả tiền để được sử dụng tiền, như trong một hệ thống tín dụng dựa vào lãi suất, tín dụng ở đây là một hàng hóa xã hội miễn phí dành cho tất cả những ai giành được niềm tin của cộng đồng. Về cơ bản, hệ thống tín dụng ngày nay là một ví dụ của việc tư nhân hóa khối tài sản chung mà tôi thảo luận trước đó trong quyển sách này, trong trường hợp này là "nguồn tín dụng chung" – sự đánh giá chung giá trị tín dụng của mỗi thành viên của một cộng đồng. Các hệ thống tín dụng tương hỗ đòi lại nguồn tài sản chung này bằng cách chung sức phát hành tín dụng thay vì cho mục đích lợi nhuận riêng lẻ.

Tín dụng tương hỗ không hẳn là một loại tiền tệ mà là một phương tiện phát hành tiền tệ đó. Trong một hệ thống chi phối, chủ yếu là các ngân hàng cấp quyền tiếp cận tiền tệ bằng cách gia hạn tín dụng. Trong một hệ thống tín dụng tương hỗ, quyền lực này nằm trong tay bản thân những người sử dụng.

Sự phát triển của các hệ thống tín dụng tương hỗ là cực kỳ có ý nghĩa, vì về cơ bản tín dụng đại diện cho sự lựa chọn của một xã hội cho việc ai được tiếp cận tiền và bao nhiêu. Tín dụng tương hỗ thay thế những chức năng truyền thống của ngân hàng. Những người có số dư tín dụng âm đang chịu áp lực xã hội, và áp lực từ chính lương tâm của mình, áp lực phải đưa ra những hàng hóa và dịch vụ sẽ mang tài khoản của họ trở về mức dương. Nhưng tôi chắc rằng bạn có thể thấy một vấn đề tiềm tàng của hệ thống này khi được áp dụng trên quy mô lớn. Điều gì sẽ ngăn ngừa một trong những thành viên có số dư ngày càng âm, nghĩa là được nhận lấy hàng hóa miễn phí? Hệ thống này cần một cách ngăn ngừa điều này và loại bỏ những thành viên lạm dụng nó.

Không có hạn mức số dư âm (negative-balance limits), một tiền tệ tín dụng tương hỗ có thể được tạo ra với số lượng không giới hạn, đơn giản chỉ bằng mong muốn thực hiện một giao dịch. Điều có có vẻ như là một việc tốt, nhưng nó không hiệu quả nếu tiền tệ đó được dùng để trao đổi những hàng hóa khan hiếm.[15] Cuối cùng, tiền đại diện cho một khế ước xã hội về việc làm thế nào để phân phối nhân công và vật chất. Không phải ai cũng tiếp cận đủ tín dụng, ví dụ như, để xây dựng một nhà máy sản xuất chất bán dẫn hàng tỷ đô la hay mua viên kim cương lớn nhất thế giới.

Những hệ thống tín dụng tương hỗ tinh vi hơn có những hạn mức tín dụng linh hoạt dựa trên sự tham gia có uy tín. Hệ thống Giao dịch Toàn cầu (Global Exchange Trading System, GETS; một hệ thống thanh toán bù trừ hàng hóa) và Hệ thống Giao dịch Cộng đồng (Community Exchange System, CES) sử dụng những công thức phức tạp mà trong đó hạn mức tín dụng tăng theo thời gian dựa trên việc một người tham gia vào hệ thống nhiều bao nhiêu hay tốt thế nào. Những người hoàn thành các giao ước về số dư âm trong quá khứ sẽ có một hạn mức tín dụng cao hơn. Công thức này có chức năng giống như cách đánh giá tín dụng thông thường.

Tuy nhiên, thế giới không phải lúc nào cũng tuân theo một công thức. Những loại hình doanh nghiệp khác nhau có những nhu cầu tín dụng khác nhau, và đôi khi những trường hợp ngoại lệ xuất hiện, xứng đáng được tăng hạn mức tín dụng tạm thời. Chúng ta cần một cơ chế để đặt ra những hạn mức này và cấp quyền hay từ chối yêu cầu cấp tín dụng. Việc này cần đến nghiên cứu, sự quen thuộc với ngành nghề và thị trường, và hiểu biết về uy tín và hoàn cảnh của người vay. Nó cũng bao gồm cả những tác động sinh thái và xã hội của việc đầu tư.

Bất cứ đối tượng nào thực hiện chức năng này, dù là một ngân hàng truyền thống, hợp tác xã, hay một cộng đồng P2P, nó cũng phải có một hiểu biết tổng quát về doanh nghiệp và phải sẵn sàng đảm đương trách nhiệm đánh giá doanh nghiệp đó.

Những hình thức ngân hàng P2P mới đối mặt cùng một vấn đề việc quyết định giá trị tín dụng của một vực sâu vô danh trong không gian mạng. Chúng ta có thể tưởng tượng ra một hệ thống mà trong đó một cơ sở dữ liệu kết nối bạn, người đang có 5000 đô muốn cho vay trong sáu tháng, với một người ở xa muốn vay số tiền đó trong sáu tháng. Bạn không biết người đó. Làm thế nào bạn biết cô ta có độ tin cậy tín dụng hay không? Có lẽ một hệ thống đánh giá người dùng như eBay có thể đưa ra giải pháp một phần, nhưng những hệ thống như thế dễ dàng bị trục lợi. Thứ mà bạn thực sự cần là một tổ chức đáng tin cậy hiểu cô ta nhiều hơn bạn để đảm bảo với bạn về độ tin cậy tín dụng của cô ấy. Bạn cho tổ chức ấy mượn tiền của mình, và tổ chức ấy cho cô ta mượn số tiền ấy. Nghe quen thuộc nhỉ? Tổ chức đó được gọi là ngân hàng.

Ngân hàng, cũng như tiền, có một khía cạnh thiêng liêng: một nhân viên ngân hàng là ai đó tìm thấy những cách dùng tiền tốt đẹp. Nếu tôi có nhiều tiền hơn tôi có thể dùng, tôi có thể nói, "Đây này, Cô Chủ Ngân hàng ơi, xin hãy tìm ai đó có thể dùng tốt số tiền này cho đến khi tôi lại cần đến nó." Tiền tệ phân rã được mô tả ở Chương 12, phù hợp với khái niệm ngân hàng có tư lợi này. Nó sẽ tiếp tục là một chức năng cần thiết thậm chí khi "tốt hơn" không còn có nghĩa là "phải gia tăng tài sản cá nhân của tôi."

Dù là bằng đồng thuận xã hội, các công thức, hay quyết định của các chuyên gia hay không, phải có cách nào đó để phân phối tín dụng. Các chức năng của ngân hàng, dù tiềm ẩn hay rõ ràng, sẽ luôn luôn tồn tại. Ngày nay, một tập đoàn ngân hàng đã độc quyền những chức năng này, kiếm lợi không chỉ từ chuyên môn phân bổ tín dụng cho việc có lợi ích nhất mà còn từ sự kiểm soát độc quyền của nó lên tài sản tín dụng chung trước đó. Cuối cùng, một hệ thống ngân hàng mới có thể trỗi dậy từ đáy, bắt đầu với những hợp tác xã tín dụng tương hỗ nhỏ lẻ thiết lập các giao kèo thương mại với nhau. Khả năng chuyển đổi giữa các hệ thống tín dụng tương hỗ khác nhau là một chủ đề nóng hổi trong lĩnh vực này, với những bản mẫu được phát triển bởi CES và Sáng kiến Siêu Tiền tệ (Metacurrency Initiative).[16] Thử thách chính là tạo cân bằng giữa khả năng chuyển đổi, để tạo điều kiện cho thương mại đường dài, và việc bảo vệ kinh tế nội bộ của các thành viên khỏi sự săn mồi bên ngoài hoặc các cú sốc tài chính. Những thứ này căn bản chính là những vấn đề tương tự mà các tiền tệ pháp định đối mặt ngày nay. Các hệ thống tín dụng tương hỗ phục hồi các chức năng ngân hàng cho một cộng đồng địa phương, một doanh nghiệp, hay một đơn vị hợp tác xã. Chúng thúc đẩy và bảo vệ nên kinh tế nội bộ của các thành viên, bảo vệ hệ thống khỏi các cú sốc bên ngoài và sự săn đuổi tài chính cũng bằng cách mà các đồng tiền địa phương áp dụng. Thực chất, các đồng tiền địa phương sẽ không bao giờ có thể mở rộng vượt ra khỏi địa vị bên lề trừ khi chúng có một cơ chế tín dụng bảo vệ chúng khỏi những vụ đầu cơ tích trữ mà nhiều tiền tệ quốc gia đã chịu thiệt trong hai mươi năm qua. Các tổ chức thanh toán bù trừ địa phương và khu vực có thể thực hành các chức năng kiểm soát vốn tương tự như cách mà các quốc gia khôn ngoan hơn áp đặt khi phát triển nền kinh tế nước họ thông qua thay thế nhập khẩu. Hệ thống tín dụng tương hỗ nổi tiếng nhất, WIR của Thụy Sĩ, đưa ra một mô hình tuyệt vời cho nguyên lý này: một khi bạn đã mua vào, bạn không được phép rút tiền. Ở cấp độ địa phương, cách này sẽ buộc các nhà đầu tư nước ngoài lấy nguồn cung ứng phụ kiện tại địa phương. Những biện pháp tương tự nhưng ít cực đoan hơn được áp dụng bởi Đài Loan, Nhật Bản, Singapore, và Hàn Quốc trong những năm 1950 và 1960 khi những nước này hạn chế các công ty nước ngoài chuyển lợi nhuận ra ngoài nước.

Một trong những "hàng nhập khẩu" mà các chính quyền khu vực và địa phương có thể thay thế chính là bản thân tín dụng. Những quốc gia châu Á được đề cập ở trên cũng đã làm điều này, giữ cho ngành ngân hàng nằm ngoài phạm vi cho phép đối với các ngân hàng nước ngoài thông qua các chính sách quốc gia và rào cản văn hóa không chính thức. Ở cấp độ khu vực hay địa phương, và thậm chí không cần có một đồng tiền địa phương, các nhà nước có thể thay thế tín dụng ngoại sinh bằng cách vận hành các ngân hàng công của chính họ.[17] Nếu chúng ta phải trả tiền cho tín dụng, vậy thì chẳng phải khoản thanh toán đó nên ở lại với kinh tế địa phương sao? Ngày nay, chính quyền trung ương và địa phương gửi tiền thuế thu được tại các ngân hàng đa quốc gia, những ngân hàng sẽ cho vay số tiền đó cho bất kỳ nơi nào mà từ đó họ có thể sinh lợi nhiều nhất; thực chất, trong một kỷ nguyên sáp nhập ngân hàng, các ngân hàng không có nhiều lựa chọn, vì các ngân hàng địa phương đã được sáp nhập vào những ngân hàng lớn hơn. Các ngân hàng thuộc về nhà nước, ví dụ như Ngân hàng Bắc Dakota, có thể cho vay tại địa phương, những dự án tài chính địa phương mà không cần phải phát hành nợ lãi suất cao tại thị trường trái phiếu, tạo ra hiệu ứng trái chu kỳ bằng việc cho vay trong các giai đoạn thắt chặt tín dụng, và giữ lợi nhuận ngân hàng tại địa phương thay vì xuất khẩu chúng đến Phố Wall. Những ngân hàng công không cần thiết bị thúc đẩy bởi lợi nhuận, và bất kỳ lợi nhuận họ tạo ra có thể được trở về chủ của chúng, nhân dân, vì thế sẽ khôi phục lại nguồn tín dụng chung. Những lợi thế này vẫn còn phù hợp thậm chí trong hệ thống tiền tệ hiện tại.

Ở cấp độ quốc gia, các hoạt động ngân hàng công không khác mấy với quyền lực phát hành tiền, một quyền lực mà Hoa Kỳ (và phần lớn các quốc gia khác) đã thoái bỏ và đưa cho một tổ chức tư nhân, Cục dự trữ Liên Bang. Nhưng trên lý thuyết, cục này có thể tự thành lập ngân hàng của riêng mình và cho chính mình vay tiền, căn bản chính là in tiền ở lãi suất zero hay âm. Hoặc nó có thể bỏ qua hệ thống ngân hàng và trực tiếp tạo ra tiền, như trong Hiến pháp cho phép và ban hành trong Nội Chiến.[18] Những đề xuất tiền tệ được vạch ra trong Chương 11 sẽ khiến các chính quyền địa phương có thể làm điều tương tự, phát hành tiền "chống lưng" bởi khối tài sản chung của vùng sinh học dưới quyền quản lý của họ. Cuối cùng, các phân mảnh chính trị có thể chuyển dịch tới một sự đồng điệu lớn hơn với

các khu vực văn hóa và sinh học. Các nhà nước khu vực sẽ có nhiều tự chủ hơn ngày nay khi họ có quyền lực phát hành tiền của chính mình.

Quyết định phân bổ vốn ở quy mô lớn vượt ra phạm vi của một quyết định kinh tế; đó là một quyết định mang tính chính trị và xã hội. Thậm chí trong xã hội tư bản chủ nghĩa ngày nay, những quyết định đầu tư lớn nhất không phải luôn được dựa trên những cân nhắc về lợi ích kinh doanh.[19] Đưa một người lên mặt trăng, xây dựng hệ thống đường cao tốc, và duy trì lực lượng vũ trang đều là những đầu tư công không đòi hỏi đến hoàn vốn dương. Mặc dù vậy, trong lĩnh vực tư nhân, lợi nhuận của ngân hàng quyết định sự phân bổ vốn, cũng là sự phân bổ nhân công, sức sáng tạo, và tài nguyên của trái đất. Chúng ta, nhân loại, nên làm gì trên trái đất này? Sự lựa chọn tập thể này là một tài sản chung đã được tư nhân hóa và sẽ được khôi phục lại cho tất cả chúng ta trong một nền kinh tế thiêng liêng. Điều đó không có nghĩa là loại bỏ những quyết định đầu tư khỏi lĩnh vực tư nhân, mà đúng hơn là thay đổi bản chất của tín dụng để tiền đến với những ai phục vụ cho lợi ích sinh thái và xã hội.

Sự đặt lại tài sản tín dụng chung sẽ được tiến hành dưới nhiều hình thức: vay P2P (được miêu tả trong chương trước), các hệ thống tín dụng tương hỗ, các liên minh tín dụng và các ngân hàng hợp tác xã, ngân hàng công, và những kiểu ngân hàng cải tiến mới như ngân hàng J.A.K Bank của Thụy Điển. Bằng những cách khác nhau, những hệ thống này mang quyền lực tiền tệ và tín dụng trở về với người dân, dù được dàn xếp thông qua các cấu trúc P2P của dân thường như trong các hệ thống tín dụng tương hỗ, hoặc thông qua các thiết chế được cấu thành một cách chính trị như các ngân hàng công. Và vì chủ quyền chính trị chẳng đáng giá là bao nếu vắng đi chủ quyền tiền tệ, tái khẳng định kiểm soát của địa phương, khu vực, và quốc gia lên tín dụng là một con đường quan trọng dẫn đến quá trì tái địa phương hóa kinh tế, văn hóa, và đời sống.

CHƯƠNG 16:
CHUYỂN TIẾP ĐẾN NỀN KINH TẾ QUÀ TẶNG

Vấn đề của nền kinh tế hiện đại không nằm ở thất bại của tri thức kinh tế học; nó là một sự thất bại của tri thức lịch sử.

– John Kenneth Galbraith

Những hệ thống giao dịch mới mà chúng ta đang khám phá xóa mờ ranh giới giữa địa hạt tiền tệ và phi tiền tệ và vì vậy xóa mờ định nghĩa tiêu chuẩn của một "nền kinh tế." Thực vậy, một nền kinh tế là gì? Bên dưới sự phù du của đồng tiền – những mảnh giấy, những bit nằm trong máy tính – cái gì thay đổi khi nền kinh tế tăng tưởng hay co lại? Chúng ta sẽ đo đạc nó mà không có một đơn vị tính chung như thế nào? Cuối cùng, thứ mà kinh tế học cố gắng đo đếm, bên dưới đồng tiền, chính là tổng số tất cả những gì con người làm và tạo ra cho lẫn nhau.

Việc chúng ta thậm chí nên cố gắng đo đếm tất cả điều này thì hơi lạ lùng. Tôi đã đưa ra những lời phê bình thận trọng đến đối tượng đắt giá của phương trình tiền tệ trong kinh tế học bằng hàng hóa. Tuy nhiên, những phép do sự phát triển kinh tế khác như chỉ số tiến bộ thực sự (GPI), hay chỉ số hạnh phúc quốc gia đều có những vấn đề giống nhau ở cấp độ tinh tế hơn. Dĩ nhiên những phép đo đó là một sự cải tiến so với GDP vì chúng không còn xem những thứ như nhà tù và lực lượng vũ trang là các yếu tố góp phần tích cực vào sự giàu có, và chúng thêm vào sức khỏe kinh tế những thứ như *thời gian nhàn rỗi*. Không chỉ vậy, chúng vẫn còn cho rằng chúng ta có thể và nên định lượng hóa hàng hóa, và để làm điều đó, chúng ta phải chuyển đổi tất cả mọi thứ thành một đơn vị đo tiêu chuẩn.

Tiền và thước đo thực chất đan xen mật thiết lẫn nhau. Tiền, thực chất, có nguồn gốc là một đơn vị đo lường: số lượng hàng hóa được tiêu chuẩn hóa và sau đó là kim loại được tiêu chuẩn hóa. Thời đại tiền tệ xảy ra đồng thời

với chương trình chủ nghĩa quy giản và tính khách quan, thông qua khoa học để được đạt lấy quyền làm chủ thế giới. Như chúng ta ngụ ý rằng, thứ gì đo đạc được thì có thể khống chế được, khi ta tuyên bố đã đo đạc được con người. Những gì không đo lường được thì bị loại khỏi khoa học – "hãy vứt nó vào đống lửa," Hume nói – và cũng bị loại bỏ khỏi kinh tế học nữa. Vì thế mới diễn ra chuyện là mức sống đã đi trệch khỏi chất lượng sống. Thứ đầu tiên có thể được định lượng hóa; còn thứ sau thì không.

Trong tất cả những thứ mà con người làm và tạo ra cho nhau, chính những thứ không định lượng được mới đóng góp nhiều nhất cho hạnh phúc của con người. Ví dụ, bạn có thể định lượng thời gian nhàn rỗi và gán cho nó một giá trị bằng đô la để tính toán phúc lợi của một xã hội, nhưng thời gian nhàn rỗi đó được sử dụng như thế nào? Nó có thể được dành để đắm chìm trong một cơn nghiện, để tiêu khiển ngớ ngẩn, để thân mật với một người khác, hay để kể chuyện cho trẻ con. Và thậm chí nếu bằng cách nào đó chúng ta có thể giải thích những khác biệt này, chúng ta có thể định lượng được ai đó có mặt tại khoảnh khắc hiện tại khi họ kể những câu chuyện đó không? Chúng ta có thể định lượng được ai đó lo lắng thế nào khi làm việc không? Nếu chính sách công được dẫn đường bởi sự tối đa hóa một định lượng – GPD hay một đơn vị nào khác – những thứ quan trọng nhất chắc chắn sẽ bị bỏ sót.

Các nhu cầu có thể định lượng được thì cũng có hạn – đây chính là một lý do khác để hoài nghi một hệ thống tiền tệ dựa trên tăng trưởng không giới hạn của những nhu cầu hữu hạn đối với những nguồn tài nguyên hữu hạn. Các nhu cầu định tính thì khác: chúng không thể định lượng được cũng không hữu hạn. Chính trong địa hạt này mà hệ tư tưởng Thăng tiến tìm thấy động lực tâm linh đích thực của nó. Tăng trưởng, trên một mức độ nào đó, có thể kết thúc – tăng trưởng của địa hạt tiền tệ, tăng tưởng của sự chiếm đoạt tự nhiên của chúng ta – nhưng một loại phát triển khác sẽ tiếp tục: sự tăng trưởng tinh thần của loài người với nhu cầu cái đẹp, tình yêu, sự kết nối, và kiến thức vô hạn của nó. Một tương lai tăng trưởng bằng không sẽ không phải là một tương lai trì trệ, không khác gì so với cuộc đời con người bắt đầu chậm lại khi một thiếu niên cao thêm một phân cuối cùng ở tuổi mười sáu.

Tiền, tạo điều kiện đáp ứng những nhu cầu có thể định lượng của chúng ta, sẽ có một chỗ đứng trong cuộc sống loài người trong nhiều thế kỷ tới. Tuy vậy, nó sẽ giữ một vai thu nhỏ đi, như tôi đã mô tả trong chương về giảm tăng trưởng. Thay vì ám ảnh đáp ứng và đáp ứng quá mức những nhu cầu hữu hạn của chúng ta đến mức độ phì đại ghê gớm hiện nay, chúng ta sẽ chuyển hướng năng lượng của chúng ta đến những nhu cầu định tính chưa được đáp ứng mà ngày nay đang khiến chúng ta nghèo nàn thế nào.

Để đáp ứng những nhu cầu không thể định lượng của chúng ta, chúng ta cần sự lưu thông phi tiền tệ. Khi những thứ định tính ngang hàng với định lượng, vô hạn ngang hàng với hữu hạn, thì cái trước sẽ giảm giá trị. Sự trao đổi sắc đẹp vì tiền, sự thân mật vì tiền, sự chú ý vì tiền – đều sặc mùi mại dâm. Sự chán ghét của người nghệ sĩ đối với thế giới thương mại không chỉ là một chủ nghĩa vị kỷ nói rằng anh ta đứng trên tất cả. Khi tiền cố mua được cái đẹp, tình yêu, kiến thức, mối quan hệ, và nhiều nữa, một là người mua nhận lấy hàng giả mạo, còn không thì người bán, sau khi đã bán thứ quý giá vô hạn lấy một khoản tiền hữu hạn, đã bị lợi dụng. Nó chỉ đơn giản thế thôi; như cách The Beatles hát, *"Tiền không thể mua tình yêu cho bạn."*

Đó là lý do chúng ta cần những cách khác để cho các món quà của chúng ta có thể lưu thông. Mặc dù vậy, vấn đề trở nên phức tạp bởi thực tế rằng những thứ có thể định lượng thường là phương tiện cho những thứ không thể định lượng. Tôi không ủng hộ việc có hai địa hạt riêng rẽ, tiền tệ và quà tặng, mà đúng hơn là một hệ thống bao gồm cả hai mà trong đó tiền có những đặc tính của quà tặng và cơ cấu hòa giải của trao tặng sẽ đảm nhận vai trò của tiền.

Dù có tiền hay không, vấn đề nền tảng của nền kinh tế – những gì con người làm và tạo ra cho lẫn nhau – là những thứ sau: (1) làm thế nào để kết nối người cho một món quà với người cần món quà ấy; (2) làm thế nào để công nhận và vinh danh những người hào phóng cho đi những món quà của họ; (3) làm thế nào để điều phối những món quà của nhiều người ở bất kể địa điểm và thời gian nào để tạo ra những thứ vượt trên nhu cầu hay món quà của bất kỳ cá nhân nào. Mặc dù có thể không hiển nhiên, những mục tiêu này gần như tương ứng với ba chức năng chính của tiền: phương tiện trao đổi, đơn vị đo lường giá trị, và phương tiện tích lũy.

Ngày nay, nhiều phương pháp bán tiền tệ và phi tiền tệ để đạt được ba mục tiêu này đang xuất hiện. Trong thế giới phần mềm nguồn mở, ví dụ như, công nghệ P2P cho phép một cộng đồng các lập trình viên hình dung ra những dự án, phối hợp cái tài năng, và công nhân sự đóng góp của các thành viên, tất cả đều không dùng đến tiền. Một cách nào đó, sự kính mến của đồng nghiệp, dựa trên chất lượng và số lượng của những đóng góp trước đó, là một dạng "tiền tệ" cho phép vài thành viên tạo ra sức ảnh hưởng lớn hơn lên quyết định của nhóm hơn những thành viên khác. Mặc dù vậy, tiền tệ này không được định lượng; nó cũng không thể định lượng mà không mất đi một chút thuộc tính nào đó. Chúng ta có thể quy giản sự kính mến và uy tín thành một con số, nhưng chúng ta hãy nhận ra rằng đây thực chất là một sự quy giản. Cũng như khi những bản ghi âm analog được chuyển thành các định dạng số, một điều gì đó của sự ấm áp, tính nhân văn, và sự vô hạn của bản gốc đã mất đi.

Nhiều hệ thống trực tuyến quả thực có chuyển đổi danh tiếng và sự đóng góp thành một con số. Hệ thống đánh giá người dùng của những trang web như Amazon và eBay là một loại bán tiền tệ như vậy. Người dùng không chỉ có thể đánh giá và bình luận sản phẩm, họ cũng có thể đánh giá chính những đánh giá của nhau, tạo nên một hệ thống tự quản. Thứ về cơ bản là một nền kinh tế quà tặng (không ai nhận được bất kỳ phần thưởng trực tiếp nào cho việc viết phê bình) là những cơ cấu đang phát triển, những cơ cấu tương đương với các chức năng điều đình trung gian của tiền.

Timothy Wilken, một bác sĩ y khoa, nhà triết học, và nhà vận động kinh tế học trao tặng, đã phát triển ý tưởng này thêm một bước xa hơn trong hệ thống GIFTegrity (trao tặng trung thực) của ông ấy, hiện đang thử nghiệm. Nó yêu cầu mỗi thành viên cung cấp một danh sách liệt kê những thứ anh ấy hay cô ấy muốn cho đi và nhận lại. Người nhận của một món quà đánh giá giao dịch đó, và các mức đánh giá này quyết định thứ tự mà những người nhận tiềm năng cho những món quà của một ai đó sẽ được liệt kê ra. Nếu bạn cho rất nhiều, tên của bạn sẽ ở gần trên cùng khi ai đó tìm kiếm một người nhận món quà mà anh ấy muốn trao tặng. Nếu sau đó bạn nhận món quà, thứ hạng của bạn sẽ rớt xuống một chút để phản ánh rằng việc bạn cho đi và nhận đã tiến gần hơn về điểm cân bằng. Những điểm xếp hạng này có chức năng rất giống tiền.

Trong một cộng đồng truyền thống, không cần có một hệ thống xếp hạng như thế này, vì việc cho đi và nhu cầu của mỗi thành viên là tri thức thông thường. Những hệ thống như GIFTegrity dường như đang đưa ra khả năng đem các mối quan hệ trao tặng đến một địa hạt rộng lớn hơn. Nhưng thay vì loại trừ nhu cầu tiền tệ, chúng tái tạo nhu cầu đó, mặc dù dưới dạng một thứ gì đó gần hơn với bản chất nguyên thủy của nó là một biểu hiện của lòng biết ơn. Hệ thống xếp hạng trong GIFTegrity và những hệ thống tương tự *chính là* tiền. Bạn nhận được điểm khi cho đi; bạn giảm điểm khi nhận quà. Những hệ thống như thế cũng có sự hạn chế nền tảng của tiền, trong nó những thứ định tính kháng lại sự định lượng trên quy mô tuyến tính. Dĩ nhiên, chúng tốt hơn tiền tệ dựa trên cho vay nặng lãi; nhưng lựa chọn mang tính kỹ trị này, dù có thông minh thế nào, lại không đề cập đến những gì đã mất đi trong sự định lượng thế giới của chúng ta. Chúng ta muốn hồi phục cái vô hạn. Xếp hạng và điểm số không đáp ứng nhu sâu xa của chúng ta cho các mối liên hệ cá nhân, lòng biết ơn, và các câu chuyện đa chiều đã lưu hành trong văn hóa trao tặng.

Tôi có đang mâu thuẫn chính mình khi nói rằng tiền có nguồn gốc là một biểu thị của lòng biết ơn và tiền có nguồn gốc là một đơn vị đo không? Tiền chứa đựng bên trong nó hai tinh thần ngay từ thủa ban sơ. Nó vừa là một sự mở rộng của kinh tế quà tặng (thứ đã từng gần như là tất cả khi ấy) vào bên trong địa hạt của xã hội đại chúng và vừa là một cuộc xâm nhập của đo lường, tính toán, ghi chép, và kiểm soát vào bên trong sự hào phóng nguyên sơ của tinh thần trao tặng. Nhưng trong lúc nói về tiền như một biểu thị của lòng biết ơn tôi cũng sử dụng từ "bắt nguồn" với nghĩa phi phổ thông, ngụ ý đến một nguồn gốc không phải theo thời gian, do thiếu một từ thích hợp hơn, mà từ trí tuệ của Chúa. Tôi đang ngụ ý đến nguồn gốc mục đích luận của tiền, mục đích mà nó đến tồn tại trong thế giới này.

Chức năng đo lường của tiền cũng có một phiên bản tương ứng trong kinh tế học quà tặng vì mặc dù các món quà không kèm theo một kỳ vọng nhất định về việc đáp lại, chúng vẫn diễn ra bình thường trong tầm quan sát của cộng đồng. Hành động trao tặng ẩn danh mà chúng ta nâng lên thành xếp hạng cao nhất của sự hào phóng có một vai trò nhỏ trong văn hóa trao tặng trong quá khứ và hiện tại. Các cộng đồng nhìn chung nhận thức nhu cầu, các món quà, và mức độ hào phóng của các thành viên. Tiền thay thế đi

nhận thức này: trên lý thuyết, ít ra, nó ban tặng quyền lợi công nhận xã hội cho những người đóng góp. Trên thực tế, phạm vi công nhận những đóng góp đã được hạn chế thành sự đóng góp cho sự "tiến lên" của nhân loại, sự phát triển của thế giới loài người. Nhưng thậm chí với tiền tệ giảm phát triển, vấn đề sâu xa hơn vẫn là tiền, về bản chất, chỉ có thể vận hành trong địa hạt của những thứ có thể định lượng được. Chúng ta đối mặt với câu hỏi làm thế nào để hỗ trợ dòng chảy của những thứ phi định lượng trên khắp khoảng cách xã hội của xã hội quần chúng. Trong hàng trăm hàng nghìn năm loài người tồn tại, đây là một vấn đề mới.

Có lẽ chúng ta có thể bắt đầu tái xây dựng nền kinh tế quà tặng từ những bước đầu tiên. Ngày nay, tiền đã kiểm soát ngay cả trên quy mô nhỏ, nơi mà sự đồng thuận không chính thức và việc xã hội chứng thực sự hào phóng có thể thúc đẩy ba chức năng kết nối, vinh danh, và phối hợp những món quà đã được đề cập ở trên. Khi càng nhiều người nhận ra sự nghèo nàn xã hội của việc chuyển đổi quan hệ thành tiền và khi hệ thống tiền tệ tự sụp đổ, người ta sẽ tìm thấy cách phục hồi lại những chức năng này. Một trong những hệ thống yêu thích của tôi là Vòng tròn Quà tặng, phát triển bởi Alpha Lo và hiện đang tự nhân lên khắp cả nước. Trong cuộc hội họp hàng tuần này, những người tham gia nói ra một hay vài thứ họ muốn cho đi và một hay nhiều thức thứ họ muốn được nhận. Thường thì, có vẻ như một sự đồng bộ kỳ diệu giữa muốn và cần hiện rõ ràng. "Bạn cần một cây nghiền khoai tây ư? Chúng tôi có ba chiếc đây." Hay, "Bạn cần ai chở đến sân bay vào thứ Sáu ư? Chồng của tôi cũng bay vào hôm ấy." Chứng kiến sự hào phóng của người khác, dần dà các thành viên cảm thấy càng thoải mái hơn khi yêu cầu và trao tặng người khác trong vòng tròn. Chỉ cần gọi một cuộc điện thoại là sự giúp đỡ sẽ xuất hiện. Nếu, trong tuần, ai đó giúp một người khác sửa xe ô-tô của cô ta, thì cô ấy có thể kể lại món quà này trong vòng tròn tiếp theo để món quà này được chứng thực. Ý thức cộng đồng lớn lên cùng với sự nhận biết rằng nếu bạn cho đi, bạn sẽ được biết đến là một người trao tặng, và đổi lại mọi người sẽ mong muốn được trao tặng cho bạn.

Một cách khác để đạt được điều tương tự chính là sử dụng một trang web để tặng những món quà, yêu cầu, và ghi lại những gì đã được cho đi. Khi việc này được thực hiện trên quy mô lớn, phương tiện đáp ứng những chức

năng này càng lúc càng giống tiền. Không có sự quen thuộc với những gì được cho và nhận, vài phương tiện tiêu chuẩn hóa trở nên cần thiết. Mặc dù vậy, trên quy mô nhỏ, đơn thuần chứng kiến dòng chảy quà tặng, dù trực tiếp hay thông qua chất liệu những câu chuyện kể, đã đủ rồi. Không có sự chứng thực đó, các món quà trở nên ít hiệu lực hơn trong việc tạo ra cộng đồng. Đây là khiếm khuyết của những hệ thống như Freecycling và Craiglist (mặc cho sự thật rằng người ta sử dụng những hệ thống này xác nhận sự hào phóng bẩm sinh của chúng ta). Những hệ thống mới hơn như Giftflow, Neighborgoods, Shareable, GIFTegrity, và nhiều nữa đã nhận ra và bù đắp lỗ hổng này.

Hãy để ý rằng tất cả những gì tôi miêu tả cho đến nay đều tăng tốc sự giảm phát kinh tế. Khi chúng ta cho nhau quá giang đến sân bay thay vì thuê taxi, khi chúng ta chia sẻ dụng cụ máy móc thay vì mua những chiếc mới, hay khi chúng ta cho đi chiếc máy nghiền khoai tây không dùng đến, chúng ta giảm đi nhu cầu tiêu dùng và giảm tăng trưởng kinh tế. Địa hạt tiền tệ co lại đẩy nhanh sự tan rã của chế độ cũ và chuyển dịch đến nền kinh tế ổn định. Nó cũng khiến cho sự chuyển giao ít đáng sợ hơn. Khi chúng ta nương náu trong những cộng đồng trao tặng vinh danh và đền đáp lại sự hào phóng thì chúng ta ít lệ thuộc vào tiền hơn và ít gắn liền nó với sự sống còn hơn.

Ý tưởng Vòng tròn trao tặng có thể mở rộng quy mô vượt ra khỏi cấp độ cộng đồng nơi mà người ta biết lẫn nhau trực tiếp hay gián tiếp? Về lâu dài, chúng ta có thể tưởng tượng ra một xã hội trao tặng phi tiền tệ dựa trên mô hình "vòng tròn của những vòng tròn." Có vẻ như tiền là cần thiết trong sự phối hợp lao động toàn cầu, nhưng nếu chúng ta nhìn vào sự phối hợp toàn cầu này rõ hơn, số người thực sự mà bất kỳ mỗi một người nào tương tác thì không nhiều. Khi có hơn vài trăm người phải hợp tác để sản xuất ra thứ gì đó, toàn bộ cộng đồng sản xuất tự nhiên sẽ phân rã thành những cộng đồng con và những cộng đồng con của cộng đồng con, đến một mức độ mà kinh tế quà tặng có hiệu quả. Người trong mỗi vòng tròn có thể trao tặng lẫn nhau, và mỗi vòng tròn dưới hình thức là một thực thể thống nhất, có thể trao tặng những vòng tròn khác trong vòng tròn lớn hơn của nó, và mỗi vòng tròn lớn hơn này trao tặng những vòng tròn của vòng tròn khác.

Viễn cảnh này đòi hỏi sự cải tổ xã hội mang tính nền tảng: từ dưới lên, đồng đẳng, tự sinh, tự tổ chức.

Trong một tổ chức của con người và vì con người mà chúng ta gọi là xã hội, tiền giống như một phân tử báo hiệu điều khiển các nguồn tài nguyên đến nơi cần đến chúng. Nó dàn xếp các mối quan hệ kinh tế giữa các bộ phận rời rạc xa nhau của cơ thể tập thể của chúng ta. Nó là một trong nhiều hệ thống mang tính biểu tượng và phối hợp các "nội tạng" của ta: nhà nước, thể chế, và tổ chức đủ thể loại. Đáng tiếc thay, tiền chỉ truyền tải được những loại thông tin nhất định (phần lớn về các món quà, nhu cầu, và khao khát có thể định lượng). Vì vậy, để có sức khỏe, chúng ta cần những cách khác để tổ chức và phối hợp hoạt động của con người.

Ngày nay có một sự bùng nổ phát kiến trong việc tạo ra những phương thức hợp tác và quyền sở hữu phi tập trung hóa, phi cấp bậc. Các phương thức này là một loại cơ chế con của vòng tròn-trong-vòng tròn kinh tế quà tặng của tương lai. Một đầu bảo thủ hơn của danh sách này là những công ty do nhân viên làm chủ với những cơ cấu quản lý truyền thống, trong số đó có vài trăm công ty quy mô vừa và lớn tại Hoa Kỳ. Cấp tiến hơn thì có những doanh nghiệp sử dụng các phương thức dân chủ hay hợp tác hóa để quản lý công ty: các tập thể và hợp tác xã. Có lẽ nổi bật nhất trong số này chính là Hợp tác xã Mondragon ở Tây Ban Nha, bao gồm 250 công ty và 90.000 nhân viên và chủ doanh nghiệp, khiến nó trở thành một trong những công ty lớn nhất Tây Ban Nha. Thành lập trong thời kỳ cai trị của nhà độc tài phát xít Franco, bằng cách nào đó nó có thể dứt khoát đi theo và đại diện cho nguyên tắc "chủ quyền lao động" và những giá trị các của nền dân chủ tham quyết. Tôi sẽ để cho độc giả tìm hiểu thêm về tổ chức kinh doanh cực kỳ thú vị này, một tiên phong trong quản lý tham quyết và quyền sở hữu hợp tác xã.

Trong lúc tạo ra những phương thức quản lý mới để có thể thích nghi những thứ không thể định lượng, chúng ta chỉ vừa tiến vào *thời kỳ thực nghiệm*. Nhiều trong số những thí nghiệm này đã thất bại và sẽ thất bại, ví dụ như khối Cộng sản với sự tập thể hóa ép buộc được quản lý từ trung tâm bởi các công chức viên. Không khi ngờ gì nữa nhiều hình thức hợp tác

mới sẽ xuất hiện khi chúng ta tiêu hóa những bài học của quá khứ và những thử nghiệm trong hiện tại.[1]

Những đề xuất về tiền mà tôi bày ra trong quyển sách này sẽ khuyến khích những cơ cấu quyền sở hữu và quản lý phi truyền thống. Giống như cách chúng loại bỏ lợi nhuận từ quyền sở hữu bị động tiền, đất đai, và tài sản nói chung, chúng đồng thời ngăn cản việc hưởng lợi từ quyền sở hữu bị động trong các tập đoàn, nơi ngày nay chính là phương tiện quản lý những tài sản đó.

Sự ra đời của các cơ cấu quà tặng hợp tác sẽ thay đổi trải nghiệm về việc làm một cách nền tảng. Ngày nay, quyền lợi của công nhân và chủ thuê về cơ bản là mâu thuẫn nhau. Lợi ích của chủ thuê chính là công nhân phải làm việc tối đa với đồng lương càng thấp càng tốt. Lợi ích của mỗi công nhân chính là làm việc càng ít càng tốt và nhận đồng lương tối đa. Một cơ chế quản lý tốt có thể giảm đi sự đối lập nền tảng này bằng cách trói buộc tiền lương với "thành tích" và bằng cách khơi dậy lòng tự hào nghề nghiệp, sự trung thành, hay tinh thần làm việc nhóm, nhưng mâu thuẫn bên dưới vẫn tồn tại. Công nhân viên thường chỉ nhận thưởng nhờ vào thành công trong chính trị công sở thay vì nhờ vào những đóng góp thật sự, đồng thời chỉ xem "tinh thần đội nhóm" như một loại quan hệ công chúng nội bộ mà mà thôi. "Nếu tất cả chúng ta thực sự tồn tại cùng nhau," họ tự hỏi, "vậy làm thế nào mà tôi có thể bị sa thải bất kỳ khi nào còn những người chủ thì không? Bất kỳ giá trị lâu dài nào tôi tạo ra thì là của họ." Trong thế giới này, bất kỳ người làm thuê nào thực sự đồng cảm với chủ thuê của mình chính là một kẻ lừa dối. Điều này trở nên rõ ràng mỗi khi một công ty cắt giảm hay tinh giản biên chế. "Tôi đã cho các người hai mươi năm cống hiến trung thành; làm thế nào mà các người có thể để tôi đi chứ?" Như cách một giám đốc bảo hiểm giải thích với một nhân viên, "Nếu bạn cần lòng trung thành, hãy kiếm một con chó." Dĩ nhiên, phần lớn các nhà sử dụng lao động đều không sắt đá như thế, nhưng nguyên tắc thị trường đã làm chai cứng một trái tim mềm mỏng.

Xét cho cùng thì, nguyên tắc thị trường sẽ thay đổi. Khi tiền phù hợp với lợi ích sinh thái và xã hội, và khi những cơ cấu mới xuất hiện trao thưởng cho sự đóng góp vào nguồn tài sản chung, những mối quan hệ xoay quanh

công việc sẽ mất đi tinh thần lợi dụng lẫn nhau của mình. Lý do hiện hữu của các tổ chức kinh doanh sẽ chuyển dịch. Các đóng góp cho lợi ích xã hội và hành tinh mà có thể định lượng được sẽ nhận được tiền thưởng và các đóng góp không thể định lượng sẽ tích lũy các phần thưởng bằng địa vị, lòng biết ơn, và thiện chí được trung gian bởi những cơ cấu tượng trưng và xã hội đang nổi lên hiện nay.

Những sáng kiến như thế chính là làn sóng của tương lai. Trong tất cả mọi địa hạt, mô hình tài sản có được từ sở hữu sẽ nhường đường cho mô hình tài sản từ việc cho đi. Ham muốn sở hữu, kiểm soát, chính là ham muốn của các tôi bị chia cắt, cái tôi muốn lợi dụng người khác cho quyền lợi của chính mình, để khai thác tài sản từ thiên nhiên và con người và tất cả những gì là khác. Cái tôi đã được kết nối phát triển mạnh mẽ bằng cách cho đi, bằng cách đóng vai trò của mình hoàn thiện nhất trong sự nuôi dưỡng của thứ phát triển vượt qua chính bản thân nó. Khi chúng ta tiến vào cái tôi đã được kết nối, các cơ chế tổ chức đồng điệu với cái tôi đó sẽ xuất hiện. Chúng căn chỉnh tư lợi cá nhân của cá nhân với lợi ích của xã hội và lợi ích của tổ chức với lợi ích của xã hội và của hành tinh. Khác với những mô hình tập thể cổ điển, chúng cho phép các món quà phi thường của cá nhân được biểu đạt cởi mở, nhưng vẫn hướng những món quà đó đến lợi ích của chung.

Các cơ cấu hợp tác mở của một nền kinh tế quà tặng được mở rộng vượt ra khỏi sự đối lập trước đây giữa cá nhân và nhóm. Khi tôi nói rằng những món quà phi thường của cá nhân sẽ hướng đến lợi ích của chung, vài độc giả có thể phản đối, "Nhưng chẳng phải là sự ưu tú của cá nhân nên được trao thưởng hay sao?" Đặc biệt, những người bạn bảo thủ ngay lập tức nghi ngờ những ý tưởng của tôi, cho rằng chúng sẽ kéo theo sự gộp lại của cá nhân. Họ nghĩ rằng trong một hệ thống không khuyến khích việc tích lũy và hướng sự ưu tú đến lợi ích chung thì sẽ không có khích lệ hay phần thưởng cho sự vĩ đại. Trong khi đó, cánh Tả truyền thống chấp nhận những tiền đề cơ bản giống như vậy, chỉ khác ở niềm tin rằng sự gộp lại của cá nhân là tốt và cần thiết. Trong cách nhìn này, một người đạo đức lao động trong sự tự hy sinh cao quý cho lợi ích chung, chối bỏ bất kỳ sự đền đáp hay phần thưởng nào.

Cả hai góc nhìn này đều đến từ hình mẫu của sự chia cắt, nó cho rằng "bạn có nhiều hơn tức là tôi có ít hơn." Nhóm có nhiều hơn thì thành viên lại có ít hơn. Nhưng trong văn hóa trao tặng, điều đó đơn giản là không đúng. Một người tuyệt vời cho đi những món quà có thể tiến lên đỉnh cao được trọng vọng nhất và hưởng thụ tất cả những gì nằm trong quyền năng loài người có thể ban tặng. Như thế chính là bản chất và sức mạnh của lòng biết ơn. Đáng tiếc thay, những trực giác về văn hóa trao tặng đã trở nên xa lạ đối với chúng ta, vì mặc dù chúng sống sâu trong tim ta, chúng biến mất khỏi các cơ cấu kinh tế và tư tưởng trong xã hội chúng ta. Phần tiếp theo của quyển sách này sẽ vạch ra làm thế nào để khôi phục những trực giác và thói quen của văn hóa trao tặng, bắt đầu từ mức độ cá nhân.

Sự phá sản của kinh tế học của cái tôi bị chia cắt giờ đây có thể dễ dàng thấy được. Trong thế giới tư bản chủ nghĩa cho phép sự tích lũy của từng cá thể, chúng ta trải nghiệm được, không phải là những món quà có thể biểu lộ một cách cởi mở mà là chúng bị đàn áp, bị nô lệ hóa, và bị sử dụng sai lệch nhằm hướng đến mục đích chiếm đoạt và kiểm soát, vì những hoạt động này là những gì mà hệ thống tiền tại hiện tại thúc ép và trao thưởng. Tệ hơn, những phần thưởng chỉ có vẻ bề ngoài này vốn là một ảo tưởng: tiền, những gì nó mua được, và sự tích lũy nó thay thế cho sự kết nối, tình yêu, cái đẹp, vui chơi, ý nghĩa, và mục đích. Thế giới phi tư bản chủ nghĩa cũng không đối đãi chúng ta tốt hơn là bao. Dù là đến từ hệ tư tưởng cộng sản chủ nghĩa hay học thuyết tôn giáo, sự xả thân quên mình là hành động chối bỏ cuộc sống; lúc nào cũng vậy, sự sống mà bị chối bỏ biểu đạt bản thân nó bằng những bóng đen gây ra những hệ lụy tương tự, hay tệ hơn, dưới dạng cái tôi riêng rẽ bị phóng đại công khai.

Kỷ nguyên Chia cắt, tuy nhiên, đang dần khép lại, và chúng ta đang bắt đầu học trở lại làm thế nào sống với sự thật về tính kết nối của mình. Tất cả những gì tôi bày ra cho đến nay trong quyển sách này thừa nhận (và nuôi dưỡng) một sự chuyển dịch trong tâm thức của chúng ta, mà không có nó không gì của kinh tế học thiêng liêng có thể thực hành được. Tôi không hề kêu gọi một sự chuyển dịch như thế – Tôi đang quan sát nó, làm chứng cho nó, và tôi thích nghĩ rằng, tôi đang góp phần vào nó. Điều này đang diễn ra khi bạn đọc những dòng này, và nó sẽ diễn ra nhanh đột ngột hơn khi nhiều cơn khủng hoảng sinh ra từ Sự chia cắt cùng đổ lên đầu chúng ta. Thế giới

đang thay đổi, và bản thân chúng ta thay đổi cùng với nó. Chúng ta không chỉ phải tạo ra những cấu trúc kinh tế của cái tôi được kết nối sống trong sự cộng tác đồng sáng tạo với trái đất; chúng ta cũng có thể, ngay bây giờ, học làm thế nào để nghĩ và sống trong những cấu trúc đó.

CHƯƠNG 17:
TÓM TẮT VÀ LỘ TRÌNH

Ban đầu họ bỏ mặc bạn, rồi thì họ cười nhạo bạn, sau đó họ đấu với bạn, và rồi bạn chiến thắng.

– Mohandas Gandhi

Trước khi tôi thăm dò sâu hơn sự dịch chuyển trong tư duy kinh tế cá nhân và thực hành một phần kinh tế thiêng liêng, tôi sẽ tóm lại những yếu tố kinh tế vĩ mô trọng tâm. Vài yếu tố đang trở thành bình thường rồi; những yếu tố khác vẫn còn nằm ngoài tầm hiểu biết của diễn tiến chính trị có thể chấp nhận được và chờ đợi cơn khủng hoảng tích tụ sâu hơn nữa để những điều không thể tưởng tượng được trở thành thường thức.

Sự chuyển tiếp mà tôi vạch ra mang tính tiến hóa. Nó không đòi hỏi phải tịch thu tài sản hay phá hủy những thể chế hiện tại trên quy mô lớn, mà là đòi hỏi sự chuyển đổi của chúng. Cũng như những tóm tắt sau đây miêu tả, sự biến đổi này đã diễn ra rồi, hoặc đang chớm nở trong các thể chế hiện tại.

Độc giả có thể để ý thấy rằng, trừ những nơi mà chúng hoàn toàn không còn quan trọng, phần lớn những phát triển này rơi vào cánh tả của phạm vi chính trị. Đó là do chúng dần dần tái phân bổ của cải từ người giàu đến những người khác. Trong khi những tầng lớp giàu có luôn ham muốn lãi suất cao hơn, và tầng lớp lao động muốn lãi suất thấp hơn, quyển sách này dự đoán rằng những lãi suất đó sẽ thành âm. Trong khi những người liberal (những người theo chủ thuyết tự do và thường ủng hộ thị trường tự do, thương mại tự do, chính phủ hạn chế, chủ nghĩa tư bản, dân chủ, bình đẳng giới, bình đẳng sắc tộc, quyền con người…) yêu thích các chương trình phúc lợi xã hội, quyển sách này dự đoán rằng những chương trình đó sẽ được phổ cập toàn cầu trong một lợi tức xã hội. Trong khi các nhóm tập

đoàn biện hộ cho việc rút ruột các chương trình bảo vệ môi trường và xã hội, quyển sách này dự báo việc phục hồi của khối tài nguyên chung. Một ngoại lệ lớn duy nhất trong những điều vừa nhắc đến chính là việc loại bỏ thuế thu nhập, thứ thực chất sẽ có lợi cho một nhóm nhỏ những người giàu có mà tài sản của họ đến từ năng suất kinh doanh hơn là từ việc kiểm soát tiền và tài sản vẫn đang tạo ra những tô kinh tế [1].

1. TIỀN TỆ LÃI SUẤT ÂM

Động cơ: Lãi suất âm dự trữ, và một đồng tiền vật lý mất giá trị theo thời gian, sẽ đảo ngược những ảnh hưởng của lãi suất. Nó cho phép sự thịnh vượng mà không cần đến tăng trưởng, một cách hệ thống khuyết khích sự phân bổ tài sản đồng đều, và kết thúc việc chiết khấu dòng tiền mặt tương lai để chúng ta không còn áp lực phải cầm cố tương lai của chúng ta cho những món tiền lãi ngắn hạn. Ngoài ra, nó đại diện cho sự thật về thế giới, trong đó thất cả mọi thứ phân hủy và trở về với nguồn cội của chúng. Tiền không còn là một ngoại lệ viễn vông khỏi luật tự nhiên. Cuối cùng, vì tiền về nhiều mặt đại diện cho sức mạnh được tích lũy hàng nghìn năm của phát triển kỹ thuật, một di sản chung của toàn thể loài người, thật không công bằng khi ai đó có thể hưởng lợi chỉ đơn thuần từ việc sở hữu nó, như những gì diễn ra trong hệ thống lãi suất dương không rủi ro hiện tại.

Chuyển giao và chính sách: Chúng ta đã ở bên bờ chuyển giao đến tiền tệ phân rã vào năm 2009 khi những ngân hàng trung ương đẩy lãi suất liên ngân hàng xuống gần zero và đùa giỡn với việc vi phạm cận dưới zero. Ngày nay nền kinh tế đang trong giai đoạn phục hồi yếu ớt nhưng những vấn đề cơ sở về sự trì trệ và nợ vẫn còn. Mỗi cơn khủng hoảng mới, mỗi khoản cứu trợ tạo ra cơ hội thu mua những khoản nợ không thể hoàn trả bằng tiền tệ đang phân rã, vì vậy đã cứu lấy cơ sở hạ tầng tài chính mà không cần tăng cường sự tập trung của cải thêm nữa. Ngoài ra, khi việc kích thích tiền tệ truyền thống và kích cầu tài chính theo thuyết của Keynes, không nghi ngờ gì nữa, thất bại, như đã diễn ra tại Nhật Bản, thì các ngân hàng trung ương khó mà làm ngơ bước đi hiển nhiên tiếp theo là đẩy lãi suất xuống dưới 0. Để ngăn chặn chiến tranh tiền tệ, bước đi này nên diễn ra như là một chính sách phối hợp tất cả sức mạnh chủ quyền, hoặc nó nên tích hợp trong một tiền tệ toàn cầu.

Cục dự trữ Liên bang hiện tại không có quyền hạn thu lãi suất âm cho những khoản dự trữ hoặc phát hành giấy bạc đang mất giá. Tại bất kỳ quốc gia nào quyền hạn đó đang tồn tại, như nó nên tồn tại, trong những tổ chức lập pháp. Thời cơ đã chín muồi cho tư tưởng này đi vào diễn ngôn chính trị và kinh tế khi chủ các ngân hàng trung ương lo sợ công cụ tiền tệ của họ sẽ trở nên bất lực. Sự trì trệ tốc độ lưu thông tiền tệ hiện tại chứng minh rằng giảm lãi suất xuống 0 kích thích vay mượn chỉ khi nào có mặt một viễn cảnh tăng trưởng kinh tế tầm cỡ. Một lượt nới lỏng định lượng mới sẽ chỉ nhấn mạnh thời điểm này vì dự trữ dư thừa tăng lên. Vắng mặt tăng trưởng, các ngân hàng thà giữ tiền ở mức lãi suất 0 hơn là cho nền kinh tế vay. Nhưng liệu họ có sẵn sàng giữ nó ở mức (-2) phần trăm? Hay (-5) phần trăm?

Ảnh hưởng lên đời sống kinh tế: Đối với tất cả mọi người trừ tầng lớp đầu tư, trải nghiệm tiêu tiền mỗi ngày sẽ như nhau. Có thể sẽ khó khăn để những người giàu tưởng tưởng rằng, ngày nay phần lớn người ta sống dựa vào đồng lương hàng tháng và hiếm khi tích lũy được hơn vài tháng tiền tiết kiệm. Với những người dư dả hơn, tiền tiết kiệm vẫn khả thi, nhưng giá trị của tiền tiết kiệm sẽ dần giảm theo thời gian trừ khi được đầu tư với rủi ro. Sẽ không có cách nào khiến tiền bạc tăng trưởng mà không có rủi ro, khiến cho "tiền làm việc cho bạn." Thậm chí trái phiếu nhà nước sẽ trả lãi suất âm hay thấp hơn. Cho những khoản mua lớn, dù trên ở cấp độ cá nhân hay doanh nghiệp, các khoản vay lãi suất thấp hay lãi suất bằng 0 chứ không phải các khoản tiết kiệm sẽ là phương tiện tài chính chính yếu. (Điều này dù sao cũng đang diễn ra rồi.) Các doanh nghiệp sẽ có thể tiếp cận đến vốn đầu tư không đòi hỏi họ phải dành một khoản lớn dòng tiền mặt trong tương lai để chi trả nợ, loại bỏ câu lệnh "tăng trưởng hay là chết" đang thống trị đời sống kinh tế ngày nay.

2. LOẠI BỎ TÔ KINH TẾ VÀ ĐỀN BÙ CHO SỰ CẠN KIỆT CỦA TÀI NGUYÊN CHUNG

Động cơ: Phân cực tài sản là không thể tránh khỏi khi con người được cho phép sinh lợi đơn thuần chỉ từ việc sở hữu một thứ gì đó, mà không phải sản xuất bất kỳ thứ gì hay đóng góp cho xã hội. Những lợi ích này, được biết đến như tô kinh tế, tích lũy cho những chủ sở hữu đất, phổ điện từ,

quyền khai thác khoáng sản, mỏ dầu, bằng sáng chế, và nhiều loại hình sở hữu khác. Vì những loại hình sở hữu này, (1) tồn tại trước bất kỳ con người nào, và (2) là sản phẩm tập thể của văn hóa nhân loại, chúng không nên thuộc về bất kỳ cá nhân riêng rẽ nào không sử dụng chúng vì lợi ích của chung và của hành tinh.

Ngoài ra, ngày nay hưởng lợi từ việc rút cạn những khía cạnh của tài sản chung như đa dạng sinh học, mạch nước ngầm, đất, vùng biển đánh bắt cá, và nhiều nữa là khả thi. Những thứ này chính xác là thuộc về tất cả chúng ta, và việc làm chúng cạn kiệt chỉ nên diễn ra khi có sự đồng thuận chung và vì lợi ích chung.

Chuyển giao và chính sách: Một số bang và quốc gia đã đánh thuế giá trị địa chính và những nước khác đã quốc hữu hóa dầu mỏ và khoáng sản. Ví dụ, đất nước Bolivia và bang Alaska, đã áp đặt quyền sở hữu công lên quyền khai thác dầu mỏ, để các công ty dầu chỉ kiếm tiền từ các dịch vụ khai thác dầu mỏ, và không được kiếm tiền từ việc sở hữu dầu mỏ. Chuyển dịch sức nặng thuế má khỏi người lao động và hướng đến tài sản sẽ trở nên ngày càng hấp dẫn khi hoàn cảnh của những người làm công ăn lương trở nên tuyệt vọng. Cuối cùng, những trận chiến nan giải về quản lý quyền sử dụng nước cho thấy, thời điểm của ý tưởng tích hợp việc bảo tồn tài nguyên trực tiếp vào trong hệ thống tiền tệ sắp đến rồi.

Những biện pháp như thuế giá trị địa chính theo chủ thuyết của George[2] cho thuê quyền khai thác khoáng sản, và việc sử dụng những đối tượng tô kinh tế như một hậu thuẫn cho tiền tệ giống với miêu tả trong quyển sách này là những cách trả lại tô kinh tế cho người dân, để quyền lợi tư sản chỉ có thể mang lại lợi ích thông qua việc sử dụng tài sản tốt, chứ không chỉ đơn thuần từ việc sở hữu nó. Bất kỳ thứ gì đến từ tài nguyên chung nên được thu phí hay đánh thuế. Tài sản trí tuệ có thể được trả lại cho khối tài nguyên chung bằng cách rút ngắn thời hạn bản quyền và quyền sở hữu, do đó công nhận ma trận văn hóa mà từ đó các ý tưởng sinh ra. Chúng ta cũng phải công khai những nguồn tài sản mới như bộ gen, phổ điện từ, và những "tài nguyên chung" mới trên mạng Internet, trong quần chúng, phân phối việc sử dụng chúng cho những ai dùng chúng để mang lại lợi ích cho xã hội và hành tinh này.

Tác động lên đời sống kinh tế: Với một cú chuyển dịch của việc đánh thuế tài sản và tài nguyên, thuế hàng hóa và thu nhập sẽ được giảm đi hay loại bỏ hẳn, và một động lực kinh tế mạnh mẽ dành cho việc bảo tồn sẽ được tạo ra. Vì tô kinh tế làm giàu cho những ai đã có tài sản, loại bỏ nó sẽ kích thích việc phân bổ tài sản công bình hơn. Trong lĩnh vực tài sản trí tuệ, việc mở rộng tài sản công sẽ khuyến khích những sáng tạo văn hóa không hướng đến lợi nhuận, vì những "nguyên liệu thô" cho việc sáng tạo nghệ thuật và trí tuệ ít bị ảnh hưởng bởi quyền sở hữu và những hạn chế của tài sản tư nhân.

3. NỘI BỘ HÓA PHÍ TỔN XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

Động cơ: Ngày nay, chúng ta có thể làm cạn kiệt mạch nước ngầm mà không phải trả tiền cho xã hội, cũng như có thể làm cạn kiệt khả năng hút và xử lý chất thải của trái đất, năng lực tái sử dụng carbon của vỏ trái đất, và khả năng chống chọi chất ô nhiễm độc hại của cơ thể người. Ngày nay, ô nhiễm và những loại hình suy thoái môi trường khác đã tạo ra những phí tổn mà những chi phí này thường sẽ được gánh bởi xã hội và thế hệ tương lai, chứ không phải những kẻ gây ra ô nhiễm. Không chỉ rõ ràng rành là không công bằng, điều này còn khuyến khích việc gây ô nhiễm và suy thoái môi trường tiếp tục diễn ra.

Chuyển giao và chính sách: Hiện tại, quy định xử phạt tài chính cho những vi phạm chính là biện pháp chủ yếu để đảo ngược lại động cơ kinh tế để gây ô nhiễm, nhưng nó có nhiều khiếm khuyết, cả trong thực hành và trong lý thuyết nền tảng. Chủ yếu, nó đưa ra một động cơ để đáp ứng những tiêu chuẩn nhưng lại không có một động cơ nào để vượt qua những tiêu chuẩn đó. Nó cũng không cho phép chúng ta thi hành một mức trần chung cho tổng lượng phát thải của một chất ô nhiễm hay tổng lượt sụt giảm của một nguồn tài nguyên thiên nhiên. Những đề xuất hiện tại để bù đắp những thiếu sót bao gồm kế hoạch mua bán phát thải và thuế sinh thái. Nhiều đề án như thế đã được đề xuất và tại một số nơi đã được thi hành. Mua bán phát thải (lưu huỳnh dioxit) đã có hiệu quả khá tốt trong việc giảm đi mưa acid nhưng lại kém hiệu quả trong việc giảm khí thải CO_2. Đây là những bước đi đúng hướng, nhưng cuối cùng mỗi hình thức ô nhiễm và làm cạn kiệt tài nguyên đều phải trả giá.

Đối với mỗi chất ô nhiễm và mỗi nguồn tài nguyên, chúng ta phải quyết định xem hành tinh này và những khu vực sinh học của nó có thể chịu dựng bao nhiêu khí thải và sụt giảm tài nguyên. Chúng ta có thể cấp quyền thải ra những chất ô nhiễm hay sử dụng những nguồn tài nguyên này bằng nhiều cách khác nhau. Trong một số trường hợp, thông qua việc lên kế hoạch tập trung, chúng ta có thể muốn xác định rõ ai sẽ làm gì và sử dụng cái gì: nông dân A được hút 100.000 gallon (khoảng 378.5 khối nước) từ tầng nước ngầm; nông dân B được 120.000; nhà máy C thì 200.000; và cứ như thế. Nhưng vì cách này không tạo ra hiệu quả về kinh tế, trong đa số trường hợp chúng ta sẽ muốn đánh thuế ô nhiễm và tài nguyên, hay sử dụng hệ thống đấu giá mua bán phát thải, để đưa ra những phần thưởng kinh tế cho việc bảo tồn và giảm bớt ô nhiễm. Nhưng tốt hơn chính là đặt hệ thống tiền tệ trên nền tảng những món quà của trái đất bằng cách hỗ trợ đồng tiền với những nguồn tài nguyên của Trái Đất và khả năng thu nạp và chuyển hóa chất thải của nó.

Tác động lên đời sống kinh tế: Những biện pháp này kết thúc sự đối lập giữa hệ sinh thái và nền kinh tế. Chúng sắp xếp quyết định thương mại tốt nhất với quyết định môi trường tốt nhất, chuyển sức mạnh của sáng kiến kinh doanh đến sự phụng sự cho hành tinh này. Những ngành công nghiệp đồ sộ mới sẽ xuất hiện để cống hiến cho việc bảo tồn, kiểm soát ô nhiễm, và giải quyết những chất thải độc hại. Sản xuất không-chất-thải sẽ trở thành quy chuẩn. Chi phí vật liệu thô cao sẽ khuyến khích sự diễn tiến liên tục đến sự thu nhỏ và hiệu năng.

Với những trở ngại kinh tế dành cho hàng hóa rẻ dùng một lần, các món hàng được sản xuất sẽ trở nên đắt hơn, bền bỉ hơn, và có khả năng sữa chữa hơn. Chúng ta sẽ quan tâm đến những món đồ của chúng ta hơn, bảo quản chúng và giữ chúng. Những hàng hóa lớn, ngốn tài nguyên như xe hơi, máy móc, và một vài dụng cụ và thiết bị sẽ được chia sẻ trong một khu phố hay một cộng đồng khác. Các khu dân cư sẽ trở nên tinh gọn hơn; nhà cửa sẽ trở nên nhỏ hơn; và những ngôi nhà lớn hơn sẽ là nơi ở của các đại gia đình và những kết cấu gia đình khác vượt trên mô hình gia đình hạt nhân.

Cùng với việc loại bỏ tô kinh tế, những biện pháp này chuyển dịch thuế khỏi thu nhập và áp đặt nó lên tài nguyên để chúng ta bị đánh thuế không phải trên những gì chúng ta đóng góp mà trên những gì chúng ta lấy đi. Cuối cùng, thu nhập sẽ chẳng bị đánh thuế gì cả, giải phóng chúng ta khỏi những trách nhiệm lưu trữ nặng nề và sự giám sát gắt gao của chính quyền.

4. ĐỊA PHƯƠNG HÓA KINH TẾ VÀ TIỀN TỆ

Động cơ: Khi cộng đồng không còn tích hợp trên toàn thế giới, người ta khát khao một sự trở về với kinh tế địa phương, nơi mà chúng ta quen biết từng cá nhân những người chúng đang phụ thuộc. Chúng ta muốn kết nối với con người và nơi chốn, không phải trôi dạt trong một sự độc canh nặc danh toàn cầu. Ngoài ra, sản xuất hàng hóa toàn cầu khiến các địa phương phải cạnh tranh với nhau, kích động một "cuộc chạy đua xuống đáy" về tiền lương và các quy định môi trường. Thêm nữa, khi sản xuất và trao đổi kinh tế mang tính địa phương, ảnh hưởng xã hội và môi trường của những hành vi của chúng ta sẽ trở nên rõ rệt hơn, làm vững chắc thêm tình thương bẩm sinh trong ta.

Chuyển tiếp và chính sách: Xu hướng kinh tế địa phương đã khai mào rồi. Phí tổn năng lượng tăng vọt và ý thức sinh thái thúc đẩy các doanh nghiệp lấy nguồn cung ứng địa phương nhiều hơn, và hàng triệu người tiêu dùng đang thức tỉnh trước những lợi ích sức khỏe của thực phẩm tươi sạch trồng tại địa phương. Khắp nơi người ta cho thấy một khao khát mạnh mẽ được tái kết nối với cộng đồng, và vài thành phố và chính quyền khu vực đã khởi xướng các phong trào "mua tại địa phương". Hàng nghìn cộng đồng trên khắp địa cầu đã phát động đồng tiền địa phương, và mặc dù những đồng tiền này ngày nay chỉ chiếm một vị trí nhỏ nhoi, chúng khiến người ta quen với ý tưởng này và đưa ra một bản mẫu cho những đồng tiền địa phương tương lai được chính quyền địa phương ủng hộ.

Những yếu tố khác của kinh tế học thiêng liêng cộng hưởng với việc địa phương hóa. Nội bộ hóa chi phí sẽ loại bỏ lợi thế kinh tế nhờ quy mô viễn vông vốn chuộng vận tải đường dài, trong khi bỏ đi tô kinh tế sẽ cải thiện sự chênh lệch đồng lương cực kỳ lớn giữa những quốc gia giàu và nghèo.[3] Cả hai yếu tố này sẽ khuyến khích quá trình toàn cầu hóa kinh tế đã diễn ra

trong hai trăm năm qua đảo ngược lại phần nào. Trong khi đó, cũng như tài nguyên tự nhiên, xã hội, và văn hóa chung mang tính địa phương hay thuộc về vùng sinh học, một hệ thống tiền tệ được hỗ trợ bởi tài nguyên chung sẽ củng cố chủ quyền chính trị và kinh tế địa phương.

Những cơn khủng hoảng tài chính gần đây đã cho thấy rằng ngay khi tiền tệ quốc gia ngừng hoạt động, các chính quyền địa phương sẽ nhanh chóng nhảy vào bằng cách tạo ra đồng tiền của riêng họ. Hiện tượng này đã diễn ra tại Argentina vào năm 2002; nó gần như đã diễn ra ở California vào năm 2009; và cùng với khả năng tan rã của Hội đồng Kinh tế và Tiền tệ (Economic and Monetary Union, EMU), một cuộc chuyển giao chủ quyền tiền tệ quan trọng lại cho những quốc gia nhỏ hơn có thể đang diễn ra ở châu Âu. Khi cơn khủng hoảng hiện tại gia tăng, chính quyền khu vực và những quốc gia nhỏ sẽ có cơ hội khôi phục chủ quyền kinh tế bằng cách phát hành tiền tệ và bảo vệ nó khỏi thị trường tài chính toàn cầu thông qua kiểm soát vốn, thuế giao dịch ngoại hối, và nhiều nữa. Các nhà nước cũng có thể đối xử ưu tiên với những doanh nghiệp địa phương bằng việc chỉ định các gói thầu. Cuối cùng, các nhà nước địa phương và khu vực có thể đòi lại chủ quyền tín dụng của mình từ tài chính quốc tế bằng cách thiết lập những ngân hàng công và những tổ chức tạo tín dụng khác.

Đời sống kinh tế: Trong khi nhiều sản phẩm và dịch vụ kỹ thuật cao về bản chất là toàn cầu, những trợ cấp ẩn và chính sách hàng thập kỷ đã đẩy nhiều thứ có thể và nên thuộc về địa phương ra nền kinh tế hàng hóa toàn cầu. Trong tương lai những thứ này sẽ trở lại sản xuất địa phương. Phần lớn thức ăn mà chúng ta ăn sẽ được trồng tại những vùng sinh học mà chúng ta sinh sống. Nhà ở và nhiều hàng hóa được sản xuất khác sẽ sử dụng nguyên vật liệu địa phương, thường là tái chế, và được sản xuất với quy mô nhỏ hơn. Những thị trấn nhỏ sẽ trải qua một cuộc hồi sinh kinh tế, và "Đại Lộ Chính" sẽ được tái định cư bởi những cửa hàng địa phương đích thực.

5. LỢI TỨC XÃ HỘI

Động lực: Hàng nghìn năm cải tiến kỹ thuật đã biến việc sản xuất những nhu yếu phẩm của đời sống có thể định lượng trở nên cực kỳ dễ dàng. Những cải tiến này, món quà của tổ tiên chúng ta, nên trở thành tài sản

chung của toàn thể nhân loại. Tất cả chúng ta xứng đáng được chia một phần của khối tài sản mà họ tạo ra. Điều này cũng đúng đối với tài sản tự nhiên của trái đất, những thứ không phải do một ai đó làm ra. Hệ thống kinh tế hiện tại về cơ bản thúc đẩy chúng ta làm việc cho những gì đã là của chúng ta. Sẽ công bình hơn khi chúng ta chi trả lợi nhuận từ bồi thường tô kinh tế, thuế ô nhiễm, và nhiều nữa (xem số 2 và 3 ở trên) cho tất cả người dân như dưới hình thức một lợi tức xã hội. Điều này cũng nhằm giảm bớt sự tập trung của cải và chống lại những cơn khủng hoảng giảm phát. Lợi tức xã hội lý tưởng mà nói sẽ chu cấp mức tối thiểu để trang trải những thứ cần thiết của đời sống; ngoài ra, người ta cũng có thể chọn cách tự kiếm tiền. Nó giải phóng công việc khỏi áp lực là một điều tất yếu; người ta sẽ làm việc vì họ muốn, không phải vì họ phải làm việc.

Chuyển giao và chính sách: Một lợi tức xã hội đã tồn tại ở bang Alaska, nơi mà mỗi người dân được chia lợi nhuận dầu mỏ của bang và nhận một chi phiếu vài nghìn đô la hằng năm. Những gói kích thích kinh tế gần đây chính là một dấu hiện cho thấy lợi tức xã hội sắp diễn ra. Một hình mô hình đang tồn tại khác là hệ thống phúc lợi, thứ bị chế giễu bằng thuật ngữ "quyền lợi (entitlement)." Nhưng có lẽ chúng ta nên đón nhận tên gọi đó và mở rộng nó cho tất cả công dân – dù sao đi nữa, chẳng phải chúng ta được quyền có được khối tài sản to lớn phong phú mà Trái Đất và tổ tiên chúng ta đã để lại cho chúng ta sao?

Những quyền lợi đã được thiết lập, như tem phiếu thực phẩm, bảo hiểm y tế công, tín dụng thuế cho những gia đình thu nhập thấp và trung bình có con nhỏ, các chương trình phúc lợi xã hội, đền bù thất nghiệp, và các gói kích cầu có thể được mở rộng và phổ thông hóa. Những biện pháp như thế đi ngược lại với xu hướng chính trị "thắt lưng buộc bụng" gần đây, nhưng sự đau khổ đang trở nên dữ dội nhanh chóng mà những chính sách này gây ra đã dẫn đến bất ổn xã hội và biến động chính trị. Vào thời điểm ấy, nguyện vọng chính trị muốn tái phân phối của cải sẽ nổi lên. Khi điều đó diễn ra, chúng ta hãy đừng nghĩ theo hướng trừng phạt, như trong việc đánh thuế người giàu; chúng ta hãy có thái độ rằng đang cho tất cả công dân những gì họ đáng có. Một lợi tức xã hội là một sự ngầm tái phân phối của cải vì trong khi tất cả đều nhận được như nhau, những người giàu tương xứng theo đó đóng thuế nhiều hơn để tài trợ cho lợi tức đó.[4] Trong tầm

nhìn của quyển sách này, nó sẽ được gây quỹ bởi phí bồi thường, phí ô nhiễm, và những khoản thanh toán vì sử dụng tài nguyên chung (xem số 1, 2, và 3 ở trên).

Đời sống kinh tế: Trong khi vẫn sẽ còn người nghèo và người giàu, cái nghèo sẽ không còn gây ra mối lo âu cùng cực. Những ai hướng đến việc tạo ra những thứ người khác muốn và cần sẽ kiếm nhiều tiền hơn; những ai tập trung vào sự giản đơn, sống trong tự nhiên, hay việc tự biểu hiện bằng nghệ thuật có thể sống chỉ nhờ vào những thứ cần thiết tối thiểu. Trọng tâm của đời sống kinh tế, tuy nhiên, sẽ không còn là "kiếm sống." Được giải phóng khỏi áp lực đó, chúng ta sẽ hướng tài năng của chúng ta đến những gì tạo cảm hứng cho ta – đối với ngày càng nhiều người trong chúng ta, đó chính là chữa lành xã hội và hành tinh khỏi sự tàn phá của Sự chia cắt. (Nếu bạn vẫn nghĩ rằng sự giải phóng khỏi áp lực tồn tại sẽ dẫn đến sự hoang phí và biếng nhác, xin hãy quay trở lại và đọc "Ý Chí muốn Làm việc" ở Chương 14.)

6. GIẢM PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Động cơ: Hơn hàng trăm năm tạo ra những thiết bị tiết kiệm sức lao động, từ máy xe sợi đến máy tính kỹ thuật số, bất kỳ lúc nào chúng ta cũng lựa chọn tiêu thụ nhiều hơn thay vì làm việc ít hơn. Lựa chọn này, được thúc đẩy bởi hệ thống tiền tệ, đi kèm một sự rút đi tư bản xã hội và tự nhiên ngày càng tăng nhanh. Ngày nay, lựa chọn tăng nhanh tiêu thụ không còn hiệu lực đối với chúng ta. Vắng mặt động lực thúc đẩy lãi suất dương phi rủi ro, tăng trưởng kinh tế không còn cần thiết để đẩy mạnh dòng vốn, và một nền kinh tế giảm phát triển sẽ trở nên khả thi. Công nghệ sẽ tiếp tục tiến bộ, và chúng ta sẽ bị bỏ lại với lựa chọn thứ hai: làm việc ít đi, hay chính xác hơn là, ít làm việc vì tiền đi.

Chuyển giao và chính sách: Điều này đã đang diễn ra rồi. Tỷ lệ thất nghiệp vẫn còn cao (gần 20 phần trăm, tính cả những lao động thoái chí) tại những nước công nghiệp hóa, cùng với sản xuất quá tải, ngụ ý rằng đơn giản là không có đủ việc làm có lương để thuê mọi người sản xuất tất cả những gì chúng ta cần. Chắc chắn là, có đủ công việc tốt đẹp và cần thiết để chúng ta hoàn thành – nhưng về căn bản phần lớn công việc không tạo

ra lợi nhuận kinh tế. Thất nghiệp ngày nay được xem là một tệ nạn nhưng nó sẽ không phải là một tệ nạn nếu được hỗ trợ bởi một lợi tức xã hội và lan tỏa khắp nền kinh tế. Nếu mỗi người làm việc ít hơn 20 phần trăm, thay vì có 20 phần trăm người không làm việc gì cả? Hoàn cảnh kinh tế này xảy ra đồng thời với sự dịch chuyển nhận thức khi càng nhiều người trong chúng ta chối bỏ khái niệm thông thường về công việc – sự phân chia đời sống thành hai khu vực riêng biệt, công việc và giải trí.

Tiền tệ phân rã, kinh tế học dựa trên tài nguyên (số 2 và 3 ở trên), và lợi tức xã hội đều ủng hộ một nền kinh tế giảm phát. Chúng ta cũng phải tự xóa bỏ chúng ta khỏi lập trình của câu thần chú tăng-trưởng-là-tốt đang dẫn dắt chính sách công ngày nay. Trong chương trình kích cầu năm 2009, động cơ cho những dự án cầu đường và những dự án khác chính là để kích thích tăng trưởng – đây không phải là một quyết định mang ý thức rằng chúng ta thực sự cần nhiều cầu cống và đường xá hơn. Tương tự, nhà xây mới được chào đón như một dấu hiệu tăng trưởng, và không phải như một biểu hiện cho một lòng tin rằng chúng ta cần nhiều cụm nhà và mở rộng đô thị. Những chính sách như kích thích tiền tệ hay tài chính theo thuyết Keynes, những chính sách trong hiện thân mới chính là tiền tệ lãi suất âm và lợi tức xã hội, phải được điều chỉnh lại: chúng sẽ không khiến nền kinh tế tăng trưởng trở lại; chúng sẽ luân chuyển đồng tiền đến những ai cần sử dụng. Nói một cách tổng quát, điều này sẽ không kích hoạt tăng trưởng nếu nguồn tài nguyên chung được bảo vệ khỏi sự tiền tệ hóa; thay vào đó nó sẽ chuyển dịch sự phân bổ tài nguyên và sự tập trung của các hoạt động kinh tế.

Đời sống kinh tế: Các tầng lớp nghèo và trung lưu sẽ cảm thấy được sự sung túc lớn hơn, như thể nền kinh tế đang tăng trưởng, vì những lợi ích như đồng lương cao hơn và tìm việc làm dễ dàng hơn vốn chỉ diễn ra trong bối cảnh đầu tư doanh nghiệp thúc đẩy bởi tăng trưởng sẽ có thể diễn ra trong một nền kinh tế bền vững hay giảm phát triển. Người ta sẽ dành càng nhiều và nhiều thời gian của mình hơn trong những hoạt động phi kinh tế khi địa hạt tiền tệ co rút lại và địa hạt của những món quà, chủ nghĩa tự nguyện, sự nhàn rỗi, và của những gì không đong đếm được phát triển. Nội dung số – hình ảnh, âm nhạc, video, tin tức, sách vở… – sẽ tiếp tục xu hướng có sẵn với giá bằng không. Trong khi sản xuất dựa trên tài nguyên

sẽ trở nên đắt đỏ hơn rất nhiều, dữ liệu từ con người sẽ tiếp tục hưởng lợi từ sự tích lũy công nghệ liên tục để mà trong nhiều lĩnh vực kỹ thuật cao, chúng ta sẽ làm nhiều hơn với ít nguồn lực hơn. Người ta cũng sẽ chia sẻ nhiều hơn và tiêu thụ ít đi, mượn nhiều hơn và thuê ít đi, cho nhiều hơn và bán ít lại – tất cả đều phản ánh và tạo ra sự giảm phát triển kinh tế.

7. VĂN HÓA TRAO TẶNG VÀ KINH TẾ HỌC P2P

Động cơ: Sự bành trướng của địa hạt tiền tệ đã diễn ra với cái giá phải trả chính là những loại hình lưu thông kinh tế khác, đặc biệt là quà tặng. Khi mỗi mối quan hệ kinh tế trở thành một dịch vụ trả tiền, chúng ta bị khiến trở nên không lệ thuộc vào tất cả những người chúng ta biết và lệ thuộc vào những nhà cung cấp dịch vụ ẩn danh, xa xôi, thông qua tiền. Đó là nguyên nhân chính đằng sau sự suy tàn của cộng đồng trong xã hội hiện đại, kèm theo đó là sự xa lánh, nỗi cô đơn, và đau đớn tâm lý. Ngoài ra, tiền cũng không phù hợp để hỗ trợ sự lưu hành và phát triển của những thứ không thể định lượng khiến cuộc sống thực sự giàu có.

Chuyển giao và chính sách: May thay, địa hạt tiền tệ đã bắt đầu suy thoái, và sự giảm phát triển đó chừa lại kinh tế học trao tặng một không gian mới. Mạng Internet về nhiều phương diện quan trọng chính là một mạng lưới trao tặng, và nó đã khiến việc cho đi thông tin, thứ vốn từng rất tốn kém để tạo ra, trở nên dễ dàng. Bằng nhiều cách khác nhau, điều này đã đẩy những dịch vụ như quảng cáo (như Craiglist), đại lý du lịch, báo chí, xuất bản, âm nhạc, và nhiều nữa đến địa hạt trao tặng. Nó cũng thúc đẩy các loại hình sản xuất nguồn mở dựa trên sự trao tặng. Những gì từng cần đến môi giới tốn phí và các tổ chức hành chính tập trung hóa giờ đây diễn ra trực tiếp. Con người và doanh nghiệp thậm chí còn tạo ra tín dụng thông qua các hệ thống tín dụng tương hỗ mà không thông qua ngân hàng trung gian. Trong khi đó, ở cấp độ địa phương, lý tưởng về một cái tôi được kết nối, khao khát cộng đồng, và chỉ đơn thuần nhu cầu kinh tế cấp bách đã dẫn mọi người đến việc tái tạo những kết cấu cộng đồng dựa trên sự trao tặng.

Nhà nước có thể tự do hóa các quy định về thuế và ngân hàng để giao quyền tự do kiểm soát đến những hệ thống lưu hành kinh tế mới nổi lên ngày nay. Nguồn tài nguyên chung mà những hệ thống này trú ngụ, đặc

biệt là mạng Internet, phải được công khai. Nhà nước cũng có thể thiết lập và khuyến khích những hệ thống tín dụng tương hỗ cho kinh doanh và công nghiệp, che chắn kinh tế trong nước hay địa phương trước sự săn mồi của tư bản quốc tế.

Đời sống kinh tế: Con người sẽ đáp ứng nhu cầu của mình, dù là nhu cầu về hàng hóa, dịch vụ hay đồng tiền, bằng rất nhiều cách đa dạng khác nhau. Các vòng tròn trao tặng trực tiếp và sự điều phối các món quà và nhu cầu trực tuyến sẽ cho phép nhiều nhu cầu được thỏa mãn không cần đến tiền. Người ta sẽ có nhiều hơn thay vì chỉ một cảm giác là một phần của một cộng đồng mà họ tin cậy. Các hệ thống tín dụng phụ trợ được tạo ra bởi người dùng, bên cạnh việc vay mượn P2P trên nền tảng Internet sẽ loại trừ phần nào nhu cầu sử dụng ngân hàng. Ở cấp độ địa phương cũng như được dàn xếp thông qua các mạng lưới toàn cầu, những "tiền tệ" mới phi định lượng bằng sự công nhận và lòng biết ơn sẽ xuất hiện để kết nối và trao thưởng những đóng góp về chất cho xã hội và hành tinh.

Như bạn thấy đấy, tất cả bảy yếu tố tôi vừa mô tả đều phối hợp chặt chẽ với nhau. Quả thực, không có yếu tố nào có thể tự đứng riêng rẽ một mình. Ví dụ, tiền tệ lãi suất âm sẽ không hiệu quả nếu vẫn còn sẵn những nguồn tô kinh tế có thể đầu tư vào. Địa phương hóa phụ thuộc phần lớn vào việc loại bỏ những khoản trợ cấp ẩn, những thứ khiến cho thương mại toàn cầu sinh lợi. Các nền kinh tế quà tặng cho phép cải thiện chất lượng đời sống ngay cả khi nền kinh tế đang thu nhỏ lại.

Cùng nhau, những sợi dây khác nhau của nền kinh tế thiêng liêng mà tôi vừa mô tả trong Phần II của quyển sách này dệt nên một tấm thảm, một ma trận hữu cơ có hệ thống mà chúng ta có thể thấy đang hiện ra ngày nay. Nền kinh tế mới sẽ không đến từ một sự khởi đầu mới, một cú quét sạch đi những gì xưa cũ và bắt đầu lại lần nữa; nó đúng hơn chính là một sự chuyển tiếp sang giai đoạn mới, một sự hóa thân (metamorphosis).

Cũng như không có một mảnh ghép nào của nền kinh tế thiêng liêng có thể đứng một mình, mỗi mảnh một cách tự nhiên sẽ tạo ra những mảnh khác. Nhưng nếu có một cái chốt, đó chính là sự kết thúc tăng trưởng, sự chuyển tiếp của loài người đến một mối quan hệ mới với Trái Đất, một Câu

Chuyện mới của Loài Người. Cuối cùng, chính khao khát đang trỗi dậy của chúng ta muốn trở thành cộng sự của Trái Đất, và nhận thức tâm linh mới vừa tìm thấy của chúng ta về sự độc nhất và tính kết nối của muôn loài là những gì làm nền tảng cho cái mà tôi gọi là kinh tế học thiêng liêng.

PHẦN III:

THỰC HÀNH NỀN KINH TẾ MỚI

Việc chuyển đổi sang nền kinh tế thiêng liêng là một phần trong sự chuyển dịch rộng lớn hơn về nhận thức, sự liên kết, và về cách sống của chúng ta. Lý luận kinh tế không thôi không đủ để giúp nền kinh tế này trụ vững. Nhiều nhà kinh tế có tầm nhìn đã tạo ra những cuộc cách mạng đầy thuyết phục về tiền tệ và hàng hóa dựa trên toán học, nhưng ngay cả khi một vài ý tưởng trong số này có được đem ra kiểm nghiệm trên thực tế thì cũng chưa có cái nào trụ được với thời gian. Do vậy, trong phần cuối này của cuốn sách, tôi sẽ dành để nói về việc chuyển biến nhận thức và hành động đi kèm với hệ thống tiền tệ mới mà tôi vừa miêu tả ở những phần trên. Khi chữa lành được vết thương chia cắt giữa tâm hồn và vật chất, chúng ta cũng nhận ra rằng kinh tế và tâm linh là những mặt không thể tách rời nhau. Trên phương diện cá nhân, kinh tế là cách chúng ta trao đi những gì ta có và đáp ứng các nhu cầu của bản thân. Nó phản ánh việc ta là ai trong mối quan hệ với thế giới này. Bằng việc thay đổi cách suy nghĩ và hành động kinh tế trong cuộc sống hằng ngày của mình, ta không chỉ tự chuẩn bị cho mình trước những thay đổi to lớn sắp tới; mà ta còn đang đặt nền móng cho những thay đổi đó. Bằng việc thực hành những khái niệm của kinh tế thiêng liêng trong cuộc sống hằng ngày, ta giúp chúng dần được mọi người chấp nhận và chào đón nó tới với thế giới.

CHƯƠNG 18:
HỌC LẠI VĂN HÓA QUÀ TẶNG

Nhân ngãi không như những kẻ cho vay lãi suất nặng chỉ biết sống cho bản thân. Rồi thì họ cũng sẽ phải rời mắt khỏi nhau để quay lại với cộng đồng.

– Wendell Berry

Trong thời đại của mình, chúng ta đã tạo ra sự phân biệt giữa các trao đổi tiền tệ và các món quà. Cái thứ nhất nằm trong phạm vi tính toán vì lợi ích cá nhân; còn cái thứ hai thì ít hay nhiều phần nào cũng đó là sự vị tha và không vụ lợi. Sự phân chia nền kinh tế thành hai phần tách biệt như vậy phản ánh những sự lưỡng phân quan trọng khác trong nền văn minh của chúng ta: con người và thiên nhiên, tinh thần và vật chất, tốt và xấu, thiêng liêng và trần tục, tâm trí và cơ thể. Nếu quan sát kỹ, chúng ta sẽ thấy không một sự phân chia nào trong số đó trụ vững được, chúng đều đang sụp đổ khi Thời đại Chia cách dần khép lại. Và vì thế, khi chúng ta xóa bỏ sự phân chia giữa tinh thần và vật chất, trả lại tính linh thiêng cho vạn vật, cũng như khi ta từ bỏ ý định vượt lên trên thiên nhiên và nhận ra rằng chúng ta là một phần trong đó, thì ta cũng sẽ trả lại tinh thần quà tặng cho mọi mặt của nền kinh tế, dù nó có liên quan đến tiền bạc hay không.

Mọi phương diện của sự tiến hóa về tiền tệ miêu tả trong cuốn sách này đều mang đến cho đồng tiền những thuộc tính của một món quà:

1. Sau một thời gian thì việc cho đi và nhận lại phải cân bằng với nhau. Việc tính toán đến những chi phí về sinh thái sẽ đảm bảo rằng ta sẽ không lấy đi của trái đất nhiều hơn những gì ta có thể mang lại cho nó.
2. Nguồn gốc của món quà cần được ghi nhận. Việc hồi phục lại tài nguyên chung có nghĩa là bất cứ việc sử dụng của cải chung nào cũng

phải được thừa nhận bằng việc trả công cho tất cả.
3. Món quà thường quay vòng chứ không dồn đọng lại. Đồng tiền mất giá dần là để đảm bảo rằng của cải là hàm số của dòng chảy chứ không phải của sự chiếm hữu.
4. Món quà chảy về phía cần nó nhất. Lợi tức xã hội đảm bảo rằng những nhu cầu thiết yếu nhất của mỗi người đều được đáp ứng.

Vậy nên nền tảng của một nền kinh tế thiêng liêng là việc ý thức được về quà tặng. Phần còn lại của cuốn sách này sẽ đi sâu vào những cách mà chúng ta có thể làm để khôi phục lại tinh thần quà tặng trong cuộc sống của chính mình, để có thể hỗ trợ và chuẩn bị cho một thế giới mới đang đến gần.

Tôi không phải là đang đề nghị bạn trở thành một vị thánh và từ bỏ lợi ích bản thân. Văn hóa quà tặng không đơn giản như vậy. Khi khoác lên vật chất những đặc tính thường được gán cho tinh thần, chúng ta cũng đang mang lại cho tinh thần những đặc tính hỗn độn của vật chất. Khi đó, mặt tâm linh trong những quan niệm của chúng ta không còn là một nơi cho sự tuyệt đối về trật tự, hài hòa, tốt lành và công bằng nữa. Tương tự như vậy, khi ta đem đến cho đồng tiền những đặc tính của văn hóa quà tặng, ta cũng phải nhận ra rằng quà tặng chưa bao giờ, và có thể là không bao giờ, là một khái niệm về sự không ích kỷ và không vụ lợi một cách thuần khiết cả.

Ta hãy bàn về tư tưởng món quà cho không, mà Jacques Derrida định nghĩa nó như sau: "Để một thứ được coi là một món quà thì phải không có sự đáp lại, trả lại, trao đổi, quà tặng lại, hay mang nợ vì nó". Như vậy, nó sẽ không mang lại lợi ích gì cho người tặng quà, chẳng hạn như địa vị xã hội, lời khen ngợi, sự tỏ lòng biết ơn, và có thể ngay cả cảm giác rằng mình đã làm được một điều tốt. Một ví dụ gần nhất với khái niệm này trong thực tế có lẽ là hành động từ thiện ẩn danh, hoặc việc bố thí cho những người đạo Jain khổ hạnh, người mà chắc chắn không cảm ơn hay khen thức ăn được cho.[1] Những đức tin của đạo Jain khá phù hợp với mối liên quan này giữa quà tặng miễn phí với sự thuần khiết, tâm linh, thoát tục. Qua sự khổ hạnh, đạo Jain muốn xóa bỏ nghiệp chướng và gột sạch mình mà không tạo ra những ràng buộc mới với thế gian. Vì vậy họ luôn để ý nhằm tránh không đến cùng một ngôi nhà trong hai lần và không bao giờ đáp lại một lời mời

nào. Họ hướng tới việc trở thành một vị khách không được mong chờ nhưng vẫn được một món quà từ thiện thuần khiết mà không vướng vào một ràng buộc nào với thế giới.

Đạo Jain là một trường hợp đặc biệt, nhưng các tư tưởng tương tự cũng có ở các tôn giáo khác trên thế giới. Chẳng hạn như những người theo đạo Cơ đốc được căn dặn là phải nhịn ăn, cầu nguyện, và làm từ thiện bí mật. Những người đạo Phật theo gương Bồtát cần phải cống hiến đời mình cho việc giải phóng mọi sinh linh, đặt những người khác lên trước bản thân mình. Trong đạo Do thái, nguyên tắc *chesed shel emet*[2], hình thái cao nhất của lòng tốt, là việc cho đi mà không hi vọng vào sự biết ơn hay đền đáp. Và hình thức từ thiện cao cả nhất là khi cả người cho lẫn người nhận đều không biết ai cho đi, ai nhận lấy. Từ thiện dấu mặt là một trong năm cột trụ của đạo Hồi, và các tổ chức từ thiện lớn của Hồi giáo đều được tài trợ ẩn danh. Tôi không nghĩ mình cần phải đưa ra nhiều các ví dụ hơn nữa để thuyết phục bạn đọc về mối liên quan giữa tôn giáo với lòng vị tha và việc từ thiện ẩn danh.

Tư tưởng của tôn giáo về quà tặng miễn phí mà không tạo ra ràng buộc xã hội nào trớ trêu thay lại rất giống với các giao dịch tiền tệ! Những giao dịch này cũng không tạo nên bất kỳ điều khoản nào hay mối ràng buộc nào: một khi tiền đã trao và cháo đã múc thì cả hai bên mua bán không còn nợ gì nhau nữa. Nhưng trừ trường hợp ngoại lệ với những món quà lý tưởng bàn đến ở trên thì quà tặng nói chung thường lại rất khác. Nếu bạn cho tôi một thứ gì đó, tôi sẽ cảm thấy biết ơn và mong muốn được trao lại cho bạn hoặc cho ai đó khác theo như các tập tục xã hội. Dù sao thì một giao ước cũng đã được đặt ra, đảm bảo rằng việc quay vòng kinh tế sẽ tiếp tục vận hành trong cộng đồng tặng quà. Các món quà ẩn danh không tạo ra những ràng buộc đó, và không làm cho cộng đồng thêm vững chắc. Người nhận quà có thể cảm thấy biết ơn, nhưng thái độ biết ơn đó không hướng đến một cái gì cụ thể mà chỉ là biết ơn đại đồng hoặc một vật trừu tượng.

Hơn nữa, lòng biết ơn không chỉ đến từ việc được nhận quà mà còn từ việc được chứng kiến sự trao đi đó. Sự hảo tâm của người khác khiến chính ta cũng hướng tới lòng hảo tâm. Chúng ta mong muốn được tặng quà cho những người rộng lượng. Chúng ta cảm kích bởi sự hào phóng, nhạy cảm,

và lòng tin của họ. Chúng ta muốn được chăm sóc họ. Có lẽ chỉ trừ trường hợp từ thiện ẩn danh, còn lại thì quà tặng không xuất hiện ở một nơi không có ràng buộc xã hội. Quà tặng mở rộng vòng tròn bản ngã, nối lợi ích của bản thân ta với những ai khi có đủ thì sẽ cho ta những gì ta cần. Tư tưởng của tôn giáo về việc món quà không ràng buộc sẽ lan tỏa sự biết ơn đến tận vũ trụ có thể có chỗ đứng, nếu ta mong muốn được hòa mình với mọi sinh linh. Nhưng tôi không cho rằng lời giải cho Thời đại Chia cắt hiện giờ là trạng thái hòa nhập cũng vũ trụ. Thay vào đó, ta nên bước vào một bản ngã đa phương diện. Bản ngã này vẫn đồng nhất với mọi sinh linh, vâng, nhưng nó cũng hòa mình với nhân loại, với văn hóa đặc trưng, khu vực sinh học, cộng đồng, gia đình, và với cái tôi của chính nó. Theo đó, quà tặng ẩn danh, không ràng buộc đóng một vai trò quan trọng nhưng hạn chế trong nền kinh tế mới này.

Điều này hoàn toàn đúng với các nền văn hóa quà tặng nguyên thủy. Mặc dù có sự hiện diện của món quà cho vũ trụ mà không cần đến đáp dưới dạng vật tế thần, nhưng hầu hết các món quà ở đây thường mang tính xã hội. Trong cuốn chuyên khảo kinh điển năm 1924 mang tên *The Gift* [3], Marcel Mauss đã đưa ra các bằng chứng rõ ràng để phủ nhận sự tồn tại của món quà miễn phí trong các xã hội nguyên thủy. Mauss nói rằng nhìn chung, việc tặng và nhận quà được quyết định một cách khá chính xác, và điều này được thực thi thông qua sự chấp thuận hay đàm tiếu của xã hội, qua việc trao địa vị hay tẩy chay, cũng như các dạng áp lực xã hội khác. Đây là trạng thái lý tưởng: những ràng buộc và cam kết mà các món quà và sự đền đáp theo mong đợi mang đến sẽ là chất keo gắn kết xã hội.

Hiện nay, ta có thể cảm nhận được sự thiếu hụt về các mối gắn kết xã hội này. Với tư duy cá nhân và việc chỉ nghĩ đến những cái thuộc về mình thì bất cứ bổn phận và sự phụ thuộc nào cũng đều bị coi là một mối nguy hại. Các món quà tự chúng sẽ tạo nên những bổn phận, và vì thế, trong Thời đại Chia cắt, con người đã trở nên e ngại không muốn cho đi và càng không muốn nhận lại. Chúng ta không muốn nhận quà vì ta không muốn phải có bổn phận với bất kỳ ai. Chúng ta không muốn mắc nợ ai cái gì cả. Chúng ta không muốn phải phụ thuộc vào quà tặng hay lòng từ thiện của bất kỳ ai – "Tôi có thể tự trả tiền, cảm ơn. Tôi không cần anh". Theo đó, chúng ta nâng những hành động từ thiện ẩn danh lên một địa vị đạo đức cao quý.

Việc cho đi mà không có ràng buộc, không mong được đến đáp giờ được coi như là một hành động cao thượng.

Một phần của việc sống với tặng quà là con người nhận thức được và có bổn phận nhận lấy cũng như cho đi. Mauss đã đưa ra ví dụ về những người Dayak, họ "thậm chí đã phát triển cả một hệ thống luật lệ và đạo đức dựa trên nghĩa vụ mà mỗi người phải thực hiện trong bữa ăn mà họ đang tham dự hay thấy được chuẩn bị".[4] Cá nhân tôi cũng đã được trải nghiệm những điều tương tự trong thời gian tôi sống ở Đài Loan. Tại đây vẫn có những dấu ấn của văn hóa quà tặng từ thời xã hội nông nghiệp xa xưa vẫn còn lưu lại ở các thế hệ lớn tuổi. Ở đó, việc không mời khách ăn là một thiếu sót lớn, nhưng việc không nhận lời khi được mời ăn cũng là một hành động thiếu lịch sự không kém. Nếu bữa tối đang được chuẩn bị và bạn cố tìm cớ để rời đi trước khi bữa ăn bắt đầu thì sẽ không nhất thiết được coi là thái độ lịch sự (trừ khi bạn có một lí do hết sức thuyết phục). Việc từ chối một món quà đồng nghĩa với việc cự tuyệt một mối quan hệ. Nếu như các món quà tạo ra sự gắn kết và mở rộng vòng tròn bản ngã thì việc từ chối trao đi hay nhận lấy một món quà tương đương với việc nói rằng: "Tôi từ chối được kết nối với bạn. Bạn là một *người khác lạ* nằm trong vòng tròn của tôi". Như Mauss đã nói: "Việc từ chối cho đi hay không mời thì cũng giống như việc từ chối không nhận, chúng đều tương đương với việc tuyên bố chiến tranh; nó có nghĩa là bạn đang chối bỏ mối quan hệ đồng minh và sự tương đồng".[5]

Việc từ chối mối quan hệ này là một điều nghiêm trọng. Tác giả Mark Dowie kể về việc một bộ tộc Alaska ông từng sống cùng đã triệu tập một cuộc họp của các vị bô lão để bàn về việc một thành viên của bộ tộc vi phạm nghiêm trọng đạo đức chung. Người bị nghi vấn đã giữ lại cho mình tất cả thành quả của cuộc đi săn của anh ta và coi thường tục lệ biếu tặng của bộ lạc. Các vị bô lão coi hành động (đã diễn ra nhiều lần) này của anh ta nghiêm trọng đến nhường nào? Mục đích cuộc họp của họ là để quyết định xem có nên giết anh ta không.[6]

Trong nhiều trường hợp sẽ có một hình thức thương lượng ngầm diễn ra, trong đó đôi bên sẽ đưa ra các cái cớ và những lời thoái thác cho đến khi đến được thỏa thuận về một món quà phản ánh đúng mối ràng buộc họ

muốn thiết lập.[7] "Ồ, không được, tôi vừa mới ăn xong (nói dối). Cho tôi xin một tách trà thôi". Một tách trà được bưng ra, kèm vào đó là một đĩa đầy bánh đậu xanh, mận khô, và hạt dưa. Tôi nhằn chút hạt. Chủ nhà gói cho tôi ít bánh mang về. Và cứ như vậy. Điệu cà cưa cho nhận này không có mặt trong một nền kinh tế hàng hóa như của chúng ta.

Nhưng ngay cả ở Mỹ, dù chúng ta có bị tách rời khỏi văn hóa quà tặng đến mấy thì ta vẫn có thể hiểu được logic này. Có thể bạn đã từng được nhận sự giúp đỡ của ai đó và xin trả công cho họ, nhưng rồi chỉ nhận được sự thất vọng và xa cách sau đó. Việc trả tiền cho món quà khiến nó không còn là một món quà nữa, và mối ràng buộc đáng lẽ được tạo nên thì lại bị cắt đứt.

Sự chán ghét bổn phận củng cố tính hấp dẫn các giao dịch tiền tệ. Như Richard Seaford nói: "Thứ cho đi trong một cuộc giao dịch thương mại hoàn toàn tách rời mãi mãi khỏi những người thực hiện cuộc giao dịch đó".[8] Khi chúng ta thanh toán cho mọi thứ mình nhận được, ta giữ được sự độc lập, không liên đới, không chịu sự ràng buộc hay bổn phận nào. Không ai có thể nhờ vả ta, không ai có thể tác động tới ta. Trong một nền văn hóa quà tặng, nếu ai đó nhờ chúng ta làm gì thì ta không thể chỉ nói không là xong. Người đó và cả xã hội, dù có nói thẳng ra hay không, thì đều đang tỏ ý rằng: "Này, anh có nhớ những điều chúng tôi đã làm cho anh không? Anh có nhớ lúc chúng tôi trông con giúp anh không? Lúc chúng tôi cứu con bò của anh? Lúc chúng tôi dựng lại chuồng bò của anh sau vụ cháy? Anh nợ chúng tôi đấy!" Giờ đây, chúng ta muốn rằng mình có thể tuyên bố: "Tôi đã trả công anh trông con cho tôi. Tôi đã trả công anh dọn tuyết ngoài hiên nhà tôi. Tôi đã trả công cho tất cả những việc anh làm cho tôi. Tôi không nợ gì anh cả!"

Bởi vì việc sẵn sàng nhận quà tạo nên lòng biết ơn hoặc bổn phận, nó cũng là một cách thể hiện sự rộng lượng. Nhận quà là thể hiện rằng: "Tôi sẵn sàng mang nợ anh lần này". Hoặc, trong một nền văn hóa quà tặng phức tạp hơn thì nó có nghĩa là: "Tôi sẵn sàng mang nợ cộng đồng". Áp dụng triết lý này xa hơn nữa, việc chấp nhận một cách trọn vẹn món quà được cho nói lên rằng: "Tôi sẵn sàng mang nợ Chúa trời và vũ trụ". Cũng như

vậy, việc từ chối quà giống với việc ta xin khất những bổn phận đi cùng với lòng biết ơn. Một người lái xe taxi tên là Stewart Millard nhận xét:

> *Kết luận đầu tiên mà tôi rút ra là tiền bạc khiến chúng ta trở nên lạc lõng các mối quan hệ giữa người với người. Nếu tôi vừa mới nhận được một bộ lốp mới từ anh bạn tôi là Greg ở xưởng bán lốp xe của anh ấy (thực sự là tôi cũng vừa nghĩ đến việc này khi đậu trong bãi xe của anh ấy đây thôi!), và tôi không có việc tiền nong gì cả, thì tôi phải trả ơn Greg thế nào đây? Và một câu hỏi tế nhị hơn một chút được đặt ra là: Điều gì sẽ xảy ra nếu tôi không chấp nhận món quà bằng những cái lốp xe này từ Greg?*

Sau khi nhận những chiếc lốp xe như một món quà mà không trả tiền, thì trong tôi sẽ tự động nảy sinh một loạt hành động và cân nhắc tiếp theo. Tôi có thể tặng lại anh ấy cái gì đây? Tôi có thể đợi cho đến khi anh ấy cần giúp gì đó, hoặc tôi có thể làm một việc tốn công hơn là tìm hiểu về anh Greg, tạo điều kiện cho một sự trao đổi tự nhiên hơn diễn ra. Với tiền nong, tôi có thể thanh toán, và rồi không cần phải để ý gì đến người bên kia cuộc giao dịch nữa. Không cần phải tìm hiểu về anh ta, không có sự đan xen cuộc đời với nhau một cách tự nhiên trong sự phụ thuộc và cảm kích lẫn nhau. Một lý do khiến chúng ta không chịu đựng được nhau đơn giản là bởi vì chúng ta có tiền. Nếu người kia làm trái ý ta, ta chỉ cần mang tiền của mình đi chỗ khác và để mặc người kia như vậy.

Một trong những món quà quan trọng nhất mà bạn có thể cho đi, đó là việc hoàn toàn chấp nhận món quà từ người khác. Ngày nay, chúng ta có nhiều cách để từ chối, hoặc là chỉ nhận một phần của món quà. Bất cứ việc gì ta làm để bớt bổn phận khi nhận quà là một hình thức từ chối – ví dụ như nhắc người cho quà rằng năm ngoái ta đã tặng cô ấy cái gì; tỏ ý rằng ta đáng được nhận món quà kia; giả bộ rằng quà gì thì ta cũng không cần nó lắm; hoặc đòi được chi tiền trả cho cái gì đó khác. Khi ai đó khen tôi điều gì, đôi lúc tôi thường không nhận lời khen bằng cách phủ nhận sự thật, giả vờ khiêm tốn, hoặc nói giảm đi bằng những câu như: "Ồ, ai cũng làm vậy mà; không có gì đặc biệt cả đâu". Khi ai đó nói "Cảm ơn", đôi khi tôi thấy mình từ chối lời cảm ơn đó với những câu như: "Không có gì". Có người nói: "Những gì anh viết đã làm thay đổi đời tôi," và tôi sẽ trả lời là: "Sự

thay đổi đã nằm sẵn bên trong bạn, và những gì tôi viết chỉ là phương tiện cho nó. Người khác cũng đọc những câu này mà không thấy có ảnh hưởng gì đâu". Mặc dù câu trả lời này có thể đúng, nhưng đôi khi tôi đã sử dụng nó để khước từ món quà là sự ca ngợi hay lời cảm ơn mà tôi sợ phải đón nhận hết mình.

Một cách để từ chối những món quà dưới hình thức lời khen là việc khen ngược lại người kia một cách quá sốt sắng, làm mất sự tập trung vào câu khen ban đầu và không để cho nó kịp lắng đọng. Nếu lòng biết ơn khiến ta muốn đền đáp thì ta không nên tặng lại nó quá nhanh, hoặc nó chỉ còn đơn giản là một cuộc giao dịch, và không khác nào một cuộc mua bán. Rồi nó chỉ xóa đi bổn phận chứ không khiến người cho và người nhận xích lại gần nhau hơn.

Hoàn toàn nhận lấy có nghĩa là sẵn sàng đặt mình vào tư thế có bổn phận với người cho hoặc với xã hội nói chung. Lòng biết ơn và bổn phận đi kèm với nhau; chúng là hai mặt của một đồng xu. Có bổn phận nghĩa là cần phải làm gì? Là cho đi mà không cần "được đền đáp". Lòng biết ơn là gì? Là mong muốn được cho đi mà cũng không cần được đền đáp, xuất phát từ nhận thức rằng chính mình đã từng được nhận lấy. Trong thời đại con người cách biệt với nhau, chúng ta đã tách rời hai khái niệm này cho dù ban đầu chúng đều là một: bổn phận là thứ đến từ bên trong, và chỉ còn là sự bắt buộc nếu không thật lòng.[9] Rõ ràng là nếu vậy thì việc ngại nhận lấy thực chất là việc ngại cho đi. Chúng ta nghĩ rằng mình là người cao thượng, biết hi sinh, và không ích kỷ nếu ta chỉ muốn cho đi mà không muốn nhận lại. Thực chất thì không phải vậy. Một người rộng lượng sẽ cho đi và nhận lại một cách sẵn sàng như nhau. Hãy đừng sợ việc phải có bổn phận hay phải biết ơn. Chúng ta sợ bổn phận bởi vì đương niên là ta sợ "phải làm" gì đó, ta e ngại việc bị bắt buộc, e ngại sự cưỡng ép ẩn dưới các thể chế trong xã hội ta. Nhưng khi chúng ta biến cụm từ "phải làm" thành "mong muốn", thì chúng ta đã được tự do. Khi ta nhận ra rằng cuộc sống chính nó là một món quà, và ta ở đây là để cống hiến bản thân mình, thì chúng ta sẽ được tự do. Dù sao thì cuối cùng những gì ta lấy đi trong cuộc đời này cũng sẽ chết cùng ta. Chỉ những món quà ta trao đi là sẽ sống mãi.

Giờ bạn có thể thấy việc từ chối quà tặng phổ biến đến thế nào trong văn hóa của chúng ta, và ta cần phải học lại nhiều thứ đến mức nào. Nhiều thái độ được coi là khiêm tốn hay nhún nhường thực chất là sự từ chối những mối liên hệ, sự xa cách người khác, sự không chấp nhận việc nhận. Chúng ta sợ nhận lấy chả kém gì sợ trao đi; thực chất là ta không thể làm điều này mà không làm điều kia. Chúng ta có thể cho rằng mình cao quý và rộng lượng khi sẵn sàng cho đi hơn là nhận lại, nhưng thực chất thì nó cũng bủn xỉn như điều ngược lại, bởi nếu ta không nhận lấy thì nguồn cung cấp những món quà từ chính ta cũng sẽ cạn khô. Và điều này không chỉ bủn xỉn mà nó còn là một sự ngạo mạn: Ta nghĩ rằng nguồn gốc của những gì ta cho đi là gì cơ chứ? Là chính bản thân ta ư? Không. Chính cuộc sống này là một món quà, cuộc sống và những gì nuôi dưỡng nó, từ cha mẹ cho đến toàn bộ hệ sinh thái. Không có gì được tạo nên từ nỗ lực của bản thân ta cả. Điều này cũng đúng với khả năng sáng tạo, cả về thể lực lẫn tinh thần, thứ mà một số người đã cảm nhận được và gọi đó là Của trời ban.

Tất nhiên là có những lúc bạn hoàn toàn có thể từ chối quà tặng, nhất là khi bạn không muốn tạo ra mối quan hệ mà món quà đem đến. Tất cả các món quà đều "có ràng buộc". Nhưng thường thì ta ngại nhận lấy không phải vì muốn tránh một mối quan hệ cụ thể nào, mà chỉ là không muốn bị ràng buộc nói chung.

Những sáo ngữ tâm linh của Thời Đại Mới về việc "mở lòng ra với sự bao la" khiến tôi nôn mửa, nhưng cũng giống như hầu hết các sáo ngữ nói chung, nó vẫn chứa đựng một chút sự thật. Tuy nhiên sự e ngại không muốn nhận lấy không chỉ là vấn đề tự ti hay cảm thấy không xứng đáng, như lời một vài bậc thầy self-help, mà suy cho cùng thì nó còn là sự e ngại phải cho đi. Hai điều này luôn đi kèm với nhau, và luôn là vậy! Chúng là sự e ngại cuộc sống, e ngại việc kết nối; chúng là một dạng dè dặt. Cho đi và nhận lại, việc gia ơn và chịu ơn, việc phụ thuộc vào người khác và để người khác phụ thuộc vào mình – đó chính là việc sống hết mình. Còn việc không cho mà cũng không nhận, thay vào đó là thanh toán cho mọi thứ; việc không bao giờ phụ thuộc vào ai, mà tự chủ về tài chính; việc không gắn kết với một nơi chốn hay cộng đồng nào, mà luôn di chuyển… đó là thiên đường hoang tưởng cho những cá nhân kín đáo và tách biệt. Và cũng như với thái độ ngạo mạn tâm linh về sự không trói buộc, với ảo tưởng tôn

giáo về sự phi trần tục, và với tham vọng của khoa học về việc làm chủ và khuất phục thiên nhiên, đó hóa ra không phải là thiên đường mà lại là địa ngục.

Và khi ta đã thức tỉnh và nhận ra những ảo tưởng về sự không ràng buộc, sự độc lập và sự siêu việt, ta sẽ đi tìm lại bản ngã chân thực và cởi mở. Ta khát khao có được một cộng đồng. Sự độc lập và không ràng buộc trước giờ dù sao cũng chỉ là những ảo tưởng. Thực tế là chúng ta đã, đang và sẽ luôn hoàn toàn phụ thuộc vào nhau và vào thiên nhiên chứ không còn cách nào khác. Và cũng sẽ không thể thay đổi được sự thật là nếu không dựa vào nhau, cho đi và nhận lại, yêu thương nhau, thì sống cũng chả để làm gì.

Nhưng chắc chắn là việc không ràng buộc cũng có lý do riêng của nó, cái lý do mà văn hóa quà tặng cho thấy khi ta bớt bám chặt lấy của cải của mình. Sự không ràng buộc này vốn tồn tại trong bối cảnh của sự gắn bó và kết nối, chứ không phải là trong sự độc lập và tách rời. Thực vậy, các món quà giúp ta buông bỏ những ràng buộc của cái tôi bởi vì chúng mở rộng bản ngã ra ngoài cái tôi, chỉnh sửa lợi ích cá nhân cho phù hợp với an sinh của một tổng thể rộng lớn, kết nối chặt chẽ với nhau hơn. Các món quà vừa là chất xúc tác, vừa là hệ quả của sự mở rộng bản ngã này; chúng vừa là nguyên nhân vừa là kết quả. Khi cảm nhận mối liên hệ với người khác, ta mong muốn được cho đi. Càng cho đi, ta càng cảm nhận rõ hơn những mối liên hệ quanh mình. Món quà là biểu hiện vật lý xã hội của sự hòa hợp căn bản.

Tách rời khỏi thế giới, người ta sẽ ít làm được điều tốt hay điều xấu trên đời này. Đắm mình trong thế giới, ta phải học cách sử dụng những gì mình có một cách sáng suốt.[10] Việc ngụp lặn hoàn toàn trong các mối quan hệ và bổn phận xã hội là một hành động hào phóng. Khi ta cho đi những món quà của mình mà thực chất là của chung, và trái ngược với các tư tưởng tôn giáo, ta lại tạo ra được sự đền đáp, thì là ta đang đóng góp vào việc làm tăng lượng quà, mở rộng khả năng và nhu cầu trao đi của chính mình. Cái chính là không cố ép một món quà đến đáp hay cố tính toán để được nhận lại – bởi khi đó nó không còn là một món quà nữa – mà là để đáp ứng một nhu cầu và tạo mối liên kết.

Cùng với các câu chuyện, những món quà là sợi chỉ nối các mối quan hệ, cộng đồng lại với nhau. Hai yếu tố này cũng liên kết khăng khít với nhau. Các câu chuyện có thể là một loại quà, hay chúng cũng đi kèm với các món quà, giúp nhấn mạnh tính độc đáo, riêng tư của món quà. Ta thường bị thôi thúc và muốn kể một câu chuyện về món quà. Tôi nhớ bà tôi đã từng kể lại rằng: "Xem nào, lúc đầu bà tìm ở hàng Macy nhưng không có, thế là bà lại đến cửa hàng J.C. Penney"… Dù gì thì các câu chuyện về việc ai cho ai cái gì cũng là một hình thức quan sát xã hội, làm ta trở nên hào phóng và giúp ta cảm nhận được tính cộng đồng.

Thái độ của người tặng quà khiến ta thực sự cảm động – "Tôi tặng không thứ này cho bạn và tôi tin rằng mình sẽ được nhận lại những thứ phù hợp, từ bạn hay từ ai đó trong vòng tròn tặng quà của chúng ta". Có cái gì đó vĩnh hằng và chân thật trong thái độ biết ơn và sự hào phóng mà không đòi hỏi được thưởng công hay có tính toán.[11] Và thế là sinh ra một nghịch lý: một mặt, các món quà có chức năng tạo ra những bổn phận và mang tới sự đoàn kết xã hội và cộng đồng. Mặt khác, tim ta lại rung động trước những món quà không muốn đi kèm với bổn phận và không đòi hỏi được đền đáp, và ta cảm động trước sự hào phóng của những người cho đi mà không mong được trả ơn. Có cách nào giải quyết được nghịch lý này không? Có – bởi nguồn gốc của bổn phận không cần phải là áp lực xã hội từ lợi ích cá nhân của một người nào đó nhất định. Mà thay vào đó nó có thể tự xuất hiện một cách không gượng ép; là kết quả của lòng biết ơn. Bổn phận này là một mong muốn tự nhiên, một hệ quả tất yếu của cảm giác được kết nối, là cảm giác xuất hiện một cách tự phát khi được nhận quà hay khi chứng kiến một hành động rộng lượng nào đó.

Logic của những cá thể rời rạc và tách biệt cho rằng con người có bản tính ích kỷ. Dựa trên thuyết sinh học về "gen vị kỷ" hay thuyết "con người kinh tế" của Adam Smith, thì anh có nhiều hơn nghĩa là tôi có ít hơn. Theo đó, xã hội cần phải áp dụng các hình thức răn đe hay khích lệ để nắn chỉnh hành vi ích kỷ của cá nhân với lợi ích của xã hội. Ngày nay, những hình mẫu mới trong sinh học đang thay thế dần học thuyết tân Darwin chính thống, trong khi các phong trào tâm linh, kinh tế và tâm lý đang thách thức những khái niệm vi mô về cá thể từ thời Decartes. Khái niệm cá thể mới này mang tính đồng phụ thuộc, và hơn nữa, vì chính sự tồn tại của nó, cá

thể này tham gia vào sự tồn tại của tất cả các cá thể khác mà nó kết nối cùng. Đây là cá thể được liên kết, bản ngã rộng lớn hơn, nó được mở rộng để bao lấy tất cả những người và vật trong vòng tròn quà tặng của nó ở nhiều mức độ. Trong vòng tròn này, anh có nhiều hơn không có nghĩa là tôi có ít hơn. Các món quà được luân chuyển nên phúc lộc của người này cũng là điều may mắn cho người khác. Khi hòa mình vào cảm giác rộng mở này của bản ngã, không ai phải cần phải ép buộc người khác chia sẻ cả. Các cơ cấu xã hội quay quanh quà tặng vẫn thực hiện mục đích: nhắc nhở các thành viên nhớ tới bản chất sự liên kết giữa họ, để kiềm chế những ai quên mất điều đó, và để cung cấp các hệ thống quà tặng giúp đáp ứng những nhu cầu của xã hội. Ai cho ai cái gì? Câu trả lời cụ thể phụ thuộc vào mỗi nền văn hóa và hoàn cảnh, hệ thống gia đình, đức tin tôn giáo, và nhiều thứ khác. Một cơ cấu quà tặng thường phát triển theo thời gian và có vai trò định hướng cho sự phân phát tài nguyên một cách hợp lý dựa vào văn hóa mỗi nơi.

Về bản chất, đây cũng là điều mà chúng ta muốn nền kinh tế tiền tệ đạt được: để kết nối các nhu cầu dù đó là nhu cầu của con người hay không với những món quà của con người và thiên nhiên mà có thể đáp ứng các nhu cầu. Mỗi đề xuất về kinh tế và tiền tệ trong cuốn sách này đều muốn đạt được mục tiêu này bằng cách nào đó. Hệ thống kinh tế cũ đối nghịch với mục đích này, bởi nó tập trung của cải, gạt bỏ những ai không thể trả tiền ra khỏi vòng tròn quà tặng (ví dụ như người nghèo, các giống loài khác, và trái đất), gây ra sự ẩn danh và rối loạn nhân cách, phá hủy cộng đồng và sự gắn kết, chối bỏ tính tuần hoàn và luật quay vòng, và đi theo hướng tập trung tiền bạc và của cải. Nền kinh tế thiêng liêng có đặc điểm ngược lại với những điều kể trên với các điều kiện: tính bình đẳng, hòa nhập, riêng tư, tạo gắn kết, bền vững và không tập trung. Một nền kinh tế như vậy đang đến gần. Nền kinh tế cũ không thể tồn tại được nữa. Đã đến lúc chúng ta chuẩn bị đón nền kinh tế mới bằng việc thực hành những nguyên lý của nó ngay từ hôm nay.

CHƯƠNG 19:
SỰ KHÔNG TÍCH TRỮ

Một khi sự tích trữ của cải không còn giữ vị trí quan trọng trong xã hội, thì sẽ có những thay đổi lớn về các quy tắc đạo đức. Chúng ta sẽ có thể từ bỏ những nguyên tắc đạo đức giả mạo đã bám lấy ta suốt hai trăm năm nay. Chúng đã khiến chúng ta đưa một vài đặc tính xấu xa nhất của con người lên vị trí cao nhất trong số các phẩm chất đáng có.

– John Maynard Keynes

Hãy độ lượng trước khi của cải làm ta trở nên tham lam.

– Ngài Thomas Browne

Trong cuốn sách này, tôi đã miêu tả khái niệm về sự giàu có như một dòng chảy chứ không phải là sự tích trữ. Đây không phải là một ý tưởng gì mới lạ: của cải chỉ bắt đầu được tích lũy từ khi có sự phát triển của nền văn minh nông nghiệp. Vì những người săn bắn hái lượm ngoài một số rất ít các ngoại lệ thì đều là dân du mục, vậy nên của cải là một gánh nặng đối với họ, theo đúng nghĩa đen. Còn nông dân là những người sống định cư; hơn nữa sinh kế của họ phụ thuộc vào việc dự trữ lương thực, đặc biệt là trong nền nông nghiệp dựa vào ngũ cốc. Những nhóm người săn bắn hái lượm giữ cho số dân của mình dưới mức giới hạn của hệ sinh thái nguyên thủy. Khi có hạn hán hay lũ lụt, họ có thể nhanh chóng di chuyển và thích nghi. Nông dân thì không như vậy. Việc bảy năm mất mùa rồi đến bảy năm được mùa là chuyện thường xảy ra cho họ, điều đó có nghĩa là họ phải dự trữ một lượng lớn lương thực. Việc tích trữ và lưu trữ là phương pháp an toàn nhất, và từ đó nảy sinh ra của cải, địa vị, và nhiều thói quen mà ngày nay ta cho là các phẩm hạnh: tiết kiệm, tính hi sinh, biết để dành cho những lúc khó khăn, các thói quen tốt khi làm việc, chăm chỉ, và cẩn thận.

Khi sống mà không có dự trữ lương thực, những người săn bắn hái lượm không làm nhiều hơn mức cần thiết ngoài việc đảm bảo các nhu cầu ngay trước mắt, và thường tận hưởng những quãng thời gian thảnh thơi dài ngày. Sự thảnh thơi của người nông dân thì lại đi kèm với chút cảm giác áy náy – anh ta đã có thể làm việc nhiều hơn một chút, tích trữ nhiều hơn một chút để đề phòng. Ở nông trại luôn có việc để làm. Ngày nay, chúng ta đã thừa hưởng thái độ của người nông dân và đẩy chúng đi xa hơn nữa, trong đó có khái niệm của nông nghiệp về sự giàu có.[1] Sau thời nông nghiệp, những thái độ này (đạo đức làm việc, sự hi sinh điều trước mắt cho tương lai, sự tích trữ, và sự kiểm soát) đã đạt đến một tầm cao mới trong Thời đại Máy móc.[2] Việc này đã dẫn đến sự tích lũy của cải nhiều đến mức cả những pharaoh giàu có nhất cũng không mơ tới được.

Và ngày nay, chúng ta đang ở giai đoạn được gọi là Thời đại Thông tin, và lại một lần nữa những thái độ này lại được đề cao hơn nữa. Và điều đó dẫn đến sự tích trữ của cải, và cái đói nghèo đối lập, cùng với sự xa lìa thế giới tự nhiên ở mức lớn nhất từ trước đến nay. Nhiều nhà quan sát đã chỉ ra rằng mỗi "thời đại" như vậy lại theo sau (mà thực chất là bao phủ lên) thời đại trước với tốc độ ngày càng cao.

Nói một cách rất đại khái thì thời đại nông nghiệp kéo dài ba thiên niên kỷ, thời đại công nghiệp kéo dài ba thế kỷ, và thời đại thông tin là ba thập kỷ.[3] Giờ đây, ở nhiều phương diện, chúng ta đang đến gần trạng thái độc nhất: có thể hàng loạt các thời đại sẽ thu ngắn dần vào chỉ còn được tính bằng năm, tháng, ngày, và rồi xuất hiện sự biến đổi thành một kỷ nguyên hoàn toàn mới, một thứ gì đó không thể biết trước được, hoàn toàn khác với những gì từng có trên đời. Có thể chúng ta không biết gì nhiều về nó, nhưng một điều chắc chắn về Thời đại Hòa hợp là nhân loại sẽ không còn ra vẻ mình là một ngoại lệ trong tự nhiên nữa.

Sự tích trữ hiển nhiên là đã vi phạm luật lệ của tự nhiên, nó không phù hợp với con người mới và mối quan hệ của họ với tự nhiên. Việc vơ vét tài nguyên quá sức tiêu thụ không phải là không có trong thế giới tự nhiên, nhưng điều này rất hiếm, và nhiều hình thức dự trữ thức ăn (ví dụ như việc sóc thu nhặt hạt dẻ) có các cách giải thích khác.[4] Nói chung, các hệ thống tự nhiên mang đặc tính của dòng chảy nguyên liệu, chứ không phải của sự

tích trữ. Trong mỗi con vật, các tế bào chỉ tích trữ lượng đường đủ để dùng trong một vài giây, và chúng phó mặc việc không ngừng cung cấp nhiên liệu cho thế giới của mình, trong trường hợp này là cơ thể con vật.

Các nhà sinh vật học tiến hóa đưa ra hai giả thuyết giải thích cho sự vơ vét của cải của con người, dưới con mắt của thuyết quyết định luận di truyền. Giả thuyết thứ nhất là hành động này mang lại sự an toàn, một lợi thế sinh tồn. Giả thuyết này cho rằng nếu có điều kiện thì những người săn bắn hái lượm và các loài khác cũng sẽ làm vậy, nhưng họ nhìn chung là thiếu công cụ. Giả thuyết thứ hai cho rằng sự tích trữ và tiêu dùng một cách phô trương là một hình thức trình diễn tán tỉnh. Nhà sinh vật học Walter K. Dodds giải thích rằng:

> *Hành động phô trương về quyền kiểm soát và tiêu thụ nguyên liệu giữa nam và nữ leo thang (góp phần vào cơn sốt xa xỉ phẩm) bởi vì sự chiếm hữu của cải quá mức là một đặc điểm chọn lọc giới tính. Ở một xã hội có mức sống cao, việc cho thấy quyền kiểm soát nguyên liệu vừa đủ để đảm bảo sự sống còn của bạn, đối phương, và con cái đơn giản là chưa đủ. Bạn cần kiểm soát nhiều tài nguyên hơn những kẻ cạnh tranh để có thể thu hút bạn tình.*[5]

Với các tiền đề của thuyết di truyền chính thống (mà việc phê bình nó nằm ngoài mục tiêu của cuốn sách này) thì suy luận đó có vẻ rất hợp lý và không còn gì để bàn. Tuy nhiên, nếu để ý kĩ ta sẽ thấy nó dựa vào lối lập luận vòng vo, nó quy chiếu cảm giác thiếu thốn, lo lắng và cạnh tranh của chúng ta lên thế giới tự nhiên. Khả năng tích trữ và tiêu thụ quá tải các nguồn tài nguyên chỉ là một lợi thế về sinh sản khi đặt trong một xã hội mà tài nguyên không được chia sẻ công bằng. Trong nền văn hóa dựa trên chia sẻ quà tặng, sự ấm no của con cái bạn không nhất thiết chỉ phụ thuộc vào việc người bạn đời của bạn có phải là một người đi săn hay hái lượm giỏi không. Hơn nữa, đã có những chứng cứ về nhân chủng học phủ nhận lý thuyết của Dodds. Thường thì những người săn bắn hái lượm và nông dân nguyên thủy sản xuất ít, và họ coi trọng sự thảnh thơi hơn là sự tích trữ và kiểm soát tài sản.[6] Đã không xuất hiện việc các gien di truyền thôi thúc sự cạnh tranh bằng cách phô trương của cải, mà ngược lại, việc dành dụm chỉ mang lại sự sỉ nhục chứ không phải là địa vị trong xã hội. Hơn nữa, hành

động chia sẻ tài nguyên là phổ biến, và khả năng làm việc hiệu quả lại là thứ gây ra nghi ngờ. Nếu có đặc điểm gì được chọn lọc qua di truyền thì chính là thiên hướng chia sẻ và đóng góp và sự no ấm của bộ tộc. Nếu phóng đại lên một chút, ta có thể nói rằng trong một cộng đồng biếu tặng, các tính toán vì lợi ích cá nhân chính là lòng vị tha.

Những suy nghĩ sai lầm của một cá thể rời rạc và tách biệt đã ăn sâu vào đầu ta đến nỗi bằng cách này hay cách khác, ta thường giả định nó là sự thật hiển nhiên. Khi đặt ra câu hỏi "Bản tính con người là gì?" ta đang suy diễn trở lại về một quãng thời gian trong tưởng tượng khi mà "việc ai người nấy lo", hay đúng hơn là nhà nào lo cho nhà nấy, và ta mặc định rằng cộng đồng là thứ phát triển sau, một sự tiến bộ so với trạng thái tự nhiên thô sơ. Đặc biệt, hai nhà triết học kinh điển trong lĩnh vực này là Hobbes và Rousseau đều đồng tình ở điểm đó, mặc dù họ có quan điểm trái ngược nhau về trạng thái tự nhiên của cuộc sống. Với Hobbes thì cuộc sống là một cái gì đó "*đơn độc*[7], thiếu thốn, dơ dáy, tàn bạo, và ngắn ngủi". Và đối với Rousseau thì cuộc sống cũng là sự đơn độc:

Trong khi đó, ở trạng thái nguyên thủy này, con người không có nhà ở, lều chòi hay tài sản gì cả; mỗi người ở nơi mình có thể sinh sống, thường là không quá một đêm; bạn tình gặp nhau mà không có sự sắp đặt gì cả, chỉ là sự tình cờ, cơ hội hay cảm tính đem họ đến với nhau; và họ chia tay cũng với thái độ dửng dưng đó. Những người mẹ lúc đầu cho con bú theo bản năng; và rồi sau đó thì nó dần trở thành hành động phục vụ cho những đứa con, khi thói quen đã làm cho mẹ con gần nhau hơn. Nhưng ngay khi đã đủ lớn để tự kiếm thức ăn, những đứa con sẽ tự ý bỏ rơi mẹ chúng; và vì không còn luôn ở bên nhau và không còn cách nào khác để gắn bó với nhau, chả mấy chốc mà họ không còn nhận ra nhau ngay cả khi có tình cờ gặp lại.[8]

Dù vào thời điểm đó điều này có đúng hay không, thì hiện nay việc tích trữ đúng là cũng đóng góp phần nào cho sự an toàn của chúng ta, và thậm chí là cho cả sức hấp dẫn giới tính của chúng ta. Nhưng nó sẽ sớm kết thúc. Tâm lý tích trữ của cải đi cùng với sự gia tăng khoảng cách, và nó sẽ kết thúc cùng một lúc với Thời đại Chia cắt. Hành vi tích trữ không có ý nghĩa gì đối với cái tôi mở rộng trong một nền kinh tế quà tặng.

Một chủ đề quan trọng trong tất cả các công trình của tôi là việc đan xen lối suy nghĩ của người săn bắn hái lượm với xã hội công nghệ hiện đại – một sự bổ sung cho nhau chứ không phải là vượt lên quá khứ. Trong cuốn sách này, tôi đã đưa ra khái niệm tiền tệ tương đương với sự không tích trữ (tiền tệ mất giá), sự không sở hữu (xóa bỏ tô kinh tế), và sự không chạy theo năng xuất (sự nhàn rỗi và phi tăng trưởng. Đáng chú ý là nhiều người cũng đã cảm thấy bị cuốn hút bởi những giá trị này ở phương diện cá nhân, ví dụ như phong trào theo hướng "tự nguyện đơn giản hóa" và việc nghi ngờ bản chất của lao động. Những người này đã đi trước thời đại và tiên phong một cách sống vừa mới vừa cổ xưa mà sau này sẽ sớm trở thành tiêu chuẩn.

Bill Kauth, người sáng lập ra nhóm Những chiến binh Thiêng liêng (Sacred Warriors) và những tổ chức khác, là một nhân vật kiến tạo xã hội nổi tiếng thế giới nhưng lại không như người ta nghĩ. Ông sở hữu rất ít thứ: một chiếc xe hơi cũ, vài đồ vật cá nhân, và như tôi biết thì ông không có tài sản tài chính nào. Nhiều năm trước, ông kể với tôi rằng ông tự hứa với mình về một thứ gọi là "ngưỡng thu nhập" (income topping), nghĩa là ông cam kết sẽ không bao giờ kiếm nhiều hơn $24.000 mỗi năm. Dù vậy, ông ấy nói: "Tôi đã từng ăn ở những nhà hàng ngon nhất thế giới, đi thăm nhiều thắng cảnh trên trái đất, và có một cuộc sống cực kì sung túc".

Trong thời đại của những cá thể tách biệt, chúng ta mang trong đầu thái độ chua cay và hoài nghi mà tô vẽ lên cái nhìn của ta về những con người và tổ chức khác. Khi ta nghe nói về một diễn giả truyền cảm hoặc tham gia một buổi nói chuyện về nhiều điều mới lạ, ta âm thầm (hoặc cả không âm thầm) đặt ra câu hỏi: "Tay này được lợi lộc gì trong việc này? Thủ đoạn ở đây là gì?" Ta nhận ngay ra bất kỳ sự đạo đức giả nào, ví dụ như những khoản "quyên góp" mà thực tế là bắt buộc. Thái độ hoài nghi của chúng ta thường là có lý do chính đáng. Đã có quá nhiều các giáo phái, phong trào tâm linh, và các tổ chức tiếp thị đa cấp làm giàu cho kẻ đứng đầu, và chúng ta khiến ta băn khoăn tự hỏi: "Liệu những thứ này có phải đều chỉ vì tiền không?" Bill Kauth đã cố gắng tìm một cách để tận dụng được tính năng động cao của hình thức đa cấp mà không đi kèm với "yếu tố lòng tham", và ông nói rằng ngưỡng thu nhập nói trên là thứ duy nhất khả thi.

Sự lo ngại rằng với bất cứ điều tốt nào thì "thực tế chỉ là ai đó đang tìm cách lợi dụng tôi" phản ánh một thứ gì đó tương đương trong bản thân ta, khi ta tự vấn động lực của chính mình. Và tất nhiên là đôi khi sự hoài nghi bản thân này là chính đáng. Đã có những lúc tôi thấy có vẻ như tất cả những gì tôi từng làm là đều vì một mục đích căn bản nào đó, rằng tất cả những món quà tôi cho đi chỉ là những tính toán cá nhân nhằm gây ấn tượng hay để nhờ vả gì ai đó, rằng sự rộng lượng của tôi chỉ là một cố gắng thảm hại để được công nhận, và rằng mọi mối quan hệ của tôi đều phát sinh từ một kế hoạch làm giàu bí mật nào đó. Có vẻ như cả đời tôi chưa làm gì thực sự hào phóng cả; và có vẻ như tôi luôn đang có âm mưu tự đề cao mình. Trạng thái ghét bỏ bản thân này được phản ánh rõ nét trong các thần thoại và tôn giáo. Ví dụ như bài thuyết pháp "Những tội đồ trong tay đức chúa nổi giận" (Sinners in the Hands of an Angry God) của Jonathan Edwards, cũng như học thuyết của John Calvin về sự suy đồi hoàn toàn của con người. Trong Phật giáo có nói về việc cúi đầu nhận ra rằng hành động của ta thường đến từ cái tôi, ngay cả khi và nhất là khi ta đang cố gắng vượt qua bản ngã!

Tôi đồng ý với Bill rằng ngưỡng thu nhập là một cách hiệu quả để xóa bỏ những nghi ngờ có thể đầu độc những tổ chức và những ý tưởng mà có tiềm năng thay đổi cuộc sống. Nó cũng có tác động như vậy đối với chính nội tại bản thân ta và bằng cách loại bỏ mối nghi ngờ về mục đích của bản thân, điều này cũng khiến lời nói của ta có thêm trọng lượng. Nó khẳng định cho ta và những người khác thấy được sự thật lòng của ta, và khiến mọi người tự do nhận lấy món quà của ta. Lời cam kết của Bill là một cam kết hết sức cá nhân, ông đã không nói cho ai khác biết, cho đến khi ông cho phép tôi viết về nó vào vài thập kỷ sau. Lúc đầu tôi nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu chính ông chia sẻ về lời cam kết này, nhưng sau khi nghĩ kỹ, tôi đã đổi ý. Năng lượng thực sự của lời cam kết đó sẽ tỏa ra từ ông dù cho ông có diễn giải nó cho người khác hiểu hay không. Hơn nữa, việc công bố chia sẻ về nó có nguy cơ tạo ra sự hoài nghi (cho cả bản thân lẫn người khác) rằng mục đích thực sự của nó là sự hư danh: để trông cho đẹp mặt, để được công nhận. Tuy nhiên, Bill cũng có nói rằng đến một lúc nào đó, ông sẽ muốn biến ý tưởng đó thành một cam kết cộng đồng, để củng cố niềm tin tưởng lẫn nhau và sự phụ thuộc lẫn nhau.

Ảnh hưởng tích cực của ngưỡng thu nhập lên tâm lý và xã hội đã khiến tôi suy nghĩ về nó trong bối cảnh nền kinh tế thiêng liêng, trong quá khứ và cả trong tương lai. Thay vì ngưỡng thu nhập, những tìm hiểu của tôi về các nền văn hóa cổ xưa cho thấy họ đã đề cao một thứ giống như "ngưỡng tài sản," mà tôi gọi là *sự không tích trữ* (nonaccumulation). Quay lại ví dụ về bộ tộc Alaska nói đến ở Chương 18, tội lỗi không phải ở chỗ người kia giỏi săn bắn quá, mà ở chỗ anh ta đã không chia thịt săn được cho người khác.

Sự không tích trữ này phỏng theo mô hình của các xã hội săn bắt hái lượm. Ở đó có sự sung túc nhưng không có sự tích trữ, và là nơi mà uy tín được trao cho những ai cho đi nhiều nhất. Để có thể cho đi nhiều nhất, ta cũng cần phải nhận được nhiều nhất, từ những người khác hay từ thiên nhiên. Người thợ săn giỏi, người nghệ sĩ hay nhạc sĩ lành nghề, những người năng nổ, khỏe mạnh và những người may mắn sẽ có thể trao đi nhiều. Trong mọi trường hợp, một dạng thanh thế như này đều nhằm đem lại lợi cho tất cả mọi người.

Chỉ khi thu nhập cao trở thành sự tích trữ, sự tiêu thụ phù phiếm, hay tới mức hủy hoại xã hội thì hẳn nên hạn chế nó lại. Nói cách khác, vấn đề không phải là ở việc có thu nhập cao mà ở chỗ nó mang đến hậu quả là sự tích trữ, ứ đọng, khi của cải tắc nghẽn ở một nơi nào đó trong vòng luân chuyển.

Sự không tích trữ là một lựa chọn có ý thức về việc chỉ tích lũy một lượng tài sản nhỏ. Nó được sinh ra không phải với mục đích là để trở thành người có đức hạnh, mà từ nhận thức rằng việc cho đi làm ta cảm thấy hài lòng hơn rất nhiều so với việc tích trữ, rằng cảm giác an toàn khi tích trữ chỉ là một ảo giác, và rằng tiền của thừa ra chỉ là gánh nặng cho chính cuộc sống chúng ta. Khái niệm này hoàn toàn phù hợp với tinh thần quà tặng, mà trong đó một nguyên tắc cốt lõi là quà tặng phải được luân chuyển. Chúng ta hãy nhớ lại lời của Mauss: "Nhìn chung, ngay cả những thứ họ có được bằng cách này – dù dưới hình thức nào – thì cũng không được giữ lại cho riêng mình, trừ khi họ không thể sống sót mà không có nó". Nói cách khác là nếu bạn cần nó thì hãy dùng nó. Nếu không thì hãy cho người khác. Nguyên tắc này hiển nhiên đến nỗi một đứa trẻ cũng có thể hiểu được. Vì

sao ta phải giữ lại thứ mà ta không thể sử dụng được? Chỉ có việc "nhỡ may" là khiến ta vơ vét và cất giữ đồ. Nhỡ may sau này tôi không có đủ thì sao? Nếu là trong nền văn hóa quà tặng thì một ai đó sẽ cho bạn thứ bạn cần. Trong nền văn hóa tích trữ, nỗi lo sợ về sự "nhỡ may" này lại tự ứng nghiệm, chính nó lại tạo ra tình trạng thiếu thốn và mong manh mà nó đã dự trù.

Có thể bạn cho rằng vì ta đang sống trong một nền văn hóa tích trữ và có một hệ thống tiền tệ gây ra tình trạng thiếu thốn, nên sự không tích trữ là một điều bất khả thi hiện nay. Có thể cá nhân bạn cũng khao khát việc ai cũng làm vậy thì tốt biết bao, nhưng vì chả ai làm thế cả nên tốt nhất là bạn vẫn cần phải bảo vệ bản thân. Suy nghĩ này rất có lý. Tôi không thể đưa ra lý lẽ nào để phản đối nó cả. Tất cả những gì tôi có thể đề xuất là khi đọc chương sách này, bạn hãy để ý xem có điều gì làm bạn động lòng ngoài lý lẽ ra không. Bạn hãy nhìn xem việc tính toán, suy nghĩ thực tế, và giữ an toàn đã đưa chúng ta tới đâu. Có lẽ đã đến lúc nghe theo một thứ gì khác ngoài lý lẽ.

Tôi thường không hay cổ vũ cho những thay đổi đột ngột, to tát. Nếu bạn là người giàu có, một cách để chuyển dần sang sự không tích trữ có lẽ là hãy giảm dần số của cải mà bạn đang tích lũy ngay bây giờ đây, hãy thu nhỏ nó lại khoảng 5% mỗi năm. Dù sao thì điều này cũng sẽ xảy đến trong một nền kinh tế thiêng liêng – vậy tại sao không bắt đầu thực hiện nó ngay từ giờ?

Tất nhiên là những người nghèo thì luôn sống trong sự không tích trữ từ đầu rồi. Và nền kinh tế hiện giờ đang khiến người trung lưu cũng phải làm vậy, họ hầu hết đều mua đồ bằng tín dụng chứ cũng không tiết kiệm tiền để mua nữa. Trong nền kinh tế của tương lai, những món nợ lãi cao sẽ không còn giữ ưu thế nữa, mà phần lớn người Mỹ hiện nay đã nhận thấy, các khoản tiết kiệm đã dần trở nên lỗi thời, và điều đó sẽ dọn đường cho một nền kinh tế không tích trữ sắp tới.

Việc tích lũy nhiều vốn vẫn có chỗ đứng ở đây, và vẫn có những người có tài dùng tiền như một phương tiện để thể hiện tính sáng tạo cao cả, như một lá bùa nghi thức để điều phối và tập trung hành động của con người. Đồng

tiền là thứ quyết định xem ngày mai liệu năm nghìn người có bắt tay vào xây tòa nhà chọc trời, dọn bãi rác thải độc hại, hay làm ra bộ phim kĩ thuật cao không. Tất nhiên là vẫn có những nghi lễ khác để phối hợp hoạt động của con người, trong đó có những cách gợi lên câu chuyện và quyền lực trước cả khi đồng tiền xuất hiện, nhưng tiền vẫn là một công cụ hữu hiệu. Đây chính là bản chất của khái niệm "đầu tư thiêng liêng" được nói tới ở chương sau. Với những người nắm giữ của cải, tôi mời bạn hãy suy nghĩ theo hướng những gì bạn có thể làm được với một lực lượng tập thể những con người. Hoặc là bạn có thể sử dụng tiền bằng cách nào tốt đẹp nhất?

Mỗi sinh vật trong tự nhiên, mỗi tế bào trong cơ thể, chỉ có thể xử lý một lượng năng lượng nhất định. Chúng ta cũng vậy. Dòng chảy lớn quá sẽ làm kênh đào nứt vỡ. Tích trữ quá nhiều sẽ trở thành khối u. Mua sắm một cách hoang phí là triệu chứng của việc có thu nhập quá tải, ví dụ như việc tậu một tòa lâu đài mà bạn chả bao giờ đến ở, hay việc mua chiếc Rolls-Royce thứ 15 chả hạn. Mọi sinh vật đều cố giải phóng dòng năng lượng, cùng lúc vừa cho đi vừa giữ lại. Điều mà một người giàu có hoang tàng thực sự cần làm là nên cho đi để cân bằng việc cho và nhận, nhưng anh ta lại chỉ biết mua sắm đồ đạc và giữ chúng. Nỗi lo sợ nào đã thôi thúc anh ta giữ chặt ngay cả khi đang thả tay ra vậy? Chính nỗi sợ đã làm chủ cá thể tách biệt, cô độc trong vũ trụ. Việc tích trữ là một cách phóng đại bản thể tách biệt nhỏ bé này lên. Nhưng rồi cuối cùng thì sự khuếch trương này chỉ là một lời nói dối trắng trợn mà thôi. Chúng ta đều sẽ rời bỏ thế giới này như lúc ta đến: một cách trần trụi.

Hầu hết những thứ trang hoàng cho người giàu đều chỉ là những đồ vật thay thế cho những thứ họ thực sự cần – xe ô tô thể thao thay vào sự tự do, dinh thự trang hoàng để bù vào mối liên hệ đã mất của một cá thể co cụm, những biểu tượng cho địa vị xã hội thay thế cho sự tôn trọng thật lòng từ chính bản thân và những người xung quanh. Sự phô trương của cải này thật là một trò chơi tẻ nhạt. Ngay cả cảm giác an toàn mà người ta nghĩ nó sẽ mang lại cũng chỉ là một sự lừa dối, bởi cuộc sống vẫn có cách để xuyên thủng pháo đài của cải, khiến những người trú ngụ bên trong cũng phải gánh chịu những dạng hình méo mó của các căn bệnh xã hội đang làm người bên ngoài khốn khổ. Tất nhiên là bạn có thể nghĩ ra những trường hợp y tế khẩn cấp mà sự giàu có sẽ là cái phao cứu lấy mạng sống, nhưng

rồi sao nữa? Dù sao chúng ta cũng sẽ đều phải chết, và dù bạn có sống lâu tới đâu, thì sẽ đến lúc bạn nhìn lại và thấy cuộc đời mình thật ngắn ngủi, chỉ như một tia chớp trong bóng tối, và bạn nhận ra rằng mục đích của cuộc sống cuối cùng thì không phải là việc tồn tại trong sự an toàn và tiện nghi tối đa, mà là chúng ta ở đây là để cho đi, để tạo ra những thứ tươi đẹp quanh ta.

Để bạn khỏi nhầm là tôi đang làm việc gì đó cao cả qua hành động không tích trữ, tôi xin đảm bảo với bạn rằng khi tôi bắt đầu sống như thế, tôi đã không có ý định hi sinh bản thân mà chỉ vì sự nhẹ nhõm và tự tại. Tôi là một người có tính hào phóng ở mức trung bình, và còn lâu mới được coi là thánh thiện. Cái tôi đưa ra không phải là một ý tưởng cao quý gì mà là rất thực tế. Trước hết, bởi nó giúp lòng tôi nhẹ nhàng và tự tại. Thứ hai, bởi tôi biết rằng khi cho đi, tôi sẽ được nhận lại. Thứ ba, bởi tôi sẽ tiếp tục sống trong sự giàu sang của sự kết nối, sự mở rộng vòng tròn bản ngã qua Món quà. Thứ tư, bởi tôi tin rằng tôi có một cuộc đời tươi đẹp ngay cả theo nghĩa vật chất. Ví dụ, tôi rất yêu biển cả, và đã nhiều năm tôi ước ao một ngày nào đó sẽ được sống trong một ngôi nhà bên bờ biển. Mong ước đó rõ ràng đến nỗi tôi có thể nghe thấy tiếng chim mòng biển và cảm thấy vị mặn trong không khí. Trước kia tôi đã tưởng rằng để được như vậy, tôi cần phải kiếm được rất nhiều tiền. Giờ thì tôi tin rằng dù tôi sẽ không bao giờ "sở hữu" một ngôi nhà gần biển nào, nhưng tôi sẽ luôn được mời đến sống ở một nơi như thế "vào bất cứ lúc nào," và rằng khi người chủ nhà nói: "Hãy tự nhiên như ở nhà," họ có ý như vậy từ tận đáy lòng.

Nếu thế gian nhiệt tình nhận lấy những thứ tôi đã tạo ra, thì tôi nghĩ rằng mình sẽ nhận được rất nhiều quà tặng, nhiều hơn những gì tôi có thể sử dụng một mình. Thật phí hoài khi tích trữ nhiều của cải, cổ phiếu và chứng khoán, các danh mục đầu tư, và đồ đạc chất đầy tầng hầm và phòng gác mái. Tại sao lại phải tích trữ khi trên đời này có quá nhiều thứ để sẻ chia? Dù nền kinh tế quà tặng và đồng tiền mất giá dần có xuất hiện trong vòng đời này không thì ta cũng có thể thực hành nó ngay bây giờ. Như lời của Gesell, chúng ta có thể hạ thấp đồng tiền xuống ngang hàng với những chiếc ô, và cho bạn bè mượn miễn phí hoặc tặng họ khi họ cần nó. Tất nhiên không có gì đảm bảo rằng tôi sẽ luôn nhận được số tiền hay các món quà khác khi tôi cần đến chúng. Tôi chắc rằng sẽ có lúc tôi chẳng có xu

nào, nhưng tôi không lo lắng quá về việc này. Ngược lại, có thể tôi sẽ chết đói và hối hận rằng mình đã không tích trữ và không có của cải để dành. Nhưng tôi không tin là điều đó sẽ xảy ra, và với tôi, sự tự do tự tại, không phải lo lắng ưu phiền gì – sự trao đi mang lại cảm giác rộng mở, lưu thông, nhẹ nhàng – điều đó hơn hẳn rủi ro. Nếu bạn muốn được sự đảm bảo thì hãy cứ tích trữ đi, cho đến khi bạn nhận ra rằng lời đảm bảo đó chỉ là một ảo ảnh, và những thăng trầm của cuộc đời có cách vượt qua bức pháo đài của cải đó.

Ở mức độ sâu hơn, việc phân biệt giữa sự tích trữ và không tích trữ là một sai lầm đang len lỏi kéo theo những giả định về sự thiếu thốn và tách rời. Lối suy nghĩ theo hướng quà tặng nhìn sự trù phú của thế gian như là sự dư dả của cá nhân, và trải nghiệm một cuộc sống thoải mái phù hợp với lối suy nghĩ đó. Còn lối suy nghĩ theo hướng chia rẽ thì coi quà tặng, khoản cho vay, và khoản tiết kiệm là ba thứ rất khác nhau, nhưng thực sự có phải vậy không? Nếu tôi đang ở trong giai đoạn nhận được nhiều hơn thứ mình cần, thì tôi có thể mang những thứ dư thừa đó đi cho, và từ đó sinh ra sự biết ơn, hoặc tôi có thể đem nó cho người khác vay, và trông chờ vào bổn phận thay vì lòng biết ơn, hoặc tôi có thể tiết kiệm khoản đó và không trông chờ gì ở người khác cả. Nhưng ba lựa chọn này không khác nhau là mấy. Trước hết, như đã bàn ở trên, giữa lòng biết ơn và bổn phận là một ranh giới rất mờ, và trong những nền văn hóa quà tặng thì hai khái niệm này hỗ trợ cho nhau. Kết quả sau cùng đều là như nhau, cho dù là lòng biết ơn đã khiến một ai đó chia sẻ với những người trước đó đã từng trao đi, hay là vì những thỏa thuận xã hội dựa trên quy tắc chung về lòng biết ơn (quy tắc những người cho đi cần được nhận lại). Còn về những khoản tiết kiệm và đầu tư, trong hệ thống tiền tệ dựa vào tín dụng như hệ thống ta đang có hiện nay thì những khoản tiền này cũng giống như khoản cho vay. Một tài khoản tiết kiệm là một khoản cho vay không kỳ hạn cho ngân hàng. Cũng giống như một khoản cho vay, các khoản tiền tiết kiệm có nghĩa là: "Tôi đã từng cho người khác và trong tương lai tôi có thể trông chờ người khác cho lại tôi". Ngay cả với cổ phần hay hàng hóa thì sự tích trữ cũng phụ thuộc vào những quy ước xã hội về quyền sở hữu.

Về một mặt nào đó, người nhận quà khó mà có thể *không* tích trữ được. Miễn là tôi cho đi dưới con mắt của xã hội, tôi sẽ gây dựng nên sự dồi dào

trong tương lai. (Ngay cả khi không có sự chứng kiến của xã hội thì tôi tin rằng vũ trụ sẽ trả cho ta cái mà ta đã cho đi, có thể là ở hình thái khác, cũng có thể là được nhân lên hàng trăm lần). Vậy rốt cục thì bản chất của sự không tích trữ nằm trong mục đích của việc trao đi, cho vay, đầu tư, hay tiết kiệm các khoản tiền. Với tinh thần biếu tặng, chúng ta tập trung vào mục đích của việc trao đi, còn việc được hoàn trả chỉ là thứ yếu, tính sau. Còn với tinh thần tích trữ, ta tìm cách để đảm bảo rằng mình sẽ được hoàn trả khoản lớn nhất, và điều đó quyết định ai sẽ được nhận món quà, khoản vay hay khoản đầu tư kia. Trường hợp đầu là trạng thái tự do, dồi dào, và tin tưởng. Còn trường hợp sau là trạng thái lo lắng, thiếu thốn, và kiểm soát. Những ai sống trong trạng thái đầu là người giàu có. Ai sống trong trạng thái sau là nghèo nàn, dù anh ta hay cô ta có sở hữu nhiều gia tài đến đâu đi chăng nữa.

Trong tương lai, khi đã có những cơ chế xã hội để xóa bỏ tô kinh tế (nghĩa là những lợi nhuận có được từ việc sở hữu đất đai, tiền bạc, v.v.), thì lối sống tôi miêu tả ở trên sẽ phù hợp với lý lẽ kinh tế chứ không chỉ với lối suy nghĩ tâm linh. Khi mà dù gì tiền bạc cũng mất giá dần thì tốt hơn là nên cho người khác vay mà không lấy lãi chứ không nên vun vét nhiều hơn những gì mình cần. Hơn nữa, khi tâm lý dư giả đã trở nên phổ biến, sẽ không còn sự phân biệt rành mạch giữa khoản vay, món quà hay khoản đầu tư nữa. Chúng ta sẽ an tâm khi biết rằng dù có thỏa thuận chính thức hay không về việc trả ơn cho món quà, thì một bổn phận cũng đã được tạo ra, nếu không phải với một người cụ thể thì là với xã hội và thậm chí là với vũ trụ. Nhận thức này là hệ quả tất yếu của Câu chuyện Bản ngã mới, lúc này đã là một tổng thể kết nối – cơ sở cho nền kinh tế thiêng liêng mà chúng ta đang dần chuyển đổi tới. Anh có nhiều hơn cũng có nghĩa là tôi có nhiều hơn. Điều này đã luôn đúng dưới góc độ tâm linh, ngay cả trong đỉnh điểm của Thời đại Chia cắt. Dưới góc độ kinh tế, điều này đúng với nền văn hóa quà tặng của thời xưa, và nó cũng sẽ lại đúng khi ta thiết lập những thể chế kinh tế mới nhằm tái tạo nền kinh tế quà tặng trong bối cảnh hiện đại.

Những thể chế kinh tế mới phù hợp với việc biếu tặng này vừa là nguyên do *vừa là hệ quả* của sự thay đổi thái độ chung. Khi đã có đủ người sống trong sự không tích trữ, họ sẽ thiết lập nên một nền tảng tâm lý cho các thể chế kinh tế mới. Cụ thể là người ta sẽ coi đồng tiền kiểu mới là thứ phản

ánh giá trị và trực giác thuộc linh của mình. Họ sẽ "hiểu ra"; họ sẽ đón nhận nó một cách nhiệt tình. Điều này hiện nay đã bắt đầu diễn ra: mặc dù có rất nhiều khó khăn khi sử dụng các hình thức tiền tệ mới, nhưng người ta vẫn rất hào hứng và thấy chúng hấp dẫn. Mặc dù vẫn không có nhiều động lực kinh tế cho việc sử dụng chúng, người ta vẫn muốn dùng vì cảm nhận được rằng những hình thức tiền tệ này phù hợp với Câu chuyện Bản ngã mới mà họ đang tham gia. Các trực giác tâm linh của chúng ta đã đưa ra dấu hiệu về chân lý của thời đại mới: tài sản là gánh nặng, sự giàu có đúng nghĩa là từ việc chia sẻ, và việc ta làm cho người khác chính là đang làm cho mình.

CHƯƠNG 20:
SINH KẾ ĐÚNG ĐẮN VÀ SỰ ĐẦU TƯ THIÊNG LIÊNG

Ta đã sống đời mình trong giả định rằng thứ gì tốt cho ta thì cũng tốt cho thế giới. Chúng ta đã sai lầm. Ta cần thay đổi cách sống để có thể sống trong giả định ngược lại, đó là thứ gì tốt cho thế giới thì cũng tốt cho ta. Và điều đó đòi hỏi ta cần cố gắng hiểu về thế giới và biết cái gì là tốt cho nó.

– Wendell Berry

Của cải dư giả là một sự ủy thác thiêng liêng mà người sở hữu nó có trách nhiệm phân phối trong suốt cuộc đời mình vì lợi ích của cộng đồng.

– Andrew Carnegie

PHÁP (DHARMA) VỀ CỦA CẢI

Chúng ta cần hiểu rằng mục đích của việc không tích trữ không nhằm mục đích tự bào chữa cho mình khỏi những tội ác của nền văn minh dựa trên đồng tiền. Vì đó chỉ đơn thuần là bản ngã. Bạn không được điểm đức hạnh vì đói nghèo; và sự không tích trữ không phải là mục tiêu cuối cùng. Mà mục tiêu là việc hưởng thụ sự giàu có thực sự, sự giàu có từ kết nối và dòng chảy, thay vì sự giàu có giả dối từ việc sở hữu. Nhưng phải làm gì nếu bạn có nhiều của cải hơn cả những gì bạn có thể chia sẻ trong cuộc sống hằng ngày?

Đối với một người có tâm thì sự giàu có đó có vẻ như là một gánh nặng hơn là một món quà. Thường thì chúng ta sẽ bị ràng buộc, và cảm thấy hài lòng hơn khi có thể sử dụng đúng đắn thứ mình được ban cho. Sự giàu có cũng không phải là một ngoại lệ. Những ai may mắn hoặc không may sở

hữu nhiều của cải thì có ít lý do để thoái thác nhiệm vụ đi cùng với nó hơn so với bất cứ ai phải từ chối các món quà, trách nhiệm lẫn cơ hội mà mỗi người chúng ta được trao cho từ khi mới sinh ra.

Của cải dư thừa, dù là được thừa hưởng từ gia đình hay từ quãng đời trước, đều gắn liền với mong muốn được sử dụng một cách hợp lý. Nó là một thứ pháp (dharma), một tiếng gọi phụng sự. Để lãng phí nó vì những thứ phù phiếm, cho đi một cách vô lý, hay cố gắng hết sức mình chỉ để làm nó gia tăng đều là những hình thức phủ nhận tiếng gọi đó. Cái khó trong việc có thừa của cải là làm cách nào để trao nó đi một cách cao đẹp nhất. Việc này có thể tốn hàng năm hay hàng thập kỷ, và cần phải lên kế hoạch dài hạn và thành lập các tổ chức, hoặc nó cũng có thể được thực hiện qua một hành động hào phóng đơn thuần. Dù bằng cách nào đi nữa thì đây cũng là một cách đầu tư phù hợp với nền kinh tế tương lai, ở nơi đó địa vị có được từ việc cho đi chứ không phải từ việc sở hữu, và sự an toàn không đến từ việc tích trữ mà từ việc trở thành một mối quan hệ của dòng chảy. Đây là một cách suy nghĩ hoàn toàn khác với hình mẫu truyền thống về đầu tư mà ta hay thường gắn với sự tăng gia của cải.

Ban đầu, tôi đã cho rằng chúng ta cần loại bỏ hoàn toàn từ ngữ và khái niệm về *đầu tư* đi. Nhưng rồi tôi xem xét lại gốc gác của từ này: nó có nghĩa là mặc vào, ý là dùng đồng tiền trần trụi và đặt nó vào những cái áo mới, những thứ vật chất, những thứ có thật trong môi trường vật chất hay xã hội. Tiền bạc là tiềm năng trần trụi của con người – năng lực sáng tạo chưa được "mặc" những vật chất hay xã hội.

Đầu tư đúng đắn là việc đặt đồng tiền vào những chiếc áo thiêng liêng: sử dụng nó để tạo ra, bảo vệ, và duy trì những thứ đang trở nên thiêng liêng đối với chúng ta hiện nay. Đây cũng chính là những thứ sẽ trở thành trụ cột cho nền kinh tế của ngày mai. Do vậy, việc đầu tư đúng đắn là thực hành cho thế giới đang tới, chuẩn bị sẵn sàng cả về thực tế lẫn tâm lý. Nó giúp ta làm quen với lối suy nghĩ mới về sự giàu có – tìm ra những kênh để cho đi hiệu quả – và nó cũng tạo ra và củng cố những kênh đó, giúp chúng có thể tồn tại ngay cả khi hệ thống tiền tệ hiện thời sụp đổ. Thứ mà chúng ta quen gọi là tiền có thể sẽ biến mất, nhưng mối liên hệ giữa sự biết ơn và bổn phận thì vẫn sẽ lưu lại.

Nếu bạn bỏ chút thời gian suy tưởng một cách nên thơ thì bạn sẽ thấy rằng tất cả những gì tôi nói đến ở đoạn trước cũng đúng với một "thế giới mới" khác – thế giới bên kia nấm mồ. Bạn không cần là người tin vào kiếp sau mới hiểu được điều này. Hãy tưởng tượng bạn đang cận kề cái chết và nhận ra rằng mình sẽ không mang được thứ gì xuống mồ. Cũng như việc không thể vớt vát được các khoản đầu tư tài chính sau khi kinh tế sụp đổ, cái kết của cuộc đời cũng có nghĩa là cái kết cho mọi khoản tích lũy của ta. Vào thời điểm đó thì cái gì sẽ khiến bạn vui? Chính là ký ức về những thứ bạn đã trao đi. *Khi chết, chúng ta chỉ mang theo mình những gì ta đã từng cho đi*. Cũng giống như trong nền văn hóa quà tặng, đó sẽ chính là sự giàu có của chúng ta. Bằng việc cho đi, ta đang để dành của cải trên thiên đường. Khi ta nhập vào với Vũ trụ, ta nhận được những gì mình đã từng đem cho vạn vật.

Đối với những người có ít tiền của, cách cao đẹp nhất để sử dụng đồng tiền có lẽ là bắt đầu từ việc nuôi sống bản thân và con cái, đáp ứng những nhu cầu thiết yếu nhất của cuộc sống con người. Nhưng ngoài bản thân và những người ruột thịt, việc sử dụng tiền một cách cao đẹp đòi hỏi thứ mà ta có thể gọi là "đầu tư". Trong một nền kinh tế thiêng liêng, đầu tư có nghĩa gần như ngược hẳn với nghĩa hiện giờ. Hiện nay thì đầu tư là việc người ta làm để bảo quản của cải của mình. Trong nền kinh tế thiêng liêng, nó là cách ta chia sẻ sự giàu sang của mình.

Cũng giống như sự không tích trữ, khái niệm này đơn giản đến độ một đứa trẻ cũng có thể hiểu được. Nó có nghĩa là: "Tôi có nhiều tiền hơn là tôi cần, vậy thì tôi sẽ để ai đó khác sử dụng nó". Đó là một khoản đầu tư hoặc cho vay. Và một ngân hàng hay các nơi trung gian đầu tư khác là bên có chuyên môn để tìm người sử dụng khoản tiền đó. Công việc ngân hàng, dưới góc cạnh thiêng liêng, có nghĩa là: "Tôi sẽ giúp anh tìm được người có thể sử dụng tiền của anh một cách cao đẹp". Một lần tôi đã từng chia sẻ ý kiến này với một nhân viên ngân hàng mà tôi gặp ở hội thảo, và anh ấy đã rơi nước mắt – những giọt nước mắt của việc nhận ra ý nghĩa tâm linh cho tiếng gọi nghề nghiệp của mình.

Một nghìn năm sau kể từ bây giờ, khi mà đồng tiền đã khác đi nhiều đến mức ta thậm chí không còn công nhận nó như tiền tệ nữa, thì khái niệm căn

bản về việc đầu tư vẫn còn đó. Đó là bởi vì, nhờ sự trù phú sẵn có của vũ trụ và sự sáng tạo không ngừng của con người, ta sẽ luôn có thể tiếp cận được với một dòng chảy mang đầy của cải dư thừa cho nhu cầu trước mắt của ta. Bằng sự nỗ lực tập thể của con người và với sự hợp tác của Người thương Trái đất, ta sẽ luôn có khả năng và điều kiện tài chính ngày càng tăng để có thể tạo ra những kỳ công. Ở mức độ căn bản nhất, đầu tư thiêng liêng đơn giản chỉ là việc hướng sự trù phú này theo mục tiêu sáng tạo. Nó bắt đầu với việc đáp ứng các nhu cầu, và dần biến đổi để trở thành việc làm nên cái đẹp.

CƯỚP CỦA PETER ĐỂ TRẢ CHO PAUL

Việc đầu tư đúng đắn thể hiện tinh thần quà tặng. Thật không may là việc đầu tư ngày nay đi theo tinh thần ngược lại: vì mục đích bòn rút chứ không phải để chia sẻ của cải, hoặc món quà đáp lễ đã được định đoạt từ trước hay bị đòi sau, hoặc cả hai. Nó có nghĩa là: "Tôi sẽ cho anh quyền sử dụng khoản tiền này, nhưng chỉ là với điều kiện anh sẽ phải hoàn trả cho tôi nhiều hơn". Dù là dưới dạng đầu tư cổ phần hay một khoản cho vay, thì tôi cũng đang hưởng lợi qua việc chiếm hữu một nguồn tài nguyên hiếm hoi, với mục tiêu là để kiểm soát ngày càng nhiều hơn nữa nguồn tài nguyên đó. Một cách nhìn khác là động lực của việc hoàn trả món quà không phải là lòng biết ơn. Dù ngài chủ tịch công ty có tuyên bố trong bản báo cáo thường niên điều gì đi nữa thì ban giám đốc cũng đã không quyết định việc thanh toán lãi cổ tức vì lòng biết ơn tới hàng triệu những nhà đầu tư giấu mặt của mình.

Ngay cả trước khi một nền kinh tế dựa trên những quy tắc về quà tặng được thiết lập thì chúng ta cũng có thể bắt đầu thực hành nền kinh tế đó rồi. Đầu tư đúng đắn – việc đầu tư dựa theo tinh thần và luân lý Quà tặng – là một việc khả thi ngay từ bây giờ. Những ý tưởng mà tôi đề xuất dưới đây sẽ trở nên rõ ràng hơn sau khi có sự chuyển đổi sang nền kinh tế mới và khi có sự hỗ trợ từ những câu chuyện bao quát của nền kinh tế đó về cái tôi kết nối và Trái đất thương yêu. Còn hiện nay, việc áp dụng những ý tưởng này đòi hỏi lòng tin, tầm nhìn, và sự cam đảm. Bạn sẽ không nhận được sự đồng tình ủng hộ của bất kỳ ai hay bất kỳ thể chế nào vẫn còn

đang đắm chìm trong tư tưởng cũ. Từ góc nhìn của họ thì những gì tôi sắp trình bày với bạn là những thứ điên rồ.

Những gì tôi miêu tả dưới đây cấp tiến hơn nhiều so với khái niệm "đầu tư có ý thức xã hội" hay "đầu tư có đạo đức". Dù những khái niệm này là bước đi đúng hướng, nhưng chúng mang trong mình sự mâu thuẫn nội tại. Với mục tiêu là mang lại lợi nhuận tài chính, chúng tiếp tay cho việc quy thế giới thành tiền.

Đầu tư theo cách truyền thống là cách làm hoàn toàn có lý trong bối cảnh của sự Thăng tiến. Nó tìm cách đóng góp vào sự tăng trưởng trong lĩnh vực tiền tệ, và được thưởng một phần của đóng góp đó. Nhà đầu tư mạo hiểm tìm kiếm những cơ hội phát triển mạnh và dùng tiền để thực hiện chúng. Trong một nền kinh tế cân bằng hoặc phi tăng trưởng, mô hình này không còn phù hợp nữa, cùng lúc càng có nhiều người trong giới đầu tư *cảm thấy* nó không còn phù hợp nữa – do đó người ta bắt đầu quay sang một mục đích đầu tư khác: sự hồi phục các tài nguyên thiên nhiên và xã hội, chứ không phải là sự khai thác triệt để hơn.

Tôi xin được nhắc lại: những nhà đầu tư sẽ không kiếm được tiền từ những sự phục hồi này. Bất cứ kế hoạch "đầu tư có lợi cho xã hội" nào mà hứa hẹn lời lãi ở mức thường thấy thì đều là đang nói dối, dù là có ý thức hay không. Tôi sẽ minh họa bằng hai ví dụ dưới đây.

Sau một buổi thuyết trình của tôi, đã có một phụ nữ rất thông minh và nhân ái hoạt động trong giới đầu tư có lợi xã hội đứng lên phản biện. Cô ấy nói: "Tất nhiên là không phải dự án đầu tư có lời nào cũng tiếp tay cho việc phát mại của chung chứ. Nếu tôi đầu tư cho công ty phát minh ra một loại bộ sạc quang điện di động, giá rẻ thì sao? Tôi đang giúp vốn hóa công ty đó để họ bán được nhiều hàng, cả hai bên đều kiếm được tiền, và trái đất cũng được hưởng lợi đó thôi". Đúng thế, nhưng nếu công ty đó bán hàng với giá thấp hơn (ví dụ như lợi nhuận chỉ đủ để đầu tư vào phát triển sản phẩm và quay vòng vốn) thì có phải là nó đang làm lợi cho trái đất hơn bằng cách công cụ đó trở nên dễ tiếp cận hay không? Vậy khi đó thì mục tiêu trả lãi hoặc cổ tức cho các nhà đầu tư để mang lại tỷ suất lợi nhận

dương cho họ, sẽ đi ngược lại mục tiêu của công ty khi muốn có trách nhiệm với môi trường và xã hội.

Tôi xin nói rõ là không phải tôi đang chủ trương việc các nhà doanh nghiệp tự bỏ kinh doanh bằng việc bán hàng hòa vốn. Tôi đang nói về việc đầu tư chứ không phải là việc kiếm thu nhập. Việc được trả công khi làm tốt công việc là một chuyện, còn việc kiếm thêm tiền chỉ bằng việc sở hữu tiền thôi lại là một chuyện khác hẳn. Ở ví dụ trên thì sẽ là không sao nếu chỉ bán hàng với giá đủ để duy trì việc kinh doanh, trả lương xứng đáng cho nhân viên, đầu tư vào mở rộng, nghiên cứu, và những thứ tương tự. Nhưng ngoài những thứ đó ra thì các doanh nghiệp còn phải kiếm thêm một khoản tiền để trả cho các nhà đầu tư dưới hình thức các khoản thanh toán lãi suất hoặc cổ tức. Khoản tiền thêm này từ đâu mà ra? Từ cùng một nơi sinh ra toàn bộ tiền bạc ngày nay: các khoản nợ có lãi và việc biến mọi thứ trên thế giới này thành tiền. Vậy nên nếu bạn thực sự muốn đóng góp cho những điều tốt đẹp trên thế giới thì không nên đòi hỏi rằng việc đầu tư của mình phải sinh lãi. Đừng vừa cho đi vừa lấy mất như vậy. Nếu bạn muốn lấy đi (và có thể bạn có lý do chính đáng để làm vậy), thì hãy cứ lấy đi, nhưng đừng tỏ ra là mình đang trao đi như thế.

Ví dụ thứ hai sẽ làm rõ điểm này. Chúng ta hãy xem xét một trong những hình thức đầu tư có đạo đức mà truyền cảm hứng nhất hiện nay: các khoản vay nhỏ (microloans) cho phụ nữ Nam Á. Những chương trình cho vay này có vẻ đã là một thành công lớn, trao quyền cho phụ nữ ở Ấn Độ và Bangladesh để họ có kế sinh nhai mới, trong khi vẫn giữ được tỉ lệ vỡ nợ ở mức cực kì thấp. Nếu trên đời có thể có việc "thành đạt bằng việc làm điều tốt" thì đây chính là một ví dụ sống động. Bạn đưa $500 cho một người phụ nữ Ấn Độ vay để mua một con bò sữa. Cô ta bán sữa cho người cùng làng và kiếm đủ tiền để nuôi sống gia đình và thanh toán cả nợ lẫn lãi. Nghe rất tuyệt phải không? Nhưng hãy suy nghĩ thêm một chút: tiền trả nợ đến từ đâu? Đến từ những người dân làng. Và họ kiếm được số tiền đó từ đâu? Từ việc bán những hàng hóa hoặc dịch vụ khác – nói cách khác là từ việc biến đổi một phần của chung từ thiên nhiên hay xã hội thành tiền, như đã được nói đến ở Chương 4. Hậu quả cũng tương tự như loại "thuế lậu" (hut tax) khét tiếng mà Anh Quốc (và các cường quốc thực dân khác) đã dùng để phá bỏ các nền kinh tế tự túc của người bản địa ở châu Phi trong

thời kỳ thực dân.[1] Nó chỉ đơn giản là một khoản thuế nhỏ hàng năm, phải trả bằng loại tiền chính thống. Việc này đã khiến người dân bản địa phải bán sức lực và hàng hóa địa phương đi để kiếm được những đồng tiền chính thống này. Nền kinh tế địa phương nhanh chóng tan rã và trở thành thị trường cho hàng hóa của Anh, đồng thời là nguồn cung cấp lao động và nguyên liệu thô.

Với con bò của mình, người phụ nữ giờ đã có nhiều sữa hơn mức gia đình cô ấy có thể dùng. Cô ấy cho chỗ sữa thừa cho ai bây giờ? Bởi vì cô ấy phải trả khoản tiền vay mượn nên dù có muốn hay không thì cô ấy vẫn phải bán chỗ sữa này cho những ai có tiền muốn mua. Nếu con bò này không phải là thứ tốn tiền mua thì cô ấy đã không phải lo kiếm tiền, và cô ấy có thể đã chia sẻ chỗ sữa đó qua các mối quan hệ quà tặng như truyền thống. Nhưng vì phải lo trả món nợ tài chính kia nên dù có muốn cô ấy cũng không thể làm vậy. Theo dòng suy nghĩ này xa hơn thì hãy tính xem ai là người có tiền và muốn mua chỗ sữa kia? Đó là những người kiếm được tiền thu nhập. Những người cần sữa không thể có nó nếu họ chủ yếu sống dựa vào nền kinh tế quà tặng. Việc mở cửa hàng "kinh doanh" trong làng đã thúc nó nhích xa dần khỏi các mạng lưới tương trợ truyền thống và tiến về phía thế giới tiền bạc.

Nếu không vì khoản lãi của món tiền cho vay thì việc góp $500 vào cộng đồng này cũng không phải là một điều xấu. Thường thì trong những cộng đồng nghèo khó ở thời hiện đại, người dân có hàng hóa và dịch vụ để trao đổi, nhưng họ không có cách trao đổi chúng do sự tan rã của nền văn hóa quà tặng. Người chủ ban đầu của con bò kia có thể sử dụng tiền bán bò để trả cho người cùng làng và mua những thứ cần thiết, và khi số tiền đó cuối cùng cũng trở về tay người phụ nữ mua bò ban đầu thì nhiều nhu cầu đã được giải quyết, và không có gì mất đi cả. Ngay cả khi số tiền đó quay trở lại tay người đầu tư thì ít nhất là không có khoản tiền nào đã rời khỏi ngôi làng này cả.

Nếu khoản vay có kèm theo lãi thì đây lại là một câu chuyện khác hẳn. Cho người phụ nữ này vay một khoản lấy lãi thì cũng chả khác gì là đang bòn rút tiền của làng cô ấy cả. Hãy tưởng tượng bạn đang nghĩ rằng: "Ồ, trong làng này có của cải chưa được chuyển đổi thành tiền. Tôi sẽ lấy đi một ít!

Tôi sẽ biến họ thành nô lệ nợ nần của tôi". Đây hẳn không thể được coi là một ý tưởng nhân đức phải không.

Một trong những cái hay của hệ thống tiền tệ địa phương là nó đảm bảo rằng tiền vẫn sẽ ở lại trong cộng đồng. Một khoản cho vay lấy lãi bằng ngoại tệ quốc tế thì hoàn toàn ngược lại – nó bòn rút tiền ra khỏi cộng đồng. Người phụ nữ bán sữa cho một người làm phô mai gần đó, anh ta lại bán phô mai cho người thợ mộc, người này lại đóng chuồng bò cho người phụ nữ kia, và cứ như thế. Tiền liên tục quay vòng, nhưng nó không thể ở lại trong cộng đồng vì khoản nợ cần trả kia. Còn khoản lãi thì chỉ được trả nếu như người dân địa phương bán thứ gì đó cho thế giới bên ngoài. Áp lực trả lãi trên vai người phụ nữ đã chuyển sang cho cả cộng đồng dưới hình thức giá bán sữa. Đây chính là áp lực khiến người dân ở những nước nghèo phải đi làm trong các nhà máy và đồn điền. Trong một nền kinh tế bị tiền tệ hóa, nơi những mạng lưới biếu tặng ban đầu đã bị sụp đổ, thì bạn cần tiền để sống. Bạn sẽ bán tất cả những gì bạn có – sức lực, thời gian, môi trường – để có thể kiếm được tiền.

Các nhà kinh tế sẽ nói với bạn rằng miễn là nền kinh tế địa phương đang phát triển nhanh hơn lãi suất của khoản vay mua bò sữa (hoặc nói rộng ra là toàn bộ khoản tiền cho ngôi làng vay), thì ngôi làng vẫn có thể thanh toán cả nợ lẫn lãi mà vẫn giàu lên. Nói cách khác là nếu cả làng làm giống như người phụ nữ với con bò và bán hàng hóa, dịch vụ mới với giá cao hơn lãi suất vay thì làng có thể trả được nợ và trở nên phát đạt. Nhưng giờ thì câu hỏi cũ lại được đặt ra: tiền đó đến từ đâu? Ở quy mô toàn cầu thì việc đầu tư lấy lãi thúc ép sự cạnh tranh và sự bòn rút không ngơi những thứ của chung trong xã hội, tự nhiên, văn hóa, và tâm linh. Đó chính là việc biến nền kinh tế quà tặng thành một nền kinh tế tiền tệ.[2]

Rõ ràng là việc đầu tư thiêng liêng không dính dáng mấy đến việc sinh lời. Nếu bạn muốn giúp ngôi làng thì hãy cho người phụ nữ một con bò. Hoặc nếu để giữ thể diện cho cô ta thì hãy cho cô ấy vay một khoản tiền không lấy lãi (cũng chính là một món quà về việc sử dụng tiền). Nếu thay vào đó, bạn quan tâm đến việc gia tăng tiền của hơn thì hãy làm vậy và đừng giả vờ gì. Kinh thánh quả là đúng khi nói rằng không ai có thể làm cho hai chủ. Trong cả hai ví dụ tôi đưa ra, những động lực đối nghịch đến một lúc nào

đó sẽ lộ ra, và ta phải chọn một trong hai: phục vụ Chúa hay Mammon. Nhưng trong nền kinh tế thiêng liêng thì không cần phải lựa chọn nữa.

Cả hai sẽ hòa làm một – theo xu hướng chung của việc hòa hợp các thái cực với nhau, và từ đó sinh ra cụm từ Thời đại Hòa hợp để miêu tả tương lai đang tới.

Những khoản đầu tư có lợi cho xã hội mà lại hứa hẹn một lãi suất cao thì thực chất là đang "cướp của Peter để trả cho Paul" – với một khoản hoa hồng trên giao dịch cho cá nhân. Tôi mong rằng lời giải thích phía trên không còn cần thiết cho hầu hết các bạn đọc nữa. Sau cùng thì lẽ thường tình sẽ mách bảo chúng ta rằng có gì đó sai trái với ý tưởng các công việc tốt đẹp được thúc đẩy bởi lợi nhuận. Đôi khi lợi nhuận có thể được sinh ra một cách ngẫu nhiên, nhưng một món quà mà đi kèm với đòi hỏi bắt buộc phải trả ơn với món quà lớn hơn thì không còn là một món quà nữa mà là một trò lừa hoặc một sự cướp đoạt.

Có thật là bạn muốn tách biệt một cách thẳng thừng giữa kinh doanh và các mối quan hệ nhân sinh khác trong cuộc đời mình không? Khi bạn đầu tư lấy lãi, bạn đang gián tiếp tham gia vào việc nói với một người nghèo rằng: "Tôi không quan tâm anh làm gì để có tiền, nhưng hãy đưa tiền cho tôi!" Tờ chứng nhận ký quỹ của bạn lại cũng chính là lời đe dọa tịch thu nhà đối với kẻ khác. Có thể bạn không phải Ebenezer Scrooge[3] nhưng bạn đang thuê người khác để làm vậy.

Nếu các khoản đầu tư sinh lãi về căn bản là trái với đạo đức khi góp phần vào việc cướp đoạt của cải chung của xã hội và thiên nhiên, thì rõ ràng là ta không nên đầu tư tiền bạc lấy lãi. Điều này cũng đúng với bất cứ khoản đầu tư nào làm tăng lượng hàng hóa và dịch vụ. Là một nhà đầu tư vì lợi ích xã hội, bạn không nên đầu tư vào việc biến cuộc sống và thiên nhiên thành tiền bạc.

Không còn lối thoát khỏi quy tắc này. Thỉnh thoảng tôi có nhận được email từ những người thuộc lĩnh vực tài chính đã đọc sách của tôi và muốn kể cho tôi nghe những ý tưởng của họ về việc đầu tư có lợi cho xã hội hay môi trường. Sau đó tôi có đề xuất ý kiến của mình: một khoản ngân quỹ

đầu tư với mục tiêu rõ ràng là không để sinh lời. Vì lý do nào đó, chả ai trong số những nhà tài chính chuyên nghiệp đó liên lạc lại với tôi cả! Tuy thế, trong một nền kinh tế lãi suất âm thì đầu tư với lãi suất số 0 đã được coi là tốt lắm rồi.

Tôi không kêu gọi một thời đại vị tha mà trong đó chúng ta hi sinh lợi ích cá nhân vì lợi ích chung. Mà tôi đang tiên đoán về sự hòa hợp giữa lợi ích cá nhân và lợi ích chung. Ví dụ như khi tôi đưa tiền cho những người trong cộng đồng của mình, tôi tạo ra lòng biết ơn khiến họ muốn tặng lại một món quà cho tôi hoặc cho ai đó khác. Thế nào thì hành động của tôi cũng đã củng cố chính cộng đồng đang cưu mang tôi. Khi chúng ta hòa mình vào một cộng đồng quà tặng, chúng ta sẽ tự nhiên hướng lòng biết ơn của mình tới không chỉ người cho mình trực tiếp mà còn tới cả cộng đồng, và chúng ta quan tâm đến những thành viên cần sự giúp đỡ nhất trong cộng đồng (các món quà tìm đến những nhu cầu). Mong muốn được trao đi của chúng ta cũng có thể biểu hiện dưới hình thức một món quà cho một ai đó trong cộng đồng chưa từng trực tiếp cho ta cái gì. Thế nên ta có thể thấy rằng bất cứ món quà nào, dù không đi kèm với hi vọng được trả ơn trực tiếp, cũng là một dạng "đầu tư". Chúng ta vẫn đang mang đồng tiền trần trụi ra và khoác lên nó một chiếc áo đẹp bằng việc đầu tư đúng đắn. Một sự đầu tư nghèo nàn thì khoác lên nó một chiếc áo xấu. Chỉ đơn giản vậy thôi.

Đồng tiền lãi suất âm của tương lai sẽ đặt tinh thần biếu tặng vào guồng với lợi ích kinh tế cá nhân, và các khoản cho vay lãi 0 đồng sẽ không còn khiến ta cảm thấy như đang phải hi sinh nữa. Sau cùng thì việc bám giữ lấy tiền bạc chỉ đem lại lợi nhuận *ít* hơn số 0. Trong khoảng thời gian trước khi hệ thống đó cầm lái thì có vẻ như việc cho vay không lấy lãi hay đem tiền đi cho là hành động đi ngược lại với lợi ích cá nhân. Tuy nhiên thì đó chỉ là lợi ích cá nhân rất thiển cận, bởi trong khi hệ thống tiền tệ hiện nay có thể dễ dàng tan rã trong vài năm tới thì mối liên hệ do lòng biết ơn mà các món quà mang lại sẽ trụ vững trước bất cứ xáo trộn xã hội nào. Nếu bạn là người lo ngại về Đỉnh Dầu hay một trong những kịch bản sụp đổ nào khác thì an toàn nhất là bạn nên hòa mình vào một mạng lưới quà tặng. Hãy bắt đầu bằng việc cho đi ngay từ bây giờ. Mười triệu đô la có thể sẽ chỉ là một đống giấy vụn trong vài năm tới. Đây là một cách để biến những gì bạn cho đi "ở kiếp này" thành của cải của bạn ở kiếp sau.

Nếu bạn muốn tạo ra một thế giới trù phú, một thế giới của lòng biết ơn, một thế giới quà tặng, thì bạn có thể bắt đầu bằng việc sử dụng đồng tiền của hôm nay, khi nó vẫn còn tồn tại, để tạo ra thêm nhiều sự biết ơn trên thế giới này. Nếu chúng ta có được một trữ lượng lớn những lòng biết ơn thì xã hội của ta có thể sống sót qua bất cứ chuyện gì. Xin nhắc lại là chúng ta sống trong một thế giới về căn bản là sung túc, nhưng vì những niềm tin và thói quen của mình mà ta đã khiến nó trở nên nghèo nàn một cách nhân tạo. Chúng ta đã phá hỏng hành tinh và tâm trí của mình đến mức giờ ta cần dồn hết công sức vào các món quà để có thể chữa lành nó. Những món quà sẽ tuôn trào ra từ sự biết ơn. Vậy nên khoản đầu tư tốt nhất mà bạn có thể bỏ tiền vào là việc tạo ra sự biết ơn. Dù sự biết ơn đó công nhận bạn là người cho đi hay không thì cũng không quan trọng. Sau chót thì đối tượng phù hợp nhất cho lòng biết ơn đó chính là Người Ban Phát tất cả những món quà cho chính chúng ta, ban phát cho ta thế giới này, cuộc đời này.

Để chuẩn bị sẵn sàng cho nền kinh tế đó, và để sống với tinh thần của nó ngay từ hôm nay, thì thay vì đầu tư tiền với mục đích tạo ra thêm tiền, chúng ta hãy chuyển mục đích đầu tư sang việc sử dụng số tiền bạc gom góp được như chính một món quà: một món quà của thế giới cũ cho thế giới mới, một món quà của tổ tiên cho thế hệ tương lai. Nó cũng giống như những món quà của cuộc sống, của dòng sữa mẹ, của thức ăn và những kích thích giác quan cũng như tất cả những thứ khác đã khiến ta trưởng thành, thứ mà ta nhận lấy tất cả những món quà đó khi bước vào giai đoạn trưởng thành, và có thể tiếp tục trao đi những món quà như vậy. Vậy thì câu hỏi đặt ra là làm thế nào để sử dụng tiền trong nhận thức một món quà. Nếu bạn không phải là một nhà đầu tư thì nó trở thành câu hỏi thế nào là một sinh kế đúng đắn.

CỦA CẢI CŨ CHO MỤC ĐÍCH MỚI

Câu hỏi "Người giàu cần phải làm gì với tiền của mình?" đưa ra một thắc mắc rộng hơn: Xã hội chúng ta cần làm gì với sự giàu có đã tích tụ từ hàng nghìn năm nay? Và suy cho cùng thì số của cải này có ý nghĩa gì nếu nó không phải và không còn là "sự tiêu thụ được trì hoãn"?

Chúng ta cũng cần xem lại bản chất của đồng tiền. Thực sự thì cái gì đang tích trữ trong những lượng tiền khổng lồ này? Tiền là những lá bùa nghi thức mà ta dùng để điều phối mục đích và hoạt động của con người. Những ai sở hữu một lượng tiền có quyền sở hữu phương tiện để tập trung và tổ chức lao động trong xã hội. Sự gia tăng của số tiền chỉ có thể có được qua việc đánh đổi những thứ phi tiền tệ, nhưng việc chi tiêu tiền có thể khôi phục lĩnh vực này miễn là khoản chi không phải là một khoản đầu tư nhằm tìm kiếm hàng hóa từ các tài sản chung xã hội hay thiên nhiên thêm nữa. Tiền có thể dùng vào việc mua dụng cụ đốn gỗ để chặt trụi một cánh rừng; nhưng đồng thời tiền cũng có thể được dùng vào việc bảo tồn và canh gác khu rừng đó. Công dụng thứ nhất tạo ra thêm tiền; công dụng thứ hai tiêu hủy tiền (bởi nó không tạo ra nhiều của cải và dịch vụ hơn trước). Dù thế nào thì lượng tiền tích trữ được cũng cho phép ta có khả năng điều phối hoạt động của con người trên một diện rộng.

Cảnh tượng được ngồi trên một đống của cải tích trữ bằng việc bóc lột trong nhiều thế kỷ liên đã trở nên đặc biệt quen thuộc với thế hệ baby boom [4]. Đây là thế hệ cuối cùng trưởng thành trong thời kỳ đỉnh cao của nền văn minh ngày nay. Họ đứng ở cả hai thế giới mới và cũ. Nhiều người trong số họ có thể tiếp cận sự giàu có của thế giới cũ, nhưng đồng thời họ cũng còn đủ trẻ để nhận thức được về thế giới mới. Thế hệ của tôi, từng được gọi là Thế hệ X, thì khác. Hầu hết chúng tôi chưa bao giờ được có chân trong thế giới cũ, cho dù là người đến từ gia đình có học đi chăng nữa. Đến khi chúng tôi trưởng thành thì thế giới cũ đó rõ ràng là đã phá sản, nên chúng tôi chẳng còn có thể làm giàu ở đấy nữa. Những ai trưởng thành trong thập kỷ

60, 70 vẫn có thể tin vào sự tăng trưởng; vẫn có thể hoàn toàn tham gia vào Câu chuyện Con người: chinh phục không gian, chinh phục nguyên tử, làm chủ vũ trụ, cứ thế tiếp tục tiến lên. Tôi tưởng tượng nếu mình được sinh ra vào năm 1957 thay vì năm 1967 (hay nếu như cha tôi không đưa cho tôi các cuốn sách *Silent Spring* (đã xuất bản ở Việt Nam với tên *Mùa xuân vắng lặng*), *1984*, và *A People's History of the United States* (đã xuất bản ở Việt Nam với tên *Lịch sử dân tộc Mỹ*) để đọc thời niên thiếu), thì hẳn tôi cũng đã tham gia vào Chương trình (the Program) và đã trở thành một giáo sư toán học ở một trường đại học nào đó rồi. Nhưng thực tế đã không như

vậy. Đến khi tôi trưởng thành vào thập kỷ 80, câu chuyện về sức người mà chúng ta đã dựng lên không còn tính thuyết phục nữa. Tôi, cũng giống như hàng triệu người khác, đơn giản là đã bỏ ngang. Rất có thể là tôi đang khái quát hóa quá, nhưng tôi nghĩ cũng đúng khi nói rằng trong khi những đứa trẻ của thập kỷ 50 và 60 lớn lên thành những triệu phú lập trình cho Microsoft, thì những đứa trẻ của thập kỷ 70 và 80 chơi với Linux. Ở đây không có ý đánh giá những triệu phú Microsoft là những người có đạo đức thấp! Thời họ, những thanh niên năng động, có tầm nhìn vẫn có thể hào hứng với những gì đang diễn ra trong ngành công nghiệp phần mềm thương mại. Chuyện này cũng diễn ra với những tổ chức trung ương về chính trị, học thuật, nghệ thuật, khoa học, y tế, v.v… Tất nhiên là ngay lúc đó đã có những người để ý thấy cái kết không tránh khỏi của câu chuyện về sự Tăng tiến, điều mà các nhà huyền môn đã nhận thấy từ hàng ngàn năm nay. Tuy nhiên với hầu hết những người còn lại thì các cuộc khủng hoảng còn đang ở quá xa, và tư tưởng về sự thống trị của con người đã ăn sâu vào ý thức hệ đến nỗi khó mà kéo họ ra khỏi dự án phát triển đó.

Những động lực xã hội mà tôi nói đến một phần là biểu hiện của thái độ tự đề cao của Mỹ (Americancentric), nhưng tôi nghĩ chúng cũng đại diện cho một thế giới đang ở ngưỡng cửa của thời đại mới. Cũng giống như những người Mỹ thuộc thế hệ baby boom, thế giới đang ngồi trên một đống của cải khổng lồ, kết quả của hàng chục nghìn năm văn hóa và công nghệ. Chúng ta có một hệ thống cơ sở hạ tầng công nghiệp đồ sộ, đường xá và máy bay; chúng ta có một guồng máy to lớn đã tồn tại hàng thế kỷ chỉ để mở rộng ảnh hưởng của con người và khuất phục thiên nhiên. Đã đến lúc phải quay ra sử dụng các công cụ chia rẽ, chế ngự, kiểm soát đó vào mục đích hợp nhất, chữa lành cho thế giới. Một người baby boom giàu có hay người được thừa kế tài sản của cha ông vẫn có thể sử dụng của cải của mình vào một mục đích tốt đẹp mà không cần lo ngại rằng chỗ tài sản đó đã bị ô uế bởi nguồn gốc của nó. Cũng như vậy, chúng ta đang có cơ hội và trách nhiệm để sử dụng một cách đúng đắn những thành quả tích trữ được từ việc chế ngự trái đất. Điều này cũng đúng đối với ngay cả những công nghệ trục lợi ghê tởm nhất đã được sử dụng để đưa chương trình chế ngự này đến đỉnh cao của sự ngạo mạn, như kỹ thuật biến đổi gen hay năng lượng hạt nhân. Trong thời đại lãi suất, cũng là thời đại tăng trưởng, mục tiêu sau cùng của bất cứ công nghệ mới nào cũng là để mở ra những lĩnh

vực mới nhằm biến của cải của thiên nhiên hoặc xã hội thành tiền bạc. Kỹ thuật biến đổi gen đã làm bộ gen trở thành một nguồn tài nguyên có thể khai thác được, giống như khi máy hơi nước đã cho phép con người khai thác các mỏ than sâu trong lòng đất, hay khi lưỡi cày bằng sắt cho phép việc vỡ đất. Các công nghệ sẽ trông như thế nào nếu được sử dụng cho mục đích ngược lại, tức là để phục hồi lại hành tinh?

Khi nhân loại đã trải qua sự biến đổi về nhận thức mà rất nhiều cá nhân đã trải qua trong vài thập kỷ gần đây, giúp họ thoát khỏi Ma trận [5], thì ai có thể biết được chúng ta sẽ quay sang sử dụng công nghệ kiếm lời với mục đích gì? Khi loài người không còn bị thôi thúc phải bành trướng nữa, thì chúng ta sẽ quay ra sử dụng trí tuệ tập thể, khối kiến thức, thông tin, và công nghệ tích lũy suốt nhiều thời đại nay cho những mục đích phù hợp với nhận thức về sinh thái, kết nối, và chữa lành. Điều đó không có nghĩa là công nghệ sẽ không thay đổi. Những công nghệ đang chiếm ưu thế hiện nay sẽ lùi ra phía sau, trong khi những công nghệ bên lề, kể cả những loại đang bị bỏ qua hay bị chế giễu, sẽ tiến ra phía trước.

Dù là đối với việc sử dụng các công nghệ đã tích lũy được hay là số tiền đã tích trữ được, chúng ta cũng cần phải đảm bảo rằng chúng sẽ không bị sử dụng theo lối cũ: như một công cụ để ngày càng phân cách con người ra khỏi tự nhiên hay để tăng của cải tài chính. Chính vì vậy, tôi xin đưa ra khái niệm *dùng tiền để phá hủy tiền*. Ở đây, tôi muốn nói đến việc sử dụng tiền bạc để phục hồi và bảo vệ những cái chung trong tự nhiên, xã hội, văn hóa, và tâm linh, cũng chính là nguồn gốc tạo ra tiền bạc lúc ban đầu. Điều này sẽ mang đến sự sụp đổ nhanh chóng và giúp giảm nhẹ sự khốc liệt của nó. Tiền vay nặng lãi thì nhất thiết sẽ phải tuân theo quy luật phát triển hoặc chết. Bất cứ hạng mục nào thuộc về vốn xã hội hay thiên nhiên mà chúng ta có thể đưa ra khỏi phạm vi của sự thương mại hóa cũng sẽ khiến việc lãi suất nặng nhanh chóng suy sụp; việc này tương đương với hành động "bỏ đói con quái vật". Lĩnh vực mà trong đó các hàng hóa và dịch vụ (tiền tệ hóa) có thể mở rộng sẽ thu hẹp lại. Mỗi một cánh rừng mà chúng ta có thể bảo vệ khỏi bị biến thành những tấm gỗ, mỗi một mảnh đất mà chúng ta có thể đưa ra khỏi danh sách quy hoạch phát triển, mỗi một cá nhân mà chúng ta có thể hướng dẫn cách tự chữa lành và chữa cho người khác, mỗi một nền văn hóa bản địa mà chúng ta có thể bảo vệ khỏi chủ nghĩa văn hóa đế

quốc, đều là bớt một nơi mà tiền bạc không xâm chiếm được. Những sự cố gắng của những người cấp tiến và các nhà cải cách dẫu không thể ngăn chặn bước tiến của Bộ máy nhưng cũng không hẳn là công cốc. Ví dụ, những giới hạn ô nhiễm ít nhất đã giữ cho một phần bầu trời không bị biến thành tiền. Các tiêu chuẩn lao động ít nhất đã ngăn một phần phúc lợi của người lao động bị biến thành tiền. Phong trào phản đối chiến tranh làm cho bộ máy chiến tranh ít sinh lời hơn. Những nhà phê bình cánh hữu phản đối các chính sách bảo vệ môi trường, bảo vệ người lao động, chống chiến tranh đã đúng – những chính sách này *đúng là* đã làm tổn hại tới tăng trưởng kinh tế. Nếu tôi tới một nền văn hóa bản địa và thuyết phục người ở đó rằng việc làm nông tự túc là thô sơ và hèn hạ, và thay vào đó tôi khiến họ đi làm ở công xưởng và tham gia vào nền kinh tế thị trường thì GDP sẽ tăng (và tôi đã tạo ra được một "cơ hội đầu tư"). Còn nếu ngược lại, tôi truyền cảm hứng cho họ để họ từ bỏ những công việc lương cao của mình và "bỏ phố về rừng," thì GDP sẽ giảm. Nếu tôi tạo ra một cộng đồng nơi chúng ta không còn phải trả tiền cho con đi học mà sẽ chung tay nuôi dạy con cái với nhau, thì GDP sẽ giảm. Và nếu chúng ta thành công trong việc bảo vệ Khu bảo tồn thiên nhiên của Alaska khỏi bị trở thành khu khai thác dầu, thì nó đồng nghĩa với việc hàng chục tỷ đô la sẽ không xuất hiện. Thế nên tôi mới nói là chúng ta đang sử dụng tiền để phá hủy tiền. Đôi khi, gậy ông *có thể* đập được lưng ông.

Nhìn dưới một cách khác, việc chúng ta cố gắng bảo vệ phần nào chỗ tài nguyên chung sẽ giúp nâng cao "cái đáy" mà ta sẽ phải chạm tới trước khi việc biến đổi sang nền kinh tế mới được kết tinh. Cách tôi sử dụng ngôn ngữ liên quan đến việc cai nghiện ở đây là có ý cả. Động thái của việc cho vay lấy lãi giống như động thái của sự nghiện ngập, đòi hỏi liều lượng (ở đây là của cải chung) ngày càng cao để giữ được trạng thái bình thường, chuyển đổi ngày càng nhiều những điều căn bản của cuộc sống để thỏa cơn nghiện. Nếu bạn có một người bạn nghiện ngập thì bạn sẽ thấy là việc "giúp đỡ" trước mắt sẽ không giải quyết được gì, ví dụ như đưa tiền hoặc cho người đó mượn cái xe khác khi họ làm hỏng xe, hay cho họ một công việc mới khi họ vừa mất việc. Tất cả những công sức ấy sẽ chỉ rơi vào hố đen nghiện ngập thôi. Và những nỗ lực của các chính trị gia nhằm kéo dài thời đại tăng trưởng cũng như vậy thôi.

Nhờ nỗ lực của hàng thế hệ những người tốt, chúng ta vẫn còn giữ lại được một phần của cải quý báu của mình. Đất vẫn còn mầm sống, rừng xanh vẫn còn ở đôi chỗ, cá vẫn còn bơi ở nơi nào đó của đại dương, vẫn còn những con người và những nền văn hóa chưa bán đứt sức khỏe và óc sáng tạo của mình. Những phần vốn tự nhiên, xã hội, tâm tinh còn lại này sẽ là thứ đưa chúng ta đi qua cuộc chuyển đổi, và sẽ hình thành cơ sở cho việc chữa lành thế giới.

Nếu bạn là một nhà đầu tư, thì đã đến lúc bạn nên chuyển hẳn sang việc tạo ra những sự kết nối, lòng biết ơn, và việc lấy lại của cải chung và bảo vệ chúng. Đã đến lúc dừng lối suy nghĩ theo hướng giữ rịt lấy của cải. Việc chăm chăm giữ lấy của cũng giống như việc một đám chuột đang đạp lên nhau để tới được đỉnh buồm của con tàu đang chìm. Thay vào đó, đám chuột có thể cùng nhau thu thập những mảnh gỗ còn lại để tạo nên một chiếc bè vượt biển. Chúng ta hẳng còn một hành trình dài trước mắt.

SINH KẾ ĐÚNG ĐẮN

Những quy tắc của việc đầu tư đúng đắn cũng áp dụng cho sinh kế đúng đắn; và thực tế là sinh kế đúng đắn và đầu tư đúng đắn là hai mặt của cùng một đồng xu. Nếu như việc đầu tư đúng đắn sử dụng tiền như một món quà để hỗ trợ việc tạo ra một thế giới tươi đẹp, thì sinh kế đúng đắn là việc nhận lấy món quà đó khi đang thực hiện mục tiêu này.

Việc đi làm công ăn lương theo truyền thống là sự nhận tiền công giúp mở rộng thế giới tiền bạc. Chúng ta nhận thấy là để kiếm được tiền, ta cần phải tham gia vào việc biến đổi những thứ tốt đẹp và đúng đắn thành tiền bạc. Nguyên nhân là vì cách hoạt động của hệ thống tiền tệ, trong đó công trạng cuối cùng thuộc về người tạo ra hàng hóa và dịch vụ mới (hoặc lấy đi của người đã tạo ra nó) một cách hiệu quả nhất. Một hệ thống tiền tệ dựa vào lãi suất gây ra áp lực biến đổi của cải chung thành tiền, và phần thưởng lớn nhất sẽ thuộc về người làm việc đó một cách hiệu quả nhất. Bạn muốn làm giàu ư? Hãy tạo ra cách chặt cây hiệu quả hơn. Hãy làm một chiến dịch quảng cáo để thuyết phục các nước khác uống Coca-cola thay vì nước uống truyền thống. Khi nhìn thấy cách hoạt động của nền kinh tế thế giới, nhiều thanh niên trẻ có lý tưởng đã quyết định không tham gia vào

đó. Tôi nhận được thư từ họ suốt. "Tôi không muốn làm theo nó một tẹo nào. Tôi muốn làm những gì mình đam mê mà không làm hại ai cả. Nhưng như thế thì chả có tiền. Tôi biết sống bằng gì?" Bạn biết sống bằng gì, chưa kể đến việc kiếm được nhiều tiền để làm những điều trọng đại, khi sống trong một thế giới coi trọng việc phá hủy chính những thứ bạn muốn tạo ra?

May thay, vẫn có những người sẵn sàng cho bạn tiền để làm những việc không đem lại tiền. Đây chính là những cá nhân (hoặc tổ chức hay chính phủ) làm theo tinh thần "đầu tư đúng đắn" mà tôi miêu tả ở trên. Tất nhiên là việc sống nhờ vào lòng từ thiện của người khác không phải là giải pháp nếu như những người đó phải lao động nhiều hơn (trong việc tàn phá) để có thể kiếm tiền cho bạn. Tuy nhiên, tôi quan sát thấy rằng nhân loại có trữ lượng tài sản khổng lồ ở nhiều dạng, sau hàng thế kỷ bóc lột, mà giờ có thể được dùng vào những mục đích khác, ví dụ như bảo tồn và hồi phục vốn tự nhiên, xã hội, văn hóa và tâm linh. Làm vậy sẽ không tạo ra thêm tiền; do đó bất cứ ai đang trả tiền cho việc này sau cùng thì cũng đều đang cho đi một món quà.

Nói cách khác, chìa khóa của "sinh kế đúng đắn" là bằng cách sống dựa vào các món quà. Những món quà này có thể đến dưới nhiều hình thức tinh tế. Ví dụ trong trường hợp bạn bán các sản phẩm thương mại công bằng. Khi một người mua hàng với giá gấp vài lần một sản phẩm tương tự nhưng được sản xuất trong những công xưởng chuyên bóc lột, thì sự chênh lệch trong giá cả chính là một món quà.[6] Họ không *cần phải* mua với giá đắt như vậy. Cũng tương tự như vậy nếu nghề của bạn là lắp ráp máy nước nóng năng lượng mặt trời hay xây nhà cho người vô gia cư. Nhiều nghề phục vụ xã hội từ trước tới nay, như làm công tác xã hội, dạy học, và các nghề tương tự cũng đã đóng góp vào tinh thần quà tặng nếu như chúng không tiếp tay cho bộ máy tàn phá trái đất, ví dụ như bằng cách huấn luyện trẻ em trở thành những nhân công lao động năng suất hay những người tiêu dùng mù quáng. Nguồn gốc của một khoản tiền có thể là từ một người mua hàng, một tổ chức, hay thậm chí từ chính phủ. Điều khiến nó trở thành một món quà xuất phát từ mục đích của nó – đó là nó không nhằm kiếm giá rẻ nhất hay thu lợi nhiều hơn nữa. Công ăn việc làm truyền thống thì ngược lại: Tôi trả lương cho anh và hưởng lợi từ công sức của anh (dưới hình

thức các dịch vụ và sản phẩm thương mại), đó là thứ có giá cao hơn lương của anh. Nghề nghiệp hiểu theo nghĩa thông thường là những nghề đóng góp vào việc biến thế giới thành tiền bạc.

Bất cứ hoạt động nào thu nhỏ thế giới của đồng tiền cũng đều thu hút các món quà một cách bất ngờ. Nếu bạn đang cung cấp những khóa học đào tạo lại kỹ năng, huấn luyện những người chuyên chữa lành tổng thể, hay đang dạy về nông nghiệp bền vững, thì rút cục bạn đang góp phần thu nhỏ khu vực dịch vụ và hàng hóa. Nếu lần về điểm xuất phát của khoản tiền bạn thu được từ những hoạt động này, bạn sẽ thấy rằng đâu đó đã có người thực hiện một sự "đầu tư sai lầm," vi phạm quy tắc của việc kiếm tiền hiện nay: "Tiền đến với những ai tạo ra được thêm nhiều tiền". Thật quả không ngạc nhiên khi ta thấy khó kiếm nhiều tiền từ việc đi ngược lại sự quy đổi cuộc sống và thế giới thành tiền bạc. Nếu bạn là người coi trọng các quy tắc thì bạn có thể hiểu rằng sinh kế đúng đắn làm theo hai quy tắc. Quy tắc thứ nhất là sinh kế này sử dụng thời gian, công sức, và các món quà khác của bạn vào một việc gì đó giúp củng cố, bảo tồn, hay phục hồi một khía cạnh nào đó của tài nguyên chung. Và quy tắc thứ hai là số tiền (hay những món quà khác) nhận được từ đó không làm cho thiên nhiên và con người bị xâm phạm. Hay nói cách đơn giản hơn là nó làm lợi cho các sinh linh khác mà không làm hại sinh linh nào. Tuy nhiên, tôi không sống theo quy tắc, và cũng không khuyên bạn nên làm thế. Tôi có nên cố tính toán so sánh lợi hại từ việc xuất bản cuốn sách này không? Một mặt, việc in sách sử dụng bột giấy từ cây cối; mặt khác nó lại có thể truyền cảm hứng cho nhiều người để họ tạo ra những hệ thống duy trì sự sống trên trái đất. Con người rất thạo trong việc phân tích sự lựa chọn của mình dựa theo các quy tắc của bản thân. Nếu sự khác biệt là quá lớn thì họ sẽ thay đổi quy tắc của mình và làm như là mình vẫn luôn theo đuổi nó từ trước đến nay.

Vậy nên khi nói đến sinh kế đúng đắn, tôi tin vào việc làm theo những gì ta thấy là đúng đắn. Bạn có thể hỏi là nếu bạn cảm thấy việc giao bán thuốc đánh răng hay làm việc cho quỹ phòng hộ hay thiết kế vũ khí hạt nhân là đúng đắn thì sao? Vậy thì tôi thấy bạn nên cứ làm đi. Thứ nhất là bởi vì khi nhận thức của bạn về thế giới dần mở ra, bạn sẽ không còn cảm thấy những công việc đó là đúng đắn nữa. Thứ hai, bởi vì bạn đang học cách làm theo trực giác của mình, nó sẽ tiếp tục chỉ đường cho bạn khi đã đến

lúc từ bỏ công việc kia để làm cái gì đó can đảm hơn. Thứ ba, bởi vì từ bỏ trực giác của mình vì lý do nguyên tắc chính là một phần của câu chuyện về sự Thăng tiến, của sự khuất phục thiên nhiên. Việc này được biểu hiện bên trong mỗi chúng ta qua suy nghĩ rằng ham muốn là không tốt, rằng chúng ta phải vượt qua những ham muốn đó vì những thứ cao cả hơn. Đó cũng chính là lối suy nghĩ ngăn không cho ta hành động rộng lượng, bởi ta lo ngại rằng chuyện gì sẽ xảy ra nếu mình không có điều kiện để hành động như vậy? Tôi ủng hộ việc tin vào cảm xúc của bản thân, và nó là điều không thể tách rời khỏi tiên đề cơ bản của cuốn sách này, như đã được giải thích ở Chương 1: chúng ta được sinh ra với lòng biết ơn, sinh ra với nhu cầu và mong muốn được trao đi.

Nói cách khác, hãy tin rằng mong ước thật sự của bạn không phải là muốn tuân thủ theo việc biến đổi thế giới thành tiền bạc. Hãy tin rằng bạn muốn làm nên những thứ tốt đẹp trong cuộc đời mình.

Vậy nên, đối với sinh kế đúng đắn, tôi đề xuất rằng ta nên hướng tới nhu cầu và mong muốn được trao đi của mỗi chúng ta. Tôi kêu gọi mọi người hãy nhìn thế giới dưới con mắt: "Cơ hội nào để tôi trao đi?" và "Làm thế nào để tôi sử dụng những món quà mình có một cách tốt nhất?" Hãy luôn giữ trong đầu những ý định đó, và những cơ hội bất ngờ sẽ đến với bạn. Rồi chả mấy chốc mà bạn sẽ thấy khó chịu khi không thể đem những món quà cuộc đời mình tặng cho một thứ gì đó tốt đẹp.

Nếu những điều mà bạn cảm thấy "đúng đắn" chỉ đơn thuần là nuôi sống gia đình mình thôi thì cũng không sao. Cái chính là thái độ muốn được cống hiến. Nếu bạn cố ép mình vào sinh kế đúng đắn vì cảm thấy có lỗi thì có khả năng bạn sẽ trở thành kẻ giả mạo. Ngay cả những tổ chức phi chính phủ (NGO) đôi lúc cũng chỉ là những dự án hư danh khổng lồ, những phương cách phức tạp để giúp người ta cảm thấy tốt về bản thân. Tất cả những cái đó chỉ là để phục vụ cái tôi của mỗi người. Mục đích của sinh kế đúng đắn không phải là để bạn có cảm giác tích cực với bản thân. Khá dễ để nhận ra những người hành động với mục đích này qua thái độ biện hộ, đạo đức giả, và tự mãn của họ. Mục đích của sinh kế đúng đắn là để cống hiến sức lực của mình cho thứ mà mình yêu quý. Khía niệm này phải đem

lại cảm giác tự do chứ không phải gánh nặng đạo đức, nó không phải là thêm một thứ nữa bạn đáng ra phải làm để được coi là người tốt.

Để có thể tiến sâu hơn vào sinh kế đúng đắn, bạn hãy cứ nghiêng mình trao đi mỗi ngày. Hãy tin vào mong muốn được trao đi, hãy nhớ về cảm giác tốt đẹp mà bạn có khi trao đi, và hãy sẵn sàng đón nhận những cơ hội để làm vậy, nhất là khi chúng ở ngưỡng can đảm của bạn. Nếu chúng vượt qua giới hạn can đảm của bạn thì đừng tự trách mình. Những lo sợ khiến bạn không thể cho đi không phải là kẻ thù. Chúng giúp tạo ra một vỏ bọc an toàn. Khi ta lớn lên, những nỗi lo sợ vốn từng bảo vệ ta giờ trở thành rào cản; ta trở nên sốt ruột và tìm cách thoát khỏi chúng. Sự sốt ruột đó đòi hỏi một lòng can đảm mới. Ngày nay, quá trình lớn lên đó đang diễn ra đối với nhân loại nói chung. Chương trình Thăng tiến đã từng có vẻ là đúng đắn trong mắt ta trước đây – nó mở rộng các giới hạn của khoa học, chinh phục vũ trụ, khuất phục thiên nhiên – thì giờ đây không còn có vẻ đúng đắn nữa, bởi các hậu quả rành rành của những tham vọng đó đã quá nghiệt ngã đến mức không thể phớt lờ. Chúng ta đang cùng nhau bước vào một giai đoạn khủng hoảng, khi mà ta không còn có thể dung nạp cái cũ nhưng vẫn chưa nhìn rõ ra cái mới (không như một tầm nhìn chung, dù đã có nhiều người nhận ra nó).

Bởi vậy, khi nói đến sinh kế đúng đắn và đầu tư đúng đắn, chúng ta hãy cứ thong thả. Vì cá nhân ta cũng như vì những người khác, chúng ta hãy tin vào ước muốn được trao đi một cách tự nhiên, và hãy tin vào quá trình phát triển tự nhiên đưa ta tiến về phía ước muốn đó. Thay vì cố dùng mặc cảm tội lỗi để khiến bản thân và người khác làm điều đó (và tạo ra sự phản đối với thái độ quá khích của ta), thì chúng ta có thể đem đến những cơ hội và sự hỗ trợ để mọi người có thể cho đi, và chúng ta có thể thể hiện rõ hơn lòng biết ơn và sự cảm kích đối với món quà từ những người khác. Chúng ta có thể coi người khác không phải là những cá thể ích kỷ, tham lam, nông cạn, hay lười biếng, những người "không chịu trao đi". Thay vào đó, hãy coi họ như những đấng thiên sứ mong muốn được cống hiến cho thế giới này. Chúng ta có thể nhìn nhận như vậy, nói về nó, và tin tưởng nó một cách mạnh mẽ đến độ niềm tin của chúng ta sẽ như một lời mời gọi bản thân và những người xung quanh bước vào thực tại đó.

CHƯƠNG 21:
LÀM VIỆC THEO TINH THẦN QUÀ TẶNG

Tình cảnh của chúng ta trên trái đất này thật là lạ. Cuộc đời mỗi chúng ta đều như một cuộc đến thăm ngắn ngủi, không biết vì lý do gì, nhưng đôi khi lại cho ta cảm giác là có một mục đích thiêng liêng nào đó. Tuy nhiên, từ góc nhìn của cuộc sống hằng ngày thì có một điều chúng ta biết: đó là chúng ta ở đây là vì lợi ích của những người khác.

– Albert Einstein

TIN VÀO SỰ BIẾT ƠN

Câu hỏi thường được đặt ra là: Làm thế nào mà tôi có thể chia sẻ những món quà của mình trong nền kinh tế tiền tệ thời nay mà vẫn có thể kiếm sống được? Trong số những người đặt ra câu hỏi này có các nghệ sĩ, những người chữa lành, hoặc các nhà hoạt động xã hội, những người rất muốn biết làm thế nào để "được trả công" cho những thứ họ làm. Cũng có người kinh doanh thành đạt hay có nghềnghiệp ổn định, nhưng họ bắt đầu cảm thấy có gì đó không ổn trong cách họ lấy tiền công.

Thực vậy, việc lấy tiền công cho một dịch vụ hay thậm chí là lấy tiền hàng cũng đi ngược với tinh thần của Món quà. Khi chúng ta chuyển sang tâm lý quà tặng, chúng ta coi những thứ ta làm ra là món quà cho những người khác hoặc cho thế giới. Vậy thì việc đặt giá món quà trước khi biếu đi lại đi ngược lại với đặc tính của món quà, bởi khi đó nó không còn là một món quà được cho đi mà là đang được ngã giá, bán đi. Hơn nữa, nhiều người, đặc biệt là các nghệ sĩ, người chữa lành, nhạc sĩ, coi tác phẩm của họ là thứ thiêng liêng, lấy cảm xúc từ một nguồn thánh thiện và là vô giá. Việc đặt giá cho nó khiến ta cảm thấy như đang làm giảm giá trị, đang báng bổ nó. Nhưng nghệ sĩ hẳn là cần phải được nhận thù lao cho tác phẩm của mình phải không?

Ý nghĩa sâu xa của việc "nhận thù lao, bồi thường" là bằng việc lao động, bạn đã cống hiến thời gian của mình. Bạn đã sử dụng khoảng thời gian đó để làm việc thay vì làm những thứ mà bạn muốn. Một trường hợp tương tự là việc nhận bồi thường trong một cuộc kiện tụng, ví dụ như một người đang tìm cách để được bồi thường cho một thương tích, cho việc phải chịu đựng đau đớn.

Trong một nền kinh tế mang danh nghĩa "thiêng liêng", thì công việc không còn là một thương tích cho cuộc đời hay thời gian của ai đó, nó không còn là thứ mang đến đau đớn và chịu đựng nữa. Nền kinh tế thiêng liêng nhận thấy con người muốn được làm việc: họ muốn mang công sức đời mình ra để biểu đạt những món quà của bản thân. Quan niệm này không có chỗ cho sự "nhận thù lao, bồi thường" nữa. Lao động là niềm vui, là thứ tạo ra lòng biết ơn. Khi đạt đến mức cao nhất, lao động trở thành vô giá. Bạn có thấy việc *trả thù lao* cho Michelangelo vẽ lên nhà nguyện Sistine, hay cho Mozart sáng tác bản Requiem là một thứ nghe rất báng bổ không? Không một lượng tiền nào đủ để đổi lấy những thứ thiêng liêng cả. Đối với những tuyệt tác thì cách dâng hiến phù hợp nhất là mang chúng cho đi. Ngay cả tại thời điểm này, khi ít ai trong chúng ta có được tài năng như Mozart, nhưng chúng ta đều vẫn có thể thực hiện công việc thiêng liêng. Bằng những kỹ năng của mình, tất cả chúng ta đôi khi đều có thể tạo ra những thứ to lớn hơn bản thân mình. Một thứ gì đó hiện hình qua chúng ta, sử dụng ta như một công cụ cho sự thể hiện bản thân của nó trên đời. Bạn có thể nhận ra rằng khái niệm "trả thù lao, bồi thường" là rất xa vời với hình thức lao động này không? Bạn có cảm thấy bị sỉ nhục khi bán đi một tác phẩm thiêng liêng không? Dù bán giá bao nhiêu thì bạn cũng đã hạ thấp giá trị của mình, và bạn đã làm giảm giá trị của nguồn gốc xuất phát món quà đó. Tôi hay nói rằng: "Có một số thứ quá tốt đẹp để có thể bán. Chúng ta chỉ nên đem chúng chúng đi".

Bạn đọc sẽ lập tức đặt ra các câu hỏi. Ngay cả khi vừa đọc những dòng trên thì bạn lại tiếp tục băn khoăn: "Nhưng chẳng phải là nghệ sĩ cần được nhận thù lao cho tác phẩm của mình sao?" Tâm lý chia rẽ đã ăn sâu vào mỗi chúng ta như vậy đó! Chúng ta hãy diễn giải lại vấn đề: "Chẳng phải là người cho đi những món quà cao cả xứng đáng được nhận lại những món quà cao cả khác ư?" Câu trả lời là có, dù từ "xứng đáng" có nghĩa gì đi

chăng nữa. Trong một nền kinh tế thiêng liêng, điều này sẽ diễn ra theo cơ chế của sự biết ơn chứ không phải là sự bắt buộc. Thái độ của một người bán hàng là: "Tôi sẽ cho anh món quà này – nhưng chỉ khi nào anh trả công cho tôi, khi anh đưa tôi thứ mà tôi nghĩ là tương đương với giá trị của món quà". (Nhưng dù bán giá bao nhiêu thì người bán cũng cảm thấy bị lỗ). Ngược lại, thái độ của một người cho đi là: "Tôi sẽ cho anh món quà này – và tôi tin rằng anh sẽ cho tôi thứ mà anh nghĩ là phù hợp". Nếu bạn cho đi một món quà lớn mà không tạo ra sự biết ơn, thì có lẽ đó là dấu hiệu rằng bạn đã đưa nó cho người không phù hợp. Tinh thần của Quà tặng là để đáp ứng các nhu cầu. Việc tạo ra lòng biết ơn không phải là mục tiêu của việc cho đi; mà nó là một dấu hiệu, một chỉ số, cho thấy món quà đã được cho đi đúng cách, rằng nó đã đáp ứng được một nhu cầu nào đó. Đó là lý do nữa cho việc tôi không đồng tình với một số giáo lý tâm linh cho rằng một người thật sự cao thượng sẽ không mong muốn nhận lại cái gì, ngay cả lòng biết ơn.

Giờ thì hãy nhìn vấn đề một cách thực tế. Sau khi đã suy nghĩ dằn vặt nhiều về vấn đề này, tôi nhận thấy mặc dù việc lấy tiền công khiến tôi cảm thấy không ổn, nhưng tôi thấy thoải mái khi nhận tiền từ những người mang lòng biết ơn khi có được những tác phẩm của tôi. Mức độ biết ơn của mỗi người lại khác nhau. Tôi không thể biết trước được là cuốn sách này có giá trị thế nào đối với bạn; ngay cả bạn cũng không biết trước được. Vậy nên việc trả tiền cho một thứ chưa biết là đi ngược lại với tinh thần quà tặng. Lewis Hyde đã diễn tả ý tưởng này một cách sâu sắc như sau:

> *Giờ có thể điều tôi nói trên đã trở nên rõ ràng hơn, rằng tiền thù lao cho một dịch vụ thường có xu hướng làm giảm lòng biết ơn. Lý do là vì nói chung, việc quy đổi không thể được nhất trí từ trước. Chúng ta không thể dự đoán thành quả lao động của mình; chúng ta còn không biết mình sẽ hoàn thành nó không. Lòng biết ơn luôn đi kèm với một món nợ không hoàn trả được, và chúng ta sẽ có động lực để tiếp tục cho đến khi không còn cảm thấy mang nợ nữa. Nếu không cảm thấy mắc nợ, chúng ta sẽ từ bỏ, và nên là như thế. Vậy nên một món quà có khả năng thay đổi cuộc đời mà lại bị mang ra bán thì sẽ làm cho mối quan hệ bị xuyên tạc; điều này ngụ ý là đã có sự đền đáp, trong khi thực tế là món quà đáp*

lễ chưa thể được biếu lại cho đến khi sự biến đổi cuộc đời kia được hoàn thành. Một khoản tiền trả trước làm giảm giá trị của món quà, khiến nó mất đi tiềm năng trở thành động lực cho sự biến đổi. Do đó, những liệu pháp hoặc những hệ thống tâm linh được rao bán trên thị trường thường có xu hướng thu hút năng lượng cần thiết để chuyển đổi từ chán ghét sang đau đớn hơn là từ trạng thái thu hút sang một trạng thái cao hơn.[1]

Theo đó, tôi đã từng bước lao động theo hướng tinh thần quà tặng. Ví dụ, tôi cố gắng đưa nhiều nhất có thể những bài viết, các tác phẩm thu âm, thu hình của mình lên mạng mà không lấy tiền và mời độc giả tặng lại một món quà thể hiện đúng mức độ biết ơn của họ. Món quà này không nhất thiết là phải dành cho tôi. Giả dụ như nếu bạn thấy biết ơn vũ trụ vì nó đã mang lại cho bạn những tác phẩm của tôi thì có lẽ một cách phù hợp để bạn trả ơn là hãy "đáp đền tiếp nối".

Tôi cũng ứng dụng mô hình này với việc thuyết trình trước công chúng. Khi được hỏi về tiền công cho việc thuyết trình, tôi nói rằng mình không đòi tiền công. Thường thì tôi đề nghị người ta trả tiền đi lại cho tôi. Ngoài khoản đó ra thì tôi sẽ nói đại loại là: "Tùy anh. Anh có thể đưa tôi khoản tiền nào đó, hay không đưa gì cả, miễn là nó khiến anh cảm thấy thoải mái, phù hợp, một khoản tiền thể hiện sự biết ơn của anh với việc tôi đến đây". Đây không phải là một công thức, nó là một tinh thần mà ta nên hướng tới và nên được áp dụng linh hoạt tùy tình huống. Nếu họ có sẵn một khoản tiền thường trả cho diễn giả thì tôi cũng không nhất thiết phải từ chối cho khác người. Hơn nữa, đôi khi việc thỏa thuận tiền công trước cho tôi thấy họ mong muốn có được thứ mà tôi mang đến đến mức nào. Tôi muốn mang những món quà của mình đến những nơi muốn có chúng, và tiền là một trong vài cách thể hiện sự mong muốn đó.

Điều quan trọng là không được biến việc "sống theo tinh thần quà tặng" trở thành một thú vui, hay một tiêu chuẩn đạo đức. Đừng sống như vậy chỉ để thành người tốt. Mà hãy làm vậy để cảm thấy thoải mái. Nếu bạn thấy mình hân hoan khi nhận được một tớ séc lớn (giống tôi) thì điều đó là hoàn toàn bình thường. Con người chúng ta thường hân hoan khi được nhận một món quà lớn. Ngay cả khi nếu bạn (cũng như tôi đôi khi) cảm thấy mình

nhỏ nhen, bực bội, và thấy mình như đang vơ vét, thì hãy chỉ cần để ý những cảm xúc đó. Hành trình quay về với văn hóa quà tặng là một chặng đường còn dài, bởi chúng ta đã đi xa nó quá rồi. Tôi cảm thấy mình như một trong vô số các nhà thám hiểm đang đi tới một vùng đất xa lạ (và cổ xưa), đang học hỏi từ những khám phá của người khác và cũng từ sai lầm của chính mình.

Khi dẫn những khóa tịnh tu, tôi chỉ nhận tiền ăn ở và tiêu vặt, còn lại tôi sẵn sàng chào đón các món quà.[2] Đã phải mất một thời gian để tôi có thể đạt được trạng thái nhận thức rằng mô hình này thực sự "hiệu quả". Nếu tôi trách cứ những người không cho đi bao giờ, hay nếu tôi định dùng những chân lý cao cả để dụ hay ép người khác phải cho đi nhiều hơn những gì lòng biết ơn của họ cho phép, hoặc nếu tôi khéo khiến người khác thương hại mà cho tôi quà bằng cách nói bóng gió về những sự vất vả, hi sinh, đạo đức của mình khi chịu nghèo, thì nghĩa là tôi đang không sống theo tinh thần quà tặng một tẹo nào. Mà như vậy là tôi đang sống trong một tâm thế túng thiếu hay xin xỏ, và rồi cũng giống như sự nông cạn của tâm thế này, nguồn quà tặng cũng chả mấy chốc mà khô cạn. Không chỉ là người khác tránh không cho tôi nữa, mà ngay cả dòng chảy quà tặng của chính tôi cũng dần khô hạn.

Miễn là ý định tặng quà của tôi là chân chính, tôi luôn nhận thấy lượng quà nhận được là tương đương hay có khi vượt quá lượng quà cho đi. Đôi khi món quà được tặng lại một cách rất bí hiểm, tôi gián tiếp hoặc không thể lần ra đầu mối từ những thứ mình đã cho đi, thế nhưng đến khi tới tay tôi, món quà đền đáp đó vẫn phần nào đi kèm với tinh thần của món quà ban đầu. Đôi khi món quà tôi nhận được và món quà tôi đã cho đi chỉ được kết nối với nhau một cách rất mong manh về sự đồng bộ và mức độ tượng trưng. Lý trí thì cho rằng món quà nhận lại chả liên quan gì tới thứ tôi đã cho đi – "Đằng nào thì người ta cũng cho tôi món đồ này" – nhưng trái tim lại mách bảo sự thật không phải vậy.

Vì món quà đền đáp đến sau, nên khi bước vào sinh kế quà tặng, lúc đầu thứ duy nhất ta có là niềm tin. Khi không biết là sẽ nhận được sự đền đáp không, ta hiểu được mình có thực sự toàn tâm với cách sống này không. Bản ngã sẽ vùng dậy và đấu tranh, cố có được một sự đảm bảo về lợi ích.

Nếu không phải là tiền thì chí ít tôi cũng có thể quảng cáo về sự rộng lượng của mình để kiếm được ít lời khen. Hoặc tôi có thể tự khen ngầm mình và cảm thấy hơn người bởi tôi sống trong tinh thần quà tặng sâu hơn họ. Theo kinh nghiệm của tôi thì mỗi bước tiến về phía văn hóa quà tặng đều có vẻ rất đáng sợ. Việc buông bỏ phải là thực lòng, nếu không sẽ không có sự đền đáp nào cả.

KINH DOANH TRONG VĂN HÓA QUÀ TẶNG

Giờ ta hãy áp dụng mô hình này vào các loại hình kinh doanh khác. Hiện đã có một số các doanh nghiệp thực hành kinh tế quà tặng bằng nhiều cách rất sáng tạo. Tôi không hô hào rằng mô hình của tôi là cách hoàn hảo hay duy nhất để có thể sống trong văn hóa quà tặng. Chúng ta đang tiên phong trong một nền kinh tế kiểu mới, và sẽ cần phải và mắc lỗi để tìm ra con đường đúng đắn. Dưới đây tôi sẽ đưa ra một số ví dụ về những người đang kinh doanh theo một hoặc hai quy tắc chính của văn hóa quà tặng mà tôi đã bàn phía trên: (1) Người nhận chứ không phải người tặng sẽ là người quyết định "giá cả" (tức là món quà đền đáp); (2) Món quà đền đáp được quyết định sau khi món quà ban đầu đã được nhận, chứ không phải là được định trước.

Tại Berkeley, bang California, Karma Clinic (Phòng khám Nhân quả) từ hai năm nay đã chữa trị cho người bệnh theo phương pháp toàn diện và dựa vào văn hóa quà tặng. Sau khi được tư vấn hay chữa trị, khách hàng sẽ được nhận một "hóa đơn" có ghi: "Buổi tư vấn cho bạn là một món quà rộng lượng từ ai đó được chữa trị trước đây. Nếu muốn tiếp nối tinh thần này, bạn cũng có thể tặng quà cho một ai đó khác, tùy theo cách của bạn. Tiền hoặc các món quà khác có thể được gửi lại trong hộp quà tặng tại Karma Clinic hoặc gửi tới địa chỉ". Còn ở Ashland, bang Oregon, cũng có một phòng khám dựa vào quà tặng khác tên là Gifting Tree (Cây Quà tặng). Chắc chắn là còn nhiều nơi như vậy trên khắp đất nước, và chúng đều có vẻ hoạt động bền vững: Trung tâm Victoria Attunement hoạt động từ năm 1982 đến năm 1988 chỉ nhờ vào quyên góp, và theo lời người sáng lập, Will Wilkinson, trung tâm này đã có thể tự đứng vững với hơn 300 lượt khách hàng tháng.

Mô hình quà tặng cũng đã được áp dụng cho các nhà hàng. Nhà hàng One World (Một Thế giới) ở thành phố Salt Lake, hoạt động từ năm 2003; quán cà phê SAME (So All May Eat – Để ai cũng có cái ăn) ở thành phố Denver, từ năm 2008; quán cà phê A Better World (Một Thế giới Tươi đẹp hơn) ở New Jersey mở năm 2009; quán Karma Kitchen (Bếp Nhân quả) ở Berkeley; và nhiều nơi khác hoạt động hoàn toàn dựa vào quyên góp – hầu hết những nhà hàng này còn bán đồ ăn hữu cơ nữa.

Gần đây, ý tưởng này được nhiều người biết tới hơn khi chuỗi nhà hàng Panera Bread có mặt trên khắp nước đã mở quán ở St. Louis, bang Missouri, với giá tùy tâm. Thực đơn của quán này giống với mọi quán khác của chuỗi, nhưng giá ghi trong thực đơn chỉ là gợi ý. Khách hàng có thể trả với giá mà họ thấy hài lòng: biển chữ treo ở quầy thu tiền có ghi: "Hãy lấy thứ gì bạn cần, và hãy để lại phần san sẻ của mình". Nếu thử nghiệm này thành công, công ty có kế hoạch mở rộng mô hình tới các địa điểm khác trên toàn quốc. Tôi băn khoăn không biết họ có nhận ra là họ không chỉ đang tiên phong trong mô hình đạo đức công dân mà còn tiên phong trong mô hình kinh doanh của tương lai.

Tất nhiên còn phải kể đến mạng Internet, nơi có một nền kinh tế quà tặng đang được phổ biến rất rộng rãi. Các loại sản phẩm phần mềm văn phòng chính đều có các phiên bản không mất tiền. Ví dụ như bộ phần mềm OpenOffice là một thành quả hợp tác của hàng trăm lập trình viên tình nguyện, và là miễn phí. Tôi không muốn dùng từ "cho không" (for free) ở đây, bởi nó gần như mang hàm ý từ chối bất cứ món quà đền đáp nào. Tổ chức OpenOffice có nhận quyên góp và khuyến khích những người tải phần mềm xuống dùng đóng góp dưới nhiều dạng.

Nhiều ban nhạc cũng đưa nhạc của họ lên mạng "miễn phí". Nhóm tiên phong đi đầu với mô hình kinh doanh kiểu quà tặng trong công nghiệp ghi âm đáng kể phải nói đến ban nhạc Radiohead. Nhóm này đã cho ra album "In Rainbows" (Dưới những chiếc cầu vồng) vào năm 2007 dưới dạng giá tùy tâm. Mặc dù 2/3 người nghe đã tải xuống mà không trả gì, nhưng đã có hàng trăm nghìn người chọn cách trả một vài đô la cho album đó. Ngoài ra, hàng triệu bản khác đã được người nghe mua trên iTunes, dưới dạng CD, hay qua các hình thức khác. Những người phê bình cho rằng thành công

này là ngoại lệ vì Radiohead là nhóm nhạc rất nổi tiếng, nhưng mô hình căn bản vẫn đang tiếp tục được nhân rộng, đặc biệt là trong ngành công nghiệp âm nhạc, bởi các kênh bán hàng truyền thống đang dần trở nên không còn thiết thực cho hầu hết các ban nhạc.

Điều đáng ngạc nhiên là thậm chí đã có một công ty luật kết hợp yếu tố tùy tâm vào mô hình kinh doanh của mình. Công ty Valorem (Valorem Law Group), một công ty luật xét xử có trụ sở ở Chicago, đã cho mục "điều chỉnh giá trị" vào các hóa đơn của mình. Đây là mục cuối hóa đơn, ngay phía trên mục "Tổng hóa đơn" được để trống. Khách hàng sẽ điền vào mục "điều chỉnh giá trị" một số âm hoặc số dương, rồi điều chỉnh giá phải trả theo đó. Tôi thực sự rất ngưỡng mộ hãng luật này, bởi vì đứng từ góc nhìn của các luật sư thì việc này quả là một hành động điên rồ. Nếu ai đó có "điều chỉnh" hoàn toàn hóa đơn và không trả gì cả, thì hãng luật cũng không thể làm gì được.

Giờ chúng ta hãy tổng hợp những ví dụ này thành một mô hình kinh doanh có thể áp dụng rộng rãi. Những nguyên tắc cơ bản khá đơn giản. Phương châm đầu tiên là chỉ nên tính giá gốc, bao gồm các chi phí cận biên, các chi phí phân chia cố định, nhưng không gồm các chi phí chìm. Ví dụ như nếu bạn lắp đường nước cho ai đó, bạn cần tính tiền nguyên liệu (mà không lấy lãi), tiền đi lại, và có thể là nửa ngày các khoản tiền mà bạn hiện đang phải trả cho khoản vay vốn ban đầu (như khoản vay để mua xe đi làm, để mở kinh doanh, v.v…). Bạn cũng sẽ nói rõ cho người kia biết là thời gian, công sức, và tay nghề của bạn là một món quà. Hóa đơn của bạn có thể ghi rõ tổng chi phí, tiếp đó là một hàng được đánh dấu "quà tặng" được để trống, sau cùng là hàng ghi "tổng tiền".

Một dạng khác của mô hình này là theo cách của công ty Valorem. Bạn có thể ghi rõ khoản tiền theo giá thị trường, rồi thêm một mục phía dưới ghi là "điều chỉnh giá trị" hay "điều chỉnh theo sự biết ơn". Mọi người hầu hết sẽ chỉ trả theo giá thị trường, nhưng bạn có thể giải thích là khách hàng muốn điều chỉnh giá cũng được, tùy theo mức độ hài lòng hoặc không hài lòng của họ với sản phẩm nhận được.

Còn một hình thức nữa là không tính tiền mà ghi rõ từng mục ra là "chi phí nguyên liệu", "chi phí phân bổ kinh doanh", "giờ công", "giá dịch vụ ở mức thị trường", v.v… Như thế này, người nhận có thể chọn không trả gì cả, ngay cả phí nguyên liệu, nhưng ít nhất thì họ nắm được những thông tin này. Cũng giống như dòng chú thích của Karma Clinic, đây chính là "câu chuyện của món quà" được nhắc đến ở trên. Theo truyền thống thì các món quà thường đi kèm với các câu chuyện để giúp người nhận quà có thể hiểu rõ giá trị của chúng.

Mô hình kinh doanh theo tinh thần quà tặng thực chất không khác xa so với cách làm ăn thường thấy như bạn tưởng. Hiện nay, một chiến thuật ngã giá hay được sử dụng là cách nói: "Tôi bảo này, đây là giá thấp nhất mà tôi có thể bán rồi đấy".[3] Như vậy thì cũng không khác gì lắm so với việc nói rằng: "Đây là giá tôi bán. Bạn có thể trả tôi thêm tùy vào giá trị bạn cho là mình đã nhận được". Như thế, khách hàng sẽ hiểu rõ hơn về giá thị trường của sản phẩm hay dịch vụ bạn đang cung cấp, và nếu mối quan hệ làm ăn này có chút gì chân thật thì chắc chắn là họ sẽ trả số tiền gần tương đương. Nếu họ trả một khoản lớn hơn giá gốc thì bạn có thể hiểu đó là một biểu hiện của sự biết ơn. Nếu thấy ai đó biết ơn việc bạn đã làm thì bạn sẽ cảm thấy muốn cho đi nhiều hơn nữa. Nếu ai đó không biết ơn thì bạn hiểu rằng món quà đã không được nhận một cách toàn diện, và có thể bạn sẽ chọn không cho người đó cái gì nữa.

Trong một mối quan hệ làm ăn, điều này có nghĩa là bạn chọn thôi không làm ăn với người trả ít hoặc không trả thêm ngoài giá gốc, và bạn sẽ thiên về làm với người bày tỏ mức độ biết ơn cao, biểu hiện qua đồng tiền. Đây là bản chất của vấn đề. Một số người sẽ cần đến món quà của ta hơn người khác. Nếu bạn có bánh mì, bạn sẽ muốn đưa nó cho người đang đói. Cách người khác thể hiện lòng biết ơn giúp ta định hướng cho việc sử dụng món quà của mình một cách tốt nhất. Thế nên hiện nay cũng vậy, một doanh nghiệp thường có xu hướng làm ăn với những người trả nhiều tiền nhất (tuy rằng các cách thể hiện sự biết ơn ngoài tiền nong cũng có vai trò trong đó). Điều này khác với xu hướng làm ăn với ai đưa ra giá cao nhất. Sự khác nhau ở đây rất quan trọng. Theo tinh thần quà tặng thì việc định giá không được đưa ra từ trước. Mà món quà được tặng trước, và chỉ sau khi nhận được nó người ta mới biếu lại quà đền đáp.

Tôi không thể không so sánh cách tiếp cận này với những nghiên cứu trong lý thuyết trò chơi về chủ nghĩa vị tha và các song đề tù nhân lặp lại. Bạn có thể tìm hiểu thêm về đề tài này trong mục "tit-for-tat" của Wikipedia. Về cơ bản thì trong nhiều trường hợp khi có sự tương tác qua lại nhiều lần giữa các nhân tố tách biệt, và khi việc hợp tác hay phản bội có ảnh hưởng khác nhau, thì chiến thuật tối ưu là nên hợp tác trước, và chỉ nên trả đũa khi nào người kia không hợp tác trong lần chơi trước. Cách lý luận tương tự khiến tôi nghĩ rằng mô hình kinh doanh tôi vừa miêu tả ở trên về lâu dài có thể sẽ thành công về mặt tài chính hơn là mô hình chuẩn hiện nay.[4]

Vì tinh thần quà tặng giờ đây đã quá xa lạ với chúng ta, cho nên việc kinh doanh trong văn hóa quà tặng đôi khi cần một chút giáo dục. Tôi thấy rằng nếu tôi quảng cáo một sự kiện là "tùy tâm", thì người ta đôi khi coi nó như đồ bỏ đi và nghĩ là: "Hẳn là nó chả có giá trị mấy hay không quan trọng lắm, vì anh ta không đòi tiền công". Họ sẽ đến muộn hay thậm chí không đến, hay đến mà không kỳ vọng lắm vào nó. Việc trả một chút phí như là một hành vi nhắc nhở phần vô thức rằng "đây là một thứ có giá trị" hoặc "tôi nhất định sẽ thực hiện nó". Tôi và nhiều người khác vẫn đang thử nghiệm xem có những cách nào là tốt nhất để vừa có được những lợi ích của việc trả phí, mà vẫn giữ tinh thần quà tặng. Chúng ta đang ở ngưỡng cửa của một thời đại mới, vậy nên sẽ cần chút thực hành và thử nghiệm.

Tất nhiên là tại thời điểm cuốn sách này đang được viết thì hầu hết các chủ tập đoàn và doanh nghiệp vẫn chưa sẵn sàng bước vào mô hình kinh doanh theo hướng quà tặng. Cũng không sao – bạn có thể thúc đẩy họ một chút! Đơn giản là hãy thực hành nó trước, bằng cách "lấy trộm" các sản phẩm của họ, ví dụ như tải xuống hoặc sao chép một cách bất hợp pháp các nội dung kỹ thuật số như các bài hát, bộ phim, phần mềm, v.v… Và nếu bạn thấy biết ơn những người tạo ra chúng thì hãy gửi cho họ ít tiền. Bản thân tôi cũng sẽ thấy rất vui nếu bạn làm như thế với cuốn sách này. Tuy nhiên khó có thể sao chép bất hợp pháp cuốn sách này, bởi tôi không đăng ký bản quyền cho nó (tôi đoán là bạn đã không đọc trang nói về bản quyền của cuốn sách này, nhưng nội dung của trang ấy không như những gì bạn thường thấy đâu). Ngoài ra, nội dung cuốn sách cũng có trên mạng và miễn phí. Dù vậy, nếu bạn "trộm được" cuốn sách này, tôi cũng sẽ rất vui khi được nhận từ bạn một khoản tiền cho thấy sự biết ơn của bạn – chứ không

phải là khoản tiền mà tôi hay nhà xuất bản cho là xứng đáng với giá trị của nó đối với bạn. Trải nghiệm của mỗi người đọc sẽ khác nhau: với một số người, việc đọc cuốn sách này chỉ là phí thời gian, với người khác nó lại có thể làm thay đổi cuộc sống của họ. Nếu thế thì việc tôi được nhận quà đền đáp y như nhau từ mỗi độc giả có phải là vô lý không nào?

NGHỀ NGHIỆP THIÊNG LIÊNG

Mô hình quà tặng hình thành một cách tự nhiên với những nghề có giá trị khó định hình. Các nhạc sĩ, nghệ sĩ, kỹ nữ, người chữa lành, cố vấn, và giáo viên đều mang đến những món quà mà việc định giá sẽ khiến chúng mất giá trị. Khi cái mà ta có để cho đi là thứ gì đó thiêng liêng với ta, thì cách cho đi cao cả nhất là dùng nó làm quà.[5] Không cái giá nào có thể đủ để trả cho sự thiêng liêng của thứ vô tận cả. Đặt ra một mức phí nhất định cho việc thuyết trình nghĩa là tôi đã hạ thấp giá trị món quà của mình. Nếu bạn nằm trong số những nghề nghiệp kể trên thì bạn có thể xem xét đến việc thử nghiệm với mô hình kinh doanh dựa trên quà tặng – nhưng hãy nhớ rằng nếu bạn áp dụng mô hình này như là một cách thông minh hơn để "kiếm lời", thì nó sẽ không hiệu quả đâu. Nếu một món quà không phải là món quà mà là một dụng cụ với động cơ kiếm lời, một món quà dởm, thì cuối cùng nó cũng sẽ bị người ta phát hiện ra.

Với tất cả những nghề nghiệp kể trên, thứ khó định hình đã được biểu hiện qua một cái gì đó có định hình, nhưng bản thân thứ khó định hình kia lại thuộc về thế giới quà tặng. Điều này thực chất là đúng với mọi nghề nghiệp. Luôn có một thứ gì đó không thể được định lượng, vượt lên trên việc là một mặt hàng thuần túy, và vì thế không thể được định giá. Vậy nên mọi ngành nghề đều có thể trở thành thiêng liêng. Chúng ta hãy xem xét ví dụ về nghề nông. Điều gì khiến thực phẩm – một thứ có định hình – trở thành phương tiện thể hiện sự thiêng liêng?

- Thứ thực phẩm đó được tạo nên bởi người quan tâm sâu sắc tới giá trị dinh dưỡng và thẩm mỹ của nó.
- Nó được nuôi dưỡng bằng phương pháp làm giàu thêm cho hệ sinh thái, đất, nước, và đời sống nói chung.
- Việc sản xuất và chế biến nó góp phần xây dựng xã hội lành mạnh.

Nói cách khác, thực phẩm thiêng liêng được bao bọc bởi một mạng lưới các quan hệ tự nhiên và xã hội. Nó được nuôi dưỡng không phải bởi một thứ tình yêu trừu tượng, mà là bởi tình yêu đối với một mảnh đất cụ thể và những con người cụ thể. Chúng ta không thể yêu một cách ẩn danh, có lẽ vì thế mà tôi luôn có phần dửng dưng trước những hành động từ thiện ẩn danh không tạo ra sự kết nối. Có ai đó đã tạo ra thực phẩm thiêng liêng cho đích thân *tôi*!

Khi ta coi công việc của mình là thiêng liêng, ta cố gắng làm hết sức mình vì nó, chứ không phải chỉ là "đủ tốt" vì một lí do khách quan nào đó như là thị trường, luật lệ, hay điểm số. Một thợ xây coi công việc của mình là thiêng liêng có thể sẽ sử dụng những nguyên liệu và phương pháp tốt cho các chi tiết ẩn sau bức tường mà phải sau hàng thế kỷ mới có người nhận thấy. Người thợ không được lợi lộc gì khi làm vậy, ngoài cảm giác thỏa mãn khi làm tốt công việc của mình. Tương tự như vậy, có những người chủ doanh nghiệp trả mức lương cao hơn thị trường cho nhân viên, hay các chủ xưởng đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường cao hơn quy định. Họ không mong chờ một lợi ích nào, nhưng bằng cách nào đó họ *vẫn* được hưởng lợi, dù đôi khi là theo cách không ngờ tới. Những sự đền đáp không ngờ hoàn toàn phù hợp với bản chất của Món quà. Như lời của Lewis Hyde, một món quà "biến mất sau góc phố", "tan vào sự bí ẩn", và ta không biết được nó sẽ quay trở lại với ta bằng đường nào.

Một cách nhìn khác để nhận thấy những thành quả không ngờ đến từ cõi bí ẩn là khi ta sống với tinh thần quà tặng, điều kỳ diệu sẽ xảy ra. Tâm lý quà tặng là một dạng niềm tin, một sự chịu khuất phục – và đó là điều kiện tiên quyết để những phép mầu có thể xuất hiện. Nhờ Món quà, chúng ta có thể đạt được những điều không thể.

Tôi biết một người ở bang Oregon là chủ công ty quản lý nhà cửa chuyên về các cơ sở trông coi người già có mức thu nhập thấp. Ông ta nói: "Làm kinh doanh kiểu này khó lắm". Phải đối mặt với nhiều thách thức từ các cơ sở y tế, công ty bảo hiểm, quy định của nhà nước, tình trạng nghèo đói của cư dân, cũng như sự hỗn loạn tài chính nói chung, ngành của ông ta đang trong tình trạng khủng hoảng. Vào tuần tôi đến thăm ông ta, đã có hai công ty cạnh tranh chính gọi điện van nài ông ta mua lại các cơ sở làm ăn thua

thiệt của họ. Vậy mà bằng cách nào đó, người đàn ông này vẫn xây dựng nên một doanh nghiệp phát đạt, là chỗ dựa cho nhân viên, và tạo ra môi trường sống thoải mái cho cư dân, một tấm gương cho ngành này. Ông ấy đạt được điều này bằng cách nào vậy? "Hằng ngày", ông ấy kể, "tôi đến văn phòng và phải đối mặt với một đống các vấn đề bất khả thi. Tôi không thể nghĩ ra cách nào để giải quyết chúng. Vậy nên tôi chỉ làm điều mà tôi có thể: nghiêng mình phục vụ. Thế là, như có phép màu, các giải pháp tự tìm đến với tôi".

Người biết nghiêng mình phục vụ là một người nghệ sĩ. Coi công việc là một thứ thiêng liêng nghĩa là đang nghiêng mình phục vụ nó, và qua đó trở thành công cụ của nó. Cụ thể hơn, và có thể là có chút nghịch lý, là chúng ta trở thành công cụ cho thứ mà chính chúng ta tạo nên. Cho dù là một tác phẩm về vật chất, con người, hay xã hội, chúng ta đặt mình vào vị trí khiêm tốn hơn để phục vụ cho một thứ gì đó đã luôn tồn tại nhưng chưa được biểu hiện ra. Thế nên sự thật thì người nghệ sĩ chính là người thán phục các tác phẩm của mình. Tôi có cảm giác này khi đọc to những dòng trong cuốn *The Ascent of Humanity*: "Tôi mà viết được như thế này ư". Cuốn sách đó là một thực thể độc lập, được sinh ra qua tay tôi nhưng không phải là do tôi tạo ra, cũng như những đứa trẻ không phải là sản phẩm của bố mẹ chúng, hay cây rau không phải là sản phẩm của người nông dân. Họ truyền sức sống cho chúng, là nơi nuôi dưỡng chúng lớn lên, nhưng họ không nhất thiết phải hiểu hay có thể hiểu các cơ chế phân chia tế bào tạo ra chúng. Cũng như thế, tôi đã chăm chút cho cuốn sách của mình với mọi nguồn lực mà tôi có, và đã vất vả sinh nó từ một cái thai trong tâm trí tôi ra thành một thực thể hiện hữu. Tôi cũng hiểu rõ từng sắc thái của nó, nhưng tôi vẫn có cảm giác rằng nó tồn tại từ trước đó, nằm ngoài những tính toán của tôi. Cha mẹ nào có thể đường đường giành công trạng cho những thành quả con mình đạt được? Không ai cả. Vì như vậy là một hành động ăn trộm. Vậy nên tôi cũng không thể tự thưởng công cho mình vì đã tạo nên một tác phẩm đẹp đẽ. Mà tôi chỉ luôn sẵn sàng phục vụ chúng.

Tôi lấy ví dụ này là để chỉ ra rằng những lập luận mà các đức cha đạo Cơ đốc như Thomas Paine và Henry George dùng để nói về đất đai cũng đúng với thành quả lao động của con người. Chúng tồn tại ngoài tầm của chúng ta – chúng ta là những quản gia phục vụ chúng, cũng giống như việc chúng

ta chỉ là những người quản gia của đất đai chứ không phải là người chủ của chúng. Ta được thừa hưởng chúng, và vì thế có nghĩa vụ tiếp tục trao chúng đi. Đó là lý do vì sao chúng ta bị thu hút bởi việc kinh doanh trong tinh thần Quà tặng. Ta cảm thấy đó là một điều tốt đẹp và đúng đắn vì nó giúp ta căn chỉnh phù hợp với sự thật. Nó đưa ta đến một sự thịnh vượng vượt qua cả những giới hạn mà ta định ra. Đó là nguồn gốc của bất cứ ý tưởng hay phát minh vĩ đại nào: "Ý nghĩ đó đã đến với tôi". Vậy thì sao ta có thể tự phụ rằng mình sở hữu nó?

Ta chỉ có thể mang nó trao đi, nhờ vậy mà dòng của cải được lưu thông và ta tiếp tục được nhận những món quà thiêng liêng dưới nhiều hình thức, từ những người khác và từ mọi thứ.

Để có động lực chuyển đổi sang mô hình kinh doanh theo văn hóa quà tặng, bạn có thể quan sát để thấy rằng mô hình cũ không còn thiết thực với những nghềnghiệp thiêng liêng nữa. Ngay cả tại Harrisburg, một thành phố nhỏ ở bang Pennsylvania, nơi không hẳn là một địa điểm cấp tiến nhất toàn cầu, thì cũng đã có hàng trăm người quảng cáo dịch vụ y tế tổng thể, bổ sung, thay thế trên Holistic Health Networker (Mạng lưới Sức khỏe Tổng thể). Hàng trăm người, các bạn ạ. Và có lẽ là ít nhất một nửa trong số họ đã theo học những chương trình vềthảo dược, liệu pháp yoga, liệu pháp thiên nhiên, liệu pháp thôi miên, thiên sứ chữa lành, chữa lành bằng tinh thể, liệu pháp phân cực, Reiki [6], liệu pháp thần kinh sọ, dinh dưỡng tổng thể, mát xa trị liệu, hoặc chương trình khác, và đã có ý định là tương lai sẽ làm việc trong một văn phòng hay một trung tâm sức khỏe tổng thể để khám cho "khách hàng" trong những "buổi chữa" với giá $85 hay $120 một lần. Thật là bất khả thi khi nhiều người có thể đạt được ước mơ này. Vậy mà trường lớp và các chương trình đạo tạo vẫn tiếp tục cho nhiều người hành nghềtốt nghiệp. Sớm hay muộn thì hầu hết những người này cũng sẽ phải từ bỏ mô hình chữa bệnh cho khách hàng theo buổi, mà quay sang dùng kĩ năng của mình như một món quà tặng.[7]

Những điều đang diễn ra trong những ngành nghềnày cũng bắt đầu diễn ra ở nhiều nơi hơn. Chúng ta có thể đổ lỗi cho sự quá tải năng lực, các khoản nợ phải trả, "lãi suất đầu tư ngày càng giảm", hay những yếu tố kinh tế khác, nhưng thực tế là mô hình sinh lời cũ đang gặp khủng hoảng. Cũng

như những người hành nghề chữa bệnh tổng thể mà tôi miêu tả ở trên, chúng ta sẽ sớm không còn lựa chọn nào khác ngoài việc nhất tề áp dụng mô hình mới.

Trong nền kinh tế cũ, con người theo đuổi sự nghiệp và công việc nhằm mục đích kiếm sống. Dưới góc nhìn của cơm áo gạo tiền thì không có gì là quá thiêng liêng để không thể bán đi lấy tiền cả.

Nếu bạn đang phải làm việc để kiếm sống, ví dụ như trong một mỏ chì ở Trung Quốc chả hạn, thì việc thương lượng đòi khoản lương cao nhất cho công sức của bạn có thể không khiến bạn cảm thấy có gì sai trái cả. Một cách nhìn khác là chính việc đảm bảo cho sự sống còn của cá nhân và người thân đã là một nỗ lực thiêng liêng.

Tôi muốn đưa một lời nhắn nhủ về sự hòa nhã và chủ nghĩa hiện thực vào cuộc bàn luận này. Xin đừng nghĩ rằng tôi đang cổ vũ cho một tiêu chuẩn vị tha hay đức hi sinh cao cả nào đó. Bạn sẽ không nhận được những phần thưởng cao quý khi chấp nhận việc bị cắt lương. Nếu mối bận tâm lớn nhất của bạn hiện nay là làm thế nào để sống sót và được an toàn, thì có lẽ đối với bạn "công việc" không phải là nơi thể hiện những món quà của mình. Nghề nghiệp của bạn sẽ chỉ như là "một công việc" thuần túy – một thứ bạn làm chủ yếu để kiếm tiền, và bạn sẽ nghỉ việc hay tìm công việc hoàn toàn khác nếu không còn bị áp lực về tài chính. Và có thể bạn sẽ cảm thấy như đang bị cướp trắng, phải sống như thể ai đó trả tiền cho bạn sống vậy chứ không phải là cuộc sống của chính bạn, cuộc sống của một nô lệ phải chọn giữa công việc hay cái chết, điều đó không có nghĩa là bạn "nên" vượt qua sợ hãi để nghỉ việc và tin rằng mình sẽ ổn. Sống trong văn hóa quà tặng không phải là thứ thuộc danh sách những việc phải làm để trở thành một người tốt. Nỗi sợ hãi không phải là một kẻ thù mới trong cuộc đấu tranh lâu dài của chúng ta với bản ngã, nó cũng không phải là thứ nối tiếp những thứ đáng sợ khác như là tội lỗi hay cái tôi. Nền kinh tế thiêng liêng là một phần trong cuộc cách mạng rộng lớn về việc làm người: trong nội tâm, đó là cái kết của cuộc đấu tranh với bản ngã; còn bên ngoài, nó là cái kết của cuộc chiến chống lại thiên nhiên. Nó là thành phần kinh tế của một kỷ nguyên mới, Thời đại Hòa hợp.

Vậy nên, nếu bạn cảm thấy đang như là một nô lệ của công việc, chỉ làm "đủ tốt" để kiếm tiền chứ chưa phải là "thực hiện một cách tốt đẹp nhất có thể", thì tôi khuyên bạn nên chuyển đổi ra khỏi công việc đó *khi và chỉ khi bạn đã sẵn sàng*. Có thể hiện giờ bạn sẽ nhìn công việc của mình như là một món quà cho bản thân, cho bạn cảm giác an toàn, cho đến khi nào cảm giác đó trở thành một bản chức thứ hai. Sự sợ hãi không phải là kẻ thù như nhiều người thầy tâm linh nói. Có người bảo nó là "thứ trái ngược với tình yêu", người thì bảo nó là "một niềm vui bị đông cứng". Thực ra nỗi sợ hãi là thứ bảo vệ, giữ cho ta có được một không gian an toàn để phát triển; thậm chí ta có thể nói rằng nỗi sợ hãi là một món quà. Dần dà, trong khi ta phát triển, những nỗi sợ trước kia mang tính chất bảo vệ thì nay lại hạn chế ta, và ta mong muốn được thoát khỏi nó. Không tránh khỏi điều này sẽ xảy ra. Hãy tin tưởng vào bản thân, và rồi bạn sẽ tiếp tục tin tưởng bản thân vào thời điểm những ước muốn khiến bạn vượt qua những nỗi sợ hãi cũ để tiến vào một thế giới to lớn, rộng mở hơn. Khi đến thời điểm tái sinh, bạn sẽ không thể ngăn mình thay đổi được.

Thoát khỏi cuộc đấu tranh tư tưởng về việc làm người tốt cũng có nghĩa là việc cho đi không còn khiến ta cảm thấy như đang phải hi sinh hay xả thân vì người khác nữa. Ta cho đi bởi ta muốn vậy chứ không phải vì nên vậy. Lòng biết ơn là cảm giác có được khi ta thấy mình được nhận cái gì đó và có mong muốn đền đáp lại, nó là trạng thái mặc định của ta. Làm sao có thể khác được khi mà cuộc sống, hơi thở, và thế gian này đều là những món quà? Khi mà ngay cả thành quả lao động của ta cũng ngoài tầm trù liệu của ta? Đi theo lối sống quà tặng là trở về với bản chất chân thực của chính mình.

Khi bạn bắt đầu đặt chân vào trạng thái tâm lý biếu tặng, hãy để cảm xúc dẫn dắt mình. Hãy để hành động cho đi của bạn xuất phát từ lòng biết ơn, thay vì để xứng với tiêu chuẩn đạo đức nào đó. Có thể lúc đầu sẽ chỉ là những bước chân chập chững: cho thêm một ít, giúp ai đó một việc nhỏ mà không mong đợi sự thưởng công nào. Nếu bạn đang kinh doanh, có thể là bạn sẽ chuyển đổi một phần công việc kinh doanh của mình theo mô hình quà tặng. Dù bạn thực hiện biện pháp nào, thì hãy hiểu rằng bạn đang chuẩn bị cho nền kinh tế của tương lai.

CHƯƠNG 22:
CỘNG ĐỒNG VÀ NHỮNG THỨ KHÔNG ĐO ĐẾM ĐƯỢC

Kinh tế là một dạng công ăn việc làm rất hữu dụng cho các nhà kinh tế.

– John Kenneth Galbraith

Ở đầu cuốn sách, tôi đã miêu tả sự mất kết nối và cảm giác cô đơn trong một xã hội mà hầu hết vốn xã hội và các mối quan hệ đã bị chuyển đổi thành các dịch vụ có phí. Ở đó, những người xa lạ đáp ứng hầu hết những nhu cầu vật chất của chúng ta, nơi ta có thể "thuê ai đó làm bất cứ việc gì"; thái độ *tôi không cần anh* có mặt tại mọi buổi gặp gỡ họp mặt, khiến chúng trở nên trống rỗng và thừa thãi. Đỉnh cao của nền văn minh là vậy đó, kết cục của sự sung túc tích trữ trong hàng thế kỷ: những con người cô đơn trong những chiếc hộp, sống giữa những người xa lạ, phụ thuộc vào đồng tiền, làm nô lệ cho các khoản nợ – trong khi đốt trụi nguồn lực tự nhiên và xã hội của hành tinh này để có thể sống như vậy. Chúng ta không có cộng đồng vì cộng đồng được dệt nên bởi những món quà. Làm sao chúng ta có thể tạo nên được cộng đồng nếu ta dùng tiền để mua tất cả những gì ta cần?

Cộng đồng không phải là một thứ đi kèm với những nhu cầu khác của chúng ta, không phải là một nguyên liệu tách biệt của hạnh phúc bên cạnh thức ăn, chỗ ở, âm nhạc, xúc giác, sự kích thích trí tuệ, hay các dạng dinh dưỡng vật chất và tinh thần khác. Cộng đồng được tạo thành từ việc đáp ứng những nhu cầu kể trên.

Không thể có sự gắn kết cộng đồng giữa một nhóm người không cần đến nhau. Vậy nên ai đó muốn sống độc lập không cần người khác đáp ứng các nhu cầu của mình thì đó là một cuộc sống không có cộng đồng.

Những món quà dệt nên cộng đồng không thể chỉ là những thứ hời hợt, chúng phải đáp ứng những nhu cầu thực tế. Chỉ như vậy các món quà đó mới có thể tạo nên sự biết ơn và các bổn phận để gắn kết con người lại với nhau. Việc tạo nên cộng đồng hiện nay gặp phải khó khăn bởi vì khi mọi người dùng tiền để đáp ứng tất cả các nhu cầu của mình thì họ không còn cần nhận món quà nào nữa. Nếu bạn tặng ai đó một thứ đồ có thể mua được, thì nghĩa là bạn đang cho họ tiền (bằng cách tiết kiệm cho họ chi phí mua đồ vật đó) hoặc là bạn đang cho họ thứ họ không cần (nếu không họ đã mua nó rồi). Cả hai trường hợp này đều không thể tạo ra cộng đồng, trừ khi ở trường hợp đầu, người nhận thực sự cần tiền. Vì thế, người nghèo thường có cộng đồng gắn kết chặt chẽ hơn người giàu. Họ có nhiều nhu cầu cần được đáp ứng. Đó là thứ tôi nhận ra sâu sắc nhất qua thời kỳ nghèo khó sau khi xuất bản cuốn sách *The Ascent of Humanity*. Vì cần nên tôi đã học cách nhận lấy mà không lo phải lãnh lấy bổn phận. Sự giúp đỡ mà tôi nhận được đã làm thức tỉnh trong tôi sự biết ơn nguyên thủy của trẻ thơ, khi ta nhận thấy sự sống còn và tồn tại của mình hoàn toàn phụ thuộc vào mạng lưới những mối quan hệ cho đi và nhận lại quanh ta. Nó cũng khiến tôi trở nên rộng lượng hơn, sau khi đã trải qua nỗi nhục phá sản, mất chỗ ở và phải đưa con đi ngủ nhờ phòng khách nhà người khác, và tôi hiểu được rằng việc nhận sự giúp đỡ như vậy cũng không sao cả. Có lẽ những thời kỳ kinh tế khó khăn sắp tới làm xáo động cảm giác bình ổn giả tạo của chúng ta có cái lợi là nhiều người sẽ dần thức tỉnh cảm giác biết ơn nguyên thủy này, bởi nó được sinh ra từ việc cần thiết nhận lấy những món quà không thể mua được bằng tiền. Cũng giống như với trẻ thơ, những thời kỳ gian khó kết nối ta lại với nguyên lý quà tặng. Những người tôi biết cũng đã nhận ra điều tương tự khi họ cảm thấy bất lực lúc ốm đau.

Lúc đầu khi tôi nhận ra rằng sự tan rã cộng đồng đến từ tiền tệ hóa những chức năng đã từng thuộc về mạng lưới quà tặng, tôi thấy đầu tiên không còn cách nào để khôi phục lại cộng đồng ngoài việc từ bỏ nền kinh tế tiền tệ, và do đó là từ bỏ cả hệ thống kinh tế và công nghiệp sản xuất hàng loạt. Tôi đã không thấy còn cách nào khác để tái thiết lập cộng đồng ngoài việc quay lại làm theo lối "khó khăn" trước kia: không dùng máy móc. Tôi đã nghĩ là nếu cộng đồng tan rã khi những người xa lạ đáp ứng tất cả những gì chúng ta cần, thì để phục hồi lại, chúng ta cần phải quay lại lối sản xuất

địa phương và thô sơ – thứ không đòi hỏi việc phân công lao động toàn cầu.

Nhưng thật ngớ ngẩn nếu ta từ bỏ những thứ đang có hiện nay chỉ để có được cộng đồng. Làm thế cũng vô ích bởi ở mức độ nào đó chúng ta có thể cảm thấy sự giả bộ. Những nhu cầu được đáp ứng sẽ không phải là những thứ thiết thực, mà chỉ là nhân tạo. Sẽ là ảo tưởng khi ta nói rằng: "Tôi có thể cưa những mảnh gỗ này trong vòng một tiếng với cái máy cắt kia, nhưng thôi hãy dùng cái cưa tay cần hai người và mất hai ngày để làm, bởi như vậy ta mới trở nên tự chủ hơn". Sự phụ thuộc nhân tạo không phải là giải pháp cho sự chia rẽ nhân tạo mà chúng ta đang phải đối mặt hiện nay. Giải pháp không phải là qua việc đáp ứng một cách kém hiệu quả các nhu cầu đã có thể được đáp ứng, chỉ để buộc phải giúp đỡ nhau. Mà cần phải đáp ứng những nhu cầu hiện nay đang bị chôn vùi vì không được đáp ứng.

Việc mong muốn có được cộng đồng sẽ không phải là thứ thúc đẩy việc khôi phục lại những nghề thủ công truyền thống và sản xuất thô sơ. Việc dừng trợ cấp ngầm cho việc sản xuất và vận tải tập trung tốn năng lượng chỉ hỗ trợ chứ không thể thúc ép sự khôi phục này. Chúng ta sẽ quay lại với lối sản xuất địa phương khi nào ta mong muốn cải thiện cuộc sống và đáp ứng những nhu cầu chưa được đáp ứng – mong muốn trở nên giàu có hơn. Những ai nói: "Chúng ta nên học lại cách sử dụng công cụ thô sơ vì xăng dầu rồi sẽ trở nên đắt đỏ và rồi ta sẽ phải dùng chúng," đều là những người đắm chìm trong thuyết định mệnh. Họ hi vọng rằng con người sẽ *bị buộc phải* quay lại cách sống đúng đắn. Tôi cho rằng rồi chúng ta sẽ tự chọn đi theo hướng đó. Những cuộc khủng hoảng do sự chia rẽ gây ra sẽ ngày càng thúc đẩy chúng ta đi về lựa chọn đó, nhưng nếu chúng ta nhất thề chỉ muốn giữ lối sống dập khuôn hàng loạt như trước kia thì ta vẫn có thể làm vậy trong một quãng thời gian dài tới, cho đến khi chúng ta đã làm cạn kiệt mọi nguồn lực của sinh quyển. Đỉnh Dầu sẽ không cứu vãn nổi chúng ta! Thay vào đó, chúng ta sẽ *chọn* việc vực lại lối sản xuất địa phương, nhỏ lẻ, tốn công vì đó là cách duy nhất để đáp ứng những nhu cầu quan trọng của con người. Đó là cách duy nhất để làm cuộc sống của ta trở nên phong phú và đáp ứng Chủ nghĩa Vật Chất Mới mà tôi sẽ nói đến trong chương sau.

Bạn biết không, suy nghĩ "Tôi không cần anh" thực chất là đang dựa trên một ảo tưởng. Thực ra, chúng ta *có* cần lẫn nhau. Dù cho có thể trả tiền để mua những thứ ta cần, nhưng ta vẫn cảm thấy không hài lòng; ta vẫn không cảm thấy như mọi nhu cầu của mình đã được đáp ứng. Ta cảm thấy trống rỗng, thèm khát. Và bởi vì cả người giàu lẫn người nghèo đều có sự thèm khát này, tôi biết rằng nó là một thứ gì đó mà tiền bạc không thể mua được. Có lẽ sau cùng thì cộng đồng vẫn còn có hi vọng tồn tại, ngay cả trong chính giữa một xã hội đã bị tiền tệ hóa. Có lẽ là do có những nhu cầu mà những thứ mua bằng tiền không thể đáp ứng được. Có lẽ thứ ta cần nhất lại không có trong những thứ hàng hóa được sản xuất hàng loạt, không thể được cân đo đong đếm và thương mại hóa, và do đó bản chất nó là nằm ngoài thế giới của đồng tiền.

Một người tự chủ tài chính không phải là đang bị thiếu cộng đồng vì anh ta có thể đáp ứng mọi nhu cầu của mình bằng tiền – mà anh ta thiếu cộng đồng bởi anh ta không đáp ứng được nhu cầu nào của mình *ngoài cách* dùng tiền bạc. Chính xác hơn là anh ta đang dùng tiền để đáp ứng những nhu cầu mà tiền không đáp ứng được. Tiền là thứ chung chung và vô cảm, vậy nên bản thân nó chỉ có thể đáp ứng những nhu cầu cũng chung chung và vô cảm tương tự. Nó có thể đáp ứng nhu cầu về calo, X gram đạm, Y miligam vitamin C – những thứ có thể được đong đếm và chuẩn hóa. Nhưng bản thân tiền không thể đáp ứng được nhu cầu được ăn một món ngon do có người tận tâm chuẩn bị. Tiền có thể đáp ứng nhu cầu chỗ ở, nhưng bản thân nó không thể đáp ứng nhu cầu có được một ngôi nhà như phần mở rộng tự nhiên của bản thân ta. Tiền hầu như có thể mua được mọi thứ, nhưng không thể mua thứ được gắn kèm với câu chuyện của người làm ra nó mà cá nhân bạn quen biết và cũng quen biết bạn. Tiền có thể mua những bài hát, nhưng không thể mua bài được hát cho riêng bạn. Ngay cả khi bạn thuê một ban nhạc đến chơi ở nhà mình, cũng không thể đảm bảo rằng dù có trả nhiều tiền đến đâu bạn cũng sẽ được họ thật lòng hát tặng *chính* bạn, chứ không phải đang giả vờ. Nếu được mẹ hát ru hay từng được người yêu hát tặng, bạn sẽ hiểu tôi đang nói đến điều gì, và nó đáp ứng nhu cầu của bạn một cách sâu sắc như thế nào. Đôi khi điều này cũng diễn ra ở một buổi biểu diễn nhạc, khi ban nhạc không chỉ đang biểu diễn mà thực sự đang chơi nhạc cho khán giả của mình, hay nói đúng hơn là đưa âm nhạc *tới* khán giả của mình. Mỗi buổi diễn như vậy đều đặc biệt, và sự kỳ diệu,

độc đáo đó sẽ mất đi khi được thu lại vào đĩa. "Anh phải ở đó mới hiểu được". Đúng là chúng ta phải trả tiền để mua vé đến những sự kiện như vậy, nhưng khi ban nhạc thực sự chơi cho ta nghe, thì ta đã được nhận nhiều hơn những gì mình bỏ tiền ra mua. Khi đó ta không có cảm giác là đã hoàn thành giao dịch, mọi bổn phận đã xong, như khi giao dịch bằng tiền tệ bình thường. Mà ta cảm thấy một sự kết nối vẫn còn đâu đó, vì đã diễn ra một sự *cho đi*. Không thể sống một cuộc đời sung túc mà không có những trải nghiệm như vậy, thứ mà có thể xuất hiện nhờ những giao dịch tiền tệ, nhưng không khoản tiền nào có thể đảm bảo chắc chắn rằng chúng sẽ diễn ra.

Ở Mỹ, nơi có một xã hội bị tiền tệ hóa một cách cao độ nhất thế giới từ trước đến nay, thì tình cảnh là như thế này: một vài nhu cầu của ta được đáp ứng một cách quá đầy đủ trong khi có những nhu cầu khác rất tiếc lại không được đáp ứng chút nào. Ở những xã hội giàu có nhất, chúng ta có quá nhiều calo mặc dù vẫn thiếu thốn những thực phẩm tươi ngon; chúng ta có nhà quá to nhưng lại không có được không gian thực sự mang tới cảm giác kết nối cá nhân; các phương tiện thông tin bủa vây quanh ta mỗi ngày trong khi ta thiếu sự giao tiếp đích thực. Ta được cung cấp các phương tiện giải trí mỗi giây trong ngày nhưng lại không có cơ hội được vui đùa. Trong thế giới tiền bạc, ta lại khao khát những thứ thân thiết, riêng tư, và độc đáo nhất. Ta biết nhiều thứ về cuộc đời của Michael Jackson, Công nương Diana, và Lindsay Lohan hơn là về chính hàng xóm của mình, và cuối cùng là ta không thực sự biết ai cả, hay cũng ít được ai biết đến.

Những điều ta cần nhất lại trở thành những thứ ta sợ nhất, như sự mạo hiểm, thân thiện, giao tiếp chân thực. Chúng ta nhìn đi chỗ khác và chỉ để mắt đến những đề tài dễ chịu. Chúng ta coi trọng việc sống kín đáo, riêng tư, để không ai nhìn thấy đồ dơ của mình – hay ngay cả đồ sạch cũng phải giấu đi – quần áo lót được coi là gai mắt, quan niệm lạ lùng này được thể hiện ở nhiều nơi trên nước Mỹ qua luật cấm không được phơi quần áo ngoài trời. Cuộc sống đã trở thành một thứ riêng tư. Chúng ta cảm thấy khó chịu với sự thân tình và sự kết nối, và đó đã trở thành những nhu cầu lớn nhất không được đáp ứng của con người ngày nay. Được thực sự nhìn thấy và lắng nghe, được thực sự biết đến, đó là một nhu cầu thiết yếu của con người. Sự khao khát đó của chúng ta có mặt ở khắp nơi, và là một

phần quan trọng trong cuộc sống hằng ngày của ta, đến nỗi ta không còn biết mình đang bị thiếu thứ gì, giống như con cá chỉ biết nó đang ở trong nước. Chúng ta thiếu thốn sự thân mật hơn nhiều so với những gì ta cho là bình thường. Luôn khao khát nó, chúng ta tìm kiếm sự an ủi giải khuây từ những thứ thay thế trước mắt: tivi, mua sắm, ấn phẩm khiêu dâm, tiêu thụ thừa thãi – bất cứ thứ gì có thể làm giảm nỗi đau, giúp ta thấy được kết nối, hay thể hiện bản thân để người khác biết và nhìn thấy mình, hoặc để tự mình hiểu bản thân.

Rõ ràng là sự chuyển đổi sang nền kinh tế thiêng liêng sẽ đi kèm với sự chuyển đổi trong nhận thức của chúng ta. Cộng đồng, từ mà ngày nay thường để chỉ sự lân cận hay chỉ là một mạng lưới đơn thuần, thực chất là một sự kết nối sâu sắc hơn vậy nhiều: nó là việc chia sẻ sự tồn tại, sự mở rộng bản thân. Sống trong một cộng đồng có nghĩa là đang ở trong một mối quan hệ cá nhân, đồng phụ thuộc, và điều này có cái giá của nó: sự ảo tưởng độc lập, sự tự do không bị ràng buộc bởi bổn phận. Bạn không thể có cả hai. Nếu muốn có cộng đồng, bạn phải sẵn lòng nhận lấy bổn phận, phải phụ thuộc, trói buộc, gắn bó. Bạn sẽ cho đi và nhận lại những món quà mà bạn không thể mua được ở bất kỳ đâu. Bạn sẽ không thể dễ dàng tìm được một nguồn cung cấp khác. Chúng ta *cần* nhau.

Trong chương này tôi đã bàn nhiều đến chủ đề thực sự cái gì là thứ chưa được đáp ứng trong một thế giới tiền bạc. Tôi đã đưa ra nhiều ví dụ về những thứ có thể đáp ứng nhu cầu một cách sâu sắc – những bài hát dành cho ta, những ngôi nhà như một phần cơ thể, món ăn được chuẩn bị một cách tận tâm. Nhưng nguyên tắc chung là gì? Dù nhu cầu của ta là vật chất hay tinh thần (ví dụ như được chạm vào, chơi đùa, kể chuyện, âm nhạc, hay nhảy múa), không có thứ gì thoát ra khỏi thế giới tiền bạc cả. Chúng ta có thể mua sự vuốt ve, mua các câu chuyện (ví dụ như khi ta đi xem phim ở rạp); ta có thể mua nhạc và trò chơi điện tử để giải trí; thậm chí ta còn có thể mua được tình dục. Nhưng dù ta có mua gì đi nữa, luôn có thứ gì đó không thể đong đếm được (và do đó không thể mua được bằng tiền) đi kèm trong đó, hoặc là không, và chính thứ không thể đong đếm này là điều chúng ta thực sự khao khát. Khi không có nó, những thứ ta mua đều trở nên trống rỗng. Chúng không làm ta hài lòng. Khi có nó, thì ngay cả khi ta đã bỏ tiền ra mua phương tiện thể hiện nó, ta biết rằng mình đã nhận được

hơn rất nhiều thứ mình bỏ tiền mua. Nói cách khác, ta biết rằng mình đã nhận được một món quà. Một đầu bếp nấu nướng một cách cẩn thận hơn để làm ra một món ăn đặc biệt, một nhạc sĩ chơi nhạc hết mình, một kĩ sư thiết kế sản phẩm cẩn thận hơn vì muốn làm cho tốt, họ đều không nhận được lợi ích gì trực tiếp từ những nỗ lực thêm của mình cả. Mà họ đang mang trong mình tinh thần quà tặng, và ta có thể nhận thấy điều đó – vì thế ta thường muốn "gửi lời cảm ơn đến đầu bếp". Hành động của họ là không mang tính kinh tế, và bị loại bỏ bởi hệ thống tiền tệ dựa vào sự cạnh tranh hiện nay. Nếu bạn đã từng làm việc trong hệ thống đó, bạn sẽ hiểu tôi muốn nói gì. Tôi đang nói đến áp lực luôn buộc ta phải làm mọi thứ vừa đủ, chứ không được làm tốt hơn.

Vậy thứ không thể đong đếm được mà đôi khi đi kèm với thứ mua được và biến nó thành một món quà là thứ gì vậy? Đó là nhu cầu gì mà xã hội hiện đại ngày nay hầu như không đáp ứng được? Nói một cách ngắn gọn, nhu cầu thiết yếu mà ngày nay không được đáp ứng, nhu cầu căn bản dưới hàng nghìn hình dạng, đó là nhu cầu về sự thiêng liêng – cảm giác đọc đáo và kết nối mà tôi đã nói đến trong phần giới thiệu.

Các nhà hoạt động môi trường thường tuyên bố rằng chúng ta không thể giữ mãi lối sống tiêu tốn nhiều tài nguyên như hiện nay, với ý là chúng ta cũng muốn thế mà không làm được. Tôi không đồng ý. Tôi cho rằng chúng ta sẽ chuyển sang một lối sống phù hợp với tự nhiên hơn bằng sự lựa chọn của chính mình. Thay vì nói rằng: "Tiếc rằng ta sẽ phải bỏ ngôi nhà đồ sộ ở ngoại ô đi vì nó tốn năng lượng quá", thì chúng ta sẽ không còn muốn những ngôi nhà đó bởi ta đã nhận ra và đáp ứng được nhu cầu của mình về một nơi ăn chốn ở thiêng liêng, thân mật, gắn bó thân thiết với cộng đồng.

Những mặt khác của lối sống tiêu thụ hiện đại cũng sẽ giống như vậy. Chúng ta gạt nó sang bên bởi ta không còn có thể chịu được sự trống vắng, xấu xí nữa. Chúng ta đang khao khát nguồn dinh dưỡng cho tâm hồn. Chúng ta đang khao khát một cuộc sống thân mật, kết nối, và có ý nghĩa. Và chúng ta sẽ lựa chọn việc bỏ công sức ra làm theo hướng đó. Và khi ta làm vậy, cộng đồng sẽ một lần nữa được thiết lập nên bởi vì nguồn dinh dưỡng cho tâm hồn chỉ có thể đến với ta như là một món quà, là một phần của mạng lưới quà tặng mà ta đóng vai trò người cho đi lẫn nhận lấy. Dù

nó có được thể hiện qua những thứ được mua bằng tiền hay không thì nhất định nó sẽ là cá nhân và độc đáo.

Khi nhắc đến chữ *tinh thần*, tôi không có ý nói đến sự đối lập với khái niệm vật chất. Tôi không thể chịu được bất cứ thứ tôn giáo hay triết học nào có ý định vượt lên trên thế giới vật chất cả. Thực vậy, việc chia rẽ ý nghĩa tinh thần ra khỏi những thứ vật chất là nguyên nhân chính dẫn đến việc chúng ta đối xử một cách tàn bạo với thế giới vật chất hiện nay. Nền kinh tế thiêng liêng đối xử với thế giới như một thứ gì đó thiêng liêng hơn nữa, chứ không coi thường nó. So với văn hóa hiện giờ của chúng ta, nó duy vật hơn nhiều – duy vật với ý nghĩa là quan tâm sâu sắc đến thế giới của mình. Vậy nên khi nói đến việc đáp ứng những nhu cầu tâm linh, tôi không có ý kêu gọi việc tiếp tục đẻ ra những thứ rẻ tiền, chung chung, làm hại hành tinh này trong khi ta cứ thiền định, cầu nguyện, và nói ra rả về thiên thần, thần linh, và Chúa trời. Mà tôi muốn nói đến việc đối xử với các mối quan hệ, sự lưu thông, và cuộc sống hằng ngày như những thứ thiêng liêng. Bởi vì chúng thực sự là vậy.

CHƯƠNG 23:
CHỦ NGHĨA VẬT CHẤT MỚI

Sự hiện hữu của sự sống trong không gian có thể được so sánh với một dạng thức tỉnh, gần như là chính không gian đang sống dậy vậy, như chính vật chất đã thức dậy và tỉnh ngộ. Và chính sự thức tỉnh của không gian này, theo nhiều mức độ khác nhau – thực chất là ở vô số các mức độ – là thứ mà ta nhận ra khi ta nhìn thấy sự sống ở khắp nơi, khi ta thấy sự sống trong tòa nhà, trên sườn núi, trong các tác phẩm nghệ thuật, hay ở nụ cười trên khuôn mặt của một ai đó.

– Christopher Alexander

Phần lớn cuốn sách này đã nói về tiền, là chủ đề "kinh tế" thường được nhắc đến ngày nay. Tuy nhiên, ở một mức độ sâu hơn, ngành kinh tế nên nói về các *vạn vật*, đặc biệt là những thứ mà con người tạo ra, vì sao họ tạo ra chúng, ai là người được sử dụng chúng, và chúng được lưu thông như thế nào

Khi tôi lái xe qua những vùng ngoại ô Mỹ với những nhà hàng bán đồ ăn nhanh, những khu cửa hàng khổng lồ, và những ngôi nhà giống y hệt nhau, hay khi tôi nhìn kiến trúc những tòa nhà văn phòng và chung cư cao tầng, tôi không thể không kinh ngạc trước sự xấu xí của chúng. So với nét duyên dáng và đầy sức sống thấm đẫm trong các đồ vật và cấu trúc lâu đời, thế giới của chúng ta hiện nay thực sự tồi tàn. Tôi ngạc nhiên đến độ gần như là tức giận khi thấy chúng ta có thể sống trong một thế giới xấu xí đến nhường này sau hàng nghìn năm tiến bộ về công nghệ vật liệu. Có thật là chúng ta nghèo đến độ không đủ khả năng có được thứ gì tốt đẹp hơn thế sao? Tất cả những sự hi sinh, tất cả những sự tàn phá kia để làm gì khi chúng ta vẫn thiếu thốn những thứ tinh tế trong cuộc sống, những thứ đẹp đẽ và độc đáo, so với một nông dân thời Trung cổ? Nhìn những đồ tạo tác còn sót lại từ thời xa xưa, tôi thực sự ấn tượng bởi nét sống động của

chúng, chất lượng mãnh liệt của sự sống trong chúng. Ngày nay, hầu hết những thứ chúng ta sử dụng, kể cả những thứ đắt đỏ, đều rất rẻ mạt, bốc mùi giả tạo, không có gì đặc biệt, và mang đầy chất chào hàng. Trước tiên chúng ta hãy xem xét ví dụ về các tòa nhà, rồi từ đó suy ra những thứ nhân tạo khác. Các tòa nhà của chúng ta thường thuộc hai loại cơ bản. Loại thứ nhất là những tòa nhà đầy tính thực dụng: các kho hàng, siêu thị, cửa hàng bán lẻ, v.v. nhằm phục vụ chức năng nào đó một cách ít tốn kém nhất có thể. Thẩm mỹ không được xem xét ở đây. Loại thứ hai có cố gắng đưa các yếu tố thẩm mỹ vào, nhưng những yếu tố này hoặc chỉ là những thứ vụn vặt được thêm vào bên ngoài cấu trúc hữu dụng cơ bản, như là vòm mái ban công chả có tác dụng gì cho kết cấu của một ngôi nhà ngoại ô, hoặc có khi những yếu tố này lại làm giảm đi tính năng của tòa nhà.

Hai kiểu tòa nhà này tương đương với hai nhận thức sai lầm về cái đẹp. Quan niệm sai lầm thứ nhất là cái đẹp là sản phẩm phụ của sự thiết thực và hiệu quả. Như lời kiến trúc sư Christopher Alexander nói thì:

> *Bởi quan niệm vẫn phổ biến của chúng ta từ thế kỷ 20, các sinh viên vẫn được dạy rằng "vẻ đẹp" có được là nhờ* tính năng hiệu quả thực tế. Nói cách khác, nếu bạn khiến nó thiết thực và hiệu quả, thì *tự nhiên* nó sẽ trở nên đẹp đẽ. Hình thức đi sau chức *năng!… Và họ – những sinh viên thông minh và lý trí nhất – gần như là có niềm đam mê đạo lý trong việc muốn chứng minh rằng những thứ đẹp đẽ này chỉ được làm ra nhờ thuần túy tư duy chức năng*.[1]

Môi trường nhân tạo hiện đại cho thấy rõ ràng rằng đó không phải là sự thật, rằng vẻ đẹp không nhất thiết đến từ việc theo đuổi tính hiệu quả. Vậy nhưng cũng không phải là cái đẹp không liên quan gì đến sự hoạt động hiệu quả cả, như ta thấy qua sự tô điểm có phần giả tạo của các tòa nhà đương đại. Đó là quan niệm sai lầm thứ hai về cái đẹp: rằng nó là thứ gì đó phụ bên ngoài, không liên quan gì đến tính năng cả. Vì thế, ta phân biệt giữa thẩm mỹ và hiệu quả, mỹ thuật và nghệ thuật ứng dụng. Nghệ thuật, giống như tâm trí và tinh thần, trở thành một thứ gì đó huyền bí không nên bị dấy bẩn bởi những lo toan thực tế. Và như thế, thế giới nghệ thuật không đan xen mấy với thế giới kinh doanh, và nhất là với thứ tượng trưng nhất cho tính trần tục: đồng tiền.

Quan niệm sai lầm thứ nhất về vẻ đẹp tương ứng với thế giới quan của khoa học theo thuyết Descartes; quan niệm thứ hai tương ứng với thế giới quan của tôn giáo theo thuyết Descartes. Quan niệm thứ nhất tương ứng với niềm tin rằng cái đẹp, cuộc sống, và tâm hồn là những tính chất thứ cấp, hiện tượng phụ, không thể đo đếm được và vì vậy là không có thật. Bạn mổ xẻ một sinh vật ra thì sẽ thấy một đống vật chất, một đám các nguyên tố, một ít carbon, một ít nitrogen, một ít phosphor… vậy đâu là nguyên liệu cho cái mà bạn có thể gọi là sự sống hay linh hồn? Mặt khác, tâm lý tôn giáo có vẻ như phủ nhận khoa học khi nói rằng linh hồn là nguyên liệu có thực của sự sống mà khoa học không nhận biết được. Nhưng ở mức độ sâu hơn thì tôn giáo cũng đồng tình rằng linh hồn không đi kèm với vật chất mà nằm ở một thế giới riêng biệt, phi vật chất. Cả khoa học lẫn tôn giáo đều đồng tình rằng *nếu* có tồn tại thứ gọi là linh hồn của sự sống, thì nó là thứ gì đó tách biệt khỏi vật chất, một nguyên liệu phụ. Việc này dẫn đến lối suy nghĩ cho rằng cái đẹp là một nguyên liệu phụ của chức năng.

Và vì thế, ngay cả những thứ chúng ta sử dụng hiện nay dù có cố trở thành đẹp đẽ lẫn hữu ích thì cũng đều mang sắc thái giả tạo nào đó. Cái đẹp của chúng có vẻ lòe loẹt, không chân thực; không thực sự sâu sắc. Cái đẹp thực sự mà tôi gọi là sự sống hay linh hồn xuất phát từ bên trong vật thể, và không tách rời khỏi chức năng của nó, không phải là thứ cấp cho sự hoàn hảo về chức năng. Nó mang lại cảm giác nghịch đời rằng: "Nó không cần phải đẹp đến vậy, nhưng đúng là không còn cách nào khác ngoài việc đẹp như vậy". Nó giống y như cảm giác tôi có khi ngắm nhìn vẻ đẹp của một tế bào hay một buổi hoàng hôn hay một vật thể toán học gọi là tập hợp Mandelbrot. Không có lý gì mà phải đẹp như vậy, một trật tự từ sự hỗn độn – nó như một món quà tuyệt diệu một cách vô cớ. Thế giới vẫn sẽ xoay tròn nếu như hoàng hôn xấu xí, hay nếu quả mâm xôi không ngon như vậy, phải không? Nhưng chúng đều không thể làm khác hơn.

Cũng không phải việc tập trung vào chức năng sẽ đem đến vẻ đẹp, mà là những nguyên lý sáng tạo và tinh thần sáng tạo làm nên một thứ gì đó hữu ích thì cũng làm nó trở nên đẹp đẽ. Nó bắt đầu bằng việc nảy sinh ý định tạo ra một thứ tốt nhất mà một người có thể. Tôi sẽ dùng từ *hoàn hảo* ở đây, nhưng hoàn hảo còn mang ý nghĩa chỉ sự chính xác và đều đặn một

cách tuyệt đối, mà những điều này lại không liên quan nhiều đến cái đẹp, sự sống, hay linh hồn, mà có khi còn làm đồ vật trở nên không có sức sống. Vậy thay vào đó ta hãy nói rằng ý định của chúng ta là trở thành một người hầu cận tuyệt đối trung thành cho sự sáng tạo được thể hiện qua ta.

Khi phối hợp theo đuổi cả cái đẹp lẫn sự tiện ích, ta thấy chúng đều có những nguyên lý như nhau. Christopher Alexander nêu ra mười lăm nguyên lý trong cuốn sách nổi tiếng của ông, *The Nature of Order* (Bản chất của Trật tự). Mười lăm tính chất căn bản này đặc trưng cho cả các hệ thống tự nhiên lẫn các tác phẩm tuyệt đỉnh của kiến trúc và nghệ thuật. Chúng bao gồm các cấp độ, tâm điểm chính, không gian tích cực, đối xứng cục bộ, sự đan kết và các sắc thái sâu đậm, các đường biên, độ nhám, các thang độ, và nhiều nguyên lý khác. Nhưng điểm chính trong khái niệm toàn diện, trật tự, và sự sống của ông là khái niệm về các tâm điểm: những thực thể, giống như các nguyên tố, kết hợp với nhau để tạo ra tổng thể, nhưng khác với các nguyên tố ở chỗ chúng được tạo ra bởi sự trọn vẹn.[2] "Tổng thể được kết thành từ các thành phần; và các thành phần được tạo nên bởi tổng thể". Bất cứ thứ gì mang tính chất của sự sống cũng được cấu thành từ những tâm điểm nằm trong các tâm điểm, tổng thể trong tổng thể, mỗi thứ đều tạo nên tất cả những thứ khác.

Loài người cũng không ngoại lệ. Cũng như việc xã hội được cấu thành bởi nhiều người, mỗi con người cũng là một sản phẩm của xã hội. Hãy ghi nhớ chân lý về bản ngã kết nối: chúng ta *là* những mối quan hệ của ta. Đi sâu một bậc nữa, chúng ta có thể thấy mối quan hệ giữa bản thân ta với các bộ phận trong cơ thể cũng giống vậy. Đây là một chân lý chung của sự sống. Một nền kinh tế có sức sống, thiêng liêng, như một phần mở rộng của hệ sinh thái, thì cũng phải có những đặc tính như vậy. Và mỗi đồ vật thuộc nền kinh tế đó, mỗi đồ vật mà con người tạo ra và lưu hành, cũng phải liên kết với tất cả những gì xung quanh nó. Ngày nay, chúng ta có một nền kinh tế chia rẽ: các hàng hóa theo mẫu có sẵn và không có mối quan hệ gì với từng người tiêu dùng, các tòa nhà không có mối quan hệ gì với mảnh đất dưới chân chúng, các cửa hàng bán lẻ không có mối quan hệ gì với nền sản xuất địa phương, và các sản phẩm được tạo ra mà không quan tâm đến ảnh hưởng tới thiên nhiên và con người. Không gì trong chúng là thứ gì đẹp đẽ, đầy sức sống, hay toàn diện được cả.

Mặc dù ta có thể miêu tả những đặc tính của cái đẹp, sự sống, hay linh hồn, nhưng ta không thể thu gọn chúng vào trong một công thức được. Chúng có thể được tìm thấy trong sự giản đơn, ví dụ như ở đồ nội thất Shaker, hoặc trong sự lộng lẫy, ví dụ như Masdi-i-Shah [3] hay lăng tẩm của Mevlana. Alexander đưa ra một số cách hiệu quả để nhận ra chúng. Khi so sánh các đồ vật, ta có thể tự đặt ra câu hỏi: "Món đồ nào trong số này có nhiều sự sống hơn?" "Món đồ nào trong số này là tấm gương phản chiếu bản thân tôi hơn?" "Món đồ này có làm tôi cảm thấy tính nhân văn của mình mở rộng hơn không, hay là thu hẹp hơn?"

Theo đó, để tạo ra những đồ vật có hồn, những món đồ dành cho một thế giới đẹp đẽ và giàu có, chúng ta cần phải đầu tư sự sống, bản thân, và tính nhân văn vào chúng; nói cách khác, chúng ta cần đầu tư một phần bản thân mình vào chúng. Dù ta có hệ thống tiền tệ nào đi chăng nữa, nhưng nếu hệ thống này không tạo ra hay cho phép quá trình sáng tạo này, thì chúng ta cũng sẽ không đang sống trong một nền kinh tế thiêng liêng. Cũng như vậy, bằng việc nuôi nấng trong mình nhận thức về tính thiêng liêng có sẵn trong vật chất, và hướng việc mình làm theo sự thiêng liêng đó, chúng ta sẽ có thể đặt những nền móng xã hội và tâm lý cho một nền kinh tế mà trong đó ta ngày càng tạo ra cho nhau nhiều thứ đẹp đẽ, riêng tư, sống động, và có hồn hơn.

Hàng trăm năm nay, việc theo đuổi sự giàu có theo cách này chưa được bất cứ phổ tư tưởng nào đưa lên làm ưu tiên hàng đầu. Ví dụ, những người theo tư tưởng chủ nghĩa xã hội của thế kỷ 20 đã gạt bỏ bất kỳ sự phô trương hay ham mê nào mà không đóng góp vào phúc lợi về vật chất có thể đong đếm được, mà đề cao chủ nghĩa vị lợi béo bở theo hướng hiệu quả dựa trên lý trí trong công cuộc tối đa hóa sản xuất, nhằm đem đến hàng hóa rẻ và dư thừa cho đại chúng. Các nhà hoạt động cấp tiến ngày nay cũng cần phải khổ hạnh như những người đồng chí xã hội chủ nghĩa trước kia, nghĩa là họ phải từ bỏ lối sống thanh tao để đi theo những lý tưởng vị tha. Còn chủ nghĩa tư bản hệ thống thì cũng chẳng khác mấy: nó đã tái tạo và hoàn thiện những tòa nhà và đồ vật xấu một cách đau đớn theo xu hướng vị lợi. Tôi nhớ lúc còn nhỏ được nghe những câu chuyện kinh khủng về cuộc sống ở Liên bang Xô Viết. Ở đó chỉ cho phép một loại cửa hàng duy nhất, một nơi rộng và không có cửa sổ với các nhân viên thờ ơ và cau có

bán các đồ dùng được sản xuất một cách rẻ tiền và hàng loạt. Nghe như ở Wal-Mart ngày nay vậy. À, và phụ huynh phải gửi con mình, có khi mới hai tuổi, đến các nhà trẻ bắt buộc do chính phủ quản lý – ngay cả việc nuôi con cũng đã bị loại bỏ. Hiện nay cũng gần là như vậy, chỉ khác là các đòi hỏi tài chính đã thế chỗ cho áp lực từ nhà nước. Dù thế nào thì cũng ta cũng đã tạo ra một thế giới vật chất không có linh hồn, thiếu sự sống, và đang giết chết sự sống. Tất cả điều đó để làm gì? Mục đích là để theo đuổi tính hiệu quả, công cuộc tối đa hóa việc sản xuất hàng hóa, và phía sau là sự kiểm soát và chiếm ưu thế đối với sự sống. Đây đã từng được cho là thiên đường của công nghệ, cuộc sống bị kiểm soát, nhưng cuối cùng ta thấy chúng chẳng qua chỉ là những dãy cửa hàng mua sắm, những nhân viên thu ngân robot, những khu đỗ xe rộng mênh mông, việc hủy diệt tự nhiên, sự sống, tính hỗn độn, và điều thiêng liêng.

Một đồ vật thiêng liêng mang trong mình một cái gì đó vô hạn. Vì thế, nó có bản chất đối nghịch với hàng hóa, những thứ được định ra bởi một danh sách hữu hạn các đặc tính có thể đong đếm được. Và như ta đã thấy, sự đồng đều của đồng tiền khiến bất cứ thứ gì nó động đến cũng trở nên đồng đều, kéo lê tất cả vào thế giới hàng hóa. Do đó, sự suy sụp của thế giới đồng tiền miêu tả ở Chương 14 có khả năng giải phóng ngày càng nhiều đồ vật của ta ra khỏi dòng hàng hóa. Dù sao thì chúng ta cũng đã chán ngấy những thứ hàng hóa được sản xuất hàng loạt một cách tiêu chuẩn. Sự thừa thãi quá đáng này cho thấy chúng ta không cần những thứ hiệu quả, sản xuất hàng loạt đó. Bị mắc kẹt trong nhu cầu tăng trưởng của đồng tiền, chúng ta buộc phải sản xuất nhiều hơn nữa những thứ rẻ mạt xấu xí mà ta không cần, trong khi lại thiếu thốn những thứ đẹp đẽ, độc đáo, riêng tư, và sống động. Sự thiếu thốn này, đến lượt nó lại thúc đẩy tiêu dùng, với mong muốn tuyệt vọng là bù đắp được chỗ trống do một môi trường vật chất thiếu sự kết nối gây nên.

Chạm vào chủ đề này trong Chương 2, tôi đã viết: "Sự rẻ rúng của những đồ vật là một phần trong việc làm giảm giá trị của chúng, khiến ta rơi vào một thế giới rẻ mạt nơi mọi thứ đều như nhau và dễ thay thế". Đã từ lâu, chúng ta ngày càng ít quan tâm đến đồ đạc của mình. Ở những nước giàu có, chúng ta còn không thèm sửa chữa đồ đạc nữa, vì mua đồ mới thì rẻ hơn. Tuy nhiên, việc sản xuất ra được đồ đạc với giá rẻ như vậy chỉ là một

ảo tưởng của việc ngoại tác hóa chi phí. Khi chúng ta phải trả cái giá thực sự cho việc làm cạn kiệt các món quà của thiên nhiên, thì nguyên vật liệu sẽ trở nên quý giá hơn đối với chúng ta, và khi đó, các lý luận kinh tế sẽ củng cố chứ không phủ nhận những ao ước của ta khi muốn đối xử với thế giới một cách tôn kính và sử dụng tốt những món quà từ thiên nhiên.

Vậy thì sau cùng, nền kinh tế thiêng liêng cũng góp phần chữa lành sự chia rẽ giữa linh hồn và vật chất, con người và thiên nhiên, nghệ thuật và công việc; từ hàng nghìn năm nay, sự chia rẽ này ngày càng chiếm ưu thế hơn trong việc định hình nền văn minh của chúng ta. Trong quá trình chia rẽ đó, chúng ta đã tạo ra những công cụ sáng tạo trong công nghệ và văn hóa một cách đáng kinh ngạc, những thứ hẳn đã không tồn tại nếu ta chưa từng rời bỏ sự toàn vẹn ban đầu. Giờ đã đến lúc phục hồi lại sự toàn vẹn đó và mang nó đến một chân trời mới, đã đến lúc dùng công nghệ nano và mạng xã hội để tạo ra những thứ sống động, đẹp đẽ, và có hồn, như những nghệ nhân xưa đã từng làm với búa rìu và lời ca.[4]

Chúng ta không nên bằng lòng với bất cứ điều gì kém hơn thế. Các bậc tiền bối đã hi sinh vì lí do nào khác đâu, ngoài mục đích để tạo ra một thế giới tươi đẹp?

Chúng ta sinh ra là những người sáng tạo, để thể hiện sống động những món quà của mình. Mối quan hệ cơ bản giữa cái đẹp và công dụng cho thấy giữa sự sống còn và việc thể hiện các món quà cũng có một sự hài hòa tương tự. Sự chia rẽ trước đây giữa việc kiếm sống và làm nghệ thuật đang và sẽ sụp đổ. Đã có rất nhiều người từ chối sự chia rẽ đó, và sẽ ngày càng có nhiều người như thế hơn. Sẽ không có đồ vật nào tầm thường đến mức ta không quan tâm, tôn trọng, và cố gắng làm cho tốt cả. Chúng ta đang và sẽ tìm cách đưa mọi thứ vào trạng thái toàn diện. Tất cả những phong trào mà tôi đã nhắc đến trong cuốn sách này đang đưa chúng ta vào thế giới tươi đẹp đó. Sự chia rẽ xã hội, sự nội bộ hóa chi phí, sự phi tăng trưởng, sự dư dả và kinh tế quà tặng, tất cả những phong trào đó đều đưa ta ra khỏi tâm lý vật lộn kiếm sống, và do đó là ra khỏi tâm lý hiệu quả thực dụng, và hướng đến đúng trạng thái của lòng biết ơn: kính trọng những gì ta nhận được và mong muốn được cho đi nhiều hơn nữa. Và lúc ra đi, ta sẽ muốn để lại một thế giới đẹp hơn là lúc ta đến.

Cuộc sống có thể đẹp đẽ đến nhường nào? Chúng ta gần như không dám tưởng tượng về điều đó. Lần đầu tôi thoáng bắt gặp nó khi đến thăm Bảo tàng Cung điện Quốc gia ở Đài Loan hồi tôi 19 tuổi. Ở đó có những hiện vật mà nếu không tận mắt nhìn thì tôi sẽ không tin là chúng tồn tại. Tôi nhớ có một ấm trà của hoàng đế, một hiện vật đẹp đẽ và hoàn hảo đến nỗi nó như mang hồn của một vị thần vậy. Sự trù phú thực sự là khi mọi người đều có thể sống quanh những đồ vật như vậy, những thứ được làm bởi các bậc thầy bộc lộ hết thiên tài của mình. Tôi không tin rằng những kỹ năng đó chỉ có ở một số ít người, mà là vì những món quà của chúng ta đã bị nén chặt đến nỗi chỉ có ít người mới đạt tới trình độ này. May thay, chúng ta còn có những hiện vật từ quá khứ để nhắc nhở ta về những thứ có thể đạt được. Tôi đã nhìn vào những kiệt tác như ấm trà đó và nghĩ: "Giờ chả tìm được ai làm được những thứ như thế này nữa". Những đồ vật này nằm ngoài khả năng của bất cứ ai sống trong thời đại suy đồi ngày nay. Nhưng tính người của ta vẫn mang trong mình khả năng đó, và giờ chúng ta đang trên đường khôi phục lại nó.

Christopher Alexander kể lại chuyện ông đến thăm một kiệt tác về kiến trúc ở Nhật Bản, ngôi đền Tofuku-ji. Ông đang đi lững thững dọc cầu thang đá xuyên giữa hai hàng rào cây thì thấy lối cầu thang đột nhiên kết thúc, vậy nên ông chả còn cách nào khác là ngồi lại bậc cầu thang trên cùng, ở đó rất yên tĩnh và có gió mát – một điểm dừng tuyệt vời sau một hồi dài leo thang. Một con chuồn chuồn xanh dừng cánh lại bên ông. Ông viết:

> *Tôi bỗng cảm thấy chắc chắn rằng người xây nên chỗ này đã làm vậy một cách có chủ ý. Dù ngày nay nghe có vẻ kỳ lạ hay vô lý như nào, nhưng tôi cảm thấy chắc chắn rằng họ đã tạo nên chỗ này và biết rằng chú chuồn chuồn xanh sẽ đậu cạnh tôi. Dù giờ nghe có vô lý đến mấy nhưng vào thời điểm đó, khi tôi ngồi ở bậc thang đó, tôi không nghi ngờ gì việc những người làm ra chỗ này đã có một trình độ cao đến mức tôi chưa gặp bao giờ. Tôi nhớ đã rùng mình khi nhận ra sự dốt nát của bản thân. Tôi cảm nhận được sự tồn tại của một bậc kỹ năng và kiến thức cao hơn tất thảy những gì tôi đã gặp trước đây. (437)*

Kỹ năng đó vượt qua những gì ta cho là có thể, nhưng vẫn tiềm ẩn trong tất cả chúng ta ngày nay. Công cuộc vĩ đại của loài người là phải phục hồi và

dùng nó để gây dựng thế giới.

KẾT LUẬN:
MỘT THẾ GIỚI TƯƠI ĐẸP HƠN NẾU LẮNG NGHE TRÁI TIM CHÚNG TA SẼ BIẾT LÀ CÓ THỂ

Có lẽ chỉ khi không còn biết phải làm gì, ta mới thực sự bắt đầu sự nghiệp của đời mình, và chỉ khi không còn biết hướng đi, ta mới thực sự bắt đầu hành trình đích thực của mình. Một tâm trí không đắn đo là một tâm trí không được vận dụng. Một dòng suối gập ghềnh mới là dòng suối biết ca vang.

– Wendell Berry

Trong phần giới thiệu, với việc dành tặng tác phẩm của mình cho "một thế giới tươi đẹp hơn", tôi đã nói về việc tâm trí ta muốn cưỡng lại khả năng sẽ có một thế giới khác xa những gì ta biết từ trước đến nay. Hàng thế kỷ và hàng thiên niên kỷ trôi qua đã khiến ta quen với một thế giới ngày càng nhiều bất bình đẳng, bạo lực, xấu xa, và tranh giành. Chúng ta đã quen với nó đến nỗi ta quên tất cả những gì khác đã từng tồn tại. Đôi khi, một cuộc đi dạo ở nơi thiên nhiên hoang sơ, thăm một nền văn hóa truyền thống, hay một trải nghiệm giác quan phong phú ẩn sau thế giới hiện đại nghèo nàn lại gợi cho ta nhớ về những thứ đã bị mất đi. Và lời nhắc nhở này làm ta đau đớn, như xát muối vào vết thương của sự Chia cắt. Những trải nghiệm đó ít nhất cũng khiến ta nhận thấy điều gì là có thể, điều gì đã từng và có thể tồn tại, nhưng chúng không chỉ cho ta thấy làm cách nào để tạo nên thế giới đó. Trước thách thức từ các thế lực to lớn muốn giữ nguyên hiện trạng thế giới, tâm trí ta nao núng vật vã. Ý niệm lờ mờ về một thế giới tươi đẹp hơn mà ta thoáng bắt gặp trong thiên nhiên, trong các buổi gặp gỡ đặc biệt, tại các lễ hội âm nhạc, trong những lễ kỷ niệm, trong tình yêu, trong khi vui đùa càng làm cho ta chán nản khi nghĩ rằng những trải nghiệm đó chỉ có thể là chốc lát, một phút nghỉ ngơi nhất thời khỏi cái thế giới chạy theo đồng tiền và nghiến nát tâm hồn này.

Mục đích chính của cuốn sách này là kết hợp logic của tâm trí với hiểu biết của trái tim: nhằm không những chỉ ra điều gì là có thể mà cả việc làm thế nào để tới được cái đích đó. Khi tôi dùng từ *có thể*, tôi không có ý nói về sự "may ra", như trong câu "Nếu ta tốt số lắm thì may ra điều đó mới xảy đến." Tôi muốn nói về sự khả dĩ đến từ sự tự quyết: chúng ta có khả năng tạo ra một thế giới tươi đẹp hơn. Tôi đã đưa ra nhiều bằng chứng rõ ràng cho khả năng này: sự sụp đổ không thể tránh khỏi của hệ thống tiền tệ phụ thuộc vào tăng trưởng theo cấp số nhân, sự chuyển đổi nhận thức đi đến một cái tôi kết nối trong hợp tác đồng sáng tạo với trái đất, cũng như vô vàn cách thức mà những mảnh ghép thiết yếu của nền kinh tế thiêng liêng đang dần hình thành. Đây là thứ chúng ta có thể tạo ra. Chúng ta có khả năng, và chúng ta đang tạo ra nó. Với việc đồng tiền đã là nguồn cơn gây ra bao điều xấu xa trong thế giới này, bạn có thể tưởng tượng được thế giới sẽ ra sao nếu đồng tiền được biến chuyển không?

Tôi không đủ sức tưởng tượng hết ra điều này, mặc dù đôi lúc tôi nghẹt thở khi nhìn thấy những viễn cảnh đó. Có lẽ không phải là tôi không thể, mà là tôi không dám tưởng tượng. Một viễn cảnh về một thế giới thực sự thiêng liêng, một nền kinh tế thiêng liêng, khiến ta thấy rõ hơn những khổ đau hiện tại. Nhưng tôi sẽ chia sẻ tầm nhìn của mình, ngay cả khi chúng có thể chỉ là những *phỏng đoán xa vời, ngây thơ, thiếu thực tế, hão huyền nhất*. Tôi mong rằng sự chia sẻ này sẽ không làm mất đi độ tin cậy của những lý luận chặt chẽ về các khái niệm của nền kinh tế thiêng liêng mà tôi đã trình bày phía trên.

Tôi đã đưa ra nhiều ví dụ cho thấy nền kinh tế thiêng liêng nói đến trong cuốn sách này không chỉ là khả thi mà thực chất là đang dần được thiết lập. Lối sống cũ vẫn còn đang chiếm ưu thế, nhưng mọi sự đang nhanh chóng được làm sáng tỏ. Cuốn sách này tôi viết trong khoảng giữa thời kỳ đầu của Sự Sáng tỏ Vĩ đại – cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008 – và thời kỳ thứ 2 mà tôi cho là sẽ xảy ra trong vòng 1, 2 năm tới. Không ai đoán được điều gì sẽ xảy ra. Tùy vào các biến cố địa chính trị và thậm chí là cả các thảm họa tự nhiên, có thể chế độ cũ sẽ vẫn giữ được vẻ bình thường thêm vài năm nữa. Nhưng cái kết của Thời đại Nặng lãi, của câu chuyện về sự Thăng tiến, của Thời đại Chia cắt đang đến gần. Sự ra đời của một kỷ nguyên mới, thời thử thách trưởng thành của loài người, có thể

trông sẽ hỗn độn. Có thể sự sụp đổ kinh tế sẽ đi kèm với những biến cố thường thấy – chủ nghĩa phát xít, bạo động dân sự, và chiến tranh – nhưng tôi cho rằng thời kỳ đen tối này sẽ ngắn và ôn hòa hơn nhiều so với những gì người ta suy đoán.

Tôi cho là vậy bởi vì tôi đã gặp rất nhiều người được khai sáng! Loài người chúng ta đã học được nhiều trong nửa thế kỷ qua, và nhận thức của chúng ta đã đạt đến điểm ngưỡng của sự phát triển. Điều này cũng giống với quá trình nhận thức ở mức độ cá nhân mỗi người. Trong quá trình chuyển đổi sang cách sống mới, ta có thể sẽ quay lại lối sống cũ đôi lần và cố chui lại vào bụng mẹ. Nhưng khi làm vậy, ta sẽ nhận thấy rằng nơi đó không còn đủ chỗ cho ta, và lối sống mà ta đã thực hành trong nhiều năm thì nay chỉ sau vài ngày hay vài tuần ta đã không còn có thể chịu được nữa. Và đối với loài người nói chung cũng sẽ như vậy – một vài năm đen tối và nhiều biến cố. Có lẽ giai đoạn chuyển đổi nhanh chóng này chính là thứ mà tôi đã phỏng đoán ở phía trên khi nói về sự nối tiếp nhanh chóng của các tiểu thời đại, với thời đại công cụ kéo dài hàng triệu năm, thời đại của lửa trong hàng trăm nghìn năm, thời đại văn hóa tượng hình trong hàng chục nghìn năm, thời đại nông nghiệp trong một thiên niên kỷ, thời đại máy móc trong vài thế kỷ, và thời đại thông tin trong vài chục năm. Điểm tụ đang đến gần, và rồi sẽ diễn ra một sự chuyển đổi hoàn toàn về chất khác hẳn so với bất cứ thứ gì trước đó.

Vì đã chuyển sang việc suy đoán, tôi cũng xin được nói đến một vài khía cạnh khác của nền kinh tế thiêng liêng mà tôi cho rằng sẽ diễn ra trong vòng 2 thế kỷ tới. Cuốn sách này đã miêu tả những sự phát triển mà chúng ta có thể tạo ra trong vòng 20 năm tới, nhưng có khi là chỉ cần 5 năm nữa sẽ diễn ra. Còn 200 năm nữa thì sẽ ra sao? (Tôi đang cẩn trọng, nhưng có lẽ tôi nên suy nghĩ rộng hơn nữa!).

Việc không tích trữ quà tặng và tính xã hội hóa của việc tặng quà mang đến một hệ quả tất yếu là việc của cải trong các nền văn hóa quà tặng có xu hướng được công khai minh bạch. Mọi người ai cũng biết ai đã cho ai cái gì, ai có bao nhiêu, người nào tích trữ của cải và người nào rộng lượng cho đi. Suy sang hệ thống tiền tệ hiện đại, điều này có nghĩa là tất cả sự nắm giữ và giao dịch tiền tệ cũng cần phải được công khai minh bạch. Cùng với

sự ra đời của đồng tiền, sự sung túc mà trước kia không thể được giấu giếm thì nay đã trở thành thứ bí mật. Khi của cải là đất đai, gia súc, không ai có thể giấu sự sung túc của mình, và vì thế không thể trốn tránh nghĩa vụ xã hội đi kèm với nó. Nhưng tiền bạc có thể được giấu dưới tầng hầm, chôn dưới đất, cất trong tài khoản ngân hàng, được giữ kín cho riêng mình. Để thoát khỏi ảnh hưởng tiêu cực này của nó, rồi đây chúng ta cần vượt lên đặc tính đó của đồng tiền.

Điều này có thể được thực hiện với việc giao dịch chuyển bằng tiền điện tử thay vì bằng tiền thật, nhưng tất nhiên nó cũng dẫn đến mối lo ngại về sự kiểm soát một cách chuyên chế. Liệu chúng ta có muốn chính quyền có khả năng theo dõi mọi giao dịch qua chương trình Nhận thức Thông tin Toàn bộ (Total Information Awareness) không? Có lẽ là không – trừ khi là mọi chi tiêu của chính phủ cũng phải được công bố rộng rãi. Chả ích gì nếu hoạt động tài chính của một số người và tổ chức thì công khai, còn của một số khác thì bí mật. Chuyện tiền bạc của *tất thảy* phải được minh bạch.

Rõ ràng là một hệ thống mà trong đó mọi giao dịch và mọi số dư tài khoản đều được công khai sẽ khiến cách thức kinh doanh thay đổi hoàn toàn. Nếu bạn đã từng kinh doanh, hãy thử tưởng tượng việc mọi khách hàng, mọi nhà cung cấp và mọi đối thủ cạnh tranh đều biết chi phí thực của bạn xem! Tuy nhiên, sự minh bạch tài chính hoàn toàn phù hợp với những mô hình kinh doanh theo hướng quà tặng mà tôi đã nhắc đến ở Chương 21. Những mô hình này đòi hỏi bạn phải công bố chí phí và mời khách hàng dựa vào đó mà tặng quà. Không ai còn có thể nói dối về chi phí để làm lợi từ việc đối phương không có đủ thông tin cả.

Nhiều người sẽ cảm thấy ý tưởng không giữ kín thông tin tài chính nghe có vẻ đáng sợ. Vì ngày nay tiền bạc gắn liền với bản ngã, nên ta cảm thấy như bị phơi bày, dễ bị tổn hại. Và đúng là như vậy, trong xã hội hiện nay, ta dễ bị ghen ghét, đánh giá, làm hại bởi những kẻ tội phạm hay bởi các đòi hỏi không ngừng của những người họ hàng. Nhưng ở một bối cảnh khác, sự minh bạch tài chính là một phần trong lối sống cởi mở, tin cậy, không dè dặt, và rộng lượng – lối sống của một người không có gì để lo ngại, một người thoải mái với xã hội. Hơn nữa, sự minh bạch tài chính cũng sẽ làm cho tội phạm khó hoạt động hơn. Cũng giống như những mặt khác trong sự

phát triển kinh tế thiêng liêng, hiện đang có dấu hiệu là chúng ta đã bắt đầu đi theo hướng đó. Điều này không chỉ thể hiện qua việc đồng tiền đang dần được số hóa mà còn qua cả "các loại tiền tệ xã hội" mới của các hệ thống đánh giá trên mạng với bản chất vốn rất công khai. Suy cho cùng, đồng tiền là một biểu hiện của sự biết ơn từ xã hội đối với món quà của một ai đó, vậy nên việc bản thân những biểu hiện này cũng trở nên công khai là điều hợp lý.

Một đặc tính căn bản khác của đồng tiền như ta thấy hiện giờ là tính đồng đều của nó: mọi đồng đô la đều giống với các đồng đô la khác. Do vậy không có lịch sử hay câu chuyện nào gắn liền với nó. Bên cạnh việc biến mọi thứ trở nên đồng đều, đặc tính này của đồng tiền còn làm cho nó tách rời khỏi thế giới vật chất và xã hội. Nhưng ở những thời đại trước, các món quà là các vật đặc biệt, gắn liền với các câu chuyện. Trong các buổi lễ tặng quà, người ta thường kể lại toàn bộ lịch sử của món quà (ngày nay chúng ta vẫn làm vậy một cách bản năng, chúng ta vẫn muốn kể về chuyện mình mua đồ vật đó ở đâu, hay việc Bà ngoại đã nhận được nó như một món quà cưới thế nào). Tính chất đồng đều của đồng tiền và tính khuyết danh của nó (đồng đô la của tôi thì cũng giống với đồng đô la của bạn) do đó đã làm nó không phù hợp với các quy tắc tặng quà hay với 2 đặc điểm của tính thiêng liêng mà tôi đã nhắc đến ở phần giới thiệu: tính độc đáo và tính kết nối.

Do đó, tôi đoán là đồng tiền sẽ mất dần tính đồng đều và dần có được tính năng kể chuyện. Với tiền điện tử, từng giao dịch mà mỗi đồng đô la được sử dụng có thể được đính kèm với nó trong một bảng dữ liệu điện tử. Như vậy, bạn có thể quyết định sẽ dùng tiền lương hay tiền được bạn bè cho để mua một món đồ nào đó. Và ngay cả khi 2 số tiền đó nằm trong cùng một tài khoản thì chúng vẫn là 2 khoản tiền *khác nhau*. Và rồi niềm tin của trẻ em về việc ngân hàng giữ "tiền của bạn" rồi sẽ đưa lại đúng những tờ tiền đó khi bạn rút tiền sẽ trở thành hiện thực. (Hệ thống tiền tệ này sẽ không đối nghịch với việc tạo tín dụng – tiền vẫn sẽ được tạo ra, lưu hành một thời gian, rồi mất đi.)

Lịch sử của nền văn minh, của sự chia rẽ đang lớn dần và của sự chuyển đổi sắp tới sang một thời kỳ hợp nhất dài lâu, cũng là một câu chuyện về

cuộc hành trình từ sự trù phú ban đầu, đến tột đỉnh của sự thiếu thốn, rồi quay trở lại sự trù phú ở một tầm phức hợp cao hơn. Trong này tôi đã nói tới sự xuất hiện của nền kinh tế trù phú qua phương tiện kỹ thuật số, nhờ vào việc bỏ qua trung gian và việc chi phí sản xuất cận biên cho "nội dung" giảm dần về số 0. Về lâu dài, dù hiện nay vẫn còn hạn chế về phạm vi, nhưng nền kinh tế dư dật này sẽ trở thành nền tảng cho những khía cạnh trù phú khác. Trong đó phải kể đến ngành năng lượng, nó sẽ giúp thực hiện giấc mơ của những người có tầm nhìn ở thời đại hạt nhân, khi họ tiên đoán rằng một ngày kia năng lượng sẽ trở nên rẻ đến nỗi người ta sẽ không cần đến đồng hồ đo nữa.

Ngày nay, ta đang phải đối mặt với điều ngược lại, khi nguồn cung cấp dầu mỏ đang cạn kiệt dần, cùng với việc trái đất giảm dần khả năng hấp thu khí thải nhiên liệu hóa thạch. Trong thời gian trước mắt, sự dư dả về năng lượng có thể sẽ đến từ việc sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường có sẵn như năng lượng mặt trời, gió, các công nghệ bảo toàn. Nhưng tôi cho rằng khi nhân loại thực sự bước vào tinh thần của sự trù phú, nhiều nguồn năng lượng mới sẽ mở ra trên cả những gì khoa học chính thống ngày nay có thể biết được. Chúng sẽ là sản phẩm của không phải của bước tiến của Công nghệ, mà của một sự chuyển dịch trong nhận thức. Thực tế là các công nghệ "năng lượng tự do" đã xuất hiện ít nhất từ một thế kỷ nay, với các công trình của Nikola Tesla.[1] Hiện nay, ít nhất 5 đến 10 công nghệ năng lượng khác có vẻ không tuân theo Định luật thứ 2 của Nhiệt động lực học. Nếu bạn tìm hiểu về ngành này, bạn sẽ thấy có nhiều nghiên cứu đã bị tịch thu, nhiều sự nghiệp đã bị hủy hoại, và thậm chí là có cả những cái chết bí hiểm của các nhà nghiên cứu. Dù một thuyết âm mưu với mục đích giữ cho năng lượng luôn ở mức thiếu hụt có đã và đang diễn ra hay không, thì ở một mức độ nào đó, nhân loại vẫn chưa sẵn sàng để đón nhận sự dư dả về năng lượng. Và có lẽ là điều này vẫn đúng trong vài thập kỷ tới, cho đến khi chúng ta đã bước sâu vào tinh thần quà tặng. Khi J.P. Morgan hủy hoại sự nghiệp của Tesla, có thể đó đã là một hành động chuộc lợi bằng việc cố tình tạo ra sự thiếu thốn giả tạo, giống như ngành công nghiệp ghi âm và phim ảnh đã làm gần đây. Nhưng có lẽ đã có những thế lực lớn hơn ra tay; có lẽ ở một mức độ nào đó Morgan hiểu rằng loài người chưa sẵn sàng nhận lấy món quà từ Tesla. Dù sao đi nữa, vì bắt nguồn từ sự chia rẽ và thiếu thốn nên những mô hình quản lý

của chúng ta không thể cho phép việc sử dụng công nghệ năng lượng tự do một cách hợp pháp được, mà thay vào đó chúng ta lại cho rằng những công nghệ này là bất khả thi, giả dối, hay hoang tưởng.

Nếu những trải nghiệm bên ngoài ở một chừng mực nào đó phản ánh tâm trí của chúng ta, thì có lẽ sự ra đời của nặng lượng dư dả cho nhân loại vẫn đang đợi một nhà phát minh mới. Nhà phát minh đó phải là người không có ý định đăng ký bằng sáng chế và làm lợi từ nghiên cứu của mình, mà thay vào đó sẽ đưa nó vào phạm vi công cộng. Điều này sẽ giúp tránh khỏi những lời cáo buộc về sự lừa bịp và việc Bộ Quốc phòng tịch sẽ tịch thu sáng chế. Liệu ai có thể vơ vén và giữ làm của riêng những thứ vốn là món quà tặng từ vũ trụ?

Tôi không cho rằng công nghệ sẽ cứu vãn nhân loại. Nhiều người đã đọc tác phẩm của tôi rồi hỏi tôi có biết về Dự án Sao Kim (Venus Project) không. Đây là một phong trào bắt nguồn từ những nhận thức tương tự như trên về những vấn đề cơ bản của hệ thống tiền tệ ngày nay. Mặc dù hiểu được mục đích của nó, tôi cho rằng Dự án Sao Kim đang dung túng cho chủ nghĩa công nghệ không tưởng, thứ đã luôn cho ta những hi vọng hão huyền từ thời kỳ than đá. Nhưng trong thực thế thì, như tôi đã nói ở Chương 2, sự dư dả đã luôn tồn tại. Chính nhận thức của chúng ta, chứ không phải là ngoại cảnh, khiến ta thấy thiếu thốn.

Tôi sẽ diễn tả điều này một cách văn vẻ hơn. Ở cuối Chương 11, tôi đã viết:

> *Một mạch nối chạy dài suốt truyền thống tâm linh cho ta biết rằng chính chúng ta cũng trao tặng lại cho mặt trời, rằng mặt trời chỉ tiếp tục chiếu sáng là bởi có sự biết ơn của ta. Các nghi lễ mặt trời từ cổ xưa không chỉ tỏ lòng biết ơn mặt trời – những nghi lễ này còn giúp cho mặt trời tiếp tục chiếu sáng. Năng lượng mặt trời là ánh sáng của tình yêu trần tục phản chiếu lại vào ta. Ở đây, vòng tròn quà tặng cũng đang vận hành.*

Vậy liệu có phải là mặt trời sẽ tỏa sáng hơn nữa, khi ta bước vào tâm thế dư dả và rộng lượng của một cái tôi kết nối, cái tôi gắn kết tôi với bạn lại

qua tình yêu? Có phải là "những mặt trời" mới – những nguồn năng lượng vô tận mà vũ trụ cho đi – sẽ đến với ta, và phản chiếu lại tình yêu của ta không? Chúng ta được sinh ra để biết ơn, và đó là thái độ nguyên thủy của ta trước món quà cuộc sống. Và khi ta sống dựa vào lòng biết ơn đó, tức là sống trong tinh thần quà tặng, khi ta mở rộng sự hào phóng hơn nữa, thì hiển nhiên là nguồn quà tặng hướng về ta cũng sẽ lớn thêm lên.

Sau năng lượng, khó có thể đoán được là khía cạnh nào tiếp theo sẽ là nơi chúng ta thể hiện sự dư dả vốn có của vũ trụ. Sẽ là vật chất ư? Hay thời gian? Hay nhận thức? Tôi chỉ biết rằng loài người chúng ta mới bắt đầu khám phá ra những món quà của mình và hướng chúng về những mục đích tốt đẹp. Chúng ta có thể tạo ra những phép mầu – và đó là điều tốt, bởi tình trạng của trái đất hiện giờ đòi hỏi cần có chúng.

Tôi không thể đoán trước là Thời đại Hợp nhất sẽ diễn ra như thế nào về mặt thời gian. Nhưng tôi biết rằng đến cuối đời, thế hệ tôi sẽ sống trong một thế giới đẹp không tưởng so với thế giới chúng tôi được sinh ra. Và nó sẽ là một thế giới được cải thiện rõ rệt mỗi ngày. Chúng ta sẽ phủ xanh lại những quần đảo ở Hy Lạp, nơi đã trơ trụi từ hàng nghìn năm nay. Chúng ta sẽ khôi phục Sa mạc Sahara thành đồng cỏ trù phú như trước kia. Sẽ không còn các trại giam, và bạo lực sẽ là thứ ít xảy ra. Lao động sẽ luôn vì mục tiêu "Làm thế nào để tôi trao đi những món quà của mình một cách tốt nhất?" chứ không phải là "Tôi làm thế nào để kiếm sống?". Hành động vượt biên giới sang nước khác sẽ là một trải nghiệm về việc được tiếp đón, chứ không phải là việc bị kiểm tra. Các hầm mỏ sẽ hiếm khi tồn tại, vì chúng ta sẽ tái sử dụng trữ lượng vật chất khổng lồ từ thời kì công nghiệp. Chúng ta sẽ sống ở những nơi là phần mở rộng của bản thân, ăn thức ăn được nấu bởi những người ta quen biết, và sử dụng đồ vật là những thứ tốt nhất mà những người đang ở đỉnh cao của tài năng có thể tạo ra. Chúng ta sẽ sống trong sự sung túc của tình thân ái và cộng đồng, thứ mà hiếm khi có được ngày nay, nhưng cũng là thứ mà chúng ta đau đáu mong đợi vì biết rằng nó nhất định tồn tại. Và những tiếng ồn lớn nhất mà ta nghe thấy sẽ hầu hết chỉ là âm thanh của thiên nhiên và tiếng cười của trẻ nhỏ.

Thật là huyền ảo phải không? Tâm trí ta ngại ngùng không dám mơ tưởng đến những gì quá tốt đẹp. Nếu những lời miêu tả trên làm trỗi dậy sự tức

giận, thất vọng, hay đau buồn trong bạn, thì nó đã chạm đến vết thương chung của chúng ta, vết thương của sự chia cắt. Nhưng trong tâm trí ta vẫn luôn mang tri thức về những điều khả thi mà không gì lấy đi được. Chúng ta hãy tin vào tri thức đó, quây tụ bên nó, và sống theo nó. Chúng ta còn lựa chọn nào khác đâu, khi thế giới cũ đang tan rã? Chúng ta có nên bằng lòng với thứ gì ngoài một thế giới thiêng liêng không?

PHỤ LỤC:
TIỀN LƯỢNG TỬ VÀ VẤN ĐỀ DỰ TRỮ

Tiền là gì? Trong cuốn sách này tôi đã xoay quanh nhiều định nghĩa về đồng tiền: nó là một phương tiện trao đổi, đơn vị đo lường giá trị, và một phương tiện tích lũy; nó là một câu chuyện hay một sự giao kèo; nó là một biểu hiện của sự biết ơn; nó là một lá bùa nghi thức để định hướng cho sự sáng tạo của con người. Tất cả các định nghĩa trên đều hữu ích, tùy vào cách chúng ta hiểu về tiền. Sau cùng thì thật sai lầm khi cho rằng tiền *là* một thứ gì đó, một thứ khách quan và hiện hữu trong một thế giới với nhiều đồ vật khách quan, hiện hữu khác, và đây là một phần của câu chuyện chia cắt đang đi đến hồi kết trong thời đại của chúng ta.

Đó là lý do vì sao tôi ủng hộ phương pháp tiếp cận đa chiều và linh hoạt hơn để hiểu về tiền. Phương pháp tiên đề với việc bắt đầu từ những định nghĩa rồi đưa ra các suy luận từ đó chắc chắn là sẽ không hoàn hảo. Phương pháp này tạo ra một hệ thống nhất quán bên trong và tạo sự thỏa mãn về trí tuệ, nhưng lại bỏ sót những chân lý quan trọng. Điều này luôn đúng với chủ nghĩa cơ yếu (fundamentalism), trong tôn giáo cũng như trong kinh tế.

Do đó, chúng ta có lẽ nên cần phải thận trọng khi đón nhận bất cứ những tuyên bố có thẩm quyền nào về vấn đề tiền là gì, và ở giới hạn nào nó được tạo ra hay nên được tạo ra như thế nào. Đã có nhiều lúc tôi tưởng rằng mình rút cục đã hiểu về tiền, để rồi lại gặp phải những phủ định mới. Những điều phủ định này đôi khi rất tinh vi, đôi khi lại rất rành rành. Chúng cho tôi thấy rằng, cũng giống như trong các định lý bất toàn của Godel, sự thật luôn rộng lớn hơn những hiểu biết của tôi.

Những hiểu biết về vấn đề "tiền *thực sự* là gì" không có cái nào sai; nhưng chúng chỉ cục bộ và hữu ích cho một số hướng suy nghĩ nhất định. Thậm chí điều này cũng đúng đối với những hiểu biết mới nhất về tiền gần đây:

rằng tiền ngày nay chỉ đơn thuần là tín dụng, được các ngân hàng tạo ra từ hư không – chỉ đơn thuần là một danh mục kế toán – khi họ viết ra những khoản cho vay. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ thì định nghĩa này cũng sụp đổ. Tôi muốn tìm hiểu sâu hơn những chi tiết tinh tế này về tiền và tín dụng, để cho tầm nhìn của tôi về nền kinh tế thiêng liêng không mang theo những sai sót không tránh khỏi của bất cứ loại hình chủ nghĩa cơ yếu tiền tệ nào. Một vài kết luận tức thì, và bất ngờ với tôi, liên quan đến vấn đề các yêu cầu dự trữ ngân hàng. Dự trữ ngân hàng có nên theo tỷ lệ, toàn phần, hay không cần tồn tại? Mỗi ý kiến đều có những người thông minh, hiểu biết đứng sau chống đỡ. Như chúng ta sẽ thấy sau đây, phần lớn cuộc tranh luận này dựa trên những tiên đề sai lầm (hoặc ít nhất là chỉ đúng với một số điều kiện).

Trước hết, chúng ta hãy xem xét việc đánh đồng tín dụng với tiền tệ như trong vô số những lý giải hiện nay, từ bộ phim *Zeitgeist* (tạm dịch: *Hệ tư tưởng*) cho tới *Crash Course* của Chris Martenson, hay thậm chí cả cuốn hướng dẫn của chính Cục Dự trữ Liên bang, *Modern Money Mechanics* (tạm dịch: *Cơ chế Tiền tệ Hiện đại*). Một ngân hàng (Ngân hàng A) chỉ cần nhấn bàn phím là có số tiền 1 triệu đô la cho John vay. Số tiền 1 triệu đô la cho vay này không bị lấy từ tài khoản của ai cả mà đây là số tiền mới. Còn John thì có lẽ vay 1 triệu đô la đó vì anh ta muốn sử dụng khoản tiền này, do đó số tiền này sẽ không nằm lại trong tài khoản của anh ta ở ngân hàng ban đầu. Có lẽ anh ta sẽ sử dụng nó vào việc gì đó, giả dụ như mua nhà, và khoản tiền 1 triệu đô sẽ được nạp vào tài khoản của Mary ở một ngân hàng khác (Ngân hàng B). Vẫn có 1 triệu đô la mới trong hệ thống, nhưng chỉ là giờ nó nằm trong tài khoản của Mary chứ không phải của John.

Tuy nhiên, đó không phải là thứ duy nhất diễn ra khi Mary ký quỹ tờ séc của John. Tờ séc này còn phải được "xử lý", nghĩa là tài khoản của Ngân hàng A tại Cục Dự trữ Liên bang (hay nói đúng hơn là tại một tổ chức xử lý trung gian, nhưng chúng ta hãy tạm bỏ qua để mọi thứ được đơn giản) sẽ bị lấy đi 1 triệu đô la, và tài khoản của Ngân hàng B sẽ được bù vào một khoản tương tự. Nhưng thường thì Ngân hàng A cũng sẽ nhận được những từ séc lấy từ Ngân hàng B hay các ngân hàng khác, cho nên đến cuối ngày, khi mà tất cả các giao dịch đã được hoàn thành, thì có thể tài khoản dự trữ của Ngân hàng A sẽ không bị vơi đi tẹo nào. Cũng có thể là khoản dự trữ

của Ngân hàng A sẽ giảm xuống dưới số 0, đặc biệt là nếu ngân hàng này đang phát hành những khoản cho vay lớn. Nhưng như thế cũng không sao – những tờ séc của nó vẫn sẽ không bị trả lại. Nó chỉ cần mượn khoản dự trữ cần thiết từ các ngân hàng khác (trong thị trường Quỹ Cục Dự trữ Liên bang) hoặc từ chính Cục Dự trữ Liên bang (với giá ưu đãi). Đây là những khoản cho vay dự trữ ngân hàng ngắn hạn. Để giải quyết những thâm hụt dài hạn, Ngân hàng A sẽ phải thu hút nhiều khoản tiền gửi hơn, hoặc vay các khoản dài hạn từ các ngân hàng khác, hay bán các khoản cho vay trên các thị trường repo (repo markets). Nếu nó có thể chứng minh rằng các khoản cho vay mà nó đã phát hành là có căn cứ thì thường sẽ không có vấn đề gì trong việc nhận được các khoản ngân quỹ cần thiết với mức giá ưu đãi. Việc đi vay này về căn bản là khác với việc tạo ra tín dụng. Khi một ngân hàng mượn tiền từ thị trường cho vay giữa các ngân hàng, không có khoản tiền mới nào được tạo ra. Ngân hàng này lấy được khoản dự trữ nghĩa là một ngân hàng khác mất đi khoản đó. Về các khoản dự trữ thì chỉ ngân hàng trung ương (ví dụ như Cục Dự trữ Liên bang) mới có thể phát hành tiền mới. Do đó đã có 2 loại tiền, dự trữ và tín dụng, trong thống kê kinh tế thì chúng tương đương với M0 (hay còn gọi là "tiền cơ sở"), M1, M2, và v.v…

Khi tín dụng do ngân hàng tạo ra được sử dụng như một phương tiện trao đổi thì *còn có một việc khác diễn ra*. Bạn hãy ghi nhớ điều này khi đọc các đoạn tiếp theo nói về ý tưởng ngân hàng dự trữ toàn phần mà nhiều nhà cải cách cho là chìa khóa của một hệ thống tiền tệ hợp lý. Ý tưởng về ngân hàng dự trữ toàn phần có một phả hệ lẫy lừng, nó được ủng hộ bởi những nhà tư tưởng đối lập như Frederick Soddy vào những năm 1920, Irving Fisher vào những năm 1930, và vô số các nhà cải cách ngày nay như Ron Paul, Stephen Zarlenga, Dennis Kucinich, và nhiều nhà kinh tế học thuộc trường phái kinh tế học Áo. Ý tưởng ngân hàng dự trữ toàn phần xóa bỏ sự khác biệt giữa tín dụng và dự trữ. Các ngân hàng chỉ có khả năng dùng chính tiền của mình để cho vay, hoặc có thể dùng tiền được gửi để cho vay (với sự đồng ý của người gửi tiền), nhưng số tiền đó sẽ không còn tồn tại cho tới khi được hoàn trả. Sẽ không có chuyện dùng tiền gửi không kỳ hạn (demand deposits) để cho vay.

Mới nhìn lúc đầu thì hệ thống này có vẻ khác hoàn toàn so với những gì chúng ta hiện có. Với hệ thống ngân hàng dự trữ tỷ lệ, một ngân hàng có thể "vay ngắn và cho vay dài". Nghĩa là nó có thể giữ các khoản tiền gửi không kỳ hạn có thể được rút ra bất cứ lúc nào, và dùng chúng để cho vay dài hạn. Còn ngân hàng dự trữ toàn phần không cho phép việc này. Các ngân hàng vẫn có thể cho vay tiền, nhưng chỉ khi khoản tiền đó được gửi ở ngân hàng dưới dạng tiền gửi có kỳ hạn. Ví dụ, nếu một người gửi tiền mua một chứng chỉ tiền gửi (CD – certificate of deposit) 6 tháng, thì khoản tiền đó có thể được dùng để cho vay trong 6 tháng.

Một trong những lý do chính phản đối ngân hàng dự trữ toàn phần là nó khiến cho trung gian tài chính – sự kết nối giữa người cho vay và người đi vay – trở nên khó khăn hơn nhiều. Thay vì việc phát hành các khoản cho vay hoàn toàn phụ thuộc vào tín dụng, ngân hàng sẽ phải tìm người gửi tiền sẵn sàng giao phó tiền của mình trong suốt thời gian cho vay đó. Tuy nhiên, khi xem xét kỹ thì lý do này gần như hoàn toàn không hợp lý. Thực chất thì hoạt động ngân hàng cũng sẽ gần y nguyên như hiện nay.

Trước tiên, hãy xem xét về các khoản gửi tiền ở ngân hàng. Trong một hệ thống dự trữ toàn phần, sẽ không có lãi suất cho các khoản tiền gửi không kỳ hạn bởi vì ngân hàng không có lợi gì trong việc giữ chúng cả (mà là ngân hàng sẽ thu phí). Ngân hàng sẽ chỉ đưa ra lãi suất đối với các khoản tiền gửi có kỳ hạn, và có thể dùng chúng để cho vay với lãi suất thậm chí cao hơn, với thời hạn càng dài thì lãi càng cao. Những người gửi tiền sẽ cố gửi với kỳ hạn dài nhất có thể, tùy vào dự định của họ về nhu cầu thanh toán. Một người nào đó có thể gửi một phần khoản tiền của mình vào một CD có thời hạn 30 ngày vì biết rằng mình sẽ phải thanh toán các khoản chi phí vào cuối tháng; một phần tiền khác gửi vào một CD thời hạn 6 tháng vì tính là sẽ mua một món hàng đắt tiền vào lúc đó; phần còn lại vào một CD thời hạn 10 năm để tiết kiệm tiền cho việc đi học cao đẳng. Việc có nhiều người gửi tiền khác nhau sẽ giúp ngân hàng có được một sự phân bổ gần như là liên tục các kỳ hạn để sử dụng làm quỹ cho vay. Sẽ có nhiều quỹ hơn dùng vào việc cho vay ngắn hạn hơn là dài hạn, nhưng với lãi suất thấp hơn.

Điểm khác biệt chính là ở chỗ các ngân hàng sẽ bị giới hạn trong việc phát hành các khoản cho vay rất dài hạn mà hiện nay thường được dùng cho bất động sản và các dự án vốn lớn. Ai đó vẫn có thể cần một khoản vay 20 hay 30 năm để mua một căn nhà, nhưng những người để dành tiền thì ít có ai chịu rời số tiền của mình trong khoảng thời gian dài như vậy. Thực tế thì vấn đề này có thể dễ dàng được giải quyết bằng cách phát hành một khoản cho vay ngắn hạn, chẳng hạn như 1 năm, rồi tái cấp vốn cho nó hằng năm. Việc này về cơ bản là tương đương với một khoản thế chấp với lãi suất điều chỉnh. Tôi cho là tỷ lệ lãi suất tái cấp vốn còn có thể được cố định trong hợp đồng để giống với một khoản vay có kỳ hạn cố định.

Trên lý thuyết, tất cả các khoản vay đều có thể được hỗ trợ tài chính theo cách này, và không cần những khoản tiền gửi có kỳ hạn cố định nữa. Khi đó, một câu hỏi đặt ra là: "Những điều kiện cho vay trong một hệ thống ngân hàng dự trữ toàn phần là gì?" Như hiện nay, một ngân hàng có thể cho bất kỳ ai vay bất cứ khoản tiền nào (nhỏ hơn tổng khoản tiền dự trữ của nó) với kỳ hạn bất kỳ. Còn nếu ngân hàng bỗng có một cơ hội cho vay hấp dẫn và muốn dùng một khoản tiền nhiều hơn khoản dự trữ hiện có thì sao? Khi đó ngân hàng sẽ làm điều y hệt như hiện nay các ngân hàng vẫn làm, đó là mượn khoản dự trữ cần thiết từ các ngân hàng khác hoặc từ các thị trường tài chính.

Đến đây, rõ ràng là chúng ta sẽ phải đối mặt với chính vấn đề đã thúc đẩy đề xuất ngân hàng dự trữ toàn phần ban đầu: đột biến rút tiền (runs on banks). Trên lý thuyết thì toàn bộ giá trị của các khoản gửi ngắn hạn có thể được thay bằng các khoản cho vay ngắn hạn hơn. Nhưng trong thực tế thì những khoản cho vay ngắn hạn này thường được dùng với mục đích tái cấp vốn định kỳ, và do đó chúng dựa trên các tài sản không mấy lưu động. Như hiện nay, nếu một ngân hàng phát hành quá nhiều những khoản vay dài hạn (trên thực tế) từ những khoản tiền gửi ngắn hạn có thể được rút ra nhanh chóng, thì ngân hàng đó sẽ phải đối mặt với sự khủng hoảng thanh khoản. Ngân hàng đó có thể giải quyết cuộc khủng hoảng này như cách mà các ngân hàng hiện nay đang làm; ví dụ như nếu danh mục cho vay của ngân hàng này đáng tin cậy, nó có thể tìm các ngân hàng khác để vay thanh khoản. Có một cách khác là nếu có thời gian chuẩn bị, ngân hàng đó có thể phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu cho các nhà đầu tư. Nói chung, tính lưu

động sẽ không còn gây nhiều vấn đề hơn trong việc cho vay so với bây giờ. Sự dao động ngẫu nhiên đối với các khoản gửi ngân hàng xảy ra hằng ngày và không có gì nghiêm trọng, bởi vì các ngân hàng có thể bù đắp các thiếu hụt về dự trữ bằng cách vay từ thị trường Quỹ Cục dự trữ Liên bang hay từ tiện ích thấu chi (overdraft facility) của chính Cục dự trữ Liên bang. Các cơ chế tương tự cũng có thể dễ dàng hoạt động trong một hệ thống dự trữ toàn phần.

Ngoài trung gian tài chính, một sự khác biệt rõ ràng giữa 2 hệ thống này là việc trong hệ thống dự trữ toàn phần, các ngân hàng được cho là không có khả năng thay đổi nguồn tiền mà phải phụ thuộc vào cơ quan có thẩm quyền về tiền tệ. Tuy nhiên thực tế thì sự khác biệt này cũng chỉ là một ảo tưởng. Trong hệ thống hiện nay, nguồn tiền tăng lên khi các ngân hàng cho vay nhiều hơn, ví dụ như trong giai đoạn phát triển mở rộng kinh tế, là lúc có nhiều cơ hội cho vay an toàn. Trong hệ thống dự trữ toàn phần, các ngân hàng cũng sẽ cho vay nhiều hơn trong các giai đoạn đó. Tổng số đồng đô la sẽ không tăng, *nhưng số đồng đô la trong tay những người muốn tiêu chúng thì sẽ tăng*. Trong những giai đoạn suy thoái, các ngân hàng sẽ không cho vay, và tiền sẽ héo mòn dần trong các tải khoản tiết kiệm của những người không cần phải tiêu tiền. Do đó, lượng tiền mà nền kinh tế có để sử dụng sẽ giảm. Đó chính là những gì đang diễn ra hiện nay.

Những người ủng hộ hệ thống ngân hàng dự trữ toàn phần cho rằng nó sẽ ngăn chặn chu kỳ bùng nổ và phá sản diễn ra do sự mở rộng tín dụng quá mức. Tôi mong rằng những điều đã được đề cập ở trên cho thấy rõ ràng đó không phải là những gì đã diễn ra. Nguồn tiền có hiệu lực không phụ thuộc vào số đồng đô la mà vào số đồng đô la đang *được sử dụng làm tiền*, như một phương tiện trao đổi. Dù hệ thống ngân hàng dự trữ tỷ lệ có được phép hay không, nhưng nếu có quá nhiều đồng đô la trong tay những người không muốn hay không cần phải tiêu chúng thì tổng nhu cầu cũng có thể bị sụp đổ, tạo ra một vòng xoáy giảm lạm phát.

Với các ngân hàng cho vay theo hệ thống dự trữ toàn phần, bạn có thể cho rằng: "Nguồn tiền không tăng lên chút nào – chỉ là cùng một khoản tiền trong tay những người khác nhau thôi." Nhưng tiền là gì? Có khi nào một thứ trong tay người này không phải là tiền, nhưng trong tay người khác thì

lại là tiền không? Khi nằm trong tay ai đó không tiêu nó bao giờ, tiền có còn là tiền không? Vấn đề hóc búa này đã được đặt ra từ thời xa xưa. Liệu tráp đựng đồng xu của kẻ keo kiệt trôn dưới gốc cây táo có phải là tiền không? Đâu là sự khác nhau giữa việc Cục Dự trữ Liên bang giảm nguồn tiền bằng việc bán chứng khoán để lấy tiền ra khỏi hệ thống, so với việc ngân hàng lấy tiền ra khỏi hệ thống lưu hành bằng cách tích trữ khoản dự trữ dư thừa? Kết quả đều như nhau, và thể chất thực tế – các bit trong máy tính – cũng là như nhau. Lặp lại Karl Marx, Richard Seaford miêu tả nghịch lý thiết yếu này như sau: "Mặc dù [tiền] chỉ có ích trong chi tiêu hay trao đổi, nhưng nghịch lý thay nó chỉ có thể được sở hữu… khi *không* được tiêu hay trao đổi, vì thế nó chỉ 'đơn thuần là bóng ma của của cải thực.'"[1]

Kinh tế học tiêu chuẩn cố giải quyết nghịch lý này bằng cách tách biệt nguồn tiền và vận tốc sử dụng tiền – tức là giữa việc có bao nhiêu tiền và việc nó lưu hành nhanh hay chậm. Nhân lại với nhau, hai yếu tố này cùng quyết định mức giá trong các phương trình. Phép tính này có giá trị, nhưng liệu các công thức toán học này có thực sự mô phỏng thực tế không? Chúng ta thường hay nhìn thế giới qua lăng kính của các ký hiệu dùng để mô tả nó. Sự phân biệt toán học giữa nguồn và vận tốc của tiền đã tạo nên và phản ánh khái niệm tiền là một *vật* tách biệt, khách quan, tồn tại độc lập so với những giao dịch giữa con người với nhau. Nhưng có một cách nhìn khác, hậu Decartes, về tiền: tiền là một mối tương quan chứ không phải là một vật.

Tôi nhận ra điều này khi nghĩ về người vợ cũ yêu dấu của tôi, Patsy. Có thể nói tính tiết kiệm không phải là một trong những phẩm chất tốt đẹp của cô ấy. Phương châm của cô ấy là: "Chỉ khi nào bạn tiêu thì tiền mới là của bạn!". Điều này cũng đúng dưới góc nhìn của nền kinh tế: tiền có ít ảnh hưởng lên hoạt động kinh tế nếu như không được sử dụng cho các giao dịch. Trong hệ thống dự trữ tỷ lệ, một cách để nhìn vấn đề này là việc nhận thấy các ngân hàng không tạo ra chút tiền mới nào, mà chỉ đơn giản là cho phép tiền có mặt *tại 2 nơi cùng một lúc*. Cùng một lúc, tiền vừa ở trong tài khoản tiết kiệm của người gửi, lại vừa ở trong tài khoản vãng lai của người vay (và để rồi sớm nằm trong tài khoản tiết kiệm của một ai đó nữa, và cứ thế như vậy). Cùng một số tiền căn bản (khoản dự trữ) có mặt tại nhiều nơi cùng một lúc, nhưng vào mỗi thời điểm nó chỉ có thể được sử dụng tại một

trong những nơi đó. Nghĩa là mỗi khi một giao dịch diễn ra và một tờ séc được xử lý, khoản dự trữ được chuyển từ tài khoản này sang tài khoản khác trong Cục Dự trữ Liên bang. Khi khoản tiền này được nhiều người yêu cầu, khi mà nó phải có mặt tại quá nhiều nơi cùng một lúc, thì lãi suất sẽ tăng, cho đến khi Cục Dự trữ cung cấp thêm tiền qua các hoạt động thị trường mở.

Nếu như tiền nằm trong một tài khoản tiết kiệm thì có nghĩa là người nào đó đang không cần dùng nó ngay. Ngân hàng được cho là có chức năng mang khoản tiền đó giao cho người muốn sử dụng nó. Chỉ khi đó nó mới được cho là đang "tồn tại" theo nghĩa kinh tế, và chỉ khi đó nó mới có các tác động kinh tế (ví dụ như thúc đẩy sản xuất). Khác với một người tiết kiệm tiền, người đi vay là người muốn sử dụng tiền ngay. Do đó, bất cứ sự chuyển nhượng tiền nào từ người tiết kiệm sang người đi vay đều tăng nguồn cung tiền thực sự, dù là trong mô hình dự trữ toàn phần hay tỷ lệ. Nó sẽ làm tăng lượng tiền đang thực sự được sử dụng.

Tôi không thể không nhắc đến sự giống nhau giữa tiền dự trữ tỷ lệ và trạng thái chồng chập lượng tử (the superposition of states of a quantum particle). Vấn đề phức tạp hơn là việc một khoản tiền tồn tại ở nhiều nơi trong cùng một lúc, đó là một cách hiểu cho rằng tiền là một vật có thể tồn tại một cách khách quan. Vấn đề là nó tồn tại ở nhiều chỗ nhưng cũng lại chẳng ở đâu cả, nó chỉ tồn tại như một tiềm năng cho đến khi trở thành hiện thực nhờ việc giao dịch. Mười người, mỗi người có thể có 100 đô la trong tài khoản tiết kiệm của mình, nhưng tổng cộng chỉ có 100 đô la tiền cơ sở. Bất kỳ ai trong số họ cũng có thể rút 100 đô của mình ra bất cứ lúc nào, nhưng cho đến lúc đấy, khoản tiền 100 đô la đó không thể được coi là đang tồn tại trong bất cứ tài khoản tiết kiệm của ai cả. Cũng giống như trong đo đạc lượng tử, tiền chỉ tồn tại như một xác suất cho đến khi được biến thành sự thực qua một tương tác, tức là qua một giao dịch. Bạn rút 100 đô la của mình ra từ máy ATM, và hãy nhìn xem! Tiền đây này! Nó vẫn luôn ở đó, phải không? Không. Nó chỉ xuất hiện lúc đấy, qua động tác rút tiền hay viết séc. Liệu tiền trong tài khoản tiết kiệm của bạn có "thực sự ở đó" hay không? Đây là câu hỏi làm phiền lòng nhiều người ủng hộ "tiền thật", nhưng rút cục thì đó không phải là một câu hỏi có ích. Dù nó có ở đó hay không, nó chỉ hiển hiện khi một giao dịch được thực hiện, cũng như

một electron chỉ hiển hiện khi nó tương tác với người quan sát. Với tiền cũng như với vật chất, sự tồn tại là một khái niệm về mối tương quan.

Những người ủng hộ "tiền thật" có vẻ như muốn đưa chúng ta quay lại thời kỳ Decartes, khi mà sự tồn tại không nằm trong mối quan hệ qua lại mà trong mối quan hệ một chiều đơn thuần/ mối quan hệ nhân quả đơn nhất. Mong muốn này của họ không phù hợp với quá trình tiến hóa của tính nhân văn đang diễn ra hiện nay – sự mở rộng cá thể tách biệt thành một tổng thể liên kết, rộng lớn hơn. Ngay cả trong vật lý, sự tồn tại không còn là một đặc tính khách quan, ít nhất là nếu ta nói đến sự "tồn tại" với nghĩa là "chiếm giữ một điểm đong đếm được trong không gian và thời gian." Vị trí thực tế không phải là một đại lượng khách quan. Vậy thì vì sao ta lại đòi hỏi tiền phải vậy?

Thực vậy, có lẽ nếu chúng ta định đi theo những xô đẩy của dòng thời gian, ta nên loại bỏ hoàn toàn khái niệm tiền cơ sở và nên sử dụng một hệ thống tín dụng đơn thuần, trong đó tất cả tiền đều xuất hiện qua giao dịch và biến mất khi giao dịch không còn nữa. Ngay cả các khoản dự trữ liệu cũng có cần thiết hay không? Có điều nghịch lý là khả năng tồn tại của một hệ thống dự trữ toàn phần cho thấy chúng không cần thiết, bởi một hệ thống dự trữ toàn phần cũng không khác gì một hệ thống không có dự trữ. Trong cả 2 hệ thống, chỉ có 1 chứ không phải 2 loại tiền. Hơn nữa, các hệ thống không có dự trữ ở quy mô nhỏ hơn đã được thiết lập và sử dụng – LETS (ND: local exchange trading system – hệ thống trao đổi thương mại địa phương) và các hệ thống tín dụng tương hỗ khác là các hệ thống không dự trữ dựa trên tín dụng.

Nếu như không có các khoản dự trữ thì liệu hệ thống hiện nay có hoạt động được không? Tại sao lại không thể loại bỏ các khoản dự trữ để Ngân hàng A có thể phát hành 1 triệu đô la tín dụng trong tài khoản của John, rồi rút 1 triệu đô la khỏi tài khoản đó khi anh ta trả tiền cho Mary, để tài khoản của cô ấy trong Ngân hàng B tăng lên 1 triệu đô la? Thực ra thì là không cần, chỉ có điều là chúng ta sẽ phải đối mặt với vấn đề tương tự như các hệ thống tín dụng tương hỗ khác. Đó là việc làm thế nào để kiểm soát xem ai được phép phát hành bao nhiêu tín dụng, và làm thế nào để giới hạn sự thâm hụt. Hệ thống dự trữ đặt ra giới hạn cho vay đối với các ngân hàng.

Nếu không có nó, một chủ ngân hàng có thể cho bạn bè mình vay không giới hạn và rồi tuyên bố phá sản, làm vậy là đã tách tiền ra khỏi việc đóng góp cho xã hội và làm mất giá trị đồng tiền của những người có đóng góp. Tất nhiên là có những cơ chế kiểm soát khác – ví dụ, nhà nước có thể ban sắc lệnh để quyết định việc ai được nhận tín dụng, hoặc chúng ta có thể sử dụng các công thức hay hệ thống phản hồi xã hội với thang điểm và sự xếp loại. Quay lại với khái niệm về tiền lượng tử, trong một hệ thống lượng tử, chỉ có một số lượng hữu hạn các trạng thái lượng tử mà sự đo đạc có thể hiện hữu hóa. Cũng như việc hàm sóng xác suất diễn tả sự phân bố của các hạt, chúng ta cũng cần một hàm số hay chức năng xã hội để tác động lên sự phân bố tiền. Trong thí nghiệm khúc xạ một khe, hầu hết các photon đều phân bố ở những khoảng nhỏ nhất định. Trong một hệ thống tín dụng, phần lớn tín dụng nên thuộc về những người sẽ sử dụng chúng một cách hiệu quả. "Chức năng xã hội" mà tôi nói tới sẽ không chỉ định việc tín dụng thuộc về ai; nó chỉ đơn thuần lập ra các điều kiện để tín dụng có thể được sử dụng vào những việc nhất định, cho thấy sự đồng thuận của xã hội về việc gì là có ích. Chức năng này có thể được điều chỉnh, cũng như việc khe hở trong thí nghiệm vật lý có thể được làm rộng ra hay hẹp lại, khiến khu vực tạo ra tiền sẽ "nhiễu xạ" trên diện rộng hay hẹp hơn.

Trong số các chức năng xã hội đó, hệ thống dự trữ mang đến những lợi thế quan trọng. Nó phát sinh từ cuộc sống và có khả năng tự kiểm soát; nó cho phép chấp nhận rủi ro; nó tiếp nhận cả những doanh nghiệp tự phát lẫn những quyết định của tập thể về cách đầu tư vốn. Và cuối cùng, một hệ thống dựa vào tín dụng với dòng tiền phân rã thể hiện 2 quy tắc cốt yếu của thế giới mới: sự đồng phụ thuộc và tính vô thường. Có lẽ điều quan trọng nhất là một hệ thống dựa vào tín dụng có thể thỏa mãn tất cả những đề xuất mà cuốn sách này đưa ra trong khi không cần phá hủy cơ sở hạ tầng tài chính hiện có để xây dựng một hệ thống mới như trong một cuộc cách mạng. Tuy các khái niệm ngoại tệ với lãi suất âm, sự xóa bỏ tô kinh tế, sự địa phương hóa, và lợi tức xã hội đều mang tính cách mạng, nhưng phương cách đạt được chúng thì không nhất thiết phải vậy. Trên thực tế, hiện nay chúng đã xuất hiện dưới hình thức phôi thai. Mặc dù nhiều người trong chúng ta, đôi lúc cả tôi nữa, muốn xóa sạch mọi thứ và bắt đầu lại từ đầu, nhưng những cuộc cách mạng như vậy đáng tiếc là thường có xu hướng tái hợp cái cũ vào với cái mới. Mong muốn cách mạng toàn diện,

xóa đi làm lại từ đầu đó còn khiến ta mất tinh thần và trở nên tê liệt, bởi nó ám chỉ rằng những thay đổi dần dần, trong tầm đầu là vô nghĩa. Và cứ như thế, những người tự cho mình là các nhà cách mạng hiện nay chỉ ngồi trong phòng của mình và không làm gì ngoài việc ném đá trên bàn phím, hoài nghi bảo nhau rằng khi sự sụp đổ kéo đến, tất cả những người khác sẽ nhận thấy sai lầm trong cách làm của mình.

Tôi cho rằng những kẻ hoài nghi đó sẽ còn phải đợi lâu. Ở những chỗ họ chỉ thấy sự sụp đổ thì tôi lại thấy một cuộc khủng hoảng đem đến những thay đổi, ở đó cái cũ không bị ruồng bỏ mà được sát nhập vào cái gì đó to lớn hơn. Cái tôi kết nối không từ chối cái tôi chia cắt hiện đại hóa, mà coi nó như một trong nhiều cách sống cùng tập hợp thành một cá thể lớn hơn. Điều này cũng đúng với các cấu trúc nền văn minh của chúng ta, chúng đều bắt nguồn, đóng góp, và tương ứng với ý thức về bản thân của chúng ta. Do đó, ta có thể nói rằng những cuộc khủng hoảng đang bao trùm ta ngày nay là một dạng khủng hoảng danh tính (identity). Tôi cho rằng sai lầm của nhóm người theo thuyết sụp đổ là họ mong chờ cuộc khủng hoảng đó sẽ cứu vớt chúng ta, giúp ta bắt đầu lại từ đầu. Họ cho rằng những nỗ lực của chính chúng ta là chưa đủ. Từ những người theo thuyết tận thế 2012 cho đến những người Cơ đốc tin vào Armageddon (tận thế), lối suy nghĩ của họ đều tương tự nhau. Tuy rằng linh cảm của họ về việc "mọi thứ không thể cứ tiếp tục thế này được mãi" là đúng, nhưng họ đã đi đến những kết luận sai lầm. Sự sụp đổ sẽ không làm hộ ta điều gì. Mà cuộc khủng hoảng sẽ thúc đẩy ta làm việc cần phải làm. Đó là những việc chúng ta có thể bắt đầu làm ngay từ bây giờ. Như tôi đã từng viết, bất cứ nỗ lực nào của chúng ta hiện nay nhằm "nâng đáy" nền văn minh đang nghiện ngập một cách tập thể – bất cứ nỗ lực nào của chúng ta nhằm bảo vệ hay giành lại vốn xã hội, tự nhiên, văn hóa, hoặc tâm linh – chúng đều vừa thúc đẩy vừa cải thiện cuộc khủng hoảng. Đúng là điều kiện chưa chín muồi cho việc áp dụng bất kỳ đề xuất nào trong cuốn sách này một cách toàn diện. Tuy nhiên, trước khi cây nở hoa, đất phải được cuốc xới, hạt phải được gieo. Đó chính là thời điểm của chúng ta hiện nay, khi tôi đang viết những dòng này. Chẳng mấy chốc, những hạt mầm đó sẽ nảy lên từ lòng đất, khỏe mạnh nhờ sức sống đến từ sự phân hủy của những thể chế hiện tại; rồi cây sẽ nở hoa và kết trái.

DANH SÁCH THUẬT NGỮ

Addiction	Sự nghiện ngập
Advertising	Quảng cáo
Agriculture	Nông nghiệp
Altruism	Chủ nghĩa vị tha
Argentinian crisis	Khủng hoảng tài chính Argentina
Art	Nghệ thuật
Ascent	Sự Thăng tiến
Austerity	Thắt lưng buộc bụng
Austrian School of economics	Trường phái kinh tế Áo
Banking	Ngân hàng
Bankruptcy	Phá sản
Bank notes	Giấy bạc ngân hàng
Barter	Sự đổi chác
BerkShares currency	Tiền BerkShares
Bilderberg Council	Hội đồng Bilderberg
Cap-and-trade	Mua bán phát thải
Collapse	Sự sụp đổ
Commons	Tài sản chung
Community	Cộng đồng
Comparative advantage	Lợi thế tương đối
Concentration of wealth	Sự tập trung của cải
Conspiracy theories	Các thuyết âm mưu
Currency" backed	Tiền tệ được hỗ trợ
Commodity	Hàng hóa
Complementary	Bổ trợ

Debt: nullification	Xóa nợ
Deflation	Giảm phát
Degrowth	Giảm phát triển
Demurrage	Lưu trữ
Ecology	Sinh thái
Economic rent	Tô kinh tế
Efficiency of scale	Hiệu năng quy mô
Enclosure	Hàng rào
Entitlement	Quyền lợi
Environmentalism	Chủ nghĩa môi trường
Externalities	Ngoại ứng
Fertility rate	Tỷ suất sinh
Free-trade zone	Vùng thương mại tự do
Full-cost accounting	Kế toán đầy đủ chi phí
Gift circle	Vòng tròn quà tặng
Hut tax	Thuế lều
Import replacement	Sự thay thế nhập khẩu
Internalize	Nội bộ hóa
Jevons' paradox	Nghịch lý Jevons
Leisure	Sự nhàn rỗi/Giải trí
Libertarianism	Chủ nghĩa tự do
Local currency	Đồng tiền địa phương
Lump-of-labor fallacy	Ngụy biện lượng việc làm cố định
Materialism	Chủ nghĩa vật chất
Medicine	Thuốc thang, y tế
Medium of exchange	Phương tiện trao đổi
Metamorphosis	Biến thái hoàn toàn
Microloans	Các khoản vay nhỏ
Velocity	Vận tốc
Mutual credit	Tín dụng tương hỗ

Mutual factoring	Bao thanh toán tương hỗ
New Deal	Thỏa thuận mới
Open source	Nguồn mở
Peak oil	Đỉnh Dầu
Peer-to-peer economics	Kinh tế ngang hàng
Population	Dân số/Dân cư
Public banking	Ngân hàng công
Reunion	Hợp nhất
Separation	Chia cắt
Socially-conscious investing	Đầu tư có ý thức xã hội
Social dividend	Lợi tức xã hội
Store of value	Phương tiện tích lũy
Steady-state	Trạng thái ổn định
Monetization	Sự tiền tệ hóa
Time banking	Ngân hàng thời gian
Triple bottom line	Tam giác bền vững
Talisman	Tấm bùa
Unit of account	Đơn vị đo lường giá trị
Usury	Lãi suất nặng/Cho vay nặng lãi
Venus Project	Dự án Venus

INDEX

Alexander, Christopher, 409-412, 417
Aristotle, 55, 66, 122
Ấn Độ, 34
bền vững, 247
Carlyle, Thomas, 40
Chiemgauer, 290
cộng đồng, 96, 121, 143, 171, 202, 242, 285, 288, 326-337
chủ nghĩa Marx, 77, 193
Cục Dự trữ Liên bang, 94, 118, 160, 221, 222, 229, 333
chia cắt, 23, 59, 108, 151, 252, 362, 426
chính phủ, 206, 221, 258, 421
Derrida, Jacques, 338
Descartes, René, 161, 411
Douglas, Major, 272
đất đai, 87, 116
đồng BerkShares, 296
Fisher, Irving, 203, 204, 214, 216
George, Henry, 201, 323
Gesell, Silvio, 85, 109, 201
GIFTegrity, 311
giảm phát, 144, 148
giảm phát triển, 247
hệ sinh thái, 234, 325, 350, 395, 413
Hội đồng Bilderberg, 106
Hyde, Lewis, 85, 386
Hobbes, Thomas, 100, 248, 353
Icke, David, 106
Ithaca Hours, 296
Jacobs, Jane, 291

Karma Clinic, 389
Kauth, Bill, 354
Keynes, J. M., 240, 270, 322, 330, 350
khoản vay nhỏ, 368
khủng hoảng tài chính Argentina, 294, 327
kinh tế học P2P, 331
Kropotkin, Peter, 87
La Mã cổ đại, 77, 78, 122
lạm phát, 130, 222, 432
LETS, 300, 435
Lietaer, Bernard, 35, 111, 113, 177, 217
lòng tham, 13, 28
lợi tức xã hội, 263, 328
lợi thế tương đối, 287
lười biếng, 239
mã nguồn mở, 260
Marx, 74, 105, 23, 239
Mauss, Marcel, 28, 340
Mexico, 51, 293
Mondragon, 315
mua bán phát thải, 187, 325
Mumford, Lewis, 89
ngân hàng công, 306
ngân hàng thời gian, 290-300
năng lượng, 200, 250, 298, 407
nặng lãi/lãi suất nặng, 103, 153, 312, 377, 420
New Deal/chính sách mới, 274
nghiện 42, 71, 240, 378
nông nghiệp, 34, 36, 41, 74, 350
nguỵ biện lượng việc làm cố định, 266
nghịch lý Jevons, 188
nhàn rỗi, 132, 257, 262, 264
Norberg-Hodge, Helena, 51
Paine, Thomas, 69
peak oil/dầu đạt đỉnh, 146
Perkins, John, 129

phí lưu trữ, 210
Phố Wall, 15, 148, 157,286, 306
Prechtel, Martín, 50
Proudhon, P. J., 74
quảng cáo, 92, 219, 225, 260
tam giác bền vững, 187
tài nguyên chung, 245, 255, 193-210
tập trung của cải, 119
tăng trưởng kinh tế, 49, 66, 119-124, 131, 141-147, 154, 160, 218, 221, 229, 266, 273, 314, 377
Tesla, Nikola, 423
thất nghiệp, 265, 297
thuyết âm mưu, 107
thuyết Darwin, 248
Thế giới Thứ Ba, 40, 130
thuế lầu, 369
toàn cầu hóa, 142
tô kinh tế, 321
tôn giáo, 54, 63, 268, 339, 340, 355, 427
tiết kiệm, 351-360
tín dụng tương hỗ, 310-314
trạng thái ổn định, 247
trường phái Áo, 238, 240
Twist, Lynn, 135
Rand, Ayn, 165
Reasons, Eric, 261
Rousseau, Jean Jacques, 354
Sahlins, Marshall, 353
Schumacher, E. F., 247
Seaford, Richard, 57, 58, 59, 61, 63, 64, 96, 342
sự thay thế nhập khẩu, 291
sự khan hiếm, 40, 54, 111214, 228, 245, 257, 264
Smith, Adam, 193
Soddy, Frederick, 146, 203, 208, 429
Solon, 65, 229, 246
sở hữu trí tuệ, 11, 121

sụp đổ, 151, 171, 252, 299, 337, 377
sự Thăng tiến 23, 67, 250, 420
Piff, Paul, 44
vàng, 15, 55, 148
Vaughan, Genevieve, 72
Venus Project, 424
vị tha, 62, 259, 273, 337, 339, 353
vòng tròn quà tặng, 313
WIR, 216, 290, 302, 305

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexander, Christopher. *The Nature of Order: Book One; The Phenomenon of Life*. Berkeley: Center for Environmental Structure, 2002.
2. Allen, William R. "Irving Fisher and the 100 Percent Reserve Proposal."
3. *Journal of Law and Economics* 36, no. 2 (1993): 703–17.
4. Altekar, A. S. *State and Government in Ancient India*. Delhi, India: Motilal Banarsidass, 2002.
5. Aristotle. *Politics*. Translated by Benjamin Jowett. N.p.: Publishing in Motion, 2011.
6. Avila, Charles. *Ownership: Early Christian Teaching*. New York: Orbis Books, 1983.
7. Baker, Dean. "No Way Out: Roadblocks on the Way to Recovery." *Counterpunch,* February 3, 2010.
8. Brown, Ellen. "Time for a New Theory of Money." Commondreams.org, October 29, 2010.
9. ———. *Web of Debt*. Tempe, AZ: Third Millennium Press, 2008.
10. Buiter, Willem. "Negative Interest Rates: When Are They Coming to a Central Bank Near You?" *Financial Times Online,* May 7, 2009.
11. ———. "Overcoming the Zero Bound on Nominal Interest Rates with Negative Interest on Currency: Gesell's Solution." *Economic Journal* 113, no. 490 (2003): 723–46.
12. Buzby, Jean C., Hodan Farah Wells, Bruce Axtman, and Jana Mickey.
13. "Supermarket Loss Estimates for Fresh Fruit, Vegetables, Meat, Poultry, and Seafood and Their Use in the ERS Loss-Adjusted Food Availability Data." EIB-44, U.S. Dept. of Agriculture, Econ. Res. Serv., March 2009.
14. Caron, Kevin. "Abundance Creates Utility but Destroys Exchange Value." February 2, 2010. http://blog.p2pfoundation.net/abundance-

creates-utility-but-destroys-exchange-value/2010/02/02.
15. Champ, Bruce. "Stamp Scrip: Money People Paid to Use." Federal Reserve Bank of Cleveland, Research Paper, April 1, 2008.
16. Clark, Stuart. "Absence of Sunspots Make Scientists Wonder If They're Seeing a Calm before a Storm of Energy." *Washington Post,* June 22, 2010.
17. Cohrssen, Hans L. "Wara." *The New Republic,* August 10, 1932.
18. Collom, Ed. "Community Currency in the United States: The Social Environments in Which It Emerges and Thrives." *Environment and Planning A,* 37 (2005): 1565–87.
19. Costanza, Robert, et al. "The Value of the World's Ecosystem Services and Natural Capital." *Nature* 387 (1997): 253–60.
20. Coxe, Don. "Financial Heroin." *Coxe Strategy Journal,* November 12, 2009.
21. Dalton, G. "Barter." *Journal of Economic Issues* (1982), 16.1.182.
22. Daly, Herman. "The Economic Thought of Frederick Soddy." *History of Political Economy* 12, no. 4 (1980).
23. Deng, Feng. "A Comparative Study on Land Ownership between England and China." Chongqing, China: Chongqing University, School of Economics and Business Administration, 2007.
24. Dodds, Walter Kennedy. *Humanity's Footprint: Momentum, Impact, and our Global Environment*. New York: Columbia University Press, 2008.
25. Everett, Daniel L. "Cultural Constraints on Grammar and Cognition in Pirahã: Another Look at the Design Features of Human Language." *Current Anthropology* 46, no. 4 (2005).
26. Fisher, Irving. *Stamp Scrip*. New York: Adelphi, 1933.
27. Frank, Robert H., Thomas Gilovich, and Dennis T. Regan. "Does Studying Economics Inhibit Cooperation?" *Journal of Economic Perspectives* 7, no. 2 (1993): 159–71.
28. Gesell, Silvio. *The Natural Economic Order.* Translated by Philip Pye. Berlin: NEO-Verlag, 1906.
29. George, Henry. "The Single Tax: What It Is and Why We Urge It." 1890.
30. Graves, Robert. *The White Goddess*. New York: Farrar, Straus and Giroux, 1948.

31. Greco, Thomas. *The End of Money and the Future of Civilization*. White River Junction, VT: Chelsea Green, 2009.
32. Hall, Robert, and Susan Woodward. "The Fed Needs to Make a Policy-Statement." *Vox,* April 13, 2009. www.voxeu.org/index.php?q=node/3444.
33. Handon, Jon D., and David Yosifon. "The Situational Character: A Critical Realist Perspective on the Human Animal." *Georgetown Law Journal* 93, no. 1 (2004).
34. Hassett, Kevin. "U.S. Should Try Germany's Unemployment Medicine." *Bloomberg,* November 9, 2009.
35. Holden, G. R. "Mr. Keynes' Consumption Function and the Time Preference Postulate." *Quarterly Journal of Economics* 52, no. 2 (1938): 281–96.
36. Hoppe, Hans-Hermann. "The Misesian Case against Keynes." In *Dissent on Keynes: A Critical Appraisal of Keynesian Economics,* edited by Mark Skousen. Santa Barbara, CA: Praeger, 1992.
37. Hudson, Michael. "Defi cit Commission Follies." *Counterpunch,* December 6, 2010. www.counterpunch.org/hudson12062010.html.
38. Hyde, Lewis. *The Gift: Imagination and the Erotic Life of Property.* New York: Vintage Books, 2007.
39. Jacob, Jeffrey, Merlin Brinkerhoff, Emily Jovic, and Gerald Wheatley.
40. "The Social and Cultural Capital of Community Currency: An Ithaca-Hours Case Study Survey." *International Journal of Community Currency Research* 8 (2004): 42.
41. James, Frank. "Cure for U.S. Unemployment Could Lie in German-Style Job Sharing." NPR.org, December 3, 2009.
42. Jarvis, Jeff. "When Innovation Yields Effi ciency." *Buzz Machine,* June 12, 2009. www.buzzmachine.com/2009/06/12/when-innovation-yields-effi ciency/.
43. Jolowicz, H. F., and Barry Nicholas. *Historical Introduction to the Study of Roman Law.* Dallas: Southern Methodist University Press, 1972.
44. Keen, Steven. "The Roving Cavaliers of Credit." *Debtwatch,* January 31, 2009.
45. Keister, Todd, and James McAndrews. "Why Are Banks Holding So Many Excess Reserves?" Federal Bank of New York Staff Report no.

380, July 2009.

47. Kennedy, Margit. *Interest and Infl ation-Free Money*. N.p.: Seva International, 1995.
48. Keynes, John Maynard. "Alternative Theories of the Rate of Interest." *Economic Journal* 47, no. 186 (1937): 241–52.
49. ———. *Economic Consequences of the Peace*. New York: Harcourt, Brace, and Howe, 1920.
50. ———. *The General Theory of Employment, Interest, and Money*. New York: Harcourt, Brace, and Howe, 1936.
51. King, F. H. *Farmers of Forty Centuries: Or, Permanent Agriculture in China, Korea, and Japan*. New York: Dover, 2004.
52. Koenig, Evan, and Jim Dolmas. "Monetary Policy in a Zero-Interest Economy." *Southwest Economy,* issue 4, July/August 2003. The Dallas Federal Reserve.
53. Kropotkin, Peter. *The Conquest of Bread*. New York: G. P. Putnam's Sons, 1906.
54. Kuhnen, Frithjof. *Man and Land: An Introduction into the Problems of Agrarian Structure and Agrarian Reform*. Saarbrücken: Deutsche Welthungerhilfe, 1982.
55. LaSalle, Tim, Paul Hepperly, and Amadou Diop. *The Organic Green Revolution*.
56. Kutztown, PA: Rodale Institute, 2008.

67. Lee, C. J., Hsien-chan Ho, Shing-Mei Chen, Ya-huei Yang, Soon-joy-Chang, and Hui-lin Wu. *The Development of Small and Medium-Sized Enterprises in the Republic of China*. Taipei, Taiwan: Chung-Hua Institute of Economic Research, 1995.
68. Lee, Richard. *The Dobe !Kung*. New York: Holt, Rinehart, and Winston, 1984.
69. Laidlaw, James. "A Free Gift Makes No Friends." In *The Question of the Gift: Essays across Disciplines,* edited by Mark Olstein. New York: Routledge, 2002.
70. Lietaer, Bernard. *The Future of Money*. Post Falls, ID: Century, 2002.
71. Marx, Karl. *Grundrisse*. New York: Penguin Classics, 1993.

72. Mauss, Marcel. *The Gift: The Form and Reason for Exchange in Archaic Societies*. Translated by W. D. Halls. New York: W. W. Norton, 2000.
73. Mankiw, N. Gregory. "It May Be Time for the Fed to Go Negative." *New York Times,* April 18, 2009.
74. Mumford, Lewis. *Technics and Civilization*. New York: Harcourt Brace, 1934.
75. Nemat-Nejat, Karen Rhea. *Daily Life in Ancient Mesopotamia*. Westport, CT: Greenwood Press, 1988.
76. Pakenham, Thomas. *The Scramble for Africa*. London: Abacus, 1991.
Paine, Thomas. *Agrarian Justice*. 1797.
77. Perkins, John. *Confessions of an Economic Hit Man*. New York: Penguin, 2005.
78. Piff, P. K., M. W. Kraus, B. H. Cheng, and D. Keltner. "Having Less, Giving More: The Influence of Social Class on Prosocial Behavior." *Journal of Personality and Social Psychology,* July 12, 2010. doi:10.1037/a0020092.
79. Reasons, Eric. "Innovative Defl ation." July 5, 2009. http://blog.eric-reasons.com/2009/07/innovative-defl ation.html.
80. Rösl, Gerhard. "Regional Currencies in Germany: Local Competitionfor the Euro?" Deutsche Bundesbank Series 1: Economic Studies, no. 43, 2006.
81. Rousseau, Jean Jacques. *A Dissertation on the Origin of Inequality among Men*. Translated by G. D. H. Cole. 1754.
82. Sahlins, Marshall. *Stone Age Economics*. New York: Routledge, 2003.
83. Sale, Kirkpatrick. *Rebels against the Future*. New York: Basic Books, 1996.
84. Seaford, Richard. *Money and the Early Greek Mind*. Cambridge: Cambridge University Press, 2004.
85. Senior, N. W. *Outline of the Science of Political Economy*. 1836.
86. Stodder, James. "Reciprocal Exchange Networks: Implications for Macroeconomic Stability." 2005. http://www.lietaer.com/images/Stodder_Reciprocal_Exchange.pdf.
87. Temple, Robert. *The Genius of China: 3,000 Years of Science, Discovery, and Invention*. Rochester, VT: Inner Traditions, 1998.

88. Twist, Lynn, with Teresa Barker. *The Soul of Money*. New York: Norton, 2003.
89. Vallely, Paul. "How Islamic Inventors Changed the World." *The Independent,* March 11, 2006.
90. Warner, Judith. "The Charitable-Giving Divide." *New York Times Magazine,* August 20, 2010.
91. White, Martha C. "America's New Debtor Prison: Jail Time Given toThose Who Owe." *Wallet Pop,* July 15, 2010. www.walletpop.com/blog/2010/07/15/americas-new-debtor-prison-jail-time-being-given-to-those-who/.
92. Wüthrich, W. "Alternatives to Globalization: Cooperative Principle and Complementary Currency." Translated by Philip Beard. *Current Issues (Zeit-Fragen),* August 9, 2004. http://www.reinventingmoney.com/ documents/BeardWIR.pdf.
93. Xu, Cho-yun. *Ancient China in Transition: An Analysis of Social Mobility, 722–222 B.C*. Palo Alto, CA: Stanford University Press, 1965.
94. Yong, Ed. "Fertility Rates Climb Back Up in the Most Developed Countries." August 5, 2009. http://scienceblogs.com/notrocket-science/2009/08/fertility_rates_climb_back_up_in_the_most_developed_ countrie.php.
95. Zarlenga, Stephen. *The Lost Science of Money*. Valatie, NY: American Monetary Institute, 2002.